BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

BIỂU MẪU 18
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng
				Chính quy	Vừa làm vừa học	
	Tổng số	**23**	**591**	**6.560**	**6.740**	**178**
1	Khối ngành I	23	480	3.537	6.403	178
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III			1.067	41	
4	Khối ngành IV		69	20		
5	Khối ngành V			506	16	
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII		42	1.430	280	

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
	Tổng số	**927**	**0,86**	**14,02**	**70,66**	**14,46**	**85,1%**
1	Khối ngành I	**670**	0,75	13,73	74,18	11,34	**84,4%**
2	Khối ngành II	-	-	-	-	-	-
3	Khối ngành III	**87**	2,30	17,24	63,22	17,24	**85,1%**
4	Khối ngành IV	**25**	0,00	0,00	28,00	72,00	**76%**
5	Khối ngành V	**44**	0,00	25,00	68,18	6,82	**93%**
6	Khối ngành VI	-	-	-	-	-	-
7	Khối ngành VII	**101**	0,99	11,88	65,35	21,78	**88,1%**

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Ngành Quản lý giáo dục (tiến sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường,...	3	Năm thứ nhất	- Đánh giá thường xuyên. - Tiểu luận kết thúc học phần.
2	Chính sách phát triển giáo dục thời kỳ đổi mới giáo dục	Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản và phương pháp xây dựng, quản lý chính sách nói chung và vận dụng vào xây dựng chính sách phát triển giáo dục nói riêng (do nghiên cứu sinh chủ yếu từ địa phương, phạm vi kiến thức giới hạn chủ yếu trong chính sách phát triển giáo dục phổ thông). Trên cơ sở đó, trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp tiếp cận xây dựng và quản lý chính sách giáo dục một cách hiệu quả.	3	Năm thứ nhất	- Đánh giá thường xuyên. - Tiểu luận kết thúc học phần.
3	Triết lý giáo dục	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản về triết lý giáo dục thế giới qua các thời kỳ và triết lý giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, so sánh đối chiếu với triết lý giáo dục của một số nước phương Đông, phương Tây và khu vực.	3	Năm thứ nhất	- Đánh giá thường xuyên. - Tiểu luận kết thúc học phần.
4	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	Cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Tầm nhìn và những năng lực cốt lõi của nhà quản lý giáo dục theo tiếp cận hiện đại. Học phần có tầm quan trọng đặc biệt vì năng lực lãnh đạo và quản lý sẽ quyết định thành công trong đổi mới, nâng chất lượng giáo dục.	3	Năm thứ nhất	- Đánh giá thường xuyên. - Tiểu luận kết thúc học phần.

2. Ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững	4	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học
3	Giáo dục môi trường ở Tiểu học	Học phần ở đại học đã học các nội dung: Một số khái niệm về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, Sự tác động của con người đối với môi trường, giáo dục môi trường. Ở bậc sau đại học, học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản sâu về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, mối quan hệ giữa con người với môi trường và môi trường phát triển bền vững. Từ đó, người học vận dụng vào dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học cho học viên.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
4	Phát triển trí tuệ học sinh Tiểu học	Nắm vững hệ thống tri thức khoa học hiện đại của các trường phái tâm lý học về trí tuệ (bản chất, nguồn gốc, cấu trúc, nội dung) và phát triển trí tuệ học sinh tiểu học (giai đoạn phát triển, cơ chế, phương thức, các yếu tố ảnh hưởng) tạo cơ sở để nghiên cứu, giải thích sự phát triển tí tuệ trẻ em và phân tích, đánh giá, xây dựng các chiến lược dạy học nhằm phát triển trí tuệ học sinh tiểu học	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục tiểu học	Môn học trang bị các kiến thức và kĩ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học để học viên có thể vận dụng các phương pháp, quy trình NCKH vào quá trình học tập và hoàn thiện luận văn thạc sĩ trong quá trình học tập, làm tiền đề trở thành các nhà nghiên cứu khoa học trong các trường tiểu học, góp phần đổi mới giáo dục; nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Dạy học từ Hán-Việt cho học sinh Tiểu học	Trong chương trình *Tiếng Việt* các lớp Tiểu học, từ Hán Việt có số lượng lớn (hơn 2600 từ). Chuyên đề này nhằm cung cấp những tri thức lí thuyết cơ bản về các khía cạnh chủ yếu của từ Hán- Việt và một số kĩ năng, phương pháp	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học và dạy lớp từ này; những vấn đề có liên quan về cơ sở ngữ văn, văn hoá, tiếng Việt giúp học viên có thêm cơ sở để học tiếp các chuyên đề chuyên ngành thuận lợi hơn cũng như tự giải quyết được các các vấn đề có liên quan đến từ Hán- Việttrong tiếp nhận, giảng dạy tiếng Việt và phân tích tác phẩm văn chương			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Ngữ pháp văn bản và dạy học tập làm văn ở Tiểu học	Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cần thiết về ngữ pháp văn bản và cách thức vận dụng các lĩnh vực của ngữ pháp văn bản vào dạy học và nghiên cứu phương pháp dạy học Tập làm văn ở tiểu học. Cụ thể là trình bày cách thức vận dụng kiến thức về quá trình tạo lập văn bản, bố cục của văn bản, liên kết nội dung và hình thức của văn bản vào nghiên cứu và giảng dạy việc rèn luyện kỹ năng xây dựng bài tập làm văn cho học sinh tiểu học. Mặt khác, những kiến thức về đoạn văn, các loại đoạn văn...là cơ sở khoa học để người học xây dựng phương pháp hướng dẫn học sinh tiểu học tách đoạn, viết các loại đoạn văn. Kiến thức về các phép liên kết trong văn bản là cơ sở để nghiên cứu phương pháp hướng dẫn học sinh liên kết câu, liên kết đoạn khi làm văn. Chuyên đề này còn hướng dẫn học viên vận dụng kiến thức về ngữ pháp văn bản vào việc xây dựng hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng làm văn cho học sinh tiểu học	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
8	Phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh Tiểu học	Môn học này cung cấp những kiến thức về cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học: khái niệm cảm thụ văn học và tầm quan trọng của cảm thụ văn học, văn học và đặc trưng của văn học, cảm thụ văn học và đặc trưng của cảm thụ văn học, cảm thụ văn học ở tiểu học. Đồng thời, rèn luyện cho học viên những kỹ năng tự bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học. Bên cạnh đó, đề cập đến những biện pháp dạy cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học: nhận diện văn chương, cắt nghĩa bình giá văn chương, bài tập rèn luyện năng lực cảm thụ văn học qua phân môn Tập đọc và Tập làm văn.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
9	Những cơ sở lôgic trong cấu trúc môn toán ở Tiểu học	Những cơ sở lô gic toán học, đó là những hình thức, quy tắc của tư duy, suy nghĩ. Là môn học cơ sở cho môn phương pháp dạy học Toán ở tiểu học. Từ việc tìm hiểu nội dung đến thiết kế phương pháp dạy học cho môn Toán tiểu học. Ngoài ra còn có thể vận dụng chuyên đề cho việc nghiên cứu, học tập các môn học khác, cũng như đời sống hàng ngày.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Ở đại học, sinh viên đã được học về lô gic mệnh đề, suy luận, chứng minh, bác bỏ vận dụng nó vào học tập rèn luyện. Ở sau đại học, bổ sung học thêm về hình thức tư duy: khái niệm; lô gic vị từ và phương pháp tiên đề trong xây dựng lí thuyết toán học. Hệ thống hóa lại kiến thức lô gic Toán. Từ đó, học viên có điều kiện luyện tập, thực hành nhiều hơn, soi sáng cấu trúc môn toán ở tiểu học.			
10	Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học toán ở Tiểu học	Học viên tiếp tục tìm hiểu về tư duy, tư duy toán học. Phương pháp rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học toán ở tiểu học. Ở đại học, sinh viên đã được học về tư duy, tư duy lứa tuổi học sinh tiểu học. Tìm hiểu vận dụng tư duy vào dạy học toán tiểu học. Ở sau đại học, tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng cần thiết: Giải toán, lập đề bài toán theo yêu cầu nào đó. Thiết kế phương pháp dạy học theo định hướng phương pháp tích cực. Soạn đề thi một phần, chương: tự luận và trắc nghiệm.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học	Học phần có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho người học những hiểu biết nâng cao về cơ sở khoa học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học; quá trình giáo dục đạo đức gắn với một số hoạt động giáo dục ở Tiểu học; vấn đề đổi mới PPDH đạo đức ở Tiểu học. Những nội dung này người học chưa được học ở chương trình đại học Giáo dục tiểu học	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
12	Phát triển kĩ năng dạy học toán ở Tiểu học	Ở đại học, sinh viên đã được học về các phương pháp dạy học thường gặp, có được những kĩ năng dạy học toán cần thiết. Ở sau đại học, chuyên đề tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng cần thiết: Giải toán, lập đề bài toán theo yêu cầu nào đó. Thiết kế phương pháp dạy học theo định hướng phương pháp tích cực. Soạn đề thi một phần, chương: tự luận và trắc nghiệm.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Cơ sở ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt ở Tiểu học	Ở Đại học chưa có học chuyên đề này. Tuy nhiên, rải rác trong môn học Phương pháp dạy học Tiếng Việt cũng có bàn đến cơ sở khoa học của các giải pháp, trong đó có cơ sở Ngôn ngữ học. Chuyên đề này sẽ trang bị cho người học những tri thức có hệ thống về cơ sở Ngôn ngữ học của quá trình tổ chức dạy học Tiếng Việt ở tiểu học từ những vấn đề chung nhất như mục tiêu,	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên tắc, phương pháp, cho đến nội dung dạy học các phân môn cụ thể và kiểm tra đánh giá môn học			
14	Đổi mới kiểm tra và đánh giá trong môn toán ở Tiểu học	Trong chương trình đại học, sinh viên đã được học một số hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học qua hai chuyên đề tự chọn của môn học Đánh giá Giáo dục (2 tín chỉ). Sinh viên chủ yếu được cung cấp và rèn luyện một số kỹ thuật đánh giá kết quả học tập của học sinh qua môn Tiếng Việt hoặc môn Toán. Môn học này trong chương trình sau đại học sẽ tiếp tục trang bị cho người học những lý luận chuyên sâu về đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh tiểu học, làm cơ sở để cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học Toán.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Phát triển kĩ năng dạy học tiếng Việt ở Tiểu học	Môn học có nhiệm vụ trang bị chuyên sâu về phương pháp, các năng lực để phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho người học theo các mạch kiến thức Tiếng Việt của chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học: Phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; các dạng bài tập Tiếng Việt trong chương trình theo mạch kiến thức; các căn cứ, yêu cầu, phương pháp và các bước xây dựng hệ thống bài tập Tiếng Việt.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

3. Ngành Quản lý giáo dục (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.	4	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.			
3	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
4	Tổ chức quản lý, giáo dục và trường học	Môn học nhằm cung cấp cho học viên hệ thống tri thức cơ bản, hiện đại về QLGD, định hướng phát triển hệ thống kỹ năng nghiên cứu QLGD, làm cơ sở khoa học chung để nghiên cứu hoạt động quản lý ở cơ sở giáo dục	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
5	Lý luận dạy học hiện đại	Môn học cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về lý luận dạy học hiện đại. Định hướng cho người học tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng vận dụng lý luận dạy học hiện đại vào hoạt động dạy học và hoạt động thực tiễn.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục & đào tạo	Học phần nghiên cứu những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; giới thiệu với học viên những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm qui trình, cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về việc về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục, những yêu cầu khái quát và yêu cầu chuẩn về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục như: phân tích công việc, hoạch định công việc, dự báo nhân lực, bồi dưỡng- đào tạo nhân lực, những kỹ năng cơ bản để thực hiện những nhiệm vụ về quản trị nguồn nhân lực với tư cách của một nhà QLGD	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
8	Xu thế phát triển giáo dục	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về xu thế phát triển giáo dục thế giới và chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đồng thời hình thành cho người học	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá và dự báo xu thế phát triển giáo dục nói chung			
9	Thanh tra, kiểm tra và đánh giáo trong quản lý giáo dục	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục. Đồng thời, hình thành cho người học kỹ năng tác nghiệp, quản lý trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
10	Dự báo giáo dục	Trên cơ sở khái quát về khoa học dự báo, học phần đi sâu nghiên cứu các loại dự báo phát triển giáo dục và phương pháp thực hiện các loại dự báo này	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục là một học phần nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của ngành giáo dục là đào tạo những chuyên gia làm công tác đảm báo chất lượng tại các cơ sở đào tạo. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về đánh giá giáo dục, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng. Học viên được giới thiệu các mô hình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng của các nước trên thế giới và Việt Nam, được làm quen với các Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời được phát triển các kỹ năng tự học, tự đánh giá, phỏng vấn, quan sát, viết báo cáo tự đánh giá	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
12	Tâm lý học quản lý	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho học viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Quản lý các hoạt động sư phạm	Học phần Quản lý các hoạt động sư phạm cung cấp cho ngươi học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm và nội dung, biện pháp quản lí các hoạt động sư phạm trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lí hoạt động sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động sư phạm ở nhà trường	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Quản lý Nhà nước về giáo dục trong bối cảnh phát triển KTTT và hội nhập quốc tế	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết về quản lý nhà nước và hình thành kỹ năng quản lý giáo dục trong trường học hay cơ quan trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD là học phần được đưa vào chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD học với những kiến thức và kỹ năng về quá trình tổ chức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý giáo dục. Cụ thể, học phần gồm những khối kiến thức và kỹ năng về các loại hình trong nghiên cứu khoa học giáo dục, về những công việc cần thực hiện sau khi đã có đề cương và kế hoạch nghiên cứu của một công trình khoa học cụ thể	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
16	Đi thực tế học tập kinh nghiệm về quản lý giáo dục	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và thực hành từ thực tế.	1	HKI	Viết bài thu hoạch thực tế.

4. Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.			
3	Hình học sơ cấp nâng cao	Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán ở trường Đại học Đồng Tháp đào tạo các học viên cao học **có** phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng và năng lực theo chuẩn đầu ra nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
4	Cơ sở giải tích hiện đại	Học phần Cơ sở giải tích hiện đại là một học phần cơ sở và bắt buộc. Trong chương trình đại học sư phạm ngành toán, sinh viên đã được học những môn học thuộc chuyên ngành giải tích, trong đó có một số nội dung của giải tích hiện đại như không gian mêtric, không gian tôpô, lí thuyết độ đo - tích phân, không gian định chuẩn, không gian Hilbert. Môn học Cơ sở giải tích hiện đại trình bày nối tiếp những nội dung này và trình bày thêm một số nội dung của cơ sở giải tích hiện đại như định lí cơ bản của giải tích hàm, không gian vectơ tôpô.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
5	Cơ sở đại số hiện đại	Giới thiệu các kiến thức cơ sở và một số vấn đề chuyên sâu về các cấu trúc trong đại số hiện đại.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Cơ sở toán của kiến thức môn toán phổ thông	Học phần trình bày một số lý thuyết nhằm soi sáng kiến thức toán phổ thông trên quan điểm cao: Tập hợp, ánh xạ, hàm, cấu trúc, phép toán đại số, các bất biến của các ánh xạ Trình bày các con đường chuyển hóa sư phạm từ tri thức, phương pháp của toán học hiện đại sang ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ truyền thụ.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Đánh giá kết quả trong giáo dục toán và thống kê trong khoa học giáo dục	Ở bậc đại học, học viên được học về một số hình thức kiểm tra đánh giá trong giáo dục Toán ở trường phổ thông. Học viên cũng đã được rèn luyện một số kỹ năng đánh giá môn Toán. Môn học này tiếp tục trang bị cho học viên những cơ sở lý luận trong đánh giá môn Toán ở trường phổ thông và Đại học. Trọng tâm của môn học giới thiệu, phân tích sâu cơ sở của các phương pháp	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá môn Toán; rèn luyện cho học viên các kỹ năng về đánh giá trong giáo dục môn Toán ở phổ thông và đại học			
8	Lý luận dạy học toán	Cung cấp cho người học phương pháp luận về lí luận dạy học đại học. Nêu lên các tư tưởng về các phương pháp dạy học đại học, đặc biệt là các phương pháp dạy học hiện đại.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
9	Giáo dục toán gắn với thực tiễn	Môn học sẽ giúp học viên hiểu sâu sắc hơn các lý thuyết dạy học hiện đại mà đang được các nước quan tâm nghiên cứu. Thông qua môn học này, học viên sẽ còn được phát triển các kỹ năng, vận dụng những vấn đề thực tiễn vào dạy học môn Toán.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
10	Phương tiện dạy học toán	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ sở về lí luận phương tiện dạy học và nghiên cứu những vấn đề mang tính kĩ thuật sử dụng phương tiện dạy học môn toán, bao gồm cả các phương tiện dạy học truyền thống và phương tiện kĩ thuật hiện đại trong dạy học. Mặt lí thuyết và mặt thực hành chiếm vị trí cân đối đảm bảo cho học viên vừa có nhận thức lí luận sâu sắc, vừa có khả năng thực hành dạy học với sự hỗ trợ của phương tiện dạy học. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau cả về lý luận và thực tiễn với các học phần thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu toán	Chuyên đề này là sự bổ sung lí luận về tâm lí học trí tuệ, tài năng học và vận dụng vào thực hành phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán. Cả hai lĩnh vực tâm lí học và nội dung toán học được đề cập đến trong chuyên đề này đều là những vấn đề mới, khó đối với học viên. Việc nghiên cứu chuyên đề này sẽ góp phần bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho học viên ở một lĩnh vực khó khăn và lí thú là phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học. Nội dung chuyên đề có tính mở, tùy thuộc điều kiện học tập của học viên (nhất là về nội dung 11 chuyên đề bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán cấp THPT hệ chuyên toán).	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Vận dụng các quan điểm Triết học trong giáo dục toán	Nhìn nhận một số tư tưởng cốt lõi của một số phương pháp dạy học mới trên quan điểm triết học duy vật biện chứng: Phương pháp dạy học theo quan điểm hoạt động, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học kiến tạo, dạy học khám phá, dạy học hợp tác. Xem xét một số quan điểm biện chứng của tư duy toán học: Quan hệ giữa hiện thực và trừu tượng, quan hệ giữa quá trình nhận thức cảm tính và lý tính, quan hệ giữa cụ thể và trừu tượng trong tư duy toán học, quan hệ giữa tri thức và tư duy Vận dụng các cặp phạm trù của triết học duy vật biện chứng vào dạy học các tình huống điển hình trong toán phổ thông.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Tổ chức các hoạt động nhận thức và tích cực hoá quá trình học tập môn toán	Khái niệm về hoạt động nhận thức, động lực thúc đẩy nhận thức của học sinh, các dạng hoạt động nhận thức chủ yếu trong dạng toán. Các loại hình tri thức định hướng, điều chỉnh thúc đẩy hoạt động nhận thức: Các tri thức phương pháp trong chương trình toán phổ thông, các tri thức thuộc phạm trù tâm lý học nhận thức, tâm lý học liên tưởng, các tri thức thuộc phạm trì triết học duy vận biện chứng, tri thức về công nghệ thông tin truyền thông Kỹ năng tổ chức các hoạt động nhận thức trong dạy học các tình huống điển hình; trong đó dự tính các kỹ năng khai thác đa phương tiện thông tin và truyền thông vào tổ chức hoạt động nhận thức trong các tình huông dạy học môn toán.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
14	Rèn luyện và phát triển tư duy qua dạy học môn toán	Phát triển tư duy cho học sinh qua môn toán là một yêu cầu quan trọng, bức thiết trong dạy học toán nhưng hiện nay nhiều giáo viên chưa chú ý đúng mức. Chuyên đề này góp phần giúp người học thực hiện tốt yêu cầu này, làm cho việc dạy học toán ở phổ thông đạt kết quả tốt hơn.	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục môn toán	Trình bày hệ thống các phương pháp nghiên cứu thường được sử dụng trong giáo dục toán. Lý luận về nghiên cứu quá trình học toán của người học đồng thời nêu lên cách tiến hành nghiên cứu cụ thể. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể được trình bày phù hợp cơ sở lý luận	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và thực tiễn. Phân tích và đối chiếu các phương pháp nghiên cứu truyền thống với các xu hướng nghiên cứu mới.			
16	Đi thực tế học tập kinh nghiệm về quản lý giáo dục	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và thực hành từ thực tế.	1	HKI	Viết bài thu hoạch thực tế.

5. Ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học
3	Phương pháp NCKH chuyên ngành hóa	Khái niệm khoa học. Khái niệm nghiên cứu khoa học. Đề tài nghiên cứu khoa học. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Phương pháp khoa học. Vấn đề nghiên cứu khoa học. Phương pháp thu thập dữ liệu từ tham khảo tài liệu. Phương pháp thu thập tài liệu từ thực nghiệm. Phương pháp thu thập tài liệu từ phi thực nghiệm. Cách trình bày kết quả dữ liệu nghiên cứu dạng văn viết. Cách trình bày dữ liệu dạng bảng. Bảng dữ liệu mô tả. Bảng dữ liệu thống kê. Viết các công trình nghiên cứu khoa học.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Tiếng Anh cho hóa học	Môn học này cung cấp cho người học những thuật ngữ Tiếng Anh trong hóa học. Rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành hóa học như các sách giáo khoa, giáo trình, luận văn, luận án, bài báo khoa học,... Giúp người tham gia thảo luận các vấn đề hóa học và viết báo cáo hóa học bằng Tiếng Anh	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
5	Hóa học lượng tử tính toán	Đây là môn học dành cho học viên cao học chuyên ngành Hóa học lý thuyết và Hóa lý, hệ thạc sỹ khoa học. Môn học này trang bị cho học viên hệ thống những kiến thức cơ sở về các phương pháp tính gần đúng trong Hóa học lượng tử, giúp cho học viên thông qua thực hành có được kỹ năng sử dụng một số phần mềm cơ bản của Hóa học lượng tử tính toán như ORCA và GABEDIT	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Lý thuyết phiếm hàm mật độ	Môn học này cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về một lí thuyết hiện đại, có ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi cả trong Vật lí lẫn Hóa học. Đó là những kiến thức về cơ sở hoá học lượng tử, mật độ electron, các định lý Hohenberg-Kohn, các phương trình Kohn-Sham, các phiếm hàm trao đổi-tương quan, bộ hàm cơ sở, bề mặt thế năng, phép tính năng lượng điểm đơn, phép tính tối ưu hoá hình học, phép tính tần số dao động điều hoà, những ứng dụng của lý thuyết phiếm hàm mật độ trong hoá học, và cách tiến hành các phép tính lý thuyết phiếm hàm mật độ bằng phần mềm và máy vi tính	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Động hóa học nâng cao	Môn học này trang bị cho người học những quy luật diễn biến của mỗi loại phản ứng, các phương pháp nghiên cứu động học của phản ứng hoá học	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
8	Hóa vô cơ nâng cao	Môn Hóa học Vô cơ nâng cao dành cho học viên cao học Hóa lý và Hóa lý thuyết cung cấp cho người học một số kiến thức hóa học vô cơ cơ bản và nâng cao.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
9	Hóa hữu cơ nâng cao	Môn học Hoá hữu cơ nâng cao nghiên cứu chủ yếu các kiến thức về cấu trúc phân tử; hiệu ứng cấu trúc và ảnh hưởng của hiệu ứng đến tính chất vật lý của hợp chất hữu cơ, các cơ chế phản ứng chủ yếu trong hoá hữu cơ; phân biệt	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được một số khung của hợp chất hữu cơ quan trọng trong tự nhiên có hoạt tính sinh học.			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
10	Hóa lí với giảng dạy hóa học ở phổ thông	Một số vấn đề chung về vai trò, vị trí của Hoá lí trong khoa học Hóa học cơ bản. Hệ thống các khái niệm, qui ước quốc tế về điều kiện tiêu chuẩn, hệ đơn vị và cách trình bày Một số vấn đề chính của Hoá lí cơ sở áp dụng trực tiếp trong giảng dạy Hoá học phổ thông: Nhiệt động lực Hóa học (cơ sở, các quá trình, cân bằng hóa học), Động hóa học, Điện hóa học (cả hai phần này đều có nội dung liên quan thực nghiệm là chủ yếu, chú ý mức độ lí thuyết phù hợp). Trong mỗi nội dung, tính qui luật và định lượng được đều đặc biệt chú trọng.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Các phương pháp đặc trưng vật liệu hấp phụ và xúc tác	Môn học này cung cấp các kiến thức thức về phương pháp đặc trưng hóa lý vật liệu hấp phụ và xúc tác Nhiễu xạ tia X, phương pháp phân tích nhiệt, phương pháp đẳng nhiệt hấp phụ và giải hấp nitơ, hiển vi điện tử quét, hiển vi điện tử truyền qua, hồng ngoại. Ngoài ra, môn học còn hướng dẫn cho học viên phân tích được một số tính chất của vật liệu thông qua các giản đồ, phổ đồ	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
12	Điện hóa hiện đại và ứng dụng	Học phần này cung cấp những kiến thức về những vấn đề chọn lọc trong ứng dụng của điện hóa như: quá trình quang điện hóa tại ranh giới chất bán dẫn/ dung dịch; điện hóa hữu cơ với sản phẩm quan tâm là polymer dẫn điện; bảo vệ ăn mòn vật liệu; sự phát triển trong chuyển hóa và lưu giữ năng lượng điện; sinh điện hóa; điện hóa của dung dịch không nước và cuối cùng là ứng dụng của điện hóa trong quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Hóa học lượng tử nâng cao	Môn học này là bắt buộc chung cho các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ khoa học Hoá học. Môn học cung cấp cho người học: Hệ thống kiến thức cơ sở của Hoá học lượng tử, một lĩnh vực khoa học có vai trò chủ đạo trọng học tập, giảng dạy, nghiên cứu Hoá học hiện đại.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về phương pháp luận: phương pháp lượng tử khảo sát hệ vi mô; phương pháp tiên đề và rộng hơn là phương pháp tư duy biện chứng; phương pháp tự học, tự nghiên cứu			
14	Hấp phụ và xúc tác	Môn học này cung cấp những kiến thức về hấp phụ, hiện tượng hấp phụ trên bề các mặt, đặc điểm và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hấp phụ, các mô hình động học, đẳng nhiệt hấp phụ. Các chất hấp phụ thường dùng, ứng dụng của chúng trong công nghiệp hóa học và bảo vệ môi trường. Vai trò của xúc tác trong công nghiệp và bảo vệ môi trường, những nguyên lý cơ bản về xúc tác, một số phương pháp thường dùng để nghiên cứu chất xúc tác rắn, các quá trình xúc tác quan trọng.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Hóa phân tích nâng cao	Học phần này giới thiệu những kiến thức nâng cao về tính toán cân bằng ion trong các loại dung dịch, định lượng các chất bằng phương pháp phân tích thể tích và kiến thức cơ bản về đảm bảo chất lượng phân tích. Ứng dụng các đại lượng, công cụ thống kê để xử lý, kiểm tra và đánh giá các kết quả thí nghiệm; xét tương quan và hồi quy; kế hoạch hóa thí nghiệm (phân tích phương sai, mô hình hoá và tối ưu hóa thí nghiệm) trong các nghiên cứu hóa học. Học viên cũng được giới thiệu về việc áp dụng một phần mềm thống kê (startgraphic 7.0, Minitab hoặc SPSS) để giải quyết các vấn đề liên quan	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
16	Đi thực tế học tập kinh nghiệm về quản lý giáo dục	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và thực hành từ thực tế.	1	HKI	Viết bài thu hoạch thực tế.

6. Ngành Ngôn ngữ Việt Nam (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững	4	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.			
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học
3	Ngôn ngữ nghệ thuật	Nắm được một số quan điểm tiêu biểu xung quanh vấn đề bản chất của ngôn ngữ nghệ thuật; lí giải được các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật (tính cấu trúc, tính hình tượng, tính thẩm mĩ, tính cụ thể, tính cá thể hóa); hiểu được tính loại hình và nhận diện được các loại hình của ngôn ngữ nghệ thuật, vấn đề phong cách ngôn ngữ của tác giả; nắm vững đặc điểm ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện, ngôn ngữ kịch… Vận dụng tri thức lí thuyết vào việc phân tích ngôn ngữ trong các tác phẩm thuộc các thể loại văn học khác nhau. Xác định được vị trí của ngôn ngữ nghệ thuật trong các phong cách chức năng của tiếng Việt, vai trò của ngôn ngữ nghệ thuật trong việc phát triển tiếng Việt và tạo nên những giá trị văn hóa tinh thần quí giá của dân tộc.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
4	Từ Hán Việt	Môn học này nhằm cung cấp những tri thức lí thuyết cơ bản về các khía cạnh chủ yếu của từ Hán- Việt và một số kĩ năng, phương pháp học và dạy lớp từ này. Môn học được thiết kế thành các chương, mỗi chương như là một vấn đề lớn, trong đó có các vấn đề cụ thể, trình bày tương đối độc lập nhưng gắn kết với nhau, nhằm làm cho người học chủ động nắm từng nội dung trong quá trình học và tham khảo từng vấn đề thuận lợi khi cần thiết. Người học lần lượt đi từ những vấn đề chung, những tri thức có tính chất cơ sở về từ Hán-Việt, đến những nội dung cụ thể về các mặt cấu tạo, ngữ nghĩa và phong cách lớp từ này cũng như những phương pháp giảng dạy riêng với từng loại từ Hán- Việt.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	Môn học sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm, lý thuyết, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ pháp chức năng tiếng Việt, cấu trúc câu, các bình diện của câu, các dạng câu trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật phân tích câu tiếng Việt và phân loại câu theo những tiêu chí khác nhau. Nắm vững được những nguyên tắc, thủ thuật phân tích câu tiếng Việt sẽ giúp cho người học nâng cao được năng lực giảng dạy, học tập và nghiên cứu tiếng Việt.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Liên kết văn bản	Nghiên cứu môn học nói chung và các phương thức liên kết văn bản trong tiếng Việt nói riêng. Ý thức được hiệu quả giao tiếp khi các phương tiện, đơn vị liên kết văn bản được sử dụng chuẩn mực. Thấy được sự cần thiết về việc tiếp tục học tập, nghiên cứu những nội dung liên quan để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung. Từ đó, có thái độ tích cực hơn trong các hoạt động nghề nghiệp của bản thân.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Ngôn ngữ học đối chiếu	Môn học này sẽ giới thiệu một cách hệ thống các nội dung về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ- văn hóa. Môn học sẽ tạo điều kiện cho người học hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu. Nó sẽ cung cấp cho người học đủ kiến thức và kỹ năng để có thể tiến hành độc lập các nghiên cứu đối chiếu cụ thể khi kết thúc môn học (được thể hiện qua bài tiểu luận môn học)	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
8	Lôgic và tiếng Việt	Đây là môn học có tính liên thông từ nội dung chương trình đại học. Do vậy, môn học sẽ hệ thống lại những kiến thức cơ bản và nâng cao những khái niệm, lý thuyết, phương pháp tiếp cận về logic học và tính lô-gich trong tiếng Việt. Nội dung bao gồm 2 phần; Phần 1 là những kiến thức khái quát, phương pháp nghiên cứu về logic học (phán đoán, mệnh đề, vị từ, tình thái, biểu hiện thời gian, quy luật của tư duy, bác bỏ, v.v..); Phần 2 những ứng dụng của nó trong lý giải các hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
9	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ	Môn học có tính liên thông từ những kiến thức cơ bản của môn ngữ âm tiếng Việt trong chương trình đại học. Môn học sẽ giới thiệu	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên sâu và hệ thống hơn các khái niệm có tính phổ quát được sử dụng trong nghiên cứu âm vị học, hệ thống phát âm, cơ sở hình thành và các tiêu chí phân loại âm vị, các quy luật biến đổi của âm vị. Trên cơ sở đó, môn học sẽ giúp người học hiểu chuyên sâu hơn những đặc điểm riêng âm tiết, cấu trúc âm tiết của tiếng Việt và sự thể hiện trong chữ viết. Song song đó, hệ thống âm vị, thanh điệu của tiếng Việt cũng sẽ được giới thiệu và thảo luận trong nội dung môn học. Một điểm khác nữa với chương trình đại học là ở chương trình đào tạo cao học này, người học phải thực hành nghiên cứu độc lập thực thụ thông qua bài tiểu luận của mình sau khi kết thúc môn học			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
10	Ngôn ngữ học và văn hóa	Ngôn ngữ học và văn hóa là một môn học đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp kịp thời những tri thức cần thiết về ngôn ngữ học và văn hóa cho học viên cao học, một tri thức mà sinh viên đại học đã có dịp lĩnh hội chung chung qua một số môn học, nhưng chưa được khai thác sâu, rộng. Tuy là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo, nhưng giá trị mang lại từ việc nắm vững và thực hiện những công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học và văn hóa sẽ có tác động trực tiếp đến việc nghiên cứu ngữ dụng học và việc nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, là lĩnh vực đang được nhiều người quan tâm. Đây là môn học có triển vọng phát triển nghiên cứu sâu hơn ở bậc đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Từ vựng- ngữ nghĩa học Việt ngữ	Môn học này sẽ hệ thống hóa và nâng cao những kiến thức về từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Việt ở chương trình đại học. Theo đó, môn học sẽ bao hàm những kiến thức về *Tiếng-hình vị* trong tiếng Việt; *cấu tạo từ, các lớp từ, từ loại, đoản ngữ* trong tiếng Việt. Phần ngữ nghĩa sẽ giới thiệu các khái niệm về *nghĩa*, bản chất và phương thức biểu hiện lớp nghĩa từ vựng (nghĩa từ vựng, nghĩa ngữ pháp, nghĩa ngữ dụng), các quan hệ nghĩa và sự phát triển các khuynh hướng nghĩa trong tiếng Việt. Môn học sẽ tạo điều kiện cho người học tiếp cận các kiến thức liên quan một cách có hệ thống và tiến hành nghiên cứu độc lập về các nội dung trong môn học	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
12	Phân tích diễn ngôn	Nội dung môn học sẽ giới thiệu (những) định nghĩa về diễn ngôn, đơn vị cấu thành diễn ngôn, phương thức liên kết diễn ngôn, yếu tố ngữ cảnh/cảnh huống trong diễn ngôn. Nội dung môn học cũng bao gồm việc phân loại các diễn	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngôn và những đặc điểm của chúng. Bên cạnh đó, hoàn thành môn học này, người học còn được nâng cao kỹ năng nhận diện và phân tích các kiểu diễn ngôn/văn bản khác nhau trong tiếng Việt và các ngôn ngữ khác			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ	Môn học này sẽ giới thiệu một cách hệ thống các nội dung về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ- văn hóa. Môn học sẽ tạo điều kiện cho người học hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu. Nó sẽ cung cấp cho người học đủ kiến thức và kỹ năng để có thể tiến hành độc lập các nghiên cứu đối chiếu cụ thể khi kết thúc môn học (được thể hiện qua bài tiểu luận môn học)	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Lôgic và tiếng Việt	Đây là môn học có tính liên thông từ nội dung chương trình đại học. Do vậy, môn học sẽ hệ thống lại những kiến thức cơ bản và nâng cao những khái niệm, lý thuyết, phương pháp tiếp cận về logic học và tính lô-gich trong tiếng Việt. Nội dung bao gồm 2 phần; Phần 1 là những kiến thức khái quát, phương pháp nghiên cứu về logic học (phán đoán, mệnh đề, vị từ, tình thái, biểu hiện thời gian, quy luật của tư duy, bác bỏ, v.v..); Phần 2 những ứng dụng của nó trong lý giải các hiện tượng ngôn ngữ tiếng Việt	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
14	Ngôn ngữ học xã hội	Môn học chưa được giảng dạy ở chương trình đào tạo đại học. Môn học sẽ lần lượt giới thiệu những nội dung, kiến thức, lý thuyết cơ bản về ngôn ngữ học xã hội: cơ sở hình thành, vị trí, ý nghĩa và phạm vi nghiên cứu của nó. Những vấn đề về hiện tượng về biến thể, biến tố, đa ngữ, phương ngữ, biệt ngữ, kế hoạch và chính sách ngôn ngữ cũng nằm trong nội dung khảo sát của môn học. Người học sẽ được trang bị các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội và ứng dụng chúng trước hết là trong tiểu luận của từng cá nhân phải nộp sau khi kết thúc môn học cũng như là trong hoạt động nghề nghiệp sau này	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Dụng học Việt ngữ	Đây là môn học có tính liên thông từ chương trình đào tạo đại học chuyên ngành. Do vậy, môn học sẽ củng cố lại những khái niệm, kiến thức cơ bản và nâng cao, mở rộng hơn những kiến thức liên quan	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng học tiếng Việt nói riêng. Bên cạnh đó, môn học đặc biệt sẽ nâng cao năng lực phát hiện và luận giải những hiện tượng dụng học trong tiếng Việt. Từ đó, hình thành và phát triển năng lực tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến môn học (lý thuyết hành động ngôn từ, lý thuyết hội thoại, cấu trúc thông tin, v.v			thúc môn học hoặc làm tiểu luận

7. Ngành Lịch sử Việt Nam (thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình Triết học được chia thành hai phần: Phần 1- Lịch sử triết học; Phần 2- Triết học Mác - Lênin nhằm giúp học viên nắm vững những kiến thức cơ bản, cập nhật và nâng cao kiến thức triết học nói chung, triết học Mác-Lênin nói riêng.	4	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
2	Tiếng Anh	Người học sẽ được rèn luyện đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết để nâng cao năng lực tiếng Anh tổng quát nói chung và cũng nhằm hội đủ khả năng tham gia các kỳ thi tiếng Anh theo chuẩn quốc tế, dạng bài thi được cập nhật ở Việt Nam và nằm trong khung quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, ngoài việc tích lũy thêm các kiến thức về ngôn ngữ Anh theo tài liệu của chương trình tương đương với trình độ trung- cao tiếng Anh, người học sẽ có cơ hội làm quen với các dạng bài thi theo từng kỹ năng.	6	HKII	Điểm KTTK, và điểm thi kết thúc môn học
3	Lịch sử vương quốc Phù Nam và Văn hóa Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ	Môn học "Lịch sử vương quốc Phù Nam và Văn hóa Óc Eo ở đồng bằng Nam bộ" sẽ giúp học viên tiếp cập và hiểu rõ hơn về các giá trị của nền văn hóa cổ từng tồn tại trên vùng đất mình đang sống. Để đạt được kiến thức của chuyên đề, học viên được hướng dẫn học tập và nghiên cứu các nội dung: Vương quốc Phù Nam; Hình tượng tín ngưỡng Ấn Độ trong văn hoá Óc Eo; Lịch sử phát hiện, khai quật và nghiên cứu văn hoá Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ; Các di tích Văn hoá Óc Eo tiêu biểu; Niên đại Văn hoá Óc Eo và Xã hội Óc Eo - Phù Nam qua những phát hiện mới của khảo cổ học, từ đó, làm cơ sở cho quá	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình học tập và nghiên cứu các môn học liên qua đến quá trình phát triển lịch sử ở ĐBSCL trong lịch sử đến nay			
4	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: những vấn đề lí luận và lịch sử phát triển	Môn học góp phần hình thành kiến thức lí luận và lịch sử hình thành cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu chuyên đề sẽ bổ sung kiến quan trọng cho học viên về những khái niệm, lí luận về dân tộc, bản đồ hinh thành các dân tộc Việt Nam, đặc điểm các cộng đồng dân tộc người Việt Nam và vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam. Qua CĐ học viên có khả năng nhận thức và tự nghiên cứu những đóng góp của cộng đồng các dân tộc trong lịch sử dân tộc Việt Nam và vận dụng vào trong giảng dạy, làm việc và nghiên cứu sau này	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
5	Quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX	Chuyên đề nghiên cứu về quá trình khai phá vùng đất Nam bộ của lưu dân người Việt và người Hoa từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX với các nội dung: Công cuộc khai khẩn đất đai ở Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỉ XVII - XVIII; Công cuộc khai khẩn đất đai trong nửa đầu thế kỉ XIX; Công cuộc khẩn hoang ở Nam kì thời thuộc Pháp	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
6	Đổi mới kinh tế Việt Nam từ 1986 đến nay: Những vấn đề lí luận và thực tiễn	Nghiên cứu chuyên đề "Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ 1986 đến 2006: từ lí luận đến thực tiễn nhìn từ góc độ lịch sử là có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất sâu sắc. Với nội dung: Về lí luận của công cuộc đổi mới kinh tế; Thành tựu và hạn chế của quá trình đổi mới kinh tế trên hai lĩnh vực kinh tế đối nội và kinh tế đối ngoại, môn học góp phần giúp học viên nhận thức sâu sắc những thành tựu kinh tế, làm rõ những vấn đề có tính quy luật của con đường phát triển của đất nước ta, góp phần nhận thức về công cuộc đổi mới kinh tế đất nước ở giai đoạn tiếp theo và quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
7	Quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam trong lịch sử	Học phần góp phần hệ thống lại quá trình xác lập chủ quyền biên giới lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở phân tích, nhận định, đánh giá những vấn đề, trường hợp cụ thể, chuyên đề rút ra những nguyên tắc, bài học kinh nghiệm từ quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biên giới cương vực lãnh thổ, lãnh hải, góp phần giải quyết những vấn đề đương đại, phục vụ tốt cho sự phát triển của Việt Nam hiện tại và tương lai. Học phần làm rõ những nội dung cơ bản, những đặc	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điểm nổi bật quá trình xác lập chủ quyền biên giới lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Có được cách tiếp cận, phương pháp luận đúng đắn, khách quan, khoa học khi tìm hiểu về quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử cũng như đánh giá, rút ra bài học có giá trị tham khảo trong việc giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ, lãnh hải ở Việt Nam hiện nay			
8	Kinh tế nông nghiệp VNCH	Nghiên cứu lịch sử kinh tế nông nghiệp miền Nam thời kỳ 1955-1975 giúp học viên có thể gợi mở được nhiều điểm mới trong việc tìm tòi những bài học kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng, phát triển nông nghiệp-nông dân-nông thôn, một lĩnh vực đã và đang được Đảng-Nhà nước Việt Nam rất quan tâm hiện nay.	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
9	Vấn đề ruộng đất và nông dân Việt Nam từ sau CMT8 1945 đến nay	Cách mạng tháng Tám (1945) thành công đã mở ra thời kì độc lập dân tộc, Chính quyền Cách mạng đã tiến hành thực hiện những yêu cầu mới của lịch sử, vấn đề người cày có ruộng và cải cách được quan tâm sâu sắc. Từ đó đến nay, cách mạng ruộng đất, giải quyết sở hữu, đến sử dụng ruộng đất hợp lý để phát triển kinh tế- xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được ngành lịch sử nghiên cứu và đưa vào giảng dạy. Ở chương trình cao học, học viên được tiếp cận các nội dung: Một số vấn đề chung về lí luận; Chính sách ruộng đất của Đảng cộng sản Việt Nam; Quá trình thực hiện chính sách ruộng đất; Vấn đề ruộng đất sau 1975, kết quả của nghiên cứu của chuyên đề sẽ tạo điều kiện cho người nghiên cứu có những cở sở khoa học để nhận thức và đánh giá về quá trình phát triển lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
10	Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc	Nội dung học phần tập trung làm rõ các nội dung cơ bản: Sự xuất hiện Hồ Chí Minh trong sử dân tộc; Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc; Hồ Chí Minh với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh- di sản quý báu của dân tộc và thời đại	3	HKII	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử nói riêng. Hướng	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dẫn học viên về các bước nghiên cứu và cách thức trình bày một công trình khoa học lịch sử			thúc môn học hoặc làm tiểu luận
12	Chiến tranh ở Việt Nam hiện đại: Lí luận và thực tiễn	Nội dung học phần tập trung làm rõ các nội dung cơ bản về những thành tựu nghiên cứu trong và ngoài nước về chiến tranh ở Việt Nam thời hiện đại (1945-1975). Qua đó, có cách tiếp cận và lý giải những vấn đề nội dung, nhận thức về chiến tranh, quy luật chiến tranh ở Việt Nam	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
13	Sự phát triển của CNTB ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)	Chuyên đề này tập trung khảo sát sự hình thành và phát triển của nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa trong các ngành kinh tế miền Nam (1954-1975), làm rõ những đặc điểm cụ thể và các vấn đề có tính quy luật của qúa trình. Với nội dung được nghiên cứu: Lí luận về chủ nghĩa tư bản; quan hệ tư bản chủ nghĩa ở miền Nam Việt Nam trước năm 1954; Yếu tố tác động đến qúa trình phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam; Phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam; Sự phát triển chủ nghĩa tư bản trong các lĩnh vực công - nông ở miền Nam	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
14	Vấn đề dân tộc trong lịch sử và tiến trình phát triển dân tộc Việt Nam	Dưới góc độ Sử học, trong chừng mực những kiến thức tương đối cơ bản, dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề dân tộc và vấn đề dân tộc trong sự hình thành và phát triển của dân tộc như tự nó đã từng diễn ra trong lịch sử. Tìm trong cái đa dạng, muôn vẻ và phức tạp của các loại hình dân tộc bản chất và quy luật vận động của nó, chuyên đề cố gắng tìm ra khuynh hướng vận động để góp phần hiểu và giải thích được quá trnh hnh thành và phát triển của dân tộc Việt Nam	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Hiểu rõ các mối liên hệ và mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế, các nguyên tắc, tập tục trong bang giao quốc tế phát triển theo thời gian. Phân tích, đánh giá đường lối, phương châm, nội dung, thành quả và bài học lịch sử từ hoạt động ngoại giao Việt Nam qua các thời kỳ. Đạt được kỹ năng làm việc nhóm, cá nhân trình bày, cách thuyết trình, phản biện đề tài và nghiên cứu một vấn đề cụ thể	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết thúc môn học hoặc làm tiểu luận
15	Dụng học Việt ngữ	Đây là môn học có tính liên thông từ chương trình đào tạo đại học chuyên ngành. Do vậy, môn học sẽ củng cố lại những khái	3	HKI	Điểm KTTK và điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		niệm, kiến thức cơ bản và nâng cao, mở rộng hơn những kiến thức liên quan về ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng học tiếng Việt nói riêng. Bên cạnh đó, môn học đặc biệt sẽ nâng cao năng lực phát hiện và luận giải những hiện tượng dụng học trong tiếng Việt. Từ đó, hình thành và phát triển năng lực tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến môn học (lý thuyết hành động ngôn từ, lý thuyết hội thoại, cấu trúc thông tin, v.v			thúc môn học hoặc làm tiểu luận

8. Giáo dục Mầm non

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn giáo dục mầm non KI4500	Học phần Nhập môn nghề nghiệp là học phần đầu tiên trong khối kiến thức đại cương chung bắt buộc đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Trường, về Khoa đào tạo; vài nét khái quát về ngành nghề đang theo học (Giáo dục mầm non), chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; cách xây dựng kế hoạch học tập theo học chế tín chỉ; quy chế đào tạo, rèn luyện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, nhiệt huyết, niềm tự hào với nghề giáo viên mầm non, phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	Học kỳ 1	Đánh giá thường kỳ: Bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Bài thu hoạch, trọng số 0.6
2	Tâm lý học mầm non GE4072N	Học phần "Tâm lý học mầm non" sẽ trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm điển hình về các chức năng tâm lý của trẻ em từ 0-6 tuổi. Từ đó, sinh viên/học viên có thể vận dụng những kiến thức tâm lý học mầm non vào quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường kỳ: trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
3	Giáo dục học mầm non GE4074N	Giúp SV hiểu về quá trình giáo dục MN; biết thực hiện giáo dục mầm non một cách khoa học, nghệ thuật; biết vận dụng kiến thức giáo dục học vào việc học tập, rèn luyện và công tác nuôi dạy trẻ	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường kỳ: trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non KI4221N	Hiểu biết khái quát về quá trình hình thành và phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em; đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản các hệ cơ quan cơ thể trẻ em. Giải thích được các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em và cơ chế hoạt động của chúng. Đo được các chỉ số phát triển thể chất bình thường của trẻ so với người lớn. Vận dụng được kiến thức cơ sở để giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến sự phát triển thể chất của trẻ, đề xuất các biện pháp vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ em. Thực hiện được các thao tác cân, đo, đếm nhịp tim của trẻ đảm bảo đúng quy trình và chính xác. Lập được biểu đồ theo dõi và đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường kỳ: bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
5	Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non KI4220	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhạc lý, giúp SV có kiến thức nền tảng để học tiếp các học phần: Đàn, Tập đọc nhạc & Hát, Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Trắc nghiệm) (0.6)
6	Mỹ thuật mầm non KI4219	Trang bị cho SV kiến thức lý luận và thực hành cơ bản về mỹ thuật, là cơ sở nền cho các học phần tiếp theo: Phát triển khả năng sáng tạo mỹ thuật, Làm đồ chơi và thiết kế trang trí MTGD, Phương pháp TCHĐTH cho trẻ MN.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6) ; hình thức: Thực hành
7	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của GVMN KI4181	Hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm cho sinh viên mầm non trước khi trở thành giáo viên. Trải nghiệm học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp sư phạm, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp sư phạm tích cực, các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để hình thành nhân cách người GVMN tương lai trong các mối quan hệ giao tiếp ở trường mầm non, đảm bảo yêu cầu của Chuẩn GVMN.	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên: trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
8	Tiếng Việt KI4117N	Phân tích được những kiến thức về tiếng Việt để vận dụng vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.Vận dụng được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách của tiếng Việt vào việc dạy học ở bậc mầm non. Giải	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên: bài tập, kiểm tra, trọng số

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được các bài tập tiếng Việt cơ bản, sửa được lỗi chính tả, lỗi dùng từ và lỗi câu.			0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
9	Văn học trẻ em KI4121	Giải thích được khái niệm, đặc trưng và các nội dung chủ đề của văn học trẻ em; Khái quát được các thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết Việt Nam và nước ngoài; Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích được một số tác phẩm văn học trẻ em. Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên: * Bài tập nhóm, trọng số 0.1 * Bài tập cá nhân, trọng số 0.3 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
10	Cơ sở toán mầm non KI4222	Hệ thống hóa và tiếp tục nâng cao cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán về Toán cho trẻ mầm non. Sinh viên bước đầu hiểu được cơ sở toán học lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán vào hình thành các biểu tượng toán mầm non.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) 0.6
11	Vệ sinh- phòng bệnh cho trẻ mầm non KI4224	Hình thành cho sinh viên những năng lực cần thiết trong việc vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong quá trình làm việc sau này.	3	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) 0.6
12	Đánh giá kết qủa giáo dục MN KI4002	Học phần này giúp cho người học hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về đánh giá giáo dục mầm non, biết cách thực hiện nhiệm vụ đánh giá giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường kỳ: bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Nghề giáo viên mầm non KI4114	Giúp SV hiểu một cách đúng đắn và đầy đủ về nghề GVMN từ đó rèn luyện cho SV những phẩm chất và năng lực cần thiết của người GVMN	2	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)0.6
14	Tâm bệnh học KI4145N	Học phần giúp người học hiểu các vấn đề cơ bản về cơ chế và cấu trúc của những rối loạn tâm lí trẻ em trong trạng thái bệnh, nắm được nguyên nhân, biểu hiện, biện pháp ngăn ngừa và chăm sóc trẻ rối loạn tâm lí. Vì vậy, môn học này chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, góp phần hình thành ở người học động cơ học tập đúng, tinh thần trách nhiệm với công việc, rèn luyện phẩm chất đạo đức chân chính, tác phong chuẩn mực của một người giáo viên mầm non tương lai.	2	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên 0.4 Thi kết thúc học phần (Tự luận)0.6
15	Dinh dưỡng cho trẻ mầm non KI4223	Hình thành cho sinh viên kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và chăm sóc bữa ăn cho trẻ mầm non. Thông qua đó, SV nhận thức được tầm quan trọng của DD đối với sự phát triển cả thể chất lẫn tinh thần của trẻ nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và giáo dục DD cho trẻ ở trường mầm non.	2	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (0.6) Trắc nghiệm
16	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non KI4238N	Trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên (hs: 0,4): Bài tập, bài kiểm tra, thực hành tập dạy Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6): Thực hành- vấn đáp
17	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non KI4255	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đồ chơi trẻ em và ý nghĩa của đồ chơi trong giáo dục trẻ; định hướng phương pháp làm từng loại hình đồ chơi và thiết kế sắp xếp bố cục,trang trí môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	3	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6): Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non KI4225	Trang bị cho sinh viên, kiến thức về Chương trình Giáo dục mầm non (CTGDMN) và cách tổ chức thực hiện CTGDMN:lập các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường kỳ: bài cá nhân, bài nhóm trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
19	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN KI4229N	Nhằm trang bị cho SV: (1) những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ, (2) tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, (3) cách đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức về phát triển ngôn ngữ lẫn thực hành, ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chuẩn bị học đọc, học viết cho trẻ.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường kỳ: chuyên cần, bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp, trọng số 0.6
20	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non KI4232N	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức khoa học cơ bản về sự hình thành và đặc điểm phát triển hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; hiểu vai trò của việc tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục đối với sự phát triển toàn diện cho trẻ; biết cách lập kế hoạch, vận dụng các nhóm phương pháp dạy- học vào tổ chức và đánh giá các giờ hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, cắt-xếp dán, chắp ghép của trẻ theo từng độ tuổi ở trường mầm non.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6) ; Tình thức: Thực hành
21	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non KI4233	"Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non, (2) phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non, (3) khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
22	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non KI4154	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về CNTT trong dạy học; sử dụng các dịch vụ Web 2.0 trong dạy học và khai thác mô hình E-Learning; công nghệ và thiết bị dạy học; thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế bài dạy mầm non có ứng dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, học phần giúp SV hình thành khả năng sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy mầm non theo xu hướng hiện đại. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh	2	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên: Thực hành cá nhân, sản phẩm giữa kỳ, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Thực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy học. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: Stem trong dạy học mầm non.			hành cá nhân, trọng số 0.6
23	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo làm quen văn học cho trẻ mầm non KI4254	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận liên quan đến việc tổ chức các hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non, hình thành tư duy lý luận, vận dụng và thiết kế được kế hoạch giáo dục cho trẻ làm quen với văn học theo từng độ tuổi (nhà trẻ/mẫu giáo) và từng thể loại (thơ/truyện). Thiết kế và tổ chức được các hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở trường mầm non.	3	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: Thảo luận nhóm/bài kiểm tra, giáo án, tập dạy, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận, trọng số 0.6
24	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non KI4106N	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non	3	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
25	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non KI4256	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường mầm non trong việc thực hiện chế độ sinh hoạt phù hợp với đặc điểm trẻ theo yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này để vận dụng trong các môn phương pháp dạy trẻ mầm non, đặc biệt là phương pháp phát triển thể chất. Đồng thời, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp trên trẻ tốt hơn khi tham gia các học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	2	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
26	PP nghiên cứu khoa học ứng dụng trong GDMN KI4040E	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non, chọn đề tài, xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non. Kiến thức về nghiên cứu khoa học là cơ sở cho sinh viên trong học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học các vấn đề trong Giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: Bài kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Bài tập lớn, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non KI4226	Học phần trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kĩ năng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất theo hướng tích hợp ở trường mầm non một cách khoa học, có hiệu quả và làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần "Rèn luyện NVSPTX6".	3	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên: Báo cáo nhóm, thiết kế kế hoạch, thực hành (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Vấn đáp, Thực hành) (0.6)
28	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non KI4241	Học phần giúp sinh viên học tập hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục trẻ bảo vệ môi trường trong trường mầm non. Giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	3	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
29	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán KI4228	Môn học này cung cấp cho người học những tri thức liên quan đến đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ; tìm hiểu nội dung và lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đứa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người. Môn học Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán là học phần điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp môn học rèn luyện NVSPTX3.	3	Học kỳ 6	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
30	Quản lí GDMN KI4186	Nhằm hình thành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non tích lũy được hệ thống kiến thức và kỹ năng về: những vấn đề chung về quản lí giáo dục; (2) Nghiệp vụ quản lí trường mầm non và (3) Giáo viên mầm non và công tác	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản lí nhóm lớp ở trường mầm non. Ngoài ra, sinh viên sẽ biết cách thực hiện nhiệm vụ về quản lí nhóm lớp mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non.			học phần (Thực hành) (0.6)
31	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non KI4165	Giúp hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bộ môn thể dục nhịp điệu, cách biên soạn bài thể dục nhịp điệu cho trẻ và phương pháp sư phạm chuyên biệt để dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ .	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành) (0.6)
32	Yoga cho trẻ mầm non KI4258	Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về yoga trẻ em. Đồng thời rèn luyện cho sinh chuẩn xác trong các kỹ thuật thở và thực hành các tư thế yoga. Từ đó, các em sinh viên biết hướng dẫn cho trẻ mầm non thực hành yoga. Qua học phần, sinh viên cũng được rèn luyện tính kiên trì, học cách quản lý cảm xúc.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành) (0.6)
33	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường MN KI4202	Học phần Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non là một học phần thuộc nhóm kiến thức ngành tự chọn trong nhóm Nhóm Phát triển nhận thức và ngôn ngữ đóng vai trò rất cần thiết giúp người học hiểu biết cơ bản những kiến thức cơ bản giáo dục bảo vệ môi trường và rèn luyện kỹ năng thực hành, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non, biết thiết kế môi trường giáo dục phù hợp ở trường mầm non. Kiến thức từ môn học giúp người học có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường ở trường Mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường kỳ: chuyên cần, bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
34	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ mầm non KI4259	Giúp sinh viên nắm được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên trong việc khám phá khoa học, nắm được các hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trường mầm non và thực hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ ở trường mầm non	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (thi tự luận) (0.6)
35	Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ KI4124	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận liên quan đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ tuổi nhà trẻ trong Chương trình giáo dục mầm non; hình thành tư duy lý luận, vận dụng và thiết kế được kế hoạch giáo dục cho trẻ nhà trẻ ở những nội dung khác nhau. Vận	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Thảo luận nhóm/Bài kiểm tra, giáo án/tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng được lí luận và phương pháp giáo dục phát triển ngôn ngữ tuổi nhà trẻ trong thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ nhà trẻ.			dạy, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận, trọng số 0.6
36	PP phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo KI4137	Nhằm trang bị cho SV: (1) Sự phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non, (2) Nội dung chương trình, hình thức và các biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo, (3) Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức nâng cao về ngôn ngữ mạch lạc. Đồng thời, học phần còn trang bị kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ để SV có thể học tập ở trình độ cao hơn.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường kỳ: chuyên cần, bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
37	Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non KI4179	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) mục đích và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động nghệ thuật, vai trò của của từng nhóm đối tượng trong việc tổ chức hoạt động nghệ thuật; (2) cách dàn dựng tổ chức hoạt động nghệ thuật; (3) phương pháp xây dựng kịch bản cho từng chương trình nghệ thuật ở trường mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
38	Đàn phím điện tử KI4104	Học phần cung cấp cho sinh viên mầm non về thế bấm tay trái và tay phải trên đàn organ, kỹ thuật luyện ngón 2 tay, cách lựa chọn những chức năng trên đàn, phù hợp cho bài hát, qua học phần này sinh viên có thể đàn những bài hát trong chương trình mầm non, có kỹ năng thực hành âm nhạc.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần:0.6 (thực hành)
39	Tập đọc nhạc và hát KI4180	Học phần này cung cấp các kỹ năng thực hành âm nhạc cho sinh viên mầm non, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể đọc tốt các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần:0.6 (thực hành)
40	Dàn dựng chương trình lễ hội KI4103	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) mục đích, ý nghĩa, vai trò của của từng nhóm đối tượng trong	2	học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc tổ chức lễ hội; (2) những lễ hội trọng tâm, cách dàn dựng và tổ chức ngày lễ hội; (3) biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non.			Đánh giá kết thúc học phần 0.6
41	Phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật cho trẻ trong trường mầm non KI4260	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về sự phát triển khả năng sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình; cung cấp thêm những lý luận khoa học cơ bản về các thành tố tâm lý đã hình thành nên tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng phong phú của trẻ khi được tham gia vào các hoạt động tạo hình đặc trưng ở trường mầm non; giúp cho người học biết được những nguyên tắc, hình thức để tổ chức các hoạt động nghệ thuật tạo hình nâng cao giúp phát huy hiệu quả vai trò giáo dục thẩm mỹ cho trẻ cũng như sớm phát hiện, bồi dưỡng tiềm năng năng khiếu ở trẻ mầm non trong công tác giảng dạy sau này.	2	học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6) Thực hành
42	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN KI4283	Giúp cho người học nắm vững nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ, tổ chức thành thạo các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong quá trình thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) (0.6)
43	Giáo dục hành vi văn hóa KI4159	Giúp người học hiểu biết cơ bản và rèn luyện kỹ năng thực hành giáo dục hành vi văn hóa cho các cháu nhỏ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong trường mầm non. Kiến thức từ môn học giúp người học có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển, giáo dục hành vi văn hóa ở trường Mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) (0.6)
44	Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non KI4261	Học phần Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản nhất về môi trường xung quanh (MTXQ). Những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần còn giúp sinh viên học tập hiệu quả học phần Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen MTXQ, tự tin tham gia hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Ngành Sư phạm GDMN của Trường ĐH Đồng Tháp.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) (0.6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Kỹ năng quản lí cảm xúc của GVMN KI4182	Nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về cảm xúc, trí tuệ cảm xúc, những yếu tố liên quan đến cảm xúc. Nhận diện được các loại cảm xúc khác nhau và hiểu được ý nghĩa của việc quản lí cảm xúc của bản thân trong giao tiếp, ứng xử và trong hoạt động sư phạm của GVMN. Từ đó, giúp sinh viên có các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để có kĩ năng quản lí cảm xúc của bản thân, hình thành nhân cách người GVMN tương lai trong các mối quan hệ giao tiếp ở trường mầm non, đảm bảo yêu cầu của Chuẩn GVMN.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
46	Kỹ năng xử lí các tình huống sư phạm trong trường mầm non KI4184	Trang bị những kiến thức cơ bản về tình huống sư phạm, các tình huống sư phạm thường gặp ở trường mầm non , những lưu ý và những kỹ năng cần có của giáo viên mầm non trong quá trình giải quyết. Từ đó, giúp sinh viên có các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để hình thành kĩ năng nhận định, phân tích và giải quyết hợp lí các tình huống sư phạm ở trường mầm non. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp trên trẻ tốt hơn khi tham gia các học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
47	Kỹ năng tham vấn của GVMN KI4183	Hiểu kiến thức về tâm lí, giáo dục học mầm non. Vận dụng kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em và kiến thức về vệ sinh- dinh dưỡng, phòng bệnh, tâm bệnh học trẻ em và kiến thức giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong công tác tư vấn cho phụ huynh các vấn đề liên quan đến sự phát triển của trer. Nhận định được vai trò và trách nhiệm của người giáo viên mầm non trong bối cảnh xã hội. Chuẩn xác trong phân tích đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non. Đánh giá được trẻ qua quá trình giáo dục và hiệu quả các hoạt động giáo dục, có cơ sở vững chắc khi. Tư vấn cho phụ huynh về sự phát triển toàn diện của trẻ.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
48	Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt KI4172	Học phần Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt nằm trong khối kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành GDMN. Học phần giúp sinh viên (SV) có khả năng suy luận khái quát về trẻ có nhu cầu đặc biệt (TCNCĐB), các nội dung và phương pháp hỗ trợ trẻ. Từ đó giúp SV phân tích được đặc điểm tâm sinh lý trẻ, hình thành các kỹ năng thiết kế và thực hiện kế hoạch chăm sóc - giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: kiểm tra,bài tập nhóm 0.4 Đánh giá cuối kỳ: thi tự luận 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Kỹ năng tìm kiếm và khai thác nguồn tư liệu trong dạy học mầm non KI4170	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về CNTT trong dạy học; nắm rõ nguyên lý xác định các nguồn thông tin; phương pháp tìm kiếm thông tin, nguồn tư liệu và xử lí tư liệu cho các hoạt động Mầm non hữu hiệu; các tiêu chí đánh giá thích hợp cho các nguồn thông tin. Đồng thời, học phần giúp SV nắm được các nguyên lý cơ bản trong an toàn thông tin và an ninh mạng.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Thực hành cá nhân, sản phẩm giữa kỳ, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành cá nhân, trọng số 0.6
50	Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non KI4203	Học phần này giúp cho sinh viên hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm và công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non, thấy được tầm quan trọng của môn học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, biết cách thực hiện nhiệm vụ tổ chức quản lý nhóm lớp, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy sau này. Học phần này bổ trợ cho học phần Can thiệp sớm, Giáo dục hòa nhập, Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: kiểm tra,bài tập nhóm 0.4 Đánh giá cuối kỳ: thi tự luận 0.6
51	Dạy học lớp ghép trong trường mầm non KI4162	Nội dung của học phần tiếp tục trang bị cho sinh viên các kiến thức về dạy học trong lớp mẫu giáo ghép; phân tích đặc điểm, nội dung, phương pháp, hình thức, thiết kế mục tiêu phù hợp với mọi lứa tuổi trong cùng một lớp học; cách tổ chức các hoạt động giáo dục, góp phần giúp cho việc triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh thực tế của địa phương	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: kiểm tra,bài tập nhóm 0.4 Đánh giá cuối kỳ: thi tự luận 0.6
52	Biên đạo múa KI4157	Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) khái niệm múa, phân loại múa, đặc trưng ngôn ngữ múa và kỹ năng thực hành múa; (2) phương pháp biên đạo múa dành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
53	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non KI4235	Môn học Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non thuộc kiến thức bổ trợ trong chương trình GDMN, trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ các loại tật: khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, ngôn ngữ, vận động và tự kỉ. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, Phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.			
54	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non KI4161	Môn học trang bị những kiến thức và kĩ năng cơ bản về can thiệp sớm. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
55	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 KI4101	Học phần Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một là học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một, những khó khăn tâm lí của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, nhiệm vụ, nội dung, hình thức tổ chức và các biện pháp thực hiện việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một phù hợp với trẻ trong bối cảnh địa phương.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá thúc học phần 0.6
56	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non KI4292	Học phần "Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non" là học phần thuộc nhóm bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cần thiết trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng tốt hơn trong thực tiễn giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
57	Giáo dục gia đình KI4108	Trình bày được kiến thức về tâm lí, giáo dục học mầm non về giáo dục con trong gia đình. Phân tích được những thay đổi về phương pháp giáo dục trẻ trong bối cảnh hiện nay, từ đó lựa chọn phương pháp phù hợp để xử lý các tình huống giáo dục trẻ; Hợp tác với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non KI4177	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non. Từ đó có thể vận dụng sáng tạo mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non vào thực tiễn một cách hiệu quả. góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo và giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển của xã hội.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: BT cá nhân + BT nhóm (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
59	Ứng dụng Steam trong dạy học mầm non KI4262	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản về giáo dục STEAM và việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ ở trường mầm non. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, học phần còn giúp sinh viên hiểu sâu hơn về tích hợp, tạo ra cơ hội trải nghiệm học tập đa dạng, sát thực tiễn, giàu ý nghĩa và phát triển các năng lực cần thiết.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
60	Vận dụng thuyết "đa trí tuệ" ở trường mầm non KI4251	Khái quát được kiến thức về lý luận và phương pháp phát triển đa trí tuệ cho trẻ mầm non. Nhận định những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tổ chức được các hoạt động phát triển đa trí thông minh cho trẻ.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6
61	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương KI4252	Nhằm hình thành cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về: phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo bối cảnh nhà trường và bối cảnh địa phương. Những kiến thức được sinh viên tích lũy từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					90 phút, trọng số 0.6
62	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non KI4253	Khái quát kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành giúp trẻ làm quen tiếng Anh. Lập được kế hoạch, xây dựng môi trường, tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh và đánh giá hiệu quả của hoạt động.	2	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên (0.4) Kiểm tra kết thúc học phần: (0.6) thi thực hành
63	Rèn luyện NVSPTX1 (Nghe, nói, đọc, viết) KI4401P	RLNVSPTX1 là học phần thuộc nhóm thực hành, thực tập nghề nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non về các kĩ năng: đọc, kể, nói, viết. Học phần chú trọng tính tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.	1	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên 0,4 Kiểm tra kết thúc học phần 0,6
64	Rèn luyện NVSPTX2 (Hát, múa) KI4402N	Trang bị cho SV những kỹ năng thực hành âm nhạc, giúp SV có kỹ năng thể hiện các tác phẩm âm nhạc thông qua biểu diễn múa, hát; Kỹ năng dạy trẻ ca hát, VĐTN...; Tổ chức các hoạt động văn nghệ cho trẻ ở trường MN	1	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0,4 Đánh giá kết thúc học phần 0,6
65	Rèn luyện NVSPTX3 (Phát triển nhận thức) KI4403	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non. Giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.	1	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: soạn giáo án+ tập dạy: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: thực hành tiết dạy:0.6
66	Rèn luyện NVSPTX4 (Phát triển thẩm mỹ) KI4404	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển các lĩnh vực thẩm mỹ bao gồm âm nhạc và tạo hình. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp SV sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường mầm non.	1	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: soạn giáo án, tập dạy: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: thực hành tiết dạy:0.6
67	Rèn luyện NVSPTX5 (Phát	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thương xuyên 5 thuộc khối thực hành, thực tập nghề nghiệp, tiếp nối 2 học phần Phương pháp	1	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên 0,4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	triển ngôn ngữ) KI4405	phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non, có vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng dạy học thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho sinh viên ngành mầm non. Học phần gồm các nội dung trọng tâm sau: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể học tiếp học phần Thực tập tốt nghiệp.			Đánh giá kết thúc học phần 0,6
68	Rèn luyện NVSPTX6 (Phát triển thể chất) KI4406	Học phần có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hình thành những tri thức và kĩ năng về các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt lĩnh vực phát thể chất cho trẻ mầm non sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo và giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	1	Học kỳ 7	Đánh giá thường xuyên: Lập kế hoạch, TH tập dạy (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành (0.6)
69	Thực tập cơ sở KI4491	Nhằm giúp sinh viên được tiếp cận tìm hiểu thực tế về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua các nội dung như: nghe báo cáo về thực tế tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở thực tập; quan sát và trực tiếp tham gia các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại nhóm/lớp mầm non; tổ chức cho trẻ tham gia hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh và chơi trò chơi dân gian. Những kiến thức, kỹ năng của học phần này sẽ giúp sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghề cần thiết, hình thành thái độ đúng đắn với nghề và tình yêu trẻ, yêu nghề; tự tin vận dụng kiến thức, kỹ năng lý luận vào tham gia các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non. Đây cũng là cơ hội để sinh viên học tốt hơn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và tham gia thực tập tốt nghiệp.	6	Học kỳ 6	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục cơ sở thực tập (K1): Trọng số 0.4 Điểm dự giờ hoạt động giáo dục của GVMN (K2): Trọng số 0.3 Điểm tham gia hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non (K3): Trọng số 0.3
70	Thực tập tốt nghiệp KI4407	Nhằm tạo điều kiện để sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp tại trường mầm non; là cơ hội để sinh viên kiểm nghiệm so sánh lý luận với thực tiễn và trải nghiệm kỹ năng nghề nghiệp. Tiếp nối với học phần KTSP và	8	Học kỳ 8	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục CSTTNN (K1):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		RLNVSPTX, sinh viên tiếp tục được tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường mầm non, được vận dụng linh hoạt kiến thức và kỹ năng nghề vào thực tế, bước đầu lập kế hoạch giáo dục; tham gia các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện công tác quản lí nhóm/lớp mầm non; Bên cạnh đó, sinh viên còn có cơ hội tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở trường MN, phát triển và hoàn thiện phẩm chất, tác phong và kỹ năng sư phạm, tiếp tục bồi dưỡng tình cảm nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp.			Trọng số 0.1 Điểm thực tập giảng dạy (K2): Trọng số 0.5 Điểm thực tập giáo dục (chăm sóc) (K3): Trọng số 0.4
71	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non KI4141N	Giúp sinh viên trang bị kiến thức lý luận về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ trong bối cảnh hiện nay. Qua học phần, sinh viên cũng rèn được kỹ năng sống cho bản thân.	3	Học kỳ 8	Đánh giá thường xuyên: Bài tập cá nhân, nhóm, thực hành (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Bài tập lớn (0.6)
72	Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới KI4236	Khái quát hóa được các quan điểm các phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số nước trên thế giới, nhấn mạnh những điểm mạnh và điểm yếu của mỗi cách tiếp cận. Vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn.	3	Học kỳ 8	Đánh giá thường xuyên: Chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận 90 phút, trọng số 0.6

9. Giáo dục Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Có kiến thức nền tảng về tiếng Việt gắn với chương trình Tiếng Việt ở tiểu	3	1	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Sử dụng các kiến thức của tiếng Việt đã học để thiết kế kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Có ý thức trau dồi đạo đức cá nhân; đạo đức nghề nghiệp; đạo đức xã hội thông qua các hoạt động học tập. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng thực hiện nhiệm vụ; làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm với công việc.			1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
2	Cơ sở Toán tiểu học 1	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được cơ sở toán học của kiến thức trong sách giáo khoa toán tiểu học - Minh họa được các suy luận cơ bản trong chương trình toán tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng kiến thức về lí thuyết tập hợp và logic toán để xác định đúng cơ sở toán học của nội dung dạy học toán ở tiểu học - Vận dụng được phương pháp giản đồ Ven, phương pháp Dirichlet và các phép suy luận đơn giản (lựa chọn tình huống,...) để giải các bài toán tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	1	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
3	Sinh lí học học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Mô tả và phân tích được đặc điểm sinh lí các hệ cơ quan, đồng thời nắm được các bệnh thường gặp cũng như cách phòng tránh các bệnh ở lứa tuổi học sinh tiểu học. - Nắm được quá trình trao đổi các chất, đặc điểm dinh dưỡng và các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức**	2	2	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4**1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,21.2. Bài tập nhóm: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng những kiến thức về sinh lí trẻ em vào việc tìm hiểu và ứng dụng các đặc điểm sinh lí của trẻ vào việc tổ chức dạy học và phương pháp giáo dục, vào việc dạy học môn Tự nhiên - Xã hội và Khoa học ở bậc Tiểu học. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
4	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích được các kiến thức về tiếng Việt có liên quan để trình bày được các kĩ năng đọc diễn cảm, viết chữ, nghe- nói, kể chuyện và viết các loại văn bản trong dạy học Tiếng Việt ở trường tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Phân tích được các kiến thức cơ sở của tiếng Việt để đánh giá các mức độ đạt được về các kĩ năng đọc, viết chữ, viết văn bản, nghe - nói và kể chuyện thông qua việc rèn luyện các kĩ năng. - Có ý thức trau dồi đạo đức cá nhân; đạo đức nghề nghiệp; đạo đức xã hội thông qua các hoạt động học tập. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Tích cực rèn luyện để hình thành kĩ năng sử dụng Tiếng Việt; Chủ động, sáng tạo trong vận dụng dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Có tinh thần trách nhiệm và ý thức trong học tập.	2	2	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi vấn đáp): 0,6**
5	Cơ sở Toán tiểu học 2	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được cơ sở toán học của các tập hợp số, các phép toán cơ bản và tính chất của chúng. Giải thích được cơ sở toán học của chủ đề số và đại số; của các yếu tố hình học và đo lường. trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. - Giải thích được các phương pháp ghi số liệu thống kê thống kê, các đại lượng đặc trưng và xác suất trong nội dung chương trình toán tiểu học.	3	2	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập tại lớp 1.2. Bài tập nhóm 1.3. Kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức - Vận dụng các kiến thức về số và đại số, hình học và đo lường để giải một số dạng toán tiểu học có liên quan. - Thực hiện được các cách ghi số liệu thống kê, tính được các đại lượng đặc trưng và xác suất, vận dụng vào dạy học sau này. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Lập được kế hoạch và phân công và thực thi nhiệm vụ trong nhóm; phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; tự định hướng phát triển năng lực cá nhân về chuyên môn và hợp tác với tập thể.			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
6	Văn học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận văn học, văn học dân gian Việt Nam, văn học viết Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận văn học, có năng lực cảm thụ văn học, kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học trong chương trình Tiểu học. - Thể hiện tình yêu đối với văn học, giữ gìn và bảo vệ nền văn học dân tộc; Biết sáng tạo trong hoạt động dạy học văn học ở trường Tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. - Sinh viên có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao	3	3	**1. Đánh giá thường xuyên: 0.4** Báo cáo nhóm: 0.2 Kiểm tra thường kỳ: 0.2 **2. Đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0.6**
7	Cơ sở khoa học Tự nhiên- Xã hội	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Vận dụng được kiến thức Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý. Mô tả được mục tiêu, nội dung của Chương trình Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lý ở Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở Tiểu học.	3	3	**1. Điểm đánh giá thường xuyên:** 1.1. Thảo luận: 0,2 1.2. Kiểm tra: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề nảy sinh; nghiên cứu, khám phá tri thức; làm việc nhóm và giao tiếp. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc tự chủ, độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và tự chịu trách nhiệm với công việc được giao, phân tích, bảo vệ quan điểm của mình.			**2. Điểm đánh giá KTHP:** Thi tự luận (0,6)
8	Ngữ dụng tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Vận dụng được các kiến thức về chiếu vật, chỉ xuất, hành động ngôn từ, lập luận, hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn vào việc dạy đọc hiểu văn bản nghệ thuật và dạy học luyện nói trong giờ Tập làm văn. - Giải thích được các kiến thức về Ngữ dụng tiếng Việt trong một văn bản cụ thể. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Vận dụng được các kiến thức về Ngữ dụng tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp hội thoại hiệu quả; biết giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt trong hội thoại giao tiếp. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Đánh giá được khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
9	Ngữ pháp tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về Ngữ pháp tiếng Việt (hệ thống từ loại tiếng Việt, cấu tạo của các loại cụm từ tiếng Việt, thành phần câu, đặc điểm các loại câu, dấu câu), tạo lập đúng các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về Ngữ pháp học để phân tích, tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp; biết giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt về mặt cú pháp. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Đánh giá được khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm; chấp nhận và tự chịu trách nhiệm với công việc			
10	Phong cách tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về Phong cách học tiếng Việt (các phương tiện, biện pháp tu từ tiếng Việt; các phong cách chức năng ngôn ngữ), tạo lập đúng các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về Phong cách học tiếng Việt để phân tích, tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu và dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp; biết giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt ở các lĩnh vực phong cách ngôn ngữ. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Đánh giá được khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm; chấp nhận và tự chịu trách nhiệm với công việc	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
11	Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt (Các đơn vị từ vựng tiếng Việt; Các lớp từ vựng tiếng Việt; Cơ cấu nghĩa của từ và từ vựng tiếng Việt) **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về Từ vựng - ngữ nghĩa học để phân tích, tạo lập các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu, dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp; biết giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt về mặt từ ngữ. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Đánh giá được khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm; chấp nhận và tự chịu trách nhiệm với công việc			
12	Ngữ âm tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Vận dụng được các kiến thức về Ngữ âm tiếng Việt (cấu tạo âm tiết, hệ thống âm vị tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt, phương ngữ tiếng Việt) vào việc dạy luyện âm, luyện đọc, tập viết và chính tả ở tiểu học đạt hiệu quả. Vận dụng được các kiến thức về Ngữ âm tiếng Việt để sửa các lỗi phát âm và lỗi chính tả trong một văn bản cụ thể. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Sử dụng hiệu quả kiến thức về ngữ âm tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp; biết giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt về mặt phát âm và chữ viết. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Đánh giá được khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm. Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4**1.1. Bài tập: 0,21.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
13	Cơ sở khoa học Tự nhiên nâng cao	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Biết được những kiến thức chuyên sâu về cơ thể thực vật, cơ thể động vật, vật chất và năng lượng, con người và sức khoẻ. có liên quan đến chương trình dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học (Tự nhiên và Xã hội, Khoa học) **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Vận dụng được kiến thức đã học vào quá trình dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội và Khoa học ở tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm**	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập nhóm: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có thái độ tích cực đối với môn học. Thể hiện được lòng ham hiểu biết, ý thứchọc hỏi, khám phá nâng cao trình độ kiến thức, kĩ năng liên quan để có thể dạy hiệu quả các môn Tự nhiên và Xã hội và Khoa học ở tiểu học			
14	Cơ sở khoa học Xã hội nâng cao	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Vận dụng được kiến thức Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý. - Vận dụng kiến thức về chương trình các môn học giáo dục phổ thông ở Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm phát triển chuyên môn, môi trường dạy học và giáo dục ở Tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Xác định đúng yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể; Xác định đúng những kiến thức cơ sở của người học hình thành được kiến thức mới **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc tự chủ, độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và tự chịu trách nhiệm với công việc được giao, phân tích, bảo vệ quan điểm của mình.	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Thảo luận: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
15	Văn học dân gian thiếu nhi	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Sinh viên hiểu được một số vấn đề về các thể loại truyện kể dân gian và thơ ca dân gian Việt Nam trong chương trình Tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Người học có năng lực cảm thụ văn học, kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học dân gian trong chương trình Tiểu học - Thể hiện tình yêu đối với văn học, giữ gìn và bảo vệ nền văn học dân tộc; Biết sáng tạo trong hoạt động dạy học văn học ở trường Tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. - Sinh viên có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Báo cáo nhóm: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Thi pháp văn học dân gian	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Sinh viên nắm được các vấn đề khái quát về thi pháp học và đặc trưng các thể loại văn học dân gian trên phương diện thi pháp học trong việc tìm hiểu những tác phẩm văn học ở Tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Người học có kỹ năng cảm thụ văn học, kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học dân gian dựa theo thi pháp thể loại - Thể hiện tình yêu đối với văn học, giữ gìn và bảo vệ nền văn học dân tộc; Biết sáng tạo trong hoạt động dạy học văn học ở trường Tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. - Sinh viên có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Báo cáo nhóm: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
17	Văn học viết thiếu nhi	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Sinh viên nắm được những kiến thức về các tác giả, tác phẩm văn học viết thiếu nhi Việt Nam và văn học viết thiếu nhi nước ngoài trong chương trình Tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Người học có năng lực cảm thụ văn học, kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học viết trong chương trình Tiểu học - Thể hiện tình yêu đối với văn học, giữ gìn và bảo vệ nền văn học dân tộc; Biết sáng tạo trong hoạt động dạy học văn học ở trường Tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. - Sinh viên có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Báo cáo nhóm: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** -Trình bày được một số kiến thức cơ bản về biểu thức toán học, phương trình bậc nhất một ẩn, hệ phương trình bậc nhất một ẩn và một số phép suy luận trong dạy học toán tiểu học; -Phân tích được cơ sở toán học của phương pháp giải một số dạng toán tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Phác thảo được phương pháp giải toán của một số dạng toán tiểu học và giải thích rõ cơ sở toán học và thực hiện giải một số dạng toán tiểu học bằng các phương pháp giải toán; - Giải quyết được vấn đề trong học phần, logic, hệ thống. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; - Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập tại lớp 1.2. Bài tập nhóm 1.3. Kiểm tra **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
19	Đại lượng và đo đại lượng trong môn Toán tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Giải thích được một số vấn đề về đại lượng và đo đại lượng; Chứng minh được một loại đại lượng nào đó xác định trên một tập hợp. - Phân tích được hệ thống các đại lượng sử dụng trong toán tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Phân tích được các đại lượng và đo đại lượng trong nội dung cụ thể toán tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	**1. Đánh giá thường xuyên: 0,4** Bài tập: 0.2 Kiểm tra: 0.2 **2. Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận: 0.6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Mô tả được mục tiêu, nội dung chương trình môn Tiếng Việt ở Tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt 2018 và giải thích được cấu trúc nội dung chương trình. - Diễn giải được đối tượng, nhiệm vụ của PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học, cơ sở khoa học của PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học; Giải thích được sự vận dụng của các nguyên tắc và phương pháp vào dạy học Tiếng Việt và việc dạy Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực; Lựa chọn được những phương pháp, hình thức đánh giá, phương tiện dạy học phù hợp vào dạy học môn Tiếng Việt tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Thu thập, phân tích và đánh giá được một số kế hoạch dạy học - Thiết kế được một số hoạt động dạy học Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực - Lập được kế hoạch kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở Tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Độc lập làm việc và chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	2	**1. Đánh giá thường xuyên: 0,4** Bài tập nhóm: 0.2 Kiểm tra: 0.2 **2. Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận: 0.6**
21	Lí luận dạy học toán ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Mô tả được mục tiêu, nội dung của chương trình Toán ở tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018 và giải thích mức độ yêu cầu cần đạt của từng nội dung, cấu trúc nội dung trong chương trình. - Lựa chọn được những phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học, phương pháp đánh giá phù hợp vào dạy học môn Toán tiểu học **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Xác định đúng yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể; Xác định đúng tri thức cơ sở của học sinh để hình thành kiến thức mới; Xác định được các hoạt động dạy học chủ yếu trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể.	3	3	**1. Đánh giá thường xuyên: 0,4** - Bài tập: 0.1 - Kiểm tra: 0.1 - Bài tập: 0.1 - Kiểm tra: 0.1 **2. Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận: 0.6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết kế được hoạt động dạy học cụ thể của bài học toán theo hướng phát triển năng lực của học sinh. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			
22	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Diễn giải được mục tiêu, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, nội dung chương trình và sách giáo khoa của các bài dạy đọc, viết chữ và chính tả ở môn Tiếng Việt tiểu học - Giải thích rõ nội dung và sự vận dụng vào dạy đọc, viết của các phương pháp chung và phương pháp đặc thù trong dạy đọc và viết tiếng Việt ở tiểu học. - Liệt kê đúng, đủ các bước tổ chức dạy học và quy trình dạy học các bài dạy âm vần, dạy đọc văn bản và đọc mở rộng, viết chữ và viết chính tả. - Liệt kê đủ và trình bày rõ nội dung của các hình thức, tiêu chí, xử lí kết quả học tập và đánh giá kết quả học đọc, viết chữ, viết chính tả ở Tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế được kế hoạch dạy học các bài dạy âm, vần; bài dạy đọc văn bản, đọc mở rộng, tự đọc sách báo; bài dạy viết chữ và bài chính tả ở môn Tiếng Việt tiểu học - Tổ chức được hoạt động dạy học các bài dạy âm, vần; bài dạy đọc văn bản, đọc mở rộng, tự đọc sách báo; bài dạy viết chữ và bài chính tả ở môn Tiếng Việt tiểu học. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	3	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (vấn đáp): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Hiểu kiến thức về lí luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục tiểu học - Vận dụng kiến thức về lí luận và phương pháp nghiên cứu để triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở trường sư phạm. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Có kỹ năng nghiên cứu, khám phá, giải quyết vấn đề khoa học trong giáo dục tiểu học. - Thiết kế,thực hiện được kế hoạch, đề cương chi tiết đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục ở Tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm để hoàn thành kế hoạch, nghiên cứu đề tài. - Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải quyết vấn đề, thực hiện kế hoạch, nghiên cứu thành công.	2	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra lần 1: 0,2 1.2. Kiểm tra lần 2: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (BTL): 0,6**
24	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Diễn giải được mục tiêu, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, nội dung chương trình và sách giáo khoa của các bài dạy sử dụng từ và câu, dạy nghe-nói và viết văn bản ở môn Tiếng Việt tiểu học - Giải thích rõ nội dung và sự vận dụng vào dạy học của các phương pháp chung và phương pháp đặc thù trong dạy sử dụng từ và câu, dạy nghe-nói và viết văn bản ở tiểu học. - Liệt kê đúng, đủ các bước tổ chức dạy học và quy trình dạy học các bài dạy sử dụng từ và câu, dạy nghe-nói và viết văn bản. - Liệt kê đủ và trình bày rõ nội dung của các hình thức, tiêu chí, xử lí kết quả học tập và đánh giá kết quả các bài học sử dụng từ và câu, nghe-nói và viết văn bản ở Tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức**	3	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ 1: 0,1 1.3. Kiểm tra thường kỳ 2: 0,1 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (vấn đáp): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết kế được kế hoạch dạy học các bài dạy sử dụng từ và câu, dạy nghe-nói và viết văn bản ở môn Tiếng Việt tiểu học - Tổ chức được hoạt động dạy học các bài dạy sử dụng từ và câu, dạy nghe-nói và viết văn bản ở môn Tiếng Việt tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			
25	Dạy học Toán tiểu học theo chủ đề	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, hoạt động dạy học các chủ đề theo từng dạng bài học trong Toán tiểu học. - Mô tả được kế hoạch dạy học các chủ đề, các nội dung thực hành và hoạt động trải nghiệm Toán tiểu học bằng các hoạt động dạy học cụ thể theo từng dạng bài học trong Toán tiểu học. **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế được kế hoạch dạy học các dạng bài học theo từng chủ đề trong Toán tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. - Thiết kế được kế hoạch tổ chức các nội dung Thực hành và hoạt động trải nghiệm, giải toán có lời văn ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm về công việc được giao; - Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích, bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập các chương: 0,2 1.2. Bài kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Tự luận): 0,6**
26	Lý luận dạy học Tự nhiên- Xã hội	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Hiểu kiến thức về chương trình, sách giáo khoa các môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí trong chương trình giáo dục Tiểu học.	2	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm vững kiến thức về PPDH, HTDH, PTDH và đánh giá học sinh môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Phân tích được việc sử dụng về PPDH, HTDH, PTDH và đánh giá học sinh với nội dung bài học môn môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí ở Tiểu - Thiết kế, thực hiện được vận dụng về PPDH, HTDH, PTDH và đánh giá học sinh với nội dung bài học môn môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí ở Tiểu **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			điều kiện dự thi 1.2. Kiểm tra lần 1: 0,2 1.3. Kiểm tra lần 2: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
27	Ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Diễn giải được mục tiêu môn Ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học, định hướng tạo ra các sản phẩm tin học: xây dựng trò chơi, bài dạy tiểu học có sử dụng CNTT. Nêu được cách sử dụng các sản phẩm tin học như: trò chơi, bài dạy có UDCNTT… cách ứng xử văn hóa trong môi trường số vào tình huống cụ thể. - Xác định được các yếu tố cấu thành trò chơi; kế hoạch bài dạy có UDCNTT như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hình thức đánh giá trong việc thiết kế. Phác thảo được kế hoạch bài dạy có UDCNTT phù hợp với dạng bài và đối tượng học sinh cụ thể. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Thực hiện được các thao tác thực hành tạo ra sản phẩm tiểu học có UDCNTT theo cá nhân hoặc nhóm. - Tổ chức và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá có sử dụng CNTT khi dạy các môn học tiểu học. Phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của học sinh. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm**	3	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Thực hành cá nhân: 0,2 1.2. Điểm sản phẩm giữa kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thực hành): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập. Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, thực hành. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.			
28	Phương pháp dạy học Tự nhiên- Xã hội	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Vận dụng kiến thức về chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí trong chương trình giáo dục bậc tiểu học. - Vận dụng kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học, tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế được kế hoạch dạy học các loại bài học môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học - Thực hiện được kế hoạch dạy học các loại bài học môn Tự nhiên và Xã hội; Khoa học; Lịch sử và Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: 0,1 1.2. Kiểm tra lần 1: 0,1 1.3. Kiểm tra lần 2: 0,1 1.4. Kiểm tra lần 3: 0,1 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
29	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Giải thích được một số vấn đề cơ bản về HĐTN - Xác định được các yếu tố cấu thành kế hoạch HĐTN như: mục tiêu, nội dung, PPDH, hình thức, công cụ đánh giá,… để thiết kế kế hoạch HĐTN phù hợp với chủ đề và đối tượng HS cụ thể; **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế và tổ chức triển khai được kế hoạch HĐTN cho bài/chủ đề và đối tượng HS cụ thể theo yêu cầu mục tiêu của chương trình HĐTN. - Thiết kế được tiêu chí đánh giá kết quả học tập và xác dịnh hình thức đánh giá cho kế hoạch HĐTN cho bài/chủ đề cụ thể. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm**	3	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Báo cáo nhóm: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lập kế hoạch và tổ chức làm độc lập và tham gia làm việc nhóm tiến độ. đồng thời, hợp tác với tập thể, trình bày ý kiến và có khả năng bảo vệ được quan điểm của bản thân và chịu trách nhiệm với công việc; Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân về chuyên môn.			
30	Dạy học giải toán ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Trình bày được một số vấn đề cơ bản về giải bài tập toán tiểu học - Phân tích được cách thức dạy học giải bài tập toán tiểu học; phân tích được cách khai thác bài toán **2. Kỹ năng/ phẩm chất đạo đức** - Phác thảo được kế hoạch hoạt động dạy học giải bài tập toán; phác thảo được cách thức khai thác bài toán. - Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học giải bài tập toán tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập nhóm: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
31	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	**1. Mục tiêu kiến thức** SV hiểu được khái niệm, chức năng của đạo đức và những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam; SV phân biệt được sự giống và khác nhau giữ đạo đức và đạo đức học; SV vững Nắm được một số phạm trù đạo đức cơ bản: Thiện và ác, nghĩa vụ và hạnh phúc, lương tâm,... đồng thời luận giải được các phạm trù đó trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học. SV có khả năng vận dụng được những vấn đề lý luận của phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học từ đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, mục tiêu, đặc điểm, nội dung vào việc tổ thức thực hành các phương pháp, ác phương tiện, kết hợp các hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở Tiểu học.	3	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập nhóm: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Mục tiêu về kỹ năng SV có kỹ năng soạn giảng các bài trong chương trình Đạo dức ở tiểu học. SV có khả năng vận dụng các phương pháp dạy học vào thực hành giảng dạy các bào ở môn Đạo đức ở Tiểu học. **3. Mục tiêu về thái độ** SV luôn ý thức được việc thực hiện các quy chuẩn đạo đức của xã hội và thấy được trách nhiệm của mình trong việc giáo dục HS thực hiện các quy chuẩn đạo đức đó. SV có ý thức tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong việc sử dụng các phương pháp, phương tiện, …trong dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học.			
32	Tích hợp trong dạy học ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích và xác định được kiến thức cơ bản về lý thuyết DHTH như: khái niệm, đặc điểm, các hình thức, lựa chọn được nội dung kiến thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để thiết kế KHBD theo định hướng dạy học tích hợp. **2. Kĩ năng/Phẩm chất đạo đức** Vận dụng được lí luận và phương pháp dạy học các môn học ở Tiểu học để thiết kế KHBD và tổ chức dạy học các môn học theo hướng tích hợp. **3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra lần 1: 0,2 1.2. Kiểm tra lần 2: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần** (Thi tự luận): 0,6
33	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Trình bày được quan điểm năng lực, đặc trưng của năng lực; Năng lực toán học, đặc điểm của năng lực toán học.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhắc lại được một số thành tố và những biểu hiện của năng lực tư duy và lập luận toán học trong hoạt động học toán của học sinh. - Giải thích được sự phát triển tư duy và lập luận toán học của học sinh tiểu học.Nhắc lại được các bước dạy học phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và tổ chức đúng các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với nhiệm vụ của cá nhân, của nhóm và lớp học phần; - Có khả năng hợp tác, hướng dẫn sinh viên khác thực hiện nhiệm vụ học tập của học phần; - Có khả năng phân tích, phê phán và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể đối với các nhiệm vụ học tập của học phần; - Có khả năng lập kế hoạch, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch theo quy định của học phần.			cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
34	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được thành tố và biểu hiện của năng lực giao tiếp toán học trong môn Toán tiểu học. Minh hoạ trên nội dung cụ thể toán tiểu học - Giải thích được sự phát triển năng lực giao tiếp toán học của học sinh tiểu học thông qua một bài học cụ thể toán tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được thành tố và biểu hiện của năng lực mô hình hóa toán học trong môn Toán tiểu học. Minh hoạ trên nội dung cụ thể toán tiểu học - Giải thích được sự phát triển năng lực mô hình hóa toán học của học sinh tiểu học thông qua một bài học cụ thể toán tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
36	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được thành tố và biểu hiện của năng lực giải quyết vấn đề toán học trong môn Toán tiểu học. Minh hoạ trên nội dung cụ thể toán tiểu học - Giải thích được sự phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh tiểu học thông qua một bài học cụ thể toán tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
37	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được thành tố và biểu hiện của năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán trong môn Toán tiểu học. Minh hoạ trên nội dung cụ thể toán tiểu học	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giải thích được sự phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán của học sinh tiểu học thông qua một bài học cụ thể toán tiểu học **2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			1.2. Bài tập: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
38	Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Giải thích được cấu trúc năng lực dạy học toán của giáo viên tiểu học; - Phân tích được những biểu hiện và thành tố năng lực dạy học toán của giáo viên tiểu học và cách thức phát triển những năng lực thành tố dạy học toán của giáo viên. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Nghiên cứu được nội dung chương trình, sách giáo khoa; - Thiết kế và triển khai hoạt động dạy học toán tiểu học phát triển năng lực học sinh. 3. **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** - Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; - Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: 0,1 1.2. Bài tập: 0,1 1.3. Kiểm tra giữa kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần** (Bài tập lớn): 0,6
39	Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Giải thích được cấu trúc năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Phân tích được những biểu hiện và thành tố năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội và cách thức phát triển những năng lực thành tố dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. **2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức**	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** - Bài tập: 0,2 - Kiểm tra giữa kỳ: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nghiên cứu được nội dung chương trình, sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội - Thiết kế và triển khai hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội phát triển năng lực học sinh. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, sáng tạo và phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân			**2. Thi KTHP: thi tự luận (0,6)**
40	Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Phân tích được những biểu hiện và thành tố năng lực dạy học môn Khoa học; cách thức phát triển những năng lực thành tố dạy học môn Khoa học của giáo viên. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** Thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học môn Khoa học phát triển năng lực học sinh. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; - Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, sáng tạo và phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập nhóm: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
41	Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Sinh viên giải thích được khái niệm, thuật ngữ và trình bày được các thành tố cơ bản của dạy học theo hướng tiếp cận năng lực môn học Lịch sử và Địa lý; Sử dụng thành thạo phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển năng lực học sinh trong môn học Lịch sử và Địa lý; Thiết kế và tổ chức dạy học hiệu quả đối với một số bài trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. **2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Đạt được kỹ năng phân tích cơ bản các nội dung bài học có mạch kiến thức	2	6	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 0,2 1.2. Bài tập nhóm + Thảo luận: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lịch sử - Địa lý lựa chọn các bài học khoa học, hợp lý để xây dựng hình thức tổ chức dạy học theo hướng tiếp cận năng lực người học; Biết nhận dạng, thiết kế, tổ chức nội dung bài dạy ở các mức độ khác nhau với các nhóm năng lực khác nhau; Biết tổng hợp, sâu chuỗi hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học cho từng loại bài học khác nhau trong sách giáo khoa môn học Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. - Đánh giá KHBD, chủ đề giáo dục STEM, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
42	Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Sinh viên giải thích được các kiến thức chung về PPDH môn Tiếng Việt cho HSDT; - Lựa chọn đúng các kiến thức về: dạy phát âm, sửa lỗi phát âm và dạy HSDT phát triển lời nói trong bài học âm vần; dạy HSDT nói - nghe và đọc; dạy viết và sửa lỗi văn viết cho HSDT. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng được lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc ở Tiểu học; - Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy Tiếng Việt phù hợp với yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói-nghe của HSDT. **3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân: 2 bài kiểm tra 1.2. Bài tập nhóm/ Thảo luận: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Phương pháp phát triển kĩ năng viết cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Hiểu kiến thức về chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt để xác định đúng các nội dung dạy viết trong SGK môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Phân tích kiến thức lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt trong việc lựa chọn nội dung, PPDH, HTTCDH và phương tiện dạy học viết ở tiểu học. - Dựa vào kiến thức lí luận và phương pháp đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt xây dựng và thực hiện đánh giá trong khi dạy học viết ở tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng được xu hướng dạy học môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; Diễn giải được các nội dung trong chương trình, SGK môn Tiếng Việt thuộc các lĩnh vực dạy viết ở tiểu học. - Phác thảo và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá khi dạy viết ở tiểu học; Phác thảo và thiết kế kế hoạch, công cụ đánh giá khi dạy viết ở tiểu học. - Tổ chức hoạt động viết ở tiểu học; sử dụng hợp lí các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của HS; đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy viết ở tiểu học.Thực hiện đánh giá kế hoạch dạy học, đánh giá hình thức tổ chức. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập; Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, nghiên cứu khoa học bộ môn và rèn luyện kĩ năng nghề. - Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.	3	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân (2 bài kiểm tra): 0,2 1.2. Bài tập nhóm/ Thảo luận: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
44	Phương pháp phát triển kĩ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Mô tả được mục tiêu, nội dung của chương trình dạy các kỹ năng luyện từ và câu ở tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt 2018 và giải thích được mức độ yêu cầu cần đạt của từng nội dung, cấu trúc nội dung trong chương trình.	3	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân (2 bài kiểm tra): 0,2 1.2. Bài tập nhóm/ Thảo luận: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Lựa chọn được những phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học, phương pháp đánh giá phù hợp vào dạy các kĩ năng sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Xây dựng được yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể; Xác định đúng tri thức cơ sở của học sinh để hình thành kiến thức mới; Xác định được các hoạt động dạy học chủ yếu trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể. - Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học cụ thể của bài học sử dụng từ và câu ở Tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
45	Phương pháp phát triển kĩ năng nghe-nói cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Hiểu kiến thức về chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt để xác định đúng các nội dung dạy nói- nghe và kể chuyện trong SGK môn Tiếng Việt ở tiểu học, các tình huống giao tiếp và các kiểu bài tập dạy nói- nghe và kể chuyện trong SGK môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Phân tích kiến thức lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt vào việc lựa chọn nội dung, PPDH, HTTCDH và phương tiện dạy học nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học. - Phân tích kiến thức lí luận và phương pháp đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt trong quá trình xây dựng và thực hiện đánh giá trong khi dạy học nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng được xu hướng dạy học môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; Diễn giải được các nội dung trong chương trình, SGK môn Tiếng Việt thuộc các lĩnh vực dạy nói và nghe và kể chuyện ở tiểu học. - Phác thảo và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các	3	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân (2 bài kiểm tra): 0,2 1.2. Bài tập nhóm/ Thảo luận: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá khi dạy nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học; Phác thảo và thiết kế kế hoạch, công cụ đánh giá khi dạy nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học. - Tổ chức hoạt động nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học; sử dụng hợp lí các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của HS; đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy nói- nghe và kể chuyện ở tiểu học. - Thực hiện đánh giá kế hoạch dạy học, đánh giá hình thức tổ chức. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập; Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, nghiên cứu khoa học bộ môn và rèn luyện kĩ năng nghề. - Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.			
46	Phương pháp phát triển kĩ năng đọc cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Xác định được các kiểu bài và giải thích được đặc điểm của các kiểu bài học âm, vần; Xác định và giải thích đặc điểm các kiểu văn bản dạy đọc và các kiểu bài đọc hiểu trong chương trình và SGK môn Tiếng Việt. - Phân tích và cho ví dụ được những điểm cần lưu ý khi tổ chức từng hoạt động đặc thù trong dạy học âm, vần; Phân tích và cho ví dụ cơ sở khoa học của việc dạy học đọc. - Phân tích và cho ví dụ được các biện pháp phát triển kĩ năng đọc lưu loát và đọc hiểu cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế được kế hoạch dạy học, chuẩn bị các đồ dùng, thiết bị dạy học nhằm phát triển kĩ năng đọc cho học sinh qua các bài dạy âm, vần và dạy đọc ở tiểu học. - Tổ chức được hoạt động dạy học âm, vần và dạy đọc ở tiểu học; sử dụng hợp lí các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy âm, vần và dạy đọc ở tiểu học. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm**	3	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra viết cá nhân (2 bài kiểm tra): 0,2 1.2. Bài tập nhóm/ Thảo luận: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			
47	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Vận dụng kiến thức về giáo dục giới tính, các phương pháp, hình thức tích hợp GDGT cho học sinh ở tiểu học; Liên hệ các bài học liên quan đến GDGT các môn ở tiểu học. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên thiết kế tích hợp một hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học liên quan đến nội dung bài dạy các môn ở tiểu học. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Vận dụng được kiến thức về GDGT để giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.Vận dụng kiến thức về các phương pháp, hình thức GDGT để dạy cho học sinh ở tiểu học. - Thực hiện được kế hoạch thiết kế nội dung tích hợp trong bài học các môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, đạo đức, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. **3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập nhóm: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
48	Giáo dục hòa nhập	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Trình bày được kiến thức đại cương về giáo dục hòa nhập: Đối tượng, nhiệm vụ của GDHN, phương pháp nghiên cứu GDHN, khái niệm, tính tất yếu và các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật. - Trình bày được khái niệm trẻ khuyết tật, nhận diện, phân loại trẻ khuyết tật. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế được các hoạt động giáo dục hòa nhập, hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học sinh tiểu học	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra giữa kì: 0,2 1.2. Kiểm tra cuối kì: 0,2 **2. Điểm đánh giá**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổ chức được các hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh tiểu học - Phát triển kỹ năng thấu cảm, giao tiếp với trẻ khuyết tật, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác trong GDHN **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Chuyên cần, chủ động, hứng thú tham gia hoạt động học tập và nghiên cứu			**kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
49	Giáo dục STEM ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1 Kiến thức** - Giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản về giáo dục STEM, các đặc trưng giáo dục STEM, phân biệt được các dạng thức của giáo dục STEM, đồng thời kết nối được các môn học để lựa chọn các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM - Sử dụng hợp lý các phương pháp và kỹ thuật dạy học, phương tiện dạy học, đánh giá trong giáo dục STEM **2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế và triển khai được kế hoạch bài dạy, chủ đề giáo dục STEM ở tiểu học gắn liền với việc chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, phương tiện dạy học, đánh giá khi lên tiết dạy theo hướng phát triển NL học sinh - Đánh giá KHBD, chủ đề giáo dục STEM, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh. **3 Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
50	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được các khái niệm cơ bản về chương trình, chương trình giáo dục, chương trình môn học, kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục ở tiểu học - Diễn giải được chương trình các môn học ở tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức**	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: 0,1 1.2. Bài tập: 0,1 1.3. Kiểm tra thường kỳ: 0,2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- So sánh, đối chiếu, tổng hợp, thu thập thông tin và ghi chép theo cá nhân hoặc nhóm - Thiết kế được chương trình giáo dục, chương trình môn học, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khoa học, khả thi, hiện đại - Đánh giá được chương trình giáo dục, chương trình môn học **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Chuyên cần, chủ động, hứng thú tham gia hoạt động học tập và nghiên cứu			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
51	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Có kiến thức khái quát về nhạc lý cơ bản, giải mã được các ký hiệu trong âm nhạc: Đọc được tên các nốt nhạc trên khuông nhạc, xác định được các trường độ của âm thanh và đọc/ gõ đúng tiết tấu, giai điệu bài hát/ bản nhạc, biết cách xác định giọng và dịch giọng bài hát… - Vận dụng kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học Âm nhạc để xác định được vai trò, ý nghĩa của âm nhạc đối với học sinh Tiểu học (HSTH); biết cách thể hiện và dàn dựng bài hát; biết cách dạy những bài hát trong chương trình Dạy học Âm nhạc cho HSTH. **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp. - Phác thảo được kế hoạch hoạt động dạy học âm nhạc, cụ thể là dạy học hát cho HSTH theo tuần, tháng, năm; thiết kế và thực hiện được kế hoạch dạy học hát cho HSTH; kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học hát của HSTH. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh; làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,3 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,1 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
52	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật	**1. Kiến thức**	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu được những kiến thức mỹ thuật cơ bản và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học **2. Kĩ năng/ phẩm chất** Thực hiện được các bài thực hành theo phân phối trong chương trình học; Thiết kế được bài dạy môn Mỹ thuật cho học sinh tiểu học. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** Hình thành thị hiếu thẩm mĩ đúng đắn, biết thưởng thức, cảm thụ cái đẹp của tự nhiên và tác phẩm mĩ thuật. Luôn đề cao ý thức tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng những điều đã học vào trong giảng dạy và trong thực tế cuộc sống. Có khả năng xây dựng niềm yêu thích môn mỹ thuật, giúp học sinh phát triển năng lực sáng tạo mỹ thuật, hiểu mỹ thuật, giao tiếp thông qua mỹ thuật một cách tự nhiên, góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh.			**2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (bài thực hành): 0,6**
53	Thể dục và phương pháp dạy học thể dục	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Vận dụng kiến thức về chương trình môn Thể dục trong chương trình giáo dục bậc tiểu học. - Vận dụng kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học môn Thể dục Tiểu học - Vận dụng kiến thức về lí luận và phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học trong dạy học môn Thể dục **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu lí luận dạy học môn Thể dục ở Tiểu học - Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên dạy học môn Thể dục ở trường tiểu học - Phác thảo được hoạt động dạy học phù hợp về phương pháp, hình thức, phương tiện với nội dung bài học môn Thể dục.	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Kiểm tra lần 1: 0,2 1.2. Kiểm tra lần 2: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phác thảo được kế hoạch hoạt động kiểm tra, đánh giá trong day học môn Thể dục - Thực hiện được kế hoạch hoạt động dạy học về phương pháp, hình thức, phương tiện với nội dung bài học môn Thể dục ở Tiểu học - Giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập - Đạo đức nghề nghiệp được biểu hiện toàn diện đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội trong dạy học và giáo dục **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** - Chủ động trong công việc và thực hiện đúng tiến độ. - Hợp tác với nhóm, tương tác trong quá trình tập luyện nhóm, có tinh thần trách nhiệm.			
54	Tin học-Công nghệ và phương pháp dạy học Tin học-Công nghệ ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Trình bày được một số kiến thức lý thuyết cơ bản về Tin học - Công nghệ - Giải thích được cách sử dụng nguyên liệu, dụng cụ, thao tác kỹ thuật, quy trình thực hiện khi thực hiện tạo ra sản phẩm thực hành cụ thể.- Xác định được các yếu tố cấu thành kế hoạch kế hoạch bài dạy như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hình thức đánh giá trong việc thiết kế kế hoạch bài dạy; - Phác thảo được kế hoạch bài dạy và xây dựng được công cụ đánh giá phù hợp với dạng bài và nhận thức của đối tượng HS cụ thể. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Thực hiện được thao tác kỹ thuật tạo ra sản phẩm và phác thảo được quy trình thực hiện một sản phẩm công nghệ. - Thiết kế và tổ chức triển khai được kế hoạch bài dạy cụ thể. - Xác định được hình thức, phương pháp và xây dựng được tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành cụ thể. - Đánh giá mức độ đạt được khi triển khai thực hiện so với mục tiêu của bài, nhằm hoàn thiện hoạt động dạy học; **3. Mức tự chủ và trách nhiệm**	2	7	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Thực hành cá nhân: 0,2 1.2. Thực hành nhóm: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lập kế hoạch và tổ chức làm độc lập và tham gia làm việc nhóm tiến độ. đồng thời, hợp tác với tập thể, trình bày ý kiến và có khả năng bảo vệ được quan điểm của bản thân và chịu trách nhiệm với công việc; Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân về chuyên môn.			
55	Rèn luyện NVSPTX1	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Giải thích được kiến thức về lí luận và PPDH môn Tiếng Việt khi vận dụng vào hoạt động rèn luyện các kĩ năng cơ bản. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Giải thích và vận dụng được các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp văn bản, phong cách học của tiếng Việt và các kiến thức lí luận và phương pháp dạy học - Tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc rèn luyện và đánh giá sự tiến bộ trong quá trình rèn luyện các kĩ năng cơ bản: đọc, viết, nói, kể. Xử lí được các tình huống sư phạm liên quan đến kiến thức và kĩ năng sử dụng tiếng Việt. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm** - Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác và làm việc theo nhóm, luôn phấn đấu nhằm hoàn thiện năng lực và phẩm chất của người giáo viên Tiểu học. Bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm yêu nghề, yêu trẻ, hình thành lý tưởng, lương tâm của người giáo viên.	1	4	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: Thực hành nhóm/ Thực hành cá nhân: 0,4** **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành cá nhân theo bộ đề thống nhất): 0,6**
56	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Xác định đúng mục tiêu, lựa chọn được nội dung dạy học, xác định được các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp tương ứng với từng dạng bài trong chương trình môn toán tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh. **2. Kĩ năng/Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế và tổ chức được kế hoạch bài dạy môn Toán theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học. - Quan sát và đưa ra được nhận xét, đánh giá tiết dạy môn Toán ở tiểu học	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: Điều kiện dự thi 1.2. Thiết kế KHBD: 0,4 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thực hành): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựa vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt của kế hoạch bài dạy. **3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân			
57	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Giải thích được kiến thức về lí luận và PPDH môn Tiếng Việt vào rèn luyện nghiệp vụ dạy học môn Tiếng Việt. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** 2.1. Thiết kế được kế hoạch dạy học và công cụ đánh giá bài dạy âm vần và dạy đọc, dạy chữ viết và chính tả, dạy viết văn bản và kể chuyện, dạy luyện từ và câu. 2.2. Thực hiện được kế hoạch dạy học và đánh giá các bài dạy âm vần, bài dạy đọc, bài dạy chữ viết và chính tả, dạy viết văn bản và kể chuyện, dạy sử dụng từ và câu ở tiểu học. **3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm** Làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: Điều kiện dự thi 1.2. Thiết kế KHBD: 0,4 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thực hành): 0,6**
58	Thực tập cơ sở	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Phân tích được kiến thức về lí luận tâm lí học, giáo dục học và PPDH và đánh giá môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Địa lí và Lịch sử, Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học - Trình bày được việc quản lý và điều hành hoạt động dạy học, giáo dục ở trường tiểu học **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Ứng dụng các kĩ năng giao tiếp, ứng xử và trắc nghiệm tâm lí với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh	6	6	**1.** Đánh giá tìm hiểu các hoạt động chuyên môn ở tiểu học: 0,2 **2.** Đánh giá rèn kỹ năng tổ chức các

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng được kế hoạch dạy học và giáo dục, kế hoạch đánh giá kết quả học tập có sẵn - Thiết kế được kế hoạch hoạt động dạy học, giáo dục - Tổ chức và đánh giá được hoạt động dạy học, giáo dục **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Chủ động, sáng tạo trong TTCS, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kĩ năng nghề. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật			hoạt động giáo dục học sinh: 0,5 **3.** Đánh giá rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học học sinh: 0,3
59	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Đánh giá được các thiết kế và hoạt động dạy học các bài thuộc môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** Thực hiện được kế hoạch bài học thuộc môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, sáng tạo và phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân	1	7	1. Điểm đánh giá thường xuyên (tự luận): 0,4 2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thực hành): 0,6
60	Thực tập tốt nghiệp	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Đối chiếu được lí luận, PPDH và đánh giá các môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Địa lí và Lịch sử, Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học - Giải thích được kiến thức về lí luận và phương pháp quản lí, điều hành hoạt động chuyên môn phù hợp với môi trường dạy học và giáo dục ở tiểu học **2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức** - Ứng dụng các kĩ năng giao tiếp và ứng xử với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh; kĩ năng nghiên cứu, giải quyết vấn đề - Thiết kế được kế hoạch dạy học, giáo dục - Tổ chức và đánh giá được hoạt động dạy học, giáo dục	8	8	1. Đánh giá tìm hiểu thực tế giáo dục: 0,1 2. Đánh giá thực tập giảng dạy: 0,5 3. Đánh giá thực tập giáo dục: 0,4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		3. Mức tự chủ và trách nhiệm Chủ động, sáng tạo trong TTTN, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kĩ năng nghề. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật. Định hướng chuyên môn			
61	Phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Mô tả được các quan điểm về năng lực toán học, các thành tố của năng lực toán học và những biểu hiện của năng lực toán học trong hoạt động học toán của học sinh tiểu học. Giải thích được các cơ hội hình thành và phát triển năng lực toán học cho học sinh theo nội dung các chủ đề dạy học trong Toán tiểu học. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** Vận dụng thiết kế được kế hoạch dạy học các chủ đề cụ thể, các hoạt động thực hành và trải nghiệm Toán tiểu học theo hướng phát triển năng lực toán học cho học sinh. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm về công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích, bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	8	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
62	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** Giải thích được cấu trúc năng lực dạy học tiếng Việt của giáo viên tiểu học. Phân tích được những biểu hiện năng lực dạy học tiếng Việt của giáo viên tiểu học và cách thức phát triển những năng lực dạy học. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** Nghiên cứu được nội dung chương trình, sách giáo khoa. Thiết kế và triển khai hoạt động dạy học tiếng Việt tiểu học phát triển năng lực học sinh. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm**	3	8	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Chuyên cần: 0,1 1.2. Bài tập: 0,21 1.3. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.			
63	Một số vấn đề về ngôn bản và dạy học hội thoại ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức** - Xác định đúng nội dung và giải thích làm rõ các vấn đề về lí thuyết ngôn bản, lí thuyết hội thoại, tình huống giao tiếp, cho ví dụ cụ thể các nội dung này được thể hiện trong sách Tiếng Việt tiểu học. - Chỉ ra được, phân thành nhóm được và phân tích được đặc điểm của các nội dung dạy hội thoại, các kiểu bài tập dạy hội thoại trong sách Tiếng Việt ở tiểu học. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức** - Thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, các bài tập đánh giá, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học khi dạy hội thoại ở tiểu học. - Tổ chức hoạt động dạy hội thoại ở tiểu học; sử dụng hợp lí các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy hội thoại ở tiểu học. **3. Mức tự chủ và trách nhiệm** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	8	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập: 0,2 1.2. Kiểm tra lần 1: 0,1 1.3. Kiểm tra lần 2: 0,1 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**
64	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi toán tiểu học	Học phần cung cấp cho người học: **1. Kiến thức:** Giải thích được vị trí, vai trò của việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học, cách phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học, cách khai thác những bài toán tiểu học để bồi dưỡng học sinh giỏi. **2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức:** Vận dụng phát hiện được học sinh giỏi toán và khai thác những bài toán tiểu học để tổ chức thực hiện được việc bồi dưỡng học sinh giỏi toán trong thực tiễn giảng dạy ở trường tiểu học. **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân	3	8	**1. Điểm đánh giá thường xuyên: 0,4** 1.1. Bài tập chương 1,2: 0,2 1.2. Kiểm tra thường kỳ: 0,2 **2. Điểm đánh giá kết thúc học phần (Thi tự luận): 0,6**

10. Giáo dục Chính trị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc đơn giản, quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	HK2	Điểm chuyên cần, Điểm bài tập, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 theo khung NLNN.	2	HK3	Điểm chuyên cần, Điểm bài tập, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu và nhận thức về quan điểm của Đảng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	3	HK3	Hình thức thi tự luận.
4	Công tác quốc phòng, an ninh	Nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.	2	HK2	Hình thức thi tự luận.
5	Quân sự chung	Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	3	HK4	Các thao tác kỹ thuật tháo lắp súng AK
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).	4	HK4	Kỹ thuật bắn súng AK.
7	Giáo dục thể chất 1	Nội dung môn học giúp người học biết được vai trò và tác dụng của TDTT; Giúp người học phát triển các tố chất thể lực một cách toàn diện, góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK2	Thực hành; Người học lựa chọn 1 trong 2 nội dung về chạy ngắn hoặc chạy cự ly trung bình để kiểm tra.
8	Bóng đá	Tập luyện các đòn thế cơ bản của Bơi lội, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu bơi lội ; Góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	2	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thang điểm quy định.
9	Bóng chuyền	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
10	Cầu lông	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
11	Võ thuật Vovinam	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
12	Võ thuật Karatedo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
13	Cờ vua	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Cờ vua	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
14	Bóng bàn	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện và phát triển các thế cờ tấn công và phòng thủ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Bóng ném	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng bàn, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
16	Bóng rổ	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng ném, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
17	Tennis (Quần vợt)	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng rổ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
18	Đá cầu	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện Tennis, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
19	Triết học Mác - Lênin	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 215/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương tập trung vào những kiến thức cơ bản vềtriết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội; khái quát về nội dung của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	4	HK1	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
20	Nhập môn ngành Giáo dục chính trị	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sp Khoa học xã hội; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK1	Điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành máy tính, thi cuối kỳ (bài thu hoạch)
21	Pháp luật Việt Nam đại cương	Cung cấp kiến thức về lý luận chung nhà nước và pháp luật; tổng quan về bộ máy Nhà nước CHXHCNVN và hệ thống pháp luật Việt Nam; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu của nước ta hiện nay.	2	HK1	Đánh giá quá trình học tập và kết thúc học phần. Trong đó,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					sử dụng các hình thức: Đánh giá chuyên cần, thảo luận, tự luận.
22	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về: Đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối mới. Cụ thể: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	HK2	Đánh giá chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
23	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
24	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học bao gồm 7 chương, trong đó có những nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm chương mở đầu và 4 chương, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018) và tổng kết bài học kinh nghiệm quá trình lãnh đạo của Đảng Qua đó khẳng	3	HK4	Đánh giá chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt nam của Đảng.			
26	Phương pháp tư duy	Môn học này cung cấp các phương pháp tư duy sáng tạo kèm theo nhiều minh họa thực tiễn để người học có thể nắm bắt và vận dụng.	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, Bài thu hoạch cuối kỳ
27	Xã hội học đại cương	Học phần bao gồm 03 mô-đun kiến thức: Lịch sử Việt Nam từ thời kì nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược; Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954; Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức có tính chất cơ bản nhất, hệ thống, khoa học về lịch sử dân tộc; hình thành, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng đặc trưng của bộ môn khoa học Lịch sử; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng huy động, sử dụng tri thức Địa lí trong việc góp phần giải quyết các nhiệm vụ của khoa học Lịch sử; góp phần tạo nền tảng tri thức phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện các công tác có liên quan đến chuyên ngành Địa lí; góp phần hình thành, phát triển nhân cách và năng lực của người học.	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, Bài thu hoạch cuối kỳ
28	Môi trường và con người	Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường; mối quan hệ giữa con người – môi trường – phát triển. Biết vận dụng những kiến thức cơ bản về môi trường để đánh giá, nhận xét những vấn đề liên quan đến môi trường, đặc biệt ở địa phương.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
29	Nhập môn khoa học giao tiếp	Sinh viên hiểu, phân tích, đánh giá được những kiến thức cơ bản của khoa học giao tiếp và hình thành được hệ thống kỹ năng giao tiếp tương ứng với các mức độ khác nhau. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức, kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập, vào thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
30	Tâm lý học đại cương	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK1	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
31	Tâm lý học trung học	Học phần Tâm lý học trung học giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng tâm lý của học sinh theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý học vào việc học tập, giáo dục và rèn luyện nhân cách của bản thân. Trọng tâm của học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học trung học sẽ làm cơ sở tiếp thu kiến thức từ các học phần khác trong chương trình đào tạo.			kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
32	Giáo dục học đại cương	Trang bị những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp sinh viên xem xét, vận dụng vào công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
33	Giáo dục học trung học	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của học sinh trung học theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
34	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non. Biết được những đặc điểm cơ bản về giáo dục – đào tạo vùng ĐBSCL và chính sách phát triển GD đối với vùng này ; - Sinh viên xác định được những tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn người giáo viên, các văn bản của Nhà nước về quản lý giáo dục. Đồng thời biết được kỹ thuật và soạn thảo các văn bản hành chính ; Kiến thức từ học phần giúp sinh viên có ý thức thái độ động cơ tốt trong việc trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển giáo dục con người trong nghề nghiệp tương lai.	2	HK6	Trắc nghiệm khách quan
35	Lịch sử Triết học	Phân tích kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của các trường phái, trào lưu triết học; so sánh, đánh giá những đóng góp và hạn chế của các trường phái triết học, trào lưu triết học trong lịch sử.	3	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Hiến pháp và định chế chính trị	Phân tích được những kiến thức cơ bản về lý luận chung về Hiến pháp và các chế định trong Luật Hiến pháp và cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Người học hiểu được các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục chính trị, biết thiết kế đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện và trình bày một nghiên cứu khoa học.	2	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
38	Chính trị học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về những hiện tượng, biểu hiện, bản chất, có tính quy luật của đời sống chính trị; đồng thời, đi sâu vào những vấn đề cơ bản của chính trị học, như khái luận về Chính trị học; quyền lực chính trị trong xã hội hiện đại; văn hóa chính trị; hệ thống chính trị; mối liên hệ giữa chính trị và kinh tế; các xu hướng chính trị đương đại.	2	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút
39	Logic hình thức	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức đại cương về logic học, qua đó xây dựng phương pháp nghiên cứu khoa học và tạo cơ sở cho việc tiếp cận, nghiên cứu các khoa học khác. Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến chuyên ngành Triết học và một số tình huống đời thường để sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả.	2	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút
40	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp sinh viên hiểu một cách có hệ thống sự ra đời, phát sinh và phát triển có hệ thống lịch sử các học thuyết kinh tế qua các thời kỳ, từ các học thuyết cổ đại đến trung đại và hiện đại. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào việc nghiên cứu các môn kinh tế ngành và hiểu sâu hơn về Những nguyên lý kinh tế của CHủ nghĩa Mác - Lênin. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của học phần để phân tích về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay và đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút
41	Lịch sử các học thuyết chính trị	Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển của các học thuyết chính trị trên thế giới từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại. Đồng thời đánh giá sự ra đời và phát triển trong mỗi thời kỳ lịch sử cũng như đánh giá sự tiến bộ trong nhận thức của nhân loại về sự tổ chức và quản lý xã hội.	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	Đạo đức học	Cung cấp cho sinh viên tri thức đạo đức học thông qua các lý thuyết đạo đức, các chuẩn tắc đạo đức, các lĩnh vực ứng dụng đạo đức học, liên hệ những phẩm chất đạo đức của người Việt Nam cùng nội dung và hình thức giáo dục đạo đức.	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút
43	Tiếng Việt thực hành	Biết vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ tiếng Việt để lí giải, phân tích, chỉ ra cái hay, cái đúng trong cách dùng từ, đặt câu, chữa lỗi chính tả, tạo lập và tiếp nhận văn bản; từ đó hướng tới việc trau dồi, rèn luyện kĩ năng nói và viết tiếng Việt trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
44	Mỹ học đại cương	Học phần *Mỹ học đại cương* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng của mỹ học, về mối quan hệ thẩm mỹ, về chủ thể và khách thể thẩm mỹ, những vấn đề chung về nghệ thuật và người nghệ sĩ, vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho sinh viên, học sinh. Học phần *Mỹ học đại cương* giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thu thập tài liệu, phân tích, tổng hợp vấn đề. Học phần *Mỹ học đại cương* giúp sinh viên biết thưởng thức và yêu mến cái đẹp, phê phán cái xấu, ngưỡng mộ trước cái cao cả và biết đồng cảm với cái bi.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
45	Tôn giáo học	Giúp người học hiểu biết những kiến thức cơ bản tôn giáo học qua việc phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu tôn giáo học; Một số vấn đề lý luận chung về tôn giáo; Một số tôn giáo thế giới; Một số tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay. Có thể vận dụng các kiến thức đã học vào nhận thức, giải quyết được một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn hoạt động tôn giáo ở Việt Nam phục vụ hoạt động nghề nghiệp.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
46	Văn hóa học đại cương	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được khái niệm văn hóa, vai trò của văn hóa trong khoa học và đời sống xã hội. Phân tích được bản chất, cấu trúc, chức năng của văn hóa và quy luật vận động và phát triển của văn hóa trong quá trình phát triển xã hội. Sinh viên thực hiện chuẩn xác trong tổng hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề của khoa học xã hội và nhân văn trong học tập và hoạt động nghề nghiệp. Thực hiện chuẩn xác trong việc tạo dựng môi trường học tập khoa học, dân chủ, an toàn, thân thiện, hợp tác và nhân văn. Thực hiện thành thạo trong giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm; sắp xếp, quản lý thời gian, thực hiện kế hoạch cá nhân,	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự học và tự nghiên cứu. Thể hiện được tình yêu quê hương, đất nước, nghề nghiệp; lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc tốt đẹp dân tộc và thời đại.			
47	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị	Vận dụng những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị trong hoạt động chuyên môn của bản thân.	2	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
48	Pháp luật thực định	- Hiểu, phân tích, vận dụng các kiến thức từ cơ bản đến trọng tâm của các ngành luật thực định trong hệ thống pháp luật Việt Nam vào thực tiễn đời sống. - Nhận biết, phân tích, đánh giá được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
49	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học qua một số tác phẩm tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin vào hoạt động nghề nghiệp.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch
50	Xây dựng và phát triển chương trình	Vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong xây dựng và phát triển chương trình vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch
51	Phương pháp giảng dạy môn giáo dục công dân	Sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan đến đặc thù phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân. Từ đó, có khả năng vận dụng và sáng tạo trong việc thiết kế, giảng dạy các bài trong chương trình môn Giáo dục công dân năm 2018 theo định hướng phát triển năng lực người học.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch
52	Chuyên đề giáo dục pháp luật	Hiểu, phân tích, vận dụng được các kiến thức về: phương pháp giáo dục pháp luật, phương pháp tiếp cận, cách thức khai thác các lĩnh vực pháp luật mới, tổ chức thực hiện hiệu quả các hình thức PBGDPL trong thực tiễn nghề nghiệp.	3	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
53	Phương pháp giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	Sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan đến đặc thù của phương pháp giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế & pháp luật. Từ đó, có khả năng vận dụng và sáng tạo trong việc thiết kế, giảng dạy các bài trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế & Pháp luật năm 2018 theo định hướng phát triển năng lực người học.	3	HK6	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thực hành tại phòng máy)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Chuyên đề Triết học	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên sâu về một số chuyên đề của triết học, triết học Việt Nam vào phân tích, lý giải các vấn đề thực tiễn đặt ra và vận dụng vào nghề nghiệp của bản thân.	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
55	Chuyên đề Kinh tế chính trị	Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin; vận dụng giải quyết được một số vấn đề khoa học và thực tiễn vào phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
56	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	Phân tích kiến thức được cơ bản nội dung chuyên sâu về tư tưởng HCM. Đánh giá được giá trị tư tưởng HCM trong thực tiễn cách mạng của dân tộc Việt Nam và việc vận dụng nội dung tư tưởng của HCM với các vấn đề kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa và xã hội. Từ đó, càng vững tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước.	3	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 90 phút)
57	Ứng dụng CNTT	Học xong học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, sinh viên sử dụng được kiến thức cơ bản công nghệ thông tin để biên soạn giáo án, thiết kế các trò chơi học tập, bài thi, bài kiểm tra, giảng dạy và nghiên cứu trong chuyên ngành.	3	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
58	Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và một số vấn đề lí luận cơ bản về thời đại ngày nay để xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước đặc biệt là xem xét trật tự thế giới ngày nay.	3	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
59	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	Phân tích có hệ thống kiến thức về sự hình thành, hoàn thiện đường lối Cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân đến Cách mạng XHCN và quá trình đổi mới tư duy, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Nắm vững và biết vận dụng những bài học kinh nghiệm được Đảng tổng kết và rút ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ.	2	HK7	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
60	Chuyên đề giáo dục kinh tế	Giúp sinh viên hiểu biết các nguyên tắc kinh tế cốt lõi để giải thích lý do tại sao từng cá nhân, công ty và chính phủ ra quyết định, và làm thế nào tận dụng tối đa nguồn	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lực sẵn có để có quyết định tốt hơn. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức được học để phân tích, giải thích, đánh giá được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế như tăng trưởng và phát triển kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, ngân sách nhà nước, chính sách thuế, sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh, tín dụng và các hình thức tín dụng, đạo đức, văn hóa trong sản xuất kinh doanh.			kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
61	Xây dựng Đảng	Phân tích được kiến thức cơ bản về lý luận công tác xây dựng Đảng với tư cách là một môn khoa học, lý thuyết về phương thức lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng trong các lĩnh vực đời sống xã hội và vận dụng vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng.	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
62	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	Trên cơ sở hiểu những vấn đề lý luận liên quan đến kiểm tra, đánh giá. Sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn giảng dạy để thiết kế đề kiểm tra, đánh giá trong chương trình môn Giáo dục công dân năm 2018.	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 90 phút)
63	Giáo dục quyền con người	Mục tiêu của giáo dục quyền con người là hướng tới sự tôn trọng công bằng, luật pháp, các quyền và tự do cơ bản của con người, không phân biệt đối xử bởi bất kỳ lý do gì từ phía cơ quan nhà nước, các thành phần khác trong xã hội và ngay trong chính bản thân mỗi công dân; phát triển toàn diện cá nhân con người và ý thức tôn trọng con người; thúc đẩy sự hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng giới và sự đoàn kết giữa các quốc gia, người bản địa và các nhóm chủng tộc, quốc gia, dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; khả năng hoạt động một cách có hiệu quả của tất cả mọi người trong một xã hội dân chủ. Đồng thời sinh viên vận dụng những kiến thức về quyền con người và giáo dục quyền con người để giáo dục các đối tượng cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp của mình.	3	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
64	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Thông qua học phần, trang bị chi sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của tư tưởng Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến nửa đầu thế kỷ XX; hiểu được những tư tưởng cơ bản nhất về thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt; đồng thời nắm được các tư tưởng về tư tưởng chính trị - xã hội, đường lối trị nước, về chuẩn mực đạo đức của con người. Đồng thời, sinh viên phân tích được những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của người Việt để từ đó có thể ứng	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng trong việc nghiên cứu và giải thích các vấn đề chính trị - xã hội hiện nay ở Việt Nam.			
65	Dân tộc học và chính sách dân tộc	Hiểu những vấn đề chung của dân tộc học như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của dân tộc học; tộc người, quan hệ tộc người; các tộc người ở Việt Nam. Nắm vững những kiến thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thực hành tại phòng máy)
66	Lôgic biện chứng	Trang bị kiến thức về các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng, các nguyên tắc và phương pháp của logic biện chứng, hiểu sâu sắc hơn các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phép biện chứng và nhận thức biện chứng.	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (Phân tích chương trình tích hợp, Thiết kế giáo án tích hợp)
67	Một số vấn đề về giáo dục công dân toàn cầu	Môn học này cung cấp những nhận thức, kỹ năng tư duy, kỹ năng xã hội giúp cá nhân thích nghi trong một ngôi làng toàn cầu chung.	2	HK7	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
68	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	4.1. Thao tác kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức HĐTN, HN. 4.2. Thao tác kỹ năng đánh giá kết quả HĐTN, HN. 4.3. Thao tác kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu. 4.4. Tích cực trong tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm.	2	HK5	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
69	Thực tế chính trị - xã hội	Thao tác kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức thực tế, tham quan, thao tác kỹ năng đánh giá kết quả HĐTN, HN.hao tác kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu.	2	HK6	Đi thực tế tham quan và viết Báo cáo thu hoạch
70	Công tác Đảng và Đoàn Thể	Hiểu biết kiến thức và thực hiện được những kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về công tác Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động Việt	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.			kết thúc học phần (bài thu hoạch)
71	Rèn luyện NVSPTX 1	Sinh viên hiểu về phương pháp thực hiện các kỹ dạy học cơ bản, hiểu về công tác chủ nhiệm và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo liên quan đến trường phổ thông. Từ đó, có khả năng vận dụng các kỹ năng này vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học ở trường phổ thông.	1	HK2	Làm việc cá nhân, nhóm ,SV Thực trên lớp và tự thực hành kỹ năng nói.
72	Rèn luyện NVSPTX 2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để thao tác tiết dạy môn GDKT & PL. Thao tác tìm kiếm, khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu để vận dụng vào tiết dạy, giáo án. Thành thạo trong phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nâng cao ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.	1	HK3	Thuyết trình, trực quan, làm việc nhóm, thực hành xử lý tình huống sư phạm, kỹ năng thiết kế bài giảng.
73	Rèn luyện NVSPTX 3	Vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để thao tác tiết dạy môn GDKT & PL. Thao tác tìm kiếm, khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu để vận dụng vào tiết dạy, giáo án. Thành thạo trong phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nâng cao ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.	1	HK4	- SV chuẩn bị giáo án và phương tiện hỗ trợ trong tiết dạy để tiến hành thao tác mẫu. - SV thực hành kỹ năng tổ chức dạy học môn GDKT&PL theo yêu cầu.
74	Thực tập cơ sở	Người học có kiến thức cơ bản về thực tế hoạt động của CSKT, nhận thức được hoạt động giảng dạy và vai trò thực tế của giáo viên trên lớp học. Hình thành kỹ năng giảng dạy, tổ chức các hoạt động trãi nghiệm.	1	HK6	Giáo viên và trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn chung của Nhà trường
75	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên tiếp xúc, tìm hiểu thực tế công tác giáo dục, nắm vững các chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên để từ đó hình thành kĩ năng, thái độ và tình cảm nghề nghiệp.	1	HK8	Giáo viên và trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn chung của Nhà trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giáo dục, từ đó rèn luyện và hình thành những phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên			
76	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này giúp sinh viên có thể xác định được một vấn đề trong thực tế cần nghiên cứu. Qua đó, dựa trên các cơ sở lý thuyết đề xuất giải pháp để thực hiện; tổng hợp kiến thức nền tảng và chuyên ngành để trình bày được một báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng nghiên cứu khoa học. Sinh viên có thể rèn luyện các kỹ năng mềm trong việc tổ chức thực hiện khóa luận tốt nghiệp cũng như việc trình bày và bảo vệ được kết quả nghiên cứu, giải pháp đã thực hiện.	1	HK8	Làm khóa luận bảo vệ trước hội đồng Bộ môn
77	Giáo dục giá trị	Phân tích và vận dụng những kiến thức cơ bản về giá trị, định hướng giá trị và giáo dục giá trị, hệ giá trị và hệ giá trị Việt Nam, giáo dục giá trị ở Việt Nam vào hoạt động nghề nghiệp.	6	HK8	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
78	Giáo dục kỹ năng sống	Sinh viên – học viên hiểu, phân tích, đánh giá được những kiến thức cơ bản về quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học. Từ đó, sinh viên – học viên vận dụng những kiến thức của bản thân để tiến hành hoạt động giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả cao.	6	HK8	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
79	Giáo dục gia đình	- Với những hiểu biết về môn học, sinh viên xác định được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với việc xây dựng gia đình và giáo dục gia đình, giáo dục giới tính, trách nhiệm của gia đình đối với xã hội. - Là cơ sở để vận dụng nghiên cứu phục vụ cho giảng dạy và công tác liên quan.	6	HK8	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)

11. Giáo dục Thể chất

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về Trường, về Khoa đào tạo, về ngành giáo dục thể chất đang theo học; nắm rõ chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; hiểu và thực hiện quy chế đào tạo, rèn	1	1	- Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm), trọng số 40% - Kiểm tra cuối kỳ (viết thu hoạch), trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, các phương pháp học tập và kỹ năng cơ bản của sinh viên. Qua đó, hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.			
2	Lý luận- Phương pháp TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những khái niệm cơ bản về TDTT và mối liên hệ giữa Lý luận phương pháp TDTT với các môm khoa học khác. Nắm vững các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp TDTT thông qua các văn bản, thông tư về công tác TDTT trong giai đoạn hiện nay. Xác định đúng mục đích và nhiệm vụ của giáo dục TDTT nói chung và trong trường học nói riêng. Nắm vững và vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc và các phương pháp giảng dạy TDTT, vận dụng các hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường nhằm nâng cao sức khỏe cho người học và phát triển các tố chất vận động phù hợp với giới tính, lứa tuổi và đặc điểm tâm sinh lý của người học.	2	4	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Chương 4-5-6
3	Lý luận TDTT trong trường học	Học phần trang bị cho sinh viên xác định đúng về mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất và nội dung chương trình giảng dạy môn GDTC trong trường phổ thông (các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp TDTT thông qua các văn bản, thông tư về công tác TDTT trong giai đoạn hiện nay) . Vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy TDTT và các hình thức tổ chức dạy học để biên soạn giáo án giảng dạy cho phù hợp, tổ chức huấn luyện và vận dụng các hình thức hoạt động ngoại khóa	2	5	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Chương 1-2-4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để phát triển các tố chất vận động, nâng cao sức khỏe cho phù hợp với người học (giới tính, lứa tuổi và đặc điểm tâm sinh lý….) và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.			
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Cơ sở lý luận chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; Các phương pháp nghiên cứu trong Thể dục thể thao; Tiến trình nghiên cứu một đề tài khoa học; Các kỹ năng cần thiết để xây dựng đề cương, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu.	2	5	- Có giáo trình môn học; Tham dự đầy đủ các buổi học (10%). - Kiểm tra tự luận về kỹ năng chọn đề tài, sử dụng phương pháp để nghiên cứu (30%). - Kiểm tra tự luận về kỹ năng chọn đề tài, sử dụng phương pháp để nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu (60%).
5	Sinh lý học thể dục thể thao	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sinh lí học trong trong hoạt động TDTT: Những ảnh hưởng và biến đổi của các chức năng trong cơ thể trong quá trình tập luyện; Cơ sở sinh lý của các tố chất thể lực và các bài tập thể thao. Áp dụng có hiệu quả trong công tác giảng dạy và huấn luyện thể thao.	2	6	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. (10%) - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Chương 1, 2 (30%) - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: (60%) **Tiến hành 1 trong 2 phương thức sau:** + Thi tự luận về kiến thức, kỹ năng của môn học. + Viết bài kiểm tra tổng kết (KTHP) về kiến thức, kỹ năng của môn học.
6	Đo lường, thống kê học trong TDTT	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đo lường và thống kê học trong TDTT; Thuần thục về phương pháp thu thập thông tin và xử lí số liệu về những dấu hiệu trong hoạt động thể dục thể thao; Áp dụng có hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học TDTT.	2	6	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. (10%) - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Bài tập kiểm tra tự luận về kỹ năng xử lí và trình bày số liệu. (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: (60%) **Tiến hành 1 trong 2 phương thức sau:** + Thi tự luận về kiến thức, kỹ năng của môn học. + Viết bài kiểm tra tổng kết (KTHP) về kiến thức, kỹ năng của môn học.
7	Ứng dụng CNTT trong dạy học	Học phần này giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các thực hiện một giáo án điện tử giảng dạy môn thể dục, tự tạo những đoạn video clip về lĩnh vực thể thao, các kỹ thuật động tác, biên soạn bài giảng điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy, đồng thời hướng dẫn người học các kỹ năng sử dụng Internet và tìm kiếm dữ liệu trên Internet.	1	6	- Kiểm tra giữa kỳ (thiết kế đoạn video), trọng số 40% - Kiểm tra kết thúc môn (thiết kế giáo án chuyên ngành), trọng số 60%
8	Y học Thể dục thể thao	1. Môn học này nhằm trang bị những kiến thức về Y sinh học thể dục thể thao để nghiên cứu và hoàn thiện quá trình giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khoẻ và thành tích thể thao. 2. Trên cơ sở hiểu biết, các giáo viên thể dục thể thao và huấn luyện viên sẽ vận dụng những kiến thức cơ bản của môn y học thể dục thể thao để thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ và đánh giá lượng vận động của vận động viên qua các bài tập, buổi tập, chu kỳ tập… đồng thời sử dụng các phương pháp hồi	2	6	1. Kiểm tra giữa kỳ: Tiểu luận/Bài tập: Chương 1,2. 2. Thi kết thúc học phần: Thi tự luận, thời gian 90 phút: chương 3,4,5. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phục sức khoẻ cho các vận động viên để nâng cao trình độ tập luyện và thành tích thể thao. 3. Sinh viên có thể kiểm tra và đánh giá hình thái, chức năng hệ cơ quan của cơ thể người trong quá trình hoạt động thể thể lực; Nhận biết được nguyên nhân chấn thương, các trạng thái bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu thể thao, từ đó biết được những biện pháp sơ cấp cứu ban đầu khi gặp phải. 4. Ứng dụng trong công tác tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao trẻ của các môn thể thao.			
9	Tâm lý học Thể dục thể thao	Tâm lý học Thể dục Thể thao còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Những vấn đề chung của tâm lý học thể dục thể thao; - Đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao và cơ sở tâm lý học của quá trình giảng dạy kỹ thuật - đào tạo VĐV thể thao; - Ngoài ra còn trang bị những kiến thức về kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nhằm giúp cho người học vận dụng các kiến thức trong học phần vào hoạt động sư phạm trong tương lai và các phẩm chất nghề nghiệp thuộc lĩnh vực thể thao.	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%) - Tham gia học đầy đủ 30 tiết, nghỉ không quá 20 % số tiết của môn học. - Chủ động, tích cực phát biểu ý kiến. 2. KT: Kiểm tra thường kì: Thực hiện 1 hoặc 2 bài kiểm tra. (30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần - Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Vệ sinh học đường	1. Tìm hiểu vai trò dinh dưỡng của các vitamin, axit amin, axit béo cần thiết cũng như mối liên quan giữa chế độ ăn với các hoạt động thể thao và các căn bệnh mạn tính. Những hiểu biết về dinh dưỡng là điều không thể thiếu được đối với những sinh viên chuyên ngành thể thao, cán bộ , giáo viên, huấn luyện viên và các vận động viên thể thao cũng như những người tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, kéo dài tuổi thọ cho vận động viên. 2. Thông qua việc ăn uống, con người nhận được chất dinh dưỡng là một nhu cầu sinh học cơ bản của con người. Ăn uống cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp con người duy trì sự sống và sinh trưởng. Vì vậy, cần có một chế độ ăn uống hợp lí, đủ về chất lượng, phù hợp với lứa tuổi, với thể trạng, hoạt động nghề nghiệp… nhằm đảm bảo tốt cho sức khỏe. Bên cạnh đó, môn học góp phần hình thành thói quen thường xuyên tập luyện TDTT một cách khoa học và hệ thống. Biết tự nâng cao sức khỏe, tránh những ảnh hưởng xấu tác động từ môi trường bên ngoài.	2	4	1. Kiểm tra giữa kỳ: Tiểu luận/Bài tập: Nguyên nhân và các yếu tố làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Nguyên nhân và biện pháp phòng chống một số bệnh tật thường gặp trong trường học. 2. Thi kết thúc môn: Thi tự luận: Dinh dưỡng thể thao và những nguyên tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
11	Giáo dục học TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được kiến thức về những vấn đề cơ bản chung của Giáo dục học TDTT, các quá trình sư phạm của giáo dục, sự phát triển nhân cách trong TDTT, nguyên tắc và phương pháp trong giáo dục TDTT. Vận dụng được kiến thức cơ bản giải quyết các vấn đề về giáo dục trong TDTT.	2	4	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%) - Tham gia học đầy đủ 30 tiết, nghỉ không quá 20 % số tiết của môn học. - Chủ động, tích cực phát biểu ý kiến.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					2. KT: Kiểm tra thường kì: Thực hiện 1 hoặc 2 bài kiểm tra. (30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần - Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
12	Kinh tế học thể dục thể thao	1. Nghiên cứu hoạt động kinh tế của thể dục thể thao nhằm mục đích làm rõ lợi ích kinh tế trong hoạt động thể dục thể thao gắn liền với lợi ích xã hội của sự nghiệp thể dục thể thao. Ngành thể thao không chỉ cung cấp cho xã hội những thành quả hữu ích về văn hóa xã hội mà còn cung cấp các sản phẩm dịch vụ thể dục thể thao về sức khoẻ tinh thần. 2. Nghiên cứu những quy luật kinh tế vận hành trong lĩnh vực thể dục thể thao và những đặc điểm của nó thì mới có thể xử lý một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế trong lĩnh vực thể dục thể thao, cải tiến quản lý sự nghiệp thể dục thể thao, cải cách cơ chế vận hành và thể chế quản lý thể dục thể thao, phát huy tối đa vai trò của sản nghiệp thể dục thể thao trong nền kinh tế quốc dân theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	2	4	1. Đánh giá định kỳ： Tiểu luận/ bài tập về nhà： Phân tích sự khác biệt về bản chất hoạt động TDTT, phúc lợi xã hội và hoạt động TDTT mang tính kinh tế; Nhưng quy luật kinh tế trong hoạt động dich vụ TDTT. 2. Đánh giá cuối kỳ： Bài thi tự luận： Phần 2 và Phần 3 Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
13	Giải phẫu người	Học phần Giải phẫu người trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản:	2	4	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Môn học này làm cơ sở khoa học cho các môn học có liên quan tới hình thái, cấu tạo của cơ thể người như sinh lý thể thao; sinh hoá thể thao; sinh cơ thể thao; Y học thể thao; đo lường TDTT … nhằm giúp cho sinh viên ứng dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao và nghiên cứu khoa học TDTT. - Mối quan hệ qua lại (điều khiển và chịu điều khiển) của các hệ thống cơ quan trong hoạt động của một cơ thể thống nhất cùng những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc- chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể.			3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
14	Quản lý và lịch sử TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những kiến thức về nguồn gốc và lịch sử phát triển của TDTT ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước và của ngành thuộc lĩnh vực TDTT. Trên cơ sở đó, sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống con người. Vận dụng đúng các nguyên tắc, phương pháp, các phương tiện cần thiết vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý các hoạt động TDTT quần chúng, thể thao trường học để đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển tài năng thể thao trong nhà trường các cấp.	2	7	1- Đánh giá chuyên cần: - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu 10% 2. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên : 20% 3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: 60% ***(Đánh giá kết quả học tập trực tuyến: Lấy điểm bài thu hoạch làm điểm thi kết thúc môn 60%)***
15	Sinh cơ học TDTT	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức như: - Cơ sở lý thuyết lực học thực dụng thể thao giải	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thích các qui luật chuyển động của cơ thể người tập khi thực hiện các kỹ thuật thể thao. - Nghiên cứu sinh cơ học bộ máy vận động cơ, xương cơ bản của cơ thể con người trong quá trình tham gia vận động các môn thể thao. - Giúp người học tiếp cận phương pháp nghiên cứu sinh cơ học thể dục thể thao, phân tích lực học của các động tác kỹ thuật, các nguyên lý học khi hoàn thành động tác thể thao.			3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
16	Sinh hóa học TDTT	- Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa của chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể. - Xúc tác sinh học, vai trò của xúc tác sinh học đối với quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và đặc điểm vai trò của enzim, vitamin, hormone. - Đặc điểm, vai trò sinh học, phân loại và chuyển hóa gluxit, lipit, protein trong cơ thể. - Tái tổng hợp ATP trong hoạt động cơ với cường độ và thời gian khác nhau. - Các quy luật sinh hóa của quá trình giáo dục thể chất - Cơ sở sinh hóa của sự phát triển các tố chất thể lực- sức mạnh tốc độ và sức bền.	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
17	Thể dục cơ bản	Người học nắm vững các kiến thức và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, động tác cơ bản trong đội hình đội	2	1	- Kiểm tra thực hành thường kỳ (bài thể

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngũ và các bài thể dục tay không, với dụng cụ; nắm được phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện các bài tập thể dục cơ bản, có được năng lực vận dụng những kỹ năng thực hành sư phạm của môn thể dục cơ bản và tổ chức giảng dạy, có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung của thể dục cơ bản cho các đối tượng học sinh ở phổ thông.			dục phát triển chung), trọng số 30% - Kiểm tra thực hành cuối kỳ (điều khiển đội hình đội ngũ), trọng số 70%
18	Điền kinh và phương pháp 1	1. Nội dung của học phần này trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản các nội dung: Đi bộ thể thao - Chạy cự ly trung bình, việt dã - Đẩy tạ vai hướng ném và Ném bóng. 2. Cách thức và phương pháp tập luyện thực hành thuần thục kỹ thuật động tác, nâng cao thể lực, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy- trọng tài và thi đấu, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập. 3. Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	3	2	1. Thường kỳ: Bài tập về nhà (tiểu luận) về nội dung phương pháp giảng dạy và phương pháp trọng tài. 2. Đánh giá cuối kỳ: Thực hành SV chọn 1 trong 2 nội dung: Chạy trung bình (nam 1500m, nữ 800m) và Đẩy tạ vai hướng ném (nam 5kg, nữ 3kg) Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
19	Bóng chuyền và phương pháp	Học phần trang bị cho người học kiến thức về sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền, các kỹ chiến thuật cơ bản, các phương pháp giảng dạy và	3	3	1. Sinh viên nghỉ học không quá 20% số tiết *(nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra)*. 2. Kiểm tra thường kỳ: Lý thuyết và biên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		huấn luyện bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài trong môn bóng chuyền. Trên cơ sở đó người học tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.			soan giáo án dạy môn Bóng chuyền (30%). 3. Thi kết thúc môn (60%) - Chuyền bóng cao tay 10 quả - Đệm bóng (Chuyền bóng thấp tay) 10 quả - Đập bóng vị trí số 2-4: 10 quả - Phát bóng cao tay: 10 quả.
20	Bóng đá và phương pháp	Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện kỹ thuật, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Đá bóng bằng má trong, đá bóng bằng má ngoài, đá bóng bằng mua bàn chân, đá bóng bằng lòng bàn chân, nhận bóng bằng gan bàn chân, Dẫn bóng lòn cọt sút cầu môn. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác cơ bản phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.	3	3	1. Sinh viên nghỉ học không quá 20% số tiết *(nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra)*. 2. Kiểm tra thường kỳ: Lý thuyết - Luật và biên soan giáo án dạy môn Bóng chuyền (30%). 3. Thi kết thúc môn (60%) - Kỹ thuật đá dẫn bóng lòn cọc sút cầu môn cự ly 20m - Soạn điều lệ giải và tổ chức giải
21	Điền kinh và phương pháp 2	1. Trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản các môn thể thao: Chạy cự ly ngắn, nhảy cao kiểu bước qua và nhảy xa kiểu ngồi. 2. Bổ sung những kiến thức cơ bản về môn chạy cự ly ngắn, nhảy cao kiểu bước qua và nhảy xa kiểu	3	3	1. Thường kỳ: Bài tập về nhà (tiểu luận) về nội dung phương pháp giảng dạy và phương pháp trọng tài. 2. Đánh giá cuối kỳ: Thực hành SV chọn 1 trong 3 nội dung： Chạy cự ly ngắn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngồi; thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; biết giảng dạy và huấn luyện; làm tốt công tác trọng tài thi đấu; lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động. 3. Hướng dẫn cách thức và phương pháp tập luyện thực hành thuần thục kỹ thuật động tác, phát triển thể lực và nâng cao thành tích chuyên môn. 4. Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp trọng tài và thi đấu, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; Năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.			100m, Nhảy cao kiểu bước qua, Nhảy xa kiểu ngồi Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
22	Trò chơi vận động	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được lịch sử, bản chất của trò chơi vận động; hiểu được vai trò và tác dụng của trò chơi vận động trong đời sống xã hội và trong học đường. Cơ sở lý luận về nguyên tắc, phương pháp lựa chọn, biên soạn và tổ chức hướng dẫn trò chơi vận động. Giới thiệu và thực hành một số trò chơi vận động; thực hành phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động.	1	3	1. Kiểm tra thực hành thường kỳ: Biên soạn và hướng dẫn trò chơi vận động (30%) 2. Kiểm tra thực hành cuối kỳ: Tổ chức hội thi trò chơi vận động (kiểm tra tập thể) 70%.
23	Cầu lông và phương pháp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chung của môn học; Biết và thực hiện chính xác được những kỹ thuật cơ bản, qua đó có được kỹ năng-kỹ xảo thực hành môn học, cũng như vận dụng được	3	4	- Đánh cầu cao trên đầu vào ô cuối sân 6.1m x 0.72m (10 quả) (25%). - Giao cầu thấp gần trái tay vào ô 0,5 x

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào thực tiễn, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.			3,05m (10 quả) (25%). - Phương pháp giảng dạy (Phân tích, thị phạm và tổ chức tập luyện một kỹ thuật bất kỳ bốc thăm được) (25%). - Thực hành làm trọng tài thi đấu đôi (Điều hành trận đấu 11 điểm. Kết quả được đánh giá theo mức độ hoàn thành căn cứ vào năng lực điều khiển trận đấu như: Nói to rõ, tính quyết đoán, không bị lỗi,...); Tổ chức một giải thi đấu cầu lông (25%).
24	Điền kinh và phương pháp 3	Nội dung của học phần này trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản ở nội dung nhảy cao kiểu úp bụng và nhảy xa ưỡn thân trong môn điền kinh. Cách thức và phương pháp tập luyện kỹ thuật động tác nội dung môn học thuần thục, phát triển nâng cao tố chất thể lực, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy - phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập. Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	3	4	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra). 2. Đánh giá cuối kỳ: 70% - Bài thi thực hành 1: Nhảy cao kiểu Úp bụng; - Bài thi thực hành 2: nhảy xa Ưỡn thân; - Bài thi thực hành 3: Tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
25	Bóng rổ và phương pháp	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật bóng rổ, luật và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài. Trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp giảng dạy cho các đối tượng ở cơ sở. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng rổ, giúp sinh viên có kiến thức để giảng	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra). 2. Thi thực hành: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạy tốt chương trình tự chọn môn bóng rổ ở trường phổ thông. Biết cách tổ chức một giải thi đấu bong rổ theo đúng quy định, cũng như thực hành được công tác làm trọng tài bóng rổ, từ đó vận dụng vào công tác sau khi ra trường.			- Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao 10 quả. - Dẫn bóng ném rổ 1 tay trên cao 10 quả. - Phương pháp giảng dạy (Phân tích, thị phạm và tổ chức tập luyện một kỹ thuật bất kỳ bốc thăm được). - Thực hành làm trọng tài thi đấu (Điều hành trận đấu. Kết quả được đánh giá theo mức độ hoàn thành căn cứ vào năng lực điều khiển trận đấu như: Tính tự tin thổi còi, di chuyển đúng luật, ra hiệu lệnh chính xác...).
26	Đá cầu và phương pháp	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môn Đá Cầu về: Kỹ thuật, chiến thuật và phương pháp tập luyện. Luật, phương pháp tổ chức và trọng tài; Sử dụng thuần thục các phương pháp tập luyện và có khả năng giảng dạy kỹ thuật, chiến thuật; Áp dụng có hiệu quả trong công tác học tập, giảng dạy và điều hành tổ chức thi đấu môn Đá Cầu ở cấp cơ sở.	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp trọng tài.
27	Bơi lội và phương pháp	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử, vị trí tác dụng của môn bơi lội; Các khái niệm, nguyên lý kỹ thuật và nguyên tắc, phương pháp tổ chức giảng dạy. Trang bị kỹ năng bơi thực dụng và phương pháp cứu đuối. Cách thức tổ chức trọng tài thi đấu và các	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật Bơi lội và Phương pháp giảng dạy môn Bơi lội. 3. Thi thực hành: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học môn bơi. - Trong đó, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của hai kiểu bơi Trườn sấp và kiểu bơi ếch, các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn; Có năng lực tổ chức hoạt động TDTT quần chúng, đáp ứng với các yêu cầu phát triển TDTT trong giai đoạn đổi mới hiện nay. Khả năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu tài liệu để không ngừng nâng cao trình độ, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới cao hơn.			- Thi thực hành bơi ếch. - Thi thực hành bơi trườn sấp. - Bơi 50m tính thành tích.
28	Thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về bộ môn thể dục đồng diễn, các loại bài tập, nguyên tắc và phương pháp biên soạn, phương pháp tổ chức tập luyện kết hợp với âm nhạc. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung thể dục đồng diễn cho các đối tượng ở trường phổ thông. Thiết kế, biên soạn và thực hiện được các bài tập thể dục nhịp điệu và đồng diễn với qui mô nhỏ và trung bình.	2	6	- Kiểm tra giữa kỳ (bài đồng diễn theo nhóm), trọng số 30% - Kiểm tra kết thúc môn học (bài đồng diễn hoàn chỉnh), trọng số 70%
29	Võ thuật và phương pháp	Học phần trang bị cho sinh viên có thể nắm được toàn bộ hệ thống kỹ thuật; hệ thống quyền thuật; hệ thống đối luyện từ cơ bản đến phức tạp; hệ thống kiến thức về thi đấu của Karate thông qua giao đấu có quy ước - tự do- thể thao của Karate và sự phân loại theo chức năng của nó. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về phân tích kỹ thuật, phương pháp giảng dạy quyền thuật ở trình độ cơ bản đối với một số bài quyền bật thấp. Bên cạnh đó, người học còn được tập luyện với các tình huống tự vệ chiến đấu để bảo vệ bản thân và khống chế người tấn công.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật và Phương pháp giảng dạy môn Võ. 3. Thi thực hành: 70% - Chương 1,2,3,4 (Quyền + kỹ thuật + đối luyện + thể lực)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Bóng bàn	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam, luật và phương pháp trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật líp bóng, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật giao bóng.	2	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật và Phương pháp giảng dạy môn Bóng bàn. 3. Thi thực hành: 70% - Líp bóng thuận tay. - Líp bóng trái tay. * Mỗi kỹ thuật 10 quả (1 quả / 1 điểm)
31	Bóng đá chuyên sâu 1	- Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những cơ sở lý luận quá trình hình thành và phát triển môn bóng đá, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài, phương pháp giảng dạy bóng đá. - Kỹ năng phân tích về mặt lý luận các kỹ thuật động tác có độ khó trên cơ sở phần kỹ thuật cơ bản sinh viên đã được học. - Có được những kiến thức sư phạm cần thiết về các nội dung đã học giúp sinh viên giảng dạy và tổ chức hướng dẫn lại cho các đối tượng khác	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) -Biên soạn điều lệ giải, tổ chức giải tứ hùng, thực hành phương pháp trọng tài theo nhóm phân công 3. Thi thực hành: 70% -Tâng bóng 100 lần luân phiên bằng mu chính diện - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng cạnh trong chân thuận cự ly 15m. (10 quả) - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng mu trong chân thuận cự ly 25m. (10 quả)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Dẫn bóng qua cọc sút vào cầu môn 2mx3m tính thời gian, cự ly cọc 5m:1:1:1:1:1:15m (5 quả). - Sút bóng luân phiên vào 2 cầu môn đối diện, cự ly 40m (5 quả/1cầu môn) - Thể lực test cooper "12 phút = 2700m = 5 điểm (1 điểm=+/- 100m
32	Bóng đá chuyên sâu 2	- Học phần trang bị cho sinh viên có hệ thống cơ sở lý luận về nguyên lý kỹ thuật thực hiện các kỹ thuật thực hành bóng đá đã. - Nắm được phương pháp huấn luyện thông qua giáo án huấn luyện các đội nhóm hoạt động ngoại khóa, đội tuyển bóng đá trường và các giải đấu. - Sinh viên có được những kiến thức cần thiết về kỹ-chiến thuật giúp sinh viên tự tổ chức tập luyện và tổ chức huấn luyện các đội bóng tham dự các giải đấu trong tương lai.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Phương pháp huấn luyện các kỹ- chiến thuật trong thi đấu bóng đá. 3. Thi thực hành: 70% - Tâng bóng 200 lần luân phiên bằng mu chính diện - Tâng bóng 12 điểm chạm - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng cạnh trong luân phiên chân thuận và chân không thuận cự ly 15m. (10 quả) - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng mu trong luân phiên chân thuận và chân không thuận, cự ly 25m. (10 quả). - Dẫn bóng qua cọc sút vào cầu môn 2mx3m tính thời gian, cự ly cọc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					5m:1:1:1:1:1:15m (5 quả) - Tổ chức huấn luyện một kỹ thuật bóng đá. Thể lực: 6x30m, 3x60m, 2x100m
33	Bóng chuyền chuyên sâu 1	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, nắm được phương pháp giảng dạy, huấn luyện và tổ chức tập luyện của môn bóng chuyền, có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung của cơ bản cho các đối tượng học sinh ở phổ thông và trung học cơ sở.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) -Biên soạn điều lệ giải, tổ chức giải, thực hành phương pháp trọng tài theo nhóm phân công. 3. Thi thực hành: 70% - Chuyền bóng cao tay di chuyển (10 quả/1 quả 1 điểm); - Đệm bóng thấp tay trước mặt di chuyển (10 quả/1 quả 1 điểm); - Phát bóng cao tay trước mặt (10 quả/1 quả 1 điểm);
34	Bóng chuyền chuyên sâu 2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, nắm được phương pháp giảng dạy, huấn luyện và tổ chức tập luyện của môn bóng chuyền, có năng lực truyền đạt và huấn luyện cho các đối tượng học sinh ở phổ thông và trung học cơ sở tham dự giải.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Phương pháp huấn luyện các kỹ- chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền. 3. Thi thực hành: 70% - Đập bóng chính diện theo phương lấy đà số 4 và số 2 (10 quả/1 quả 1 điểm); - Nhảy phát bóng tấn công (10 quả/1 quả

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					1 điểm); - Phối hợp tấn công nhanh và biên ; - Chiến thuật phòng thủ.
35	Cầu lông chuyên sâu 1	**1.** Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững kiến thức và hoàn thiện các kỹ thuật di chuyển và kỹ thuật đánh cầu cơ bản của môn cầu lông. Sinh viên có được các kiến thức sư phạm cần thiết về các nội dung đã học để giảng dạy và tổ chức hướng dẫn lại các nội dung đã học cho các đối tượng khác. **2.** Thực hành được các bài tập phối hợp trong cầu lông giữa các kỹ thuật di chuyển và kỹ thuật đánh cầu nhằm trang bị cho sinh viên thực hiện được cách di chuyển đến các góc trên sân đánh cầu một cách dễ dàng.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Đập cầu dọc biên vào ô 6.7m x 1m (10 quả). - Chặt cầu chéo sân vào ô sát 2 góc lưới 1.5m x 1.5m (mỗi góc 10 quả)
36	Cầu lông chuyên sâu 2	**1.** Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững kiến thức chiến thuật thi đấu đơn và thi đấu đôi từ vị trí đứng trong giao cầu, cách đánh cầu và cách phối hợp di chuyển trong đánh đôi. Sinh viên có được các kiến thức về chiến thuật cầu lông để vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu. **2.** Thực hành được các bài tập chiến thuật giao cầu, chiến thuật đánh cầu trong thi đấu đơn và thi đấu đôi, rèn luyện cách phối hợp các đường cầu từ đây sinh viên vừa trang bị kỹ chiến thuật vừa trang bị thể lực để vận dụng vào tập luyện và thi đấu có hiệu quả.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% Tại chỗ đánh cầu vào 4 điểm là 4 góc sân 1.2m x 1.2m (Có người phục vụ, đánh cầu cao vào 2 góc cuối sân, chém cầu vào 2 góc trên lưới). Thực hiện mỗi góc 10 quả. Điểm được tính là điểm trung bình cộng số quả cầu vào ô.
37	Bóng ném	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ	1	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên môn của bóng ném, giúp sinh viên có kiến thức và yêu thích môn bóng ném.			quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **<u>Liên hoàn</u>**: - Chuyền bóng; Di chuyển không bóng; - Di động dẫn bóng thực hiện 3 bước ném cầu môn bằng kỹ thuật một tay trên vai (có tính thời gian).
38	Thể dục tự do	1. Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống khái niệm, thuật ngữ cơ bản trong thể dục tự do và các động tác kỹ thuật chủ yếu trong quá trình hoạt động thể dục. 2. Sinh viên phải nắm và thực hiện được một số kỹ năng thực hành động tác nhào lộn trong môn thể dục tự do như lộn cuộn trước, lộn chống nghiêng, các động tác vũ đạo trong thể dục… 3. Đây là học phần cơ bản nhất mà một người học thể thao cần phải có, sinh viên có thể vận dụng tốt các động tác nhào lộn trong môn thể dục tự do vào việc bổ trợ một số môn thể thao như : bóng ném, bóng rổ, điền kinh…..	1	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **Tổ chức cho sinh viên kiểm tra bài liên hoàn cá nhân**
39	Cờ vua	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi.	1	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **Thi đấu 1 ván cờ, thực hiện các nước đi và tính điểm.**
40	Quần vợt	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn		7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những kỹ thuật động tác cơ bản như: Cách cầm vợt và các bài tập cảm giác bóng, đánh bóng xoáy lên bên phải, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 1 tay, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, kỹ thuật giao bóng. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng- kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được cách thức tổ chức và bắt trọng tài môn quần vợt.	1		quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm)' - Kỹ thuật đánh bóng trái tay vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm); - Kỹ thuật giao bóng vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm).
41	Rèn luyện NVSPTX1	Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức của một người giáo viên. Giúp người học biết được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của các môn TDTT, phương pháp phân tích, thị phạm và hướng dẫn kỹ thuật động tác, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau. Vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm, xử lý các tình huống sư phạm, cách thức trình bày văn bản vào hoạt động giáo dục và giảng dạy.	2	3	- Kiểm tra vấn đáp giữa kỳ, trọng số 40% - Kiểm tra thực hành cuối kỳ, trọng số 60%
42	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Nội dung của học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, vai trò của hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh; Biết cách vận dụng các nội dung, hình thức, phương pháp và cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Đồng thời, môn học là cơ sở đánh giá khả năng phát huy, sáng tạo và năng lực của sinh viên, tạo tiền đề cho công tác giáo dục sau khi ra trường.	2	4	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% - Tích cực phát biểu nhằm xây dựng kiến thức môn học. - Có ý kiến tích cực trong các buổi thảo luận, thực hành.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ. 3. Thi thực hành: 60% - Lập kế hoặc và là bài tiểu luận Hoạt động trải nghiêm theo chủ đề (giáo viên nêu chủ đề).
43	Thực tập cơ sở	Môn học thực tập sư phạm hình thành cho sinh viên kỹ năng sư phạm như: kỹ năng thiết kế dạy học, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng kiểm tra đánh giá thành quả học tập. Ngoài ra, hình thành kỹ năng giao tiếp và lòng yêu nghề cho người học. Đây là học phần bắt buộc, quan trọng để giúp cho sinh viên có được khả năng sư phạm đáp ứng nhiệm vụ người giáo viên, tìm hiểu về kiến tập sư phạm.	6	6	1. Chuyên cần: - Thực hiện đầy đủ số tiết theo quy định. - Ý thức tham gia tốt. 2. Tìm hiểu CSKT: - So sánh thực tế hoạt động của trường với kiến thức đã học. - Trình bày tổng quan về hoạt động của một CSKT. - Trình bày cơ cấu tổ chức, chức năng của một CSKT. 3. Kiến tập dạy học: - Trình bày vai trò và công việc thực tế của một giáo viên trong hoạt động dạy học. 4. Kiến tập chủ nhiệm - Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên trong hoạt động chủ nhiệm. 5. Ý thức và nhận thức nghề nghiệp - Trình bày nhận thức về nghề nghiệp và thái độ trong việc rèn luyện và học tập. - Ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.
44	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần giúp sinh viên nắm vững cấu trúc của buổi lên lớp và phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy môn thể dục. Tìm hiểu và xác định đúng nội dung chương trình của cấp học, lớp học và tiết học, vận dung các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức tập luyện vào việc biên soạn giáo án, dự đoán và đưa ra cách xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện của nhà trường phổ thông.Tham gia dự giờ ở trương phổ thông (theo kế hoạch), tham gia trợ giảng và tập giảng trên lớp theo yêu của giáo viên giảng dạy. Từ đó hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức của một người giáo viên.	2	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% Biên soạn giáo án, dự giờ, tập giảng trên lớp (thị phạm, phân tích kỹ thuật và phương pháp tổ chức lớp học. 3. Thi thực hành: 60% Biên soạn giáo án và tập giảng trên lớp một tiết hoàn chỉnh theo chương trình phổ thông.
45	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần giúp sinh viên nắm vững cấu trúc của buổi lên lớp và phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy môn thể dục. Lựa chọn và xác định đúng nội dung chương trình của từng cấp học, lớp học và tiết học, vận dung các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức tập luyện vào việc biên soạn giáo án, dự đoán và đưa ra cách xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện của nhà trường phổ thông. Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và thi đấu thể thao, tham gia tổ chức các hoạt động phong trào của nhà trường. Từ đó hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên và thực hiện tốt các chức năng xã hội của giáo dục, biết phối hợp tốt giữa nhà trường, gia đình học sinh và xã hội, có tinh	2	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% Biên soạn giáo án, dự giờ, tập giảng trên lớp (thị phạm, phân tích kỹ thuật và phương pháp tổ chức lớp học. 3. Thi thực hành: 60% Biên soạn giáo án và tập giảng trên lớp một tiết hoàn chỉnh theo chương trình phổ thông.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thần hợp tác tốt với đồng nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện.			
46	Bóng rổ chuyên sâu 1	Sau khi kết thúc học phần chuyên sâu 1 sinh viên hoàn thiện nâng cao các kỹ thuật cơ bản đồng thời cũng nắm bắt được các tư duy chiến thuật trong bóng. Biết được phương pháp giảng dạy, trọng tài, tổ chức thi đấu…và hướng dẫn cơ bản được chiến thuật của môn bóng rổ. Qua đó sinh viên cũng được rèn luyện học hỏi thêm các phẩm chất đạo đức tốt, có được tinh thần đồng đội đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong cuộc sống	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Tại chỗ ném rổ 15 quả - Hai bước lên rổ 15 quả - Tại chỗ nhảy ném rổ 15 quả
47	Bóng rổ chuyên sâu 2	Sau khi kết thúc học phần chuyên sâu 2 sinh viên hình thành các kỹ năng kỹ xảo vận động của kỹ thuật môn bóng rổ. Biết được phương pháp giảng dạy, trọng tài, tổ chức thi đấu…và hướng dẫn được chiến thuật của môn bóng rổ. Qua đó sinh viên cũng được rèn luyện học hỏi thêm các phẩm chất đạo đức tốt, có được tinh thần đồng đội đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong cuộc sống.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Di chuyển dẫn bóng vòng số 8 thực hiện hai bước lên rổ (s) - Di chuyển bắt bóng ở ba góc 45^0, 90^0, 135^0 nhảy ném rổ 15 quả
48	Đá cầu chuyên sâu 1	Tập luyên chuyên sâu nâng cao các yếu tố kỹ thuật, tư duy chiến thuật chiến thuật và các tố chất thể lực chuyên môn. Giúp người học sử dụng thuần thục các kỹ thuật, chiến thuật và có nền tảng thể lực chuyên môn tốt. Áp dụng có hiệu quả trong công tác học tập, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện môn Đá Cầu ở cấp cơ sở	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 30% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp trọng tài.
49	Đá cầu chuyên sâu 2	Tiếp tục tập luyện nâng cao các yếu tố kỹ thuật, tư duy chiến thuật chiến thuật và các tố chất thể lực chuyên	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn đã hình thành trước đó. Phát huy các kỹ thuật, chiến thuật và có nền tảng thể lực chuyên môn. Áp dụng có hiệu quả cao trong công tác học tập, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện môn Đá Cầu. Nhằm nâng cao trình độ tập luyện môn Đá Cầu cho sinh viên.			của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 30% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp trọng tài.
50	Điền kinh chuyên sâu 1	Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về môn Nhảy cao lưng qua xà, thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; Biết giảng dạy và huấn luyện; Hệ thống các loại bài tập phát triển thể chất và lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Biên soạn giáo án huấn luyện thực hành điền kinh (nội dung nhảy cao); - Bài thi thực hành 1: Nhảy cao kiểu lưng qua xà
51	Điền kinh chuyên sâu 2	Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về môn nhảy xa cắt kéo và nhảy tam cấp, thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; Biết giảng dạy và huấn luyện; Hệ thống các loại bài tập phát triển thể chất và lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Biên soạn giáo án huấn luyện thực hành điền kinh (nội dung nhảy xa); - Bài thi thực hành 1: Nhảy xa kiểu cắt kéo.

12. Sư phạm Toán học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Sư phạm Toán học	Giúp sinh viên hiểu rõ và tự hào về Trường Đại học Đồng Tháp, Khoa Sư phạm Toán -Tin, Bộ môn Sư phạm Toán học, đặt nền móng cho sinh viên yêu thích ngành học của mình, từ đó học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong thời gian học tập tại Trường Đại học Đồng Tháp, đáp ứng nhu cầu của xã hội khi tốt nghiệp	1	1	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 12 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 3 tiết sẽ không hoàn thành học phần. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước mỗi buổi học, tích cực phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm, trình bày. 2. Làm báo cáo, tiểu luận: - Tham gia xây dựng bài, làm việc nhóm, trình bày trước lớp sản phẩm thảo luận: 0..3 - Bài tiểu luận kết thúc học phần: 0.7
2	Toán cơ sở	Mục tiêu của học phần là hình thành năng lực sử dụng các mệnh đề, các phương pháp chứng minh vào trong việc giải quyết các bài toán xuất hiện trong quá trình học tập các môn học trong chương trình đào tạo cũng như các vấn đề người học có thể gặp trong cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn hình thành cho người học các kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xa, quan hệ hai ngôi và các tập hợp số, các kiến thức này là tiền đề để người học tìm hiểu các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo	2	1	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc môn học. Không tính điểm chuyên cần. Điểm trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo cá nhân được cộng từ 1-5 điểm vào điểm bài kiểm tra giữa kì (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (Trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo cá nhân trực tiếp, bài kiểm tra giữa kì: đề mở, trình bày bằng bài viết) - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
3	Giải tích cổ điển 1	Học phần này nhằm giúp sinh viên phân tích, vận dụng những kiến thức của Giải tích 1 vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến giới hạn và tính liên tục, đạo hàm và vi phân, nguyên hàm, tích phân của hàm	3	2	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Hoàn thành nội dung chuẩn bị của SV quy định tại Mục 5 trước khi đến lớp. Tích cực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		số một biến số và chuỗi số. Đồng thời, học phần này cũng góp phần rèn luyện, phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập, nghiên cứu toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu			tham gia xây dựng bài học trên lớp: mạnh dạn phát biểu ý kiến cá nhân, thảo luận, trả lời các câu hỏi, giải quyết các vấn đề đặt ra trên lớp. Ôn lại bài học cũ, tự thực hành chứng minh, tính toán, giải thích lại các ví dụ, làm bài tập mà GV đã chứng minh trên lớp, hoàn thành bài tập được giao về nhà để luyện tập và khắc sâu kiến thức đã học. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (. Vấn đáp, làm bài tập trên lớp, chuyên cần, kiểm tra 60 phút) - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
4	Đại số tuyến tính 2	Sau khi xong môn học này, sinh viên sẽ được trang bị nền tảng kiên thức để có thể giải quyết môn số vấn đề nội tại của đại số tuyến tính và một số vấn đề liên quan đến hình học giải tích, phương trình vi phân, phương trình đạo hàm riêng. Giúp sinh viên thuận lợi hơn trong việc học tiếp các học phần chuyên ngành về lĩnh vực Đại số, Giải tích và Hình học. Ngoài ra, môn học này cũng nhằm phát triển tư duy trừu tượng cho sinh viên	2	2	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết bị cấm thi kết thúc học phần. Thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà trường khi đến lớp như: không được sử dụng điện thoại trong giờ học, đi đúng giờ, trang phục đúng quy định, ...Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của đề cương trước khi đến lớp, tích cực phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm, làm bài tập, …Điểm tham gia xây dựng bài, làm bài tập được cộng từ 0.5 đến 2.0 điểm vào điểm bài kiểm tra và bài tập lớn giữa kì (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (Làm bài tập, bài kiểm, bài tập lớn)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
5	Giải tích cổ điển 2	Học phần này nhằm giúp sinh viên phân tích, vận dụng những kiến thức của Giải tích cổ điển 2 vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến những kiến thức cơ bản về lí thuyết giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân của hàm số nhiều biến số. Từ đó, liên hệ được các nội dung toán học ở chương trình toán phổ thông. Đồng thời, học phần này cũng góp phần rèn luyện, phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập, nghiên cứu toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu.	2	2	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Hoàn thành nội dung chuẩn bị của SV quy định tại Mục 5 trước khi đến lớp. Tích cực tham gia xây dựng bài học trên lớp: mạnh dạn phát biểu ý kiến cá nhân, thảo luận, trả lời các câu hỏi, giải quyết các vấn đề đặt ra trên lớp. Ôn lại bài học cũ, tự thực hành chứng minh, tính toán, giải thích lại các ví dụ, làm bài tập mà GV đã chứng minh trên lớp, hoàn thành bài tập được giao về nhà để luyện tập và khắc sâu kiến thức đã học. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (. Vấn đáp, làm bài tập trên lớp, chuyên cần, kiểm tra 60 phút) - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
6	Hình học afin và Ơclit	Tổng quát các kiến thức và tính chất của đường thẳng, mặt phẳng và đường conic lên không gian hữu hạn chiều. Từ đó, làm rõ cơ sở toán cao cấp của hình học giải tích ở bậc phổ thông. Đồng thời, học phần hình thành các tính chất và công thức tổng quát về mê-tríc ở phổ thông qua kết quả của đại số tuyến tính. Từ đó người học có định hướng cao cấp đối với các bài toán sơ cấp ở phổ thông	3	3	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của Nhà trường sẽ không được tham gia thi kết thúc học phần. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực phát biểu (cộng 0.5 điểm vào điểm thường kỳ cho một lần phát biểu tốt), sửa bài tập (cộng 1.0 điểm cho một bài tập hoàn chỉnh). Tất cả các điểm được cộng vào điểm thường kỳ. Điểm thường kỳ cao nhất là 10.0 điểm. Không tính điểm chuyên cần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (Trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo nhóm, bài kiểm tra giữa kì: đề mở, tự luận 90 phút) - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
7	Đại số đại cương	Giới thiệu những cấu trúc đại số cơ bản cùng với việc đưa vào đó một số kỹ thuật chứng minh, phương pháp nghiên cứu đặc trưng của đại số cấu trúc để tạo nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu hay dễ dàng tiếp nhận các kiến thức chuyên sâu về đại số nói riêng và toán học nói chung.	3	3	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 36 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 9 tiết bị cấm thi kết thúc học phần. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước mỗi buổi học, tích cực phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm, làm bài tập, …Điểm tham gia xây dựng bài, làm bài tập được cộng từ 0.5 đến 2.0 điểm vào điểm bài kiểm tra và bài tập lớn giữa kì (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 (Làm bài tập, bài kiểm, bài tập lớn) - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
8	Hình học xạ ảnh	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về không gian xạ ảnh n chiều, phép biến đổi xạ ảnh, siêu mặt bậc hai xạ ảnh, các loại mô hình và một số tính chất trong không gian xạ ảnh n chiều. Thông qua học phần, sinh viên có được thêm các kỹ năng ra đề nhiều bài toán hình học tương đương nhau, sáng tạo ra nhiều bài toán từ một bài toán gốc hay dùng hình học phi để giải bài toán hình học aphin, Ơclit; tìm đường lối giải các bài toán afin và Ơclit, qua đó giảng dạy toán hình học ở trung học phổ thông. Rèn luyện	3	4	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của Nhà trường sẽ không được tham gia thi kết thúc học phần. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực phát biểu (cộng 0.5 điểm vào điểm đánh giá lần 2 (hoặc lần 3) cho một phát biểu tốt ở Chương 1 (Chương 2 và Chương 3)), tích cực sữa bài tập (mỗi sinh viên cần làm hoàn chỉnh 2 bài tập để lấy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sinh viên tư duy toán học và tư duy logic; vận dụng được kiến thức không gian xạ ảnh để trình bày các vấn đề toán học liên quan một cách chặt chẽ.			điểm thành phần trong Điểm đánh giá lần 1, mỗi bài tập làm thêm hoàn chỉnh sẽ được cộng 1 điểm vào cột điểm đánh giá lần 1). Không sử dụng điện thoại và trao đổi riêng trong giờ học lý thuyết. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
9	Phương pháp dạy học đại cương môn toán	Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những tri thức lý luận dạy học toán; về kiểm tra đánh giá trong môn Toán; tri thức về sử dụng phương tiện, công cụ dạy học toán trong quá trình dạy học. Qua đó, học phần góp phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng nghiệp vụdạy học môn Toán ở trường phổ thông; rèn luyện cho sinh viên khả năng tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực phương pháp dạy học môn Toán, biết dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, biết đúc kết, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học, phục vụ thiết thực cho việc đào tạo nghề dạy học Toán ở trường phổ thông.	3	4	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần.Không tính điểm chuyên cần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
10	Đại số sơ cấp	Học phần này giúp sinh viên phân tích được các kiến thức đại số sơ cấp, đánh giá được phương pháp giải các dạng toán đại số sơ cấp, thực hành giải thành thạo, biên soạn chính xác và lựa chọn được nhiều cách giải khác nhau cho các dạng toán đại số sơ cấp liên quan đến phương trình, bất phương trình, hệ phương trình và hệ bất phương trình, phương trình và bất phương trình vô tỉ, mũ, logarit, bất đẳng thức, bài toán tìm GTLN, GTNN. Qua đó, học phần này giúp sinh viên	3	5	1. Để được cộng điểm thưởng vào điểm KTTX sinh viên phải tham gia đầy đủ số tiết học phần và tích cực làm bài tập tại lớp. Vắng quá số buổi theo qui định của GV, SV sẽ bị trừ điểm vào điểm KTTX. Việc cấm thi học phần theo quy chế học Tín chỉ (vắng quá 20% số tiết cho trường hợp không phép và 30% số tiết cho trường hợp có phép hoặc không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nâng cao năng lực toán đại số sơ cấp; rèn luyện, phát triển được các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu.			của học phần). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
11	Hình học sơ cấp	Học phần giúp sinh viên nắm vững được hệ thống kiến thức hình học sơ cấp, rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng giải và phát triển các bài toán hình học sơ cấp. Từ đó, học phần góp phần hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết và vận dụng hình học sơ cấp, bước đầu chuẩn bị cho việc vận dụng kiến thức hình học trong giảng dạy ở trường trung học sau này	3	6	1. Tham gia đầy đủ số tiết học phần theo quy chế học tín chỉ và tích cực phát biểu, làm bài tập tại lớp hoặc tham gia hoạt động nhóm có hiệu quả tại lớp. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
12	Xác suất Thống kê	Vận dụng các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất để giải quyết một vấn đề về hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra trong đời sống hàng ngày. - Đánh giá và vận dụng các kiến thức về Thống kê toán trong học phần để có thể xử lí và phân tích số liệu thực nghiệm mức độ cơ bản phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công tác sau này. - Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	6	1. Đọc tài liệu và chuẩn bị bài trước khi đến lớp và cho các buổi học tiếp theo. Ôn lại bài cũ để làm bài tập về nhà. Viết bài tự học (nếu có) theo sự hướng dẫn của GV. Chuẩn bị MTCT (có chức năng thống kê) trong suốt các buổi học; chuẩn bị laptop có cài đặt phần mềm R và Microsoft Excel (theo kế hoạch) để thực hành tính toán và xử lí số liệu thực nghiệm. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tối ưu tuyến tính	Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bài toán tối ưu tuyến tính cũng như các phương pháp, thuật toán để giải các bài toán này. Ngoài ra, học phần còn giúp người học hình thành kỹ năng mô tả các bài toán trong thực tế về bài toán toán học nói chung và bài toán tối ưu tuyến tính nói riêng, sau đó sử dụng các công cụ toán học để giải các bài toán này và từ đó đưa ra lời giải cho bài toán thực tế	2	4	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Không tính điểm chuyên cần. Điểm trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo cá nhân được cộng từ 1-5 điểm vào điểm bài kiểm tra giữa kì (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
14	Phương trình vi phân	Học phần Phương trình vi phân cung cấp cho người học có những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp cao và hệ phương trình vi phân. Từ đó, người học có thể vận dụng được các kiến thức và kỹ năng này vào việc học tập các nội dung liên quan đến phương trình vi phân trong chương trình đào tạo. Qua học phần Phương trình vi phân, người học hình thành được phẩm chất và năng lực liên quan đến Phương trình vi phân, từ đó có thể vận dụng trong công tác giảng dạy ở trường phổ thông hoặc trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau này	2	4	1. Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết học trên lớp. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
15	Số học và lý thuyết số	Học phần giúp cho sinh viên nhìn lại toàn bộ sự hình thành và phát triển của các tập hợp số và các phép toán, tính chất trên chúng và hiểu được mối liên hệ giữa các phép toán, quan hệ thứ tự, ... trên các tập hợp số. Vận dụng được các kiến thức về đồng dư thức, phương trình đồng dư, hệ phương trình đồng dư, … vào giải toán phổ thông. Ngoài ra, môn học này nhằm phát triển tư duy trừu tượng cho sinh viên.	3	5	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 36 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 8 tiết bị cấm thi kết thúc học phần. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn trước khi đến lớp, tích cực phát biểu xây dựng bài, thảo luận nhóm, làm bài tập, …Điểm tham gia xây dựng bài, làm bài tập được cộng từ 1.0 đến 2.0 điểm vào điểm các

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					bài kiểm tra và bài tập lớn (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
16	Cơ sở giải tích hiện đại	Học phần này giúp sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản của Cơ sở giải tích hiện đại, vận dụng vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến không gian metric, không gian tôpô, lí thuyết độ đo và lí tích phân Lebesgue; liên hệ được các kiến thức này với một số dạng toán liên quan trong chương trìnhphổ thông. Qua đó, học phần góp phần rèn luyện, phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập, nghiên cứu toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu	3	5	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Không tính điểm chuyên cần Điểm trả lời câu hỏi vấn đáp, làm bài tập, báo cáo cá nhân tự học được cộng từ 1-5 điểm (thang điểm 10) vào điểm bài kiểm tra giữa kì. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
17	Phương pháp dạy học giải tích và xác suất	Học phần góp phần trang bị cho SV những cơ sở khoa học, nội dung và phương pháp dạy học những chủ đề cơ bản của giải tích 1 biến và tổ hợp - xác suất trong chương trình THPT. Từ đó, học phần hình thành cho SV năng lực tìm hiểu nội dung, chương trình và SGK môn Toán (phần giải tích và xác suất); năng lực vận dụng phương pháp dạy học vào dạy học nội dung giải tích và xác suất, góp phần bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ thiết thực cho việc dạy học môn toán ở trường THPT	3	5	1. Để được cộng điểm thưởng vào điểm KTTX sinh viên phải tham gia đầy đủ số tiết học phần và tích cực làm bài tập tại lớp hoặc tham gia giảng mẫu có hiệu quả tại lớp. Việc cấm thi học phần theo quy chế học tín chỉ. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút, làm tiểu luận nếu học online).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	Học phần giúp người học sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành toán trong chương trình toán phổ thông: phát âm đúng các từ vựng chuyên ngành, đọc đúng các công thức toán bằng tiếng Anh và trình bày được định nghĩa, tính chất và lời giải bài toán bằng tiếng Anh.Các kiến thức, kỹ năng thu được từ học phần giúp người học hình thành năng lực tiếng Anh chuyên ngành toán, nhằm phục vụ công tác giảng dạy toán bằng tiếng Anh ở trường phổ thông và hỗ trợ học tập nâng cao trình độ sau này	2	5	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Không tính điểm chuyên cần. Điểm trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo cá nhân được cộng từ 1-5 điểm (thang điểm 10) vào điểm bài kiểm tra giữa kì. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Báo cáo kết thúc môn học bằng bài viết và video: 0.6 (90 phút)
19	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục toán học	Học phần Phương pháp NCKH giáo dục toán góp phần trang bị các kiến thức và kĩ năng cơ bản về NCKH giáo dục như chọn đề tài, xây dựng đề cương, thu thập, xử lý kết quả bằng thống kê toán học và viết báo cáo, viết kinh nghiệm, sáng kiến. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng vào quá trình học tập và tập dượt nghiên cứu trong trường đại học, làm tiền đề cho việc NCKH ở trường phổ thông	2	5	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. Không tính điểm chuyên cần. Điểm trả lời câu hỏi, làm bài tập, báo cáo cá nhân được cộng từ 1-5 điểm vào điểm bài kiểm tra giữa kì (điểm cao nhất là 10). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Xây dựng 01 đề cương NCKH; viết 01 kinh nghiệm, sáng kiến: 0.6
20	Phương pháp dạy học đại số	Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những tri thức lý luận dạy học toán về hệ thống số, hàm số, phương trình và bất phương trình trong chương trình môn Toán ở trường THPT; hình thành cho sinh viên năng lực tìm hiểu nội dung, chương trình, SGK và hệ thống bài tập phần đại số; rèn luyện năng lực vận dụng	2	6	1. Để được cộng điểm thưởng vào điểm KTTX sinh viên phải tham gia đầy đủ số tiết học phần và tích cực làm bài tập tại lớp hoặc tham gia giảng mẫu có hiệu quả tại lớp. Việc cấm thi học phần theo quy chế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp dạy học vào việc xây dựng kế hoạch, thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học nội dung đại số, góp phần bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ thiết thực cho việc dạy học môn toán ở trường THPT.			học Tín chỉ (vắng không phép từ 20% số tiết hoặc vắng có phép từ 40% số tiết). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
21	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học toán	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến các vấn đề về ứng dụng CNTT trong dạy học toán. Sinh viên vận dụng được một số phần mềm, trang web vào thiết kế bài giảng điện tử môn toán ở trường trung học, góp phần nâng cao năng lực dạy học cho sinh viên ngành Sư phạm Toán học.	2	6	1. Số tiết sinh viên tham dự học/tổng số tiết lớn hơn hoặc bằng 80%. Vắng không lí do 1 buổi trừ 0,5 điểm vào điểm chuyên cần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (bài tập lớn).
22	Đa thức và nhân tử hóa	Nhiệm vụ chính của học phần nhằm hoàn thiện việc trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cơ bản về "Đại số cao cấp" còn thiếu trong học phần Đại số đại cương. Qua học phần, sinh viên sẽ có kỹ năng giải quyết được các vấn đề nhân tử hóa trên một số miền nguyên quen thuộc như vành số nguyên, vành đa thức, làm nền tảng cho việc giảng dạy toán học phổ thông.	2	6	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết bị cấm thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
23	Hình học vi phân	Xây dựng các kiến thức và kĩ năng tính toán, chứng minh cơ bản về lý thuyết đường và lý thuyết mặt cổ điển. Vận dụng các kết quả của lý thuyết đường và lý thuyết mặt xây dựng một số dạng toán, vận dụng vào giải thích một số kiến thức, vấn đề thực tiễn trong kiến thức toán ở bậc phổ thông.	3	7	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của Nhà trường sẽ không được tham gia thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Giải tích hàm	Học phần này giúp sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản của Giải tích hàm, vận dụng vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến không gian định chuẩn, một số định lí cơ bản của Giải tích hàm và không gian Hilbert; liên hệ được các kiến thức này với một số dạng toán liên quan trong chương trình trung học phổ thông. Qua đó, học phần này góp phần rèn luyện, phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập và nghiên cứu khoa học toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu.	3	7	1. Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu bắt buộc. Chuẩn bị từng nội dung cụ thể theo kế hoạch dạy học. Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của các khái niệm cơ bản; chi tiết hóa các ví dụ và chứng minh trong kế hoạch học tập. Tìm hiểu vận dụng của các tính chất cơ bản. Giải các bài tập. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
25	Phương pháp dạy học hình học	Học phần góp phần rèn luyện cho sinh viên năng lực tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn Toán (phần hình học), phát triển cho sinh viên năng lực vận dụng phương pháp dạy học vào dạy học nội dung hình học. Từ đó, sinh viên biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ thiết thực cho việc dạy học toán ở trường trung học.	2	7	1. Tham gia đầy đủ số tiết học phần theo quy chế học Tín chỉ và tích cực phát biểu, làm bài tập tại lớp hoặc tham gia giảng mẫu có hiệu quả tại lớp. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
26	Dạy học toán trung học theo STEM	Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm cũng như giáo dục STEM theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Sau khi học xong học phần người học xây dựng được một số hoạt động trải nghiệm nội dung môn Toán và một số chủ đề dạy học theo giáo dục STEM. Đồng thời, người học có thể tổ chức dạy hoạt động dạy học theo các nội dung đã được	2	7	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Kiểm tra kết thúc HP: 0.6 (Sản phẩm thiết kế bài học STEM theo nhóm).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiết kế, đáp ứng theo chương trình giáo dục phổ thông mới, biết dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, biết đúc kết, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học, phục vụ thiết thực cho việc dạy học Toán ở trường phổ thông.			
27	Phương trình nghiệm nguyên	Học phần Phương trình nghiệm nguyên nhằm cung cấp các kiến thức và phương pháp giải một số lớp phương trình nghiệm nguyên. Rèn luyện năng lực suy luận logic, kỹ năng tính toán, năng lực giải các bài toán về việc tìm nghiệm nguyên của phương trình đa thức nhiều biến. Đặc biệt, các lớp phương trình nghiệm nguyên thường gặp trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi toán phổ thông.	2	7	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết sẽ bị cấm thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
28	Lý thuyết môđun	Qua học phần này, sinh viên biết vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải quyết các vấn đề nội tại của lý thuyết môđun và một số vấn đề liên quan như Hình học giải tích, Giải tích hàm, ... Từ đó, sinh viên có nền tảng để có thể học tiếp các học phần chuyên sâu trong chuyên ngành. Ngoài ra, học phần này cũng nhằm phát triển tư duy trừu tượng cho sinh viên.	2	7	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của Nhà trường sẽ không được tham gia thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
29	Giải tích lồi	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về giải tích lồi vào việc chứng minh các bất đẳng thức sơ cấp và giải các bài toán cực trị liên quan ở chương trình toán phổ thông.M Tiếp cận với các hướng nghiên cứu hiện đại, chuyên sâu liên quan đến giải tích lồi như quy hoạch lồi, tối ưu lồi, ...Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	7	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc môn học. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Phương pháp tối ưu trong toán học phổ thông	Mục tiêu chính của học phần là trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về một số mô hình bài toán tối ưu, điều kiện tồn tại nghiệm của một số lớp bài toán tối ưu, một số điều kiện tối ưu cơ bản, phương pháp tìm nghiệm của một số bài toán tối ưu. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành năng lực vận dụng các kiến thức đã học để mô hình hóa và giải một số bài toán trong chương trình Toán học phổ thông cũng như một số bài toán trong cuộc sống.	2	7	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
31	Cơ sở lý thuyết xác suất	Học phần trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về lý thuyết xác suất hiện đại như độ đo xác suất, không gian xác suất, biến ngẫu nhiên đo được, giới hạn của dãy biến ngẫu nhiên, luật số lớn. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã được học, được rèn luyện vào việc học tập, nghiên cứu chuyên sâu các nội dung liên quan đến yếu tố ngẫu nhiên trong khóa học và trong công tác sau này. Ngoài ra, người học có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào soi sáng kiến thức xác suất thống kê cổ điển và phân tích toán phổ thông có liên quan.	2	7	Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút). Một số SV khá/giỏi có thể đăng ký GV để làm tiểu luận thay thế thi tập trung.
32	Lôgic toán nâng cao	Trang bị cho người học các kiến thức nâng cao về logic mệnh đề, logic vị từ và vận dụng logic vào việc dạy học toán học và thực tiễn. Đồng thời, học phần này cũng trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về logic mờ, cũng như ứng dụng cơ bản trong thực tế.	2	7	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc môn học. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
33	Lý thuyết số nâng cao	Học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các hàm số học như phi hàm Euler, hàm tính tổng và số các ước của một số nguyên và các tình huống cụ thể. Tiếp theo, sinh viên biết được cách tính toán cho các	2	7	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết sẽ bị cấm thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn đề đồng dư bậc hai nhờ vào ký hiệu Legendre, ký hiệu Jacobi. Ngoài ra, sinh viên biết được cách thức mã hóa và cách giải mã một số hệ mật mã phổ biến như mã Caesar, mã khối, mã mũ, … Từ đó, sinh viên có thể tiếp tục tự nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu hơn về số học thuật toán và bảo mật thông tin.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
34	Lý thuyết đồ thị	Học phần Lý thuyết đồ thị là một học phần khá độc đáo trong chương trình đào tạo Cử nhân đại học ngành Sư phạm Toán. Qua học phần này, sinh viên được trang bị nền tảng để có thể tìm hiểu sâu hơn về các ứng dụng của học phần trong tin học hoặc các vấn đề hiện đại trong lĩnh vực Đại số. Ngoài ra, học phần này cũng nhằm phát triển tư duy trừu tượng cho sinh viên.	2	7	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết sẽ bị cấm thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
35	Nhập môn giải tích đa trị	Học phần này giúp sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản của Giải tích đa trị, vận dụng vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến hàm đa trị, tính liên tục của hàm đa trị; nón tiếp tuyến của một tập; đạo hàm của hàm đa trị; liên hệ được các kiến thức này với một số dạng toán liên quan trong chương trình phổ thông. Qua đó, học phần góp phần rèn luyện, phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập, nghiên cứu toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu.	2	7	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
36	Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học môn Toán	Học xong học phần này giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học môn toán. Đồng thời, học phần này còn giúp cho sinh viên cách thức xây	2	7	1. Việc cấm thi học phần theo quy chế học Tín chỉ (vắng quá 20% số tiết cho trường hợp không phép và 30% số tiết cho trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng kế hoạch và công cụ kiểm tra đánh giá, đánh giá được sự tiến bộ của học sinh thông qua các kế hoạch và công cụ đã được xây dựng.			hợp có phép hoặc không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
37	Giải thuật máy tính cầm tay và ứng dụng vào giải toán phổ thông	Các kiến thức và kĩ năng thu được từ học phần giúp người học có thể phân tích được cách giải nhanh và chính xác một số dạng bài tập toán phổ thông, tìm tòi và định hướng lời giải cho một số dạng toán phổ thông nâng cao dưới sự hỗ trợ của MTCT. Người học có thể vận dụng được tư duy giải thuật, tư duy suy luận, tính toán chính xác nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu toán học và công tác sau khi ra trường.	2	7	1. Sinh viên Tham dự đủ 80% tiết lí thuyết. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút). Một số SV khá/giỏi có thể đăng ký GV để làm tiểu luận thay thế thi tập trung.
38	Phương pháp tính và thuật toán	Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở về phương pháp tính, các phương pháp xấp xỉ, các phương pháp giải và tính gần và các kĩ thuật tối ưu cần thiết cho học máy. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho người học khả năng tư duy thuật toán, kỹ năng tính toán bao gồm các bước: xây dựng mô hình bài toán, phân tích và rời rạc hóa mô hinh, xây dựng thuật toán và cài đặt chương trình trên máy tính. Từ đó giúp cho người học làm quen và có khả năng vận dụng sáng tạo để giải các bài toán trong thực tế.	2	7	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
39	Rèn luyện NVSPTX1	Học phần này góp phần củng cố các kiến thức về tâm lý học (Tâm lý học đại cương và Tâm lý học trung học) mà sinh viên đã học tập và nghiên cứu, trên cơ sở ấy hình thành hệthống kỹ năng, kỹ xảo nghiệp vụ tương	1	2	1. Vắng không quá 20 % số tiết trên lớp theo quy định của môn học 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng cho sinh viên ngành Sư phạm chẳng hạn kỹ năng nghiên cứu tâm lý học sinh, kỹ năng giao tiếp có văn hóa, kỹ năng giao tiếp ứng xử sư phạmvới học sinh phổ thông, nhằm phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp của người giáo viên toán ở trường trung học.			- Đóng góp ý kiến, phát biểu, tích cực: 0.1 - Bài tập về nhà: 0.2 - Bài tập trên lớp: 0.2 - Bài tập nghiên cứu tâm lý - giảng viên hướng dẫn: 0.5.
40	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần RLNVSPTX2 là sự tiếp nối, thực hành của học phần Giáo dục học đại cương và Giáo dục học trung học. Sau khi học xong học phần này, SV có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong dạy học, giáo dục, cũng như trong công tác thực tập; công tác chủ nhiệm lớp. SV có sự chuẩn bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu đối với SV trong đợt thực tập tốt nghiệp và đối với người giáo viên trung học trong tương lai.	1	3	1. Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết (3 tiết) sẽ không đủ điều kiện hoàn thành môn học. 2. Đánh giá: - Chuyên cần: 0.1 - Bài tập: 0.2 - Báo cáo nhóm: 0.2 - Bài tập lớn/ Bài thu hoạch/ Thực hành: 0.5
41	Rèn luyện NVSPTX3	Học xong học phần này, sinh viên biết cách trình bày bảng hợp lý, cách vẽ hình học phẳng và hình học không gian đúng qui định, hiểu được cách trình bày của sách giáo khoa, xác định được nội dung trọng tâm của bài dạy, bước đầu biết cách quan sát và ghi chép khi dự giờ thông qua các tiết thực hành cụ thể của từng sinh viên. Giúp cho SV có cách nhìn sâu sắc và tầm quan trọng của các kỹ năng này, phục vụ thiết thực cho cho nghề nghiệp của người GV.	1	4	1. SV tham dự đầy đủ và nhận xét tích cực trong quá trình rèn luyện sẽ được cộng điểm, nếu SV vắng quá số buổi quy định của GV sẽ bị trừ điểm vào điểm tập giảng. 2. Đánh giá: - Thực hành theo nhóm: 0.4 - Thực hành cá Nhân: 0.6
42	Kiến tập sư phạm	Về các trường phổ thông tập giảng thực tế	6	6	Thực hành, báo cáo
43	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần góp phần giúp sinh viên nhận thức được nghề dạy toán, có trách nhiệm và ý thức việc rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp qua thực hành nội dung Thống kê - Xác suất, biết đúc rút kinh nghiệm và	1	5	1. SV tham dự đầy đủ và nhận xét tích cực trong quá trình rèn luyện sẽ được cộng điểm, nếu SV vắng quá số buổi quy định

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trau dồi cho bản thân trong quá trình dạy học, nhằm phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp của người giáo viên toán ở trường trung học.			của GV sẽ bị trừ điểm vào điểm tập giảng 2. Đánh giá: - Thực hành cá nhân, phát biểu nhận xét tiết dạy trên lớp, sản phẩm video: 0.8 - Tự học, tự rèn luyện, chuyên cần: 0.2
44	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần góp phần giúp sinh viên nhận thức được nghề dạy toán, có trách nhiệm và ý thức việc rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp qua thực hành nội dung Đại số - Giải tích, biết đúc rút kinh nghiệm và trau dồi cho bản thân trong quá trình dạy học, nhằm phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp của người giáo viên toán ở trường trung học.	1	6	1. SV tham dự đầy đủ và nhận xét tích cực trong quá trình rèn luyện sẽ được cộng điểm, nếu SV vắng quá số buổi quy định của GV sẽ bị trừ điểm vào điểm tập giảng. 2. Đánh giá: - Thực hành cá nhân, phát biểu nhận xét tiết dạy trên lớp, sản phẩm video: 0.8 - Tự học, tự rèn luyện, chuyên cần: 0.2
45	Rèn luyện NVSPTX6	Học phần góp phần giúp sinh viên nhận thức được nghề dạy toán, có trách nhiệm và ý thức việc rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp qua thực hành nội dung Hình học, biết đúc rút kinh nghiệm và trau dồi cho bản thân trong quá trình dạy học, nhằm phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp của người giáo viên toán ở trường trung học.	1	7	1. SV tham dự đầy đủ và nhận xét tích cực trong quá trình rèn luyện sẽ được cộng điểm, nếu SV vắng quá số buổi quy định của GV sẽ bị trừ điểm vào điểm tập giảng. 2. Đánh giá: - Thực hành cá nhân, phát biểu nhận xét tiết dạy trên lớp, sản phẩm video: 0.8 - Tự học, tự rèn luyện, chuyên cần: 0.2
46	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp	8	8	Thực hành, báo cáo
47	Tư duy và hoạt động của học sinh	Học phần góp phần trang bị cho sinh viên các con đường và biện pháp phát triển tư duy đểvận dụng vào dạy học môn toán ở trường phổ thông; đồng thời thông qua việc học học phầnnày sinh viên được tăng cường	2	8	1. Việc cấm thi học phần theo quy chế học tín chỉ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hơn kỹ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu việc phát triểntư duy toán học cho học sinh thông qua các hoạt động dạy học môn toán. Qua việc học tậphọc phần sinh viên được đào sâu hơn về lí luận cũng như các biện pháp để phát triển tư duysáng tạo, tư duy logic và tư duy biện chứng; góp phần bồi dưỡng phương pháp dạy học theohướng phát triển năng lực tư duy cho học sinh, phục vụ thiết thực cho việc dạy học môn toánở trường phổ thông.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút). Làm tiểu luận (nếu học online)
48	Dạy học môn toán theo tiếp cận phát triển năng lực	Học phần này cung cấp cho sinh viên có kiến thức, kĩ năng thiết kế và tổ chức các tình huống dạy học môn toán theo định hướng phát triển năng lực, vận dụng trong dạy học toán phổ thông (THCS, THPT), giúp sinh viên biết dạy học theo hướng phát triển năng lực, biết đúc kết, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học, phục vụ thiết thực cho việc đào tạo nghề dạy học Toán ở trường phổ thông.	2	8	1. Việc cấm thi học phần theo quy chế học Tín chỉ (vắng không phép từ 20% số tiết hoặc vắng có phép từ 40% số tiết). 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
49	Lý thuyết trường và Galoa	Giới thiệu những khái niệm và kết quả cơ bản của lý thuyết trường và lý thuyết Galoa. Người học vận dụng được các khái niệm và kết quả cơ bản của lý thuyết mở rộng trường và lý thuyết Galoa vào việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy toán.	2	8	1. Sinh viên tham dự tối thiểu 24 tiết trên lớp. Sinh viên vắng quá 6 tiết sẽ bị cấm thi kết thúc học phần. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
50	Cơ sở hình học	Học phần góp phần trang bị cho sinh viên nhận thức được ý nghĩa của việc xây dựng và quá trình phát triển của hình học sơ cấp. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy được mối liên hệ giữa hình học sơ cấp và hình học cao cấp trong sự phát triển chung của lịch sử hình học, góp phần phát triển năng lực tư duy biện chứng	2	8	1. Tham gia đầy đủ số tiết học phần theo quy chế học tín chỉ và tích cực phát biểu, làm bài tập tại lớp hoặc tham gia hoạt động nhóm có hiệu quả tại lớp.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và lập luận toán học, cũng như năng lực định hướng và giải quyết vấn đề hình học cho sinh viên. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức của học phần trong công việc giảng dạy sau này nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
51	Hàm biến phức	Học phần này giúp sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản của hàm số biến số phức, vận dụng vào giải được thành thạo một số dạng toán cơ bản và giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến hàm số biến số phức, lí thuyết tích phân phức, lí thuyết chuỗi hàm phức và lí thuyết thặng dư; liên hệ được các kiến thức này với một số dạng toán liên quan trong chương trình trung học phổ thông. Qua đó, học phần này góp phần rèn luyện và phát triển các thành tố năng lực toán học như tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học; hình thành được kỹ năng học tập và nghiên cứu khoa học toán học; có được tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học và tự nghiên cứu.	2	8	2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (tự luận 90 phút).
52	Thống kê nâng cao	Người học có thể vận dụng được một số vấn đề của thống kê nâng cao về biểu diễn dữ liệu nâng cao, phương pháp Bayes, phương pháp bootstrap, hồi quy tuyến tính bội, hồi quy phi tuyến, phân tích dữ liệu định tính vào việc biểu diễn, phân tích số liệu thực nghiệm hỗ trợ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường.	2	8	1. Sinh viên tham dự ít nhất 80% số tiết trên lớp. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Kiểm tra cuối kỳ: 0.6 (Tiểu luận, nộp sản phẩm thu hoạch theo cá nhân hoặc nhóm (không quá 3 sinh viên/nhóm).
53	Latex và ứng dụng trong giảng dạy toán	Mục tiêu chính của học phần là hình thành cho người học năng lực biên soạn tài liệu toán học ở bậc Phổ thông trên chương trình biên dịch LaTeX; Ngoài ra,	2	8	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nó góp phần hình thành các bài thuyết trình, bài giảng bằng chương trình biên dịch LaTeX.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Kiểm tra cuối kỳ: 0.6 (Bài thu hoạc kết thúc học phần làm cá nhân trên sinh viên. Mỗi sinh viên TeX hóa từ 10 đến 20 trang trong 1 tuần)
54	STEM nâng cao	Học phần này tiếp nối và phát triển từ học phần Dạy học Toán trung học theo STEM. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể thiết kế các nội dung dạy học môn Toán theo định hướng giáo dục STEM từ cấp THCS đến THPT, đồng thời xây dựng được hệ thống bài học STEM trên nền tảng dạy học trực tuyến theo xu hướng dạy học hiện đại trong thời đại công nghệ 4.0, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, đồng thời giúp sinh viên biết dạy học theo hướng phát triển năng lực, biết đúc kết, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học, phục vụ thiết thực cho việc đào tạo nghề dạy học Toán ở trường phổ thông.	2	8	1. Sinh viên phải tham dự trên 80% số tiết lên lớp. Sinh viên vắng quá số tiết quy định của Nhà trường sẽ không được tham gia thi kết thúc môn học. 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Kiểm tra cuối kì: 0.6 (Thực hành dạy học theo chủ đề đã thiết kế)
55	Thực hành giảng dạy toán tiếng Anh	Học phần này giúp sinh viên sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành toán trong chương trình phổ thông như viết báo cáo toán bằng tiếng Anh; biên soạn giáo án toán bằng tiếng Anh; trình bày báo cáo toán bằng tiếng Anh và giảng dạy một chủ đề toán học đơn giản bằng tiếng Anh. Qua đó, học phần góp phần nâng cao năng lực tiếng Anh cho toán của người học, nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy toán học bằng tiếng Anh và hỗ trợ việc học tập nâng cao trình độ sau này	2	8	1. Sinh viên có mặt tối thiểu 80% tại lớp mới được tham dự thi kết thúc học phần 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi tập trung: 0.6 (Báo cáo kết thúc môn học bằng bài viết và video một giáo án 50 phút)

13. Sư phạm Tin học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm ngành Tin học	Vận dụng các phương pháp rèn luyện để tăng cường kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong các tình huống thực tế, kỹ năng thuyết trình, tư duy giải quyết vấn đề trong công việc học tập đạt hiệu quả nhất. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, thiết lập các mối quan hệ xã hội, khai thác thông tin tham gia cộng đồng trực tuyến. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong tập thể nhóm, cộng đồng phát triển bản thân và nghề nghiệp.	2	4	Đánh giá: 1. Thường kỳ: 0.5 (chuyên cần: 0.1 và báo cáo thuyết trình: 0.4) 2. Thi kết thúc học phầnBài tập lớn
2	Kế toán đại cương	Sau khi học xong học phần Kế toán đại cương người học có thể hạch toán được các nghiệp vụkinh tế, lên được sơ đồ tài khoản, lập được bảng cân đối kế toán và bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: Viết luận - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần: 0.5
3	Toán rời rạc	Hiểu được bản chất của các khái niệm tập hợp, ánh xạ, quan hệ, logic và lý thuyết số làm cơ sở nhận thức và giải quyết các vấn đề trong Tin học. Vận dụng được các phương pháp và nguyên tắc đếm để xác định số đối tượng trong một không gian cụ thể; có khả năng biểu diễn và tối giản hàm Boole bằng một phương pháp tối giản cụ thể.	3	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần: 0.5
4	Tin học căn bản	Hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học máy tính; sử dụng thành thạo các tiện ích trên máy tính; cài đặt, gỡ bỏ các phần mềm, xử lý được các sự cố đơn giản khi sử dụng máy tính. Vận dụng kiến thức của học phần để khai thác thông tin trên Internet phục vụ học tập và cuộc sống. Sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính, phần mềm	2	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (trắc nghiệm): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình chiếu. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực nghề nghiệp.			
5	Xác suất thống kê cho tin học	Vận dụng các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất để giải quyết một vấn đề về hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra liên quan đến ngành Tin học và trong đời sống hàng ngày. Vận dụng các kiến thức về Thống kê toán trong học phần để có thể xử lí và phân tích số liệu thực nghiệm mức độ cơ bản phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công tác sau này. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận, đề mở): 0.6
6	Lập trình căn bản	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể viết chương trình, cài đặt thuật toán, rèn luyện tư duy lập trình; đây là tiền đề cho việc học các môn học lập trình sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và kỹ năng thực hành thành thạo các ngôn ngữ lập trình khác. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận, đề mở): 0.6
7	Lý thuyết đồ thị	Biết mô hình hóa một bài toán bằng một đồ thị thích hợp và biểu diễn đồ thị trong máy tính. Hiểu và có khả năng vận dụng các thuật toán tìm kiếm trên đồ thị, đồ thị Euler, đồ thị Hamilton, tìm cây khung trên một đồ thị cụ thể.	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
8	Đại số tuyến tính	Nhớ và vận dụng các kiến thức về đại số tuyến tính để có thể giải quyết một số vấn đề thực tiễn. Qua đó rèn luyện tư duy thuật toán, tư duy lập trình. Tạo tiền đề cho việc học tiếp các môn học chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng mô hình hóa toán học, vận dụng kiến thức đã biết để giải quyết các vấn đề cụ thể; rèn luyện khả năng lập luận kín kẻ, suy diễn logic. Nâng cao ý	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			
9	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để mô hình hóa được những bài toán từ những vấn đề thực tế, từ đó có thể cài đặt được những bài toán đơn giản, rèn luyện tư duy lập trình và thiết kế giải thuật; đây là tiền đề cho việc học các môn học lập trình sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và thiết kế giải thuật, kỹ năng thực hành giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm	3	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
10	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	Trình bày được tổ chức bên trong bộ xử lý; kiến trúc tổng quát CPU 8086; kiến trúc RISC và CISC; bộ xử lý song song và vai trò của trình biên dịch. Giải thích được mô hình phân cấp bộ nhớ; cách thức trao đổi giữa bộ nhớ đệm, bộ nhớ trong và bộ nhớ ảo. Nhắc lại nguyên lý hoạt động các thiết bị ngoại vi của hệ thống máy tính; hệ thống bus và cách thức trao đổi giữa các thiết bị trong hệ thống máy tính. Biên soạn được chương trình hợp ngữ thực hiện nhập xuất cơ bản	2	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
11	Lập trình trực quan	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ lập trình trực quan để viết các chương trình giải một số bài toán đơn giản hoặc xây dựng các trò chơi đơn giản. Phát triển tư duy thuật toán, rèn luyện kỹ năng lập trình. Nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về các ngôn ngữ lập trình được sử dụng trong chương trình giáo dục phổ thông.	3	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên nắm rõ được qui trình nghiên cứu khoa học, viết được phiếu đề xuất và thuyết minh, trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học theo chuẩn	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Hệ điều hành	Tóm tắt tổng quan về Hệ điều hành; trình bày được chức năng hệ điều hành đứng vềphía người thiết kế ra hệ điều hành; nhắc lại các thành phần khi thiết kế hệ điều hành.Trình bày được các thành phần quản lý bên trong tiến trình; giải thích các chiến lược định thời biểu; giải thích các giải thuật đồng bộ hóa, giải thích các giải thuật tắc nghẽn và chống tắc nghẽn. Trình bày được các thành phần quản lý bên trong bộ nhớ; giải thích các chiến lược quản lý bộ nhớ chính; quản lý bộ nhớ ảo.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
14	Đồ án môn học 1	Vận dụng lý thuyết các học lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu và giải thuật, … vào giải quyết một bài toán cụ thể; khai thác tìm hiểu những kỹ thuật và công nghệ mới. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trình bày báo cáo khoa học. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	1	6	Đánh giá: Báo cáo thuyết trình
15	Cơ sở dữ liệu	Vận dụng lý thuyết Cơ sở dữ liệu để phân tích thiết kế một CSDL nhỏ và vừa bằng hệ quản trị CSDL SQL Server. Rèn luyện kỹ năng thực hành thành thạo khi thiết kế CSDL thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.6
16	Lập trình hướng đối tượng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cách thức lập trình theo hướng đối tượng và ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++. Sinh viên lập trình được các bài toán hướng đối tượng bằng ngôn ngữ C++. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người làm công việc phát triển ứng dụng tin học: cẩn thận, làm việc từng bước theo đúng quy trình.	3	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Nhập môn Trí tuệ nhân tạo	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần này có thể xây dựng phần mềm đơn giản ứng dụng AI; đây là tiền đề để học các môn Máy học ứng dụng, Blockchain,… Rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết các bài toán thực tế dựa trên các kỹ thuật trong trí tuệ nhân tạo. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
18	Nhập môn Mạng máy tính	Trình bày được chức năng của mỗi tầng trong mô hình OSI; các giao thức làm việc ở các tầng; các thiết bị hoạt động ở các tầng. Tóm tắt các giao thức trong bộ giao thức liên mạng TCP/IP. Phân biệt phương triện truyền dẫn và chức năng các thiết bị mạng; phân biệt thiết bị nào làm việc ở tầng nào của mô hình OSI. Phân biệt được các kiến trúc mạng và các công nghệ mạng LAN.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (trắc nghiệm): 0.5
19	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Vận dụng các kiến thức đã học tiến hành phân tích thiết hệ thống thông tin cụ thể trong thực tế bằng phương pháp UML. Rèn luyện kỹ năng phân tích, xây dựng mô hình bằng UML. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
20	Đồ án môn học 2	Vận dụng lý thuyết các học phần Lập trình có kết nối Cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống để sản phẩm ứng dụng (phần mềm ứng dụng, website,…), xây dựng hệ thống mạng đảm bảo an toàn, thiết kế hệ thống dạy học trực tuyến,… Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trình bày báo cáo logic, hiệu quả. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	1	7	Đánh giá: Báo cáo thuyết trình

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	E - learning	Trình bày được mô hình, kiến trúc tổng quan hệ thống LMS; Lựa chọn một phần mềm mã nguồn mở để triển khai hệ thống LMS; Cài đặt và quản trị LMS; Biên soạn các tài liệu đúng chuẩn để triển khai trên LMS.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
22	Lý luận dạy học Tin học	Trình bày được mục đích, vị trí, vai trò của môn Tin học ở trường phổ thông, hiểu rõ mối quan hệ giữa mục đích, nội dung và phương pháp trong quá trình dạy học các nội dung Tin học. Vận dụng được phương pháp, phương tiện dạy học, mục đích và quy định đánh giá học sinh vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.	2	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
23	Phương pháp dạy học Tin học ở Tiểu học	Trình bày được mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung của phân môn Tin học trong môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học. Có khả năng vận dụng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy, quy định về kiểm tra đánh giá và phương tiện dạy học để thiết kế kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động dạy học các nội dung Tin học ở lớp 3, lớp 4, lớp 5.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
24	Phương pháp dạy học Tin học ở THCS	Trình bày được mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung của phân môn Tin học trong môn Tin học và Công nghệ ở Trung học cơ sở. Có khả năng vận dụng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy, quy định về kiểm tra đánh giá và phương tiện dạy học để thiết kế kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động dạy học các nội dung Tin học ở lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận, được sử dụng tài liệu): 0.5
25	Phương pháp dạy học Tin học ở THPT	Trình bày được mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung của phân môn Tin học trong môn Tin học và Công nghệ ở Trung học phổ thông. Có khả năng vận dụng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy, quy định về kiểm tra đánh giá và phương tiện dạy học để thiết kế	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động dạy học các nội dung Tin học ở lớp 10, lớp 11, lớp 12.			- Thi cuối học phần (viết luận, được sử dụng tài liệu): 0.5
26	Chuyên đề Luật CNTT, An ninh mạng, Sở hữu trí tuệ	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể tuân thủ quy định pháp luật vềcông nghệ thông tin, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp. Áp dụng được những quy định đã học để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và người khác. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	1	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.6
27	Ngoại ngữ chuyên ngành	Vận dụng từ vựng, văn phạm để đọc các tài liệu kỹ thuật đơn giản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. Diễn đạt và thảo luận theo hình thức nói những chủ đề cơ bản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	3	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
28	Bảo mật thông tin	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin. Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về an toàn và bảo mật thông tin. Biết tổ chức thực hiện an toàn và bảo mật thông tin cho một hệ thống. Biết sử dụng một số công cụ đảm bảo an toàn thông tin. Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của bảo mật thông tin; vai trò, trách nhiệm và đạo đức của người làm công việc an toàn vào bảo mật thông tin: cẩn thận, làm việc theo đúng quy trình, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.6
29	Ngôn ngữ lập trình JAVA	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể giải quyết các bài toán lập trình cơ bản và xây dựng ứng dụng thực tế. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và phương pháp lập trình hướng đối tượng. Nhận thức	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.			- Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
30	Hệ cơ sở tri thức	Vận dụng các kiến thức đã học trong học phần để có thể xây dựng, biểu diễn tri thức theo từng lĩnh vực cụ thể. Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp tri thức và là cơ sở nền để xây dựng hệ chuyên gia theo từng lĩnh vực. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
31	Hệ quản trị CSDL SQL Server	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, quản lý dữ liệu trên hệ quản trị CSDL SQL Server trong việc xây dựng ứng dụng nền tảng Web, Windows Form. Rèn luyện kỹ năng lập trình và ứng dụng thành thạo với các ngôn ngữ lập trình khác khi triển khai thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
32	Hệ quản trị CSDL My SQL và PostgreSQL	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, quản lý dữ liệu trên hệ quản trị CSDL MySQL và PostgreSQL trong việc xây dựng ứng dụng nền tảng Web, Windows Form, ứng dụng di động. Rèn luyện kỹ năng lập trình và ứng dụng thành thạo với các ngôn ngữ lập trình khác khi triển khai thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn thực hành): 0.5
33	Thiết kế đồ họa	Vận dụng kiến thức đã học xong trong học phần để có thể xử lý ảnh, ghép ảnh, phục hồi ảnh, chỉnh sửa ảnh, thiết kế và tối ưu hoá web. Rèn luyện kỹ năng tư duy thiết kế và thực hành thành thạo các phần mềm xử lý ảnh khác. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn thực hành): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quá trình tự học, tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm			
34	Kỹ thuật số	Trên cơ sở các kiến thức về đại số Boole, các cổng luận lý; vi mạch số và cách thể hiện cổng luận lý; các mạch tổ hợp; mạch tuần tự; bộ biến đổi ADC và DAC; bộ nhớ bán dẫn sẽ tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV ứng dụng được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tiễn.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
35	Thiết kế và tích hợp giao diện	Sinh viên sử dụng phần mềm Adobe XD để thiết kế được giao diện người dùng trên nền tảng di động, web và windows.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
36	Bảo trì hệ thống máy tính	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy tính, biết sử dụng dụng cụ đo điện thế các linh kiện máy tính. Rèn luyện kỹ năng bảo trì và bảo dưỡng và kỹ năng đo và đọc các chỉ số điện thế các thiết bị. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
37	Công cụ thiết kế bài giảng	Sử dụng được các phần mềm cần dùng trong quá trình thiết kế bài giảng E-learning. Sử dụng thành thạo phần mềm biên soạn và đóng gói bài giảng E-learning; Biên soạn được bài giảng và bài kiểm tra đúng chuẩn E-learning. Trình bày được quy trình thiết kế bài giảng E-learning.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Dạy học Tin học theo STEM và trải nghiệm	Biết được vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tin học. Vận dụng kiến thức học phần để thiết kế và tổ chức dạy học môn Tin học theo STEM và hoạt động trải nghiệm. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao và phát triển năng lực nghề nghiệp.	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tiểu luận): 0.5
39	Lập trình .NET (C#)	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để xây dựng được những ứng dụng mô phỏng và ứng dụng Windows Forms quản lý cơ sở dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình C#. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và thiết kế giải thuật, thiết kế phần mềm, kỹ năng thực hành giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
40	Kỹ nghệ phần mềm	Cung cấp kiến thức và kỹ thuật trong quy trình phát triển phần mềm. Rèn luyện khả năng phân tích yêu cầu và đánh giá chất lượng sản phẩm phần mềm. Nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, khả năng tham gia giao tiếp và làm việc nhóm.	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
41	Tính toán song song	Tóm tắt được kiến trúc và các loại máy tính song song; trình bày được các thành phần của máy tính song song. Liệt kê được các ngôn ngữ lập trình song song, thực hiện các phương pháp biến đổi chương trình tuần tự sang chương trình song song; trình bày các mô hình lập trình song song. Thiết kế được thuật toán song song và triển khai một số ví dụ về tính toán song song	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
42	IoT và ứng dụng	Trình bày được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về nguyên lý hoạt động và thông sốkỹ thuật các cảm biến và phương pháp xây dựng một hệ thống IoT. Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án. Lựa chọn phương pháp lập trình trên IDE Arduino.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật. Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đềtrong học tập.			
43	Xử lý ảnh	Giúp sinh viên nắm được tổng quan các bước trong quy trình xử lý ảnh. Giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật để nâng cao chất lượng ảnh, phân vùng ảnh, phát hiện đối tượng. Vận dụng các kỹ thuật xử lý ảnh để áp dụng vào bài toán thực tế.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
44	Xây dựng ứng dụng phân tán	Sinh viên có thể thiết kế, xây dựng và vận hành được một hệ thống phân tán trên nền hệ quản trị CSDL SQL Server.	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
45	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	Sinh viên có thể thiết kế và cài được được hiện thống mạng, tính toán chi phí, thực hiện các câu lệnh cấu hình bộ chuyển mạch và bộ định tuyến đúng theo yêu cầu.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
46	Lập trình cho thiết bị di động	Hiểu được nền tảng ngôn ngữ lập trình Flutter. Xây dựng được ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế với nền tảng Flutter	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
47	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	Vận dụng những kiến thức đã học trong học phần để xây dựng được một phần mềm quản lý đào tạo theo mô hình đa lớp với các chức năng cơ bản và nâng cao	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như tạo mã vạch, mã QR, hàm băm và chữ ký số RSA. Rèn luyện kỹ năng phân tích thiết kế bài toán, nhận biết những yêu cầu điển hình của phần mềm quản lý và lập trình xây dựng các phần mềm quản lý trong thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
48	Lập trình Web ASPX	Sinh viên thực hiện được một Website bằng ngôn ngữ lập trình C# với 2 mô-đun cơ bản dành cho quản trị và người dùng dựa trên công nghệ .NET.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
49	Lập trình Web PHP	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để tiến hành xây dựng Website ứng dụng vào thực tế. Rèn luyện kỹ năng tư duy, sáng tạo trong lập trình Web bằng PHP. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
50	Thương mại điện tử	Vận dụng kiến thức đã học xây dựng được website thương mại điện tử..Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch đặc biệt là kế hoạch phòng và tránh rủi ro. Rèn luyện ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học và làm việc nhóm	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
51	An ninh mạng	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, xây dựng được một hệ thống an ninh mạng cho cơ quan, doanh nghiệp. Rèn luyện khả năng quan sát, phán đoán để xây dựng các mô hình mạng an toàn. Nâng cao tính cẩn thận, có trách nhiệm cao đối với làm việc cá nhân và trong làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
52	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Tóm tắt được mô hình ngôn ngữ N-gram và đánh giá mô hình ngôn ngữ; Trình bày vectơ ngữ nghĩa và các	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp biểu diễn từ; Xây dựng ứng dụng cho một số bài toán trong NLP (Gán nhãn từ loại và giải thích được cách gán nhãn từ loạ, Phân tích cú pháp ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Việt, Rút trích thông tin văn bản, Phân lớp văn bản, Tách từ)			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
53	Khai phá dữ liệu	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để thực hành khai phá dữ liệu với những dữliệu từ thực tế, xây dựng được mô hình và diễn dịch kết quả khai phá, rèn luyện khả năng xử lý dữ liệu lớn. Rèn luyện kỹ năng tư duy, xử lý dữ liệu và lập trình, kỹ năng nghiên cứu, thực hành và phân tích để giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
54	Robot giáo dục	Nêu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng mô hình và lắp ráp Robot. Sử dụng công nghệ thông qua việc lập trình. Tính toán tối ưu vận hành của Robot. Cải thiện sự quan sát tập trung và kiên nhẫn thông qua các bài học lắp ráp các mô hình; Tăng cường khả năng tư duy logic với nhưng mô hình có thể chuyển động được; Phát huy sự sáng tạo khi tự suy nghĩ và tìm tòi những mô hình mới. Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6
55	ICT trong giáo dục phổ thông	Hiểu được vai trò của ICT trong giáo dục, quá trình dạy học môn Tin học ở trường phổ thông. Vận dụng kiến thức học phần để khai thác các phần mềm sẽ được giảng dạy trong chương trình trong chương trình Tin học phổ thông. Rèn luyện kỹ năng khai thác, sử dụng ICT trong học tập và phát triển kĩ năng nghề nghiệp.	2	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Lắp ráp và cài đặt máy tính	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể lắp ráp, cài đặt, đây là tiền đề cho việc xây dựng các hệ thống máy tính sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lắp đặt và kỹ năng thực hành thành thạo tháo lắp các linh kiện máy tính. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
57	Lập trình Python và ứng dụng	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể viết chương trình, cài đặt thuật toán, rèn luyện tư duy lập trình. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và kỹ năng thực hành ngôn ngữ lập trình Python. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
58	PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập Tin học	Thành thạo các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Vận dụng kiến thức của học phần trong việc xây dựng các công cụ đánh giá thường xuyên, xây dựng đề kiểm tra cho một nội dung cụ thể. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển năng lực nghề nghiệp.	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
59	Quản trị hệ thống mạng Windows	Kiến thức về các mô hình mạng, các dịch vụ, chính sách bảo mật và quản trị trong hệthống Microsoft Windows. Phân tích tình hình thực tế của một tổ chức/ đơn vị để triển khai, vận hành và bảo trì một hệ thống mạng hoàn chỉnh trên nền tảng Microsoft Windows. Tính kỷ luật và trách nhiệm trong công việc, khả năng tự nghiên cứu tìm hiểu các phiên bản hệ điều hành Windows mới, dựa trên nền tảng đã học.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
60	Quản trị hệ thống mạng Linux	Hiểu được các khái niệm cơ bản, cấu trúc, chức năng các thành phần trong hệ điều hành Linux. Cài đặt, triển khai và nâng cấp hệ thống mạng nguồn mở Linux. Sử	2	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng thành thạo các lệnh cơ bản liên quan quản trị mạng trên Linux			- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
61	Rèn luyện NVSPTX 1	Giúp sinh viên hiểu, biết những kiến thức cơ bản về công tác kiến tập, thực tập tốt nghiệp và công tác chủ nhiệm lớp. Qua đó, sinh viên rèn luyện các kỹ năng chủ nhiệm lớp, luôn có ý thức, trau dồi phẩm chất, năng lực để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên tương lai.	1	4	Thực giảng: 1.0
62	Rèn luyện NVSPTX 2	Tìm hiểu, phân tích chương trình môn học, xây dựng kế hoạch bài học, chuyên đề học tập môn Tin học. Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động học tập trên lớp đối với môn Tin học cho học sinh. Rèn luyện kỹ năng sư phạm, phát triển năng lực nghề nghiệp.	2	5	Thực giảng: 1.0
63	Rèn luyện NVSPTX 3	Tìm hiểu, phân tích chương trình môn học, xây dựng kế hoạch bài học, chuyên đề học tập môn Tin học. Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động học tập trên lớp đối với môn Tin học cho học sinh. Rèn luyện kỹ năng sư phạm, phát triển năng lực nghề nghiệp.	2	6	Thực giảng: 1.0
64	Rèn luyện NVSPTX 4	Vận dụng kiến thức học phần thiết kế kế hoạch dạy học, tổ chức hoạt động dạy học liên quan đến phân tích chương trình và giải bài tập lập trình. Thực hành kỹ năng tổ chức dạy học phân tích chương trình, giải bài tập lập trình. Phát triển tư duy thuật toán, rèn luyện kỹ năng phân tích bài toán, phân tích chương trình và cài đặt chương trình bằng ngôn ngữ lập trình cụ thể.	1	7	Thực giảng: 1.0
65	Thực tập cơ sở	Làm quen với môi trường dạy học thực tế tại các cơ sở trước khi thực tập. Từ đó, sinh viên Sư phạm Tin học sẽ có nhận định đúng đắn và yêu thích nghề dạy học trong tương lai. Rèn luyện kỹ năng hình thành những phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên.	6	6	Thực giảng: Điểm KTSP = (K1 x 0,4) + (K2 x 0,3) + (K3 x 0,3) + hoặc (-) điểm khen thưởng/kỷ luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nâng cao tính trung thực, gương mẫu và trách nhiệm đối với bản thân, với học sinh, với phụ huynh, với nhà trường và cộng đồng			
66	Thực tập tốt nghiệp	Trao dồi, vận dụng sáng tạo, tổng hợp nội dung kiến thức đã học trong thời gian 7 học kỳ vào công việc dạy học tại cơ sở thực tập. Thu thập kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở trước khi ra trường. Từ đó, sinh viên Sư phạm Tin học sẽ có nhận định đúng đắn và yêu thích nghề dạy học trong tương lai. Rèn luyện kỹ năng và hình thành những phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên, hình thành kĩ năng, thái độ và tình cảm nghề nghiệp. Nâng cao tính trung thực, gương mẫu và trách nhiệm đối với bản thân và mọi người.	8	8	Thực giảng: Điểm TTTN= (K1 x 0,1) + (K2 x 0,5) + (K3 x 0,4) + hoặc (-) điểm khen thưởng/ kỷ luật
67	Khóa luận tốt nghiệp		6	8	Báo cáo thuyết trình
68	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để xây dựng ứng dụng bằng phần mềm nguồn mở. Rèn luyện kỹ năng tư duy thiết kế, vận hành và quản lý các ứng dụng mã nguồn mở. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
69	Bồi dưỡng học sinh giỏi	Vận dụng kiến thức môn học và các kỹ năng tư duy lập trình để xây dựng các thuật toán tốt cho các bài toán cụ thể. Rèn luyện kỹ năng lập trình chuyên nghiệp, giải các bài toán một cách hiệu quả. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

14. Sư phạm Vật lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Nắm được các khái niệm, thuật ngữ và phương pháp nghiên cứu thường dùng; Hiểu những lợi ích nghiên cứu khoa học (NCKH), nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp. - Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề cương nghiên cứu nhỏ về lĩnh vực ngôn ngữ, xã hội; áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học (PPNCKH) trong học tập, nghiên cứu và làm việc. Xác định được tính đạo đức theo yêu cầu thực hiện nghiên cứu khoa học.	2	HK1	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Bài thu hoạch (60%)
2	Toán cho Vật lý 1	- Nắm được những kiến thức cơ bản về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân của hàm số một biến số, lí thuyết chuỗi và phương trình vi phân. - Sử dụng được những công cụ của giới hạn, phép tính vi phân, tích phân của hàm số một biến số, lí thuyết chuỗi, phương trình vi phân trong thực hành giải toán và vận dụng giải quyết một số vấn đề có liên quan.	2	HK1	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
3	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	- Trình bày và phân biệt được khái niệm, đặc điểm, tầm quan trọng của kỹ năng và kỹ năng mềm. Xác định được tầm quan trọng của mục tiêu và thiết lập mục tiêu. Đánh giá được chức năng, tầm quan trọng, phương tiện, phương thức, phong cách, nguyên tắc của giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe tích cực và kỹ năng phản hồi. Xây dựng được nhật ký thời gian, kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả. Tổ chức tốt một tình huống giao tiếp, một buổi thuyết trình. Kiểm soát được căng thẳng, làm chủ cảm xúc bản thân.	2	HK1	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		-Thành thạo các kỹ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm chuẩn mực và hợp lý, kỹ năng làm việc nhóm và phát triển các mối quan hệ xã hội, viết, trình bày và thuyết trình được nội dung khoa học, kỹ năng tìm kiếm việc làm cho sinh viên sư phạm Sinh học, kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội. - Hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm thiết yếu: giao tiếp, thiết lập mục tiêu, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ cảm xúc, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo. Từ đó vận dụng sáng tạo kỹ năng mềm vào học tập các môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu khoa học sau khi ra trường.			
4	Toán cho Vật lý 2	- Nắm được những nội dung tư duy toán học thông qua các nội dung phép tính vi phân, tích phân của hàm nhiều biến số và phương trình vi phân, hệ phương trình vi phân và hiểu được những kiến thức cơ bản của nội dung phép tính vi phân, tích phân của hàm nhiều biến số, tích phân đường, tích phân mặt và các ứng dụng của chúng trong việc giải các bài toán vật lý. Có kĩ năng sử dụng các công cụ và tư tưởng của phép tính vi phân, tích phân của hàm nhiều biến số, tích phân đường, tích phân mặt để giải quyết các bài toán có liên quan, vào tự học và nghiên cứu khoa học.	2	HK2	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
5	Nhập môn ngành SP Vật lý	- Nắm được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Vật lý; trình bày được những thông tin về Trường ĐHĐT, khoa SP Khoa học Tự nhiên; bộ môn Vật lý; hiểu được mục tiêu đào tạo của ngành Vật lý; thực hiện đúng các Quy chế đào tạo, quy chế công tác và các quy định đối với sinh viên; sử dụng tốt vai trò hỗ trợ từ các bộ phận, hình thành các kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học.	1	HK1	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Phương pháp toán lý	- Nắm được các kiến thức cơ bản về giải tích vectơ và các phương trình toán lý. - Áp dụng được vào các bài toán Vật lý chuyên ngành.	3	HK3	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
7	Cơ học 1	- Nắm được các kiến thức cơ bản về chuyển động cơ học: các đặc trưng động học của chuyển động chất điểm, động lực học chất điểm, động lực học cơ hệ, định luật bảo toàn động lượng và định luật bảo toàn cơ năng của cơ hệ. Các kiến thức về tự nhiên gắn liền với các hiện tượng Vật lý. -Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích và giải thích các hiện tượng chuyển động của vật chất, các hiện tượng trong tự nhiên.	3	HK1	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
8	Cơ học 2	Kiến thức: nắm vững các qui luật chuyển động của chất điểm trong hệ quy chiếu không quán tính, chuyển động trong trường hấp dẫn, chuyển động của vật rắn. Giải thích các hiện tượng chuyển động của chất lưu và vật rắn, vận dụng kiến thức giải các bài tập tương ứng.	2	HK2	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
9	Nhiệt học	- Nắm vững kiến thức về các quá trình nhiệt động học. - Hiểu được khí lí tưởng theo nhiệt động học và biết các quá trình trong chu trình của động cơ. - Các nguyên tắc ứng dụng các nguyên lý nhiệt học trong đời sống. - Giải thích các hiện tượng chuyển động của chất khí, vận dụng kiến thức giải các bài tập tương ứng.	2	HK1	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
10	Điện và từ 1	Có kiến thức cơ bản về các hiện tượng tĩnh điện, dòng điện không đổi và dòng diện trong các môi trường.	3	HK2	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kiến thức về điện và từ làm cơ sở cho việc học tập tốt các môn học khác. - Vận dụng được các kiến thức đã giải các bài tập tương ứng cũng như giải thích được các hiện tượng điện và từ trong tự nhiên và cuộc sống.			
11	Thí nghiệm VLĐC 1	Người học thực hiện được thí nghiệm và các báo cáo thu hoạch liên quan đến sai số phép đo, đo được khối lượng, khối lượng riêng, mômen quán tính, hệ số nở dài của vật rắn bất kì; đo được vận tốc truyền sóng và hệ số căng mặt ngoài của chất lỏng cũng như đo được chỉ số đoạn nhiệt và kiểm nghiệm các định luật của chất khí. Vận dụng vào dạy học phần cơ, nhiệt ở trường phổ thông và giải thích được một số hiện tượng vật lí liên quan.	1	2	Chuyên cần (5%) + Thực hành (15%) + Kiểm tra giữa kỳ (20%) + Thi thực hành + vấn đáp (60%)
12	Điện và từ 2	Có các kiến thức cơ bản về điện tích, tương tác giữa các điện tích, định luật Coulomb, điện trường, vectơ cường độ điện trường, tính chất của điện trường, đặc điểm của vật dẫn trong điện trường, tụ điện, điện trường trong chất điện môi, dòng điện không đổi, định luật Ohm cho đoạn mạch và đặc điểm của dòng điện trong các môi trường. *Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và* giải quyết được nội dung các bài tập bắt buộc trong chương trình môn học, vào thực tiễn đời sống và sản xuất.	2	HK3	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
13	Lí luận dạy học vật lý	Trình bày được những cơ sở lí luận chung như đối tượng của lí luận dạy học vật lý; nhiệm vụ, phương pháp, phương tiện, quá trình dạy học; các yếu tố cấu trúc của quá trình dạy học vào hoạt động dạy học vật lý ở trường phổ thông. Phân tích được các nhiệm vụ cơ bản của dạy học vật lý ở trường trung học phổ thông.Vận dụng được các bước lập kế hoạch dạy học, thực hành thí nghiệm để thiết kế tiến trình hoạt động dạy học cho một nội	3	HK3	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung kiến thức/chủ đề vật lý theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học.			
14	Thí nghiệm VLĐC 2	Người học thực hiện được thí nghiệm và các báo cáo thu hoạch liên quan đến đo các đại lượng điện, các đại lượng từ, và các đại lượng quang. Từ đó, vận dụng vào dạy học phần ở trường phổ thông và giải thích được một số hiện tượng vật lí liên quan.	1	HK3	Chuyên cần (5%) + Thực hành (15%) + Kiểm tra giữa kỳ (20%) + Thi thực hành + vấn đáp (60%)
15	Dao động và sóng	Xác định được mối liên hệ giữa dao động cơ học với dao động điện từ cũng như phân biệt sóng cơ học với sóng điện từ. Thiết lập được các phương trình vi phân của dao động điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và sự cộng hưởng; các đại lượng trong dao động cơ học và dao động điện từ. Xây dựng phương trình vi phân tổng quát của sóng cơ học (sóng lan truyền trên sợi dây bị căng, sóng lan truyền trên mặt nước, sóng âm), nguyên lí chồng chập, sự giao thoa của sóng, phân biệt sóng dừng và sóng chạy và hiệu ứng Doppler trong âm học. Tìm được phương trình vi phân, năng lượng, mật độ năng lượng, cường độ, áp suất, sự phản xạ, khúc xạ và hiệu ứng Doppler của sóng điện từ. Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng vật lý liên quan xảy ra trong đời sống, để dạy học ở trường Phổ thông và để xây dựng các thí nghiệm mô phỏng cũng như để làm thực nghiệm.	2	HK3	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
16	Thí nghiệm VLPT 1	- Xác định được mục đích thí nghiệm; cơ sở lí thuyết; lựa chọn dụng cụ; cách bố trí, tiến hành thí nghiệm; tính toán, xử lý các số liệu, phân tích độ chính xác của kết quả đo cho việc tiến hành các thí nghiệm thuộc chương trình vật lí phổ thông.	1	HK4	Chuyên cần (5%) + Thực hành (15%) + Kiểm tra giữa kỳ (20%) + Thi thực hành + vấn đáp (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tiến hành được các thí nghiệm vật lí để khảo sát, kiểm nghiệm lại các kiến thức vật lí cơ bản thuộc chương trình vật lí phổ thông theo đúng qui trình. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành thí nghiệm cho sinh viên: Kỹ năng quan sát, sử dụng các dụng cụ đo, phân tích các hiện tượng và kết quả thí nghiệm, thu thập và xử lí số liệu….			
17	Kỹ thuật điện	Nắm được những kiến thức cơ bản về các khái niệm, định luật, kiến thức cơ bản về mạch điện. Các phép biến đổi tương đương trong mạch điện hình sin ở chế độ xác lập. Tính toán mạch từ trong máy điện. Tìm hiểu về các loại máy điện như: Máy biến áp; máy điện không đồng bộ; máy điện đồng bộ; máy điện một chiều.	2	HK4	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
18	Hóa học đại cương	- Nắm được cấu tạo và liên kết hóa học trong nguyên tử, phân tử, định luật tuần hoàn các nguyên tố, trạng thái tập hợp của các chất. Các khái niệm và định luật cơ bản về nguyên lí 1, nguyên lí 2, cân bằng pha, hằng số cân bằng, dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, phản ứng oxy hóa khử, pin điện, thế điện cực, điện phân. - Vận dụng kiến thức để giải thích được sự hình thành các hợp chất, phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ thiên nhiên, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn sinh học ở trường phổ thông.	2	HK4	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
19	Sinh học đại cương	- Trình bày được các quan điểm phân chia sinh giới. Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào, trao đổi chất và năng lượng của tế bào cũng như sự phân chia tế bào.	2	HK4	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trình bày được cấu trúc, chức năng (rễ, thân, lá) và sinh sản của thực vật. - Trình bày được cấu tạo các hệ cơ quan ở người. Nêu được những kiến thức cơ bản về di truyền và tiến hóa như cơ sở vật chất và cơ chế di truyền, các quy luật di truyền, các học thuyết tiến hóa, nguồn gốc sự sống và sự phát sinh loài người. - Trình bày được các khái niệm về sinh thái học như môi trường và các nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã và hệ sinh thái. - Nêu được những khái niệm về sinh quyển và biến đổi khí hậu. - Giải thích được các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, từ đó dẫn đến tác động của nó đối với sự sống trên trái đất.			
20	Cơ lý thuyết	Nắm được các kiến thức cơ bản của cơ học chất điểm, cơ học giải tích, các kiến thức về hình thức luận Lagrange, Hamilton. Thiết lập được phương trình Lagrange và xây dựng được hệ phương trình chính tắc Hamilton cho một số hệ cơ học đơn giản. Từ phương trình Lagrange và hệ phương trình chính tắc Hamilton viết được phương trình chuyển động của chúng.	3	HK4	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
21	Nhiệt động lực học	Vận dụng được mối liên hệ giữa bốn nguyên lý nhiệt động lực học và áp dụng phương trình trạng thái, các hệ số nhiệt để xây dựng các hàm nhiệt động lực học mới như: Nội năng, năng lượng tự do, thế nhiệt động lực học Gibbs, Entanpy; hệ thức liên hệ Maxwell giữa các thông số trạng thái với các hàm mới này. Chứng minh được biểu thức tổng quát tính hệ số Joule-Thomson đối với khí thực.	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân biệt hiệu suất động cơ nhiệt và hệ số máy làm lạnh theo chu trình bất kỳ so với chu trình Carnot. Khẳng định rằng Entropy về sự biến đổi hệ luôn tăng và các trạng thái nhiệt động không thể đạt được "nhiệt độ *0*K tuyệt đối".			
22	Quang học	Có những kiến thức về các đại lượng trắc quang và đơn vị đo của chúng; Nghiên cứu bản chất sóng của ánh sáng thông qua hiện tượng giao thoa ánh sáng và hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng; Nghiên cứu hiện tượng phân cực ánh sáng qua các định luật Malus, Brewster; Nghiên cứu sự truyền ánh sáng qua các môi trường đẳng hướng như: Sự tán sắc ánh sáng, hấp thụ ánh sáng, tán xạ ánh sáng; Nghiên cứu các nội dung về bức xạ ánh sáng và quang học phi tuyến.	3	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
23	Thí nghiệm VLPT 2	Xác định được cơ sở lí thuyết của các kiến thức vật lí cơ bản trong các bài thực hành thí nghiệm thuộc chương trình Vật lí phổ thông. Phân tích và dự đoán được các kết quả sẽ xảy ra trong các bài thực hành thí nghiệm vật lí. Tiến hành được các thí nghiệm vật lí để khảo sát hoặc kiểm nghiệm lại các kiến thức vật lí cơ bản thuộc các chủ đề trong chương trình vật lí phổ thông.	1	HK5	Chuyên cần (5%) + Thực hành (15%) + Kiểm tra giữa kỳ (20%) + Thi thực hành + vấn đáp (60%)
24	Điện động lực học	Nắm được các kiến thức về phương trình Maxell, vận dụng các phương trình Maxwell tổng quát vào các trường cụ thể. Vận dụng kiến thức, đặc biệt các phương trình Maxwell để giải thích các hiện tượng điện học. Vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn Vật lí ở trường phổ thông.	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
25	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Nắm được cấu trúc của nguyên tử, phân tử và cấu trúc của hạt nhân. Các mô hình nguyên tử, quy luật chuyển động của điện tử, giải thích	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được qui luật phổ nguyên tử và tiên đề, định luật liên quan đến nguyên tử và hạt nhân. Vận dụng kiến thức giải bài tập liên quan. Vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn Vật lí ở trường phổ thông.			
26	Thiên văn đại cương	Nắm được kiến thức tổng quan về hệ mặt trời trong vũ trụ; đặc điểm chuyển động của các hành tinh trong hệ Mặt Trời; đặc điểm chuyển động thiên cầu, hệ nhật tâm; quy luật chuyển động của các thiên thể trong trường lực hấp dẫn; đặc điểm thiên cầu, các hệ tọa độ cơ bản trên thiên cầu; Giải thích nguyên nhân xuất hiện bốn mùa và cơ sở xây dựng thời gian; Giải thích được hiện tượng nhật - nguyệt thực, thủy triều; Tìm hiểu về các thiết bị thu nhận và phân tích thông tin từ vũ trụ.	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
27	Cơ học lượng tử 1	- Nắm được các kiến thức cơ bản của cơ học lượng tử: như phép tính toán tử và biểu diễn các đại lượng động lực. Giải được phương trình Schrodinger đối với các hệ cơ bản.	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
28	Phân tích chương trình	- Phân tích, so sánh và đánh giá được ưu, nhược của chương trình Vật lí hiện hành và chương trình Vật lí 2018. - Phân tích được nội dung các kiến thức vật lí cơ bản thuộc chương trình Vật lí phổ thông.	3	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
29	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	- Xác định được mục tiêu, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. - Trình bày các nội dung, hình thức, các phương pháp tổ chức và các hướng đánh giá, các yêu cầu chung và các bước thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo.	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết kế và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông.			
30	Giải bài tập VLPT	- Trình bày được vai trò, phân loại bài tập vật lý; yêu cầu trong dạy học về bài tập vật lý; tư duy trong quá trình giải bài tập vật lý; các bước chung giải bài tập vật lý; các hình thức dạy học về bài tập vật lý và quy trình soạn phương án lên lớp hướng dẫn học sinh giải bài tập. - Phân tích được các kiểu hướng dẫn học sinh giải bài tập vật lý và cho được ví dụ. - Áp dụng được phương pháp giải (các bước chung) để giải các loại bài tập vật lý và các kiểu hướng dẫn học sinh giải bài tập vật lý trong khi dạy học bài tập vật lý. - Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học bài tập vật lý trong chương trình giáo dục phổ thông.	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
31	Vật lý thống kê	- Nắm được các kiến thức về phương pháp thống kê trong nghiên cứu hệ nhiều hạt, cách biểu diễn hệ nhiều hạt trong không gian pha,. - Thiết lập được các hàm phân bố chính tắc Gibbs, phân bố Maxwell - Boltzmann, phân bố Fermi – Dirac, phân bố Bose – Einstein, phân bố chính tắc lượng tử. Áp dụng của các hàm phân bố đó để tính toán các đại lượng và giải thích được các hiện tượng mang tính thống kê của hệ nhiều hạt.	3	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
32	Cơ học lượng tử 2	- Nắm vững các kiến thức về lý thuyết biểu diễn, hàm spin Sử dụng được các phương pháp gần đúng vào việc giải các bài toán cơ học lượng tử.	2	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Vật lý chất rắn	- Nắm những kiến thức cơ bản về vật lý chất rắn dựa vào tinh thể và các tính chất của tinh thể, các loại ô cơ sở khác nhau trong vật rắn và các loại liên kết giữa các nguyên tử với nhau để tạo nên vật rắn. Sử dụng các phương pháp gần đúng để tính năng lượng trong vật rắn từ đó ta biết được sự phân bố năng lượng và dựa vào nó để giải thích các tính chất của chúng như dẫn điện và tính chất từ. Phân loại các vật liệu vật rắn khác nhau, nghiên cứu các tính chất từ của vật rắn và các ứng dụng của chúng, cơ sở của vật liệu bán dẫn và vật liệu siêu dẫn, các ứng dụng của chúng.	3	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
34	Lý thuyết tương đối	- Nắm được các kiến thức cơ bản về phép tính Tensơ và vận dụng được vào thuyết tương đối đặc biệt và thuyết đối tổng quát. Giải được phương trình Einsteins đối với các hệ cơ bản.	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
35	Điện tử học đại cương	- Có những kiến thức cơ bản về linh kiện điện tử, mạch điện tử. - Tính toán các thông số trên mạch điện tử. - Phân tích nguyên lý làm việc các loại mạch điện từ như: Anten và sự truyền sóng điện từ; Phát dao động điện từ; Biến đổi dao động điện từ; khuếch đại dao động điện từ. Tìm hiểu lý thuyết cơ bản về kỹ thuật xung số, ứng dụng của các mạch điện tử.	2	HK5	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
36	Ứng dụng CNTT trong DH Vật lý	Vận dụng được thành thạo các phần mềm hỗ trợ từ cơ bản đến nâng cao để dạy học vật lý, khoa học tự nhiên bằng hình thức trực tiếp và gián tiếp cũng như nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực mô phỏng thí nghiệm vật lý.	2	HK5	Bài thực hành
37	Nhập môn khoa học giao tiếp	- Vận dụng kiến thức về giao tiếp để thực hiện quá trình giao tiếp thường ngày và giao tiếp nghề nghiệp trong tương lai.	2	HK6	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có khả năng tự khám phá, tự đánh giá bản thân và người khác trong quá trình giao tiếp. - Biết một số kỹ năng giao tiếp để thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp với người khác.			
38	Thực hành vô tuyến điện	- Nắm có những kiến thức cơ bản về thực hành mạch điện, thiết bị điện. - Biết được các tiêu chuẩn kết nối và nguyên lý làm việc của các thiết bị điện tử. Phân tích được nguyên nhân gây hư hỏng của các thiết bị điện tử ở trường THPT.	2	HK7	Bài thực hành
39	Sử dụng TN trong DHVL	- Khai thác và sử dụng được thí nghiệm trong dạy học vật lí ở các trường phổ thông. - Vận dụng được các cơ sở lí luận của thí nghiệm tự tạo trong việc thiết kế, chế tạo và sử dụng thí nghiệm tự tạo vào tổ chức hoạt động dạy học cho học sinh theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức.	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
40	Lịch sử vật lý	- Trình bày được những quy luật phát triển của vật lí học, thời kì ban đầu của sự phát triển vật lí học, cuộc cách mạng khoa học lần thứ nhất, cơ học Niutơn và sự hình thành cuộc cách mạng khoa học, bước đầu hình thành vật lí học cổ điển, vật lí học thời kì phát triển công nghiệp tư bản chủ nghĩa, sự hoàn chỉnh vật lí cổ điển, cuộc cách mạng mới trong vật lí học và sự ra đời của vật lí học. - Phân tích được những thành tựu khoa học; những thành tựu, hạn chế của vật lí học qua các thời kì (từ cổ đại đến thế kỉ XXI). - Vận dụng được kiến thức lịch sử vật lí học vào sự phân tích nội dung và tiến trình xây dựng các kiến thức vật lí trong dạy học ở trường phổ thông.	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Vi điện tử	Nắm được những kiến thức cơ bản về các cổng logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole. Phân tích các mạch tổ hợp, mạch tuần tự. Tìm hiểu cấu trúc, thông số, đặc tính của các vi mạch số họ TTL và CMOS. Tìm hiểu nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số.	2	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
42	Thực hành thiết kế hoạt động dạy học vật lý	- Lựa chọn được một số kĩ thuật dạy học tích cực để hỗ trợ thiết kế kế hoạch dạy học. - Vận dụng được quy trình xây dựng kế hoạch dạy học để thiết kế thiết kế kế hoạch dạy học vật lí ở trường phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
43	Cơ học lượng tử 3	- Nắm được các kiến thức về đại số ma trận và kí hiệu Dirac. - Lượng tử hóa được các trường cơ bản - Nắm được Hamiltonian của hệ điện tử-phonon.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
44	Nguyên lý động cơ đốt trong	Nắm được những kiến thức cơ bản về chu trình lý tưởng và làm việc của ĐCĐT; Nhiên liệu, môi chất công tác, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của ĐCĐT; Những thông số đặc trưng cho chu trình làm việc của ĐCĐT; Cung cấp nhiên liệu ở động cơ xăng và động cơ diesel; Chế độ làm việc và đặc tính của ĐCĐT.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
45	Nhiệt kỹ thuật	Nắm được những kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản về nhiệt động lực kỹ thuật, các định luật cơ bản và các chu trình làm việc cũng như các thông số cơ bản đặc trưng cho từng chu trình; Hai định luật nhiệt động thứ nhất và thứ hai; Chu trình động cơ đốt trong, chất thuần khiết, không khí ẩm và hơi nước; Chu trình máy lạnh, tuabin khí và động cơ phản lực; Vận dụng kiến thức giải các bại tập về nhiệt kỹ thuật.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
46	Rèn luyện NVSPTX 1	- Trình bày được một số quy định về đạo đức nhà giáo; vị trí và vai trò của người thầy trong xã hội hiện đại; mục đích, yêu cầu của việc xử lý các tình huống sư phạm; phương pháp rèn luyện kỹ năng xử lý tình	2	HK4	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi vấn đáp (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		huống sư phạm; vai trò, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp; công tác phối hợp với các lực lượng giáo dục của giáo viên chủ nhiệm. - Xây dựng được kế hoạch chủ nhiệm lớp; xây dựng lớp tự quản và tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của giáo viên chủ nhiệm. - Rèn luyện và nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo trong bối cảnh hiện nay, kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong giờ dạy học bộ môn và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên chủ nhiệm.			
47	Thực tập cơ sở	- Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các hoạt động Đoàn, Hội của trường; chức năng nhiệm vụ của Tổ chuyên môn; tình hình địa phương. - Tìm hiểu về vai trò và nội dung công việc của một giáo viên bộ môn; trải nghiệm một số hoạt động chuyên môn: Soạn giáo án, dự giờ, ghi chép phiếu dự giờ, rút kinh nghiệm giờ dạy, tập giảng và một số hoạt động ngoại khóa chuyên môn khác. - Tìm hiểu về nội dung đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh như các loại hồ sơ, sổ sách; cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh. - Tìm hiểu về vai trò và nội dung công việc của một giáo viên chủ nhiệm; trải nghiệm một số hoạt động giáo dục: Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, dự giờ và tham gia các hoạt động sinh hoạt chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp và các hoạt động chủ nhiệm lớp. - Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm.	6	HK6	Báo cáo
48	Rèn luyện NVSPTX 2	- Trình bày được các yêu cầu khi nói (thuyết trình, thuyết giảng,...); kỹ thuật viết, vẽ bảng; cách xác định được mục tiêu bài dạy (kiến thức, kỹ	2	HK6	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi giảng (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng, phẩm chất, năng lực); lựa chọn được phương pháp; kĩ thuật dạy học phù hợp khi thiết kế bài dạy; cách thiết kế câu hỏi định hướng tư duy, phiếu học tập cho HS trong khi thiết kế giáo án và dạy học trên lớp. - Thiết kế được tiến trình hoạt động dạy học cho một nội dung kiến thức/chủ đề vật lý theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. - Dạy được một giờ học theo tiến trình dạy học đã soạn với các yêu cầu sau: Thực hiện đúng tiến trình dạy học đã soạn; thực hiện thành công các thí nghiệm của GV và HS; kết hợp thuần thục giữa nói và viết bảng, sao cho kết thúc bài dạy các nội dung chính của toàn bộ bài học được biểu đạt trên bảng một cách lôgíc và rõ ràng; bao quát được toàn bộ lớp; đảm bảo kết thúc bài học đúng như thời gian dự kiến.			
49	Rèn luyện NVSPTX 3	- Xây dựng được các Kế hoạch bài dạy để tổ chức dạy học theo công văn 5512 của BGD & ĐT; Thiết kế được buổi hoạt động ngoại khoá vật lí.	2	HK7	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi giảng (60%)
50	Thực tập tốt nghiệp	- Trao dồi, vận dụng sáng tạo, tổng hợp nội dung kiến thức đã học trong thời gian 7 học kỳ vào công việc dạy học tại cơ sở thực tập. Thu thập kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở trước khi ra trường. Từ đó, sinh viên Sư phạm Vật lý sẽ có nhận định đúng đắn và yêu thích nghề dạy học trong tương lai. - Rèn luyện kỹ năng và hình thành những phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên, hình thành kĩ năng, thái độ và tình cảm nghề nghiệp. - Nâng cao tính trung thực, gương mẫu và trách nhiệm đối với bản thân và mọi người.	8	HK8	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nâng cao tính trung thực, gương mẫu và trách nhiệm đối với bản thân, với học sinh, với phụ huynh, với nhà trường và cộng đồng.			
51	Vật lý bán dẫn	Nắm được những kiến thức cơ bản về vật lý bán dẫn chúng ta nghiên cứu nững nội dung sau: Nghiên cứu các cấu trúc tinh thể và cấu trúc vùng năng lượng của bán dẫn; Áp dụng các hàm phân bố để tính toán cho các hiện tượng trong bán dẫn; Nghiên cứu các hiện tượng động học trong bán dẫn; Nghiên cứu vật liệu bán dẫn không đồng nhất.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
52	Cơ sở lý thuyết trường lượng tử	- Vận dụng được nguyên lý cực tiểu tử Lagrangian của hệ để tìm được phương trình trường cho các đại lượng Vật lý. - Lượng tử hóa được các trường cơ bản Tính toán được các quá trình vật lý qua các loại tương tác.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
53	Từ và siêu dẫn	Có những kiến thức cơ bản về phân loại vật liệu từ, các đặc trưng cơ bản của vật liệu (thuận từ, nghịch từ, sắt từ, ferit; Các phương pháp mô tả dựa trên cơ học lượng tử, nhiệt động học và vật lý thống kê cho các dạng năng lượng từ (năng lượng trao đổi, dị hướng từ tinh thể, từ đàn hồi,...), quá trình từ hoá, hiện tượng siêu dẫn.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
54	Kiểm tra đánh giá trong DHVL	- Trình bày được những lí luận như vai trò, những khái niêm cơ bản về kiểm tra, đánh giá; mục đích, mục tiêu của KTĐG trong giáo dục; các hình thức đánh giá (đánh giá tổng kết, đánh giá quá trình, đánh giá chuẩn đoán…..); các phương pháp kiểm tra đánh giá; công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp để đánh giá học sinh. - Xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của HS về một chủ đề của môn học. - Thiết kế được câu hỏi kiểm tra đánh giá; đề kiểm tra, đề thi môn vật lí theo theo hướng phát triển năng lực người học.	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)
55	Các kiểu tổ chức dạy học hiện đại	Hiểu rõ cơ sở khoa học của việc vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học vật lý ở trường phổ thông nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh hội các tri thức và phát triển năng lực của học sinh. Đồng thời giúp người	2	HK8	Kiểm tra giữa kỳ (40%) + Thi tự luận (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học biết lựa chọn và thiết kế các bài học vật lý cụ thể theo các phương pháp dạy học hiện đại.			

15. Sư phạm Hóa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa, ngành nghề dạy học đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học	1	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,4); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc bài thu hoạch tiểu luận (0,5)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng để thực hiện một công trình NCKH, gồm quy trình NCKH và các PP cơ bản trong nghiên cứu khoa học. Mục đích mà học phần kì vọng tới đó là SV có thể tự lựa chọn 1 đề tài khoa học và tự xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc báo cáo tiểu luận (0,6)
3	Toán học ứng dụng trong Hóa học	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết tổng quát về toán học ứng dụng trong hóa học như số, hàm số, vi phân, đạo hàm, tích phân, chuỗi số, cấp số, số phức, hàm số siêu việt, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, định thức và ma trận,... Trong Học phần này, mối liên hệ giữa toán học và hóa học hiện đại luôn được chú trọng. Trong đó, những kiến thức toán học giữ vai trò nền tảng để người học tiếp thu những kiến thức về các lĩnh vực liên quan đến hóa học như nhiệt động học hóa học, động hóa học, điện hóa học, hóa học lượng tử, hóa phân tích, đối xứng phân tử và lí thuyết nhóm, hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ,... Bằng	2	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các công cụ toán học, người học cũng giải được các bài tập liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của hóa học.			
4	Cấu tạo chất đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa học lượng tử hiện đại như cơ sở hóa học lượng tử, cấu tạo nguyên tử hydro, cấu tạo nguyên tử nhiều electron, cấu tạo phân tử theo thuyết VB và theo thuyết MO, phương pháp MO Huckel áp dụng cho các phân tử hữu cơ có hệ electron π liên hợp.	2	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
5	Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lí I, nguyên lí II, các định luật về nhiệt hóa học và vận dụng các nguyên lí này vào các quá trình hóa học. Cân bằng pha và cân bằng hóa học, cách tính và các yếu tố ảnh hưởng tới hằng số cân bằng. Dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, các tính chất của dung dịch. Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện.	2	HK 2	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
6	Thực hành Hóa đại cương	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể sử dụng được các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm, biết sử dụng hóa chất an toàn và hợp lí. Có được kiến thức và kĩ năng cơ bản để học và thực hành tốt các Học phần tiếp theo	1	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,1); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,2); báo cáo kết quả thực hành (0,2); thi vấn đáp kết hợp thực hành (0,5)
7	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học	Học phần nàycung cấp cho sinh viên những hiểu tổng quát về Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học. Trong Học phần này, sinh viên tiếp cận cách sử dụng tiếng Anh hóa học qua những chủ đề và các thuật ngữ phổ biến của hóa học. Từ đó, sinh viên biết cách tham khảo tài liệu hóa học bằng tiếng Anh trong nhiều Học phần của hóa học, tham gia thảo luận các vấn đề của hóa học, và viết về các chủ đề liên quan đến hóa học.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Nhiệt động lực học hóa học	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về hóa học nói chung và nhiệt động học nói riêng. Là cơ sở lí thuyết và kiến thức cơ bản để học những môn tiếp theo và giảng dạy ở phổ thông sau này. Giúp người học hiểu rõ hơn các định luật cơ bản của nguyên lí I, nhiệt hóa học; nguyên lí II, entropy, các định luật và các hàm đặc trưng, cân bằng pha-cân bằng dị thể và phương trình Clapeyron-Clausius, hằng số cân bằng KP, KC, KN và mối qua hệ giữa chúng; dung dịch không điện li và các tính chất về dung dịch không điện li như độ hòa tan, độ giảm áp suất hơi, sự thay đổi về nhiệt độ đông đặc, nhiệt độ sôi, áp suất thẩm thấu, sự sai lệch khỏi định luật Raul.	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
9	Hóa học các nguyên tố phi kim	Cung cấp cho người học một số kiến thức về các nguyên tố Phi kim trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học gồm: vị trí của các nguyên tố phi kim trong Bảng hệ thống tuần hoàn. Trình bày các quy luật biến đổi thế ion hóa, ái lực electron, độ âm điện; giới thiệu các nguyên tắc, phương pháp chung điều chế các phi kim; Giới thiệu tính chất lý – hóa và ứng dụng của hydrogen, oxygen và hợp chất của chúng; nhóm VIIA (halogen); nhóm VIA; nhóm VA; nhóm IVA.	2	HK 3	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
10	Đại cương hóa hữu cơ và hydrocacbon	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về hóa học hữu cơ và hợp chất hữu cơ, liên kết và sự biến đổi liên kết ở hợp chất hữu cơ, hidrocacbon no, hidrocacbon không no, hidrocacbon thơm và nguồn hidrocacbon thiên nhiên.	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
11	Hóa học các hợp chất đơn, đa chức	Học phần Hóa học các hợp chất đơn, đa chức nghiên cứu các kiến thức về cấu trúc, danh pháp, đồng đẳng,	2	HK 4	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng phân, tính chất, điều chế và ứng dụng của các loại hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức.			kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
12	Hóa học các nguyên tố kim loại	Cung cấp cho người học một số kiến về vị trí kim loại trong bảng hệ thống tuần hoàn; xác định cấu trúc mạng tinh thể, tính chất lý hóa của các kim loại; phương pháp chung để điều chế kim loại. Giới thiệu về đặc điểm chung các nguyên tố nhóm IA; nhóm IIA; nhóm IIIA; nhóm IVA; tổng quan chung về các nguyên tố chuyển tiếp, giới thiệu về cấu hình electron trạng thái cơ bản, tính chất lý hóa. Đại cương chung về hóa học phức chất; nhóm IB; nhóm IIB; nhóm VIB; nhóm VIIB; nhóm VIIIB	2	HK 4	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
13	Động hóa học và xúc tác	Môn động hóa học và xúc tác cung cấp các kến thức cơ bản về: Tốc độ phản ứng của các phản ứng đơn giản, phản ứng phức tạp, phản ứng dây chuyền va phản ứng quang hóa. Sự ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng. Lí thuyết phản ứng sơ cấp, năng lượng hoạt hóa. Xúc tác và vai trò của xúc tác trong các phản ứng hóa học.	2	HK 4	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
14	Hoá kỹ thuật			HK 4	
15	Đại cương về lý luận DH hóa học	Học phần cung cấp kiến thức về lý luận dạy học hóa học phổ thông, hệ thống các phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp dạy học hóa học; các hình thức tổ chức dạy học hóa học theo hướng tích cực học tập của học sinh. Nghiên cứu lí luận dạy học để hiểu đầy đủ về chương trình, sách giáo khoa hóa học phổ thông, làm cơ sở cho việc phân tích chương trình, sách giáo khoa, thực hành dạy học chuẩn bị cho thực tập tốt nghiệp và tạo nền tảng tốt cho việc dạy học hóa học ở trường phổ thông.	2	HK 4	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: chuyên cần (0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,2); tiểu luận theo nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	PPDH hóa học ở THPT	Học phần PPDH Hóa học ở THPT cung cấp kiến thức về chương trình, sách giáo khoa hóa học phổ thông; nhiệm vụ, nguyên tắc và PPDH các lý thuyết, khái niệm hóa học cơ bản trong chương trình hóa học phổ thông; Các chất vô cơ; các chất hữu cơ; các bài ôn tập, luyện tập và thực hành, nghiên cứu học phần PPDH Hóa học ở THPT giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn mối liên hệ của chương trình, sách giáo khoa hóa học phổ thông, phương pháp dạy học, tổ chức dạy học, đổi mới PPDH để nâng cao chất lượng dạy học môn hóa học ở trường phổ thông.	2	HK 5	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo theo nhóm 1 (0,2); báo cáo theo nhóm 2 (0,2;) thi kết thúc học phần (0,5)
17	Ứng dụng CNTT trong dạy học hóa học	Học này trang bị cho sinh viên: các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học hóa học; hệ thống các cách sử dụng phần mềm hóa học ứng dụng trong dạy học và nghiên cứu khoa học như: Mathtype, ChemOffice, Science Teacher's Helpe,…Sinh viên vận dụng được phần mềm powerpoint, crocodile chemistry, flash mx để có thể thiết kế được một mô phỏng hóa học. Thiết kế một bài giảng hóa học có ứng dụng công nghệ thông tin vào trong dạy học hóa học ở phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng được các số liệu tính toán để giải thích cấu trúc phân tử hóa học đơn giản bằng phần mềm Hyperchem.	2	HK 5	Phương thức đánh giá bao gồm: chuyên cần (0,1); bài báo cáo thực hành (0,2); kiểm tra giữa kỳ (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
18	Điện hóa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Dung dịch điện phân, các thuyết điện li; Sự dẫn điện của dung dịch điện li (độ dẫn điện), số tải và linh độ ion; Các quá trình điện cực cân bằng, điện cực, pin điện; ứng dụng của các quá trình điện cực; Động học điện hóa và ứng dụng.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Cơ sở lý thuyết hóa học phân tích	Cung cấp một số khái niệm liên quan đến hóa học phân tích như các loại hằng số cân bằng; hằng số cân bằng điều kiện, thế oxi hóa khử điều kiện… cũng như áp dụng một số định luật cơ sở: Định luật hipw thức; các bảo toàn vật chất (định luật bảo toàn nồng độ ban đầu; định luật bảo toàn điện tích; định luật bảo toàn proton – ĐKP) để tính toán cân bằng ion trong dung dịch axit – bazơ, oxi hóa khử, chất tạo phức, hợp chất ít tan.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập thông qua các nội dung sau: điểm chuyên cần (0,1); điểm tự học, bài tập (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,2); thi kết thúc học phần (0,6)
20	Thực hành hóa lý	Học phần Thực hành Hoá lý hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài thí nghiệm về các vấn đề chính như: nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học và hoá keo. Mỗi bài thí nghiệm bao gồm các nội dung như: cơ sở lý thuyết, cách tiến hành thí nghiệm, các yêu cầu của bài thí nghiệm và trình bày kết quả thí nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên có thể sử dụng được các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm, biết sử dụng hóa chất an toàn và hợp lí. Có được kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tập và thực hiện nghiên cứu vấn đề hóa lý cơ bản. Làm quen với việc xử lý số liệu, làm báo cáo các số liệu hóa lý thu được từ thực nghiệm.	1	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuyên cần, chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,25); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,25); báo cáo kết quả thực hành (0,5)
21	Thực hành hóa vô cơ	Học phần này giúp sinh viên hiểu và giải thích được tính chất của các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố phi kim, kim loại; tổng hợp và nghiên cứu tính chất của một số hợp chất vô cơ quan trọng.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập dựa trên các hoạt động: Chuyên cần; tự học (0,1); thao tác thí nghiệm (0,20, bài báo cáo thí nghiệm (0,2); thi vấn đáp + thực hành (0,5)
22	Hóa học các hợp chất tạp chức	Học phần hóa học các hợp chất tạp chức cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về cấu trúc, tính chất và một số phương pháp điều chế của các hợp chất amin,	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hợp chất tạp chức như hydroxo, carbohydrat, aminoacid, protein và các hợp chất cao phân tử.			kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
23	Thực hành định tính hoá học hữu cơ	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến: những kỹ năng thí nghiệm trong PTN Hữu cơ, phân tích định tính các nguyên tố trong hợp chất hữu cơ; điều chế và tính chất của các hợp chất hữu cơ như: hydrocarbon no và không no; hydrocarbon thơm; alcohol- phenol – ether; aldehyde và keton; acid carboxylic và dẫn xuất acid carboxylic; amin; aminoacid; carbohydrat và protein.	1	HK5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,1); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,2); báo cáo kết quả thực hành (0,2); Gv vấn đáp tại PTN (0,5)
24	Sử dụng thí nghiệm trong DHHH ở trường PT	Học phần cung cấp cho sinh viên các kĩ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành và sử dụng các thí nghiệm trong chương trình hóa học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh; thiết kế và sử dụng thí nghiệm gắn kết cuộc sống trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Hình thành khả năng lựa chọn, xây dựng và sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập của người học gồm: chuyên cần (0,1); bài báo cáo thí nghiệm (0,2); hồ sơ sản phẩm tự học (0,2); thi vấn đáp + biểu diễn thí nghiệm (0,5)
25	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ sở về định luật tuần hoàn và bảng hệ thống tuần hoàn, các quy tắc gọi tên các hợp chất vô cơ và phức chất thường gặp, các thông số nhiệt động như enthalpy, entropy, năng lượng Gibbs để giải thích một số quá trình hóa học vô cơ, về cân bằng hóa học và tính các thành phần dựa vào hằng số cân bằng và ngược lạ; bản chất của liên kết hóa học và các mô hình, thuyết liên kết như mô hình liên kết ion, mô hình liên kết cộng hóa trị, công thức Lewis, mô hình VSEPR, thuyết liên kết hóa trị, thuyết orbital phân tử; phân loại phản ứng trong hóa học vô cơ, cách tính pH của phản ứng, xác định được loại ion/phân tử là các acid và base Lewis. Các	2	HK 5	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách cân bằng phản ứng oxy hóa – khử, giới thiệu về thế điện cực và áp dụng phương trình Nernst để xác định thế điện cực trong điều kiện không tiêu chuẩn.			
26	Hóa học môi trường	Học phần Hóa Môi trường nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về: các khái niệm cơ bản về hệ sinh thái, cân bằng sinh thái, môi trường và chức năng của môi trường, sự ô nhiễm môi trường…; cấu trúc, thành phần của môi trường (khí quyển, thủy quyển, địa quyển); các phản ứng hóa học xảy ra trong môi trường; các nguồn gây ô nhiễm môi trường; các ảnh hưởng toàn cầu của ô nhiễm môi trường (mưa axit, hiệu ứng nhà kín, suy giảm tần ozon…) và các chỉ tiêu đánh giá ô nhiễm môi trường; thực hành phân tích một số chỉ tiêu môi trường nước.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,2); Kiểm tra tự luận trên lớp lần 1 (0,1), Kiểm tra tự luận trên lớp lần 2 (0,1), thi tự luận kết thúc Học phần (0,6)
27	Thực hành định lượng hóa học hữu cơ	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến: qui trình tách biệt, tinh chế và xác định được một số chỉ số hoá lý hợp chất hữu cơ; ly trích tinh dầu bằng chưng cất lôi cuốn hơi nước; phân lập β – carotein bằng phương pháp sắc kí; các quy trình thực nghiệm tổng hợp một số hợp chất hữu cơ đơn giản như: ethylacetat, aspirin , acid benzoic, cách xử lý sản phẩm và tính hiệu suất sản phẩm.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,1); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,2); báo cáo kết quả thực hành (0,2); thi vấn đáp (0,5)
28	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc và mối liên hệ giữa cấu trúc với tính chất của hợp chất hữu cơ. Ảnh hưởng của cấu trúc và điều kiện phản ứng đến cơ chế của phản ứng hóa học, chiều hướng của sự biến đổi hóa học từ đó quy định cấu hình sản phẩm thu được.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
29	Hóa học phân tích định lượng	Học phần hóa học phân tích định lượng nhằm cung cấp cho sinh viên cách biểu diễn và đánh giá kết quả	2	HK 6	Phương pháp đánh giá bao gồm các giai đoạn: kiểm tra lần 1 (0,1); lần 2 (0,2);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích định lượng, nguyên tắc của các phương pháp phân tích như: phương pháp phân tích khối lượng, phương pháp phân tích thể tích (phương pháp chuẩn độ acid-base, chuẩn độ tạo phức, phương pháp chuẩn độ kết tủa, phương pháp chuẩn độ oxy hóa-khử).			chuyên cần (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
30	Hóa học lượng tử	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hóa học lượng tử hiện đại như cơ sở hóa học lượng tử, cấu tao nguyên tử hydro, cấu tạo nguyên tử nhiều electron, cấu tạo phân tử theo thuyết VB và theo thuyết MO, phương pháp MO Huckel áp dụng cho các phân tử hữu cơ có hệ electron π liên hợp.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
31	Các phương pháp phân tích công cụ	Học phần phân tích công cụ nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức về Hoá học phân tích, cung cấp các nguyên tắc cơ bản về các phương pháp phân tích công cụ gồm các phương pháp đo quang: phân tử, nguyên tử; các phương pháp phân tích điện hóa: phân tích điện thế, phân tích điện phân, phân tích cực phổ; các phương pháp tách và phân chia.	2	HK 7	Quá trình đánh giá bao gồm các giai đoạn: kiểm tra lần 1 (0,1); lần 2 (0,1); chuyên cần (0,1); tiểu luận, báo cáo nhóm (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
32	Vật liệu vô cơ	Học phần cung cấp khái niệm và vai trò của vật liệu; cấu trúc và một số tính chất quan trọng của vật liệu; giới thiệu một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống thực tế và trong công nghiệp như: vật liệu ceramic, vật liệu kim loại, vật liệu polime và vật liệu composite; cách lựa chọn và sử dụng vật liệu và một số phương pháp phổ biến tổng hợp vật liệu.	2	HK 7	Quá trình đánh giá bao gồm: chuyên cần (0,1); tiểu luận, báo cáo nhóm (0,3); thi kết thúc học phần (0,6)
33	Hóa học chất rắn	Học phần nhằm cung cấp đến sinh viên các vấn đề về cấu trúc mạng tinh thể, những khuyết tật có trong cấu trúc mạng tinh thể, trình bày về dung dịch rắn, phản ứng pha rắn và các yếu tố xác định cơ chế phản ứng pha rắn.	2	HK 7	Nội dung đánh giá người học gồm: chuyên cần (0,1); bài tập cá nhân, bài tập nhóm (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Phân bón hóa học	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ sở và có hệ thống về các loại phân bón, đối với cây trồng: đạm, lân, kali; phân bón đa cấu tử; phân bón trung lượng và vi lượng. Ứng dụng; công nghệ điều chế chúng và quá trình chuyển hoá của chúng.	2	HK7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
35	Quản lý chất thải rắn	Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về nguồn phát sinh, thành phần và tính chất chất thải rắn; công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn hiện nay. Các phương pháp xử lý chất thải rắn. Tính toán hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn, bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Một số khái niệm về quản lý chất thải nguy hại.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
36	Bài tập hóa học ở trường THPT	Nội dung học phần nhằm giúp sinh viên hệ thống hóa bài tập hóa học phổ thông theo nội dung chương trình sách giáo khoa. Thực hành giải bài tập hóa học theo một số phương pháp khác nhau, xây dựng bài tập hóa học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm (0,2); tiểu luận (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
37	Dạy học HH ở trường THPT theo hướng tích hợp và phân hóa	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học; Các cơ sở lí luận về dạy học theo định hướng tích hợp và phân hóa ở trường phổ thông: khái niệm về dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học tích hợp và phân hóa ở trường phổ thông, phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực người học.	2	HK 7	Qui trình đánh giá dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo thuyết trình (0,2); tiểu luận theo nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
38	Kiểm tra đánh giá trong dạy học hóa học ở Trường phổ thông	Học phần trang bị cho sinh viên: Cơ sở lí luận của phương pháp kiểm tra đánh giá, các khái niệm kiểm tra, đánh giá học sinh trong quá trình dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông. Qui trình kiểm tra đánh giá,	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); seminar (0,2); bài tập cá nhân và nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các phương pháp kiểm tra đánh giá, định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh hiện nay. Hướng dẫn biên soạn câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra đánh giá môn Hóa học theo định hướng năng lực học sinh.			
39	Hoạt động trải nghiệm trong môn Hóa học ở Trường phổ thông	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về qui trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông, cách đánh giá học sinh khi tham gia hoạt động này. Qua học phần sẽ giúp sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các chủ đề cụ thể… qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); seminar (0,2); sản phẩm học tập (0,2); các chủ đề trải nghiệm (0,5)
40	Các chủ đề KHTN về hóa học ở trường THPT	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học theo chủ đề; Vai trò của các chủ đề KHTN trong việc hình phẩm chất và năng lực của người học; Qui trình xây dựng các chủ đề KHTN, sử dụng các chủ đề KHTN trong dạy học hóa học; Tổ chức dạy học các chủ đề KHTN trong dạy học hóa học và đánh giá trong dạy học chủ đề KHTN; Các qui trình thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá thông qua chủ đề STEM trong chương trình THPT.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); seminar (0,4); tiểu luận nhóm (0,5)
41	Hóa học phân tích ở trường THPT	Học phần "Hóa học phân tích ở trường THPT" cung cấp hệ thống kiến thức về hoá học phân tích định tính, định lượng liên quan trong giảng dạy hoá học ở trung học phổ thông và trình bày các nội dung hóa học phân tích trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi (HSG) Quốc gia, Quốc tế.	2	HK 7	Qui trình đánh giá dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,3); thi kết thúc học phần (0,6)
42	Xử lý số liệu thực nghiệm	Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp xử lý và kiểm tra các số liệu thực nghiệm.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm (0,2); tiểu luận (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Hóa học lập thể	Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức về đồng phân quang học, đồng phân hình học, đồng phân cấu dạng, hóa lập thể của gluxit và hóa lập thể động.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập gồm: chuyên cần; tự học (0,1); làm bài tập trên lớp (0,1); báo cáo seminar (0,1); kiểm tra giữa kì (0,1); kiểm tra kết thúc học phần (0,6)
44	Tổng hợp hữu cơ	Học phần cung cấp những kiến thức về Hóa hữu cơ để tiến hành thực hiện quá trình tổng hợp các dạng hợp chất hữu cơ để đáp ứng mục tiêu tổng hợp bao gồm: đưa nhóm chức vào phân tử hợp chất hữu cơ và sự chuyển hóa giữa chúng; tăng mạch cacbon thông qua các phản ứng tạo liên kết C – C; tạo liên kết C – dị tố; phản ứng đóng vòng; tổng hợp hữu cơ trên cơ sở phản ứng khử và phản ứng oxi hóa; tổng hợp các hợp chất hữu cơ từ CO và H2; các phương pháp dùng bảo vệ nhóm chức trong tổng hợp hữu cơ.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); đóng góp ý kiến trong các buổi báo cáo trên lớp (0,1); báo cáo seminar (0,2); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc báo cáo tiểu luận (0,6)
45	Các phương pháp phổ ứng dụng vào Hóa học	Học phần này cung cấp kiến thức hiểu biết về các phương pháp phổ thường được sử dụng trong phân tích hợp chất hữu cơ: phổ UV-Vis, phổ hồng ngoại, phổ cộng hưởng từ proton, phổ cộng hưởng từ hạt nhân 13C, phổ khối lượng.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); làm bài tập (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,2); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
46	Hóa sinh học	Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến: - Đặc tính hóa lý, cấu tạo hóa học, cấu trúc phân tử và quá trình trao đổi của các hợp chất protein, acid nucleic, saccharide, lipid, vitamin, enzym và hormon. - Mối liên hệ giữa các quá trình trao đổi saccharide, lipid, protein và acid nucleic.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); thuyết trình (0,6); bài thu hoạch (0,3)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Hóa hữu cơ trong dạy học Hóa học ở trường phổ thông	Nội dung học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến: danh pháp các hợp chất hữu cơ; hệ thống hóa những kiến thức về tính chất hóa học cũng như điều chế các hợp chất hữu cơ; khái quát những phương pháp cũng như nội dung có thể sử dung trong việc vận dụng vào nghiên cứu khoa học ở PT	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); thuyết trình (0,7); bài thu hoạch (0,2)
48	Một số vấn đề hóa lý ở trường THPT	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức có liên quan đến: Cơ sở hóa lí gồm: Nguyên lí I, nhiệt hóa học, nguyên lí II, tiêu chuẩn về sự cân bằng và tự diễn biến của quá trình, cân bằng hóa học và cân bằng pha, cơ sở của dãy điện hóa, sự điện phân, một số vấn đề về động hóa học và xúc tác. Cơ sở cấu tạo chất gồm: Một số vấn đề hóa học hạt nhân, cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và liên kết hóa học, hóa học tinh thể.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
49	Xúc tác dị thể	Học phần này giới thiệu các khái niệm cơ bản về xúc tác và phân loại xúc tác, các quá trình hấp phụ. Tìm hiểu về động học của phản ứng xúc tác dị thể. Qua đó giới thiệu các thuyết về xúc tác dị thể, các phương pháp nghiên cứu xúc tác. Tìm hiểu cụ thể về xúc tác zeolit và các quá trình xúc tác trong công nghệ hoá học và bảo vệ môi trường	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
50	Hóa keo và hấp phụ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Hóa học bề mặt như: sức căng bề mặt, sự dính ướt, hiện tượng mao dẫn, sự hấp phụ và các phương trình đẳng nhiệt hấp phụ. Các tính chất của hệ keo như hệ phân tán, tính chất quang, tính chất động học phân tử, tính chất điện, các hệ sol, hệ bán keo, xà phòng.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
51	Ăn mòn kim loại	Nội dung mn học gồm 6 chương đề cập tới cơ sở lí thuyết của quá trình ăn mòn điện hóa, ăn mòn hóa; Sự ăn mòn kim loại trong các môi trường khác nhau và các phản ứng xảy ra ở các môi trường đó; Các phương	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp bảo vệ điện hoá – hóa học; các yếu tố ảnh đến tốc độ ăn mòn kim loại.			
52	Đối xứng phân tử và lý thuyết nhóm	Học phần này cung cấp các kiến thức bao gồm: các vấn đề cơ bản về đối xứng phân tử và lí thuyết nhóm. Trong đó, các nội dung về yếu tố đối xứng, phép biến đổi đối xứng, nhóm điểm đối xứng, một số lí thuyết cơ sở của lí thuyết nhóm, định nghĩa nhóm, nhóm điểm đối xứng phân tử, sự phân loại các nhóm điểm đối xứng, biểu diễn nhóm, các ứng dụng của đối xứng phân tử trong sự lai hóa các orbital nguyên tử, xây dựng giản đồ năng lượng của các orbital phân tử, biểu diễn dao động điều hòa của phân tử được đề cập.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
53					
54	Rèn luyện NVSPTX1	Cung cấp và bước đầu giúp các em hiểu được những quy định về đạo đức nhà giáo, những quy định chung của ngành, trên cơ sở đó từng bước hình thành cho các em về những chuẩn mực, đạo đức nhà giáo trong tương lai. Hiểu được đặc điểm lứa tuổi học sinh (HS) Trung học phổ thông (THPT); Xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm ở trường THPT. Cung cấp cho người học những kiến thức, kĩ năng cơ bản về công tác chủ nhiệm ở trường phổ thông.	1	HK 2	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); chuẩn bị nội dung ở nhà (0,4); kiểm tra đánh giá cuối kỳ (0,5)
55	Rèn luyện NVSPTX2	Học này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ năng dạy học hóa học cơ bản để sinh viên rèn luyện các kỹ năng về đọc, nói, viết, vẽ những nội dung hóa học và sử dụng phương tiện dạy học hóa học, lập tư liệu dạy học hóa học, kỹ năng đặt câu hỏi.	1	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); chuẩn bị nội dung ở nhà (0,4); kiểm tra đánh giá cuối kỳ (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Thực hành DHHH 1	Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế các loại bài dạy thông thường, bài giảng điện tử; các bước đánh giá một giờ dạy và sử dụng bài tập trong dạy học hóa học ở trường phổ thông.	1	HK 5	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1);chuẩn bị nội dung được giao (0,1) báo cáo nhóm lần (0,3); nộp sản phẩm (0,5)
57	Thực hành DHHH 2	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học các loại bài dạy hóa học thông thường, bài giảng điện tử; các bước đánh giá một giờ dạy hóa học trong chương trình hóa học phổ thông.	1	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); nộp sản phẩm (0,3)
58	Hóa học phức chất	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về phức chất, bao gồm: khái niệm, phân loại và đồng phân về phức chất; liên kết hóa học trong phức chất; các phản ứng và cơ chế phản ứng của phức chất; một số tính chất cơ bản và ứng dụng của phức chất và nội dung cuối đề cập đến vấn đề tổng hợp phức chất và nghiên cứu cấu trúc phức chất	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kì (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
59	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Học phần Hóa học các hợp chất thiên nhiên cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về cấu trúc, danh pháp, đồng phân tính chất, ứng dụng một số hợp chất thiên nhiên. Một số phương pháp tách chiết cơ bản của các hợp chất thiên nhiên như các hợp chất flavonoid, tinh dầu, steroid, saponin, alkaloid, carotenoid.	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,2); báo cáo seminar (0,2); báo cáo tiểu luận (0,6)
60	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên: Một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy học tích cực, các kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực sử dụng trong quá trình dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông. Sử dụng kĩ thuật dạy học và phương pháp tích cực trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Qua đó sinh viên vận dụng một cách linh hoạt mỗi loại kĩ thuật dạy học, phương pháp dạy học tích vào từng loại bài cụ thể	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuyên cần (0,1); seminar (0,2); sản phẩm học tập (0,2); các chủ đề trải nghiệm (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trongchương trình hóa học phổ thông theo định hướng quan triển năng lực học sinh.			

16. Sư phạm Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Có kiến thức về lịch sử của Trường, của Khoa qua đó tự hào với việc học tập tại Trường, với ngành nghề đang theo học. Vận dụng tốt quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện và quy trình quản lý đào tạo để sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề Sư phạm Sinh học đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân.	2	1	- Thuyết trình, thảo luận, thực hành trên máy tính. - Thi: tự luận (50%).
2	Hóa sinh học	Vận dụng được những kiến thức cơ bản và hiện đại về cơ sở phân tử của sự sống như thành phần cấu tạo hóa học và quá trình chuyển hóa các chất trong tế bào và cơ thể sống. Giải thích được cơ sở hóa học của các quá trình trao đổi chất, trao đổi năng lượng, tính thống nhất chặt chẽ giữa các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các quá trình trao đổi chất trong cơ thể sinh vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực hóa sinh học.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
3	Tế bào học	Trình bày được các khái niệm về tế bào, công nghệ tế bào, tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực; Phân biệt được cấu trúc tế bào động vật và tế bào thực vật, sự phân bào nguyên phân và phân bào giảm phân;	2	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		So sánh được đặc điểm giữa các thành phần cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, hiểu và ứng dụng được vai trò của sinh vật nhân sơ; Thực hiện được các phương pháp nghiên cứu về tế bào, ứng dụng được những thành tựu của công nghệ tế bào vào cuộc sống.			
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sinh học	Sử dụng được công cụ tìm kiếm, tra cứu dữ liệu, sử dụng các phần mềm mô phỏng thí nghiệm phục vụ cho bài dạy Sinh học ở trường phổ thông. Thiết kế được bài dạy có sử dụng công nghệ thông tin và dạy học trực tuyến. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Sinh học.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
5	Xác suất thống kê sinh học	Ghi nhớ và nhắc lại được các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất và thống kê ứng dụng. Biết sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê ở mức độ sơ khởi (Excel) và biết dùng chức năng thống kê trên máy tính cầm tay (MTCT) để xử lý nhanh số liệu thực nghiệm và giải toán thống kê. Vận dụng các kiến thức đã học vào thu thập và xử lý các số liệu từ thực tế nhằm phục vụ tốt cho học tập, nghiên cứu và công tác sau này.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
6	Vật lý đại cương	Học xong học phần này sinh viên có thể trình bày được các khái niệm về: năng lượng, công, công suất, động lượng, chuyển động, chất điểm, hệ qui chiếu vận tốc, gia tốc; ba định luật chất khí và phương trình trạng thái của khí lí tưởng, định lí về động lượng, các định luật bảo toàn năng lượng, định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn mômen động lượng, ba định luật Niu-tơn, giải được các bài toán về động lực học, thiết lập được phương trình chuyển động quay của vật rắn quanh một trục cố định, thiết lập được định lí về mômen động lượng. Vận dụng các khái niệm, các công thức, các định luật trong chuyển động cơ học	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để giải thích các hiện tượng cơ và giải các bài tập động học, động lực học, động lực học chất điểm, vật rắn. Ứng dụng được phương trình cơ bản của cơ học để khảo sát chuyển động của các vật. Vận dụng ba định luật chất khí và phương trình trạng thái của khí lí tưởng để giải thích các hiện tượng nhiệt và giải các bài tập về chất khí.			
7	Hóa học đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được cấu tạo và liên kết hóa học trong nguyên tử, phân tử, định luật tuần hoàn các nguyên tố, trạng thái tập hợp của các chất. Các khái niệm và định luật cơ bản về nguyên lí 1, nguyên lí 2, cân bằng pha, hằng số cân bằng, dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, phản ứng oxy hóa khử, pin điện, thế điện cực, điện phân.Vận dụng kiến thức để giải thích được sự hình thành các hợp chất, phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ thiên nhiên, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn sinh học ở trường phổ thông.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
8	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Thành thạo các kỹ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm chuẩn mực và hợp lý, kỹ năng làm việc nhóm và phát triển các mối quan hệ xã hội, viết, trình bày và thuyết trình được nội dung khoa học, kỹ năng tìm kiếm việc làm cho sinh viên sư phạm Sinh học, kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội. Hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm thiết yếu: giao tiếp, thiết lập mục tiêu, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ cảm xúc, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo. Từ đó vận dụng sáng tạo kỹ năng mềm vào học tập các môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu khoa học sau khi ra trường.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
9	Lý luận dạy học sinh học	Trình bày được vị trí, đối tượng và nhiệm vụ của lý luận dạy học sinh học; nhiệm vụ của người giáo viên trong dạy học sinh học ở trường THPT.	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân tích cấu trúc, nội dung chương trình môn sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đồng thời biết cách phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học. - Vận dụng được và sử dụng đa dạng, hợp lý các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn sinh học ở trường THPT ở tất cả các bước lên lớp và các hình thức dạy học. - Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.			thi kết thúc học phần (60%)
10	Phương pháp dạy học sinh học	- Trình bày được khái quát về chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm: bối cảnh, quan điểm xây dựng chương trình và những điểm mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Phân tích được đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình sinh học 2018. - Phân tích được cấu trúc, nội dung chương trình môn sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đồng thời biết cách phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học - Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Phương pháp dạy học tích hợp	- Trình bày được cơ sở lý luận của dạy học tích hợp theo định hướng phát triển năng lực người học. - Vận dụng thiết kế được kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. - Chuẩn hóa được các kỹ thuật dạy học tích cực thích hợp để tổ chức các hoạt động học tập theo phương pháp dạy học tích hợp ở trường phổ thông. - Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
12	Giải phẫu hình thái thực vật	- Nhận biết được các dạng sống của thực vật, giải thích được vì sao các loài thực vật khác nhau về nguồn gốc nhưng có hình dạng hoặc chức năng giống nhau; - Phân biệt được đặc điểm thích ứng và thích nghi sinh học, giải thích được mối liên hệ giữa thích ứng và thích nghi, đồng thời giải thích được mối quan hệ giữa sự tồn tại của thực vật ở môi trường sống. - Nghiên cứu so sánh đặc điểm thích nghi của thực vật ở các môi trường sống khác nhau, có khả năng lựa chọn các nhóm cây trồng phù hợp với môi trường nhằm nâng cao khả năng sống sót của cây.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Động vật không xương sống	Khái quát được những kiến thức cơ bản về lịch sử địa chất, phân bố địa lí, hệ thống phân loại, tiến hoá của giới động vật. Mô tả được một số hiện tượng liên quan đến động vật không xương sống ảnh hưởng đến đời sống con người và hệ sinh thái. Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; làm bài thực hành, làm trình bày báo cáo.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
14	Động vật có xương sống	Tiếp cận, nắm vững tổ chức cấu tạo đại cương cơ thể, mối quan hệ giữa cấu tạo và hoạt động chức năng các cơ quan trong cơ thể động vật có xương sống. Vận dụng được đặc điểm sinh học, sinh thái học mỗi nhóm động vật có xương sống vào chăn nuôi, bảo tồn động vật và vào trong thực tiễn đời sống. Xác định được vị trí mỗi nhóm trong bậc thang tiến hoá. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông, hoặc vận dụng trong chăn nuôi động vật tại địa phương. Vận dụng những kiến thức sinh thái học và thực hành động vật có xương sống vào sưu tầm, bảo quản mẫu vật, làm các sưu tầm về tranh ảnh, trưng bày mẫu vật dưới dạng mẫu ngâm, mẫu nhồi, mẫu bộ xương.	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
15	Phân loại thực vật	Trình bày và phân tích được những khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của phân loại thực vật, các quan điểm phân chia thế giới sinh	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vật; đặc điểm chung, nguồn gốc, tiến hóa và phân loại các nhóm thực vật theo hệ thống sinh và theo giá trị sử dụng. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phân loại thực vật, vai trò, ý nghĩa của các nhóm phân loại; đánh giá đa dạng thực vật… để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình đào tạo và công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm sau khi ra trường.			thi kết thúc học phần (60%)
16	Giải phẫu người	Trình bày và vận dụng những kiến thức cơ bản về cấu tạo chung của cơ thể người, hình thái và cấu tạo giải phẫu các cơ quan của cơ thể người. Phân tích và trình bày đặc điểm cấu tạo cơ thể người ở các mức độ tổ chức khác nhau: từ tế bào đến mô, cơ quan phù hợp với chức năng sinh lý đảm bảo sự thống nhất của cơ thể, giúp cơ thể thực hiện tốt các hoạt động sống. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông (lớp 8) và trong thực tiễn. Giải thích và trình bày được một số hiện tượng có liên quan đến cơ thể người như hoạt động thể dục thể thao, sự sinh trưởng, phát triển, hoạt động sinh sản, lão hóa, hoạt động của hệ thần kinh và các cơ quan trong cơ thể. Phân tích và giải thích sự liên quan giữa cấu tạo với chức năng sinh lý và điều kiện môi trường sống.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
17	Sinh lý người và động vật	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về cấu tạo chung của cơ thể người, hoạt động sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người. Xác định đặc điểm cấu tạo cơ thể người ở các mức độ từ tế bào đến mô, cơ quan, hệ cơ quan phù hợp với chức năng sinh lý, đảm bảo sự thống nhất của cơ thể. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông, đồng thời giải thích được các hoạt động sinh lý trong cơ thể người như hoạt động thể dục thể thao, sự lớn lên, sinh sản, lão hóa, hoạt động của hệ thần kinh… Giải thích cơ chế, quy luật điều khiển sự sống của động vật, gia súc và người nhằm ngăn ngừa hoặc chữa trị các rối loạn, đồng thời tác động lên hoạt động chức năng của các hệ cơ quan theo hướng có lợi cho người và động vật.	3	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Sinh lý thực vật	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong suốt đời sống của thực vật như quá trình quang hợp, hô hấp, trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng cũng như quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý ở thực vật.	3	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
19	Sinh thái học bảo vệ môi trưởng	Vận dụng được kiến thức về sinh thái học quần thể, quần xã, hệ sinh thái, đa dạng sinh học để giải thích, phân tích những hiện tượng gặp trong tự nhiên, vận dụng được những kiến thức về môi trường để phân tích những biến đổi môi trường sống và đề xuất những biện pháp bảo vệ môi trường. Vận dụng được những kiến thức về sinh thái môi trường để giảng dạy những nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở phổ thông.			Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
20	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	***Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu sinh học trên thực địa: Phương pháp sưu tầm và làm tiêu bản sinh vật; Phương pháp quan sát, ghi chép, thu thập các thông tin về phân bố, công dụng, sinh thái... của các loài sinh vật.*** ***Nâng cao hiểu biết thực tế về đa dạng sinh học và nhận biết các loài sinhvật thường gặp. Rèn luyên kỹ năng thực hành.***	1	4	Tham dự tối thiểu 100% số tiết của môn học (20%). Hoàn thành bài thu hoạch theo chương (30%). Làm bộ sưu tập theo nhóm (50%)
21	Di truyền học	Mô tả được các kiến thức cơ bản, hiện đại về cấu trúc, chức năng và sự vận động của vật chất di truyền; Phân tích được các loại biến dị, nguyên nhân, cơ chế phát sinh, tính chất và vai trò của mỗi loại biến dị trong chọn giống và tiến hóa; Phân tích được quá trình di truyền trong quần thể, trình bày được sự hình thành đặc điểm thích nghi và hình thành	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		loài mới; Chứng minh được con người cũng tuân theo quy luật di truyền và biến dị. Giải thích được nguyên nhân mà di truyền học người phải có những phương pháp nghiên cứu đặc trưng.			thi kết thúc học phần (60%)
22	Vi sinh học	Biết được đối tượng, nhiệm vụ của Vi sinh học. Nắm rõ được hình thái, cấu tạo, tính đa dạng về cơ chế trao đổi chất trong cơ thể sinh vật và quy luật hoạt động sống trong các nhóm vi sinh vật. Phân tích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật học trong thực tiễn công - nông nghiệp, y học; trong các quá trình công nghệ sinh học, công nghệ di truyền, công nghệ vi sinh. Có kỹ năng thực hành, có thể ứng dụng những quy luật hoạt động của vi sinh vật vào thực tiễn đời sống và sản xuất, góp phần hướng nghiệp cho học sinh, có thể tích hợp giảng dạy các phần có liên quan trong chương trình THPT.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
23	Sinh học phát triển cá thể Động vật	Nêu được những khái niệm cơ bản trong sinh học phát triển, lịch sử nghiên cứu, vị trí và vai trò của của sinh học phát triển cá thể động vật. Trình bày được chu kỳ tế bào, các giai đoạn phát triển trong chu kỳ sống của cá thể động vật và các hình thức sinh sản của động vật; quá trình tạo giao tử, sự thụ tinh, sự phân cắt và phát triển phôi sớm của động vật. Giải thích được cơ chế của sự phát triển, sự già và chết.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
24	Sinh học phát triển cá thể Thực vật	Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh học phát triển, phân tích được đặc điểm của đối tượng nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; chứng minh được cơ sở khoa học và các cơ chế, chu trình sống, các giai đoạn trong sinh học phát triển cá thể thực vật. Thành thạo những thao tác, kỹ năng thực hành, quan sát, đánh giá và tổng hợp kết quả thuộc lĩnh vực sinh học phát triển thực vật. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sinh học phát triển cá thể để tích hợp tốt vào các	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu sau khi ra trường.			
25	Tiến hóa	Phân tích được những quy luật phát triển lịch sử chung nhất của Sinh vật. Phân tích, so sánh được các quan điểm tiến hóa của các sinh vật qua các giai đoạn khác nhau. Giải thích được những nguyên tắc tổ chức của các đơn vị của sự sống làm cơ sở cho quá trình tiến hóa. Phân tích được vai trò của các nhân tố tiến hóa và cơ chế của các quá trình tiến hóa.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
26	Công nghệ sinh học	Sau khi học xong học phần, người học được cung cấp những kiến thức cơ bản về Công nghệ Sinh học với các lĩnh vực công nghệ như công nghệ gene, công nghệ tế bào thực vật - tế bào động vật, công nghệ lên men vi sinh vật, công nghệ enzyme và protein. Hình thành ở người học các kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ để chiếm lĩnh tri thức và định hình những kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu và triển khai quy trình Công nghệ Sinh học vào thực tiễn sản xuất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
27	Ngoại ngữ chuyên ngành	Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh vào việc nghiên cứu các tài liệu, sách chuyên ngành, bài báo bằng Tiếng Anh cũng như tra cứu tài liệu phục vụ cho học tập và công việc sau này. Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học bằng tiếng Anh Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của tiếng Anh trong dạy và học môn Sinh học.	3	6	
28	Bài tập sinh học	Phân tích được các dạng bài tập và phương pháp giải các dạng bài tập liên quan đến các khía cạnh như sinh học phân tử; di truyền học; và tế bào học;	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện được khả năng nhận dạng và giải nhanh các bài tập. Xây dựng được khả năng suy luận, tổng hợp, so sánh. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng hướng đến giải quyết các vấn đề về sinh học trong các bài tập và trong hoạt động dạy học Sinh học. Xây dựng được niềm tin, căn cứ khoa học trước các hiện tượng tự nhiên, phản ứng phù hợp trước những hình thức vận động của vật chất; Xây dựng được ý thức học tập đúng đắn, tích cực.			thi kết thúc học phần (60%)
29	Sinh học của sự sinh sản	Phân tích được những khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các kiểu sinh sản ở động vật và thực vật. Xác định được chiều hướng tiến hóa trong sinh sản ở động vật và thực vật. Ứng dụng hiệu quả các hình thức sinh sản vào thực tiễn. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sinh sản, chu trình sống ở thực vật, động vật và ở người để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu chuyên môn sau khi ra trường.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
30	Tập tính động vật	Nêu được những khái niệm về tập tính động vật; các quy luật hình thành tập tính, con đường hình thành và phát triển tập tính. Trình bày và phân tích được vai trò của các giác quan và hệ thần kinh trong mối quan hệ tiếp xúc giữa động vật và ngoại cảnh. Trình bày được những biểu hiện của các tập tính trong thế giới động vật và giải thích được ý nghĩa của từng loại tập tính của động vật. Giải thích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng tập tính học động vật và chứng minh được những ứng dụng của tập tính động vật vào đời sống, sản xuất của con người.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
31	Giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản	Nêu và phân tích được những nội dung cơ bản của sức khỏe sinh sản; trình bày và giải thích được các hiện tượng phát triển sinh lý ở tuổi dậy thì, một số vấn đề thường gặp ở giai đoạn tuổi vị thành niên.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày được chính sách dân số, chính sách dân số Việt Nam qua các thời kỳ và nội dung cơ bản của chính sách dân số ở Việt Nam hiện nay. Trình bày và vận dụng một số phương pháp giảng dạy chủ yếu về giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản.			thi kết thúc học phần (60%)
32	Sinh lý thần kinh cấp cao	Trình bày được vai trò của hoạt động thần kinh cấp cao, các hướng nghiên cứu và các học thuyết về hoạt động thần kinh cấp cao. Khái quát được các hoạt động thần kinh cấp cao, Giải thích được cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện và so sánh được phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện. Vận dụng được các hoạt động thần kinh cấp cao vào học tập, dạy học và thực tiễn đời sống.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
33	Côn trùng học	Nêu được vai trò của côn trùng trong nông nghiệp và đời sống con người. Trình bày được đặc điểm cấu tạo hình thái, cấu tạo giải phẫu cơ thể côn trùng cũng như đặc điểm sinh vật học, sinh thái học côn trùng. Phân loại được một số nhóm côn trùng phổ biến liên quan đến nông nghiệp. Vận dụng được những kiến thức côn trùng học vào trong đời sống thực tiễn như phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ côn trùng có ích, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học ở các trường phổ thông.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Miễn dịch học	Hiểu biết kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể động vật, bao gồm miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch. Phân tích các cơ chế đáp ứng miễn dịch, bệnh lý miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh. Giải thích cơ sở sử dụng vaccine trong chữa bệnh, chẩn đoán bệnh và ứng dụng trong các nghiên cứu cơ bản về bệnh tật và phòng ngừa bệnh ở người và động vật. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy ở trường phổ thông, bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
35	Sinh học cơ thể người	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần cấu tạo hoá học và cấu tạo tế bào của cơ thể người. Giúp cho sinh viên có cách nhìn tổng quát về hệ miễn dịch và một số bệnh xảy ra trong các hệ cơ quan ở người. Nắm được nguồn gốc và tiến hoá người, di truyền người, sinh thái người. Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ trong việc vận dụng kiến thức vào tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
36	Kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm sinh học	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm Sinh học. - Vận dụng được những kiến thức về kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm Sinh học, để thực hiện các nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm đúng quy trình và đảm bảo kỹ thuật an toàn. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác. Rèn luyện được thái độ tích cực trong học tập, nghiêm chỉnh thực hiện nội quy lớp học.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Lược sử sinh học và nguyên tắc phân loại	Trình bày và phân tích được những lý thuyết, quan điểm, tư tưởng và thành tựu của khoa học Sinh học trong suốt chiều dài lịch sử phát triển; những khái niệm cơ bản, đối tượng, nhiệm vụ của phân loại sinh vật; các loại đặc điểm và phương pháp dùng trong phân loại sinh vật... Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản và chuyên sâu về phân loại sinh vật, vai trò, ý nghĩa của các nhóm phân loại; đánh giá được đa dạng sinh vật ở một khu hệ sinh thái…; tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm sau khi ra trường.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
38	Quang hợp	Trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình quang hợp đối với đời sống thực vật. Vận dụng được những kiến thức về cơ chế và bản chất của quá trình quang hợp để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên đối với đời sống thực vật. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
39	Sinh thái ứng dụng	Vận dụng được những kiến thức, nguyên lý sinh thái học và quản lý, giám sát môi trường, điều khiển hệ thống nông nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học. Vận dụng được kiến thức về sinh thái ứng dụng vào giảng dạy những nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở phổ thông. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của sinh thái học trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông nghiệp bền vững.			Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (25%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (15%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
40	Sinh lý sinh trưởng và phát triển	Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh lí sinh trưởng, phát triển của thực vật. Vận dụng được những kiến thức về cơ chế điều tiết các quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật ở các mức độ cơ thể, tế bào, phân tử để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Sinh lý sinh trưởng và phát triển	Học phần Sinh lý sinh trưởng phát triển thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh lí sinh trưởng phát triển của thực vật: sự biểu hiện gen và truyền tín hiệu, cấu trúc, phát sinh và sự giãn của vách tế bào thực vật, sinh trưởng, phát triển và phân hóa, phytocrom, phytohoocmon và quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật và điều tiết sự ra hoa của thực vật. Đây là môn học giúp người học hiểu những quy luật, cơ chế điều tiết các quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật ở các mức độ cơ thể, tế bào, phân tử. Trên cơ sở đó có thể ứng dụng vào sản xuất nông, lâm nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
42	Dinh dưỡng khoáng	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng khoáng ở thực vật, vai trò sinh lý, triệu chứng thiếu, thừa các nguyên tố khoáng, sự hấp thu, vận chuyển và chuyển hóa các chất dinh dưỡng ở cơ thể thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động dinh dưỡng khoáng ở thực vật.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
43	Chuyên đề biến đổi khí hậu	Vận dụng được những kiến thức về biến đổi khí hậu vào phân tích những biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất những biện pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương. Tích hợp, lồng ghép kiến thức biến đổi khí hậu vào giảng dạy các nội dung liên quan trong chương trình môn Sinh học ở phổ thông. Nhận thức được những tác động của biến đổi khí hậu có ý thức điều chỉnh hành vi ứng phó với biến đổi khí hậu.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
44	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	Vận dụng được những kiến thức đại cương về chất điều hòa sinh trưởng thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Giải thích được những hiện tượng liên quan	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đến chất điều hòa sinh trưởng ở thực vật. Sử dụng các chất điều hòa sinh trưởng thực vật một cách hợp lý và an toàn.			tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
45	Vi sinh công nghiệp	Hiểu được các quy luật hoạt động sống trong các nhóm vi sinh vật, thấy được tính đa dạng về cơ chế trao đổi chất trong cơ thể sinh vật. Phân tích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật học trong thực tiễn sản xuất công nghiệp, trong các quá trình công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh. Có kỹ năng thực hành ứng dụng, sau khi học xong học phần này, sinh viên cần hiểu được các ứng dụng công nghiệp quan trọng của vi sinh vật, sự khác biệt giữa công nghệ sinh học vi sinh vật hiện đại và vi sinh học truyền thống, phân biệt được các nhóm sản phẩm và quá trình công nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
46	Một số vấn đề sinh học hiện đại	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ chuyển gen, ứng dụng cây trồng biến đổi gen phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong tương lai. Vận dụng được các kiến thức về công nghệ xử lý môi trường sinh học trong thực tế hiện nay; hướng tiếp cận phân tử trong xử lý sinh học. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ enzyme và ứng dụng của enzyme. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ tế bào gốc và ứng dụng của tế bào gốc; các ứng dụng tương lai trong liệu pháp tế bào. Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức về sinh học tổng hợp và những ứng dụng; hướng chọn lọc, đánh giá và phát triển các ứng dụng sinh học tổng hợp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
47	Nuôi cấy mô	Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (30%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (10%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động dinh dưỡng khoáng ở thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực Dinh dưỡng khoáng thực vật.			thi kết thúc học phần (50%)
48	Sinh học phân tử	Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất, hiện đại về hệ gene, tái bản và sửa chữa DNA, biểu hiện gene, nguyên tắc và bản chất của một số kỹ thuật cơ bản của sinh học phân tử. Phân tích được các ứng dụng và triển vọng của sinh học phân tử trong các lĩnh vực như y học, nông nghiệp, khoa học hình sự, công nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận, kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
49	Cơ sở di truyền chọn giống động vật.	Hiểu biết và vận dụng các quy luật di truyền tính trạng màu sắc và di truyền học giới tính động vật, di truyền học miễn dịch, di truyền học tập tính và tính trạng số lượng ở động vật vào trong công tác chăn nuôi, chọn lọc, lai tạo giống vật nuôi nhằm duy trì đặc điểm tốt của giống hiện có hoặc tạo ra giống vật nuôi mới đáp ứng nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng các quy luật di truyền để cải tiến di truyền đối với năng suất và chất lượng sản phẩm của vật nuôi.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
50	Cơ sở di truyền chọn giống thực vật	Xác định được các hướng cơ bản và mục tiêu của chọn giống, vai trò của giống cây trồng trong sản xuất; Hiểu và giải thích được cơ sở di truyền chọn giống cây trồng, ứng dụng được thành tựu công nghệ sinh học vào công tác chọn giống; Phân tích được phương pháp duy trì và chọn giống ưu thế lai ở thực vật nhằm tạo ra giống có giá trị kinh tế cao; Trình bày được nguyên lí lai tạo giống cây trồng, các phương pháp chọn tạo giống ở các nhóm cây trồng như cây giao phấn, cây tự thụ phấn và cây sinh sản vô tính để áp dụng vào thực tiễn sản xuất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
51	Di truyền người	Nêu được các phương pháp nghiên cứu về di truyền học người. Giải thích được cơ sở các bệnh liên quan đến NST thường và NST giới tính. Phân tích được sự di truyền các tính trạng ở người bao gồm di truyền trên NST thường, trên NST giới tính, di truyền liên	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết gen đồng thời phân tích được cơ sở di truyền của trí thông minh. Nêu được khái niệm quần thể, tần số gen và kiểu gen ở người, định luật Hardy-Weinberg; trình bày được hiện tượng cận huyết ở quần thể người. Giải thích được cơ sở hóa sinh của một số bệnh di truyền ở người. Vận dụng được những kiến thức di truyền học người vào trong đời sống thực tiễn cho việc phòng và trị bệnh, giải được các dạng bài tập liên quan đến bệnh ở người, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học ở các trường phổ thông.			
52	Kỹ thuật dạy học sinh học	Biết cách xác định mục tiêu bài học đúng quy tắc. Nêu được khái niệm câu hỏi, bài tập. Phân tích được vai trò của câu hỏi, bài tập và quy trình thiết kế câu hỏi, bài tập trong chuẩn bị kế hoạch dạy học Trình bày được khái niệm bài tập thí nghiệm. và các nguyên tắc thiết kế bài tập thí nghiệm. Phân biệt được các dạng bài tập thí nghiệm trong chương trình sinh học phổ thông. Trình bày được khái niệm phiếu hoạt động học tập (phiếu học tập). Biết cách phân loại và thiết kế được các dạng phiếu học tập trong dạy học Sinh học. Trình bày được cơ sở lý luận của việc thiết kế và sử dụng sơ đồ, sơ đồ tư duy và bản đồ khái niệm trong dạy học.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
53	Tin sinh học	Biết được những kiến thức cơ bản về tin sinh học và sinh học phân tử. Nắm được quá trình phân tích trình tự DNA. Biết được một số cơ sở dữ liệu sinh học và cách sử dụng. Hiểu được tổng	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quan về enzyme cắt, những kỹ thuật trong thiết kế mồi. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu đa dạng sinh học dựa vào trình tự DNA, so sánh được một số trình tự DNA. Nắm được cách sử dụng chương trình phân tích cấu trúc chuỗi và phần mềm vẽ bản đồ phả hệ. Hiểu rõ nội dung, ý nghĩa và các ứng dụng của Microarray. Có kỹ năng sử dụng các chương trình để chuyển đổi các kiểu định dạng, tìm kiếm ORFs trong chuỗi trình tự DNA, chuyển đổi trình tự. Sử dụng thành thạo cơ sở dữ liệu NCBI. Thiết kế và lựa chọn được đoạn mồi bằng phần mềm. Sử dụng được các chương trình phân tích cấu trúc chuỗi. Vẽ được sơ đồ phả hệ bằng phần mềm BioPro. Có ý thức cập nhật các kiến thức hiện đại trong ngành sinh học và vận dụng kiến thức chuyên môn về tin sinh học để giải thích các vấn đề trong cuộc sống.			thi kết thúc học phần (60%)
54	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trình bày được các khái niệm cơ bản về NCKH, phân tích được một quy trình NCKH. Lựa chọn được các phương pháp cơ bản sử dụng trong NCKH. Lựa chọn được một đề tài khoa học phù hợp với mục đích nghiên cứu và xây dựng được đề cương đề tài này thông qua các hoạt động tích cực như hoạt động nhóm. Rèn luyện được đức tính kiên trì, chịu khó, cần cù, trung thực trong NCKH. Xây dựng được lòng say mê trong nghiên cứu khoa học và truyền cảm hứng trong hoạt động dạy học đến học sinh, tâm huyết với nghề. Rèn luyện được phương pháp tự học, tự nghiên cứu trong học tập và trong hoạt động dạy học.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Rèn luyện NVSPTX1	Môn học rèn luyện các Kỹ năng cơ bản về giao tiếp, ứng xử sư phạm, Kỹ năng quản lí học sinh; Kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể ; Kỹ năng giáo dục học sinh ; Kỹ năng tìm hiểu về nền giáo dục hiện đại; Kỹ năng nghiên cứu KHGD. Những Kỹ năng này giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường về trường THCS hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công	1	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
56	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục HS, cảm hóa học sinh; Kỹ năng giáo dục HS chưa ngoan; Kỹ năng vận động gia đình và xã hội tham gia vào giáo dục; biết vận dụng đổi mới các phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học giáo dục và rèn luyện thành thạo các Kỹ năng độc viết vẽ bảng	1	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
57	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần có vai trò, ý nghĩa quan trọng giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về việc rèn luyện rèn luyện các Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng quan sát, làm thí nghiệm, Kỹ năng suu tầm các tư liệu dạy học sinh học; Kỹ năng làm	1	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
58	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách tổ chức học tập trong một giờ thực hành, tổ chức HS hoạt động ngoài giờ lên ; biết sử dụng các phương tiện trực quan có hiệu quả; biết sử dụng một số phần mềm vào thiết kế giáo án	1	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
59	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế các loại bài dạy thông thường, bài giảng điện tử; trong chương trình sinh học phổ thông. Rèn luyện các kỹ năng xây dựng các loại kế hoạch, biết sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với các loại bài khác nhau	1	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Rèn luyện NVSPTX6	Học phần giúp sinh viên nắm vững các bước đánh giá một giờ dạy sinh học trong chương phổ thông. Mặt khác môn học này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về *cách thức tổ chức dạy học sinh học* giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức lớp học, có kĩ năng dạy cac loại bài Sinh học, phối hợp bài giảng với các phương tiện dạy học; rèn luyện kĩ năng ra đề thi, chấm bài, viết sáng kiến kinh nghiệm ở trường phổ thông.	6	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
61	Giải phẫu thích nghi thực vật	- Nhận biết được các dạng sống của thực vật, giải thích được vì sao các loài thực vật khác nhau về nguồn gốc nhưng có hình dạng hoặc chức năng giống nhau; - Phân biệt được đặc điểm thích ứng và thích nghi sinh học, giải thích được mối liên hệ giữa thích ứng và thích nghi, đồng thời giải thích được mối quan hệ giữa sự tồn tại của thực vật ở môi trường sống. - Nghiên cứu so sánh đặc điểm thích nghi của thực vật ở các môi trường sống khác nhau, có khả năng lựa chọn các nhóm cây trồng phù hợp với môi trường nhằm nâng cao khả năng sống sót của cây.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
62	Giải phẫu so sánh động vật	Sau khi học xong học phần này sinh viên trình bày và giải thích có hệ thống các mức độ phát triển của giới động vật về cấu tạo và chức năng. So sánh quá trình hình thành và phát triển các hệ cơ quan ở các nhóm động vật từ đó vận dụng vào giải thích các hoạt động sống phức tạp, sự phát triển cá thể và tập tính ở động vật trong mối quan hệ với môi trường sống. So sánh sự tiến hoá từ đơn giản đến phức tạp, thích nghi với điều kiện môi trường của cơ thể động vật, sự khác biệt và mối quan hệ về cấu tạo giải phẫu và chức năng sinh lý của các hệ cơ quan, từ đó xác định được chiều hướng tiến hóa cấu tạo giải phẫu cùng với chức	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng sinh lý ở các nhóm động vật. Vận dụng những đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống vào trong chăn nuôi và phát triển động vật.			
63	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong DH Sinh học ở trường THPT	Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và chương trình giáo dục phổ thông môn sinh học. Tích hợp hoạt động trải nghiệm trong nội dung dạy học môn sinh học ở trường THPT Xây dựng được kế hoạch dạy học hoạt động trải nghiệm và biết cách đánh giá năng lực thông qua quá trình dạy học môn sinh học ở trường THPT. Thành thạo các mạch nội dung hoạt động trải nghiệm trong dạy học để lựa chọn chủ đề hợp lý Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, có trách nhiệm với nghề giáo, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

17. Sư phạm Ngữ văn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Sư phạm Ngữ văn	***1. Kiến thức:*** Vận dụng được những hiểu biết về vị thế của Trường Đại học Đồng Tháp, khoa Sư phạm Ngữ văn; về nhu cầu xã hội, chuẩn đầu ra, chương trình. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Vận dụng hiệu quả kĩ năng tự học, kĩ năng giải quyết vấn đề trong học tập; Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, phản biện thông qua các hoạt động	1	HK1	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kì: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động, viết, nói, nghe.; Tự hào khi học tập tại Trường; Quyết tâm theo đuổi kỳ vọng ngành nghề của bản thân. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Lập kế hoạch học tập, quản lí các nguồn lực để đạt hiệu quả. trong học tập và rèn luyện			Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2	Cơ sở ngôn ngữ học	***1 Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức cơ sở về ngôn ngữ học tiếng Việt gồm bản chất của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, loại hình ngôn ngữ và những vấn đề cơ bản của các bộ phận ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông. - Vận dụng được kiến thức cơ sở về ngôn ngữ tiếng Việt để nghiên cứu và học các học phần ngôn ngữ cao hơn như: ngữ âm và từ vựng tiếng Việt, Ngữ pháp tiếng Việt. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Phát triển chuyên môn trên cơ sở các kiến thức tổng quan về ngôn ngữ và các bộ phận của ngôn ngữ - Sử dụng hiệu quả kiến thức cơ sở về ngôn ngữ tiếng Việt để thực hiện giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK1	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	***1. Kiến thức:*** Xác định được những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học. Trang bị những vấn đề lý thuyết và giới thiệu những thao tác thực hành cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ Văn; Nhận biết được những hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu văn học, giới thiệu những phương pháp truyền thống cũng như những phương pháp mới nhất trong nghiên cứu văn học; Đánh giá được mức độ, giá trị khoa học của một công trình nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp thu các thành quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước để tạo tiền đề cho việc tìm tòi, khám phá ra những kết quả nhiên cứu mới; Vận dụng kết nối được các kiến thức chuyên	2	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Bài tự học:20% Bài tập lớn: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành để nắm vững các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng tiếp nhận các công trình nghiên cứu về văn học đang được công nhận, từ đó xác định các phương pháp nghiên cứu khoa học đã được vận dụng; Kỹ năng nghiên cứu, phân tích các tác giả, tác phẩm cũng như vấn đề văn học sử của các nền văn học mà sinh viên đang học và ứng dụng các thao tác nghiên cứu khoa học đã được thực hành vào những trường hợp cụ thể trong thực tiễn nghiên cứu văn học; Làm việc độc lập đối với bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hình thành kỹ năng tư duy độc lập trong quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học, hoặc những vấn đề thuộc văn học sử và lí luận văn học. Có khả năng tư duy khoa học, có thể đặt vấn đề và giải quyết những vấn đề mang tính mới mẻ, sáng tạo; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc tư liệu tham khảo chuyên ngành và vận dụng vào việc phân tích tác phẩm văn học hoặc nghiên cứu một vấn đề thuộc văn học sử; Làm việc theo nhóm đối với các bài tập thảo luận nhóm, hình thành kỹ năng hợp tác trong việc tìm kiếm tư liệu, xây dựng luận điểm, thuyết trình tại lớp về một vấn; Hình thành thái độ tôn trọng, học hỏi thành tựu văn hóa, văn học của các nền văn học, từ đó tăng thêm hứng thú học tập đối với bộ môn văn học nước ngoài, vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng thủ đắ được để giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài trong trường THPT. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Hình thành thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, tư duy tổ chức, khả năng điều phối sao cho mỗi thành viên của nhóm đều tham gia hoạt động, đóng góp cho sản phẩm của nhóm; Thông qua các cuộc thảo luận, tranh luận khoa học, giúp sinh viên có tinh thần khoa học, khả năng bảo vệ quan điểm khoa học, đồng thời hình thành thái độ tôn trong chân lý khách quan.			
4	Văn học và văn hóa	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp.	2	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức: Kết nối được các kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
5	Lí luận về phương pháp dạy học ngữ văn	***1. Kiến thức*** - Hiểu và vận dụng kiến thức nền của chuyên ngành, phương pháp dạy học,… vào việc tìm hiểu chương trình SGK mới sau 2018. - Phân tích và vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn để thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục Ngữ văn ở trường phổ thông khi soạn giảng. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Phân tích và phát triển được Chương trình giáo dục môn Ngữ văn ở trường phổ thông trong quá trình tìm hiểu SGK mới; Xây dựng thành thạo các kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong quá trình soạn giảng. - Sử dụng hiệu quả kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc khi tập giảng. Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	3	HK1	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10% - Điểm thực hành cá nhân: 10% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	***1. Kiến thức*** - Vận dụng được kiến thức cơ bản của học phần vào việc phát triển chương trình nói chung, chương trình nhà trường, chương trình môn Ngữ văn nói riêng. - Phân biệt được các cách tiếp cận trong phát triển chương trình và ưu nhược điểm của mỗi cách tiếp cận đó. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Hình thành được kĩ năng phát triển chương trình môn Ngữ vănvới các bước cơ bản: rà soát, đánh giá chương trình, thiết kế bảng phân phối chương trình, thiết kế giáo án về một bài học hay một chủ đề học tập trong chương trình Ngữ văn phát triển theo định hướng tiếp cận năng lực. - Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần. - Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK6	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm bài tập cá nhân: 10% - Điểm bài tập nhóm: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%
7	Văn học, nhà văn, bạn đọc	***1. Kiến thức:*** Xác định được khái niệm văn chương, văn học, nghiên cứu văn học, đối tượng và nội dung của nghệ thuật, tư duy nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, ngôn từ và nghệ thuật ngôn từ, chủ thể và sáng tạo văn học, bạn đọc và tiếp nhận văn học; Nhận biết được bản chất, chức năng, đặc trưng của nghệ thuật và nghệ thuật ngôn từ; nguyên lý chung của văn học và mối quan hệ, sự ảnh hưởng giữa các thành tố Cuộc sống - Nhà văn - Tác phẩm - Độc giả; Trình bày các thành tố tạo nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật; Đánh giá	3	HK3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trên cơ sở khoa học các ngữ liệu, hiện tượng văn học của nền văn học dân tộc và nhân loại từ hệ thống lý thuyết về nguyên lý Lý luận văn học. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, cụ thể là có thể áp dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học vào các công việc cụ thể như: phân tích đánh giá một tác phẩm văn học, bình luận một ý kiến về văn học, lý giải một vấn đề thực tiễn văn học, định ra tiêu chí cho một nền văn học tiến bộ...; Kỹ năng tích hợp kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành Lí luận văn học (những vấn đề thuộc về nguyên lý cơ bản) vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các sự kiện văn hóa văn nghệ,… ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.			
8	Văn học dân gian Việt Nam	***1. Kiến thức:*** Xác định được vị trí, vai trò của văn học dân gian, thành tựu và những kiến thức khái quát về văn học dân gian; Nhận biết được những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian, ý nghĩa giáo dục của văn học dân gian qua những thể loại và tác phẩm tiêu biểu; Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện cổ dân gian và thơ ca dân gian; Đánh giá được sự đóng góp của văn học dân gian nói riêng và nền văn học dân tộc nói chung. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học môn văn học dân gian ở trường phổ thông; Kỹ năng tích hợp kiến thức văn học dân gian để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học;	2	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành/thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì / Dự án học tập / Xemina:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành văn học dân gian vào hoạt động thực tiễn. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.			
9	Văn học Việt Nam trung đại 1	***1. Kiến thức:*** Xác định được vị trí, vai trò của văn học Việt Nam trung đại, thành tựu và những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam trung đại; Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam trung đại; phân tích được các đặc điểm của văn học Việt Nam trung đại trong sự đối sánh với văn học dân gian và văn học hiện đại; Trình bày và phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm tiêu biểu, từng thể loại khác nhau của các tác giả văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII; Đánh giá được thành tựu và đóng góp của văn học Việt Nam giai đoạn X - XVII đối với tiến trình văn học Việt Nam nói chung và văn học Việt Nam trung đại nói riêng. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông; Kỹ năng tích hợp kiến thức văn học Việt Nam trung đại để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức văn học Việt Nam trung đại vào hoạt động thực tiễn. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	2	HK3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
10	Tác phẩm và loại thể văn học	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn	3	HK3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm thực hành: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức: Kết nối được các kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50
11	Ngữ âm và từ vựng tiếng Việt	***1. Kiến thức*** - Phân tích được các kiến thức về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt gồm: các bình diện kiến thức về ngữ âm (khái niệm ngữ âm và ngữ âm học; các đơn vị ngữ âm; đặc điểm âm tiết tiếng Việt; hệ thống ngữ âm tiếng Việt; các yếu tố của ngữ điệu; chữ viết và chữ viết tiếng Việt) và từ vựng tiếng Việt (các đơn vị từ vựng tiếng Việt; các lớp từ vựng tiếng Việt; cơ cấu ngữ nghĩa của từ vựng tiếng Việt). Qua đó, người học có thể vận dụng hiệu quả, đúng đắn các kiến thức đã tích lũy được từ học phần vào hoạt động nói năng, học tập, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt. - Thấy được vai trò quan trọng của việc nghiên cứu Ngữ âm và từ vựng với những đóng góp của nó cho các học phần khác trong phân ngành Ngôn ngữ học ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Phát triển kỹ năng phát hiện và tiến hành khảo sát các nội dung liên quan đến ngữ âm và từ vựng tiếng Việt Nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong hoạt động thực tiễn. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Yêu thích môn học, có tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	3	HK3	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Văn học Việt Nam trung đại 2	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các kiến thức nền tảng của học phần vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học thuộc mảng Văn học Việt Nam trung đại (giai đoạn đầu TK XVIII-cuối TK XIX) cho học sinh phổ thông; Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Văn học Việt Nam trung đại (giai đoạn đầu TK XVIII-cuối TK XIX) vào hoạt động nghiên cứu chuyên ngành và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học dạy - học môn Ngữ văn ở trường phổ thông (giai đoạn văn học Việt Nam trung đại XVIII-cuối XIX) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Tích hợp được các kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kết nối được các kiến thức chuyên ngành đào tạo vào vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các sự kiện văn hóa văn nghệ,…;Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm ***cá nhân;***	3	HK4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành/thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì / Dự án học tập / Xemina:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
13	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức Văn học Ấn Độ, Nhật Bản vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Văn học Ấn Độ, Nhật Bản vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Văn học Ấn Độ, Nhật Bản; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu.	2	HK4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		3. Mức tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
14	Văn học Trung Quốc	***1. Kiến thức:*** Xác định được các giá trị và thành tựu của Văn học Trung Quốc qua các kiến thức thuộc lịch sử văn học Trung Quốc, tạo nền tảng để nghiên cứu sâu hơn về chuyên ngành văn học Trung Quốc ở các bậc học tiếp theo sau đại học; Nhận biết được các vấn đề khái quát về văn học sử Trung Quốc như thời kì văn học, khuynh hướng văn hoc, cung cấp kiến thức về đặc trưng lịch sử xã hội, văn hóa Trung Quốc cho sinh viên, giúp sinh viên sinh viên có khả năng giảng dạy tôt các tác phẩm thuộc văn học Trung Quốc ở các trường THPT. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng tiếp nhận các công trình nghiên cứu về văn học sử Trung Quốc qua nguyên tác, đồng thời, hình thành kỹ năng đánh giá các bản dịch khác nhau của cùng một công trình nghiên cứu văn học Trung Quốc; Kỹ năng nghiên cứu, phân tích các tác giả, tác phẩm cũng như vấn đề văn học sử của đất nước mà sinh viên đang học và sẽ sử dụng một cách chuyên nghiệp ngôn ngữ của nước đó sau này; Làm việc độc lập đối với các bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hình thành kỹ năng tư duy độc lập trong quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc tư liệu tham khảo chuyên ngành và vận dụng vào việc phân tích tác phẩm một cách hiệu quả nhất; Thông qua các bài tập thảo luận nhóm, hình thành kỹ năng hợp tác trong việc tìm kiếm tư liệu, xây dựng luận điểm, thuyết trình tại lớp về một vấn đề thuộc lịch sử văn học Trung Quốc; Hình thành thái độ tôn trong, học hỏi thành tựu văn hóa, văn học Trung Quốc, từ đó tăng thêm hứng thú học tập đối với bộ môn văn học nước ngoài, vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng thủ đắ được để giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài trong trường THPT. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Hình thành thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, tư duy tổ chức, khả năng điều phối sao cho mỗi thành viên của nhóm đều tham gia hoạt động, đóng góp cho sản	2	HK4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Bài Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm của nhóm; Thông qua các cuộc thảo luận, tranh luận khoa học, giúp sinh viên có tinh thần khoa học, khả năng bảo vệ quan điểm khoa học, đồng thời hình thành thái độ tôn trong chân lý khách quan.			
15	Văn học Việt Nam hiện đại 1	***1. Kiến thức:*** Xác định được vị trí, vai trò, sự vận động và quá trình phát triển của văn học Việt Nam 1900 - 1945, đặc điểm của văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945; Nhận biết được các khuynh hướng, trào lưu văn học lãng mạn, văn học hiện thực; tìm hiểu cuộc đời và văn nghiệp của các tác giả tiêu biểu như: Tản Đà, Xuân Diệu, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nam Cao; Trình bày khái quát và đánh giá chung về giá trị tư tưởng, nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm cụ thể; Đánh giá, phân tích, nhận xét giá trị của các tác phẩm văn học, ưu và nhược điểm của các tác giả, tác phẩm văn học giai đoạn từ 1900 đến 1945. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học môn Văn học Việt Nam hiện đại 1 ở trường phổ thông; Kỹ năng tích hợp kiến thức văn học hiện đại để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức văn học Việt Nam hiện đại vào hoạt động thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông.. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	3	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
16	Văn bản Hán văn Việt Nam	***1. Kiến thức*** - Hiểu được đặc điểm các thể loại Hán văn cổ Việt Nam, quá trình tiếp thu các thể loại Hán văn cổ của Trung Quốc, diện mạo của nền văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam qua các giai đoạn: Hán văn thời Lý - Trần, Hán văn thời Lê - Nguyễn, Hán văn thời cận đại và của Hồ Chí Minh. - Vận dụng các kiến thức về hư từ, thực từ, cấu trúc ngữ pháp, nghệ thuật tu từ, điển tích, điển cố để giải mã và lĩnh hội các văn bản trên	2	HK5	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên tác chữ Hán của tác phẩm ở từng thể loại. So sánh giữa bản dịch và bản phiên âm, để người học hiểu đúng nội dung nguyên tác. Từ đó tiếp cận với tác gia, tác phẩm Văn học trung đại một cách toàn diện hơn. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Viết chữ Hán, đọc phiên âm, dịch nghĩa, chú thích, bình giảng được các văn bản Hán văn Việt Nam được học; thảo luận và giải quyết các vấn đề từ chữ nghĩa đến văn bản khi tiếp cận một tác phẩm Hán văn Việt Nam; kết nối được kiến thức chữ Hán vào các công việc liên quan ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể, xã hội… - Thuyết trình, giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại trong nhà trường Phổ thông; phân tích, so sánh, đánh giá các bản dịch hiện hành so với nguyên tác một cách chính xác, khách quan, khoa học; khai thác được dữ kiện lịch sử, văn hoá, phong tục nước nhà... lưu lại trong tất cả các thể loại văn bản Hán văn Việt Nam. Từ đó, truyền được tình cảm, lòng tự hào và ý thức dân tộc cho học sinh Phổ thông. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Có thái độ nghiêm túc và chịu trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm. - Có tinh thần khoa học, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
17	Ngữ pháp tiếng Việt	***1. Kiến thức*** - Vận dụng được các kiến thức đại cương ngữ pháp học và các đơn vị ngữ pháp (từ, cụm từ, câu) trong tiếng Việt để giải quyết các yêu cầu trong học tập và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. - Vân dụng hiệu quả các bình diện kiến thức về các đơn vị ngữ pháp trong tiếng Việt vào nghiên cứu và sử dụng từ, ngữ, câu trong giao tiếp nói chung, trong tác phẩm văn học nói riêng. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Kỹ năng dùng từ, đặt câu chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp, phù hợp với chuẩn mực trong giao tiếp tiếng Việt.	2	HK5	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có ý thức sử dụng đúng quy tắc, chuẩn mực ngữ pháp tiếng Việt trong giao tiếp, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và tinh thần phấn đấu trong học tập. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
18	Văn học Nga - Mỹ	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức Văn học Nga – Mỹ vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Văn học Nga – Mỹ vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Văn học Nga – Mỹ; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm: kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50
19	Văn học Việt Nam hiện đại 2	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các kiến thức nền tảng của học phần vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học thuộc mảng Văn học Việt Nam (giai đoạn 1945-1975) cho học sinh phổ thông; Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Văn học Việt Nam (giai đoạn 1945-1975) vào hoạt động nghiên cứu chuyên ngành và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học dạy - học môn Ngữ văn ở trường phổ thông (giai đoạn 1945-1975) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Tích hợp được các kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kết nối được các kiến thức chuyên ngành đào tạo vào vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các	3	HK6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành/thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì / Dự án học tập / Xemina:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sự kiện văn hóa văn nghệ,…;Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
20	Văn học Anh- Pháp	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
21	Dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông	***1. Kiến thức*** - Vận dụng và phân tích được hiệu quả các tri thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp, quy trình tổ chức dạy học viết và nói để hướng dẫn học sinh rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản trong giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông - Vận dụng thành thạo các tri thức về dạy học tạo lập văn bản để nghiên cứu chuyên sâu, đổi mới đa dạng các phương pháp dạy học tạo lập văn bản trong giảng dạy Ngữ văn. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức***	3	HK7	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10% - Điểm thực hành tập giảng: 10% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Thực hiện được kế hoạch dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học học sinh. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.			
22	Đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học trong dạy học môn Ngữ văn	***1. Kiến thức:*** Phân tích được phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức, kĩ năng mới về kiểm tra đánh giá học sinh phổ thông; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm: kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	2	HK7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm thảo luận: 20% Thi kết thúc học phần: 50%
23	Văn học Việt Nam hiện đại 3	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các kiến thức nền tảng của học phần vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học thuộc mảng Văn học Việt Nam đương đại (sau 1975) cho học sinh phổ thông; Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Văn học Việt Nam Nam đương đại (sau 1975) vào hoạt động nghiên cứu chuyên ngành và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học dạy - học môn Ngữ văn ở trường phổ thông (giai đoạn Văn học Việt Nam sau 1975) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực;	2	HK7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành/thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì / Dự án học tập / Xemina:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tích hợp được các kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kết nối được các kiến thức chuyên ngành đào tạo vào vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các sự kiện văn hóa văn nghệ,…; Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
24	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các kiến thức của học phần vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt độngtrải nghiệm nói riêng và các hoạt động dạy học môn Ngữ văn cho học sinh phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực nói chung. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Thiết kế và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn cho học sinh trong các giờ học, các hoạt động ngoài giờ lên lớp; Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50
25	Dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức về các loại văn bản như văn bản văn học, văn bản thông tin, văn bản nghị luận trong quá trình dạy học đọc hiểu cũng như lí giải một số nét đặc trưng thể loại của các loại văn bản đó.	3	**HK5**	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng và phân tích được hiệu quả các tri thức về dạy học đọc hiểu văn bản như: mục tiêu, nguyên tắc, quy trình, phương pháp và một số biện pháp dạy kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại cho học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết, tận tụy với công việc. ***3 Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.			- Điểm thực hành tập giảng: 10% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%
26	Ngữ dụng học tiếng Việt	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức chung về Ngữ dụng học: nhân vật giao tiếp, mục đích giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp, các nhóm nghĩa trong giao tiếp, tính chiếu vật trong giao tiếp, hành động ngôn ngữ, lập luận, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông. - Ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về ngữ dụng tiếng Việt để hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu các vấn đề liên quan đến học phần (lý thuyết hành động ngôn ngữ, lý thuyết hội thoại.....); ý thức được sự cần thiết của môn học làm cơ sở bền vững để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Sử dụng hiệu quả kiến thức Ngữ dụng học: nhân vật giao tiếp, mục đích giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp, các nhóm nghĩa trong giao tiếp, tính chiếu vật trong giao tiếp, hành động ngôn ngữ, lập luận, nghĩa tường	2	HK7	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		minh và nghĩa hàm ẩn vào giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Có tinh thần phấn đấu trong học tập, nghiên cứu góp phần bảo tồn, phát huy bản chất và sự trong sáng của tiếng mẹ đẻ. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
27	Văn bản và ngữ pháp văn bản	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức chung về văn bản, liên kết, mạch lạc, đoạn văn vào việc phân tích tác phẩm văn học và tạo lập văn bản trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. - Vận dụng được kiến thức chung về văn bản, liên kết, mạch lạc, đoạn văn để học tập, nghiên cứu những nội dung liên quan đến ngôn ngữ tiếng Việt. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào các công việc liên quan đến biên tập, xuất bản… ở các lĩnh vực công việc liên quan. - Sử dụng đa dạng, phong phú và đạt hiệu qua các biểu hiện mạch lạc, các phương tiện liên kết để góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng các phương tiện ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện trong quá trình học tập - Có thái độ tích cực hơn trong các hoạt động nghề nghiệp của bản thân. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK6	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
28	Một số vấn đề về Tiếng Việt hiện đại	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức chung về lịch sử, ngữ âm, từ vựng, cú pháp, phong cách tiếng Việt hiện đại vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng, kết nối được kiến thức chung về tiếng Việt hiện đại để phát triển kiến thức mới. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng các phương tiện ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện; *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			- Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
29	Hán Nôm chuyên ngành	***1. Kiến thức*** - Khái niệm, kiến thức chuyên môn về ngữ pháp và ngữ pháp hư từ. - Cách dùng cụ thể của một số hư từ thường dùng trong văn bản Hán văn, nhằm giải quyết những khó khăn trong việc đọc hiểu được tinh thần trước tác. Từ đó định hướng chuyên môn cụ thể phục vụ cho nghiên cứu khoa học. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Năng lực đọc hiểu văn bản chữ Hán của Trung Quốc và Việt Nam; thảo luận và giải quyết các vấn đề về văn bản và ngữ pháp văn bản chữ Hán trong các tác phẩm tuyển giảng. Khai thác được dữ kiện lịch sử, văn hoá, phong tục, triết học... lưu lại ở các văn bản Hán văn của các nước đồng văn. - Trân trọng và giữ gìn kho tàng di sản văn hóa thành văn ở địa phương do cha ông ta sáng tạo. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Đảm bảo tính khách quan khoa học trong nghiên cứu, giảng dạy văn học trung đại Việt Nam, văn học Trung Quốc cũng như công tác bảo tồn di sản văn hóa thành văn của địa phương. - Có tinh thần khoa học và bảo vệ quan điểm có nhân, có khả năng định hướng và dẫn dắt chuyên môn.	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
30	Ngữ nghĩa học	***1. Kiến thức***	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng kiến thức chung về nghĩa của từ (ngữ nghĩa học từ vựng), nghĩa của câu (ngữ nghĩa học cú pháp) và nghĩa của phát ngôn, của ngôn bản (ngữ nghĩa học dụng pháp) vào dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. - Phân tích và lý giải các hiện tượng ngữ nghĩa dựa trên những kiến thức được cung cấp trong quá trình học vào quá trình nghiên cứu và phát triển kiến thức mới ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong các hoạt động thực tiễn như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đối thoại. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, yêu thích môn học và vận dụng một cách đúng đắn, hiệu quả trong giải quyết các nhiệm vụ gắn với nghề nghiệp. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			- Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
31	Phương ngữ tiếng Việt	***1. Kiến thức*** - Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương ngữ và phương ngữ học tiếng Việt vào việc dạy học tiếng Việt, văn học địa phương - Ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về phương ngữ tiếng Việt để phân tích, lí giải được các yếu tố địa phương trong giao tiếp thực tế; khả năng nhận biết giá trị phong cách của các yếu tố địa phương trong tác phẩm văn học; biết vận dụng các yếu tố địa phương đúng phong cách ngôn ngữ; biết cách tiếp cận, nghiên cứu một hiện tượng phương ngữ. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng các tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của ba vùng phương ngữ tiếng Việt vào kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện trong quá trình học tập;	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Người học có thái độ yêu quý tiếng bản ngữ và phương ngữ; có ý thức chuẩn hoá tiếng Việt. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
32	Thơ văn Hán Nôm trong trường phổ thông	***1. Kiến thức*** - Hiểu được các thể loại văn học cổ của Trung Hoa, trên cơ sở đó góp phần hiểu biết thêm về các thể loại văn học cổ Việt Nam; những vấn đề liên quan đến văn bản chữ Hán, chữ Nôm được tuyển giảng trong nhà trường Phổ thông. Những bất cập trong việc tiếp cận văn bản dưới hình thức bản dịch bằng chữ Quốc ngữ. - Kiến thức chuyên môn về ngữ pháp và ngữ pháp hư từ, cấu tạo chữ Nôm để vận dụng và giải quyết những khó khăn trong việc đọc hiểu được tinh thần trước tác. Từ đó định hướng chuyên môn cụ thể phục vụ cho nghiên cứu khoa học. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Tiếp cận văn bản Hán Nôm được tuyển giảng trong chương trình Phổ thông; đọc và phân tích được cấu tạo chữ Nôm trong văn bản; kết nối được kiến thức chữ Hán và chữ Nôm vào các công việc liên quan ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể, xã hội… - Thuyết trình, giảng dạy các tác phẩm Hán văn, Nôm văn trong nhà trường Phổ thông; phân tích, so sánh, đánh giá các bản dịch hiện hành so với nguyên tác một cách chính xác, khách quan, khoa học; khai thác được dữ kiện lịch sử, văn hoá, phong tục, triết học, điển cố, điển tích... qua các văn bản Hán Nôm trong chương trình phổ thông; Ý thức bản thân về triết lý sống, lòng tự hào về nền văn học viết của dân tộc; trân trọng và giữ gìn kho tàng di sản văn hóa thành văn ở địa phương do cha ông ta sáng tạo, truyền được tình cảm và ý thức dân tộc cho học sinh Phổ thông.	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		3. ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình học, luyện chữ và tiếp nhận kinh điển của tư tưởng văn hóa phương Đông; có thái độ nghiêm túc và chịu trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm, - Có tinh thần khoa học, đưa ra ý kiến chuyên môn và và bảo vệ quan điểm có nhân.			
33	Tiếp xúc ngôn ngữ	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức chung về lí thuyết tiếp xúc ngôn ngữ, các bình diện tiếp xúc ngôn ngữ vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông. - Vận dụng hiệu quả tri thức các bình diện tiếp xúc ngôn ngữ vào nghiên cứu và giao tiếp ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp thông qua kiến thức về tiếp xúc ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Xác lập được tinh thần phấn đấu trong học tập và giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ trong quá trình giao lưu tiếp xúc. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
34	Ngữ nghĩa lời hội thoại	***1. Kiến thức*** - Vận dụng được các kiến thức về ngữ nghĩa lời hội thoại trong tiếng Việt (những vấn đề chung về hội thoại, ngữ nghĩa của câu hỏi và câu trả lời, lý thuyết lập luận, nghĩa hàm ẩn trong hội thoại) vào việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; - Vận dụng hiệu quả các bình diện kiến thức về lời hội thoại tiếng Việt vào nghiên cứu vấn đề ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm văn học và hội thoại trong hoạt động thực tiễn. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức***	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sử dụng hiệu quả kiến thức chung về hội thoại, ngữ nghĩa của câu hỏi và câu trả lời, lập luận và nghĩa hàm ẩn trong hội thoại vào giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện trong quá trình học tập; *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
35	Phong cách học Tiếng Việt	***1. Kiến thức*** - Vận dụng được các kiến thức về Phong cách học: các phương tiện, biện pháp tu từ tiếng Việt; các phong cách chức năng ngôn ngữ vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thong - Vận dụng được các kiến thức về Phong cách học: các phương tiện, biện pháp tu từ tiếng Việt; các phong cách chức năng ngôn ngữ vào nghiên cứu chuyên ngành và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** Tổ chức được các hoạt động dạy học trải nghiệm trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Kết nối được các kiến thức phong cách học tiếng Việt vào các công việc liên quan đến biên tập, xuất bản, văn phòng… ở các tòa soạn báo, đài phát thanh truyền hình, các cơ quan nhà nước, đoàn thể, xã hội *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về nội dung môn học và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%
36	Tiếng Việt thực hành	***1. Kiến thức*** Vận dụng kiến thức cốt lõi về từ, câu,đoạn văn, văn bản và chính tả Tiếng Việt vào dạy học môn Ngữ văn, giáo dục học sinh ở trường phổ thông và các công việc xã hội liên quan. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức***	2	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sử dụng hiệu quả kĩ năng sử dụng tiếng Việt trên các cấp độ sử dụng từ ngữ, câu, đoạn văn và một số loại văn bản để thực hiện giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện trong quá trình học tập. - Thấy được tầm quan trọng của việc nói đúng, viết đúng; phát huy tinh thần phấn đấu trong học tập. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** Tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân để góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.			
37	Văn bản Hán văn Trung Quốc	***1. Kiến thức*** - Những kiến thức khái quát về các thể loại văn học cổ của Trung Hoa, một số tác phẩm kinh điển, các học giả, tác giả có ảnh hưởng lớn đến văn hóa cũng như văn học Trung Quốc nói riêng và văn hóa Á Đông nói chung từ thời cổ đại cho đến đời Đường. - Vận dụng các kiến thức về hư từ, thực từ, cấu trúc ngữ pháp, nghệ thuật tu từ, điển tích, điển cố để giải mã và lĩnh hội các văn bản trên nguyên tác chữ Hán của tác phẩm ở từng thể loại. So sánh giữa bản dịch và bản phiên âm, để người học hiểu đúng nội dung nguyên tác. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Viết chữ Hán, phiên âm Hán Việt, dịch nghĩa, chú thích, bình giảng được các văn bản Hán văn Trung Hoa được học; thảo luận và giải quyết các vấn đề từ chữ nghĩa đến văn bản khi tiếp cận một tác phẩm Hán văn.; kết nối được kiến thức chữ Hán vào các công việc liên quan ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể, xã hội… - Thuyết trình, giảng dạy các tác phẩm Hán văn Trung Quốc trong nhà trường Phổ thông; phân tích, so sánh, đánh giá các bản dịch hiện hành so với nguyên tác một cách chính xác, khách quan, khoa học; khai thác được dữ kiện lịch sử, văn hoá, phong tục... lưu lại trong tất cả các thể loại văn bản Hán văn Trung Quốc. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm***	2	HK6	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (Tự luận): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có thái độ nghiêm túc và chịu trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm. - Có tinh thần khoa học, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm có nhân.			
38	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	***1. Kiến thức*** - Vận dụng hiệu quả các tri thức về phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông như mục tiêu, nguyên tắc, quy trình dạy học và các phương pháp dạy học đặc thù trong hoạt động dạy học môn Ngữ văn. - Vận dụng và phân tích được những ưu điểm và hạn chế của phương pháp dạy học các kiểu học bài Tiếng Việt trong giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết với nghề, tận tuỵ với công việc. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	2	HK6	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%
39	Mỹ học tiếp nhận	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức về Tiểu thuyết Minh Thanh vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn	2	HK5	Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
40	Tiểu thuyết Minh – Thanh	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức về Tiểu thuyết Minh Thanh vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức về Tiểu thuyết Minh Thanh vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tiểu thuyết Minh Thanh; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm: kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
41	Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	***1. Kiến thức:*** Xác định được vị trí, vai trò của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945, thành tựu và những kiến thức khái quát về văn học hiện đại; Nhận biết được hiện đại hóa văn học, những đặc trưng cơ bản của hiện đại hóa văn học, những trào lưu, hiện tượng văn học tiêu biểu qua những tác giả và tác phẩm tiêu biểu; Trình bày những hiện tượng văn học, biểu hiện của hiện đại hóa văn học thông qua giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác giả, tác phẩm cụ thể; Đánh giá được sự đóng góp của hiện đại hóa văn học giai đoạn 1900 - 1945 vào nền văn học dân tộc nói chung. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học môn quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam ở trường phổ thông; Kỹ năng tích hợp kiến thức văn học hiện đại để tổ chức hoạt động trải	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệm trong dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức hiện đại hóa văn học Việt Nam, kiến thức văn học hiện đại vào hoạt động thực tiễn. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.			
42	Các tác gia tiêu biểu của Văn học Việt Nam trung đại và hiện đại Dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông	***1. Kiến thức:*** Vận dụng được những kiến thức văn học sử (về các tác gia tiêu biểu) vào tổ chức các hoạt động dạy học văn học Việt Nam cho học sinh phổ thông và vào nghiên cứu hay học nâng cao. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức của học phần vào hoạt động dạy học ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
43	Ứng dụng CNTT trong dạy học Ngữ văn		2		
44	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	***1. Kiến thức:*** Phân tích được các kĩ thuật dạy học văn học nước ngoài theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng được kế hoạch dạy học văn học nước ngoài theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; Thực hiện được kế hoạch dạy học văn học nước ngoài theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học học sinh; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm: kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	***1. Kiến thức:*** Xác định được vị trí, vai trò của văn học Việt Nam trung đại, thành tựu và những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam trung đại. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam trung đại; phân tích được các đặc điểm của văn học Việt Nam trung đại trong sự đối sánh với văn học dân gian và văn học hiện đại; Trình bày và phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm tiêu biểu, từng thể loại khác nhau của các tác giả văn học trung đại Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII; Đánh giá được thành tựu và đóng góp của văn học Việt Nam giai đoạn X - XVII đối với tiến trình văn học Việt Nam nói chung và văn học Việt Nam trung đại nói riêng. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng nghiên cứu và tổ chức dạy - học văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông;Kỹ năng tích hợp kiến thức văn học Việt Nam trung đại để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức văn học Việt Nam trung đại vào hoạt động thực tiễn.. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
46	Thi pháp văn học dân gian	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các kiến thức nền tảng của học phần vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học thuộc mảng Văn học dân gian cho học sinh phổ thông; Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Văn học dân gian Việt Nam vào hoạt động nghiên cứu chuyên ngành***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học dạy - học môn Ngữ văn ở trường phổ thông (mảng Văn học dân gian) theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Tích hợp được kiến thức của học phần vào tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kết nối được các	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức chuyên ngành đào tạo vào vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các sự kiện văn hóa văn nghệ,… Phát triển chuyên môn trên cơ sở chủ động nghiên cứu, cập nhật những kiến thức có liên quan đến học phần; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;			
47	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây	***1. Kiến thức:*** Xác định được các thành tựu của văn học phương Tây qua các kiến thức thuộc lịch sử văn học Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha.v.v..tạo nền tảng để nghiên cứu sâu hơn về chuyên ngành văn học phương Tây ở các bậc học tiếp theo sau đại học; Nhận biết được các giai đoạn hình thành và phát triển của chủ nghĩa nhân văn, làm rõ các vấn đề khái quát về văn học sử phương Tây như thời kì văn học, khuynh hướng văn hoc, có kiến thức về đặc trưng lịch sử xã hội, văn hóa phương Tây cho học viên, giúp học viên sinh viên có khả năng giảng dạy tôt các tác phẩm thuộc văn học phương Tây ở các trường THCS và các trường THPT. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kỹ năng tiếp nhận các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây qua nguyên tác, đồng thời, hình thành kỹ năng đánh giá các bản dịch khác nhau của cùng một công trình nghiên cứu văn học phương Tây. Kỹ năng nghiên cứu, phân tích các tác giả, tác phẩm cũng như vấn đề văn học sử thuộc chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây, hướng đến việc phát triển khả năng ngoại ngữ tiếp nhận tác phẩm văn học phương Tây qua nguyên tác; Làm việc độc lập đối với bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hình thành kỹ năng tư duy độc lập trong quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học; Làm việc độc lập đối với bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hình thành kỹ năng tư duy độc lập trong quá trình tiếp nhận	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tác phẩm văn học; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc tư liệu tham khảo chuyên ngành và vận dụng vào việc phân tích tác phẩm một cách hiệu quả nhất; Làm việc theo nhóm đối với các bài tập thảo luận nhóm, hình thành kỹ năng hợp tác trong việc tìm kiếm tư liệu, xây dựng luận điểm, thuyết trình tại lớp về một vấn đề thuộc chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây; Hình thành thái độ tôn trong, học hỏi thành tựu văn hóa, văn học phương Tây, từ đó tăng thêm hứng thú học tập đối với bộ môn văn học nước ngoài, vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng thủ đắ được để giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài trong trường THPT. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Hình thành thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, tư duy tổ chức, khả năng điều phối sao cho mỗi thành viên của nhóm đều tham gia hoạt động, đóng góp cho sản phẩm của nhóm; Thông qua các cuộc thảo luận, tranh luận khoa học, giúp sinh viên có tinh thần khoa học, khả năng bảo vệ quan điểm khoa học, đồng thời hình thành thái độ tôn trong chân lý khách quan.			
48	Tiếp cận tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông theo đặc trưng thể loại	***1. Kiến thức:*** Vận dụng kiến thức về đặc trưng các thể loại văn học vào việc tổ chức các hoạt động dạy học văn học Việt Nam hiện đại cho học sinh phổ thông. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học vào hoạt động dạy học văn học văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Tác phẩm và loại thể văn học; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm như kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	HK5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Văn học Hi Lạp	***1. Kiến thức:*** Vận dụng các kiến thức Văn học Hi Lạp vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học văn học nước ngoài cho học sinh phổ thông, vào nghiên cứu và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Kết nối được các kiến thức Văn học Hi Lạp vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông và các hoạt động nghề nghiệp khác; Phát triển chuyên môn trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật những kiến thức Văn học Hi Lạp vào hoạt động dạy học văn học nước ngoài; Sử dụng hiệu quả các kĩ năng mềm: kĩ năng tự học, giải quyết vấn đề trong học tập, nghiên cứu. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50
50	Rèn luyện NVSPTX 1	***1. Kiến thức*** - Vận dụng tốt các tri thức về nghiệp vụ sư phạm như kĩ thuật viết, trình bày bảng, kĩ thuật đọc diễn cảm, đọc phân vai để thực hành giảng dạy nói chung và trong dạy học môn Ngữ văn nói riêng. - Phân tích được các phương pháp, kĩ thuật dạy học, các phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo và giao tiếp sư phạm đúng chuẩn mực. Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết và tận tụy với nghề. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	1	HK2	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Rèn luyện NVSPTX 2	***1. Kiến thức*** - Vận dụng thành thạo các tri thức nghiệp vụ sư phạm như kĩ thuật viết, trình bày bảng, kĩ thuật đọc và quy trình, cách thức xử lí các tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp. - Vận dụng và phân tích thành thạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học, các phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết và tận tụy với nghề. *3.* ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	1	HK3	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành): 50%
52	Rèn luyện NVSPTX 3	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức nền của chuyên ngành, phương pháp dạy học,… vào việc thiết kế giáo án, đồ dùng dạy học, tập giảng. - Vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn để thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy và xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục Ngữ văn ở trường phổ thông ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Bước đầu xây dựng được kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Thực hiện được kế hoạch dạy học định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.	1	HK4	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sử dụng hiệu quả kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc khi tập giảng. - Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;			
53	Rèn luyện NVSPTX 4	***1. Kiến thức*** - Vận dụng kiến thức nền của chuyên ngành, phương pháp dạy học,… vào việc thiết kế giáo án, đồ dùng dạy học, tập giảng. - Vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn để thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy và xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục Ngữ văn ở trường phổ thông ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Thực hiện được kế hoạch dạy học định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Chủ động nghiên cứu, cập nhật các kiến thức, kĩ năng mới, đặc biệt là sự đổi mới không ngừng của của các phương pháp và kĩ thuật dạy học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	1	HK5	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành): 50%
54	Rèn luyện NVSPTX 5	***1. Kiến thức*** - Vận dụng tốt kiến thức nền của chuyên ngành, phương pháp dạy học,… vào việc thiết kế giáo án, đồ dùng dạy học, tập giảng.	1	HK6	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10%. - Điểm bài tập cá nhân: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn để thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy và xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục Ngữ văn ở trường phổ thông ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Thực hiện được kế hoạch dạy học định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Chủ động nghiên cứu, cập nhật các kiến thức, kĩ năng mới, đặc biệt là sự đổi mới không ngừng của của các phương pháp và kĩ thuật dạy học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;			- Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành soạn giáo án): 50%
55	Thực tập cơ sở	***1. Kiến thức*** - Hiểu biết về nhà trường phổ thông ở các mặt tình hình, tổ chức, hoạt động dạy học và giáo dục; hoạt động dạy học và giáo dục của giáo viên, việc tổ chức lớp học thông qua quan sát và tham gia một số hoạt động của trường thực tập cơ sở; - Biết thực hiện một số hoạt động giáo dục và hoạt động chuyên môn của người giáo viên ở trường Thực tập cơ sở; ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Kĩ năng chuyên môn: Xây dựng kế hoạch bài dạy trước khi dự giờ; kĩ năng viết biên bản dự giờ, nhận xét rút kinh nghiệm giờ dạy; Thiết kế giáo án, đồ dùng dạy học, ra đề thi, chấm thi; Tập giảng chuyên môn. Kĩ năng công tác chủ nhiệm lớp (xây dựng và thực hiện các kế hoạch kiếntập công tác chủ nhiệm lớp: Hỗ trợ tổ chức tiết sinh hoạt lớp, lao động, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, giáo dục học sinh cá biệt…); Kĩ năng tham gia các hoạt động xã hội (phối hợp với	6	HK6	1. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục: 20% 2. Điểm thực tập chuyên môn: 40% 3. Điểm thực tập giáo dục: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gia đình học sinh, tham gia công tác đoàn thể trong nhà trường, tham gia các hoạt động chínhtrị xã hội trong cộng đồng nếu có). - Kĩ năng giao tiếp ứng xử với học sinh, giáo viên cán bộ viên chức trong trường, phụ huynh học sinh và các lực lượng giáo dục khác có liên quan; Kĩ năng xử lí các vấn đề, kỹ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện, xử lí các tình huống sư phạm; Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo nhóm và có kỹ năng thích nghi nhằm đạt hiệu quả trong công việc; - Ý thức đúng đắn về vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ và quyền hạncủa người giáo viên, của nhà trường và các lực lượng xã hội có liên quan trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; Hình thành, phát triển tình cảm, ý thức trách nhiệm; bồi dưỡng tình cảmvà kinh nghiệm nghề nghiệp; Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong việc lập và thực hiện Kế hoạch Thực tập cơ sở. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.			
56	Rèn luyện NVSPTX 6	***1. Kiến thức*** - Vận dụng, kết nối được kiến thức chung về ngôn ngữ, lí luận văn học, văn học, Hán Nôm, tâm lí học, lí luận dạy học, phương pháp dạy học để phát triển kiến thức mới trong quá trình thực hành kĩ năng nghề nghiệp. - Vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn để thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy và xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục Ngữ văn ở trường phổ thông ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức***	1	HK7	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10%. - Điểm bài tập cá nhân: 10% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần (thực hành soạn giáo án, tập giảng): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. - Thực hiện được kế hoạch dạy học định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Chủ động nghiên cứu, cập nhật các kiến thức, kĩ năng mới, đặc biệt là sự đổi mới không ngừng của của các phương pháp và kĩ thuật dạy học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.			
57	Dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh	***1. Kiến thức*** - Vận dụng hiệu quả các tri thức về phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh như phương pháp dạy đọc, phương pháp dạy viết, phương pháp dạy nói và nghe. - Vận dụng và phân tích được hiệu quả của các công cụ và loại hình kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. ***2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức*** - Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện. - Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết, tận tụy với công việc. *3. **Mức tự chủ và trách nhiệm*** - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	3	HK8	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm báo cáo/ Bài tập nhóm: 10% - Điểm thực hành tập giảng: 10% - Điểm kiểm tra giữa kì: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Vận dụng lý thuyết phê bình văn học trong nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học	***1. Kiến thức:*** Vận dụng hiệu quả các tri thức về phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh như phương pháp dạy đọc, phương pháp dạy viết, phương pháp dạy nói và nghe; Vận dụng và phân tích được hiệu quả của các công cụ và loại hình kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. ***2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức:*** Xây dựng thành thạo kế hoạch dạy học, thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; Sử dụng hiệu quả kĩ năng giao tiếp bằng văn bản, kĩ năng thuyết trình, đối thoại, phản biện; Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết, tận tụy với công việc. ***3. Mức tự chủ và trách nhiệm:*** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	3	HK8	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

18. Sư phạm Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc đơn giản, quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 theo khung NLNN.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu và nhận thức về quan điểm của Đảng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
4	Công tác quốc phòng, an ninh	Nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
5	Quân sự chung	Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	2	HK3	Các thao tác kỹ thuật tháo lắp súng AK
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).	4	HK4	Kỹ thuật bắn súng AK.
7	Giáo dục thể chất 1	Nội dung môn học giúp người học biết được vai trò và tác dụng của TDTT; Giúp người học phát triển các tố chất thể lực một cách toàn diện, góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK1	Thực hành; Người học lựa chọn 1 trong 2 nội dung về chạy ngắn hoặc chạy cự ly trung bình để kiểm tra.
8	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	Tập luyện các đòn thế cơ bản của Bơi lội, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu bơi lội ; Góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK2	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
9	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng đá	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
10	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng chuyền	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
12	Giáo dục thể chất 2 – Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
13	Giáo dục thể chất 2 – Võ thuật Karatedo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, để tự vệ, rèn luyện sức khỏe, phục vụ học tập, rèn luyện con người.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
14	Giáo dục thể chất 2 – Cờ vua	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện và phát triển các thế cờ tấn công và phòng thủ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
15	Giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng bàn, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
16	Giáo dục thể chất 2 – Bóng ném	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng ném, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
17	Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng rổ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thang điểm quy định.
18	Giáo dục thể chất 2 – Tennis (Quần vợt)	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện Tennis, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
19	Giáo dục thể chất 2 – Đá cầu	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện đá cầu, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
20	Triết học Mác - Lênin	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 215/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương tập trung vào những kiến thức cơ bản vềtriết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội; khái quát về nội dung của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
21	Nhập môn ngành Sư phạm Lịch sử	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm KHXH, ngành Lịch sử; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
22	Pháp luật Việt Nam đại cương	Cung cấp kiến thức về lý luận chung nhà nước và pháp luật; tổng quan về bộ máy Nhà nước CHXHCNVN và hệ thống pháp luật Việt Nam; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu của nước ta hiện nay.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
23	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về: Đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối mới. Cụ thể: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.			
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học bao gồm 7 chương, trong đó có những nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
26	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm chương mở đầu và ba chương, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Qua đó khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt nam của Đảng.	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
27	Tiếng Việt thực hành		2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
28	Địa lí đại cương	Sinh viên được tìm hiểu, nghiên cứu các kiến thức khoa học đại cương về địa lí nhằm phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học có liên quan.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
29	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm		2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
31	Tâm lý học đại cương	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
32	Tâm lý học trung học	Cung cấp cho SV kiến thức về sự phát triển tâm lý cá nhân, đặc điểm tâm lý học sinh trung học, những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục học sinh trung học, một số vấn đề tâm lý học người thầy giáo.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
33	Giáo dục học đại cương	Trang bị những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp sinh viên xem xét, vận dụng vào công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
34	Giáo dục học trung học	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của học sinh trung học theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
35	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non	2	HK6	Trắc nghiệm khách quan
36	Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về Sử học và Phương pháp luận Sử học	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
37	Sử liệu và Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về Sử liệu học, về Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	3	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Lịch sử văn minh thế giới	Sinh viên nghiên cứu về Lịch sử văn minh thế giới, hiểu, và vận dụng để phục vụ cho việc học tập các môn khoa học lịch sử khác, cũng như phục vụ cho việc giảng dạy ở trường phổ thông.	3	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
39	Khảo cổ học	Sinh viên được trang bị những kiến thức khoa học căn bản nhất về Khảo cổ học để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học lịch sử, phục vụ hoạt động giảng dạy ở trường phổ thông.	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
40	Nhân học đại cương	Sinh viên được trang bị những kiến thức khoa học căn bản nhất về Nhân học để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học lịch sử, phục vụ hoạt động giảng dạy ở trường phổ thông.	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
41	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới cổ trung đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	4	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
42	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam cổ trung đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	4	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
43	Lịch sử thế giới cận đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới cận đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	3	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
44	Lịch sử Việt Nam cận đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam cận đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	3	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
45	Lịch sử thế giới hiện đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	3	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
46	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam hiện đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	4	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Lý luận dạy học môn lịch sử THPT	Sinh viên có được những hiểu biết khoa học về lý luận dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông	3	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
48	Một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á	Sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức lịch sử, văn hóa về khu vực Đông Nam Á từ xưa đến nay, để phục vụ tốt cho việc học tập và giảng dạy lịch sử.	3	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
49	Thiết kế bài học và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường THPT	Sinh viên được nghiên cứu về việc thiết kế bài học và việc đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử để phục tốt cho việc giảng dạy tại trường phổ thông.	3	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
50	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Sinh viên được tìm hiểu, nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện tại, để phục vụ tốt việc học tập các môn khoa học lịch sử, phục vụ cho công tác giáo dục tại các trường phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
51	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam để làm sâu sắc hơn các kiến thức trong thông sử, phục vụ tốt việc giảng dạy ở trường phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
52	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	Sinh viên được nghiên cứu về quan hệ quốc tế từ năm 1918 đến nay, để hiểu tốt hơn về quan hệ quốc tế, hiểu tốt hơn về các kiến thức thông sử, phục vụ tốt việc giảng dạy ở phổ thông.	3	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
53	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam	Sinh viên được nghiên cứu về quan hệ đối ngoại của nước Việt Nam trong thời kì cận và hiện đại, để hiểu sâu sắc hơn về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới thời kì này, phục vụ tốt cho việc học tập và giảng dạy.	3	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Sinh viên được nghiên cứu về việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh phổ thông, để thực hiện tốt mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông 2018	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
55	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	Sinh viên được tìm hiểu, nghiên cứu về các giá trị di sản văn hóa Việt Nam, có ý thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của chúng, phục vụ việc học tốt các môn học và phục vụ tốt việc giảng dạy, giáo dục ở phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
56	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	Sinh viên nghiên cứu về các hình thức tín ngưỡng, các tôn giáo hiện đang tồn tại, phát triển tại Việt Nam, góp phần giúp sinh viên hiểu biết hơn về lịch sử, văn hóa dân tộc, phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy về sau.	2	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
57	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Sinh viên được nghiên cứu về vấn đề dân tộc và các cộng đồng tộc người ở Việt Nam, giúp sinh viên hiểu biết tốt hơn về lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam, giúp sinh viên làm tốt công tác giảng dạy giáo dục ở phổ thông.	2	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
58	Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay	Sinh viên được nghiên cứu tìm hiểu về CNXH (hiện thực) trên thế giới từ năm 1917 đến nay, giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn về lịch sử Liên Xô, lịch sử quan hệ quốc tế, về lịch sử thế giới, tin tưởng vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay, học tập tốt và giảng dạy tốt.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
59	Một số vấn đề về chế độ phong kiến Việt Nam	Giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về chế độ phong kiến của Việt Nam, hiểu tốt hơn về lịch sử Việt Nam, phục vụ tốt cho việc học tập và giảng dạy.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
60	Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc	Sinh viên hiểu sâu sắc hơn về lịch sử mối quan hệ quan trọng Việt Nam - Trung Quốc, hiểu biết sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy lịch sử.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Hồ Chí Minh với Cách mạng Việt Nam	Sinh viên được tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về vai trò, đóng góp của nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh đối với lịch sử cận hiện đại Việt Nam, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, của Đảng, giúp sinh viên học tập và giảng dạy tốt.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
62	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh là một việc làm quan trọng, vì vậy sinh viên cần hiểu biết về vấn đề này, để phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.	2	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
63	Thực tế chuyên môn 1	Giúp sinh viên có sự gắn kết giữa lý thuyết đã học với thực tiễn ở các địa phương trên cả nước, khiến sinh viên yêu hơn đối với nghề Lịch sử, yêu hơn về đất nước mình, được mở rộng thêm hiểu biết về vùng đất mới, văn hóa và lịch sử.	1	HK5	Bài thu hoạch
64	Thực tế chuyên môn 2	Giúp sinh viên có sự gắn kết giữa lý thuyết đã học với thực tiễn ở các địa phương trên cả nước, khiến sinh viên yêu hơn đối với nghề Lịch sử, yêu hơn về đất nước mình, được mở rộng thêm hiểu biết về vùng đất mới, văn hóa và lịch sử.	1	HK7	Bài thu hoạch
65	Rèn luyện NVSPTX 1	Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng cần thiết của nghề giáo viên	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
66	Rèn luyện NVSPTX 2	Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng cần thiết của nghề giáo viên	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
67	Rèn luyện NVSPTX 3	Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng cần thiết của nghề giáo viên	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
68	Kiến tập sư phạm	Giúp sinh viên làm quen với môi trường phổ thông, làm quen với công tác chủ nhiệm, giảng dạy và phong trào ở nhà trường phổ thông.	2	HK5	Điểm kiến tập
69	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên thực tập dạy học và làm công tác chủ nhiệm, tham gia các phong trào ở trường phổ thông	8	HK8	Điểm thực tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
70	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên thể hiện tổng hợp các hiểu biết lịch sử, các kĩ năng nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và bảo vệ	6	HK8	Điểm bảo vệ khóa luận tốt nghiệp
71	Toàn cầu hóa, khu vực hóa và sự hội nhập của Việt Nam	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đại học	2	HK8	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
72	Lịch sử xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đại học	2	HK8	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
73	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đại học	2	HK8	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

19. Sư phạm Địa lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc đơn giản, quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	HK2	Điểm chuyên cần, Điểm bài tập, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 theo khung NLNN.	2	HK3	Điểm chuyên cần, Điểm bài tập, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu và nhận thức về quan điểm của Đảng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	3	HK3	Hình thức thi tự luận.
4	Công tác quốc phòng, an ninh	Nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.	2	HK2	Hình thức thi tự luận.
5	Quân sự chung	Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	3	HK4	Các thao tác kỹ thuật tháo lắp súng AK
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).	3	HK4	Kỹ thuật bắn súng AK.
7	Giáo dục thể chất 1	Nội dung môn học giúp người học biết được vai trò và tác dụng của TDTT; Giúp người học phát triển các tố chất thể lực một cách toàn diện, góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK2	Thực hành; Người học lựa chọn 1 trong 2 nội dung về chạy ngắn hoặc chạy cự ly trung bình để kiểm tra.
8	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	Tập luyện các đòn thế cơ bản của Bơi lội, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu bơi lội ; Góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
9	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng đá	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
11	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
12	Giáo dục thể chất 2 – Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
13	Giáo dục thể chất 2 – Võ thuật Karatedo				
14	Giáo dục thể chất 2 – Cờ vua	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện và phát triển các thế cờ tấn công và phòng thủ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
15	Giáo dục thể chất 2 – Bóng bàn	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng bàn, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
16	Giáo dục thể chất 2 – Bóng ném	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng ném, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Giáo dục thể chất 2 – Bóng rổ	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng rổ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
18	Giáo dục thể chất 2 – Tennis (Quần vợt)	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện Tennis, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
19	Giáo dục thể chất 2 – Đá cầu	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện đá cầu, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK4	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
20	Triết học Mác - Lênin	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 215/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương tập trung vào những kiến thức cơ bản vềtriết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội; khái quát về nội dung của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	HK1	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
21	Nhập môn ngành Sư phạm Địa lý	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị, ngành Địa lý; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK1	Điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành máy tính, thi cuối kỳ (bài thu hoạch)
22	Pháp luật Việt Nam đại cương	Cung cấp kiến thức về lý luận chung nhà nước và pháp luật; tổng quan về bộ máy Nhà nước CHXHCNVN và hệ thống pháp luật Việt Nam; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu của nước ta hiện nay.	2	HK1	Đánh giá quá trình học tập và kết thúc học phần. Trong đó, sử dụng các hình thức: Đánh giá chuyên cần, thảo luận, tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về: Đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối mới. Cụ thể: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	HK2	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học bao gồm 7 chương, trong đó có những nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
26	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm chương mở đầu và ba chương, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Qua đó khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt nam của Đảng.	2	HK4	Đánh giá chuyên cần , Kiểm tra giữa kỳ hoặc Thảo luận nhóm, Thi kết thúc học phần
27	Lịch sử văn minh Thế giới		2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, Bài thu hoạch cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần bao gồm 03 mô-đun kiến thức: Lịch sử Việt Nam từ thời kì nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược; Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954; Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức có tính chất cơ bản nhất, hệ thống, khoa học về lịch sử dân tộc; hình thành, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng đặc trưng của bộ môn khoa học Lịch sử; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng huy động, sử dụng tri thức Địa lí trong việc góp phần giải quyết các nhiệm vụ của khoa học Lịch sử; góp phần tạo nền tảng tri thức phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện các công tác có liên quan đến chuyên ngành Địa lí; góp phần hình thành, phát triển nhân cách và năng lực của người học.	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, Bài thu hoạch cuối kỳ
29	Tâm lý học đại cương	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK1	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
30	Tâm lý học trung học	Cung cấp cho SV kiến thức về sự phát triển tâm lý cá nhân, đặc điểm tâm lý học sinh trung học, những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục học sinh trung học, một số vấn đề tâm lý học người thầy giáo.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
31	Giáo dục học đại cương	Trang bị những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp sinh viên xem xét, vận dụng vào công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
32	Giáo dục học trung học	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của học sinh trung học theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
33	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về	2	HK6	Trắc nghiệm khách quan

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non			
34	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Trang bị cho sinh viên 4 mạch nội dung kiến thức chính: - Địa chất: tổng quan về địa chất học, cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái đất, tinh khoáng, đá cũng như địa chất cấu trúc. Các quá trình địa chất của Macma, động đất, chuyển động kiến tạo, nước, biển và đại dương, hồ và đầm lầy, băng hà, sinh vật. Các thuyết địa kiến tạo và quan điểm phân chia các đơn vị kiến trúc chính của vỏ Trái Đất. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu địa chất lịch sử, địa niên biểu và đại cương về cổ sinh vật. Các giai đoạn phát triển địa chất của vỏ Trái đất. Phân loại, danh hiệu bản đồ địa chất, cấu trúc của bản đồ địa chất, dấu hiệu qui ước bản đồ địa chất. - Thạch quyển: Các vấn đề liên quan đến địa hình bề mặt Trái Đất. Trong đó, tập trung vào nghiên cứu các dạng địa hình trên lục địa cũng như địa hình bờ biển và đáy đại dương. - Khoa học Trái Đất: Những vấn đề cơ bản về Vũ trụ, hệ Mặt Trời và các vận động chính của Trái Đất cũng như những hệ quả địa lý của nó. - Khí quyển: Kiến thức cơ bản về không khí, cấu trúc của khí quyển. Tìm hiểu về cơ chế hình thành, cân bằng và diễn biến của chế độ nhiệt, mưa theo không gian, thời gian. Cung cấp kiến thức về khí áp và gió, diễn biến của khí áp, các loại gió (hoàn lưu) hành tinh và địa phương; nghiên cứu về thời tiết và khí hậu, đặc biệt đi sâu mảng kiến thức về sự phân loại và đặc điểm của các đới, kiểu khí hậu trên thế giới.	3	HK1	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
35	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Trang bị cho sinh viên 4 mạch nội dung kiến thức chính: - Thủy quyển: Các vấn đề chung về thủy quyển và những đặc điểm, vai trò cũng như sự phân bố của nước trên lục địa và nước đại dương thế giới. - Thổ nhưỡng: Sự hình thành và tính chất cơ bản của lớp thổ nhưỡng và sự phân bố của các kiểu thổ nhưỡng chính trên Trái Đất. - Sinh quyển: Các đặc điểm của sinh quyển và sự thích nghi của sinh vật. Nhấn mạnh những đặc điểm của quần xã sinh vật, hệ sinh thái và sự phân bố sinh vật trong các hệ sinh thái tự nhiên trên Trái Đất. - Lớp vỏ cảnh quan: lớp vỏ cảnh quan trên thế giới.	3	HK2	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
36	Bản đồ	Bản đồ là một học phần giúp cho sinh viên hiểu hệ thống kiến thức cơ bản của Địa lí tự nhiên đại cương, cụ thể như cơ sở toán học cuả bản đồ, hệ thống ký hiệu bản đồ. Quá trình tổng quát hóa bản đồ… Sinh viên học xong học phần có thể vận dụng	3	HK1	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào việc biên tập và thành lập bản đồ giáo khoa, sử dụng bản đồ giáo khoa trong dạy học Địa lí. Thông qua học phần, những kỹ năng chuyên môn của địa lí về bản đồ được phát triển cho sinh viên như so sánh, phân tích các lưới chiếu phù hợp khi sử dụng bản đồ, đọc và khai thác bản đồ,…Bên cạnh đó, Thái độ của sinh viên được hình thành như tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn.			kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
37	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	Môn học Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1 trang bị các khái niệm về các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội bao gồm các ngồn lực tự nhiên và các nguồn lực nhân văn, trong đó quan trọng nhất là nguồn lực về con người. Môn học với 30 tiết lý thuyết, chỉ đủ thời gian trao đổi, tìm hiểu nội dung học tập khái niệm cơ bản. 60 tiết tự học chủ yếu dành cho chuẩn bị học tập trên lớp. Mục tiêu chủ yếu của môn học là giúp SV hiểu được các kiến thức cơ bản về tiềm lực và các vấn đề xã hội nhân văn.	2	HK2	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
38	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	Môn học Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2 trang bị các khái niệm về các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội, cơ cấu kinh tế và hệ thống không gian kinh tế, vai trò, đặc điểm và tổ chức lãnh thổ sản xuất các ngành kinh tế: nông – lâm – ngư; công nghiệp và dịch vụ. Môn học với 45 tiết trên lớp, chỉ đủ thời gian trao đổi, tìm hiểu nội dung học tập khái niệm cơ bản. 90 tiết tự học chủ yếu dành cho chuẩn bị học tập trên lớp. Mục tiêu chủ yếu của môn học là giúp SV nắm được các kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển kinh tế xã hội các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.	2	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
39	Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý	Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lý nhằm giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quan niệm, đặc điểm, phương pháp và quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực Địa lý cũng như viết bài báo, báo cáo khoa học địa lý đăng trên tạp chí chuyên ngành, bài viết tham dự hội thảo, hội nghị. Đây là cơ sở cho người học đam mê tìm tòi, nghiên cứu tư liệu, tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học cũng như công việc giảng dạy.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
40	Toán ứng dụng cho địa lý	Học phần trình bày một số kiến thức mở đầu về một số mô hình toán ứng dụng thường gặp trong Địa lý, cụ thể: - Chương 1, 2: Trình bày một số bài toán về quy tắc chọn; các khái niệm về biến cố ngẫu nhiên, các định nghĩa về xác suất, công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối xác suất, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông dụng. - Chương 3, 4: Trình bày các khái niệm về đám đông, mẫu ngẫu nhiên, các phương	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê. Ngoài ra, mỗi nội dung đều giới thiệu các bài toán thực tế. - Chương 5: Trình bày về một số bài toán thực tế về phân tích tương quan hồi quy tuyến tính. Mỗi chương thuộc nội dung thống kê đều có giới thiệu về cách sử dụng máy tính cầm tay để xử lí số liệu thống kê. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu sơ khởi về cách sử dụng công cụ Data Analysis thuộc phần mềm Excel để tính các số đặc trưng mẫu. Các kiến thức và kĩ năng thu được từ môn học giúp người học có cách nhìn khoa học về một số mô hình toán học liên quan đến ngành Địa lý, đặc biệt là các hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra trong đời sống hàng ngày. Từ đó có cách xử lí các tình huống ngẫu nhiên một cách phù hợp, giúp họ bước đầu biết cách thu thập, xử lí số liệu liên quan đến ngành học và công tác sau này.			
41	Địa lý biển, đảo Việt Nam	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về địa lý tự nhiên Biển Đông: vị trí địa lý của Biển Đông, các đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (địa chất, địa hình, chế độ thủy triều, độ mặn, khoáng sản, động thực vật,…) cũng như khái quát về một số đảo ven bờ và quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; về vai trò của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khẳng định và tuyên bố chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
42	Thích ứng BĐKH và phòng chống thiên tai tại Việt Nam	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về TNTN (khoáng sản, đất, rừng, đa dạng sinh học, khi hậu, nước, biển) cũng như sự cần thiết và cách thức sử dụng hợp lý TNTN và BVMT. Đây là những kiến thức cơ sở cho việc học tập các nội dung liên quan (giáo dục BVMT, dạy học tích hợp qua môn Địa lý). Đồng thời, việc hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của học phần sẽ giúp người học giải thích được các hiện tượng sử dụng TNTN & BVMT trong cuộc sống.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
43	Thiết kế, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học Địa lý ở trường phổ thông	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản và nâng cao trong việc thiết kế, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học Địa lý ở trường phổ thông.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch
44	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông để phục vụ trong quá trình học tập, giảng dạy trong tương lai.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Đánh giá trong dy học Địa lý ở trường Phổ thông	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đánh giá và kỹ năng sử dụng công cụ đánh giá trong dạy học Địa lý ở trường Phổ thông.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, bài thu hoạch
46	Địa lý tự nhiên các lục địa 1	Địa lí tự nhiên các lục địa 1 là học phần thuộc ngành Địa lí tự nhiên tổng hợp, nghiên cứu các đặc điểm về điều kiện tự nhiên của các lục địa Phi, Á - Âu và Nam Cực. - Học phần giới thiệu các đặc điểm khái quát về lịch sử phát triển địa chất, vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng – sinh vật và các đới cảnh quan) và tìm hiểu đặc điểm địa lí các khu vực của lục địa Phi, Á - Âu và Nam Cực. - Ngoài ra còn nghiên cứu vai trò của các điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của nó như thế nào đến tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội.	3	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
47	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, chức năng của GIS, khảo sát những ứng dụng GIS trong khoa học, sản xuất và đời sống, cách tổ chức vận hành dữ liệu trong GIS, tìm hiểu một số kỹ thuật phân tích không gian cơ bản, rèn luyện kỹ năng thực hành, số hóa, biên tập bản đồ với phần mềm chuyên đề.	3	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thực hành tại phòng máy)
48	Địa lý tự nhiên các lục địa 2	Địa lý tự nhiên các lục địa 2 là môn học địa lý tự nhiên tổng hợp, làm sáng tỏ các quy luật tự nhiên; những biểu hiện của chúng ở các châu lục. Đồng thời, nghiên cứu đầy đủ các điều kiện tự nhiên đến các vấn đề dân cư, xã hội của lục địa Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Australia và các đảo châu Đại Dương. Môn học gồm có 3 phần chính: phần lục địa Bắc Mỹ, phần lục địa Nam Mỹ, và phần lục địa Australia và các đảo ở Châu Đại dương. Trong mỗi phần lục địa sẽ có ba nội dung chính theo cấu trúc như sau: - Các nhân tố hình thành tự nhiên các lục địa. Bao gồm vị trí, hình dạng, giới hạn của lục địa và quá trình phát triển của lục địa theo từng thời đại địa chất. - Đặc điểm tự nhiên và dân cư, xã hội gồm toàn bộ những đặc điểm về tự nhiên của lục địa như: địa hình và khoáng sản, khí hậu, thủy văn và phân chia các đới cảnh quan tự nhiên và cũng như những vấn đề nổi bật của dân cư, xã hội là: dân cư, thành phần chủng tộc, tôn giáo và bản đồ chính trị. - Sự phân hóa đặc điểm về tự nhiên của các lục địa theo các khu vực địa lý tự nhiên. Qua học phần này giúp sinh viên học tốt các môn học khác và giảng dạy tốt những nội dung liên quan đến các nước, khu vực và trên thế giới sau khi ra trường.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	Môn học bao gồm những kiến thức về các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội thế giới nổi bật hiện nay; các đặc điểm dân cư, kinh tế, xã hội của các nước châu Âu, Châu Phi, Châu Đại Dương và Nam Cực nói chung và của một số khu vực, quốc gia đặc trưng ở châu lục này. Từ đó, người học hiểu rõ hơn về các nội dung kiến thức đã học ở các học phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương; đồng thời hiểu rõ hơn về tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
50	Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường Phổ thông	Lí luận và phương pháp dạy học địa lý ở trường Phổ thông nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống lí luận cơ bản về quá trình dạy học Địa lý ở trường phổ thông. Trên cơ sở lí luận được cung cấp, sinh viên có những hoạt động cơ bản nhằm định hướng cho bản thân trong quá trình công tác sau này	3	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 90 phút)
51	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	Môn học bao gồm những kiến thức về đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước Châu Á, Châu Mỹ. Từ đó người học hiểu rõ hơn về các nội dung kiến thức địa lý đã học ở phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương.	3	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
52	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành tự nhiên; đặc điểm và sự phân hóa các thành tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật) và đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Những nội dung này là sự cụ thể hóa của các kiến thức cơ sở mà sinh viên đã được học trong phần địa lý tự nhiên đại cương. Đồng thời, việc hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của học phần sẽ giúp người học giải thích được các hiện tượng tự nhiên xảy ra trong cuộc sống và vận dụng vào quá trình dạy học sau này.	3	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
53	Thực địa địa lý tự nhiên	Thực địa địa lý tự nhiên tổng hợp nhằm giúp sinh viên củng cô lại kiến thức lý thuyết đã học, vận dụng kiến thức lý thuyết đó vào thực tế, thu thập thông tin tư liệu phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy về sau. Bên cạnh đó còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết làm việc ngoài thực tế. Qua đó còn góp phần giáo dục ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết tập thể, ý thức trong việc bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai. Môn học bao gồm 03 phần chính: - Phần chuẩn bị trước khi đi thực địa: giới thiệu về mục đích, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất, biên chế tổ chức, kế hoạch thực địa. - Phần thực địa ngoài tự nhiên: tiến hành khảo sát, đo vẽ, thu mẫu vật, đánh giá về	2	HK6	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, đất khu vực thực địa. - Phần viết báo cáo tổng kết: xử lý các tư liệu thu được từ thực tế kết hợp tài liệu, tổng kết và viết báo cáo kết quả thực địa. Tuyến khảo sát thực địa: Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Duyên hải miền trung – Tây Nguyên			
54	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên Việt Nam và đặc điểm cơ bản của các miền, khu địa lý tự nhiên lãnh thổ nước ta. Đây là cơ sở cho việc học tập về địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (phần các vùng kinh tế).	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
55	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	Nội dung có ba phần: - Phần một giới thiệu vị trí địa lý, vị trí địa chính trị, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế; - Phần hai: đặc điểm, ảnh hưởng của địa lý tài nguyên, vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; - Phần ba: vấn đề dân cư và nguồn nhân lực; thực hành.	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
56	Phát triển năng lực trong dạy học địa lý ở trường phổ thông	Dạy học Địa lý theo hướng phát triển năng lực người học là Học phần tổng hợp các quan điểm dạy học trong môn Địa lý nhằm phát triển năng lực của người học trong quá trình dạy học: những vấn đề chung về dạy học Địa lý theo hướng phát triển năng lực người học, phát triển năng lực người học trong dạy học địa, cách thức dạy học Địa lý theo hướng phát triển năng lực người học. Sinh viên hiểu rõ quan điểm dạy để từ đó vận dụng vào quá trình dạy học Địa lý theo hướng phát triển dạy học để đảm bảo hiệu quả dạy học và đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
57	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2 trình bày tổng quan về tổ chức lãnh thổ kinh tế Việt Nam theo ngành và theo vùng; các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội mỗi vùng kinh tế.	3	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
58	Địa lý địa phương	Địa lý địa phương cung cấp cho sinh viên những lí luận cơ bản về nội dung, phương pháp nghiên cứu địa lý địa phương cụ thể và vận dụng nghiên cứu đó vào giảng dạy phần địa lý địa phương trong chương trình địa lý phổ thông. Mặc khác, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên biết cách biên soạn tài liệu địa lý địa phương, phương pháp giảng dạy và tiến hành một công trình nghiên cứu địa phương mình sinh sống.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
59	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lý	Khi sinh viên hoàn thành xong học phần này, sinh viên có những kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy học Địa lí, cụ thể như những khái niệm cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin, vai trò của công nghệ thông tin trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy Địa lí, kỹ thuật khai thác, sử dụng các phần mềm chuyên ngành; kỹ thuật khai thác internet để khai thác thông tin cho bài giảng Địa lí; phương pháp biên soạn bài giảng, giáo án điện tử phục vụ quá trình dạy học Địa lí.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thực hành tại phòng máy)
60	Tích hợp trong dạy học địa lý	Dạy học tích hợp trong môn Địa lý là Học phần đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay cho người học. Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng thiết kế các hoạt động tích hợp phù hợp với đối tượng và nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (Phân tích chương trình tích hợp, Thiết kế giáo án tích hợp)
61	Thực địa kinh tế xã hội	Môn học thực địa kinh tế xã hội trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế về địa lí kinh tế xã hội, các khái niệm cơ bản của tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển kinh tế xã hội ở các vùng lãnh thổ là cơ sở quan trọng cho sinh viên công tác sau khi tốt nghiệp. Môn học với 03-06 ngày đi ngoài thực địa bằng các phương tiện giao thông đường bộ, đường thuỷ,… giúp sinh viên về cơ bản nắm được các yếu tố cấu thành hoạt động kinh tế của vùng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ phát triển kinh tế xã hội của từng vùng. Môn học bao gồm 03 phần chính: - Phần chuẩn bị trước khi đi thực địa: giới thiệu về mục đích, ý nghĩa, nội dung, phương pháp, địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất, biên chế tổ chức, kế hoạch thực địa. - Phần thực địa ngoài tự nhiên: tiến hành khảo sát, thu thập, đánh giá về đặc điểm kinh tế xã hội, nguồn lực phát triển, cuộc sống, văn hóa xã hội khu vực thực địa. - Phần viết báo cáo tổng kết: xử lý các tư liệu thu được từ thực tế kết hợp tài liệu, tổng kết và viết báo cáo kết quả thực địa.	2	HK7	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
62	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học		2	HK5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
63	Ngoại ngữ chuyên ngành địa lý	Cung cấp cho học sinh vốn từ vựng, ngữ pháp, các thuật ngữ chuyên ngành được sử dụng trong lĩnh vực Địa lý. Giúp sinh viên từ biết đến hiểu và vận dụng các kỹ năng: Đọc, viết và cách phát âm, cách tạo từ theo thuật ngữ chuyên ngành Địa lý. Vận dụng những kiến thức tìm được bằng tiếng anh vào dạy học địa lí.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (Đọc hiểu tài liệu của nước ngoài, trả lời những câu hỏi về thông tin và số liệu thống kê có trong bài báo)
64	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông	Dạy học tích hợp trong môn Địa lý là Học phần đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay cho người học. Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng thiết kế các hoạt động tích hợp phù hợp với đối tượng và nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
65	Rèn luyện NVSPTX1	Gồm có các nội dung: Tìm hiểu về các quan điểm truyền thống và quan điểm tích cực hóa vai trò của người học, rèn luyện những kỹ năng chung và những kỹ năng chuyên ngành.	1	HK2	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
66	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX 1, phát triển các kỹ năng phục vụ cho quá trình soạn và giảng một bài học Địa lý.	1	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
67	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX2, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện kỹ năng dạy học Địa lý khác như ra đề, thực hiện chấm bài kiểm tra.	1	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
68	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX3,ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyệnđánh giá chất lượng dạy học cùng các hoạt động giáo dục khác	1	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX4, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện đi vào chủ nhiệm lớp.	1	HK6	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
70	Rèn luyện NVSPTX6	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX5, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện tất cả những kỹ năng, thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên.	1	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
71	Thực thập cơ sở	Học phần tổ chức học tập tại các CSKT, là điều kiện tốt để sinh viên có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp; so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với người thật, việc thật.	6	HK6	Giáo viên và trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn chung của Nhà trường
72	Thực tập tốt nghiệp	Học phần tổ chức học tập tại các CSTTTN, là điều kiện tốt để giáo sinh có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp; so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với người thật, việc thật.	6	HK8	Giáo viên và trường phổ thông đánh giá theo hướng dẫn chung của Nhà trường
73	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học thông qua xác định vấn đề và giải quyết vấn đề thông qua thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu.	6	HK8	Khóa luận TN
74	Những vấn đề địa lý tự nhiên	Những vấn đề về địa lý tự nhiên giúp sinh viên hệ thống hóa, mở rộng kiến thức địa lý tự nhiên (địa lý tự nhiên đại cương, địa lý tự nhiên các lục địa, địa lý tự nhiên Việt Nam), từ đó sinh viên nắm vững kiến thức cốt lõi để vận dụng vào giảng dạy địa lý theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Học phần còn giúp sinh viên nắm được cấu trúc chương trình sách giáo khoa và vận dụng kiến thức địa lý tự nhiên để giảng dạy tốt những nội dung liên quan.	3	HK8	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 90 phút)
75	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội	Môn học bao gồm những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề địa lý KT - XHViệt Nam nhằm giúp cho người học có được những hiểu biết sâu sắc hơn, góp phần bổ sung và hoàn thiện hệ thống các kiến thức về địa lí KT - XH Việt Nam trong chương trình học.	3	HK8	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
76	Khiêu vũ thể thao	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của các vũ điệu trong bộ môn khiêu vũ thể thao; vận dụng các kỹ thuật này trong quá trình tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển toàn diện các tố chất thể lực.	2	HK2	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
77	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản Tiếng Việt thực hành để Sinh viên học tốt các học phần còn lại cũng như giảng dạy sau này	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
78	Đại cương lịch sử Việt Nam	Học phần bao gồm 03 mô-đun kiến thức: Lịch sử Việt Nam từ thời kì nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược; Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954; Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức có tính chất cơ bản nhất, hệ thống, khoa học về lịch sử dân tộc; hình thành, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng đặc trưng của bộ môn khoa học Lịch sử; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng huy động, sử dụng tri thức Địa lí trong việc góp phần giải quyết các nhiệm vụ của khoa học Lịch sử; góp phần tạo nền tảng tri thức phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện các công tác có liên quan đến chuyên ngành Địa lí; góp phần hình thành, phát triển nhân cách và năng lực của người học.	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút)
79	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm trang bị cho sinh viên một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông; hình thức tổ chức HĐTN theo chương trình giáo dục phổ thông mới; các bước tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông; lập kế hoạch; công tác quản lý; cơ cấu tổ chức – quản lý hoạt động trải nghiệm; đề án xây dựng, tổ chức và quản lý HĐTN tại trường phổ thông;….bên cạnh sinh viên còn được tham gia vào các HĐTN trong thực tế. Qua đó người học có kiến thức, kỹ năng và vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch, triển khai, đánh giá, quản lý HĐTN. Sinh viên ra trường có thể giảng dạy môn Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn địa lý ở trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.	2	HK6	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
80	Địa danh học Việt Nam	Học phần Địa danh học Việt Nam bao gồm hai nội dung chính: - Phần một giới thiệu khái niệm chung về địa danh Việt Nam, trong đó ý nghĩa, nguyên tắc đặt tên, phân loại và phân vùng địa danh Việt Nam.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phần hai trình bày các địa danh địa lý cụ thể tiêu biểu ở Việt Nam như sông ngòi, đồi núi, hải đảo, hành chính... - Ngoài ra, còn có phần bài tập mục đích rèn luyện kiến thức lý thuyết và vận dụng vào nghiên cứu, học tập địa danh học Việt Nam.			kết thúc học phần (bài thu hoạch)
81	Địa sinh thái	Địa sinh thái là khoa học non trẻ, ra đời muộn hơn với các ngành khác. Địa sinh thái được xem là khoa học tổng hợp, vận dụng kiến thức liên ngành, đã và đang đóng góp vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xã hội bền vững. Môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về địa sinh thái, hệ thống hóa cấu trúc môi trường, ảnh hưởng của điều kiện môi trường lên sinh vật và con người; xác định các chỉ tiêu, chỉ thị, chu trình sinh hóa và khả năng thích nghi của sinh vật. Bên cạnh môn học còn cung cấp nguyên tắc cơ bản, phương pháp nghiên cứu thực địa và trong phòng thí nghiệm, công nghệ và kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường. Qua đó người học có khả năng độc lập giải quyết các nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước, trầm tích đáy cũng như trong quy hoạch lãnh thổ và phát triển kinh tế xã hội; nghiên cứu, lập dự án tổ chức thực hiện dự án trong lĩnh vực Địa sinh thái nhằm mục đích phục vụ cho nông nghiệp và đảm bảo phát triển bền vững. Do đó Địa sinh thái là môn học không chỉ phục vụ cho quá trình giảng dạy ở trường phổ thông, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông mà còn giúp người học nghiên cứu, giải quyết tốt các vấn đề môi trường thực tiễn đặt ra từ đó rèn luyện tinh thần yêu nước, yêu môi trường.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
82	Địa lý các nước Đông Nam Á	Học xong môn này sinh viên có các kiến thức sâu về điều kiện tự nhiên-tài nguyên thiên nhiên; dân cư – xã hội và chế độ chính trị; kinh tế các nước Đông Nam Á, tổ chức ASEAN; một số vấn đề kinh tế - xã hội tại các nước Đông Nam Á; kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức trong học tập các môn khác, giảng dạy hoặc công tác sau khi ra trường.	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
83	Địa lý văn hóa	Môn học này bao gồm những kiến thức cơ bản về địa lý văn hóa, giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản về địa lý nhân văn, các vấn đề dân số, dân tộc, tôn giáo, di cư, địa lý chính trị, địa lý công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và các vấn đề của đô thị. Môn học này cung cấp những kiến thức tổng hợp, cập nhật nhất về các vấn đề địa lý văn hóa theo quan điểm địa lý học phương Tây, từ đó giúp người học có những liên hệ thực tế	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
84	Địa lý du lịch	Địa lí du lịch là một ngành khoa học tương đối non trẻ trong phân ngành địa lí học; nghiên cứu sự phân bố các đối tượng và hoạt động du lịch theo không gian phát hiện quy luật hình thành, định hướng và giải pháp để hoạt động du lịch thực hiện hiệu quả. - Môn học giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lí du lịch. Phân tích tổng hợp các nhân tố phát triển du lịch, sự phân bố của chúng và hệ thống tổ chức lãnh thổ du lịch. - Giới thiệu tổng quan về tổ chức lãnh thổ DL Việt Nam	2	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
85	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 1	Môn học bao gồm những kiến thức về các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội thế giới nổi bật hiện nay; các đặc điểm dân cư, kinh tế, xã hội của các nước châu Âu, Châu Phi, Châu Đại Dương và Nam Cực nói chung và của một số khu vực, quốc gia đặc trưng ở châu lục này. Từ đó, người học hiểu rõ hơn về các nội dung kiến thức đã học ở các học phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương; đồng thời hiểu rõ hơn về tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay.	2	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
86	Địa lý kinh tế xã hội thế giới 2	Môn học bao gồm những kiến thức về đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nước Châu Á, Châu Mỹ. Từ đó người học hiểu rõ hơn về các nội dung kiến thức địa lý đã học ở phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)

20. Sư phạm Âm nhạc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm Nghệ thuật, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết	1	1	Bài thu hoạch
2	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	SV có những kiến thức cơ bản về phần mềm viết nhạc, biên tập âm thanh, xử lý video, thiết kế và sử dụng giáo án điện tử.	2	3	Thực hành
3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Trang bị cho Sv những kiến thức cơ bản về các nhân tố cơ bản của âm nhạc.Tạo cơ sở cho việc học tập, tiếp thu và cảm thụ tốt những môn học chuyên ngành khác	4	1	Thi tự luận
4	Ký – Xướng âm 1	Giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc từ 0 đến 2 dâu hóa, nắm một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện	2	1	Thực hành
5	Ký – Xướng âm 2	Giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc từ 0 đến 3 dâu hóa, nắm một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện	2	2	Thực hành
6	Ký – Xướng âm 3	Sinh viên thực hiện tốt những kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc, sử dụng thành thạo một số phương pháp luyện đọc và ghi	2	3	Thực hành
7	Ký – Xướng âm 4	Sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc, cung cấp một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện nhằm giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng, bổ sung kiến thức	2	4	Thực hành
8	Thanh nhạc 1	Giúp luyện nhả chữ theo ngôn ngữ phổ thông; luyện phát âm - luyện thanh các mẫu âm cơ bản (a, o, ô, ơ) trong quãng 1 đến quãng 3; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 1, số 2, số 3; xử lý được các khúc đơn giản	2	2	Thực hành
9	Thanh nhạc 2	luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 3 trưởng với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 4, số 5, số 6; học hát các ca khúc truyền thống cùng với nhạc đệm Piano	2	3	Thực hành
10	Thanh nhạc 3	Luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 5 trưởng với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu, ha; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ	2	4	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật Concone số 7, số 8, số 9; học hát các ca khúc truyền thống ở hình thức hai đoạn đơn tương phản, ba đoạn đơn tái hiện và phát triển			
11	Thanh nhạc 4	Luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 6, quảng 7, quãng 8 với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu, ha; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 10, số 11, số 12; học hát các ca khúc truyền thống ở hình thức 3 đoạn đơn tương phản, hình thức trường ca, hình thức 3 đoạn phức.	2	5	Thực hành
12	Organ 1	Bước đầu làm quen với cây đàn. Nắm được một số phương pháp để sinh viên tự rèn luyện phát triển năng khiếu. diễn tấu được một số tác phẩm Việt Nam và Quốc tế đơn giản, hợp âm cơ bản của bộ khoá từ không đến 1 dấu hoá	2	2	Thực hành
13	Organ 2	Nắm được những quy luật thay đổi số ngón tay cho từng trường hợp cụ thể. - Thực hành các tác phẩm độc tấu mang tính nghệ thuật cao hơn.	2	3	Thực hành
14	Đệm đàn Organ 2	Thực hiện nhiều cách đệm, mẫu đệm hát phong phú cho nhiều thể loại. Có khả năng phối hòa thanh và đệm hát cho các bài hát trong và ngoài nhà trường THCS ở các hình thức đệm hát cho đơn ca, tốp ca, đồng ca	2	6	Thực hành
15	Phân tích tác phẩm 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng của từng phương pháp diễn tả cơ bản khi phân tích tác phẩm âm nhạc. Biết được khái niệm, chức năng, các dạng cấu trúc phổ biến và ứng dụng của các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, ba đoạn phức	3	6 (Lớp ĐHSAN 20A) và 4 (Lớp ĐHSAN 21A)	Thực hành
16	Phân tích tác phẩm 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những khía cạnh quan trọng nhất khi phân tích tác phẩm âm nhạc. Biết được khái niệm, chức năng,	3	7	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các dạng cấu trúc phổ biến và ứng dụng của các hình thức Rondo, biến tấu, Sonate			
17	Hòa âm 1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hòa âm	3	3 (Lớp ĐHSAN 21 A) và 5(Lớp ĐHSAN 20A)	Thực hành
18	Hòa âm 2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hòa âm. Biết phân tích tác phẩm và phối bè cho ca khúc.	3	6	Thực hành
19	Chỉ huy dàn dựng hát tập thể	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chỉ huy để có thể tổ chức, tập luyện và biểu diễn hợp xướng với những tác phẩm loại nhỏ	2	5	Thực hành
20	Hát hợp xướng	Nắm được kiến thức về hợp xướng, các hình thức hát, các loại giọng, thành phần, đội hình của hợp xướng. Được thực hành hát những bài từ hai bè đến bốn bè	3	5	Thực hành
21	Phương pháp dạy học Âm nhạc	Nắm được những vấn đề mang tính lý luận về dạy học âm nhạc ở trường phổ thông. Hiểu biết về chương trình, nội dung, phương pháp dạy học âm nhạc ở trường THCS và Tiểu học. Trang bị những kiến thức kỹ năng về tổ chức và thực hành dạy học âm nhạc nội, ngoại khóa	4	4	Tiểu luận + thực hành
22	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	Hình thành đầy đủ kỹ năng thiết kế và dàn dựng các chương trình văn nghệ	3	7	Thực hành
23	Giới thiệu nhạc cụ phổ biến	Nắm những kiến thức cơ bản về cách sử dụng một số nhạc cụ nước ngoài và Việt Nam phổ biến được sử dụng trong chương trình âm nhạc ở trường phổ thông	2	7	Thực hành
24	Guitar đệm hát	Nắm những kiến thức nâng cao về kỹ thuật sử dụng đàn Guitar, các bài tập chạy ngón theo âm giai, các thế bấm hợp âm nâng cao để ứng dụng đệm hát	2	7	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Hát dân ca	Giới thiệu về các làn điệu dân ca trong đất nước Việt Nam. Thực hành hát các bài theo từng vùng miền. Sáng tạo làn điệu dân ca mới, sáng tạo lời mới dựa trên làn điệu dân ca đã có	2	7	Thực hành
26	Rèn luyện NVSPTX 1	Bước đầu hình thành những kỹ năng dạy học cơ bản và cần thiết. Rèn luyện kỹ năng phân tích bài hát và thực hành trên đàn	2	2	Thực hành
27	Rèn luyện NVSPTX 2	Rèn luyện kỹ năng phân tích bài hát và thực hành đệm hát các bài hát chính khóa và ngoại khóa. Ngoài ra, môn học còn rèn luyện và thực hành kỹ năng đứng lớp, sử đụng đồ dùng dạy học	2	3	Thực hành

21. Sư phạm Mỹ thuật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm Nghệ thuật,về ngành học, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, chính sách hỗ trợ học tập và những kỹ năng cần thiết khác.	1	1	Bài thu hoạch
2	Luật xa gần	Người học hiểu được các đặc điểm và vai trò của luật xa gần trong học tập và sáng tác mỹ thuật. Qua đó rèn luyện được các kỹ năng quan sát, nhận xét và ứng dụng vào thực hành bài tập.	2	1	Thực hành
3	Giải phẫu tạo hình	Người học hiểu biết về tỉ lệ, đặc điểm, cấu trúc, hình dáng… con người, qua đó biết vận dụng vào trong học tập chuyên ngành và thực hành sáng tác tranh, tượng…	2	1	Thực hành
4	Cơ sở tạo hình	Người học có kiến thức cơ bản về màu sắc, phương pháp sử dụng màu cũng như các quy luật phối màu, đậm nhạt... các hình, mảng, khối dạng lập thể, biến dạng..., để vẽ các bài tập về màu sắc, tập sáng tác một bức tranh với các thể loại (tĩnh vật, phong cảnh, chân dung...) hoặc một bài khối tạo hình trong không gian đa chiều với chủ đề tự do, đảm bảo đúng theo yêu cầu và quy định. Từ đó, ứng dụng kiến thức của học phần này vào học các học phần chuyên ngành tiếp theo.	3	1	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Lịch sử mỹ thuật thế giới	Học phần cung cấp cho người học lược trình lịch sử mỹ thuật thế giới từ cổ đại đến hiện đại, và các trường phái nghệ thuật. Người học cảm thụ được những cái hay, cái đẹp trong một số giai đoạn lịch sử mỹ thuật cũng như phân tích được những giá trị nghệ thuật thông qua các tác phẩm mỹ thuật thế giới.	2	2	Tự luận
6	Hình họa 1	Người học vận dụng được những kiến thức, kỹ năng để thực hiện được các bài vẽ hoàn thành học phần như trong học phần đề ra, từ đó làm nền tảng để học tiếp học phần hình họa 2.	2	2	Thực hành
7	Trang trí 1	Học phần trang trí người học sẽ có được những kiến thức cơ bản về trang trí, hiểu được các quy tắc của trang trí và vận dụng vào các bài học cụ thể. Từ đó có thể ứng dụng kiến thức của trang trí vào học tập, giảng dạy mỹ thuật và công tác chuyên môn sau này cũng như trong cuộc sống.	2	2	Thực hành
8	Chất liệu tổng hợp	Người học thực hiện được bài tập thực hành ở dạng sắp đặt giúp nâng cảo khả năng cảm thụ nghệ thuật, từ đó có được những kiến thức và kỹ năng thực hiện tác phẩm bằng các loại vật liệu tái chế.	2	2	Thực hành
9	Tin học chuyên ngành Corel Draw	Người học hoàn thành học phần Tin học chuyên ngành CorelDraw sẽ hình thành được ý tưởng và vận dụng các thủ thuật đã học, để thể hiện sản phẩm thiết kế bìa sách, áp phích có tính ứng dụng phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	2	Thực hành
10	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	Trang bị cho người học các kiến thức về phân kỳ lịch sử mỹ thuật, đặc điểm mỹ thuật của các giai đoạn; những dấu mốc quan trọng về thành tựu của nền mỹ thuật nước nhà từ mỹ thuật nguyên thuỷ cho đến giai đoạn mỹ thuật hiện đại Người học cảm thụ được những cái hay, cái đẹp trong một số giai đoạn lịch sử mỹ thuật cũng như phân tích được những giá trị nghệ thuật thông qua các tác phẩm mỹ thuật Việt Nam tiêu biểu.	2	3	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Lý luận dạy học bộ môn	Hiểu được những kiến thức tổng quan về lý luận dạy học bộ môn mỹ thuật. Có cái nhìn đúng đắn về tầm quan trọng của lý luận dạy học bộ môn mỹ thuật, cũng như vai trò và nhiệm vụ của môn mỹ thuật ở trường phổ thông.	2	3	Tự luận
12	Bố cục 1	Người học hoàn thành học phần Bố cục 1 sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật chất liệu, thể hiện được một bức tranh tĩnh vật đạt yêu cầu về nội dung và cách thể hiện.	3	3	Thực hành
13	Cơ sở kiến trúc	Người học hoàn thành học phần Cơ sở tạo hình kiến trúc sẽ vận dụng được những kiến thức, nguyên tắc, kỹ năng tạo hình, kỹ thuật để thể hiện mô phỏng được các công trình kiến trúc thông qua các bản vẽ hoặc mô hình tương đối so với nguyên mẫu nhằm phục vụ cho học tập và các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	3	Thực hành
14	Rèn luyện NVSPTX 1	Người học hoàn thành học phần Rèn luyện NVSPTX 1 sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ năng xử lí các tình huống sư phạm ở các cấp học phổ thông một cách hiệu quả trong quá trình giảng dạy phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	3	Thực hành
15	Hình họa 2	Học phần hình họa 2 trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các phương pháp và kỹ năng trong quá trình vẽ bài hình họa người (chân dung, bán thân và toàn thân) bằng chất liệu than, cũng như kỹ thuật xử lí, tạo được sự biểu cảm của chất liệu. Thông qua các bài tập thực hành vẽ chân dung, bán thân và toàn thân bằng than, người học rèn luyện được các kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét.	3	3	Thực hành
16	Nghệ thuật thiết kế	Người học hình thành ý tưởng sáng tạo và hiện thực hóa được sản phẩm bằng việc thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm có tính đồng bộ, hài hòa, dễ nhận diện, gây ấn tượng thị giác mạnh mẽ phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	3	Thực hành
17	Giáo dục học nghệ thuật	Giáo dục nghệ thuật giúp người học có được nhận thức mới về lợi ích của giáo dục nghệ thuật cũng như cách thức liên kết nghệ thuật với các	2	3	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học trong nhà trường hay các vấn đề xã hội. Vận dụng kiến thức về giáo dục nghệ thuật trong việc tổ chức hoạt động xây dựng các chương trình giáo dục nghệ thuật nhằm phát triển khán thính giả cho các loại hình nghệ thuật.			
18	Ký họa	Người học hoàn thành học phần kí họa sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ năng vẽ được những bài kí họa phong cảnh, góc cảnh, chân dung, dáng và nhóm người lấy đó làm nền tảng để học tốt các môn học khác của chuyên ngành.	3	4	Thực hành
19	Bố cục 2	Người học hoàn thành học phần Bố cục 2 sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật chất liệu, thể hiện được một bức tranh phong cảnh đạt yêu cầu.	3	4	Thực hành
20	Thiết kế đồ họa	Người học hoàn thành học phần Thiết kế đồ họa sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật về thiết kế đồ họa nói chung, thiết kế nhận diện thương hiệu cốt lõi nói riêng vào sản phẩm cụ thể phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	4	Thực hành
21	Trang trí 2	Học phần trang trí 2, người học sẽ có được những kiến thức về trang trí ứng dụng, có thể vận dụng để thiết kế mô hình cụ thể, thiết kế và trang trí tranh tường theo chủ đề tùy thuộc vào mục đích sử dụng. Từ đó có thể ứng dụng kiến thức của trang trí vào học tập, giảng dạy mỹ thuật và công tác chuyên môn sau này cũng như trong cuộc sống.	3	4	Thực hành
22	Rèn luyện NVSPTX 2	Người học nắm được những kiến thức cơ bản về cách thức truyền đạt thông qua ngôn ngữ hình ảnh, kỹ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng trình bày bảng, phân tích, đánh giá trong dạy học mỹ thuật. Qua đó vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm đạt được hiệu quả.	2	4	Thực hành
23	Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Người học hoàn thành học phần Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật về thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh cũng như các loại hình của nó vào sản phẩm cụ thể phục vụ cho học tập và các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	4	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Điêu khắc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về điêu khắc, giúp sinh viên sáng tác được một số sản phẩm có thể ứng dụng vào cuộc sống. Ngoài ra, có thể vận dụng vào quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	3	4	Thực hành
25	Nghệ thuật thiết kế	Người học hình thành ý tưởng sáng tạo và hiện thực hóa được sản phẩm bằng việc thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm có tính đồng bộ, hài hòa, dễ nhận diện, gây ấn tượng thị giác mạnh mẽ phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	5	Thực hành
26	PPDH mỹ thuật	Người học biết, hiểu cơ bản về quy trình nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học giáo dục mĩ thuật nói riêng. Qua đó hình thành các phương pháp và kỹ năng thu thập thông tin trong nghiên cứu, cách thức trình bày một sản phẩm khoa học về lĩnh vực mĩ thuật cụ thể phục vụ cho học tập và các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	3	5	Thực hành
27	Rèn luyện NVSPTX 2	Người học nắm được những kiến thức cơ bản về cách thức truyền đạt thông qua ngôn ngữ hình ảnh, kỹ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng trình bày bảng, phân tích, đánh giá trong dạy học mỹ thuật. Qua đó vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm đạt được hiệu quả.	2	5	Thực hành
28	Thiết kế đồ họa	Người học hoàn thành học phần Thiết kế đồ họa sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật về thiết kế đồ họa nói chung, thiết kế nhận diện thương hiệu cốt lõi nói riêng vào sản phẩm cụ thể phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	5	Thực hành
29	Điêu khắc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về điêu khắc, giúp sinh viên sáng tác được một số sản phẩm có thể ứng dụng vào cuộc sống. Ngoài ra, có thể vận dụng vào quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	3	5	Thực hành
30	Thực tế chuyên môn	Học phần cung cấp những phương pháp, hình thức và quy trình tổ chức trãi nghiệm thực tế; vai trò của hoạt động thực tế chuyên môn, thu tập nguồn tư liệu từ thực tế để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.	3	5	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Thiết kế công nghiệp	Người học hoàn thành học phần Thiết kế công nghiệp sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật thể hiện những sản phẩm tạo dáng công nghiệp mang tính đồng bộ, thẩm mĩ, ấn tượng và có tính ứng dụng với những vật liệu có sẵn vào sản phẩm cụ thể phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	5	Thực hành
32	Hình họa 3	Hình họa 3 trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về vẽ người bằng màu. Người học xử lý được các tương quan của màu, cấu trúc, tỉ lệ hình, bố cục, các mối quan hệ giữa hình và không gian trong một bài vẽ hình họa người màu.	3	6	Thực hành
33	Bố cục 3	Người học hoàn thành học phần Bố cục 3 sẽ vận dụng tổng hợp hệ thống kiến thức về ngôn ngữ tạo hình, hình thành phong cách trong sáng tạo... thể hiện được một bức tranh đề tài lao động có giá trị tư tưởng, thẩm mỹ.	3	6	Thực hành
34	Rèn luyện NVSPTX 3	Người học hoàn thành học phần Rèn luyện NVSPTX 3 sẽ vận dụng được những kiến thức kỹ thuật vào biên soạn, thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học mĩ thuật ở trường phổ thông phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn sau khi ra trường.	2	6	Thực hành
35	Điêu khắc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về điêu khắc, giúp sinh viên sáng tác được một số sản phẩm có thể ứng dụng vào cuộc sống. Ngoài ra, có thể vận dụng vào quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	3	6	Thực hành
36	Ký họa thực tế 2	Người học ký họa được các góc cảnh, phong cảnh, động vật, con người bằng chất liệu như: than, chì, bút sắt… mực nho, màu nước, màu bột, sơn dầu… Người học hình thành khả năng tự nghiên cứu, biết lựa chọn phương pháp thể hiện phù hợp với phong cách. Người học biết xây dựng được bố cục để làm phác thảo tranh đề tài, biết tìm chọn những đề tài hay, điển hình giàu cảm xúc và mang tính sáng tạo.	3	6	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Thực tập cơ sở	Tạo cơ hội để sinh viên thể hiện năng lực bản thân; có khả năng phân tích, đánh giá cho một công việc cụ thể; nâng cao sự tự tin, định hướng cho cá nhân, xây dựng kế hoạch hành động cho bản thân, thiết lập các mối quan hệ xã hội, có kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh. Trình bày được tổng quan về hoạt động của một CSTT; Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.	6	6	Thực hành
38	Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Người học hoàn thành học phần Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện sẽ vận dụng được những kiến thức, kỹ thuật thiết kế video clip và thiết kế mỹ thuật giao diện website vào sản phẩm cụ thể phục vụ cho học tập cũng như các hoạt động chuyên môn.	2	7	Thực hành
39	Rèn luyện NVSPTX 3	Người học hoàn thành học phần Rèn luyện NVSPTX 3 sẽ vận dụng được những kiến thức kỹ thuật vào biên soạn, thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học mĩ thuật ở trường phổ thông phục vụ cho học tập.	2	7	Thực hành
40	Bố cục 4	Người học hoàn thành học phần Bố cục 4 sáng tác được một bức tranh đề tài, chủ đề tự chọn, có giá trị thẩm mỹ và nhân văn. Thông qua học phần, người học vận dụng những kiến thức, kỹ năng vào quá trình tự học, tự nghiên cứu và sáng tác.	4	7	Thực hành
41	Hình họa 5	Vẽ được bài hình họa người toàn thân (mẫu đôi), bằng chất liệu sơn dầu được thể hiện qua cách tìm góc nhìn, sắp xếp bố cục, tỷ lệ cấu trúc, hình khối, tương quan đậm nhạt, hòa sắc trên kích thước bài vẽ. Diễn tả được mảng khối rõ ràng, sắc độ phong phú; nâng cao về kỹ năng cảm nhận và thể hiện; bài vẽ có tính chất biểu cảm của chất liệu và bút pháp, và nâng cao khả năng diễn tả chất và sáng tác.	2	7	Thực hành
42	Thực tập tốt nghiệp		6	8	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Bố cục 5	Người học hệ thống hóa các kiến thức xây dựng tác phẩm về: không gian, thời gian và sự chuyển động. Cảm nhận ngôn ngữ hình tượng một cách sâu sắc, nắm vững các thủ pháp thể hiện tranh. Xây dựng ngôn ngữ tạo hình có tính biểu cảm cao. Hoàn thành tranh bố cục đề tài xã hội (theo tư liệu thực tế của người học).	4	8	Thực hành

22. Sư phạm Tiếng Anh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	- Kiểm tra thường kỳ: 0.5 - Thi trắc nghiệm: 50%
2	Tiếng Trung căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ bậc 1 hoặc tương đương	2	HK2	- Kiểm tra thường kỳ: 50% - Thi trắc nghiệm: 0.5
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	- Chuyên cần: 0.1 - Tự học: 0.1 - KT giữa kỳ: 0.3 - KT cuối kỳ: 0.5
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ bậc 1 hoặc tương đương	2	HK2	- Chuyên cần: 0.1 - Tự học: 0.1 - KT giữa kỳ: 0.3 - KT cuối kỳ: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Nhập môn ngành Sư phạm Tiếng Anh	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, ngành Sư phạm tiếng Anh mà sinh viên đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK1	- Kiểm tra giữa kỳ: 0.2 - Thực hành máy tính: 0.3 - Thi cuối kỳ: 0.5
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức *căn bản* về hoạt động nghiên cứu khoa học, bắt đầu bằng các khái niệm về nghiên cứu khoa học, sự phân chia lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành và vai trò, giá trị, ý nghĩa của nó về mặt lý thuyết và thực tiễn. Tiếp theo là những định hướng, mô hình, kiểu dạng, tiến trình thực hiện nghiên cứu và các công cụ thu thập, phân tích dữ liệu nghiên cứu nói chung và khoa học xã hội nói riêng. Trên cơ sở đó, học phần sẽ giới thiệu thành phần của một đề cương nghiên cứu chi tiết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu.	2	HK2	- Hoạt động trong lớp: 0.1 - Tương tác nhóm ngoài lớp học: 0.1 - Báo cáo nhóm: 0.3 - Thực hiện nghiên cứu theo nhóm: 0.5
7	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên thực hành các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 3.0- 4.0 hoặc tương đương bậc 2 mức cao (A2+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	HK1	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra: 0.4 - Thi kết thúc học phần: 0.5
8	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 4.0 đến 4.5 hoặc tương đương bậc 3 mức thấp (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	HK2	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra: 0.4 - Thi kết thúc học phần: 0.5
9	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức năng lực tương đương bậc 3 nâng cao (B1+ - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.0	4	HK3	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra: 0.4 - Thi kết thúc học phần: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Dẫn luận ngôn ngữ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng…	3	HK3	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra thường xuyên: 0.2 - Kiểm tra giữa kì: 0.2 - Thi kết thúc học phần: 0.5
11	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 4	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 5.0-6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	HK4	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra: 0.4 - Thi kết thúc học phần: 0.5
12	Đọc 5	Học phần trang bị cho người học được rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc để hướng tới chuẩn đầu ra đọc hiểu ở bậc 5 (C1) theo khung NLNN 6 bậc của Việt Nam hoặc đạt 6.5-7.0 IELTS ở kỹ năng đọc.	2	HK5	- Chuyên cần: 0.1 - Bài tập về nhà: 0.1 - Kiểm tra thường xuyên: 0.1 - Kiểm tra giữa kì: 0.2 - Thi kết thúc học phần: 0.5
13	Nghe 5	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng ghi chú, tổng hợp , diễn giải, tranh luận và cho ý kiến về một số chủ đề như tiền tệ, những cá nhân, con người đáng chú ý, khả năng sáng tạo, các hoạt động của con người. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học mở rộng vốn từ vựng, đọc đúng ngữ điệu, phát âm chuẩn thông qua các chủ đề được học.	2	HK5	- Chuyên cần: 0.2 - Kiểm tra: 0.3 - Thi kết thúc học phần: 0.5
14	Nói 5	Giúp sinh viên chuẩn bị lộ trình tốt nhất cho bài thi nói theo định dạng bài thi quốc tế. Ngoài việc giúp củng cố kiến thức cho các chủ đề quen	2	HK5	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra vấn đáp: 0.2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc, học phần còn cung cấp cho sinh viên những bí quyết và thủ thuật cho các phần thi..			- Thuyết trình nhóm: 0.2 - Thi kết thúc học phần: 0.5
15	Viết 5	Giới thiệu và cung cấp kiến thức cho sinh viên về các phần của một bài viết trong kì thi IELTS. Sinh viên được luyện viết các phần này tương ứng với các dạng bài và các chủ đề liên hệ với thực tế cuộc sống.	2	HK5	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra thường xuyên: 0.2 - Kiểm tra giữa kì: 0.2 - Thi kết thúc học phần: 0.5
16	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1	- Kiến thức chuyên sâu về các vấn đề khác nhau như công việc, môi trường, kinh doanh, tội phạm,…. thông qua các bài đọc, nghe.. đồng thời am hiểu sâu sắc các yêu cầu cần thiết khi làm một bài kiểm tra tổng hợp theo dạng thức IELTS - Kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp, đặc biệt là kỹ năng thực hiện các bài tập kiểm tra kỹ năng tổng hợp theo dạng thức IELTS - Tinh thần trách nhiệm dối với việc học, hình thành ý thức nghề nghiệp, sẵn sáng tham gia vào các hoạt động thực tế, thực tập	3	HK6	Kiểm tra nghe 0.2 Kiểm tra nối 0.3 Kiểm tra đọc + viêt 0.5
17	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2	- Kiến thức chuyên sâu về các vấn đề khác nhau như thành thị, du lịch, các phương tiện truyền thông,…. thông qua các bài đọc, nghe.. đồng thời am hiểu sâu sắc các yêu cầu cần thiết khi làm một bài kiểm tra tổng hợp theo dạng thức IELTS - Kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp, đặc biệt là kỹ năng thực hiện các bài tập kiểm tra kỹ năng tổng hợp theo dạng thức IELTS - Tinh thần trách nhiệm dối với việc học, hình thành ý thức nghề nghiệp, sẵn sáng tham gia vào các hoạt động thực tế, thực tập	3	HK7	Kiểm tra nghe 0.2 Kiểm tra nối 0.3 Kiểm tra đọc + viêt 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Viết học thuật	- Kiến thức viết một bài nghiên cứu hoàn chỉnh - Kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu, kỹ năng thu thập, xử lý số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu - Sự ham thích và say mê về nghiên cứu khoa học, phục vụ cho việc tự học, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn.	2	HK7	Bài tập nhóm 0.2 Bài tập về nhà 0.4 Bài tập cuối cùng 0.4
19	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1	- Biết được các yêu cầu đối với một giáo viên dạy tiếng Anh (về nhiệm vụ, kỹ năng, kiến thức) và hiểu được đặc điểm chung của quá trình thụ đắc ngôn ngữ và ngoại ngữ, các học thuyết, phương pháp dạy và học ngoại ngữ. - Nắm vững các kỹ năng dạy học cơ bản, đặc biệt là kỹ năng tổ chức các hoạt động mang tính giao tiếp trong dạy và học tiếng Anh. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay ở trên lớp.	2	HK4	Các bài thu hoạch-kiểm tra 0.3 Kiểm tra giữa kỳ 0.3 Thi cuối khóa tự luận 0.5
20	Ngữ pháp học	Sinh viên sẽ có thể hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp tiếng Anh bao gồm: đơn vị ngữ pháp; chức năng cú pháp; đặc điểm và chức năng của các từ loại, cụm, mệnh đề và câu, vận dụng kiến thức về ngữ pháp lí thuyết để lí giải các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp.	3	HK4	Theo dõi đánh giá 0.1 Kiểm tra 15’ 0.2 Kiểm tra giữa kỳ 0.2 Thi cuối khóa 0.5
21	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2	- Trình bày tóm tắt lịch sử các phương pháp và cách tiếp cận trong giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai và một ngoại ngữ; phân tích	3	HK5	Chuyên cần 0.1 Bài tập cá nhân 0.2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được những tính cách và phẩm chất của một giáo viên ngôn ngữ giỏi; xác định vai trò của người giáo viên khi lên lớp; - Giải thích được tầm quan trọng của ngữ liệu và các kỹ năng ngôn ngữ trong dạy tiếng; lựa chọn hoặc thiết kế được kỹ thuật cho các tiết dạy kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc, viết và tiết dạy ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng ngữ pháp, hay một bài dạy tích hợp; - Ý thức được việc xây dựng hình ảnh người giáo viên giảng dạy tiếng Anh với những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu trong thời đại mới.			Bài tập nhóm 0.2 Thi cuối khóa 0.5
22	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Anh	-Người học nhận biết được vai trò của việc ứng dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ trong dạy học; -Sử dụng hiệu quả một số tiện ích, phần mềm hỗ trợ biên soạn bài giảng và tổ chức hoạt động dạy học.	2	HK5	Bài tập thực hành 0.2 Bài tập thực hành 0.1 Bài tập thực hành 0.1 Bài tập thực hành 0.1 Sản phẩm thực hành 0.5
23	Phương pháp dạy học tiếng Anh 3	- Trình bày các khái niệm về chương trình, nội dung giảng dạy, tương tác và kỷ luật trong lớp học và các mô hình phát triển nghề nghiệp giáo viên. - Thiết kế giáo án theo hướng phát triển năng lực người học; đánh giá và thiết kế đề kiểm tra; - Có khả năng làm việc độc lập, lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.	2	HK6	Chuyên cần 0.1 Bài làm cá nhân 0.2 Bài làm nhóm 0.2 Thi cuối khóa 0.5
24	Âm vị học	- Nhận biết kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm và âm vị tiếng Anh và hệ thống phiên âm quốc tế IPA.	2	HK6	Theo dõi đánh giá 0.1 Kiểm tra viết 0.4 Thi hết học phần 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Mô tả và phân loại âm ; phân tích cấu trúc âm tiết ; mô tả sự phân bố của các loại âm vị trong cấu trúc âm tiết; phân tích cấu trúc và chức năng của trọng âm và của ngữ điệu. - Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình.			
25	Kiểm tra, đánh giá	- Hiểu và giải thích được các khái niệm cơ bản về kiểm tra và đánh giá, mối quan hệ giữa đánh giá và kiểm tra trong giảng dạy ngoại ngữ. - Thực hành thiết kế hoạt động cho một số hình thức đánh giá thường xuyên dựa theo kỹ năng ngôn ngữ cần đánh giá (Nghe/ Nói/ Đọc/ Viết), và thiết kế các dạng bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng trong dạy tiếng Anh ở các cấp phổ thông. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay trên lớp.	2	HK7	Bài thu hoạch + Thuyết trình theo nhóm+ Thiết kế bài kiểm tra 0.5 Thi hết học phần 0.5
26	Xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ	Trang bị cho người học kĩ năng tổ chức phong trào học tiếng Anh, xây dựng, phát triển môi trường học, sử dụng ngoại ngữ để học sinh phát huy hiệu quả năng lực học ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng; xây dựng các giải pháp đổi mới công tác dạy và học ngoại ngữ theo hướng phát triển kỹ năng, phát triển năng lực ngôn ngữ; phát triển tiếng Anh cộng đồng, tạo môi trường tiếng Anh cho học sinh, giáo viên.	2	HK7	Chuyên cần 0.1 Bài tập cá nhân 0.2 Bài tập nhóm 0.2 Bài thi hết học phần 0.5
27	Kỹ năng thuyết trình	- Giải thích được các khái niệm và tiến trình thực hiện bài thuyết trình bao gồm cách thức, phương pháp, các bước chuẩn bị cho một bài thuyết trình. - Phân biệt được các dạng bài thuyết trình và xác định được các mục đích thuyết trình. - Thiết kế được một bài thuyết trình và vận dụng thành công các kỹ năng thuyết trình vào bài báo cáo. - Thể hiện sự tôn trong vấn đề đạo đức trong thuyết trình, tránh những lỗi ngụy biện trong lập luận và minh bạch trong trích dẫn.	2	HK7	Chuyên cần 0.1 Bài tập cá nhân 0.2 Bài tập nhóm 0.2 Bài thi hết học phần 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Văn hóa Anh	Sinh viên có thể đạt được các kiến thức văn hóa Anh và phát triển kỹ năng giao tiếp, hướng tới chuẩn đầu ra hiểu biết liên văn hóa, dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	2	HK7	Bài làm cá nhân 0.3 Bài làm nhóm 0.2 Bài thi kết thúc học phần hoặc bài tập lớn 0.5
29	Văn hóa Mỹ	Sinh viên có thể đạt được các kiến thức văn hóa Mỹ và phát triển kỹ năng giao tiếp, hướng tới chuẩn đầu ra hiểu biết liên văn hóa, dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	2	HK7	Bài làm cá nhân 0.3 Bài làm nhóm 0.2 Bài thi kết thúc học phần hoặc bài tập lớn 0.5
30	Văn hóa các quốc gia Châu Á	Sinh viên phân tích và đánh giá được đặc điểm, đặc trưng văn hóa của các quốc gia Châu Á; khái quát được những giá trị văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng của bên ngoài, hiểu biết liên văn hóa dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	3	HK7	Bài làm cá nhân 0.3 Bài làm nhóm 0.2 Bài thi kết thúc học phần 0.5
31	Giao thoa văn hoá	- Giải thích được các khái niệm và các thuật ngữ liên quan đến văn hóa và giao thoa văn hóa; giá trị văn hóa chính thống của Mỹ; những vấn đề về xung đột và thích ứng trong giao thoa văn hóa; - Ứng dụng những hiểu biết về văn hóa nhằm giao tiếp hiệu quả trong mội trường đa văn hóa; - Có thái độ cởi mở với những khác biệt về văn hóa, có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa của Việt Nam.	2	HK7	Chuyên cần 0.1 Bài làm cá nhân 0.3 Bài làm nhóm 0.1 Bài tập lớn 0.5
32	Từ vựng - Ngữ nghĩa học	Người học có khả năng nhận biết được các khái niệm cơ bản về từ vựng tiếng Anh; xác định được cấu trúc của từ, các phương thức cấu tạo từ vận dụng các cách này vào việc tạo từ mới. Sinh viên cũng có thể giải thích ý nghĩa từ; phân biệt được cụm từ và thành ngữ trong tiếng Anh; nhận biết sự khác nhau của tiếng Anh giữa các vùng miền trên thế giới. Ngoài ra, sinh viên có thể phát triển một số kĩ năng cần thiết khác như thuyết trình, làm việc nhóm.	2	HK7	Bài tập về nhà 0.1 Bài tập nhóm/cá nhân 0.2 Kiểm tra giữa kỳ 0.2 Thi cuối học phần 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Thực tế Bộ môn	Sinh viên học tập kinh nghiệm và đi thực tế ngoài trường, giao lưu với các cơ sở giáo dục khác. Thông qua đợt thực tế, sinh viên sẽ được học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng cũng như củng cố lại kiến thức chuyên ngành sư phạm tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế để sinh viên có định hướng nghề nghiệp tốt hơn	2	HK7	- Thuyết trình nhóm: 0.4 - Bài báo cáo cá nhân: 0.4 Thái độ và tính kỉ luật: 0.2
34	Ngữ dụng học	Sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản về ngữ dụng học; giải thích và phân tích được vai trò của các yếu tố ngoài ngôn ngữ và thành tố văn hóa trong khuôn nghĩa của một phát ngôn thực tế; vận dụng được kiến thức liên quan đến môn học trong giao tiếp.	2	HK7	Phiếu theo dõi+ phiếu đánh giá 0.1 Bài tập cá nhân/ nhóm 0.2 Thuyết trình cá nhân/ nhóm 0.2 Viết tiểu luận 0.5
35	Phân tích diễn ngôn	Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm, lý thuyết, định hướng phân tích, nghiên cứu các thể loại diễn ngôn/văn bản khác nhau trong tiếng Anh (và tiếng Việt). Điều này đặc biệt rất hữu ích trong hoạt động đọc hiểu nội dung thông tin được hàm chứa trong diễn ngôn cũng như hoạt động biên – phiên dịch cho người học ngoại ngữ. Học phần cũng trình bày những phương pháp, quy trình phân tích dữ liệu cụ thể và các công nghệ khả dụng trong hoạt động phân tích diễn ngôn.	2	Học kì 7	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
36	Cú pháp học	Sau khi học xong học phần này người học có khả năng nhận biết được các khái niệm cơ bản về từ loại , các loại ngữ, cú, và câu; có khả năng phân tích cấu tạo của 1 câu, cũng như cách hình thành một ngữ, một cú; vận dụng được nội dung kiến thức đã học trong việc phân tích cấu trúc câu; hiểu khái quát các quy luật chung về cấu trúc, và cách kết hợp các từ thành ngữ, cú và câu trong tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên có thể phát triển một số kĩ năng cần thiết khác như thuyết trình, làm việc nhóm.	2	Học kì 7	- Phiếu theo dõi/ đánh giá. Trọng số 0.1 - Kiểm tra viết (50p). Trọng số 0.2 - Kiểm tra viết (50p). Trọng số 0.2 - Thi hết học phần – Tự luận (60p). Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Ngôn ngữ học đối chiếu	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận về phân tích đối chiếu ngôn ngữ học. - Biết cách nhận dạng và phân tích được những khác biệt và tương đồng trong tiếng Anh và tiếng Việt ở những phạm vi, bình diện ngôn ngữ khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
38	Phân tích lỗi	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận về phân lỗi trong quá trình học biết ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ. - Biết cách nhận dạng và phân tích được các thể loại lỗi khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 -Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
39	Phong cách học	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận nghiên cứu phong cách học diễn ngôn/văn bản. - Biết cách nhận dạng và phân tích được các phong cách diễn ngôn/văn bản tiếng Anh, tiếng Việt khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
40	Lý thuyết dịch	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng nghiên cứu về lý thuyết dịch thuật.	3	Học kì 7	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 01 - Bài kiểm tra 1. Trọng số 0.1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết kế và triển khai thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học (quy mô hẹp) độc lập hoặc cộng tác với người khác về lý thuyết dịch. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.			- Bài kiểm tra 2. Trọng số 0.1 - Báo cáo đề cương nghiên cứu. Trọng số 0.2 - Sản phẩm nghiên cứu (đánh giá cuối kỳ). Trọng số 0.5
41	Văn học Anh	Học xong học phần này, sinh viên biết, phân tích và đánh giá được đặc điểm, đặc trưng văn học của nền văn học Anh; khái quát và đánh giá được giá trị văn học bản địa và vận dụng được kiến thức để hỗ trợ các môn học khác của chương trình và công việc trong thực tế.	2	Học kì 7	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Tự học, tự nghiên cứu. Trọng số 0.1 - Kiểm tra giữa kì hoặc digital theater. Trọng số 0.3 - Kiểm tra cuối kỳ/ tiểu luận/ bài tập lớn. Trọng số 0.5
42	Văn học Mỹ	Sau khi học xong học phần, người học biết các thuật ngữ văn chương và cách sử dụng các thuật ngữ văn chương, từ vựng và lối hành văn đặc trưng; vận dụng được các kiến thức về lý luận văn học, cách phân tích tác phẩm, kỹ thuật đọc hiểu tác phẩm văn xuôi và thi ca nguyên tác để phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, so sánh đối chiếu, phân tích nhân vật các tác phẩm văn học Mỹ bằng tiếng Anh. Ngoài ra, người học nâng cao hơn kỹ năng viết luận và kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh bậc 5 (C1).	2	Học kì 7	- Chuyên cần. Điểm thưởng - Báo cáo nhóm. Trọng số 0.1 - Đóng kịch. Trọng số 0.1 - Thuyết trình/ báo cáo nhóm. Trọng số 0.1 - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Viết tiểu luận/ Bài tập lớn. Trọng số 0.5
43	Rèn luyện NVSPTX 1	- SV phân tích, so sánh chuẩn nghề nghiệp GV, nắm được cách xếp loại GV, nâng cao ý thức trau dồi đạo đức nhà giáo.	1	Học kì 2	Trọng số 0.5:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- SV phân tích các tình huống và đưa ra hướng xử lí trong văn hóa nhà trường phổ thông, nắm rõ công tác GVCN ở trường phổ thông, quy trình tổ chức tiết SHCN, hoạt động NGLL, và thực hành. - SV sử dụng được hình que để giảng dạy - SV có ý thức học tập, rèn luyện bản thân đạt chuẩn, tích cực tham gia thảo luận, tham gia làm việc nhóm			- Bài thu hoạch - Bài thu hoạch - Bài thu hoạch - Vẽ hình Trọng số 0.5: - Thực hành tiết SHCN - Thực hành tiết HĐNGLL
44	Rèn luyện NVSPTX 2	- Sinh viên thực hành thuyết trình, sử dụng tiếng Anh, chia cặp, nhóm trong lớp học. - Sinh viên thực hành viết bảng và vẽ tranh để dạy 1 điểm ngữ pháp tiếng Anh. - Sinh viên tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay trên lớp.	1	Học kì 3	Trọng số 0.5: - Viết một số câu hướng dẫn cho một số hoạt động - Thuyết trình theo nhóm về cách đưa ra hướng dẫn hiệu quả cho các hoạt động dạy học tiếng Anh. Trọng số 0.5: - Thực hành thuyết trình (tiếng Việt) - Thực hành thuyết trình (tiếng Anh) - Thực hành chia nhóm và đưa ra lời hướng dẫn - Thực hành viết bảng, vẽ và sử dụng tranh để dạy 1 điểm ngữ pháp tiếng Anh
45	Rèn luyện NVSPTX 3	- Sinh viên sử dụng các câu hỏi tiếng Anh đạt hiệu quả, quản lý tốt	1	Học kì 4	Trọng số 0.5:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lớp học. - Sinh viên thực hành các hoạt động khởi động, và dạy từ vựng tiếng Anh. - Sinh viên có khả năng khai thác nắm chắc các kỹ năng giảng dạy cơ bản, rèn luyện nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực sư phạm của bản thân. - Sinh viên tích cực học tập tốt các kỹ thuật dạy học và quản lý lớp học tiếng Anh, có ý thức học tập, tự rèn luyện kỹ năng dạy học ở nhà.			- Viết các câu hỏi khai thác bài - Phân tích các hoạt động theo stirrers và settlers, và MIs Trọng số 0.5: - Thực hành hỏi các câu hỏi khai thác bài - Thực hành các hoạt động khởi động tiếng Anh - Thực hành dạy từ vựng tiếng Anh
46	Rèn luyện NVSPTX 4	- Xác định được mục tiêu bài dạy khi chuẩn bị giáo án, lựa chọn các kỹ thuật dạy phù hợp cho từng dạng bài: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, và kỹ năng. - Thiết kế được các hoạt động, đồ dùng dạy học, tiến hành bài giảng trên lớp. - Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm trong soạn giảng, tập giảng, dự giờ , ghi chép và góp ý đồng nghiệp khi dự giờ trên lớp. - Phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, và nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của bản thân. - Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, xác định được ảnh hưởng của nghề dạy học đến tâm lý và phát triển khả năng của người học.	1	Học kì 5	Trọng số 0.5. - Điểm chuyên cần. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần - Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet) - Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) Trọng số 0.5 - Điểm thi kết thúc học phần. Thực hành giảng dạy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Thực tập cơ sở	Giúp sinh viên sư phạm tiếng Anh làm quen với môi trường làm việc thực tế qua các hoạt động trải nghiệm nhằm phát huy tính tự chủ, sáng tạo của sinh viên, nâng cao khả năng có việc làm trong khi đang là sinh viên và sau khi tốt nghiệp; Giúp sinh viên làm quen với điều kiện làm việc ở trường phổ thông và các cơ sở đào tạo, nhận biết các quan hệ xã hội trong một đơn vị làm việc và có cách ứng xử, giao tiếp liên văn hóa phù hợp, rèn luyện kỹ năng sống và làm việc trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa	6	HK5	- Bài thu hoạch tìm hiểu CSGD 0.4 - Giáo án + Giờ dạy : 0.3 Công tác chủ nhiệm: 0.3
48	Rèn luyện NVSPTX 5	- Viết mục tiêu bài dạy, phân tích bài dạy, chọn hoạt động giảng dạy phù hợp khi soạn giáo án các dạng bài Ngữ pháp, phát âm, các bài kỹ năng, kết hợp các kỹ năng (integrated skills), và bài dự án. - Vận dụng được kiến thức đã học về phương pháp giảng dạy, sáng tạo khi thiết kế các hoạt động giảng dạy và đồ dùng dạy học có hiệu quả; thực hiện đúng tiến trình bài dạy cho tất cả các dạng bài. - Có tinh thần trách nhiệm và chủ động tự học thông qua việc tự chọn bài dạy, tự soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học, và tập giảng; có ý thức và khả năng tự đánh giá hoạt động giảng dạy của bản thân. - Phát huy tinh thần hợp tác làm việc nhóm trong soạn giảng, tham gia dự giờ, ghi chép và thảo luận đóng góp ý kiến khách quan xây dựng bài giảng cho đồng nghiệp.	1	Học kì 6	- Điểm chuyên cần. Trọng số. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần - Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet) - Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) - Điểm thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5: - Thực hành giảng dạy
49	Rèn luyện NVSPTX 6	- Xác định được nhu cầu, khả năng tiếp thu và tâm lý của người học. - Phân tích bài dạy, xác định mục tiêu và hoàn thành giáo án của tất cả các dạng bài ngữ pháp, phát âm, các bài kỹ năng, bài kết hợp các kỹ năng, và bài dự án. - Lựa chọn kỹ thuật dạy phù hợp, thiết kế các hoạt động giảng dạy sinh động ang tạo, làm đồ dùng dạy học có hiệu quả; thực hiện linh hoạt tiến trình bài dạy cho tất cả các dạng bài.	1	Học kì 7	- Điểm chuyên cần. Trọng số. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần - Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Chủ động lập kế hoạch giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm và kỹ năng trong việc tự nghiên cứu tìm hiểu thêm các phương pháp dạy học hiện đại, chọn tài liệu thích hợp bổ sung cho bài dạy kết hợp với sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy - Có ý thức và khả năng tự đánh giá hoạt động giảng dạy của bản thân, nhận xét đánh giá chất lượng công việc của đồng nghiệp một cách khách quan và khoa học, phát huy tinh thần hợp tác và đoàn kết khi làm việc nhóm .			- Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) - Điểm thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5: - Thực hành giảng dạy
50	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên tiếp xúc, tìm hiểu thực tế công tác giáo dục, nắm vững các chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên để từ đó hình thành kĩ năng, thái độ và tình cảm nghề nghiệp. Tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn giáo dục, từ đó rèn luyện và hình thành những phẩm chất, năng lực sư phạm của người giáo viên.	8	Học kì 8	- Thực tập giảng dạy: 0.6 Thực tập chủ nhiệm: 0.4
51	Khóa luận tốt nghiệp	Phát triển kỹ năng nghiên cứu trong quá trình thực tập, vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để thực hiện một hoạt động nghiên cứu sâu với một đối tượng nghiên cứu cụ thể, và trình bày báo cáo dưới dạng một công trình khoa học hoàn chỉnh. Hoàn thành viết và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ nâng cao khả năng phát hiện các vấn đề phát sinh trong thực tế với trọng tâm liên quan đến lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh	6	Học kì 8	-Hình thức trình bày: 0.1 - Phương pháp nghiên cứu: 01 - Nội dung: 0.6 - Tài liệu tham khảo: 0.1 - Chuyên cần: 0.1
52	Phương pháp dạy học tiếng Anh tiểu học	- Vận dụng kiến thức về tâm lí trẻ em và các phương pháp dạy vào dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học. - Tổ chức được các hoạt động dạy học tiếng Anh tiểu học. - Khai thác các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy và thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá môn tiếng Anh cho học sinh tiểu học.	2	Học kì 8	- Bài thu hoạch. Trọng số 0.2 - Bài làm nhóm. Trọng số 0.3 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Phương pháp dạy học tiếng Anh THCS	- Vận dụng kiến thức về tâm lí học sinh THCS và các phương pháp dạy vào dạy tiếng Anh cho học sinh THCS. - Tổ chức được các hoạt động dạy học tiếng Anh THCS. - Khai thác các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy và thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá môn tiếng Anh cho học sinh THCS.	2	Học kì 8	- Bài thu hoạch. Trọng số 0.2 - Bài làm nhóm. Trọng số 0.3 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5
54	Ứng dụng CNTT nâng cao	Sau khi học xong học phần, người học có thể nắm được các kiến thức và sử dụng chương trình trong Corel Draw; phân tích, lựa chọn các công cụ thích hợp để thực hiện vẽ các đối tượng tùy vào những mục đích sử dụng khác nhau. Đồng thời trích xuất các tập tin và hình ảnh để phục vụ cho công việc và cuộc sống.	2	Học kì 8	- Hoạt động trên lớp. Trọng số 0.1 - Kiểm tra cuối kỳ. Trọng số 0.2 - Kiểm tra cuối kỳ. Trọng số 0.2 - Thi hết học phần. Trọng số 0.5

23. Sư phạm Công nghệ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán cao cấp	Có một trình độ nhất định về toán học, hiểu, vận dụng những kiến thức cơ bản của số học, giới hạn, vi phân tích phân, phương trình vi phân, véctơ, ma trận... Môn học còn giúp người học có được kỹ năng sử dụng các công cụ, ứng dụng các kiến thức giải quyết các bài toán liên quan trong thực tế và nghiên cứu khoa học.	2	1	Chuyên cần (10%) Kiểm tra giữa kỳ (30%) Thi kết thúc môn học (60%)
2	Vật lý đại cương	Có kiến thức nền tảng về vật lý thuộc lĩnh vực cơ học và nhiệt học từ đó vận dụng tốt các kiến thức cũng như phương pháp nghiên cứu, các nguyên lý, định luật cơ bản về chuyển động của	2	1	Chuyên cần (5%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các nguyên tử, phân tử trong việc giảng dạy các kiến thức liên quan ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hiện tượng vật lý thuộc lĩnh vực cơ học và nhiệt học			Làm bài tập tại lớp, hoạt động nhóm (15%) Bài kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
3	Hóa học đại cương	Vận dụng kiến thức để giải thích sự biến thiên tuần hoàn tính chất của các nguyên tố hoá học từ đó giải thích được sự hình thành liên kết hoá học trong hợp chất. Giải thích được quá trình diễn ra của các phản ứng hoá học trong những điều kiện nhất định. Phân loại được các loại pin điện và ắc quy, giải thích được quá trình xảy ra phản ứng trên các điện cực. Sử dụng các kiến thức cơ bản về hoá học để hỗ trợ cho việc học tập và giảng dạy các nội dung của môn công nghệ ở chương trình phổ thông.	2	1	Chuyên cần (10%) Kiểm tra (30%) Thi kết thúc học phần (60%)
4	Sinh học đại cương	Trình bày được các quan điểm phân chia sinh giới. Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào, trao đổi chất và năng lượng của tế bào cũng như sự phân chia tế bào. Trình bày được cấu trúc, chức năng (rễ, thân, lá) và sinh sản của thực vật. Trình bày được cấu tạo các hệ cơ quan ở người. Nêu được những kiến thức cơ bản về di truyền và tiến hóa như cơ sở vật chất và cơ chế di truyền, các quy luật di truyền, các học thuyết tiến hóa, nguồn gốc sự sống và sự phát sinh loài người. Trình bày được các khái niệm về sinh thái học như môi trường và các nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã và hệ sinh thái. Nêu được những khái niệm về sinh quyển và biến đổi khí hậu. Giải thích được các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, từ đó dẫn đến tác động của nó đối với sự sống trên trái đất.	2	1	Chuyên cần Bài tự học, trả lời câu hỏi theo hoạt động nhóm trên lớp (10%) Bài báo cáo seminar (10%) Thực hành (10%) Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giữa kỳ (tự luận 60 phút) (10%) Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút) (60%)
5	Trồng trọt đại cương	Trình bày được những vấn đề chung, đặc điểm, triển vọng của ngành trồng trọt, phân tích được điều kiện ngoại cảnh, đặc điểm đất đai, vai trò chất dinh dưỡng, nước, phân bón… trong trồng trọt; phân tích và vận dụng được các hệ thống canh tác, cơ sở khoa học để xác định cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng nông nghiệp. Thành thạo kỹ thuật sản xuất giống cây trồng, xây dựng được quy trình sản xuất giống cây trồng và các kỹ thuật trồng trọt cơ bản (làm đất, trồng, chăm sóc, phòng trừ dịch hại, thu hoạch…). Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về trồng trọt để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu sau khi ra trường.	2	2	Chuyên cần (10%) Thực hiện Seminar (15%) Kiểm tra giữa kỳ (Tự luận, 50 phút) (15%) Thi kết thúc học phần (Tự luận, 60 phút) (60%)
6	Chăn nuôi đại cương	Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết một số vật nuôi được nuôi nhiều, vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. Trình bày được một số thành tựu nổi bật của ứng dụng công nghệ trong chăn nuôi. Hiểu biết giống vật nuôi, phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng. Cơ sở hình thành và chọn lọc giống, vận dụng sản xuất giống vật nuôi đáp ứng thị trường.	2	2	Chuyên cần (10%) Kiểm tra vở tự học lý thuyết (5%) Báo cáo PowerPoint (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu biết chủng loại và giá trị dinh dưỡng của thức ăn chăn nuôi, sử dụng thức ăn trong chăn nuôi hiệu quả. Hiểu biết được nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của vật nuôi. Giải thích được thành phần dinh dưỡng và vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi. Mô tả được các phương pháp sản xuất, bảo quản một số loại thức ăn chăn nuôi. Thực hiện chế biến, bảo quản một số loại thức ăn chăn nuôi. Ứng dụng công nghệ trong chế biến và bảo quản thức ăn chăn nuôi. Hiểu biết kỹ thuật chăn nuôi lợn, trâu bò, gia cầm và một số động vật có giá trị kinh tế ở địa phương. Vận dụng được kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh vật nuôi phổ biến. Hiểu biết một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam, xu hướng phát triển chăn nuôi ở Việt Nam và thế giới. Đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh. Trình bày được vai trò của nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. Hiểu biết được công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. Biết được một số bệnh phổ biến trên vật nuôi và biện pháp phòng trừ hiệu quả.			Đánh giá quá trình, sản phẩm và tường trình thực hành (5%) Bài kiểm tra thường kỳ (10%) Thi kết thúc học phần theo lịch thi của trường (60%)
7	Điện tử cơ bản	Có được kiến thức cơ bản về các linh kiện bán dẫn thông dụng, các hoạt động của mạch phân cực, khuếch đại, mạch tạo xung vuông, tam giác. Từ đó vận dụng các kiến thức của học phần đê giảng dạy tốt các nội dung liên quan ở trường phổ thông.	2	2	Chuyên cần (5%) Làm bài tập tại lớp, hoạt động nhóm (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
8	Kỹ thuật điện	Có được kiến thức cơ bản về mạch điện, xác định được các thông số của dòng điện hình Sin và nắm vững các phương pháp giải mạch điện hình Sin ở chế độ xác lập. Biết được khái niệm và xác định được các thông số trong mạch điện 3 pha. Có kiến thức chung về máy điện, hiểu rõ cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại máy điện. Cũng như xác định, tính toán được các thông số, vận hành đúng kỹ thuật các loại máy điện thông dụng.	2	2	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập về nhà (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
9	Cơ khí đại cương	Có những khái niệm cơ bản về quá trình sản xuất, chất lượng bề mặt và độ chính xác gia công, kết cấu công nghệ và các loại dụng cụ đo trong cơ khí; Hiểu cách sử dụng các loại vật liệu dùng trong cơ khí; Nguyên lý cơ bản để chế tạo các loại phôi đúc, phôi rèn - dập, phôi hàn và công nghệ cắt kim loại; Vận dụng nguyên lý cắt gọt kim loại, các loại máy công cụ và các cơ cấu thường dùng trên máy công cụ, cũng như các công việc có thể thực hiện được trên các máy công cụ thông dụng.	2	2	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
10	Vi mạch số	Có được kiến thức cơ bản về hệ thống số, các cổng logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole, nguyên lý hoạt động của các mạch tổ hợp, mạch tuần tự, cấu trúc hoạt động các vi mạch số cơ bản TTL và CMOS, các thông số đặc tính của vi mạch số, phân loại các họ vi mạch, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ. Từ đó vận dụng các kiến	2	3	Chuyên cần (5%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức của học phần đê giảng dạy tốt các nội dung liên quan ở trường phổ thông			Làm bài tập tại lớp, hoạt động nhóm (15%) Bài kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
11	Vi xử lý ứng dụng	Có kiến thức cơ bản về Vi xử lý, Vi điều khiển. Biết rõ cấu trúc Vi điều khiển họ 8051 như: Sơ đồ chân, sơ đồ khối, bộ nhớ, chức năng các thanh ghi, sử dụng thành thạo thanh ghi định thời, thanh ghi ngắt, thanh ghi truyền dữ liệu nối tiếp. Nắm vững tập lệnh, ngôn ngữ lập trình Assemly. Xây dựng được các thuật toán điều khiển thông dụng. Từ đó lập trình cho vi điều khiển 8051 điều khiển các ứng dụng.	3	3	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập về nhà (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
12	Thực hành Vi mạch số	Sử dụng được các dụng cụ thực hành Vi mạch số; Xác định được cấu trúc các loại IC số; Hiểu rõ nguyên lý hoạt động các linh kiện dùng để thực hành; lắp ráp đúng mạch điện theo sơ đồ nguyên lý; Kiểm nghiệm được kết quả thực hành và biết mở rộng ứng dụng cho mạch điện tử số	2	5	Chuyên cần trong quá trình thực hành (10%) Chuẩn xác, vận dụng tốt lý thuyết vào thực hành (10%) Viết báo cáo thực hành (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi Thực hành kết thúc học phần (50%)
13	Thực hành vi xử lý ứng dụng	Có được kiến thức cơ bản về phần cứng sử dụng Vi xử lý. Từ đó vận dụng các kiến thức của học phần đê giảng dạy tốt các nội dung liên quan ở trường phổ thông	2	5	Điểm chuyên cần, hiệu quả thực hành (40%) Điểm báo cáo các bài thực hành (60%)
14	Hệ thống điện công nghiệp	Có kiến thức cơ bản về hệ thống điện; Sơ đồ thay thế dùng để tính toán hệ thống điện; Tính toán được các thông số trong mạng phân phối, cũng như tính toán được các chỉ tiêu kinh tế trong hệ thống điện; Biết được các phương pháp làm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống điện, nâng cao hệ số công suất. Từ đó vận dụng vào giảng dạy môn công nghệ ở phổ thông	2	6	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập về nhà (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
15	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	Biểu diễn các bài tóan không gian trên mặt phẳng; Có những hiểu biết cơ bản về bản vẽ kỹ thuật, nắm được và vận dụng phương pháp biểu diễn vật thể trên mặt phẳng và không gian. Biết cách lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật.	2	3	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
16	Nguyên lý động cơ đốt trong	Có kiến thức cơ bản về: Chu trình lý tưởng và làm việc của ĐCĐT; Nhiên liệu, môi chất công tác, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của ĐCĐT; Những thông số đặc trưng cho chu trình làm việc của ĐCĐT; Cung cấp nhiên liệu ở động cơ xăng và động cơ diesel; Chế độ làm việc và đặc tính của ĐCĐT.	2	3	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần(70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Gia công cơ khí	Có những kiến thức cơ bản về: Nguyên lý cắt kim loại; Các phương pháp gia công kim loại bằng cắt gọt; Phương pháp đánh giá chất lượng gia công và cách điều chỉnh thiết bị công nghệ; Phương pháp thiết kế quy trình công nghệ gia công và lắp ráp; Thực hành các loại hàn thực tế.	2	5	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần(70%)
18	Cấu tạo ôtô	Có những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết các vấn đề cơ bản về công dụng, phân loại, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các bộ phận cũng như toàn bộ máy; Cung cấp những kiến thức về moment, lực tác dụng, sức kéo, tính ổn định và sự quay vòng của ô tô, máy kéo; Tiếp thu những tiến bộ về mặt kỹ thuật trong việc chế tạo và sử dụng các loại ô tô, máy kéo thường dùng hiện nay ở nước ta và trên thế giới	2	4	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần(70%)
19	Thực hành động cơ đốt trong	Có những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết chu trình lý tưởng và làm việc của ĐCĐT; Nhiên liệu, môi chất công tác, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của ĐCĐT; Tiến hành được các bước tháo lắp, kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật và sữa chữa... các cụm máy, các hệ thống, cụm chi tiết hay từng chi tiết máy; Xác định quy tắc lắp ráp máy bao gồm các khâu, các bước chuẩn bị, tháo lắp, sữa chữa tách rời, làm sạch… của tất cả các cụm máy	1	6	Chuyên cần (30%) Kiểm tra sản phẩm cuối cùng (70%)
20	Thực hành tiện	Có những kiến thức cơ bản về:	1	6	Chuyên cần (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giới thiệu về các chức năng, công dụng của các bộ phận và vận hành máy tiện vạn năng; Tiện mặt đầu và khoan lỗ tâm; Mài dao tiện trụ ngoài; Tiện trụ suốt và tiện trụ bậc; Tiện rãnh vuông; Tiện côn ngoài.			Kiểm tra sản phẩm cuối cùng (70%)
21	Đất trồng và phân bón	Nêu được khái niệm về đất, độ phì nhiêu của đất và lịch sử phát triển của thổ nhưỡng học. Trình bày được quá trình hình thành đất, thành phần, tính chất chính của đất. Từ đó giải thích được nguyên nhân hình thành các loại đất khác nhau cũng như cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ, cải tạo, sử dụng hợp lý tài nguyên đất. Trình bày được vai trò của phân bón, tính chất và biện pháp sử dụng các loại phân hoá học và phân hữu cơ thường dùng. Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; làm bài thực hành, làm báo cáo và trình bày báo cáo. Rèn luyện thái độ tích cực trong học tập, thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp học, có ý thức yêu nghề, phương pháp học tập và đạo đức khoa học.	2	3	Chuyên cần (10%) Bài tập, bài tự học, hoạt động nhóm (10%) Thực hành (10%) Bài kiểm tra (10%) Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút) (60%)
22	Cơ sở di truyền và chọn giống trong nông nghiệp	Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ sở di truyền và chọn giống trong nông nghiệp. Vận dụng được những kiến thức khoa học chọn và nhân giống động,	3	4	Điểm chuyên cần (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực vật. Các thành tựu của di truyền học được ứng dụng sớm, nhanh và nhiều hơn trong chọn giống vật nuôi, cây trồng. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp lai tạo và cải thiện giống, phương pháp chọn lọc, tạo vật liệu khởi đầu,… Vận dụng được những kiến thức về di truyền vào việc đánh giá, chọn lọc giống, nhân giống và lai tạo giống, cải tiến và nâng cao chất lượng giống, ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn chọn và nhân giống vật nuôi, cây trồng đem lại những lợi ích ngày càng nhiều cho sản xuất và đời sống con người. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác. Rèn luyện được thái độ tích cực trong học tập, nghiêm chỉnh thực hiện nội quy của lớp học.			Báo cáo seminar (20%) Điểm kiểm tra giữa kỳ (10%) Thi kết thúc học phần (60%)
23	Nuôi trồng thủy sản	Có kiến thức chuyên môn về các nuôi và mô hình nuôi thủy sản và ứng dụng các kiến thức vào công tác nuôi trong thủy sản Rèn luyện nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, làm báo cáo, trình bày báo cáo. Có thái độ nghiêm túc, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập lý thuyết, thực hành và nghiên cứu tài liệu	2	5	Điểm chuyên cần (10%) Điểm kiểm tra cuối chương (20%) Điểm seminar (10%) Điểm thi kết thúc học phần (60%)
24	Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh	Biết được vai trò của hoa, cây cảnh trong đời sống và trong sản xuất, các yêu cầu ngoại cảnh, kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng và chăm	2	5	Chuyên cần (10%) Seminar (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sóc một số loại hoa, cây cảnh; Ứng dụng được các quy trình kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh vào sản xuất, xây dựng và lựa chọn được loại cây hoa, cây cảnh phù hợp điều kiện sinh thái trong cơ cấu cây trồng của từng địa phương.			Thực hành (10%) Kiểm tra giữa kỳ (10%) Thi kết thúc học phần (60%)
25	Động vật nuôi làm cảnh	Có kiến thức về các động vật nuôi làm cảnh phổ biến hiện nay và ứng dụng được kỹ thuật sản xuất giống và nuôi các loài động vật cảnh như cá cảnh, chim cảnh, chó mèo cảnh. Rèn luyện nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, làm báo cáo, trình bày báo cáo. Có thái độ nghiêm túc, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập lý thuyết, thực hành và nghiên cứu tài liệu.	2	6	Điểm chuyên cần (10%) Điểm kiểm tra cuối chương (20%) Điểm seminar (10%) Điểm thi kết thúc học phần (60%)
26	Nông nghiệp công nghệ cao	Phân tích được một quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Giải thích được các thành phần cơ bản của mô hình nông nghiệp công nghệ cao, vai trò của khoa học, kỹ thuật và công nghệ đối với những thành tựu của nền nông nghiệp. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, các tiêu chí của trồng trọt, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Mô tả được một số mô hình trồng trọt, chăn nuôi công nghệ cao. Tóm tắt được các yêu cầu của trồng trọt, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Lựa chọn được mô hình trồng trọt, chăn nuôi thích hợp cho một số đối tượng cây trồng, vật nuôi phổ biến.	2	6	Điểm chuyên cần (10%) Điểm seminar (10%) Điểm thực hành (10%) Điểm kiểm tra giữa kỳ (10%) Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh thông qua các phương pháp hoạt động tích cực; Xây dựng được kỹ năng hoạt động nhóm, vận dụng thành thạo kiến thức vào hoạt động dạy học và thực tiễn đời sống sản xuất. Xây dựng được niềm tin, căn cứ khoa học trước các quy trình công nghệ trong chăn nuôi và trồng trọt. Phản ứng phù hợp trước những hình thức vận động của vật chất; Xây dựng được ý thức học tập đúng đắn, tích cực, tự tin và độc lập, cũng như phương pháp tự học, tự nghiên cứu trong học tập và trong hoạt động dạy học. Xây dựng được lòng say mê trong nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao và truyền cảm hứng trong hoạt động dạy học đến học sinh, tâm huyết với nghề.			
27	Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Đánh giá được hiện trạng và tác nhân gây ô nhiễm môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Vận dụng kiến thức đã học nhằm đề xuất những biện pháp quản lý chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và các giải pháp ngăn ngừa suy thoái nguồn lợi thủy sản. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp vào giảng dạy các nội dung liên quan trong chương trình môn Công nghệ ở THCS và THPT. Nhận thức được tầm quan trọng của vận dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp	2	6	Chuyên cần (10%) Seminar (10%) Thực hành (20%) Đánh giá kết thúc học phần (Bài thi Tự luận) (60%)
28	Phòng, trị bệnh trong nông nghiệp	Nêu được những tác hại của sâu, bệnh hại cây trồng. Trình bày được những biện pháp phòng, trừ một số loại sâu, bệnh hại cây trồng thường gặp. Nêu được các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi và thủy sản. Nêu được những ứng dụng công nghệ vi sinh	2	4	Chuyên cần (10%) Bài tự học, trả lời câu hỏi theo hoạt động nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong phòng, trừ sâu, bệnh hại cây trồng. Vận dụng được cơ sở khoa học và thực tiễn để nhận biết, phân loại sâu, bệnh hại cây trồng, vật nuôi và thủy sản để sử dụng các biện pháp sinh học đạt hiệu quả phòng trừ sâu hại tại cơ sở			trên lớp (10%) Bài báo cáo seminar (10%) Bài kiểm tra (10%) giữa kỳ (tự luận 60 phút) Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút) (60%)
29	Sinh lý cây trồng	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong suốt đời sống của thực vật như quá trình quang hợp, hô hấp, trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng cũng như quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực trồng trọt trong chương trình Công nghệ ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý ở thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực sinh lý thực vật	3	3	Điểm chuyên cần (10%) Điểm thực hành (10%) Điểm thực hiện seminar (20%) Điểm thi kết thúc học phần (60%)
30	Lý luận dạy học môn Công nghệ	Trình bày được những cơ sở lý luận chung như đối tượng và nhiệm vụ của lý luận dạy học công nghệ; nhiệm vụ của dạy học công nghệ ở trường phổ thông, nội dung dạy học công nghệ; lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học công nghệ; kiểm tra và đánh giá trong dạy học	2	3	Chuyên cần (5%) Bài tập tại lớp, hoạt động nhóm Bài tập về nhà (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công nghệ. Vận dụng được cơ sở lý luận để thiết kế tiến trình hoạt động dạy học cho một tiết học/chủ đề công nghệ cụ thể; thiết kế các câu hỏi kiểm tra đánh giá, đề kiểm tra theo đúng quy trình			Kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
31	Phương pháp dạy học môn Công nghệ	Trình bày được cơ sở lý luận của phương pháp dạy học tích cực môn công nghệ gồm: vị trí và tầm quan trọng của môn công nghệ trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc điểm môn học và các yêu cầu cần đạt, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu dạy học của môn công nghệ. - Phân tích được cấu trúc, nội dung giáo dục và các thành phần năng lực cụ thể trong chương trình môn học công nghệ. Đề xuất được một số phương pháp dạy học môn công nghệ để thiết kế kế hoạch bài học/chủ đề theo định hướng phát triển năng lực người học. Có khả năng tích hợp các môn học Vật lý, Hóa học, Sinh học thành các chuyên đề dạy học cụ thể để vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn công nghệ một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể	2	5	Điểm chuyên cần (10%) Điểm hoạt động nhóm (15%) Điểm báo cáo seminar (15%) Bài thi kết thúc học phần (60%)
32	Dạy học STEM	Xây dựng được kế hoạch dạy học chủ đề/ bài học STEM; Thiết kế và tổ chức được hoạt động của một số chủ đề dạy học STEM môn Công nghệ ở trường phổ thông	2	6	Chuyên cần (5%) Điểm bài tập nhóm, báo cáo nhóm (45%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần (50%)
33	Điện tử ứng dụng	Biết được cấu tạo, nguyên lý làm việc các loại linh kiện, cảm biến, mạch điện tử cơ bản và mạch ứng dụng. Thiết kế được mạch điện tử theo nhu cầu sử dụng. Có khả năng kiểm tra, sửa chữa, cải tiến các loại mạch điện dân dụng và công nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng điện tử vào giảng dạy môn công nghệ phổ thông và phục vụ đời sống	2	4	Chuyên cần (10%) Bài tập lớn (20%) Thi kết thúc học phần (70%)
34	Ứng dụng phần mềm mô phỏng mạch điện	Biết được cấu tạo, nguyên lý làm việc các loại linh kiện, cảm biến, mạch điện tử cơ bản và mạch ứng dụng. Thiết kế được mạch điện tử theo nhu cầu sử dụng. Có khả năng kiểm tra, sửa chữa, cải tiến các loại mạch điện dân dụng và công nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng điện tử vào giảng dạy môn công nghệ phổ thông và phục vụ đời sống	2	4	Chuyên cần (10%) Bài tập lớn (20%) Thi kết thúc học phần (70%)
35	Trang bị điện dân dụng	Biết được các khái niệm, ký hiệu chuẩn quốc tế, công dụng của các thiết bị điện dân dụng; Biết đọc bản vẽ điện, tính toán, thiết kế được một hệ thống điện dân dụng; Biết thiết kế, thi công lắp đặt được hệ thống điện cho dân dụng, hệ thống điện phân phối cho phân xưởng xí nghiệp vừa và nhỏ; Biết kiểm tra sửa chữa hệ thống điện dân dụng	2	5	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Kiểm tra thực hành (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
36	An toàn và sử dụng hiệu quả điện năng	Biết các khái niệm cơ bản về an toàn điện và sử dụng điện năng; biết các nguyên nhân thường gặp dẫn đến tai nạn điện; biết triển khai các phương pháp đảm bảo an toàn điện cho con người và thiết bị; Đặc biệt là biết cấp cứu người bị điện giật theo đúng quy trình; Ngoài ra người học hiểu rõ các chính sách về sử dụng điện năng; biết sử dụng điện năng một cách tiết kiệm, hiệu quả; biết phân tích và đề ra giải pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả cho từng đối tượng. Từ đó áp dụng kiến thức của môn học vào giảng dạy môn công nghệ ở chương trình giáo dục phổ thông và đời sống.	2	6	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập lớn (10%) Thi kết thúc học phần (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Cơ sở điều khiển tự động	Nắm vững các khái niệm cơ bản về điều khiển tự động; Biết dùng các hàn toán học để thiết kế mô hình điều khiển; Hiểu rõ các đặc tính của hệ thống điều khiển tự động; Biết khảo sát tính ổn định và chất lượng của hệ thống điều khiển tự động. Có khả năng tổng hợp một hệ thống điều khiển tự động phục vụ theo yêu cầu	2	7	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập về nhà (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
38	Công nghệ CAD/CAM-CNC cơ bản	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Tổng quan về công nghệ CAD/CAM, cấu tạo máy CNC; Sử dụng các tập lệnh G, M cơ bản của máy CNC, lập trình gia công chi tiết trên máy CNC; Khả năng phân tích, giải thích và ứng dụng được các phương pháp tạo ra một chương trình NC; Khả năng thiết kế, lập trình các chi tiết điển hình của công nghệ CNC	2	5	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
39	Vật liệu kim loại học	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Các nguyên lý chung về mối quan hệ giữa cấu trúc và cơ tính của vật liệu kim loại. Các tổ chức của hợp kim cũng như các biến đổi pha và tổ chức mà điển hình và thiết thực nhất là nhiệt luyện thép. Tổ chức, thành phần hoá học, cơ tính, chế độ nhiệt luyện và công dụng của các mác thép, gang và hợp kim màu	2	5	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
40	Cơ lý thuyết	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Cơ học liên quan đến tĩnh học, động học và động lực học. Các tiên đề tĩnh học, các lực và hệ lực, điều kiện và bài toán cân bằng lực của cơ hệ, các chuyển động cơ bản của chất điểm và vật rắn, chuyển động song phẳng của vật, chuyển động phức hợp của điểm,	2	6	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Các tiên đề động lực học, phương trình vi phân chuyển động, và nguyên lý tổng quát của động lực học. Ngoài ra, các dạng bài toán ứng với từng phần cũng được giới thiệu phương pháp và cách giải quyết			
41	Dung sai kỹ thuật đo	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Phân tích được các khái niệm cơ bản về dung sai kích thước, các sai lệch về hình dáng hình học sai lệch về vị trí, các yếu tố về nhám bề mặt của các chi tiết; Trình bày được các tiêu chuẩn Việt nam về dung sai lắp ghép đối với các chi tiết điển hình trong kỹ thuật cơ khí; Trình bày được phương pháp đo, dụng cụ đo thông dụng trong ngành cơ khí. Xác định được sai lệch hình dáng và vị trí	2	6	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
42	Nhiệt kỹ thuật	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Các khái niệm cơ bản về nhiệt động lực kỹ thuật, các định luật cơ bản và các chu trình làm việc cũng như các thông số cơ bản đặc trưng cho từng chu trình; Hai định luật nhiệt động thứ nhất và thứ hai; Chu trình động cơ đốt trong, chất thuần khiết, không khí ẩm và hơi nước; Chu trình máy lạnh, tuabin khí và động cơ phản lực; Vận dụng kiến thức giải các bại tập về nhiệt kỹ thuật	2	7	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
43	Nguyên lý - Chi tiết máy	Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về: Những khái niệm cơ bản về nguyên lý máy; giới thiệu một số chi tiết máy điển hình;	2	7	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Những nguyên tắc cơ bản trong thiết kế máy; Những nội dung cơ bản tính toán động học, động lực học một số cơ cấu phẳng cơ bản trong các máy móc			Thi kết thúc học phần (70%)
44	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Cơ sở lý thuyết cắt kim loại; Tìm hiểu về độ chính xác gia công và chất lượng bề mặt gia công; Chuẩn và gá đặt khi gia công; Các phương pháp gia công cơ khí	2	7	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
45	Bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm	Cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm cụ thể như ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến lương thực, thực phẩm trong quá trình bảo quản. Biết được những biến đổi sinh lý, sinh hóa xảy ra trong quá trình bảo quản. Biết rõ được một số nhóm sinh vật chính gây hại lương thực, thực phẩm trong quá trình bảo quản và các biện pháp phòng trừ chúng. Nắm được kỹ thuật bảo quản và chế biến một số loại lương thực, thực phẩm chính. Tự học, tự nghiên cứu tài liệu, rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ trong việc vận dụng kiến thức vào tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn. Vận dụng các kiến thức đã học để giảng dạy ở phổ thông. Có thái độ học tập đúng đắn, tích cực, tự giác trong học tập, nghiên cứu tài liệu. Tham dự đầy đủ giờ giảng theo quy chế. Thực hiện đầy đủ các công việc do giảng viên giao trong quá trình học tập với tinh thần và thái độ nghiêm túc.	2	4	Seminar, thảo luận nhóm (40%) Thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Kỹ thuật làm hoa và cắm hoa cơ bản	Nêu được nguyên liệu và dụng cụ sử dụng trong làm và cắm hoa, ký hiệu và quy ước trong cắm hoa, quy trình làm một cành hoa và cắm một bình hoa. Phân biệt được cách cắm các kiểu hoa hình căn bản như: hoa hình đứng, hoa hình nghiêng, toả tròn,… Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; làm và trình bày báo cáo; thực hành làm và cắm hoa. Rèn luyện thái độ tích cực trong học tập, thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp học, có ý thức yêu nghề, phương pháp học tập và đạo đức khoa học	2	4	Chuyên cần (10%) Kiểm tra viết (20%) Báo cáo nhóm (20%) Thi thực hành (50%)
47	Trang phục và cắt may cơ bản	Nêu được khái niệm trang phục, thời trang, các tiêu chí lựa chọn trang phục, chức năng quần áo, các nguyên liệu và dụng cụ trong may mặc, quy trình thiết kế may một sản phẩm. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng trong lựa chọn trang phục và giải thích được các quy ước cũng như các cách bảo quản quần áo. Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; thực hành cắt may, làm và trình bày báo cáo.	2	4	Chuyên cần (10%) Kiểm tra viết (20%) Báo cáo nhóm (20%) Thi thực hành (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện thái độ tích cực trong học tập, thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp học, có ý thức yêu nghề, phương pháp học tập và đạo đức khoa học			
48	Quang hợp và năng suất cây trồng	Hiểu được cơ chế quang hợp, vai trò quan trọng của quang hợp đối với môi trường, với đời sống con người; Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và năng suất cây trồng, từ đó có thể điều khiển được các yếu tố góp phần tăng năng suất cây trồng một cách hiệu quả	2	5	Chuyên cần (10%) Seminar (20%) Kiểm tra giữa kỳ (10%) Thi kết thúc học phần (60%)
49	Dinh dưỡng cây trồng trong sản xuất bền vững	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng khoáng ở thực vật, vai trò sinh lý, triệu chứng thiếu, thừa các nguyên tố khoáng, sự hấp thu, vận chuyển và chuyển hóa các chất dinh dưỡng ở cơ thể thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực trồng trọt trong chương trình Công nghệ ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động dinh dưỡng khoáng ở thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực Dinh dưỡng khoáng thực vật.	2	5	Chuyên cần (10%) Seminar (20%) Kiểm tra giữa kỳ (10%) Thi kết thúc học phần (60%)
50	Kỹ thuật trồng cây lương thực	Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng, thu hoạch, bảo quản và chế biến cây lương thực: lúa, ngô, khoai lang, khoai mì, cũng như vai trò và vị trí kýnh tế của nó trên Thế giới và trong nước.	2	5	Điểm chuyên cần (10%) Thực hành thí nghiệm (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng được kiến những thức về kỹ thuật trồng cây lương thực áp dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất các loại cây lương thực: lúa, ngô, khoai lang, khoai mì trong công tác phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác. Rèn luyện được thái độ tích cực trong học tập, nghiêm chỉnh thực hiện nội quy của lớp học			Báo cáo seminar (20%) Thi kết thúc học phần (40%)
51	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn	Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản suất rau an toàn. Vận dụng được những kiến thức về sản xuất rau an toàn theo hướng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm an toàn và chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác. Rèn luyện được thái độ tích cực trong học tập, nghiêm chỉnh thực hiện nội quy của lớp học	2	6	Điểm chuyên cần (10%) Thực hành thí nghiệm (10%) Báo cáo seminar (20%) Thi kết thúc học phần (40%)
52	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	Áp dụng được các phương pháp nhân giống vào thực tiễn nhân giống cây ăn quả; Thiết kế và chăm sóc được vườn cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở địa phương với hiệu quả năng suất cao	2	6	Chuyên cần (10%) Seminar (10%) Thực hành (10%) Kiểm tra giữa kỳ (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần (60%)
53	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	Trình bày được giá trị kinh tế và tình hình sản xuất; giá trị dinh dưỡng; những đặc điểm hình thái, sinh lý, sinh học và sinh thái; kỹ thuật trồng và chăm sóc, thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm từ cây công nghiệp như lạc, đậu nành, mía, dứa, cà phê, hồ tiêu, điều. Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; làm bài thực hành, làm báo cáo và trình bày báo cáo. Rèn luyện thái độ tích cực trong học tập, thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp học, có ý thức yêu nghề, phương pháp học tập và đạo đức khoa học.	2	6	Chuyên cần (10%) Bài tập, bài tự học, hoạt động nhóm (10%) Thực hành (10%) Bài kiểm tra (10%) Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút) (60%)
54	Công nghệ chăn nuôi	Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc, yêu cầu về chuồng nuôi vật nuôi phổ biến. Đề xuất một số biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Phân tích được quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Mô tả được một số mô hình chăn nuôi công nghệ cao: hệ thống chăn nuôi cung cấp khẩu phần ăn tự động; hệ thống chăn nuôi thu gom, phân loại trứng tự động; hệ thống chăn nuôi vắt sữa bò tự động. Hiểu được ứng dụng công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi. Chế biến được một số sản phẩm chăn nuôi bằng phương pháp đơn giản. Thực hiện được một số công việc đơn giản trong quy trình kỹ thuật chăn nuôi.	2	7	Chuyên cần (10%) Kiểm tra vở tự học lý thuyết (5%) Báo cáo PowerPoint (10%) Đánh giá quá trình, sản phẩm và tường trình thực hành (5%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài kiểm tra thường kỳ (10%) Thi kết thúc học phần theo lịch thi của trường (60%)
55	Nông nghiệp và biến đổi khí hậu	Đánh giá được những biểu hiện, phân tích được nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp. Vận dụng những kiến thức đã học nhằm đề xuất những biện pháp nhằm phát triển nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương. Ủng hộ các hoạt động, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những quy định của địa phương trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; có ý thức điều chỉnh hành vi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sống. Nhận thức được tầm quan trọng của vận dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp	2	7	Chuyên cần (10%) Seminar (20%) Kiểm tra giữa kỳ (10%) Thi kết thúc học phần (60%)
56	Nuôi cấy mô thực vật	Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật vào trong quá trình dạy học, nghiên cứu hoặc trong sản xuất đời sống. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến lĩnh vực nuôi cấy mô tế bào thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực nuôi cấy mô tế bào thực vật	2	7	Điểm chuyên cần (10%) Điểm thực hành (30%) Điểm kiểm tra giữa kỳ (10%) Điểm thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Lâm nghiệp	Trình bày được các kiến thức về hoạt động lâm nghiệp, tài nguyên rừng, quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng. Trồng và chăm sóc một số loài cây trồng rừng phổ biến, đồng thời, phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý và phát triển tài nguyên rừng, các hoạt động lâm nghiệp. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào giảng dạy các nội dung liên quan trong chương trình môn Công nghệ ở THCS và THPT. Ý thức được tầm quan trọng của các hệ sinh thái rừng đối với cuộc sống con người trong hiện tại và tương lai	2	7	Chuyên cần (10%) Seminar (20%) Thực hành (10%) Đánh giá kết thúc học phần (Bài thi tự luận) (60%)
58	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Trình bày và phân biệt được khái niệm, đặc điểm, tầm quan trọng của kỹ năng và kỹ năng mềm. Xác định được tầm quan trọng của mục tiêu và thiết lập mục tiêu. Đánh giá được chức năng, tầm quan trọng, phương tiện, phương thức, phong cách, nguyên tắc của giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe tích cực và kỹ năng phản hồi. Xây dựng được nhật ký thời gian, kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả. Tổ chức tốt một tình huống giao tiếp, một buổi thuyết trình. Kiểm soát được căng thẳng, làm chủ cảm xúc bản thân. Thành thạo các kỹ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm chuẩn mực và hợp lý, kỹ năng làm việc nhóm và phát triển các mối quan hệ xã hội, viết, trình bày và thuyết trình được nội dung khoa học.	2	3	Chuyên cần (10%) Thuyết trình cá nhân theo chủ đề tự chọn (15%) Bài tập tình huống giao tiếp theo nhóm (10%) Bài tập trắc nghiệm (15%) Thực hành kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm thiết yếu: giao tiếp, thiết lập mục tiêu, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ cảm xúc, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo. Từ đó vận dụng sáng tạo kỹ năng mềm vào học tập các môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu khoa học sau khi ra trường			
59	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trình bày được các khái niệm cơ bản về NCKH, phân tích được một quy trình NCKH. Lựa chọn được các phương pháp cơ bản sử dụng trong NCKH. Lựa chọn được một đề tài khoa học phù hợp với mục đích nghiên cứu và xây dựng được đề cương đề tài này thông qua các hoạt động tích cực như hoạt động nhóm. Rèn luyện được đức tính kiên trì, chịu khó, cần cù, trung thực trong NCKH. Xây dựng được lòng say mê trong nghiên cứu khoa học và truyền cảm hứng trong hoạt động dạy học đến học sinh, tâm huyết với nghề. Rèn luyện được phương pháp tự học, tự nghiên cứu trong học tập và trong hoạt động dạy học	2	3	Đánh giá chuyên cần (10%) Seminar (20%) Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (10%) Đánh giá đề cương NCKH (tiểu luận) (60%)
60	Ứng dụng CNTT trong dạy học Công nghệ	Sử dụng được công cụ tìm kiếm, tra cứu dữ liệu, sử dụng các phần mềm mô phỏng thí nghiệm phục vụ cho bài dạy Công nghệ ở trường phổ thông. Thiết kế được bài dạy có sử dụng công nghệ thông tin và dạy học trực tuyến. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Công nghệ	2	3	Chuyên cần (10%) Thực hành (20%) Kiểm tra giữa kỳ (Làm bài trên máy tính) (10%) Kiểm tra cuối kỳ (Tiểu luận) (60%)
61	RLNVSP1	Trình bày được các yêu cầu khi nói (thuyết trình, thuyết giảng,...); kỹ thuật viết, vẽ bảng; cách xác định được mục tiêu bài dạy (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực); lựa chọn được phương pháp; kỹ thuật dạy học phù hợp khi thiết kế bài dạy.	2	4	Chuyên cần (5%) Kiểm tra giữa kỳ (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thiết kế được giáo án theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh (trình bày từng nội dung tương ứng; xây dựng và sử dụng khéo léo hệ thống câu hỏi cho từng đối tượng học sinh). Dạy được một giờ học theo tiến trình dạy học đã soạn đúng với các yêu cầu: Thực hiện đúng tiến trình dạy học đã soạn; kết hợp thuần thục giữa nói, viết, vẽ bảng và kết thúc bài dạy các nội dung chính của toàn bộ bài học được biểu đạt trên bảng một cách lôgíc và rõ ràng; bao quát được toàn bộ lớp; đảm bảo kết thúc bài học đúng như thời gian dự kiến. Trình bày được nội dung, phương thức, loại hình tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm và thực hiện thời lượng chương trình hoạt động trải nghiệm. Vận dụng được cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động trải nghiệm để thiết kế và hướng dẫn tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông			Kiểm tra giữa kỳ (20%) Bài báo cáo (sản phẩm của hoạt động trải nghiệm) (60%)
62	RLNVSP2	Phân tích phân tích chương trình và cấu trúc, nội dung giáo dục và các thành phần năng lực cụ thể trong chương trình môn học công nghệ Xác định được mục tiêu bài dạy học/ chuẩn đầu ra (xác định được việc hình thành năng lực chung, năng lực đặc thù môn học và các phẩm chất) Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp khi thiết kế bài dạy lý thuyết/ thực hành	2	5	Đánh giá thông qua nộp sản phẩm (50%) Đánh giá trực tiếp thông qua 1 tiết tập giảng (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng lựa chọn một nội dung bất kỳ phù hợp với phương pháp đề xuất của giảng viên để thiết kế kế hoạch cho một hoạt động dạy học tương ứng theo nội dung chương trình môn công nghệ Có khả năng hoàn thành một tiết tập giảng nội dung lý thuyết/ thực hành môn công nghệ			
63	RLNVSP3	Xây dựng được các Kế hoạch bài dạy để tổ chức dạy học theo công văn 5512 của BGD & ĐT; Thiết kế được buổi hoạt động ngoại khoá cho môn công nghệ	2	6	Chuyên cần (5%) Điểm bài tập nhóm (10%) Bài kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (60%)
64	Kỹ thuật lập trình PLC	Có kiến thức cơ bản về PLC họ S7 của hãng Seimen. Biết rõ cấu trúc PLC họ S7 như: Thông số kỹ thuật, Sơ đồ chân, sơ đồ khối, bộ nhớ, chức năng các Port vào/ ra. Nắm vững tập lệnh, cấu trúc một chương trình. Xây dựng được các thuật toán điều khiển thông dụng. Từ đó lập trình cho PLC điều khiển các ứng dụng.	3	8	Chuyên cần (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Bài tập lớn (10%) Thi kết thúc học phần (70%)
65	Công nghệ chế tạo máy	Có những kiến thức cơ bản về: Các loại máy gia công kim loại; Các phương pháp chuẩn bị sản xuất, các phương pháp gia công; Một số vấn đề cụ thể có tính chất điển hình thường gặp trong sản xuất và sửa chữa cơ khí;	3	8	Chuyên cần (10%) Bài tập về nhà (10%) Kiểm tra tại lớp (10%) Thi kết thúc học phần (70%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Công nghệ lắp ráp các sản phẩm cơ khí, kiểm tra - đo lường, tính toán kinh tế cho các phương án công nghệ			
66	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	Hiểu rõ khái niệm CNSH, lịch sử hình thành và xu hướng phát triển. Nắm vững các kỹ thuật, cơ chế tác động của các tác nhân sinh học trong các quy trình sản xuất các chế phẩm của CNSH. Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống sản xuất. Vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích các quy trình. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học. Ý thức được lợi ích và rũi ro có thể có của các sản phẩm biến đổi gene cũng như các quy định về an toàn sinh học.	2	8	Seminar, thảo luận nhóm (40%) Thi kết thúc học phần (60%)
67	Sinh lý thực vật ứng dụng	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại về chất điều hòa sinh trưởng thực vật, nuôi cấy mô tế bào thực vật, các biện pháp điều khiển quang hợp để tăng năng suất cây trồng, sự điều chỉnh sự phát sinh hình thái của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực trồng trọt trong chương trình Công nghệ ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý của thực vật và những ứng dụng của chúng trong sản xuất và đời sống.	2	8	Điểm chuyên cần (20%) Điểm thực hiện seminar (20%) Điểm thi kết thúc học phần (60%)
68	Côn trùng học nông nghiệp	Nêu được vai trò của côn trùng trong nông nghiệp và đời sống con người. Trình bày được đặc điểm cấu tạo hình thái, cấu tạo giải phẫu cơ thể côn trùng cũng như đặc điểm sinh vật học, sinh thái học côn trùng. Phân loại được một số nhóm côn trùng phổ biến liên quan đến nông	2	8	Chuyên cần (10%) Bài báo cáo seminar (10%) Thực hành (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp. Trình bày được những nguyên lý và phương pháp phòng trừ sâuu hại. Vận dụng được những kiến thức côn trùng học vào trong đời sống thực tiễn như phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ côn trùng có ích, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học ở các trường phổ thông			Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận 60 phút) (10%) Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút) (60%)

24. Sư phạm Khoa học tự nhiên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Có kiến thức về lịch sử của Trường, của Khoa qua đó tự hào với việc học tập tại Trường, với ngành nghề đang theo học. Vận dụng tốt quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện và quy trình quản lý đào tạo để sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề Sư phạm Sinh học đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân.	2	1	- Thuyết trình, thảo luận, thực hành trên máy tính. - Thi: tự luận (50%).
2	Phương pháp NCKH	Học phần này gồm các nội dung liên quan đến việc thực hiện một công trình nghiên cứu bao gồm: tổng quan vấn đề nghiên cứu, nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, Đề cương nghiên cứu khoa học, các bước thực hiện một công trình nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học. Với những kiến thức này mong muốn hỗ trợ cho sinh viên những vấn đề cốt lõi nhất liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
3	Toán cho khoa học tự nhiên	Toán cho Khoa học tự nhiên có 4 chương bao gồm Giải tích hàm một biến, hàm nhiều biến như hàm số, giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phương trình vi phân thần nhất bậc 1, bậc 2. Giải tích véctơ trình bày những kiến thức về véctơ, và ma trận, định thức.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Vật lý trong khoa học tự nhiên	Học phần Vật lý trong khoa học tự nhiên gồm các nội dung đại cương về cơ, nhiệt, điện, quang và sóng cơ học. Học phần gồm 3 tín chỉ, trong đó 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Học phần được giảng dạy ở năm thứ nhất, nội dung học phần trang bị cho sinh viên ngành sư phạm Khoa học tự nhiên những kiến thức vật lý cơ bản nhất liên quan đến ngành nghề, rèn luyện cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học, kết hợp giữa lý thuyết với thực tiễn, đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng nền để tiếp cận các kiến thức chuyên ngành.	2	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
5	Sinh học trong khoa học tự nhiên	Trình bày được các khái niệm về tế bào, các loại mô và cơ quan của cơ thể thực vật và động vật; Phân biệt được cấu trúc tế bào động vật và tế bào thực vật, sự phân bào nguyên phân và phân bào giảm phân; So sánh được đặc điểm giữa các thành phần cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, hiểu và ứng dụng được vai trò của sinh vật nhân sơ; Trình bày được đặc điểm cấu tạo và chức năng của các loại mô, cấu tạo và chức năng của các bộ phận cơ thể.	2	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
6	Hóa học trong khoa học tự nhiên	- Giải thích được các khái niệm cơ bản của hóa học: nguyên tử, phân tử, nguyên tố hóa học, nguyên tử khối, phân tử khối, Mol, số Avogadro… - Giải thích được cấu tạo và một số tính chất của nguyên tử - Phân tích được sự hình thành phân tử từ nguyên tử; Giải thích được các đặc trung hình học của phân tử;	2	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giải thích được những tính chất cơ bản quan trọng của dung dịch điện li. - Thực hành thành thạo được các kỹ năng cơ bản và một số kỹ thuật phổ biến trong phòng thí nghiệm môn KHTN ở trường THCS.			
7	Kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm	Học xong học phần này sinh viên có thể nhận dạng và sử dụng được các thiết bị, dụng cụ và hoá chất đúng cách, đảm bảo an toàn. Hình thành được kỹ năng ứng biến với các tình huống xảy ra trong quá trình thực hành, thí nghiệm.	1	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm bài tập lớn (60%)
8	Toán xác suất cho Khoa học tự nhiên	4.1. Vận dụng các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất để giải quyết một vấn đề về hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra liên quan đến Khoa học tự nhiên và trong đời sống hàng ngày. 4.2. Vận dụng các kiến thức về Thống kê toán trong học phần để có thể xử lí và phân tích số liệu thực nghiệm ở mức độ cơ bản nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công tác sau này. 4.3. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
9	Khoa học trái đất trong khoa học tự nhiên	Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức về những vấn đề cơ bản của khoa học trái đất, những phương pháp nghiên cứu trái đất; Trình bày những cơ sở không gian mà trái đất tồn tại, hệ mặt trời, những chuyển động vật lý của hệ mặt trời, những cấu tạo bên trong trái đất; Trình bày về các vấn đề thủy quyển, khí quyển, bề mặt, sinh quyển trái đất; lịch sử phát triển của trái đất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Đa dạng thế giới sống	- Trình bày được đặc điểm và phân loại của 5 giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật và Động vật; - Phân tích được đặc điểm cấu tạo, phân loại và vai trò của vi sinh vật, nấm, tảo và địa y trong tự nhiên và trong đời sống; - Phân loại được thực vật ở các ngành khác nhau, chứng minh được sự tiến hóa của thực vật hạt kín; - Phân loại được động vật ở các ngành khác nhau; trình bầy được vị trí, cấu tạo của cơ quan, hệ cơ quan động vật.	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
11	Cơ và dao động sóng	Sau khi học xong học phần, người học cần nắm được các kiến thức cơ bản về cơ học (cơ học chất điểm, chuyển động của vật rắn, công và năng lượng, các định luật bảo toàn) và kiến thức cơ bản về dao động - sóng (dao động cơ học, sóng cơ học, dao động điện từ và sóng điện từ). Nắm vững và hiểu rõ ***đại lượng vật lý, các định lý, định luật vật lý và vận dụng giải thích các hiện tượng và có khả năng giải quyết các bài toán thực tế cụ thể.***	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Nhiệt trong khoa học tự nhiên	**Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức về các quá trình nhiệt học, các quá trình diễn biến trong tự nhiên theo quan điểm biến đổi năng lượng, biến đổi nhiệt độ của một hệ vĩ mô theo các định luật của nhiệt động học và thuyết động học chất khí. Nghiên cứu các hiện tượng nhiệt, các thông số trạng thái và bốn nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học; phân biệt giữa khí thực và khí lí tưởng, giữa các quá trình cân bằng và không cân bằng, giữa các quá trình thuận nghịch và không thuận nghịch, Entropy và sự biến thiên của nó, nguyên lý hoạt động và hiệu suất của các động cơ nhiệt bất kỳ so với động cơ nhiệt hoạt động theo chu trình carnot thuận nghịch. Bên cạnh đó, nghiên cứu về phương pháp hàm nhiệt động để thiết lập các hàm nhiệt động lực học mới như: Nội năng, năng lượng tự do, thế nhiệt động Gibbs và Entanpy; Tìm được hệ thức liên hệ giữa các thông số nhiệt cũng như thiết lập biểu thức tổng quát để tính hệ số Joule-Thomson thông qua những thông qua những hàm nhiệt động này. Cuối cùng, các nghiên cứu chứng minh không thể đạt được "nhiệt độ 0 K tuyệt đối".**	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
13	Điện và từ	Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản của các hiện tượng điện và từ. Hiểu định luật Gauss, định lí Ampere về dòng toàn phần, lực Lorent, hiệu ứng Hall. Các hiện tượng cảm ứng điện từ và sự hình thành nên lý thuyết trường điện từ thông qua hệ phương trình Maxwell. Khái niệm dòng điện	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xoáy, dòng điện dịch, giả thuyết Maxwell, khái niệm trường điện từ. Biết thành lập các phương trình Maxwell-Faraday và Maxwell – Ampere.			
14	Hóa học các nguyên tố	Sau khi học xong học phần người học: Xác định được vị trí, sự biến thiên một số tính chất của các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn**.** .	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
15	Hóa lý 1	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các nguyên lý của nhiệt động lực học, cân bằng dị thể, thành phần và tính chất dung dịch, cân bằng hóa học. Định hướng cho sinh viên áp dụng các lý thuyết nhiệt động lực học vào khảo sát, tính toán sự trao đổi năng lượng, khả năng tự xảy ra, mức độ diễn biến của các quá trình hóa lý. 4Giúp sinh viên giải thích được các hiện tượng tự nhiên liên quan đến nhiệt động lực học như nhiệt độ sôi, đông đặc, độ giảm áp suất hơi, sự cháy, sự quang hợp, áp suất thẩm thấu.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
16	Hóa lý 2	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về động học phản ứng, xúc tác, pin điện, thế điện cực, sức điện động, nguồn điện hóa học, điện phân. 4Hướng dẫn cho sinh viên áp dụng kiến thức tính toán xác định định luật tốc độ, hằng số tốc độ, năng lượng hoạt hóa, sự thay đổi nồng độ chất phản ứng theo thời gian, thời gian nửa phản ứng.	2	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hướng dẫn cho sinh viên thực hiện các tính toán xác định sức điện động pin, thế điện cực, sự thay đổi khối lượng chất điện phân theo thời gian, hằng số cân bằng, biến thiên năng lượng Gibbs, dự đoán chiều hướng phản ứng oxi hóa – khử dựa vào thế điện cực chuẩn.			
17	Cơ sở hóa vô cơ	Sau khi học xong học phần người học: ***Sử dụng hiệu quả hơn bảng hệ thống tuần hoàn và thảo luận về tính tuần hoàn một số tính chất. Mô tả được cấu trúc cấu tạo nên tên gọi các hợp chất theo danh pháp IUPAC và ngược lại. Phân loại và giải thích sự biến thiên tính chất của các hợp chất HX, oxide và hydroxide. Vận dụng các kiến thức về hoá đại cương để giải xác định các phản ứng hoá học vô cơ xảy ra và xác định thành phần hoá học của các chất. Sử dụng kiến thức hoá học để giải thích cấu trúc hình học và bản chất liên kết của các chất vô cơ. Vận dụng kiến thức về hoá học để xác định được pH trong dung dịch acid – base và thiết lập được pin điện từ các giá trị thực nghiệm***	2	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
18	Hóa hữu cơ với sự sống 1	Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể gọi tên được các hợp chất hữu cơ theo các quy tắc khác nhau, phân biệt được hợp chất hữu cơ và vô cơ, nhận biết; làm sạch và điều chế được các các hợp chất hữu cơ thông qua các quá trình thí nghiệm và cơ sở lý thuyết về tính chất hoá học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ như: hydrocarbon; dẫn xuất halogen; alcohol-phenol-ether-epoxide; carbonyl; acid carboxylic-ester-amid và amin, nhằm hỗ trợ cho quá trình dạy và học nội dung KHTN.	3	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
19	Con người và sức khỏe	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần cấu tạo hoá học và cấu tạo tế bào của cơ thể người.	2	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giúp cho sinh viên có cách nhìn tổng quát về hệ miễn dịch và một số bệnh xảy ra trong các hệ cơ quan ở người. Nắm được nguồn gốc và tiến hoá người, di truyền người, sinh thái người. Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ trong việc vận dụng kiến thức vào tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn.			thi kết thúc học phần (50%)
20	Sinh lý thực vật trong khoa học tự nhiên	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong suốt đời sống của thực vật như quá trình quang hợp, hô hấp, trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng cũng như quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực sinh học thực vật trong chương trình Khoa học tự nhiên ở Trường THCS. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý ở thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực sinh lý thực vật	2	4	Tham dự tối thiểu 100% số tiết của môn học (20%). Hoàn thành bài thu hoạch theo chương (30%). Làm bộ sưu tập theo nhóm (50%)
21	Quang học trong khoa học tự nhiên	**Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức về các đại lượng trắc quang và đơn vị đo của chúng; bản chất sóng của ánh sáng thông qua hiện tượng giao thoa ánh sáng và hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng; hiện tượng phân cực ánh sáng qua các định luật Malus, Brewster; sự truyền ánh sáng qua các môi trường đẳng hướng như: Sự tán sắc ánh sáng, hấp thụ ánh sáng, tán xạ ánh sáng; các nội dung về bức xạ ánh sáng và quang học phi tuyến.**	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Lý luận dạy học khoa học tự nhiên	Môn Lý luận dạy học khoa học tự nhiên (LLDH KHTN) là môn học giúp cho người học có cái nhìn tổng thể về lý luận và phương pháp dạy học môn KHTN ở cấp trung học cơ sở (THCS). Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý luận dạy học nói chung và lý luận dạy học môn KHTN nói riêng. Đồng thời đưa ra những quan điểm, phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật dạy học cụ thể để làm nền tảng cho môn phương pháp dạy học KHTN, giúp thực hiện tốt nội dung dạy học và làm hành trang để sinh viên bước vào nghề.	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
23	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên	Học phần PPDH Khoa học tự nhiên (KHTN) nghiên cứu về chương trình môn KHTN bao gồm: đặc điểm và quan điểm xây dựng chương trình môn KHTN; mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình môn KHTN; nghiên cứu về nội dung và phương pháp giáo dục của chương trình môn KHTN. Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp vào tổ chức dạy học các kiểu/dạng bài học khác nhau trong chương trình môn KHTN. Nghiên cứu học phần PPDH KHTN giúp cho người học hiểu rõ hơn mối liên hệ của chương trình, phương pháp dạy học, tổ chức dạy học, đổi mới PPDH để nâng cao chất lượng dạy học môn KHTN ở trường phổ thông.	3	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
24	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Khoa học tự nhiên	Môn này trang bị cho sinh viên: các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Khoa học tự nhiên; hệ thống các cách sử dụng phần mềm ứng dụng trong dạy học Khoa học tự nhiên như: Mathtype, ChemBioffice, phần mềm vẽ dụng cụ lí và hóa. Sinh viên vận dụng được phần mềm Crocodile Chemistry và Crocodile Physics,	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		PhET thiết kế mô phỏng hỗ trợ dạy học. Thiết kế một bài giảng có sử dụng công nghệ thông. Bên cạnh đó, sinh viên có thể tổ chức được dạy học trực tuyến thông qua sử dụng một số phần mềm hỗ trợ			thi kết thúc học phần (60%)
25	Hóa hữu cơ với Sự sống 2	Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể giải thích được các tính chất vậtt lý, hoá học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ thông qua các quá trình thí nghiệm và cơ sở lý thuyết như: hydroxycarbonyl; carbohydrat; lipid; amino acid, peptide, protein, nucleoprotein – acid nucleic; polymer (hợp chất cao phân tử) nhằm định huống cho việc dạy học KHTN ở chương trình phổng thông.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
26	Di truyền và tiến hóa	Trình bày và giải thích được những quy luật phát triển lịch sử chung nhất của giới hữu cơ, những nguyên tắc tổ chức của các đơn vị sống, vai trò của các nhân tố tiến hóa và cơ chế của các quá trình tiến hóa. Mô tả được các kiến thức cơ bản, hiện đại về cấu trúc, chức năng và sự vận động của vật chất di truyền ở các mức độ: phân tử, tế bào, cơ thể, quần thể, về cơ chế và quy luật di truyền, biến dị trên đối tượng virus, vi khuẩn, động vật, thực vật và con người. Phân tích được các loại biến dị, nguyên nhân, cơ chế phát sinh, tính chất biểu hiện và vai trò của mỗi loại biến dị trong chọn giống và tiến hóa ở các đối tượng khác nhau như vi sinh vật, động vật, thực vật. Thành thạo trong việc so sánh, phân tích và đánh giá các quy luật, sự phát triển của giới hữu cơ trong quá trình di truyền và tiến hóa. Vận dụng được những kiến thức chuyên môn trong việc học tập của học sinh với sức hấp dẫn cao. Hình thành được kỹ năng hoạt	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động nhóm, vận dụng thành thạo kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống và sản xuất;			
27	Sinh học và phát triển	*Sinh học và phát triển* là một môn khoa học chuyên ngành nghiên cứu các vấn đề sinh sản, phát triển đặc trưng ở động vật và thực vật, gồm các nội dung chính như vai trò của tế bào trong sự phát triển, các hình thức sinh sản và ý nghĩa, sự phát sinh giao tử, sự thụ tinh, sự phát triển phôi sớm ở động vật, chu trình sinh sản ở người; các vấn đề về sự phát triển sinh sản, sự phát triển sinh dưỡng ở thực vật, những trường hợp đặc biệt trong sinh sản, những kiến thức về chu trình sống thực vật có hoa và các giai đoạn phát triển và sự già ở thực vật có hoa, ý nghĩa sinh học của tính già.	2	5	
28	Kiểm tra đánh giá trong dạy học KHTN	- Trình bày được các khái niệm cơ bản của đánh giá trong giáo dục, mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá trong giáo dục. - Giải thích được khái niệm mục tiêu trong đánh giá, xác định được vị trí của mục tiêu trong mối tương quan với các khái niệm khác như định hướng, mục đích. - Phân biệt và vận dụng được các phương pháp và kĩ thuật trong đánh giá, cách xây dựng các công cụ đánh giá thường xuyên và định kỳ. - Phân tích được các vấn đề chung về đánh giá thực để vận dụng được vào quá trình dạy - học - kiểm tra đánh giá. - Thiết kế được qui trình đánh, bộ công cụ đánh giá kết quả học tập của người học.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Thí nghiệm trong dạy học Khoa học tự nhiên ở trường THCS	Học phần cung cấp cho sinh viên các kĩ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành các thí nghiệm trong chương trình môn Khoa học tự nhiên. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng sử dụng thí nghiệm vào trong dạy học Khoa học tự nhiên. Qua đó hình thành khả năng lựa chọn, xây dựng và sử dụng thí nghiệm trong dạy học.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
30	Sinh thái học	- Vận dụng được kiến thức về sinh thái học quần thể, quần xã, hệ sinh thái, đa dạng sinh học để giải thích, phân tích những hiện tượng gặp trong tự nhiên, vận dụng được những kiến thức về môi trường để phân tích những biến đổi môi trường sống và đề xuất những biện pháp bảo vệ môi trường. - Vận dụng được những kiến thức về sinh thái môi trường để giảng dạy những nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở phổ thông. - Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của sinh thái học trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	3	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
31	Tập tính sinh học	Học phần *Tập tính sinh học* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: những khái niệm về tập tính của động vật như tập tính bẩm sinh, tập tính học được và tập tính hỗn hợp; về các quy luật hình thành tập tính, con đường hình thành và phát triển tập tính. Học phần này cũng mô tả những biểu hiện của tập tính trong thế giới động vật và ý nghĩa của việc nghiên cứu từng loại tập tính của động vật. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu những ứng dụng của tập tính động vật vào đời sống và sản xuất của con người.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Công nghệ sinh học đại cương	Sau khi học xong học phần, người học được cung cấp những kiến thức cơ bản về Công nghệ Sinh học với các lĩnh vực công nghệ như công nghệ gene, công nghệ tế bào thực vật - tế bào động vật, công nghệ lên men vi sinh vật, công nghệ enzyme và protein. Hình thành ở người học các kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ để chiếm lĩnh tri thức và định hình những kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu và triển khai quy trình Công nghệ Sinh học vào thực tiễn sản xuất. Bồi dưỡng người học thái độ tích cực đối với môn học, ngành học cũng như thực tiễn nghiên cứu và triển khai Công nghệ Sinh học vào sản xuất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
33	Kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật	Học phần kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật nuôi cấy mô, tế bào thực vật trong ống nghiệm, cơ sở khoa học của nuôi cấy mô, chất điều hòa sinh trưởng, nhu cầu dinh dưỡng trong nuôi cấy mô, kỹ thuật nuôi cấy trong ống nghiệm.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
34	Miễn dịch học đại cương	Hiểu biết kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể động vật, bao gồm miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch. Phân tích các cơ chế đáp ứng miễn dịch, bệnh lý miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh. Giải thích cơ sở sử dụng vaccine trong chữa bệnh, chẩn đoán bệnh và ứng dụng trong các nghiên cứu cơ bản về bệnh tật và phòng ngừa bệnh ở người và động vật. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy ở trường phổ thông, bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Vật lý hiện đại	Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về vật lý hạt nhân và vật lý lượng tử, hiểu và và giải thích được một số hiện tượng vật lý như sự phóng xạ, cấu trúc hạt nhân, lý thuyết lượng tử và kỹ năng giải được các bài tập đơn giản, tạo điều kiện tốt cho học tập ở bậc học cao hơn.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
36	Năng lượng và biến đổi khí hậu	Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức về năng lượng; các dạng của năng lượng; sự chuyển hóa năng lượng; năng lượng hao phí; nhiên liệu và các nguồn năng lượng trong tự nhiên. Trình bày các năng lượng sinh học như: Quang hợp ở thực vật, hô hấp tế bào. Trình bày Nhiệt và nội năng; đo nhiệt lượng; truyền nhiệt lượng như: dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt; bay hơi; điều hòa thân nhiệt ở người; dòng năng lượng trong hệ sinh thái. Công và công suất; động năng; tốc độ xe với an toàn; thế năng; chuyển hóa và bảo toàn năng lượng; vòng năng lượng trên trái đất; gió và sóng; thủy triều và năng lượng địa nhiệt; năng lượng hóa thạch, năng lượng hạt nhân và năng lượng mặt trời; năng lượng từ sự chảy của nước.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
37	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX1	Môn thực hành dạy học khoa học tự nhiên 1 là môn học giúp sinh viên rèn các kỹ năng sư phạm cơ bản cụ thể như sau: kỹ năng đọc và soạn thảo văn bản, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng vẽ hình, kỹ năng xây dựng phiếu học tập và làm đồ dùng dạy học, kỹ thuật thiết kế và xây dựng bài giảng giảng dạy một hoạt động dạy học cụ thể, kỹ thuật thiết kế và xây dựng bài giảng cho một tiết học/chủ đề hoàn chỉnh. Đây là môn học có ý nghĩa quan trọng trong đào tạo giáo viên dạy học môn KHTN ở cấp THCS.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX2	Trình bày được các yêu cầu khi nói (thuyết trình, thuyết giảng,...); kỹ thuật viết, vẽ bảng; cách xác định được mục tiêu bài dạy (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực); lựa chọn được phương pháp; kĩ thuật dạy học phù hợp khi thiết kế bài dạy; cách thiết kế câu hỏi định hướng tư duy, phiếu học tập cho HS trong khi thiết kế giáo án và dạy học trên lớp. Thiết kế được tiến trình hoạt động dạy học cho một nội dung kiến thức/chủ đề Khoa học tự nhiên theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Dạy được một giờ học theo tiến trình dạy học đã soạn với các yêu cầu sau: Thực hiện đúng tiến trình dạy học đã soạn; thực hiện thành công các thí nghiệm của GV và HS; kết hợp thuần thục giữa nói và viết bảng, sao cho kết thúc bài dạy các nội dung chính của toàn bộ bài học được biểu đạt trên bảng một cách lôgíc và rõ ràng; bao quát được toàn bộ lớp; đảm bảo kết thúc bài học đúng như thời gian dự kiến.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
39	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX3	Môn học Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3 giúp sinh viên: Rèn luyện kĩ năng biên soạn và hướng dẫn học sinh giải các bài tập hóa học của chủ đề môn Khoa học tự nhiên; kĩ năng thiết kế kế hoạch dạy học và thực hành tổ chức một tiết dạy cho các chủ đề kiến thức hóa học; kĩ năng nhận xét, đánh giá một tiết dạy theo các tiêu chí cụ thể.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (25%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (15%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
40	Kỹ thuật dạy học tích cực	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở khoa học của việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn KHTN ở	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường THCS nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh hội các tri thức và phát triển năng lực của học sinh. Đồng thời giúp người học biết lựa chọn và thiết kế các kĩ thuật dạy học trong các chủ đề KHTN cho phù hợp.			luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
41	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Khoa học tự nhiên ở trường THCS	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chương trình giáo dục phổ thông mới; khái niệm, mục tiêu, vai trò của hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông; nội dung, hình thức, phương pháp, qui trình tổ chức và cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học tự nhiên ở trường THCS. Học phần này sẽ giúp sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các chủ đề cụ thể, qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cho sinh viên.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
42	Dạy học theo chủ đề	Học phần cung cấp những vấn đề chung nhất về những vấn đề liên quan đến dạy học theo chủ đề: Tìm kiếm chủ đề, qui trình xây dựng chủ đề, thiết kế kế hoạch dạy học, hoạt động trải nghiệm trong dạy học theo chủ đề, chủ đề STEM và đánh giá kết quả dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
43	Dạy học STEM ở trường THCS	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về STEM, giáo dục STEM, qui trình xây dựng chủ đề STEM, thiết kế và tổ chức thực hiện chủ đề STEM. Qua học phần sẽ giúp sinh viên thiết kế và tổ chức thực hiện chủ đề STEM cụ thể trong môn khoa học	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự nhiên ở THCS, qua đó hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh. Nhận thức được những tác động của biến đổi khí hậu có ý thức điều chỉnh hành vi ứng phó với biến đổi khí hậu.			
44	Một số vấn đề Vật lý hiện đại	Sau khi học xong học phần sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê trong nghiên cứu hệ nhiều hạt, nắm được các tính chất của hệ nhiều hạt cả về mặt cổ điển và lượng tử, các tính chất và hàm nhiệt động của khí lý tưởng, khí thực, tính chất của dao động tử điều hoà, rôtato, tính chất của nhiệt dung của khí lý tưởng, nhiệt dung của vật rắn, nhiệt dung của khí electron và kỹ năng giải được các bài tập đơn giản, tạo điều kiện tốt cho học tập ở bậc học cao hơn.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
45	Một số vấn đề sinh học hiện đại	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ chuyển gen, ứng dụng cây trồng biến đổi gen phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong tương lai. Vận dụng được các kiến thức về công nghệ xử lý môi trường sinh học trong thực tế hiện nay; hướng tiếp cận phân tử trong xử lý sinh học. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ enzyme và ứng dụng của enzyme. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ tế bào gốc và ứng dụng của tế bào gốc; các ứng dụng tương lai trong liệu pháp tế bào. Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức về sinh học tổng hợp và những ứng dụng; hướng chọn lọc, đánh giá và phát triển các ứng	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng sinh học tổng hợp. Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích, giải thích quá trình phát triển của sinh học hiện đại và ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học, cuộc sống. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy tốt các môn học có liên quan ở trường trung học.			
46	Một số nguyên lý hóa học trong dạy học Khoa học Tự nhiên	Hệ thống được những nội dung cơ bản, cốt lõi của của các nguyên lí, định luật cơ sở về hóa lí và hóa cấu tạo trong chương trình phân môn hóa học. Thiết lập được mối liên hệ giữa các kiến thức cơ sở của học phần với nội dung kiến thức trong các chủ đề nội dung dạy học trong chương trình giáo dục môn KHTN. Hình thành được cho bản thân năng lực tự học, nghiên cứu, năng lực hợp tác, kĩ năng giao tiếp trong nhóm, lớp và với cộng đồng. Vận dụng được kiến thức hóa lí, hóa cấu tạo vào việc thiết kế chủ đề dạy học và kế hoạch bài dạy theo cấu trúc chương trình giáo dục phổ thông môn KHTN.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

25. Sư phạm Lịch sử và Địa lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc đơn giản, quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.			
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 theo khung NLNN.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghiên cứu và nhận thức về quan điểm của Đảng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	3	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
4	Công tác quốc phòng, an ninh	Nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
5	Quân sự chung	Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.	2	HK3	Các thao tác kỹ thuật tháo lắp súng AK
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).	4	HK4	Kỹ thuật bắn súng AK.
7	Giáo dục thể chất 1	Nội dung môn học giúp người học biết được vai trò và tác dụng của TDTT; Giúp người học phát triển các tố chất thể lực một cách toàn diện, góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK1	Thực hành; Người học lựa chọn 1 trong 2 nội dung về chạy ngắn hoặc chạy cự ly trung bình để kiểm tra.
8	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	Tập luyện các đòn thế cơ bản của Bơi lội, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu bơi lội ; Góp phần giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK2	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
9	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng đá	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
10	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng chuyền	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
11	Giáo dục thể chất 2 _ Cầu lông	Tập luyện các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông, vận dụng vào trong thi đấu và kiểm tra; Biết được nguyên tắc tập luyện, góp phần phần hoàn thiện kỹ thuật và các tố chất thể lực, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
12	Giáo dục thể chất 2 _ Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
13	Giáo dục thể chất 2 _ Võ thuật Karatedo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo; Tập luyện các kỹ năng cơ bản, để tự vệ, rèn luyện sức khỏe, phục vụ học tập, rèn luyện con người.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
14	Giáo dục thể chất 2 _ Cờ vua	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện và phát triển các thế cờ tấn công và phòng	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thủ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.			và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
15	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng bàn	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng bàn, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
16	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng ném	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng ném, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
17	Giáo dục thể chất 2 _ Bóng rổ	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện bóng rổ, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
18	Giáo dục thể chất 2 _ Tennis (Quần vợt)	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện Tennis, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
19	Giáo dục thể chất 2 _ Đá cầu	Giúp người học biết kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện đá cầu, trên cơ sở đó người học vận dụng để phát triển tư duy, rèn luyện tính kiên nhẫn, tự tin.	1	HK3	Thực hành; Kiểm tra kỹ thuật cơ bản và đánh giá dựa theo thang điểm quy định.
20	Triết học Mác - Lênin	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 215/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.Căn cứ vào mục tiêu học	3	HK1	Kiểm tra thường kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương tập trung vào những kiến thức cơ bản vềtriết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội; khái quát về nội dung của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.			Thi kết thúc học phần
21	Nhập môn ngành lịch sử và địa lý	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm KHXH, ngành Lịch sử; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
22	Pháp luật Việt Nam đại cương	Cung cấp kiến thức về lý luận chung nhà nước và pháp luật; tổng quan về bộ máy Nhà nước CHXHCNVN và hệ thống pháp luật Việt Nam; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu của nước ta hiện nay.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
23	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về: Đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối mới. Cụ thể: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học bao gồm 7 chương, trong đó có những nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
26	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm chương mở đầu và ba chương, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Qua đó khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt nam của Đảng.	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
27	Địa danh học	Học phần Địa danh học Việt Nam bao gồm hai nội dung chính: - Phần một giới thiệu khái niệm chung về địa danh Việt Nam, trong đó ý nghĩa, nguyên tắc đặt tên, phân loại và phân vùng địa danh Việt Nam. - Phần hai trình bày các địa danh địa lý cụ thể tiêu biểu ở Việt Nam như sông ngòi, đồi núi, hải đảo, hành chính... - Ngoài ra, còn có phần bài tập mục đích rèn luyện kiến thức lý thuyết và vận dụng vào nghiên cứu, học tập địa danh học Việt Nam.	2	HK2	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
28	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	Giáo dục vì sự phát trển bền vững là Học phần cần thiết trong xu thể hội nhập và phát triển. Đây là Học phần quan trọng để sinh viên hiểu và tham gia các hoath động, hình thành các kỹ năng dựa trên cơ sở GDVSPTBV. Đây chính là mục tiêu quan trọng trong đào tạo giáo viên Địa lý có đầy đủ kiến thức, kỹ năng hoạt động giảng dạy trong tương lai hoặc ở bất cứ vai trò, vị trí nào cũng trên cơ sở phát triển bền vững.	2	HK2	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Khảo cổ học	Sinh viên được trang bị những tri thức khoa học cơ bản về khảo cổ học để phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu lịch sử và phục vụ giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
30	Dân tộc học	Sinh viên được trang bị những tri thức khoa học cơ bản về dân tộc học để phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu lịch sử và phục vụ giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
31	Tâm lý học đại cương	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
32	Tâm lý học trung học	Cung cấp cho SV kiến thức về sự phát triển tâm lý cá nhân, đặc điểm tâm lý học sinh trung học, những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục học sinh trung học, một số vấn đề tâm lý học người thầy giáo.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
33	Giáo dục học đại cương	Trang bị những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp sinh viên xem xét, vận dụng vào công tác giáo dục ở nhà trường phổ thông.	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
34	Giáo dục học trung học	Sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của học sinh trung học theo cơ sở khoa học. SV có khả năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, vào thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
35	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non	2	HK4	Trắc nghiệm khách quan

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về Sử học và Phương pháp luận Sử học	2	HK1	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
37	Bản đồ học	Bản đồ là một học phần giúp cho sinh viên hiểu hệ thống kiến thức cơ bản của Địa lí tự nhiên đại cương, cụ thể như cơ sở toán học cuả bản đồ, hệ thống ký hiệu bản đồ. Quá trình tổng quát hóa bản đồ… Sinh viên học xong học phần có thể vận dụng vào việc biên tập và thành lập bản đồ giáo khoa, sử dụng bản đồ giáo khoa trong dạy học Địa lí. Thông qua học phần, những kỹ năng chuyên môn của địa lí về bản đồ được phát triển cho sinh viên như so sánh, phân tích các lưới chiếu phù hợp khi sử dụng bản đồ, đọc và khai thác bản đồ,…Bên cạnh đó, Thái độ của sinh viên được hình thành như tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Địa lý	Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử và địa lí, giúp các em bước đầu làm quen với NCKH	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
39	Lịch sử văn minh thế giới	Sinh viên nghiên cứu về Lịch sử văn minh thế giới, hiểu, và vận dụng để phục vụ cho việc học tập các môn khoa học lịch sử khác, cũng như phục vụ cho việc giảng dạy ở trường phổ thông.	2	HK2	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
40	Địa lý biển, đảo Việt Nam	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về địa lý tự nhiên Biển Đông: vị trí địa lý của Biển Đông, các đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (địa chất, địa hình, chế độ thủy triều, độ mặn, khoáng sản, động thực vật,…) cũng như khái quát về một số đảo ven bờ và quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; về vai trò của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khẳng định và tuyên bố chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Địa lý du lịch	Địa lí du lịch là một ngành khoa học tương đối non trẻ trong phân ngành địa lí học; nghiên cứu sự phân bố các đối tượng và hoạt động du lịch theo không gian phát hiện quy luật hình thành, định hướng và giải pháp để hoạt động du lịch thực hiện hiệu quả. - Môn học giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lí du lịch. Phân tích tổng hợp các nhân tố phát triển du lịch, sự phân bố của chúng và hệ thống tổ chức lãnh thổ du lịch. - Giới thiệu tổng quan về tổ chức lãnh thổ DL Việt Nam	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
42	Địa lý tự nhiên đại cương	Trang bị cho sinh viên 4 mạch nội dung kiến thức chính: - Địa chất: tổng quan về địa chất học, cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái đất, tinh khoáng, đá cũng như địa chất cấu trúc. Các quá trình địa chất của Macma, động đất, chuyển động kiến tạo, nước, biển và đại dương, hồ và đầm lầy, băng hà, sinh vật. Các thuyết địa kiến tạo và quan điểm phân chia các đơn vị kiến trúc chính của vỏ Trái Đất. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu địa chất lịch sử, địa niên biểu và đại cương về cổ sinh vật. Các giai đoạn phát triển địa chất của vỏ Trái đất. Phân loại, danh hiệu bản đồ địa chất, cấu trúc của bản đồ địa chất, dấu hiệu qui ước bản đồ địa chất. - Thạch quyển: Các vấn đề liên quan đến địa hình bề mặt Trái Đất. Trong đó, tập trung vào nghiên cứu các dạng địa hình trên lục địa cũng như địa hình bờ biển và đáy đại dương. - Khoa học Trái Đất: Những vấn đề cơ bản về Vũ trụ, hệ Mặt Trời và các vận động chính của Trái Đất cũng như những hệ quả địa lý của nó. - Khí quyển: Kiến thức cơ bản về không khí, cấu trúc của khí quyển. Tìm hiểu về cơ chế hình thành, cân bằng và diễn biến của chế độ nhiệt, mưa theo không gian, thời gian. Cung cấp kiến thức về khí áp và gió, diễn biến của khí áp, các loại gió (hoàn lưu) hành tinh và địa phương; nghiên cứu về thời tiết	2	HK3	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và khí hậu, đặc biệt đi sâu mảng kiến thức về sự phân loại và đặc điểm của các đới, kiểu khí hậu trên thế giới.			
43	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới cổ trung đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
44	Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử-địa lý ở trường phổ thông	Giúp sinh viên nắm được các vấn đề lý luận và phương pháp dạy học lịch sử - địa lí, phục vụ giảng dạy ở trường phổ thông	3	HK3	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
45	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	Môn học Địa lý kinh tế xã hội đại cương trang bị các khái niệm về các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội bao gồm các ngồn lực tự nhiên và các nguồn lực nhân văn, trong đó quan trọng nhất là nguồn lực về con người. Môn học với 30 tiết lý thuyết, chỉ đủ thời gian trao đổi, tìm hiểu nội dung học tập khái niệm cơ bản. 60 tiết tự học chủ yếu dành cho chuẩn bị học tập trên lớp. Mục tiêu chủ yếu của môn học là giúp SV hiểu được các kiến thức cơ bản về tiềm lực và các vấn đề xã hội nhân văn.	2	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
46	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam cổ trung đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	2	HK4	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
47	Địa lý tự nhiên các lục địa	Địa lí tự nhiên các lục địa là học phần thuộc ngành Địa lí tự nhiên tổng hợp, nghiên cứu các đặc điểm về điều kiện tự nhiên của các lục địa Phi, Á – Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Nam Cực Austraylia. - Học phần giới thiệu các đặc điểm khái quát về lịch sử phát triển địa chất, vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng –	3	HK4	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh vật và các đới cảnh quan) và tìm hiểu đặc điểm địa lí các khu vực của lục địa Phi, Á – Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Nam Cực Austraylia. - Ngoài ra còn nghiên cứu vai trò của các điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của nó như thế nào đến tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội.			
48	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Môn học bao gồm những kiến thức về các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội thế giới nổi bật hiện nay; các đặc điểm dân cư, kinh tế, xã hội của các nước châu Âu, Châu Phi, Châu Đại Dương và Nam Cực nói chung và của một số khu vực, quốc gia đặc trưng ở châu lục này. Từ đó, người học hiểu rõ hơn về các nội dung kiến thức đã học ở các học phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương; đồng thời hiểu rõ hơn về tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay.	3	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
49	Lịch sử thế giới cận đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới cận đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	3	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
50	Lịch sử Việt Nam cận đại	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam cận đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	3	HK5	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
51	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành tự nhiên; đặc điểm và sự phân hóa các thành tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật) và đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Những nội dung này là sự cụ thể hóa của các kiến thức cơ sở mà sinh viên đã được học trong phần địa lý tự nhiên đại cương. Đồng thời, việc hiểu rõ được những kiến thức cơ bản của học phần sẽ giúp người học giải thích được các hiện tượng tự nhiên xảy ra trong cuộc sống và vận dụng vào quá trình dạy học sau này.	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
52	Phát triển năng lực trong dạy học lịch	Sinh viên được trang bị những kiến thực khoa học về phát triển năng lực học sinh, phục vụ tốt việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018	2	HK5	Kiểm tra thường kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	sử-địa lý ở trường phổ thông				Thi kết thúc học phần
53	Dạy học tích hợp	Dạy học tích hợp trong môn Địa lý là Học phần đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay cho người học. Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng thiết kế các hoạt động tích hợp phù hợp với đối tượng và nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông	2	HK5	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (Phân tích chương trình tích hợp, Thiết kế giáo án tích hợp)
54	Lịch sử thế giới hiện đại 1	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
55	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử Việt Nam hiện đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK6	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
56	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên Việt Nam và đặc điểm cơ bản của các miền, khu địa lý tự nhiên lãnh thổ nước ta. Đây là cơ sở cho việc học tập về địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (phần các vùng kinh tế).	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 60 phút)
57	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	Nội dung có ba phần: - Phần một giới thiệu vị trí địa lý, vị trí địa chính trị, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế;	2	HK6	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phần hai: đặc điểm, ảnh hưởng của địa lý tài nguyên, vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; - Phần ba: vấn đề dân cư và nguồn nhân lực; thực hành.			phần (thi tự luận 60 phút)
58	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2 trình bày tổng quan về tổ chức lãnh thổ kinh tế Việt Nam theo ngành và theo vùng; các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội mỗi vùng kinh tế.	2	HK7	Điểm chuyên cần, thực hành nhóm, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (thi tự luận 90 phút)
59	Lịch sử thế giới hiện đại 2	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức về lịch sử thế giới hiện đại để phục vụ việc học tập, nghiên cứu các học phần lịch sử khác, đồng thời phục vụ cho việc giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
60	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam hiện đại để hiểu tốt về thời kì lịch sử này, đồng thời làm cơ sở để học tiếp các học phần lịch sử khác, và phục vụ việc dạy học ở trường phổ thông về sau.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
61	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử - địa lý ở trường phổ thông	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học về hoạt động trải nghiệm, phục vụ cho việc giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông.	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
62	Địa phương học	Địa lý địa phương cung cấp cho sinh viên những lí luận cơ bản về nội dung, phương pháp nghiên cứu địa lý địa phương cụ thể và vận dụng nghiên cứu đó vào giảng dạy phần địa lý địa phương trong chương trình địa lý phổ thông. Mặc khác, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên biết cách biên soạn tài liệu địa lý địa phương, phương pháp giảng dạy và tiến hành một công trình nghiên cứu địa phương mình sinh sống.	2	HK7	Điểm chuyên cần: nhật ký, làm việc nhóm,ý thức thái độ học tập; thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
63	Địa lý miền nhiệt đới	Địa lý miền nhiệt đới nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về đặc điểm của thiên nhiên vùng nhiệt đới, bao gồm những nội dung chính: địa chất-địa hình nhiệt đới, khí hậu nhiệt đới, thủy văn nhiệt đới, thổ nhưỡng nhiệt đới, sinh vật và cảnh quan nhiệt đới. Bên cạnh đó Địa lý miền nhiệt đới còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về những đặc trưng mang tính quy luật; những thuận lợi, khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới để sinh viên có thể vận dụng vào trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và cuộc sống.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
64	Hồ Chí Minh với Cách mạng Việt Nam	Sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu về nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh, giúp hiểu sâu sắc hơn về lịch sử Việt Nam, phục vụ tốt việc giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
65	Lịch sử quan hệ ngoại giao Việt Nam	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử quan hệ ngoại giao Việt Nam, để học tốt và hiểu sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới, nhằm phục vụ tốt cho việc giảng dạy ở trường phổ thông	2	HK7	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
66	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trang bị cho sinh viên một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông; hình thức tổ chức HĐTN theo chương trình giáo dục phổ thông mới; các bước tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông; lập kế hoạch; công tác quản lý; cơ cấu tổ chức – quản lý hoạt động trải nghiệm; đề án xây dựng, tổ chức và quản lý HĐTN tại trường phổ thông;….bên cạnh sinh viên còn được tham gia vào các HĐTN trong thực tế. Qua đó người học có kiến thức, kỹ năng và vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch, triển khai, đánh giá, quản lý HĐTN. Sinh viên ra trường có thể giảng dạy môn Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn địa lý ở trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.	2	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (bài thu hoạch)
67	Thực địa lịch sử-địa lý 1	Sinh viên được trải nghiệm thực tế, gắn kết giữa lý thuyết và hiện thực, nâng cao tình yêu của sinh viên đối với nghề nghiệp.	1	HK6	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Thực địa lịch sử-địa lý 2	Sinh viên được trải nghiệm thực tế, gắn kết giữa lý thuyết và hiện thực, nâng cao tình yêu của sinh viên đối với nghề nghiệp.	1	HK7	Bài thu hoạch
69	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Gồm có các nội dung: Tìm hiểu về các quan điểm truyền thống và quan điểm tích cực hóa vai trò của người học, rèn luyện những kỹ năng chung và những kỹ năng chuyên ngành.	1	HK2	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
70	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX 1, phát triển các kỹ năng phục vụ cho quá trình soạn và giảng một bài học Địa lý.	1	HK3	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
71	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX2, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện kỹ năng dạy học Địa lý khác như ra đề, thực hiện chấm bài kiểm tra.	1	HK4	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
72	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX3,ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyệnđánh giá chất lượng dạy học cùng các hoạt động giáo dục khác	1	HK5	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
73	Rèn luyện NVSP thường xuyên 5	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX4, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện đi vào chủ nhiệm lớp.	1	HK6	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
74	Rèn luyện NVSP thường xuyên 6	Học phần tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng có được trong các Học phần RLNVTX5, ở Học phần này sinh viên tiếp tục đi vào rèn luyện tất cả những kỹ năng, thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên.	1	HK7	Điểm chuyên cần, làm việc nhóm, thi kết thúc học phần (thi thực hành trên lớp)
75	Thực tập cơ sở	Sinh viên làm quen với môi trường phổ thông, học hỏi về công tác chủ nhiệm, giảng dạy, phong trào.v.v. tại trường phổ thông.	6	HK6	Điểm kiến tập
76	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên thực tập và rèn luyện việc giảng dạy, công tác chủ nhiệm và thực tập các công tác khác tại trường phổ thông	8	HK8	Điểm thực tập
77	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học thông qua xác định vấn đề và giải quyết vấn đề thông qua thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu.	6	HK8	Điểm đánh giá bảo vệ tốt nghiệp
78	Những vấn đề địa lý tổng hợp	Những vấn đề về địa lý tổng hợp giúp sinh viên hệ thống hóa, mở rộng kiến thức địa lý tự nhiên (địa lý tự nhiên đại cương, địa lý tự nhiên các lục địa, địa lý tự nhiên Việt Nam), từ đó sinh viên nắm vững kiến thức cốt lõi để vận dụng vào giảng dạy địa lý theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Học phần còn giúp sinh viên nắm được cấu trúc chương trình sách giáo khoa và vận dụng kiến thức địa lý tự nhiên để giảng dạy tốt những nội dung liên quan.	3	HK8	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần
79	Việt Nam trong sự phát triển của thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến nay	Sinh viên được nghiên cứu về sự tồn tại và phát triển của Việt trong bối cảnh quốc tế từ cuối thế kỷ 19 đến nay, giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về lịch, phục vụ việc giảng dạy ở trường phổ thông.	3	HK8	Kiểm tra thường kì Thi kết thúc học phần

26. Việt Nam học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 07 chủ đề thông thường trong cuộc sống hàng ngày như giới thiệu về bản thân, đi lại, hoc tập, công việc,...giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức tiếng Anh cơ bản đã học ở bậc THPT đồng thời phát triển kiến thức ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết và một số kỹ năng quan trọng khác trong việc học ngoại ngữ như: làm việc theo cặp, nhóm để sinh viên dễ dàng thích nghi với phương pháp học tiếng Anh ở bậc Đại học.	3	HK 2	KTTK: Nghe – Viết – Nói; Thi KTHP: Trắc nghiệm
2	Tiếng Anh 2	Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 06 chủ đề thông thường trong cuộc sống hàng ngày như sự mạo hiểm, thách thức, tin tức, báo chí, nghệ thuật,...giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức tiếng Anh cơ bản đã học ở Tiếng Anh 1 đồng thời phát triển kiến thức ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: nghe, nói, đọc, viết và một số kỹ năng quan trọng khác trong việc học ngoại ngữ như: làm việc theo cặp, nhóm để sinh viên dễ dàng thích nghi với phương pháp học tiếng Anh ở bậc Đại học.	2	HK 3	KTTK: Nghe – Viết – Nói; Thi KTHP: Trắc nghiệm
3	Pháp luật Việt Nam đại cương	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình được cấu trúc thành ba phần tập trung vào kiến thức cơ bản về lý luận chung nhà nước và pháp luật; những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và khái lược quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay.	2	HK 1	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận
4	Triết học Mác - Lênin	Nội dung học phần được ban hành theo Quyết định số 215/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.Căn	3	HK 1	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương tập trung vào những kiến thức cơ bản vềtriết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội; khái quát về nội dung của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.			
5	Nhập môn ngành việt nam học	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Văn hoá – Du lịch, ngành Việt Nam học đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	HK 1	KTHP: Bài tập lớn
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về: Đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối mới. Cụ thể: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	HK 2	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7	2	HK 3	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân dân, vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Từ đó, người học hiểu biết, vận dụng nội dung tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với việc hoàn thiện bản thân.			
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học bao gồm 7 chương, trong đó có những nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK 3	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận
9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bao gồm chương mở đầu và ba chương, đề cập những tri thức khoa học về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018). Qua đó khẳng định thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng.	2	HK 4	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp ngiên cứu khoa học trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học. Mục đích môn học giúp cho sinh viên có thể vận dụng các phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học	2	HK 4	KTTK: Tự luận, Thi KTHP: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào quá trình học tập và tập dượt nghiên cứu trong trường đại học, làm tiền đề để trở thành các nhà nghiên cứu khoa học trong các trường học, công sở, nhà máy… góp phần đổi mới giáo dục; nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.			
11	Lịch sử văn minh Thế giới	Nội dung học phần gồm: Bài mở đầu và 8 chương, tập trung làm rõ các nội dung sau: Định nghĩa về văn hoá và văn minh, so sánh sự giống và khác nhau giữa văn hoá, văn minh. Hướng dẫn người học tìm hiểu những thành tựu cơ bản của nền văn minh nhân loại tiêu biểu từ thời cổ đại đến hiện đại như: Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, A-rập, Trung Quốc cổ trung đại, Ấn Độ cổ trung đại, văn minh khu vực Đông Nam Á, văn minh Hy –La cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp.	2	HK 1	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Trắc nghiệm
12	Văn hóa học đại cương	Cung cấp những hiểu biết cơ bản về các vấn đề: văn hóa học trong khoa học, văn hóa trong đời sống thường trực. Thấy được tầm quan trọng của văn hóa đối với cuộc sống cộng đồng cũng như đối với mỗi cá nhân trong cộng đồng. Hiểu được bản chất, chức năng, vai trò của văn hóa, các qui luật phát triển của văn hóa. Phác họa sơ khai về bản sắc văn hóa và quá trình hình thành văn hóa Việt Nam.	2	HK 2	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
13	Đại cương dân tộc học	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dân tộc học như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của dân tộc học; chủng tộc, tộc người, quan hệ tộc người; các tộc người ở Việt Nam.	2	HK 2	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành kỹ năng điền dã và năng lực nghiên cứu về vấn đề dân tộc phục vụ tốt cho công tác sau này.			
14	Mỹ học đại cương	Mỹ học đại cương là môn học góp phần trang bị cho sinh viên thuộc các nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn những tri thức cơ sở về việc con người cảm thụ và đồng hoá thế giới một cách thẩm mỹ. Qua đó, sinh viên nhận thức được một phương diện quan trọng trong bản chất của con người là sự khao khát vươn tới cái đẹp và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp.	2	HK 2	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
15	Tiếng việt thực hành	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và tiếng Việt. Sinh viên cũng cố lại những vấn đề cốt lõi về từ, câu, văn bản và chính tả Tiếng Việt. Trên cơ sở đó, môn học cung cấp kĩ năng sử dụng tiếng Việt trên các cấp độ sử dụng từ ngữ, câu, đoạn văn và một số văn bản cho sinh viên. Đây là những kiến thức và kĩ năng rất cần thiết vì nó có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên cũng như cho việc dạy học sau này.	2	HK 3	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
16	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học là một khoa học nghiên cứu các quy luật nảy sinh, vận hành và phát triển của hiện tượng tâm lý. Việc học tập và nghiên cứu tâm lý học sẽ giúp sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn.	2	HK 3	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
17	Lôgic học đại cương	Học phần Lôgic học đại cương trình bày những tri thức về các quy luật cơ bản của tư duy: quy luật đồng nhất, quy luật phi mâu thuẫn, quy luật bài trung, quy luật lí do đầy đủ. Những quy luật đó có nội dung và các yêu cầu khác nhau nhưng chúng đều phản ánh mối liên hệ bản chất, tất	2	HK 4	KTTK: Thảo luận/Thuyết trình nhóm; Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		yếu của tư tưởng trong quá trình tư duy. Vì vậy, tuân theo quy luật lôgic là điều kiện cần thiết để đạt tới chân lí trong quá trình tư duy. Học phần cũng tập trung giới thiệu về các hình thức cơ bản của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và bác bỏ. Trong quá trình tư duy, nội dung và hình thức của tư tưởng liên kết chặt chẽ với nhau. Nhưng với mục đích nghiên cứu riêng, môn học chủ yếu quan tâm đến hình thức của tư tưởng. Người học được rèn luyện khả năng phân tích kết cấu của quá trình tư tưởng, nắm bắt được các thao tác lôgic và có phương pháp luận chuẩn xác.			
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết cơ bản và toàn diện về giá trị cơ sở văn hoá Việt Nam bao gồm các đặc trưng và chức năng của văn hóa; loại hình và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam; Chủ thể, thời gian và không gian văn hóa Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam; Các thành tố của văn hoá gồm văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, văn hoá tổ chức đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa khu vực và các nước trên thế giới trong tiến trình lịch sử Việt Nam.	2	HK 1	KTTK: Trắc nghiệm, Thi KTHP: Trắc nghiệm
19	Tổng quan du lịch	Giới thiệu chung về du lịch, các khái niệm, những lĩnh vực kinh doanh trong du lịch như: nhà hàng, khách sạn, phương tiện giao thông...	2	HK 1	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	Trình bày những lí luận cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quá trình hình thành, phát triển các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo lớn đang tồn tại ở Việt Nam. Nhận thức đầy đủ về đặc điểm, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá và quan niệm đúng đắn về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo cũng như với từng tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống và trong công việc.	3	HK 1	KTTK: Trắc nghiệm Thi KTHP: Vấn đáp
21	Kỹ năng mềm trong du lịch	Giới thiệu và rèn luyện cho sv những kỹ năng cần thiết trong du lịch: thuyết trình, đàm phán; kỹ năng tìm kiếm việc làm, phỏng vấn xin việc trong ngành du lịch	2	HK 2	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Tự luận
22	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản trong ẩm thực.Những khía cạnh cơ bản cần nắm khi tiếp cận với văn hóa ẩm thực. Giới thiệu về văn hóa ẩm thực Việt Nam. Những nét đặc trưng và độc đáo trong ẩm thực Việt.	2	HK 3	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
23	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về phong tục tập quán và những phong tục tập quán tiêu biểu của Việt Nam như phong tục cưới xin, ma chay… Giúp người học phân tích được các loại phong tục tập quán, cũng như nhận dạng được đâu là những phong tục cần phát huy, đâu là hủ tục cần loại bỏ.	3	HK 4	KTTK: Tự luận. Thi KTHP: Tự luận
24	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	Trình bày một số đặc điểm về địa lí, tiến trình hình thành vùng ĐBSCL từ văn hóa Óc Eo, văn hóa Chân Lạp đến công cuộc khai hoang của lưu	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dân người Việt từ XVII – XIX và những nét văn hóa nổi bật của cộng đồng cư dân Việt, Hoa, Khmer, Chăm. Bên cạnh đó, môn học cũng sẽ làm rõ các đặc trưng về phương ngữ Nam Bộ trong mối quan hệ với lịch sử hình thành và điều kiện tự nhiên của ĐBSCL.			
25	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Có những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hoá và văn hoá Việt Nam bao gồm những vấn đề chung về văn hóa, các điều kiện hình thành văn hóa; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử đến nay… Bên cạnh đó, môn học sẽ giúp sinh viên phân tích và nhận biết được những giá trị văn hóa mà cha ông đã để lại. Đồng thời, những nội dung trong môn học sẽ giúp cho sinh viên có kiến thức nhất định giúp sinh viên có thể tự tin giải quyết công việc sau khi đã tốt nghiệp ra trường.	3	HK 2	KTTK: Tự luận. Thi KTHP: Vấn đáp
26	Đặc trưng sinh thái và môi trường Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du sinh thái, môi trường, và đa dạng sinh học. Các dạng sinh thái – môi trường đặc trưng ở Việt Nam. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng phân tích, đánh giá, quản lý các hoạt động khai thác các giá trị sinh thái và môi trường trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội. Trách nhiệm trong công tác bảo tồn các đặc trưng của sinh thái môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, vườn quốc gia,…	2	HK 3	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết toàn diện, cơ bản về các vấn đề: tộc và chủng tộc, tôn giáo và ngữ tộc những đặc trưng cơ bản về xã hội, văn hóa, quá trình hình thành, phát triển của các thiết chế văn hóa-xã hội-ngôn ngữ của các cộng đồng tộc người ở Việt Nam.	2	HK 4	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
28	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cung cấp một vài nhận thức chung về khu vực Đông Nam Á về: vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, xã hội… Những kiến kiến cơ bản về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á: Sự phát triển liên tục và sức sống mãnh liệt của nền văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng từ các nền văn hóa bên ngoài, diện mạo mới của văn hóa Đông Nam Á đương đại...	3	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
29	Làng nghề truyền thống Việt Nam	cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về các làng nghề, lịch sử hình thành, đặc điểm, quá trình phát triển của làng nghề truyền thống Việt Nam. Người học còn được tìm hiểu thêm về sự phân nhóm các làng nghề và một số làng nghề truyền thống tiêu biểu, nổi bật ở 3 miền Bắc – Trung - Nam. Người học nhận biết được mối quan hệ giữa làng nghề truyền thống với hoạt động du lịch cùng với loại hình du lịch làng nghề.	2	HK 3	KTTK: Bài tập nhóm/Trắc nghiệm Thi KTHP: Tự luận
30	Văn hóa làng xã Việt Nam truyền thống	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về gia đình truyền thống người Việt; đặc điểm của dòng họ và làng xã người Việt; Mối quan hệ giữa gia đình, dòng họ và làng xã.Từ điểm nhìn truyền thống, môn học	2	HK 6	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bước đầu phân tích các giá trị gia đình, dòng họ, làng xã trong giai đoạn hiện nay.			
31	Tâm lý khách du lịch	Cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý cũng như tâm lý khách du lịch, các hiện tượng qui luật và cơ chế vận hành của các qui luật tâm lý người và các nhóm người trong hoạt động du lịch. Nghiên cứu sở thích và tâm trạng của khách, một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến tâm lý du khách. Đặc điểm tâm lý cũng như tính cách của từng loại du khách.	2	HK 2	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
32	Nghiệp vụ lễ tân	Cung cấp cho người học những kỹ năng và kiến thức chủ yếu cần thiết cho một nhân viên Lễ tân khách sạn. Môn học chỉ rõ các lý thuyết có liện quan đến các quy trình thực tế và các ứng dụng trong ngành du lịch và khách sạn hiện nay. Mô tả các việc phải làm của bộ phận Lễ tân từ lúc khách vừa đặt phòng cho đến khi khách đến ở và khách trả phòng ra đi.		HK 2	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
33	Nghiệp vụ nhà hàng	Rèn luyện kỹ thuật trải và thay khăn bàn, cách bưng khay đúng quy định, cách thức lau bóng các dụng cụ đảm bảo đúng tiêu chuẩn trước khi phục vụ khách. Đồng thời học cách chuẩn bị dụng cụ để bày bàn theo kiểu gọi món (À LA CARTE) và kiểu đặt trước (SET MENU) hay bày bàn theo kiểu Á. Sinh viên thực hành cách thức ghi nhận thức ăn	2	HK 3	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và đồ uống và sẽ thực hành thu dọn bàn ăn. Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách.			
34	Nghiệp vụ buồng	Cung cấp cho ngươi học những kiến thức khái quát về Nghiệp vụ phục vụ buồng trong KS theo tiêu chuẩn VTOS: khái quát về bộ phận housekeeping trong KS, thiết bị dụng cụ vệ sinh và hóa chất sử dụng của bộ phận buồng, các loại buồng và thuật ngữ về tình trạng buồng trong khách sạn, các mẫu văn bản, báo cáo sử dụng của bộ phận buồng.	2	HK 3	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Tự luận
35	Thiết kế và điều hành tour du lịch	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên cần hiểu rõ các kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch. Nhận thức và đánh giá được các yếu tố tác động đến sự phát triển của du lịch, quy trình thiết kế một tour du lịch, một số tour du lịch đặc trưng hấp dẫn tại Việt Nam. Hình dung và hiểu rõ công việc xác định giá tour du lịch, tổ chức xúc tiến và quảng bá tour du lịch, tổ chức thực hiện tour; công việc của một nhân viên điều hành tour. Trang bị các phương pháp, kỹ năng cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kĩ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch...; nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các Tour du lịch.	2	HK 4	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
36	Các loại hình du lịch hiện đại	Cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hoạt động du lịch hiện đại, một ngành tổng hợp với các hiện tượng và các mối quan hệ phát sinh từ tác động qua lại giữa khách du lịch, các nhà kinh doanh, chính quyền cùng cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và tiếp đón khách du lịch. Hội nhập, hợp tác trong phát triển các loại hình du lịch Việt Nam phù hợp với xu thế các loại hình du lịch trên thế giới. Xác định	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một số loại hình du lịch phù hợp với điều kiện Việt Nam, bổ sung xây dựng sản phẩm du lịch mới và tái cơ cấu ngành du lịch theo hướng hiện đại và thông minh.			
37	Tuyến điểm du lịch	Giúp sinh viên xác định các tuyến quốc lộ, vẽ các cung đường, hình thành các tuyến du lịch và xây dựng chương trình du lịch.	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
38	Hoạt náo trong du lịch	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về hoạt náo cũng như công tác quản trò. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt náo cũng như mục đích thực hiện hoạt náo. Rèn luyện những kỹ năng hoạt náo và tổ chức hoạt náo trong sinh viên.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Thực hành
39	Quản trị kinh doanh lữ hành	Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của Kinh doanh lữ hành, Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá chương trình du lịch.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
40	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Phân loại HDV, những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tác phong; quy trình phục vụ khách tại nhà hàng, khách sạn; cách xây dựng bài thuyết minh	3	HK 5	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Pháp chế du lịch	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật kinh tế, luật du lịch và các văn bản pháp chế trong ngành du lịch và khách sạn, nhà hàng của Việt Nam trong bối cảnh mở cửa và giao lưu với thế giới bên ngoài.	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm/Trắc nghiệm Thi KTHP: Tự luận
42	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành du lịch như: thuyết minh, quy trình phục vụ trong nhà hàng – khách sạn và các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch quốc tế.	3	HK 6	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Trắc nghiệm
43	Quản trị nhà hàng	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên hiểu được khái quát về nhà hàng và kinh doanh nhà hàng, ý nghĩa hoạt động kinh doanh, lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động kinh doanh nhà hàng; tổ chức bộ máy và nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, một số trang thiết bị trong nhà hàng. Phân tích được các hoạt động kinh doanh trong nhà hàng, thị trường ăn uống và xu hướng hiện nay. Vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế làm việc sinh viên sau khi tốt nghiệp. Thực hiện kỹ năng tốt giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống liên quan đến công việc. Thực hiện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập và làm việc.	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
44	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Giúp người học luyện nói tiếng Anh theo các chủ đề mang tính đặc thù riêng của ngành nghề; luyện kỹ năng thuyết minh, thuyết trình đối tượng tham quan, kỹ năng trả lời các câu hỏi của du khách và thực hành hướng dẫn tham quan các tuyến, điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam.	2	HK 7	KTTK: Bài tập nhóm/Trắc nghiệm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Quản trị rủi ro trong du lịch	Hiểu rõ khái niệm về rủi ro trong du lịch, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, kinh doanh du lịch tại Việt Nam.	2	HK 7	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
46	Marketing du lịch	Môn học cung cấp một số kiến thức tổng quan về Marketing và Marketing du lịch; Sản phẩm, dịch vụ du lịch, các thành phần sản phẩm du lịch; biết được các mô hình sản phẩm, chiến lược, chu kỳ đời sống sản phẩm. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc xây dựng giá, phương cách ấn định giá trong khách sạn, nhà hàng, ấn định giá tour, tour trọn gói. Hệ thống phân phối, tổ chức các hoạt động trong hệ thống phân phối du lịch, phân phối trong khách sạn.Cách chiêu thị (hay xúc tiến, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm). Cách thức tổ chức lực lượng Marketing và quản trị bán hàng.	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
47	Quản trị khách sạn	Cung cấp kiến thức nền tảng về hệ thống quản lý quy mô và chặt chẽ của quản trị khách sạn cho sinh viên. Tập trung chủ yếu vào các kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết cho các nhân viên bộ phận khách sạn theo chuẩn mực và phương pháp nhất định. Chỉ rõ các lý thuyết về kinh doanh trong khách sạn, ý nghĩa hoạt động kinh doanh, các chức năng nhiệm vụ của các bộ phận liên quan trong khách sạn, tìm hiểu cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trong nhà hàng khách sạn; tổ chức bộ máy và nhân sự, tổ chức lao động và phân công lao động trong khách sạn.	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
48	Kinh tế du lịch	Cung cấp những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về kinh tế du lịch, đặc biệt là quan điểm, cách tiếp cận của kinh tế học trong nghiên cứu du lịch, xác định rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Kinh tế du lịch. Chỉ ra được mối quan hệ giữa kinh tế	3	HK 3	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và sự phát triển ngành du lịch trong nền kinh tế Việt Nam, các quy luật cung cầu; tính thời vụ; tâm lý của khách du lịch; nhu cầu và các loại hình, các lĩnh vực kinh doanh du lịch;… được thể hiện trong hình thành và phát triển của ngành du lịch. Hoạt động du lịch đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế thông qua việc đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật, nguồn lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế du lịch. Định hướng các biện pháp quy hoạch và quản lý du lịch có hiệu quả theo hướng xây dựng kinh tế du lịch hiện đại.			
49	Quy hoạch du lịch	Hệ thống cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển du lịch, những tiêu chí, nguyên tắc, mô hình quy hoạch du lịch áp dụng cho các loại hình du lịch tại Việt Nam và trên thế giới.	2	HK 4	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
50	Quản trị khu nghỉ dưỡng	Cung cấp kiến thức khái quát về loại hình khu nghỉ dưỡng, kỹ thuật quản lý hiệu quả khu nghỉ dưỡng; tổ chức bộ máy hoạt động khu nghỉ dưỡng, quản lý môi trường ứng dụng vào khu nghỉ dưỡng, thái độ có trách nhiệm của người quản lý đối với môi trường, quản lý kinh doanh sản phẩm khu nghỉ dưỡng gồm sản phẩm lưu trú, sản phẩm ẩm thực, chăm sóc sức khỏe, một số sản phẩm phi truyền thống – một số khuynh hướng mới trong kinh doanh khu nghỉ dưỡng.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
51	Tổ chức sự kiện và hội nghị	Giới thiệu các loại hình sự kiện, phân loại, hình thức tổ chức, xây dựng nội dung sự kiện, dự toán ngân sách	2	HK 6	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
52	Du lịch sinh thái	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, vườn quốc gia,….			
53	Du lịch quốc tế	Cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hoạt động quản lý nhà nước trong xuất – nhập cảnh; hoạt động đưa – đón khách đi du lịch nước ngoài, quy định của hải quan trong xuất – nhập cảnh; phân biệt được các loại giấy tờ trong xuất – nhập cảnh như hộ chiếu, thị thực, visa; các hình thức thanh toán trong kinh doanh kinh doanh du lịch quốc tế; khái quát về một hợp đồng du lịch quốc tế và các điều kiện tài chính tiền tệ tác động đến hợp đồng du lịch quốc tế.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
54	Lễ tân ngoại giao	Cung cấp cho SV những kiến thức lí luận về ngoại giao, vai trò của ngoại giao, vai trò của nghiệp vụ lễ tân trong ngoại giao. Học phần còn cung cấp cho SV biết được các bước chuẩn bị và thực hiện của lễ tân, những nguyên tắc và kỹ năng làm lễ tân cho các buổi ngoại giao.	2	HK 7	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
55	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	Thông qua quan sát tại chỗ, giúp sinh viên đối chiếu, so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa kiến thức lí thuyết và thực tế như kỹ thuật trải và thay khăn bàn, cách bưng khay đúng quy định, cách thức lau bóng các dụng cụ đảm bảo đúng tiêu chuẩn trước khi phục vụ khách. Đồng thời học cách chuẩn bị dụng cụ để bày bàn theo kiểu gọi món (À LA CARTE) và kiểu đặt trước (SET MENU) hay bày bàn theo kiểu Á. Sinh viên thực hành cách thức ghi nhận thức ăn và đồ uống và sẽ thực hành thu dọn bàn ăn. Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách.	2	HK 4	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	Cung cấp cho ngươi học biết được: qui trình vệ sinh phòng khách theo tiêu chuẩn VTOS, qui định khi chuẩn bị vào ca làm việc, cách sắp xếp xe đẩy làm phòng, qui trình giặt ủi đồ vải cho khách, qui trình vệ sinh các khu vực công cộng trong khách sạn, công việc vệ sinh định kỳ, cách sử dụng và bảo quản chìa khóa phòng, cách sử dụng điện thoại và xử lý tình huống của bộ phận buồng.	2	HK 4	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Thực hành
57	Thực tập cơ sở	Học phần Kiến tập nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Việt Nam học tiếp cận và học hỏi các kỹ năng từ các hoạt động thực tế trong du lịch: hướng dẫn, lễ tân, phục vụ bàn…; giúp cho sinh viên gắn lý luận được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn tại các cơ sở kinh doanh du lịch. Đây là tiền đề để sinh viên lựa chọn ngành nghề thực tập cuối khoá.	6	HK 6	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Bài thu hoạch
58	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Thực hành các kỹ năng: check in, check out; phục vụ tại nhà hàng, khách sạn; hướng dẫn trên xe, thuyết minh tại điểm	2	HK 6	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Thực hành
59	Thực tế chuyên môn	Tìm hiểu và nghiên cứu thực tế tại các tour – tuyến điểm tham quan du lịch, đánh giá thực trạng khai thác phát triển du lịch tại các tuyến điểm tham quan. Sinh viên khảo sát tại các tour, tuyến điểm tham quan du lịch với các nội dung: công tác xây dựng, tổ chức, khai thác và phát triển du lịch, công tác xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch, phương pháp xây dựng – cung cấp các loại sản phẩm – dịch vụ du lịch.	2	HK 7	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên có thêm cơ hội và điều kiện để thực hành các kỹ năng cần thiết trong nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, điều hành tour... tiếp xúc với các công việc thực tế tại các cơ quan, đơn vị nhằm kiểm tra lại những kiến thức đã học, rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng, có cái nhìn tổng quát và thực tếhơn cũng như hình thành thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp trong tương lai.	8	HK 8	+ Điểm Đ1 (hệ số 0,7): là điểm do cán bộ hướng dẫn thực tập ở cơ sở thực tập đánh giá quá trình thực tập của sinh viên (Mẫu 01-TTTN); + Điểm Đ2 (hệ số 0,3): là điểm do giảng viên của trường Đại học Đồng Tháp đánh giá thông qua hồ sơ thực tập và báo cáo của sinh viên sau khi kết thúc đợt thực tập.
61	Quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di sản văn hóa dân tộc, các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý di sản văn hóa; những vấn đề cấp bách đối với du lịch hiện nay; nguyên tắc, quy trình tổ chức và quản lý di sản văn hoá với phát triển du lich. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ cho công tác phát triển du lịch.	2	HK 8	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
62	Quản trị điểm đến du lịch	Học phần Quản lý điểm đến du lịch gồm các nội dung như: khái quát điểm đến du lịch (ĐĐDL); tổ chức quản lý và các nội dung quản lý ĐĐDL; chiến lược và quy hoạch quản lý ĐĐDL; các hoạt động marketing và cạnh tranh, phát triển sản phẩm và định vị ĐĐDL, các hoạt động quảng bá và xúc tiến điểm đến trong du lịch; quản lý chất lượng ĐĐDL.	2	HK 8	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
63	Quản trị chất lượng du lịch	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về các khái niệm chất lượng, chất lượng dịch vụ du lịch. Các yếu tố quết định và ảnh hưởng đến chất lượng du lịch tại các đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch. Hướng dẫn sinh viên vận dụng những kiến thức môn học nhằm nâng cao nhận thức về vấn đề quản trị chất lượng trong hoạt động du lịch. Từ đó đưa ra những biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.	2	HK 8	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận

27. Ngôn ngữ Anh (Biên - phiên dịch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần 10%, Tự học 10%, Kiểm tra 30%, Thi cuối kì 50%
2	Tiếng Trung căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	Học kỳ 2	Chuyên cần 10%, Tự học 10%, Kiểm tra 30%, Thi cuối kì 50%
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	Học kì 1	Chuyên cần 10%, Thuyết trình 20%, Kiểm tra 20%, Thi cuối kì 50%
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	Học kì 2	Chuyên cần 10%, Kiểm tra 40%, Thi cuối kì 50%
5	EN4040-Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động nghiên cứu khoa học. Giúp sinh viên tự thiết kế được một đề cương nghiên cứu khoa học (quy mô hẹp); triển khai thực hiện và viết báo cáo kết quả đạt được	2	Học kì 3	Chuyên cần 10%, Tham gia thảo luận 10%, báo cáo nhóm 30%, Thực hiện nghiên cứu 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	EN4248 - Kỹ năng ngôn ngữ Anh 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên thực hành các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 3.0- 4.0 hoặc tương đương bậc 2 mức cao (A2+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	Học kì 1	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
7	EN4249 - Kỹ năng ngôn ngữ Anh 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 4.0 đến 4.5 hoặc tương đương bậc 3 mức thấp (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	Học kì 2	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
8	EN4250 - Kỹ năng ngôn ngữ Anh 3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức năng lực tương đương bậc 3 nâng cao (B1+ - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.0	4	Học kì 3	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
9	EN4251 - Kỹ năng ngôn ngữ Anh 4	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời	4	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 5.0-6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.			
10	Kỹ năng ngôn ngữ Anh 5	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 (C1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	4	Học kì 5	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
11	EN4421 - Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam	3	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
12	EN4422 - Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ	3	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		7.0 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.			
13	Âm vị học	Rèn kỹ năng phát âm cho sinh viên. Do đó , giáo viên tập trung vào việc luyện phát âm cho sinh viên với sự hỗ trợ của các thiết bị và băng đĩa .	2	Học kì 1	Quay video clip(20%), Kiểm tra vấn đáp (30%), Thi cuối kì (50%)
14	Dịch nói 1	Rèn luyện kĩ năng dịch tiếng Anh-Việt / Việt - Ang trên một số chủ đề phổ biến	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (60%)
15	Dịch nói 2	Rèn luyện và nâng cao kỹ năng dịch các bài giảng tiếng Anh sang tiếng Việt (chủ yếu) và sau đó là tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ trung cấp.	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (60%)
16	Dịch nói 3	Tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và nâng cao các kỹ năng, chiến lược nghe và dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại ở cấp độ trung cao	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi kết thúc học phần (50%)
17	Dịch viết 1	Rèn luyện kĩ năng dịch các dạng bài Anh –Việt và Việt – Anh tiêu biểu như đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, thiệp mời, thư tín	2	Học kì 3	Chuyên cần, Kiểm tra , Thi kết thúc học phần (50%)
18	Dịch viết 2	Củng cố và phát triển kỹ năng dịch thuật của sinh viên thông qua việc xử lý các đoạn của các chủ đề khác nhau	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (60%)
19	Dịch viết 3	Củng cố và phát triển kỹ năng dịch thuật của sinh viên bằng cách yêu cầu họ xử lý các đoạn văn khác nhau (tài liệu pháp lý, hợp đồng, báo cáo bán hàng, tài liệu hành chính, quảng cáo.)	2	Học kì 5	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (60%)
20	Ngữ âm thực hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm lí thuyết liên quan đến quá trình phát âm, âm vị học	2	Học kì 6	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Ngữ pháp thực hành	Cung cấp kiến thức về các điểm ngữ pháp tiếng Anh, phát triển các kĩ năng ngôn ngữ của người họcthông qua các hoạt động học tập với từng điểm ngữ pháp	3	Học kì 1	Chuyên cần (10%), Bài tập (10%), Kiểm tra (30%), Thi kết thúc học phần (50%)
22	Ngữ pháp học	Hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp tiếng Anh, giúp sinh viên vận dụng được kiến thức ngữ pháp để viết, nói, đúng ngữ pháp	3	Học kì 3	Chuyên cần (10%), Kiểm tra thường xuyên(20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
23	Từ vựng ngữ nghĩa học	Cung cấp kiến thức về các hình thức cấu tạo từ, cấu trúc từ, ý nghĩa của từ và câu, giúp sinh viên vận dụng phân tích được những hiện tượng thường gặp về từ vựng trong hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập (10%), Báo cáo(10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
24	Giao thoa văn hóa	Cung cấp kiến thức về sự khác biệt về văn hóa giao tiếp và văn hóa phi ngôn ngữ, nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết và kỹ năng thuyết trình cho sinh viên	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập (20%), Báo cáo(20%), Thi kết thúc học phần (50%)
25	Dịch nói 4	Nhằm nâng cao và hoàn thiện các kỹ năng, chiến lược nghe và dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại ở cấp độ nâng cao (**Advanced level)**.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi kết thúc học phần (50%)
26	Dịch viết 4	Giúp người học biên dịch được một số loại văn bản hành chính được sử dụng trong công tác quản lý và giao dịch ở các cơ quan nhà nước, công ty, xí nghiệp, trường học	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập (10%), thực hành(10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
27	Dẫn luận ngôn ngữ	cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm,	3	Học kỳ 3	Phiếu theo dõi, đánh giá (10%), Bài tập cá nhân/nhóm (20%), thuyết trình (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp và ngữ dụng. Môn học cũng cung cấp một số kiến thức về văn tự, về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới để có một cái nhìn về toàn cảnh các ngôn ngữ.			
28	Lý thuyết dịch	Cung cấp kiến thức tổng quan về dịch thuật, những khái niệm căn bản, lý thuyết, chức năng và định hướng tiếp cận khác nhau về dịch thuật; giúp sinh viên nắm được các phương pháp, quy trình, kỹ thuật và công nghệ được áp dụng trong dịch thuật và đánh giá sản phẩm dịch thuật	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Tham gia phát biểu (10%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
29	Văn học Anh	Cung cấp kiến thức về nền Văn học Anh qua ba thời kỳ: văn học cổ, văn học trung cổ, văn học cận đại, một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu, phát triển kỹ năng về ngôn ngữ và cảm thụ văn học.	2	Học kì 7	Chuyên cần, Báo cáo nhóm , Kiểm tra giữa kì , Thi kết thúc học phần
30	Văn học Mỹ	Cung cấp kiến thức về các thuật ngữ văn chương và cách sử dụng các thuật ngữ văn chương, từ vựng và cách phân tích tác phẩm; rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, so sánh đối chiếu, phân tích nhân vật các tác phẩm văn học Mỹ bằng tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
31	Văn hóa Anh	Cung cấp nền tảng kiến thức về văn hóa Anh, rèn luyện kỹ năng sử dụng các kiến thức văn hóa trong giao tiếp; góp phần giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
32	Văn hóa Mỹ	Cung cấp kiến thức về các chủ đề trong đời sống xã hội như lịch sử, chính trị, kinh tế, tôn giáo, văn hóa, xã hội của Mỹ	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Ngôn ngữ học đối chiếu	Hệ thốngkiến thức về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ-văn hóa. Học phần sẽ tạo điều kiện cho người học hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
34	Nghe nâng cao	Rèn luyện kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh sử dụng trong bài giảng, thảo luận nhóm về một số chủ đề về học tập và xã hội, đời sống hàng ngày ở trình độ cao cấp	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi cuối kì (50%)
35	Đọc hiểu nâng cao	Giúp người học đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 5 ở mức cao theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có thể đạt mức điểm 7.0-7.5 cho phần thi đọc IELTS	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo (10%), Kiểm tra (10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
36	Ngữ dụng học	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Ngữ dụng học, giúp sinh viên nhận biết được vai trò của các yếu tố ngoài ngôn ngữ và thành tố văn hóa trong khuôn nghĩa của một phát ngôn thực tế	2	Học kì 6	Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình, Tiểu luận
37	Cú pháp học	Hệ thống hóa một số kiến thức ngữ pháp tiếng Anh bao gồm: Các từ loại , Các loại ngữ, cú, và câu.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Bài tập (20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
38	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Viêt			Học kì 5	
39	Kỹ năng thuyết trình	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng nghe và kỹ năng nói bao gồm thuyết trình trước đám đông và vấn đề đạo đức trong thuyết trình.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm (20%),Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Phân tích lỗi	Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về hiện tượng lỗi EFL / ESL và có thái độ hợp lý cũng như các cách thích hợp để xác định, thu thập, phân tích và đưa ra những đánh giá phù hợp	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
41	Phân tích diễn ngôn	Cung cấp kiến thức về cáckhái niệm cơ bản hiện, lý thuyết phân tích diễn ngôn như về lịch sử diễn ngôn và các cách tiếp cận khác nhau cũng như mối quan hệ giữa diễn ngôn, giao tiếp, ý thức hệ và tâm lý	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
42	Phong cách học	Rèn luyện năng lực phát hiện và tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến phong cách học tiếng Việt, tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (30%), Thi kết thúc học phần (60%)
43	Thực tế bộ môn	Tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm cuộc sống có mục đích, có sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên và phải hoàn thành những nhiệm vụ được giao, cụ thể là dự án nhóm, bài thu hoạch cá nhân	2	Học kì 7	Đánh giá thái độ (10%), Hoạt động nhóm(30%), Bài thu hoạch (60%)
44	Khởi nghiệp				
45	Kĩ năng tìm kiếm việc làm				
46	Thực tập tốt nghiệp				

28. Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập cá nhân(20%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Thi kết thúc học phần(50%)
2	Tiếng Trung căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	HK2	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập cá nhân(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Thi kết thúc học phần(50%)
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm bài tập, thuyết trình(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	HK2	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm bài tập, thuyết trình(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản và toàn diện về giá trị cơ sở văn hoá Việt Nam bao gồm các đặc trưng và chức năng của văn hóa; loại hình và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam; Chủ thể, thời gian và không gian văn hóa Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam; Các thành tố của văn hoá gồm văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, văn hoá tổ chức đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa khu vực và các nước trên thế giới trong tiến trình lịch sử Việt Nam.	2	HK2	1. Thảo luận cá nhân 20% 2. Thi KTTK 30% 3. Thi KTHP (Trắc nghiệm) 50%
6	Đọc 1	Học phần này trang bị cho người học kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh ở trình độ bậc 2 mức cao (A2+) theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc (hoặc IELTS 4.0),	2	HK1	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng thời cung cấp cho người học kiến thức nền về một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và một số từ vựng ở cấp độ cơ bản (elementary).			4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
7	Nghe 1	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú khi nghe các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như giáo dục, thiên nhiên, đời sống, cộng đồng, văn hoá, giải trí, sức khỏe, thể thao,… với mức năng lực tương đương bậc 2 nâng cao (B2+- khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 4.0. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học mở rộng vốn từ vựng, đọc đúng ngữ điệu, phát âm chuẩn thông qua các chủ đề được học.	2	HK1	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
8	Nói 1	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội hình thành, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề quen thuộc như gia đình, thời gian rảnh rỗi, thời tiết, quê hương xứ sở, phương tiện truyền thông, …với trình độ tương đương bậc 2 nâng cao (A2+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 4.0	2	HK1	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
9	Viết 1	học phần Viết 1 bao gồm các bài viết thư phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập hỗ trợ giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng viết theo mức chuẩn của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương bậc 2 nâng cao (A2+) hoặc IELTS 4.0.	2	HK1	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3. Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5. Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút
10	Ngữ âm thực hành	Rèn kỹ năng phát âm cho sinh viên. Do đó , giáo viên tập trung vào việc luyện phát âm cho sinh viên với sự hỗ trợ của các thiết bị và băng đĩa .	2	HK1	Quay video clip(20%), Kiểm tra vấn đáp (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Viết 2	Sinh viên được rèn luyện kỹ năng viết Tiếng Anh để có thể viết hoàn chỉnh 1 bài miêu tả biểu đồ đạt mức IELTS 4.5, tương đương bậc 3 (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	2	HK2	1.Chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra viết (20%) 3. Kiểm tra viết (20%) 4. Thi viết (50%)
12	Nói 2	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội hình thành, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề quen thuộc như học hành, công việc, nghề nghiệp, ngày nghỉ và du lịch, sức khỏe,... với trình độ tương đương bậc 3 (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 4.5	2	HK2	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
13	Nghe 2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán nghĩa bằng ngữ cảnh, kỹ năng ghi chú khi nghe các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như văn hoá, sức khỏe, giải trí và truyền thông, đời sống xã hội, thể thao,… với mức năng lực tương đương bậc 3 (B1- khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 4.5. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học mở rộng vốn từ vựng, đọc đúng ngữ điệu, phát âm chuẩn thông qua các chủ đề được học.	2	HK2	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
14	Đọc 2	Học phần này trang bị cho người học kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh ở trình độ bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc (hoặc IELTS 4.5), đồng thời cung cấp cho người học kiến thức nền về một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và một số từ vựng ở bậc 3.	2	HK2	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
15	Ngữ pháp thực hành	Môn học nhằm trang bị cho người học kiến thức ngữ pháp tiếng Anh nền tảng. Ngoài ra, môn học còn giúp người học vận dụng kiến thức ngữ pháp một cách thuần thục trong khi sử dụng kĩ năng ngôn ngữ	3	HK2	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập tự học (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như nghe, nói, đọc và viết, hỗ trợ phát triển năng lực tiếng Anh bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.			4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
16	Đọc 3	Học phần này trang bị cho người học các kĩ năng đọc hiểu hướng tới chuẩn đầu ra ở bậc 3 mức nâng cao (B1+) theo khung NLNN 6 bậc (hoặc IELTS 5.0), cụ thể như đọc nhanh lấy ý chính, tìm ý chi tiết, tìm từ khóa. Ngoài ra học phần còn cung cấp các từ vựng ở mức độ tiền trung cấp (pre-intermediate)	2	HK3	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
17	Nghe 3	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán nghĩa bằng ngữ cảnh, kỹ năng ghi chú khi nghe các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như giáo dục và đời sống sinh viên, đời sống thành thị, kinh doanh và tiền tệ, nghề nghiệp và văn hóa, lối sống trên thế giới,… với mức năng lực tương đương bậc 3 nâng cao (B1+- khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.0.	2	HK3	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
18	Nói 3	Học phần bao gồm 5 chương, mỗi chương trình bày những nội dung khác nhau theo những chủ đề khác nhau, giúp người học chuẩn bị những kỹ năng, kiến thức cần thiết nhằm đạt được trình độ tương đương bậc 3 nâng cao (B1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc IELTS 5.0	2	HK3	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
19	Viết 3	học phần Viết 3 giới thiệu và cung cấp kiến thức cho sinh viên các loại bài luận phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập nâng cao giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết nhằm đạt mức chuẩn bậc 3 nâng cao (B1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương IELTS 5.0.	2	HK3	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3.Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5.Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Viết 4	học phần Viết 4 giới thiệu và cung cấp kiến thức cho sinh viên các loại bài luận phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập nâng cao giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết nhằm đạt bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương IELTS 5.5.	2	HK4	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3.Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5.Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút
21	Nghe 4	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ năng ghi chú, nghe lấy ý chính, ý chi tiết về một số chủ đề tiền tệ, những cá nhân, con người đáng chú ý, khả năng sáng tạo, các hoạt động của con người, …với mức năng lực tương đương bậc 4 (B2- khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.5	2	HK4	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
22	Đọc 4	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 4 (B2) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	HK4	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm kiểm tra thường xuyên (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
23	Nói 4	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội củng cố, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề lớn quen thuộc như học hành, công việc, nghề nghiệp, ngày nghỉ và du lịch, sức khỏe,… với trình độ tương đương bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 5.5	2	HK4	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
24	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo	3	HK5	Chuyên cần: (10%) Kiểm tra:(20%) Kiểm tra giữa kỳ: (20%) Thi cuối kỳ (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam			
25	Giao thoa văn hóa	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về văn hóa và sự khác biệt về văn hóa, bao gồm các chủ điểm: Các thuật những và nguyên lý trong giao tiếp đa văn hóa; Tiếp xúc đa văn hóa với người Mỹ- các khái niệm cơ bản; Xung đột và thích ứng trong giao thoa văn hóa; Việc giao tiếp bằng lời: cách thức nói chuyện; Giao tiếp không bằng lời: Nói chuyện không bằng ngôn từ; Các mối quan hệ: bạn bè và người quen biết; Gia đình: Loại hình và những nét truyền thống; Giáo dục: Giá trị và sự mong đợi; Công việc: thông lệ và thái độ.	2	HK5	Chuyên cần: (10%) Bài làm cá nhân:(30%) Bài làm nhóm: (10%) Bài tập lớn (50%)
26	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.	3	HK6	Chuyên cần: (10%) Kiểm tra:(20%) Kiểm tra giữa kỳ: (20%) Thi cuối kỳ (50%)
27	Kỹ năng thuyết trình	Học phần kỹ năng thuyết trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng nghe và kỹ năng nói bao gồm thuyết trình trước đám đông và vấn đề đạo đức trong thuyết trình. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về việc chuẩn bị bài nói, thực hành bài nói và phân biệt các bài nói với nhiều mục đích khác nhau học phần này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích đối tượng, lập dàn ý, thực hành bài thuyết trình.	2	HK7	Chuyên cần: (10%) Điểm bài tập cá nhân:(20%) Điểm bài tập nhóm: (20%) Thi cuối kỳ (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Tổng quan du lịch	Học phần này cung cấp những các khái niệm cơ bản về du lịch và các khái niệm liên quan đến du lịch như: các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, động cơ du lịch, tính thời vụ trong du lịch… Đồng thời, học phần Tổng quan du lịch cũng đề cập đến những tác động của du lịch đối với kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội và môi trường; những điều kiện để phát triển ngành du lịch, hệ thống tổ chức và quản lý về du lịch của Việt Nam và một số nước trên thế giới.	2	HK2	
29	Tuyến điểm du lịch	Tuyến điểm du lịch là học phần quan trọng dành cho sinh viên theo học các chuyên ngành thuộc du lịch như: Việt Nam học, Tiếng Anh du lịch… cung cấp những hiểu biết cơ bản về các vấn đề liên quan đến tuyến điểm du lịch như: khái niệm và phân loại tuyến du lịch, điểm du lịch; các nguyên tắc khi xây dựng tuyến điểm du lịch và nhiều kiến thức khác về lịch sử, địa lý, văn hoá, xã hội, và môi trường du lịch. Ngoài ra, học phần tuyến điểm du lịch còn kết hợp với các học phần khác như: nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành… nhằm giúp sinh viên nắm bắt được các điều kiện chung của du lịch Việt Nam, xây dựng chương trình du lịch hoàn chỉnh trên cơ sở các tuyến, điểm đã được xác định trước; đồng thời vận dụng nghiệp vụ hướng dẫn, thuyết minh để hoàn thành nội dung trên tuyến một cách hấp dẫn và hiệu quả nhất.	2	HK4	
30	Nghiệp vụ nhà hàng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực nhà hàng, như cách xếp các kiểu khăn ăn cơ bản trong nhà hàng, cách lau bóng dụng cụ trước khi phục vụ cho khách, tìm hiểu các loại khay phục vụ, các kiểu đặt bàn và quy trình đặt bàn, công	2	HK5	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Thảo luận trên lớp (10%) 3. Kiểm tra giữa kỳ- Thực hành (30%) 4. Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tác chuẩn bị dụng cụ phục vụ trước khi phục vụ khách, tổ chức thực hiện và theo dõi việc đặt bàn và chuẩn bị phục vụ tại nhà hàng, cách ghi nhận yêu cầu ăn uống của khách, trình tự thu dọn bàn ăn trong nhà hàng, quy trình phục vụ một số tiệc trong nhà hàng.			
31	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Học phần nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực hướng dẫn du lịch, rèn luyện những kỹ năng và chuẩn mực cần thiết cho sinh viên trước khi trở thành một hướng dẫn viên du lịch như: phong cách đạo đức, tác phong; kỹ năng giao tiếp, thuyết minh, hướng dẫn... theo tiêu chuẩn VTOS đối với HDV của ngành du lịch; giúp sinh viên có thể tự tin, chuyên nghiệp trở thành những hưởng dẫn viên nội địa và quốc tế sau khi tốt nghiệp ra trường. Thực hành những kỹ năng: Giao tiếp, thuyết minh, hướng dẫn và xử lý tình huống trong du lịch. Sinh viên cần thể hiện những chuẩn mực như: Phong cách, đạo đức, tác phong cần thiết của người hướng dẫn; thực hành các quy trình đón, tiễn khách, phục vụ khách trong quá trình lưu trú, ăn uống, tham quan... từ đó giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất và năng lực chuyên môn của một người hướng dẫn. Đồng thời, xử lý các tình huống có thể phát sinh trong quá trình phục vụ đoàn khách.	3	HK5	
32	Nghiệp vụ lễ tân	Học phần cung cấp cho người học những kỹ năng và kiến thức cần thiết cho một nhân viên Lễ tân khách sạn. Môn học chỉ rõ các lý thuyết có liên quan đến các quy trình thực tế và các ứng dụng trong ngành du lịch và khách sạn hiện nay. Mô tả các việc phải làm của bộ phận Lễ tân từ lúc khách vừa đặt phòng cho đến khi khách đến ở và khách trả phòng ra đi. Mỗi công đoạn	2	HK6	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Thảo luận trên lớp (10%) 3. Kiểm tra giữa kỳ- Thực hành (30%) 4. Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có những quy trình cụ thể giúp người thực hiện tránh được những sai sót và tiết kiệm được thời gian và tiền bạc, đồng thời giúp cho hoạt động được thực hiện một cách hiệu quả.			
33	Quản trị kinh doanh lữ hành	Sinh viên sau khi học xong học phần sẽ hiểu rõ về các quy luật và những nội dung cơ bản của KDLH. Những kiến thức chung khái quát về hoạt động lữ hành, chức năng, sản phẩm của DN lữ hành và hoạt động của các DN kinh doanh lữ hành tại Việt Nam. Hình dung và hiểu rõ công việc xác định giá tour du lịch, tổ chức xúc tiến và quảng bá tour du lịch, tổ chức thực hiện tour; công việc của một nhân viên điều hành tour.	2	HK7	Chuyên cần: (10%) Điểm bài tập cá nhân:(20%) Điểm bài tập nhóm: (20%) Thi cuối kỳ (50%)
34	Văn hóa giao tiếp		2	HK4	
35	Pháp chế du lịch	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật kinh tế, luật du lịch và các văn bản pháp chế trong ngành du lịch và khách sạn, nhà hàng của Việt Nam trong bối cảnh mở cửa và giao lưu với thế giới bên ngoài.	2	HK6	1. Thảo luận cá nhân 10% 2. Bài tập nhóm + Trắc nghiệm 30% 3. Tự luận 60%
36	Marketing du lịch	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về marketing và marketing du lịch, khái niệm về sản phẩm và dịch vụ du lịch, thị trường, đặc điểm và phân loại thị trường, các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc xây dựng giá, ấn định giá trong khách sạn, ấn định giá tour, các chức năng của hệ thống phân phối trong du lịch và trong khách sạn, cách xúc tiến đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tổ chức lực lượng marketing và quản trị bán hàng cũng như cách thức bán hàng.	2	HK6	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Thuyết trình nhóm (20%) 3. Kiểm tra cá nhân (20%) 4. Thi kết thúc học phần (50%)
37	Quản trị nhà hàng khách sạn	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về hệ thống quản lý quy mô và chặt chẽ của quản trị nhà hàng khách sạn cho sinh viên. Tập trung chủ yếu vào các	2	HK7	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Thuyết trình nhóm (20%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết cho các nhân viên bộ phận nhà hàng khách sạn theo chuẩn mực và phương pháp nhất định. Chỉ rõ các lý thuyết về kinh doanh trong nhà hàng khách sạn, ý nghĩa hoạt động kinh doanh, các chức năng nhiệm vụ của các bộ phận liên quan trong nhà hàng khách sạn, tìm hiểu cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trong nhà hàng khách sạn; tổ chức bộ máy và nhân sự, tổ chức lao động và phân công lao động trong nhà hàng khách sạn.			3. Kiểm tra cá nhân (20%) 4. Thi kết thúc học phần (50%)
38	Văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về các đặc trưng của tiểu vùng văn hóa ĐBSCL trong bối cảnh vùng văn hóa Nam Bộ, các yếu tố địa phương đã ảnh hưởng đến văn học và ngôn ngữ ĐBSCL. Trên cơ sở đó môn học sẽ trình bày một số đặc điểm về địa lí, tiến trình hình thành vùng ĐBSCL từ văn hóa Óc Eo, văn hóa Chân Lạp đến công cuộc khai hoang của lưu dân người Việt từ XVII - XIX và những nét văn hóa nổi bật của cộng đồng cư dân Việt, Hoa, Khmer, Chăm. Bên cạnh đó, môn học cũng sẽ làm rõ các đặc trưng về phương ngữ Nam Bộ trong mối quan hệ với lịch sử hình thành và điều kiện tự nhiên của ĐBSCL.	2	HK7	
39	Du lịch quốc tế	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản của du lịch như: du lịch, hoạt động du lịch, du khách, nhà cung ứng du lịch; luật du lịch quốc tế, quy chế pháp lý của Việt Nam về hoạt động du lịch quốc tế; quan hệ hợp tác quốc tế du lịch giữa Việt Nam và các nước…	2	HK7	1. Điểm chuyên cần 05% 2. Thảo luận trên lớp 10% 3. Kiểm tra 10 % 4. Báo cáo nhóm 15% 5. Thi kết thúc học phần 60%
40	Thực tế chuyên môn	Thực tế nghề nghiệp là một môn học thực tế bắt buộc cho sinh viên năm thứ tư trong chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh Du lịch bậc cử nhân. Thông qua việc học tập các môn học khác trong chương trình, sinh	2	**HK7**	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Kỹ năng hướng dẫn du lịch 40% 3. Nhật ký thực tế chuyến đi, Hồ sơ báo cáo và bài thu hoạch 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên đã được trang bị hệ thống các kiến thức về tiềm năng du lịch cũng như các điểm đến của du lịch Việt Nam, tuyến điểm du lịch, thiết kế tour du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch,… Tuy nhiên, những kiến thức đó phần nhiều mang tính lý thuyết và không có điều kiện thực hành, rèn luyện thực tế để hình thành và củng cố kỹ năng nghề nghiệp. Vì vậy, thông qua môn học này, sinh viên được trực tiếp thực hành để hình thành và hoàn thiện các kỹ năng về thiết kế tour, xác định điểm đến, tổ chức các hoạt động trong chuyến đi, thực hành hướng dẫn và thuyết minh tại điểm tham quan, giải quyết các tình huống trong chuyến tham quan…			
41	Lễ tân ngoại giao	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức lí luận về ngoại giao, vai trò của ngoại giao, vai trò của nghiệp vụ lễ tân trong ngoại giao. Học phần còn cung cấp cho SV biết được các bước chuẩn bị và thực hiện của lễ tân, những nguyên tắc và kỹ năng làm lễ tân cho các buổi ngoại giao.	2	HK7	
42	Tổ chức sự kiện và hội nghị	Học phần tổ chức sự kiện và hội nghị cung cấp những kiến thức nền tảng về quản lý, tổ chức sự kiện và hội nghị. Giúp sinh viên hiểu và thực hiện quy trình của tổ chức sự kiện; đồng thời hình thành các kỹ năng phân tích, tính toán nhằm xác định khả năng thành công hay thất bại của sự kiện. Ngoài ra, học phần tổ chức sự kiện và hội nghị còn có thể ứng dụng thực tế trong việc tổ chức các sự kiện trong ngành du lịch và các lĩnh vực có liên quan như: nhà hàng, khách sạn, lữ hành...	2	HK7	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Văn hóa Anh-Mỹ	Sau khi kết thúc học phần Văn hóa Anh- Mỹ, sinh viên có thể đạt được các kiến thức văn hóa Anh - Mỹ và phát triển kỹ năng giao tiếp, hướng tới chuẩn đầu ra hiểu biết liên văn hóa, dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	3	HK6	1. Bài làm cá nhân 30% 2. Bài làm nhóm 20% 3. Bài tập lớn 50%
44	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Hiểu đươc những tri thức về khá i niệm văn hóa, chức năng văn hóa, lịch sử văn hóa, diễn trình văn hóa Việt Nam, trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Nêu đươc những bình diện cơ bản, có hệ hống về văn hóa Việt Nam. Phân tích những quy luật vân đông và phát triển của văn hóa, để thấy đươc tiến trình phát triển lịch sử văn hóa của môt dân tộc là tất yếu tuân theo những quy luật khách quan. Những giải pháp phân kỳ lịch sử văn hóa của những nhà nghiên cứu trước đây và hiện hành.	3	HK3	1. Bài làm cá nhân 30% 2. Bài làm nhóm 20% 3. Bài tập lớn 50%
45	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Môn tiếng Anh trong văn hóa du lịch còn giúp người học luyện nói tiếng Anh theo các chủ đề mang tính đặc thù riêng của ngành nghề; luyện kỹ năng thuyết minh, thuyết trình đối tượng tham quan, kỹ năng trả lời các câu hỏi của du khách và thực hành hướng dẫn tham quan các tuyến, điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam.	3	HK5	1. Đánh giá chuyên cần 10% 2. KTTK 30% 3. Trắc nghiệm cuối kì 60%
46	Kỹ năng mềm trong văn hóa du lịch	Học phần Kỹ năng mềm trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng phỏng vấn xin việc vào các công ty du lịch, các kỹ năng bổ trợ trong quá trình thực hiện các hoạt động du lịch. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong cuộc sống và các kỹ năng chuyên môn trong ngành du lịch. Để thành công, kiến thức và kỹ năng chuyên môn là rất quan trọng	2	HK5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhưng kỹ năng mềm cũng không thể thiếu đặc biệt là trong ngành du lịch.			
47	Khởi nghiệp		2	HK5	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm kiểm tra giữa kỳ(40%) 3. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
48	Hoạt náo trong du lịch	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về hoạt náo, công tác quản trò của người hướng dẫn viên du lịch. Những nguyên tắc cơ bản trong quá trình tổ chức hoạt náo, mục đích của việc thực hiện hoạt náo, các hình thức tổ chức hoạt náo tiêu biểu trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	2	HK6	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm kiểm tra giữa kỳ(40%) 3. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
49	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành du lịch như: thuyết minh, quy trình phục vụ trong nhà hàng - khách sạn và các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch quốc tế.	2	HK6	1. Đánh giá chuyên cần 10% 2. KTTK 30% 3. Trắc nghiệm cuối kì 60%
50	**Thực tập cơ sở**		**6**	**HK6**	
51	Thực tập tốt nghiệp		8	HK8	
52	Khóa luận tốt nghiệp		6	HK8	
53	Văn hóa các nước châu Á		3	HK8	
54	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Phong tục tập quán Việt Namlà môn học góp phần trang bị kiến thức nền tảng và hệ thống về Phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu biết khái quát về các phong tục- tập quán và lễ hội cơ bản của đất nước ta, đặc biệt là của người Kinh (Việt);	3	HK8	1. Bài làm cá nhân 30% 2. Bài làm nhóm 20% 3. Bài tập lớn 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trên cơ sở đó vừa vận dụng vào hoạt động du lịch và kinh doanh du lịch, vừa góp phần bảo tồn cho mai sau.			

29. Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh kinh doanh)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung Căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập cá nhân(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Thi kết thúc học phần(50%)
2	Tiếng Trung Căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	HK2	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập cá nhân(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Thi kết thúc học phần(50%)
3	Tiếng Pháp Căn bản 1	Giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể.	3	HK1	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm bài tập, thuyết trình(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
4	Tiếng Pháp Căn bản 2	Rèn luyện khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu	2	HK2	1. Điểm chuyên cần 10% 2. Điểm bài tập, thuyết trình(20%) 3. Điểm kiểm tra giữa kỳ(20%) 4. Điểm thi kết thúc học phần(50%)
5	Đọc 1	Học phần này trang bị cho người học kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh ở trình độ bậc 2 mức cao (A2+) theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc (hoặc IELTS 4.0), đồng thời cung cấp cho người học kiến thức nền về một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và một số từ vựng ở cấp độ cơ bản (elementary).	2	HK1	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Đọc 2	Học phần này trang bị cho người học kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh ở trình độ bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc (hoặc IELTS 4.5), đồng thời cung cấp cho người học kiến thức nền về một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và một số từ vựng ở bậc 3.	2	HK2	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
7	Đọc 3	Học phần này trang bị cho người học các kĩ năng đọc hiểu hướng tới chuẩn đầu ra ở bậc 3 mức nâng cao (B1+) theo khung NLNN 6 bậc (hoặc IELTS 5.0), cụ thể như đọc nhanh lấy ý chính, tìm ý chi tiết, tìm từ khóa. Ngoài ra học phần còn cung cấp các từ vựng ở mức độ tiền trung cấp (pre-intermediate)	2	HK3	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm bài tập làm tại lớp (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
8	Đọc 4	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 4 (B2) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	HK4	1. Điểm chuyên cần (10%) 2. Điểm bài tập về nhà (10%) 3. Điểm kiểm tra thường xuyên (10%) 4. Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Điểm thi kết thúc học phần 50%
9	Nghe 1	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú khi nghe các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như giáo dục, thiên nhiên, đời sống, cộng đồng, văn hoá, giải trí, sức khỏe, thể thao,… với mức năng lực tương đương bậc 2 nâng cao (B2+ - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 4.0. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học mở rộng vốn từ vựng, đọc đúng ngữ điệu, phát âm chuẩn thông qua các chủ đề được học.	2	HK1	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
10	Nghe 2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán nghĩa bằng ngữ cảnh, kỹ năng ghi chú khi nghe	2	HK2	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như văn hoá, sức khỏe, giải trí và truyền thông, đời sống xã hội, thể thao,… với mức năng lực tương đương bậc 3 (B1 - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 4.5. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học mở rộng vốn từ vựng, đọc đúng ngữ điệu, phát âm chuẩn thông qua các chủ đề được học.			
11	Nghe 3	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán nghĩabằng ngữ cảnh, kỹ năng ghi chú khi nghe các bài hội thoại hay bài giảng về một số chủ đề như giáo dục và đời sống sinh viên, đời sống thành thị, kinh doanh và tiền tệ, nghề nghiệp và văn hóa, lối sống trên thế giới,… với mức năng lực tương đương bậc 3 nâng cao (B1+ - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.0.	2	HK3	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
12	Nghe 4	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ năng ghi chú, nghe lấy ý chính, ý chi tiết về một số chủ đề tiền tệ, những cá nhân, con người đáng chú ý, khả năng sáng tạo, các hoạt động của con người,…với mức năng lực tương đương bậc 4 (B2 - khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc) hoặc IELTS 5.5	2	HK4	1. Tham dự lớp (20%) 2. Kiểm tra (30%) 3.Thi hết học phần (50%)
13	Nói 1	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội hình thành, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề quen thuộc như gia đình, thời gian rảnh rỗi, thời tiết, quê hương xứ sở, phương tiện truyền thông, …với trình độ tương đương bậc 2 nâng cao (A2+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 4.0	2	HK1	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Nói 2	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội hình thành, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề quen thuộc như học hành, công việc, nghề nghiệp, ngày nghỉ và du lịch, sức khỏe,... với trình độ tương đương bậc 3 (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 4.5	2	HK2	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
15	Nói 3	Học phần bao gồm 5 chương, mỗi chương trình bày những nội dung khác nhau theo những chủ đề khác nhau, giúp người học chuẩn bị những kỹ năng, kiến thức cần thiết nhằm đạt được trình độ tương đương bậc 3 nâng cao (B1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc IELTS 5.0	2	HK3	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
16	Nói 4	Trong học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội củng cố, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề lớn quen thuộc như học hành, công việc, nghề nghiệp, ngày nghỉ và du lịch, sức khỏe,… với trình độ tương đương bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS 5.5	2	HK4	Chuyên cần: (10%) Thuyết trình nhóm:(20%) Kiểm tra Vấn đáp: (20%) Thi cuối kỳ vấn đáp (50%)
17	Viết 1	học phần Viết 1 bao gồm các bài viết thư phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập hỗ trợ giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng viết theo mức chuẩn của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương bậc 2 nâng cao (A2+) hoặc IELTS 4.0.	2	HK1	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3. Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5. Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút
18	Viết 2	Sinh viên được rèn luyện kỹ năng viết Tiếng Anh để có thể viết hoàn chỉnh 1 bài miêu tả biểu đồ đạt mức IELTS 4.5, tương đương bậc 3 (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	2	HK2	1.Chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra viết (20%) 3. Kiểm tra viết (20%) 4. Thi viết (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Viết 3	học phần Viết 3 giới thiệu và cung cấp kiến thức cho sinh viên các loại bài luận phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập nâng cao giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết nhằm đạt mức chuẩn bậc 3 nâng cao (B1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương IELTS 5.0.	2	HK3	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3.Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5.Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút
20	Viết 4	học phần Viết 4 giới thiệu và cung cấp kiến thức cho sinh viên các loại bài luận phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ, đồng thời thông qua các loại bài tập nâng cao giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết nhằm đạt bậc 4 (B2) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, tương đương IELTS 5.5.	2	HK4	1.Tự luận 45 phút (10%) 2.Tự luận 45 phút (10%) 3.Tự luận 45 phút (10%) 4.Kiểm tra giữa kì: (20%) Tự luận 60 phút 5.Thi cuối kì: (50%) Tự luận 60 phút
21	Ngữ âm thực hành	Rèn kỹ năng phát âm cho sinh viên. Do đó, giáo viên tập trung vào việc luyện phát âm cho sinh viên với sự hỗ trợ của các thiết bị và băng đĩa .	2	HK1	Quay video clip(20%), Kiểm tra vấn đáp (30%), Thi cuối kì (50%)
22	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam	3	HK5	Chuyên cần: (10%) Kiểm tra:(20%) Kiểm tra giữa kỳ: (20%) Thi cuối kỳ (50%)
23	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2	học phần Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương	3	HK6	Chuyên cần: (10%) Kiểm tra:(20%) Kiểm tra giữa kỳ: (20%) Thi cuối kỳ (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.			
24	Kinh tế học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kinh tế học bao gồm kinh tế vi mô và vĩ mô. Các phương pháp phân tích kinh tế cùng với những kiến thức liên quan đến nghiên cứu thị trường và là những kiến thức nòng cốt giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất và kinh doanh. Sinh viên còn được trang bị về những kiến thức vĩ mô, những chính sách của chính phủ đưa ra để tác động tới nền kinh tế.	3	HK2	Chuyên cần (10%) Kiểm tra thường xuyên (10%) Bài tập/Thảo luận (10%) Kiểm tra giữa kỳ (20%) Thi kết thúc học phần (50%)
25	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến thị trường tài chính, hệ thống tài chính, hoạt động phân phối tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn sản xuất kinh doanh. Giúp người học hiểu và bước đầu hình thành khả năng nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính của khu vực đã được đề ra.	3	HK3	FALSE
26	Quản trị học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị và hoạt động quản trị trong một tổ chức, DN; Hiểu được các nguyên lý quản trị học, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, thuật ngữ quản trị, ý nghĩa của công tác quản trị trong DN; Kiến thức liên quan về các yếu tố của môi trường kinh doanh, ma trận SWOT; Quy trình ra quyết định và các công cụ ra quyết định của nhà quản trị; Hiểu và vận dụng được 4 chức năng cơ bản của nhà quản trị: chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; Ứng dụng được các thuyết về động viên để tạo động lực cho nhân	3	HK3	1. Chuyên cần (5%): mức độ tham gia lớp học 2. Kiểm tra (15%): Hình thức: tự luận 3. Thảo luận nhóm (10%): Giải quyết tình huống 4. Báo cáo nhóm (20%): Trình bày nội dung được giao về nhà 5. Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên trong quá trình lãnh đạo của nhà quản trị. Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị.			
27	Marketing căn bản	Sau khi tham gia học tập người học biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản về Marketing vào thực tiễn kinh doanh một cách hiệu quả như: phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing, nhận biết nhu cầu khách hàng, phân tích được hành vi khách hàng, phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Hơn thế, học phần còn giúp người học nắm được 4 phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp (Marketing Mix). Ngoài ra, học phần còn giúp người học nâng cao kỹ năng thu thập và phân tích thông tin, lập luận và nhận diện vấn đề,….cũng như giúp người học hình thành thái độ tích cực nghiên cứu, tự chủ và chịu trác nhiệm. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như quản trị Marketing, nghiên cứu Marketing, hành vi tiêu dùng...	3	HK4	1. Chuyên cần (5%): mức độ tham gia 2. Thảo luận và giải quyết tình huống theo nhóm: (15%) 3. Thực hiện báo cáo nhóm: (20%) 4. Kiểm tra giữa kỳ: (10%) 5. Thi kết thúc học phần: (50%)
28	Luật kinh tế		2	HK4	
29	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Một trong những kỹ năng thiết yếu mà sinh viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó	2	HK5	1. Chuyên cần (10%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (30%): Viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình theo chủ đề. 3. Thi kết thúc học phần (60%): Hình thức tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.			
30	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	Học phần giúp sinh viên phát triển và củng cố ngôn ngữ giao tiếp quốc tế phù hợp với bối cảnh giao tiếp toàn cầu thông qua việc cải thiện chủ yếu kỹ năng nói và nghe Tiếng Anh, bên cạnh các hoạt động đọc và viết cũng được lồng ghép cơ bản. Ngoài ra, một số phương pháp sẽ được lồng ghép nhằm phát triển sự lưu loát và tự tin của người học khi nói và khuyến khích người học tham gia thảo luận càng nhiều càng tốt. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp SV nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.	3	HK5	HĐ#1 10%: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp HĐ#2 20%: Điểm cá nhân HĐ#3 20%: Điểm nhóm HĐ#4 50%: Thực hành
31	Thanh toán quốc tế	Giúp SV có được kiến thức về các nguyên tắc cơ bản về thanh toán quốc tế, thị trường ngoại hối và các phương thức thanh toán quốc tế hiện hành, tính toán được việc quy đổi tỷ giá hối đoái, có cái nhìn tổng quan về thị trường ngoại hối ở Việt Nam và một quốc gia trên thế giới. Đồng thời rèn luyện cho SV một số khả năng về cách chọn và sử dụng hiệu quả các hình thức thanh toán quốc tế, các dạng hợp đồng trong thanh toán quốc tế, các kỹ năng mềm khác. Ngoài ra, học phần cũng giúp hình thành khả năng tự nghiên cứu, tự học của SV.	3	HK5	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Làm tiểu luận
32	Quản trị thương mại	Học phần giúp sinh viên hiểu được cách quản trị một số nghiệp vụ kinh doanh thương mại cơ bản, liên quan đến quản trị dự trữ hàng hoá (xác định nguồn hàng đầu	3	HK7	HĐ#1 10%: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp HĐ#2 20%: Điểm cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào, kế hoạch mua hàng và dự trữ hàng hóa ở doanh nghiệp thương mại…) và quản trị bán hàng. SV có thể giải thích được cách vận hành hoạt động quản trị logistics theo chức năng và theo nghiệp vụ kinh doanh ở doanh nghiệp thương mại. Học phần còn giúp SV phát triển các kĩ năng nhà quản trị, lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm.			HĐ#3 20%: Điểm nhóm (vận dụng) HĐ#4 50%: Báo cáo kết thúc học phần
33	Marketing quốc tế	Học phần giúp sinh viên nắm vững cách thức xây dựng chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường toàn cầu. SV có khả năng phân tích môi trường marketing, thực hiện các nghiên cứu marketing, chiến lược Marketing toàn cầu. SV vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và ý nghĩa của các chiến lược Marketing, cũng như việc lựa chọn được các phối thức Marketing phù hợp cho từng sản phẩm hay từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn giúp SV hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm	2	HK6	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm cá nhân sưu tầm tư liệu: 20% 3. Điểm nhóm (Vận dụng): 20% 4. Báo cáo kết thúc môn: 50%
34	Quan hệ kinh tế quốc tế	Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế trang bị kiến thức về các đặc điểm chính của nền kinh tế thế giới, các công cụ thực hiện chính sách ngoại thương và những nội dung cơ bản của hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức vững chắc về các chính sách ngoại thương của các nước, công cụ thực hiện chính sách ngoại thương, các hình thức và đặc điểm của đầu tư quốc tế, và phân tích được các liên kết kinh tế trên thế giới.	2	HK6	HĐ#1 10%: Điểm chuyên cần HĐ#2 10%: Điểm bài tập cá nhân HĐ#3 20%: Báo cáo nhóm HĐ#4 10%: Kiểm tra giữa kỳ HĐ#5 50%: Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Tâm lý học trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết nền tảng về các hiện tượng và quy luật tâm lý cơ bản của con người trong kinh doanh xét góc độ cá nhân và tập thể; Giúp người học nhận biết cơ chế vận hành tâm lý của con người trong hoạt động quản trị và kinh doanh, từ đó có thể xây dựng những cách thức vận dụng tâm lý vào hoạt động quản trị và kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.	2	HK6	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm thảo luận tình huống: 20% 3. Điểm thuyết trình nhóm: 25% 4. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống kết thúc học phần: 50%
36	Quản trị quan hệ khách hàng	Học phần quản trị quan hệ khách hàng nhằm cung cấp các kiến thức và khái niệm cơ bản về CRM, những ứng dụng và công nghệ được sử dụng trong CRM để đẩy mạnh việc hoàn thành các mục tiêu marketing, bán hàng và dịch vụ trong các giai đoạn thu hút khách hàng, duy trì khách hàng và phát triển, đồng thời hỗ trợ các mục tiêu lớn hơn của tổ chức.	2	HK6	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Thảo luận nhóm: 20% 3. Kiển tra: 20% 4. Thi kết thúc học phần: 50%
37	Đạo đức trong kinh doanh và văn hóa DN	Học trang bị cho sinh viên những khái niệm, các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh và cách thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên các nội dung cụ thể về văn hoá doanh nghiệp, các yếu tố tác động cấu thành và tác động đến văn hoá doanh nghiệp. Cách thức xây dựng, duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp.	2	HK6	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm thảo luận cặp: 25% 3. Điểm chuyên đề: 20% 4. Điểm Tiểu luận kết thúc học phần: 50%
38	Quan hệ công chúng	Trang bị những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, hoạt động truyền thông tạo dựng hình ảnh của tổ chức đối với khách hàng. Đồng thời, học phần cũng giúp rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về tổ chức và xây dựng kế hoạch cho một chương trình/sự kiến để PR cho tổ chức.	3	HK7	1. Chuyên cần: 10% 2. Kiểm tra thường xuyên: 10% 3. Tiểu luận nhóm 20% 4. Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Quản trị nhân lực	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực từ khâu hoạch định đến thu hút, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực đến động viên, đãi ngộ, đánh giá nhân sự. Quản trị nhân lực vừa mang cả tính khoa học lẫn nghệ thuật trong việc khai thác và quản lý tài nguyên con người nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và đạt hiệu quả của tổ chức, doanh nghiệp. Giúp người học vận dụng các kiến thức nhân lực trong phân tích, phản biện, bày tỏ quan điểm, giải quyết các vấn đề con người.	3	HK7	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm báo cáo nhóm: 20% 3. Điểm thảo luận tình huống: 25% 4. Điểm thuyết trình cá nhân kết thúc học phần: 50%
40	Thương mại điện tử		3	HK7	
41	Nghiệp vụ ngoại thương	Học phần Nghiệp vụ ngoại thương giúp sinh viên nắm rõ các nguyên tắc cơ bản trong hợp đồng và để thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương. Ngoài việc cung cấp kiến thức giúp sinh viên có thể tiếp cận với quy trình nghiệp vụ ngoại thương và ứng dụng trong công việc kinh doanh ngoại thương, người học có cơ hội cải thiện kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong mua bán quốc tế và kỹ năng trình bày trước công chúng.	3	HK7	HĐ#1 10%: Chuyên cần HĐ#2 10%: Kiểm tra thường xuyên HĐ#3 20%: Tiểu luận (nhóm) HĐ#4 10%: Kiểm tra giữa kỳ HĐ#5 50%: Báo cáo kết thúc học phần
42	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	Học phần giúp SV nắm được những nội dung cốt lõi về quản trị cung ứng, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị cung ứng hướng đến. SV hiểu được quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng; cách thức xây dựng kế hoạch; hoạch định được các chiến lược. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ và tạo ra sự hợp tác hiệu quả trong chuỗi cung ứng, SV còn vận dụng các kiến thức đã học để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi, tạo tiền đề cho việc đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp SV nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm	3	HK7	HĐ#1 10%: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp HĐ#2 20%: Điểm cá nhân HĐ#3 20%: Điểm nhóm (vận dụng) HĐ#4 50%: Báo cáo kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.			
43	Quản trị dự án	Học phần tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của quá trình quản trị dự án đầu tư, có chú trọng đến khía cạnh hiệu quả về mặt tài chính của dự án. Mục đích của học phần là cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kỹ năng quản trị dự án đầu tư từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án. Thông qua thủ tục này, sinh viên sẽ giải quyết những mâu thuẫn phát sinh ở mỗi giai đoạn, biết cách lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng lập kế hoạch tài chính cho dự án và các phương pháp đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.	2	HK6	.1. Điểm chuyên cần 9.2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút) - Làm cá nhân 9.3. Làm bài viết tự luận: dạng làm bài tập tính toán (60-90 phút). - Làm cá nhân. 9.4. Thi kết thúc học phần: - Thi viết (tự luận 60-90 phút). - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp - Bắt buộc dự thi
44	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Học phần Kỹ năng tìm kiếm việc làm gồm 2 phần chính: Phần 1 - Cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến việc tự đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, tiến hành tìm kiếm thông tin tuyển dụng phù hợp năng lực, từ đó hình thành kỹ năngxây dựng Bộ hồ sơ ứng tuyển hoàn chỉnh; Phần 2: Cung cấp các kiến thức về thi tuyển và trang bị các kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng, đàm phán các vấn đề xung quanh công việc ứng tuyển.	1	HK7	1. Chuyên cần: 10% 2. Phỏng vấn cá nhân: 40% 4. Bài tập lớn kết thúc học phần: 50%
45	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử	3	HK7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày. 2. Điểm Tiểu luận (50%): thực hiện viết bản đề án kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.			
46	Kỹ thuật đàm phán	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức nền tảng về đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,... Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	2	HK7	
47	Kỹ năng bán hàng	Giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản trong hoạt động bán hàng, đạo đức bán hàng; đồng thời chỉ ra cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để bán hàng và thuyết phục khách hàng.	2	HK7	1. Chuyên cần: 10% 2. Báo cáo nhóm: 25% 3. Kiểm tra: 15% 4. Xử lý tình huống: 50%
48	Kỹ năng soạn thảo thư tín thương mại	Giúp sinh viên biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của các loại thư tín thương mại. Đồng thời, học phần Kỹ năng soạn thảo thư tín thương mại sẽ cung cấp cho sinh viên những kỹ năng viết các loại thư tín thương mại, bao gồm thư từ, faxes, thư điện tử, báo cáo, bản ghi nhớ, trao đổi thông thường, đơn đăng ký,... Học phần hướng dẫn sinh viên cách viết một cách rõ ràng và hiệu quả.	2	HK7	HĐ#1 10%: Đánh giá chuyên cần HĐ#2 20%: Điểm bài tập cá nhân HĐ#3 20%: Kiểm tra giữa kỳ HĐ#4 50%: Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về soạn thảo và dịch thuật các loại hợp đồng trong các hoạt động thương mại, kinh doanh, giao nhận, ngân hàng và bảo hiểm. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện thêm kỹ năng viết, đặc biệt là viết và trình bày mẫu hợp đồng.	2	HK7	HĐ#1 10%: Đánh giá chuyên cần HĐ#2 20%: Điểm bài tập cá nhân HĐ#3 20%: Kiểm tra giữa kỳ HĐ#4 50%: Thi kết thúc học phần
50	Tiếng Anh chuyên ngành tài chính ngân hàng	Cung cấp những thuật ngữ cơ bản về ngành Tài chính - Ngân hàng liên quan đến những vấn đề như tiền tệ, những sản phẩm của ngân hàng bán lẻ, tín dụng cá nhân, cấu trúc ngân hàng và tài chính công ty bằng tiếng Anh. Giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ tài chính cơ bản, mô tả được các dạng tổ chức tài chính, lý giải được cách thức hoạt động của ngân hàng đầu tư, hiểu được nhu cầu của các loại khách hàng và cho lời khuyên; mô tả được công việc, trách nhiệm, nghĩa vụ trong những phòng ban, giải thích được các cấp bậc trong ngân hàng. Hiểu được các thông tin trên bảng báo cáo thu nhập. Sinh viên có thể đọc, viết và sử dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng để vận dụng vào hoạt động giao tiếp cũng như đọc hiểu các tài liệu và thông tin tài chính, ngân hàng cơ bản bằng tiếng Anh.	3	HK7	Điểm chuyên cần(5%) Điểm bài tập nhóm(15%) Điểm kiểm tra giữa kỳ(15%) Điểm kiểm tra cá nhân(15%) Thi kết thúc học phần(50%)
51	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh liên quan đến các loại hình doanh nghiệp, hoạt động thuê ngoài, tài chính, logistics và sự đổi mới. Sinh viên có thể ôn tập và thực hành ngữ pháp và từ vựng quan trọng trong cả hai ngữ cảnh nói và viết. Hơn nữa, học phần sẽ giúp phát triển những kỹ năng giao tiếp kinh doanh và những chiến lược cần thiết trong môi trường làm	3	HK7	Điểm chuyên cần(5%) Điểm bài tập nhóm(15%) Điểm kiểm tra giữa kỳ(15%) Điểm kiểm tra cá nhân(15%) Thi kết thúc học phần(50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc ngày nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ có thể đọc hiểu được các tài liệu và thông tin kinh doanh cơ bản bằng tiếng Anh. Sinh viên có thể tiếp cận với các tin tức mới nhất, cập nhật kiến thức mới từ nguồn tài liệu tiếng Anh và qua các trang website nước ngoài. Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề của sinh viên cũng được nâng cao thông qua các hoạt động giải quyết tình huống.			
52	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch		3	HK7	
53	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing	Giúp sinh viên có thêm vốn từ sử dụng trong hoạt động Marketing, các kiến thức về Marketing, khách hàng. Đồng thời, sinh viên có cơ hội rèn luyện thêm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; đặc biệt là sử dụng tiếng anh trong giao tiếp với khách hàng trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến marketing.	3	HK7	HĐ#1 10%: Điểm chuyên cần HĐ#2 20%: Điểm bài tập nhóm HĐ#3 20%: Điểm kiểm tra giữa kỳ HĐ#4 50%: Thi kết thúc học phần
54	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức chung về kinh doanh quốc tế và cung cấp cho sinh viên với các loại ngôn ngữ cần thiết để giải quyết một loạt các tình huống kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên khả năng giao tiếp, đặc biệt là phân tích, thảo luận và trình bày ý tưởng.	3	HK7	HĐ#1 10%: Điểm chuyên cần HĐ#2 20%: Điểm Thuyết trình nhóm HĐ#3 20%: Điểm kiểm tra giữa kỳ HĐ#4 50%: Thi kết thúc học phần
55	Thực tập tốt nghiệp		6	HK8	

30. Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ	3	Học kì 1	Kiểm tra nghe 20%, Kiểm tra nói 30%,Thi cuối kì 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.			
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam.	2	Học kì 2	Kiểm tra nghe 20%, Kiểm tra nói 30%,Thi cuối kì 50%
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	Học kì 1	Chuyên cần 10%, Thuyết trình 20%, Kiểm tra 20%, Thi cuối kì 50%
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10%, Kiểm tra 40%, Thi cuối kì 50%
5	Nghe 1	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền sơ cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu những câu nói, đoạn hội thoại rất ngắn, có cấu trúc đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ điểm cá nhân, gia đình, trường lớp và những nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu và làm theo những chỉ dẫn ngắn và đơn giản được truyền đạt chậm và cẩn thận. Sinh viên hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
6	Nói 1	Sau khi hoàn thành học phần Nói 1, sinh viên có thể dùng tiếng Trung để gọi được tên các đồ vật, nghề nghiệp, màu sắc, hình dạng, học tập, địa điểm, ...	2	Học kì 1	Thực hành trên lớp10%,Chuyên cần10%,Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần(thi theo cặp) 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đồng thời, sinh viên cũng có thể hỏi đáp đơn giản một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.			
7	Đọc 1	Có thể hiểu và sử dụng được những từ ngữ hoặc câu tiếng Hán rất đơn giản, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
8	Viết 1	Sau khi hoàn thành học phần Viết 1, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền sơ cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng viết phiên âm chữ Hán thành thạo; viết chữ Hán đúng nét, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản, đúng ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
9	Nghe 2	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ sơ cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu những cụm từ, cách diễn đạt, ý chính, ý chi tiết và có thể xác định được chủ đề các đoạn hội thoại/ đoạn văn ngắn quen thuộc liên quan đến chủ đề hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng; có thể hiểu hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
10	Nói 2	Sau khi hoàn thành học phần Nói 2,sinh viên có thể hoàn thiện phát âm các từ Hán ngữ. Vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề khó hơn như: đi khám bịnh, đổi tiền. Nghe, hiểu và trả lời đúng các câu đàm thoại của đối tác.	2	Học kì 2	Kiểm tra thường xuyên(30%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
11	Đọc 2	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành hội thoại giao lưu trực tiếp đơn giản với các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Viết 2	Sau khi hoàn thành học phần Viết 2, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ sơ cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng nghe viết một đoạn văn ngắn về các chủ đề trong cuộc sống thường ngày đúng ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
13	Nghe 3	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền trung cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản, hiểu được ý chính, ý chi tiết được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống và công việc thường ngày, có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết. Sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Thi cuối kì 50%
14	Nói 3	Sau khi hoàn thành học phần Nói 3, sinh viên có thể sử dụng các từ, các cụm từ, thành ngữ, cấu trúc câu phức tạp để diễn đạt ý tưởng. vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .	2	Học kì 3	Thực hành trên lớp10%, Chuyên cần10%,Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần(thi theo cặp) 50%
15	Đọc 3	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
16	Viết 3	Sau khi hoàn thành học phần Viết 3, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền trung cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh (300-400 từ) với chủ đề cho sẳn xoay quanh cuộc sống thường ngày, phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.			
17	Nghe 4	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ trung cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề trong cuộc sống cá nhân, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn; có thể hiểu được ý chính, ý chi tiết các bài tường thuật, bài phát biểu và các dạng trình bày khác được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống và nghề nghiệp; có thể hiểu các thông báo vá tin nhắn. Sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
18	Nói 4	Sau khi hoàn thành học phần Nói 4,sinh viên có thể trình bày một vấn đề trọn vẹn theo suy nghĩ của mình từ nhiều góc độ khác nhau. Vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
19	Đọc 4	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.	2	Học kì 4	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
20	Viết 4	Sau khi hoàn thành học phần Viết 4, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ trung cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh (600-800 từ) với chủ đề cho sẵn xoay quanh cuộc sống thường ngày, phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.			
21	Nghe 5	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền cao cấp. Sinh viên có thể theo dõi và hiểu được bài nói dài, các cuộc trò chuyện giữa người bản ngữ; có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo công cộng. Sinh viên luôn có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
22	Nói 5	Sau khi hoàn thành học phần Nói 5,sinh viên có thể trình bày một vấn đề trọn vẹn theo suy nghĩ của mình từ nhiều góc độ khác nhau. Vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .	2	Học kì 5	Chuyên cần10%, Thực hành trên lớp10%, Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần50%
23	Đọc 5	Sinh viên đọc hiểu được các chủ đề thuộc các lĩnh vực rộng hơn, đồng thời có thể giao lưu một cách lưu loát với người bản địa.	2	Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài tập cá nhân/ nhóm/ thuyết trình 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
24	Viết 5	Sau khi hoàn thành học phần Viết 5, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền cao cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh thuộc lĩnh vực thương mại, giao dịch thường gặp phải trong công		Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc tương lai, đúng thể loại văn viết và phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.			
25	Nghe 6	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ cao cấp. Sinh viên có thể theo dõi và hiểu được bài nói chứa đựng các yếu tố văn hóa, các cuộc giao tiếp, trò chuyện giữa người bản ngữ; có thể hiểu được các thông báo, hướng dẫn dù nghe trực tiếp hay nghe qua các pương tiện truyền thông. Sinh viên luôn có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.		Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
26	Nói 6	Học phần thông qua các hoạt động học tập (hoàn thành đối thoại theo chủ đề, thảo luận nhóm/cá nhân, báo cáo phỏng vấn.....) với những chủ đề chính, nổi bậc của xã hội, gần gủi đời sống thực tế, với mục đích giúp học viên nắm vững cách diễn đạt khẩu ngữ một cách trôi chảy, biết đưa ra nhiều luồng ý kiến khác nhau, cũng cố sự suy luận, cách nhìn nhận vấn đề của học viên như: cách kể lại câu chuyện, thảo luận tập thể, phỏng vấn cá nhân, đánh giá vấn đề.....		Học kì 6	Thực hành trên lớp20%, Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần50%
27	Đọc 6	Sinh viên đọc hiểu được báo chí tiếng Trung, thưởng thức các tiết mục phim ảnh tiếng Trung và dùng tiếng Hán để tiến hành thuyết trình một cách tương đối hoàn chỉnh.		Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài tập cá nhân/ nhóm/ thuyết trình 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
28	Viết 6	Sau khi hoàn thành học phần Viết 6, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ cao cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng viết hoàn chỉnh báo cáo thực tập, luận văn vào cuối khoá học, đúng thể loại văn viết và phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.			
29	Ngữ âm - Văn tự tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về ngữ âm và văn tự trong tiếng phổng thông Trung Quốc (PTTQ); Vận dụng kiến thức ngữ âm, văn tự vào nghiên cứu, phát triển năng lực Hán ngữ, công việc chuyên ngành.	2	Học kì 1	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
30	Ngữ pháp thực hành tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu, vận dụng được hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở mức độ sơ cấp, lí giải các hiện tượng ngữ pháp của tiếng Trung Quốc.	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
31	Dịch viết 1	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về lý luận dịch thuật, phương pháp phiên dịch, loại hình phiên dịch, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ, chiến lược trong dịch thuật. Sử dụng kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức hoạt động biên – phiên dịch; kiến thức về nhận xét, đánh giá chất lượng các sản phẩm biên – phiên dịch; kiến thức về thiết bị, công cụ hỗ trợ hoạt động dịch thuật.	2	Học kì 3	Kiểm tra số 1: viết 60 phút (20%), Kiểm tra số 2: viết 60 phút (20%), Đi học đầy đủ Báo cáo/ bài tập ngoài giờ (30%), Thi cuối kì (50%)
32	Dịch nói 1	Sau khi hoàn thành học phần dịch nói 1, sinh viên có thể biết các chiến lược trong dịch thuật. Đồng thời, sinh viên có thể dịch được những câu,đoạn đơn giản về các chủ đề trong cuộc sống hằng ngày cho đến các chủ đề ẩm thực,văn hóa xã hội, chính trị,khoa học kĩ thuật	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
33	Lí thuyết dịch	Sau khi học xong học phần này, người học đạt trình bày được cơ sở lý luận về dịch thuật, phương pháp dịch thuật chung, các loại hình phiên dịch; vận dụng được kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản dịch cụ thể; hiểu được các tiêu chuẩn cần thiết của	2	Học kì 4	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người phiên dịch; vận dụng những kết quả nghiên cứu lý thuyết vào thực hành dịch thuật; vận dụng kiến thức vào việc viết luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp; phân tích, đánh giá được chất lượng bản dịch.			
34	Dịch viết 2	Vận dụng kiến thức về lý luận dịch thuật, phương pháp phiên dịch, loại hình phiên dịch, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ, chiến lược trong dịch thuật. Sử dụng kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức hoạt động biên – phiên dịch; kiến thức về nhận xét, đánh giá chất lượng các sản phẩm biên – phiên dịch; kiến thức về thiết bị, công cụ hỗ trợ hoạt động dịch thuật. Vận dụng được kiến thức về việc xây dựng và triển khai các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản về dịch thuật Trung – Việt và Việt – Trung.	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
35	Dịch nói 2	Sinh viên nhớ các cấu trúc cơ bản trong Tiếng Hán và Tiếng Việt, và có thể dịch được các câu và đoạn ngắn. Vận dụng từ vựng và các thuật ngữ trong quá trình dịch	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), thực hành dịch (30%), Thi cuối kì (50%)
36	Cú pháp tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức cơ bản về cú pháp, bao gồm: cơ sở lý luận, các thành phần cơ bản của câu, các dạng thức câu đặc biệt trong tiếng PTTQ. Vận dụng kiến thức cú pháp vào việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với văn hoá biểu đạt ngôn ngữ, trong công tác dịch thuật và trong công việc cụ thể.	3	Học kì 4	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
37	Dịch viết 3	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về phân tích ngữ pháp, liên kết văn bản, xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản gốc và văn bản dịch. Vận dụng phương pháp phân tích các đặc điểm ngôn ngữ, giải thích được nét tương đồng và khác biệt về văn hoá biểu đạt giữa hai văn bản gốc và văn bản dịch.	2	Học kì 5	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Dịch nói 3	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức cơ bản về dịch khẩu ngữ, hiểu đầy đủ các kỹ năng dịch. Nắm được các cách diễn đạt khác nhau trong các môi trường dịch .Có năng lực diễn đạt tốt trong môi trường song ngữ. Hiểu và vận dụng linh hoạt các phong cách, sắc thái trong dịch khẩu ngữ.	2	Học kì 5	Thực hành trên lớp (20%), báo cáo giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
39	Dịch viết 4	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về phân tích ngữ pháp, liên kết văn bản, xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản gốc và văn bản dịch. Tích lũy khối kiến thức có vốn từ vựng khoảng 3000 từ thường dùng trong tiếng Trung Quốc liên quan đến đời sống, kinh tế, thương mại, kỹ thuật,… Sử dụng có hiệu quả những kết quả kiến thức về kỹ thuật dịch văn bản; vận dụng tốt các phương pháp dịch thuật vào bản dịch cụ thể; vận dụng tốt các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản dịch cụ thể.	2	Học kì 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
40	Dịch nói 4	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về các thuật ngữ, kiến thức xử lý dịch trong hội nghị và ứng xử trong môi trường đa văn hóa. Vận dụng các cấu trúc dịch phức tạp vào quá trình chuyển đổi, giải mã ngôn ngữ dịch bằng khẩu ngữ . Có kỹ năng diễn đạt, các sắc thái ngôn từ phù hợp với từng môi trường dịch.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
41	Đất nước học Trung Quốc	Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về đất nước, con người Trung Hoa qua các thời kỳ phát triển xã hội; hiểu được giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của người Trung Hoa; hiểu biết về chế độ chính trị, sự phát triển kinh tế và xã hội Trung Quốc hiện đại. Sử dụng hiệu quả kiến thức về đất nước, con người Trung/ Việt bằng tiếng Trung một cách lưu loát; hình thành khối kiến thức ngôn ngữ văn hóa tổng hợp, vận dụng được	3	Học kì 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức học phần này vào việc nâng cao trình độ thực hành tiếng của bản thân.			
42	Từ pháp tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu được sự khác biệt giữa thực từ và hư từ, cách phân chia thực hư từ và các định nghĩa từ loại trong tiếng Trung. Vận dụng nội dung lý thuyết ở mỗi đơn vị bài, liệt kê các từ cùng loại, nhận diện được loại từ trong câu.	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân , nhóm , thuyết trình (20%), kiểm tra (20%), Thi cuối kì (50%)
43	Kỹ thuật biên - phiên dịch	Sinh viên phân tích ở mức thành thạo và lựa chọn phương án phù hợp để chuyển ngữ khoảng 100 loại cấu trúc ngữ pháp và kiểu liên kết văn bản thường gặp trong các văn bản tiếng Hán và tiếng Viêt. Có năng lực diễn đạt rõ ràng, chính xác 1 bản tin bằng văn bản và khẩu ngữ	3	Học kì 5	Bài tập nhóm (20%), báo cáo cá nhân (15%), báo cáo nhóm(15%), Thi cuối kì (50%)
44	Quán dụng ngữ	Sinh viên có thể phân tích chúng về mặt hình âm nghĩa, biết phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề. Có năng lực phê phán và sáng tạo trong vận dụng ngôn ngữ.	3	Học kì 5	Bài tập cá nhân, nhóm (20%), kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
45	Ứng dụng CNTT trong học Hán ngữ	Sinh viên biết cách thiết kế bài thuyết trình sử dụng powerpoint một cách hiệu quả.Củng cố và phát triển kiến thức về CNTT cơ bản và nâng cao. Sử dụng được kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao phục vụ cho việc tự học và tự nghiên cứ.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (40%), Thi cuối kì (50%)
46	Nhập môn phương pháp giảng dạy Hán ngữ	Sinh viên hiểu được cơ sở lý luận về phương pháp giảng dạy Hán ngữ và kỹ thuật giảng dạy phù hợp với từng dạng bài Hán ngữ. Sử dụng đa dạng kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung dạy.	3	Học kỳ 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
47	Kỹ năng thuyết trình Hán ngữ	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội trong tiếp thu chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp. Phân tích kiến thức về cách tìm hiểu khán giả;	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân (20%), bài tập cá nhóm (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình; nắm vững sự đa dạng của của các bài thuyết trình.			
48	Ngôn ngữ báo chí	Sinh viên nắm vững từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thuộc lĩnh vực báo chí. Phân biệt tính đặc thù của ngôn ngữ được sử dụng trong lĩnh vực báo chí.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
49	Ngôn ngữ thương mại	Sinh viên nắm vững từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thuộc lĩnh vực báo chí. Phân biệt tính đặc thù của ngôn ngữ được sử dụng trong lĩnh vực báo chí. Vận dụng phương pháp, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong biên – phiên dịch Trung – Việt và Việt – Trung trong tình huống phù hợp.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
50	Đọc văn bản phồn thể	Sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt sự khác nhau của các từ giản thể và phồn thể. Vận dụng các kiến thức đã học phân biệt và chọn đúng các từ cần biểu thị ý mình muốn nói mà không gây hiểu nhầm cho người đọc văn bản. Đọc- hiểu các văn bản bằng chữ Hán phồn thể	2	Học kì 7	Bài tập nhóm (20%), báo cáo cá nhân (15%), báo cáo nhóm(15%), Thi cuối kì (50%)
51	Từ Hán việt	Có kiến nền tảng để nhận biết, lý giải được hiện tượng tiếp nhận lớp từ gốc Hán trong tiếng Việt; Nhận diện được từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng ViệtVận dụng sự chuyển đổi ngữ âm từ âm Hán Việt sang phiên âm pinyin (Bính âm hay Phanh âm) để đọc các chữ Hán trong tiếng phổ thông Trung Quốc, phục vụ cho chuyên ngành đào tạo. ;	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm (10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi tự luận (50%)
52	Khởi nghiệp		3	Học kì 7	
53	Kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc nâng cao 1	Hiểu được cấu trúc bài thi HSK cấp 4. Phát triển toàn diện khả năng đọc hiểu đoạn văn của sinh viên như đọc kỹ chi tiết, đọc lướt ý chính đoạn văn, đọc hiểu từng chi tiết trong câu và đoạn.	3	Học kì 6	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Hán ngữ du lịch	Sinh viên sử dụng thức cơ bản về điều kiện tự nhiên, danh tham thắng cảnh của Việt Nam; hiểu được giá trị văn hóa, nét đẹp của phong tục tập quán của người Việt Nam; nắm vững những quy định, những điều cần biết đối với người nước ngoài du lịch đến Việt Nam và người Việt Nam du lịch đến Trung Quốc. Đánh giá, nhận xét được những nét tương đồng và sự khác biệt giữa đất nước, con người Việt Nam với bất kỳ một dân tộc, quốc gia nào trên thế giới.	3	Học kì 7	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
55	Kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc nâng cao 2	Sinh viên phân tích từ khóa, cụm từ, thành ngữ bằng tiếng Trung để làm rõ nghĩa câu và nội dung đoạn văn. Phát triển kỹ năng kỹ năng nghe lướt, nghe hiểu ý chính, nghe đoán ý của tác giả, nghe tóm tắt... qua các bản tin ngắn, buổi thuyết trình	3	Học kì 7	Chuyên cần (10%), kiểm tra , bài tập cá nhân (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
56	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Sinh viên có thể Nêu và phân tích được một số khái niệm như văn hóa, ASEAN...Phân tích và đánh giá những đặc điểm đặc trưng của văn hóa các nước ASEAN. Khái quát, đánh giá được những giá trị văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng của bên ngoài.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
57	Lược sử văn học Trung Quốc	Sinh viên hiểu được một cách sâu sắc hơn các thành tựu của Văn học Trung Quốc qua các vấn đề thuộc lịch sử văn học Trung Quốc. Hình thành kỹ năng tiếp nhận các công trình nghiên cứu về văn học sử Trung Quốc qua nguyên tác, đồng thời, hình thành kỹ năng đánh giá các bản dịch khác nhau của cùng một công trình nghiên cứu văn học Trung Quốc.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
58	Trích giảng văn học Trung Quốc	Sinh viên có kỹ năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học nổi tiếng của đất nước mà sinh viên đang học và sẽ sử dụng một cách chuyên nghiệp ngôn ngữ của nước đó sau này. Rèn luyện cho sinh viên kỹ	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng đọc tư liệu tham khảo chuyên ngành và vận dụng vào việc phân tích tác phẩm một cách hiệu quả nhất.			
59	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên hiểu được một số khái niệm, nội dung căn bản về nghiên cứu khoa học; Vận dụng được các nguyên tắc và các bước căn bản khi triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
60	Phong cách học Hán ngữ	Sinh viên hiểu được Lý luận về phong cách học và phong cách học Hán ngữ. vận dụng phong cách ngôn ngữ vào từng thể loại văn bản.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân, nhóm thuyết trình(20%) kiểm tra (20%), Thi cuối kì (50%)
61	Tiếng Trung Quốc cổ đại	Sinh viên hiểu được hệ thống từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của tiếng Trung Quốc cổ đại ở cấp độ sơ trung cấp. Đọc hiểu những văn bản,tác phẩm văn chương ngắn được thể hiện băng tiếng Trung Quốc cổ đại . Vận dụng được các thực từ và hư từ thường dùng trong tiếng Trung Quốc cổ đại.	2	Học kì 7	Bài tập cá nhân, nhóm (20%) báo cáo cá nhân(15%), báo cáo nhóm (15%), Thi cuối kì (50%)
62	Tu từ học	Sinh viên hiểu được kiến thức về tu từ trong tiếng Trung Quốc bao gồm: phương thức tu từ, các hình thức ẩn dụ, chơi chữ, chuyển hóa, cường điệu của các từ, cụm từ và câu trong tiếng Trung. Vận dụng phương thức tu từ xử lý ngôn ngữ trong biên- phiên dịch.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
63	Thực tế bộ môn	Sinh viên vận dụng kiến thức về giao thoa ngôn ngữ, văn hoá. Hiểu được những tiềm năng, phạm vi ứng dụng ngôn ngữ Trung Quốc vào thực tiễn cuộc sống thường nhật, nhu cầu thị trường lao động. Sử dụng kiến thức về các hoạt động nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc cũng như kiến thức giao thoa văn hóa trong giao tiếp và trong công tác biên – phiên dịch.	3	Học kì 7	Đánh giá thái độ tinh thần (20%), hoạt động nhóm(30 %), bài thu hoạch cá nhân (50%)
64	Thực tập cơ sở	Người học sớm tiếp cận với môi trường làm việc thực tế để chủ động phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong học tập; khắc phục hạn chế và phát huy năng lực bản thân	6	Học kì 7	Điểm kết quả quá trình thực tập 70%, Điểm báo cáo 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để hoàn thành mục tiêu học tập; định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội như kỹ năng giao tiếp nơi làm việc, giao dịch thương mại, dịch thuật, kỹ năng giảng dạy tiếng Trung và các kỹ năng khác như lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thu thập và xử lí thông tin trên máy vi tính, quan sát, tổ chức, ghi chép tại văn phòng cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục phù hợp với chuyên ngành học nhằm phục vụ tốt cho công việc trong tương lai.			
65	Thực tập tốt nghiệp	Người học sớm tiếp cận với môi trường làm việc thực tế để chủ động phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong học tập; khắc phục hạn chế và phát huy năng lực bản thân để hoàn thành mục tiêu học tập; định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	8	Học kì 8	Đánh giá của CSTT 40%; Báo cáo tiến độ 10%, Bài thu hoạch 50%
66	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kì 7	
67	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	Học phần này góp phần hình thành năng lực phân tích các hiện tượng liên quan đến từ vựng trong học tập ngôn ngữ này. Sau khi ra trường người học có những kiến thức chung về từ vựng, có thể phát triển khả năng tự học tập và nghiên cứu từ vựng ở những bậc học cao hơn, sử dụng từ vựng hợp lý, chính xác trong dịch thuật.	3	Học kì 7	Chuyên cần 10% , Kiểm tra giữa kì 1 20%, Kiểm tra giữa kì 2 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
68	Đất nước học Trung Quốc	Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về đất nước, con người Trung Hoa qua các thời kỳ phát triển xã hội; hiểu được giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của người Trung Hoa; hiểu biết về chế độ chính trị, sự phát triển kinh tế và xã hội Trung Quốc hiện đại. Sử dụng hiệu quả kiến thức về đất nước, con người Trung/ Việt bằng tiếng Trung một cách lưu loát; hình thành khối	3	Học kì 7	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức ngôn ngữ văn hóa tổng hợp, vận dụng được kiến thức học phần này vào việc nâng cao trình độ thực hành tiếng của bản thân.			

31. Quản lý văn hóa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành quản lý văn hóa	Mục tiêu học phần này giúp trang bị cho sinh viên những thông tin cơ vản về ngành Quản lý văn hóa, về Khoa và Trường Đại học Đồng Tháp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có những kỹ năng cơ bản về học tập ở trường đại học, cách thức sử dụng hệ thống quản lý điện tử của trường. Trên cơ sở đó hình thành lòng yêu nghề và có kế hoạch học tập hợp lý nhằm đạt mục tiêu đề ra.	1	HK1	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học xong học phần này sinh viên có hiểu biết cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực văn hóa; nắm vững được quy trình tiến hành một hoạt động nghiên cứu khoa học; tự mình viết được một bài báo khoa học hoặc viết được đề cương nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
3	Tổng quan du lịch	Học phần Tổng quan du lịch giúp sinh viên hiểu và phân biệt được các khái niệm liên quan trong du lịch; hiểu rõ các đặc trưng của sản phẩm du lịch; phân tích được các yếu tố hình thành và tác động đến sự phát triển của ngành du lịch. Đồng thời, học phần này cũng chính là kiến thức nền tảng giúp sinh viên phân tích, đánh giá được sự tác động của du lịch đến các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội và môi trường; hiểu rõ các lĩnh vực của ngành du lịch để từ đó có cái nhìn tổng quan và toàn diện về du lịch.	2	HK1	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân biệt được các khái niệm về văn hoá, văn hiến, văn vật và văn minh, hiểu được loại hình văn hoá gốc nông nghiệp của Việt Nam, giải thích được cách tổ	2	HK2	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức đời sống tập thể và cá nhân của người Việt Nam. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng phân tích được một số hiện tượng văn hoá có trong đời sống văn hoá Việt Nam liên quan đến phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, nghệ thuật, giao tiếp.			
5	Đại cương về khoa học quản lý	Học xong học phần này sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý; Hình thành bước đầu kỹ năng quản lý và có thái độ đúng đắn đối với công tác quản lý; Đồng thời, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập một cách hiệu quả.	3	HK	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
6	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Học xong học phần này sinh viên có những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa trong lịch sử Việt Nam từ thời tiền sử đến nay; Hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; Có thái độ đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá các nền văn hóa.	3	HK2	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
7	Diễn trình văn hóa Đồng Bằng sông Cửu Long	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về diễn trình lịch sử - văn hóa hình thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc trưng tính cách, sinh hoạt, tổ chức xã hội và những giá trị vật chất, tinh thần của cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp qua quá trình điền dã nghiên cứu, tự tra cứu, sưu tầm tài liệu trong quá trình học tập. Có thái độ tôn trọng, trân quý những giá trị văn hóa dân tộc.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
8	Ứng dụng tin học trong quản lý văn hóa	Mục tiêu học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trình bày văn bản hành chính, các dịch vụ lưu trữ đám mây, các hệ thống quản lý hành chính điện tự và về một số thiết bị văn phòng quen thuộc. Trên cơ sở đó, sinh viên định dạng được văn bản trên máy tính, làm quen với một số hệ thống quản lý hành chính điện tử cũng như biết sử dụng một số thiết bị văn phòng ở mức cơ bản.	3	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
9	Văn hóa dân gian người Việt	Học xong học phần này sinh viên hiểu được khái niệm, tính chất, đặc điểm và tiến trình phát triển của văn hóa dân gian. Trên cơ sở đó, phân tích được vai trò của văn hóa dân gian trong xã hội Việt Nam đồng thời có những hành động cụ thể trong bảo tồn và phát huy giá trị của văn hóa dân gian trong cuộc sống đương đại.	2	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	Học xong học phần này sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm, tính chất của các loại hình tín ngưỡng và tôn giáo phổ biến ở Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phân biệt và chỉ ra được đặc điểm chính trong giáo lí, giáo luật của các tôn giáo phổ biến ở Việt Nam. Từ đó hình thành ý thức tôn trọng sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng của các cá nhân cũng như có cái nhìn đúng đắn hơn về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng trong cuộc sống và công việc.	3	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
11	Đường lối, chính sách về văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này sinh viên có kiến thức và phân tích được ở mức cơ bản các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa – văn nghệ; hiểu biết những điểm chính trong chính sách văn hóa ở Việt Nam qua các giai đoạn cũng như của một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó có khả năng đề xuất các chủ trương, chính sách phù hợp.	3	HK7	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
12	Đại cương Âm nhạc	Học xong học phần này sinh viên có kiến thức cơ bản về nhạc lý, đọc được các ký hiệu nhạc, hát đúng nhạc một số bài cơ bản; Hình thành kỹ năng đọc và hát đúng nhịp, đúng quãng và cao độ; Rèn luyện thái độ làm việc nghiêm túc, khoa học.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
13	Đại cương sân khấu	Học xong học phần này sinh viên có những hiểu biết cơ bản về sân khấu như khái niệm, đặc trưng, vai trò của sân khấu; Có kiến thức về sân khấu thông tin cổ động; hiểu được các kỹ xảo sân khấu cơ bản; Hình thành kỹ năng đọc hiểu kịch bản sân khấu; Có tinh thần làm việc nhóm và cá nhân độc lập hiệu quả.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
14	Đại cương Múa	Học phần này có mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa; Hình thành các kỹ năng múa cơ bản, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm tích cực; Rèn luyện ý thức tự chủ và có trách nhiệm cá nhân với cộng đồng.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
15	Đại cương Mỹ thuật	Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu biết về những thành tựu mĩ thuật ở Việt Nam nói riêng và một số quốc gia trên thế giới nói chung theo từng giai đoạn lịch sử. Sinh viên có khả năng phân tích, cảm thụ cái đẹp, lí tưởng thẩm mỹ, những nhân vật quan trọng của từng thời	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại. Sinh viên phân tích được những đặc điểm của một số tác phẩm mĩ thuật tiêu biểu; lập luận, nhìn nhận, đánh giá một số thành tựu nghệ thuật của các nước trên thế giới và Việt Nam thông qua nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau. Thực hiện được kỹ năng tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu. Kĩ năng nhận biết, thưởng thức, phân loại một tác phẩm mĩ thuật.			
16	Nhạc cụ	Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu sơ lược về đàn phím điện tử và cách sử dụng, bảo quản đàn phím điện tử. Biết các hợp âm cơ bản, cách chạy gam của bộ khoá không dấu hoá (giọng C & giọng Am). Bộ khoá 1 dấu hoá gồm bộ khoá 1 dấu thăng (giọng G & giọng Em); bộ khoá 1 dấu giáng (Giọng F & Dm). Thực hành được bài tập Hanon 1-2-3 và một số bài Etude. Vận dụng được những kiến thức căn bản, bước đầu làm quen với đàn phím điện tử để có thể diễn tấu được một số tác phẩm Việt Nam và Quốc tế đơn giản. Sinh viên thực hiện được kỹ năng phân tích, tìm hiểu các tác phẩm âm nhạc Việt Nam và nước ngoài nhằm phục vụ cho công tác phân tích, thiết kế, đánh giá chương trình nghệ thuật, sự kiện. Có khả năng khai thác, nghiên cứu các tài liệu bổ trợ về kiến thức chơi nhạc cụ từ nhiều nguồn khác nhau trên các phương tiện thông tin đại chúng từ đó nâng cao được khả năng chơi nhạc cụ và phát triển tai nghe âm nhạc.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
17	Vùng văn hóa và phân vùng văn hóa ở Việt Nam	Học xong học phần này sinh viên hiểu được lý thuyết về nghiên cứu văn hóa vùng và các kiến thức về văn hóa vùng cũng như các vùng văn hóa ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, vận dụng để giải thích về đặc trưng văn hóa các vùng ở Việt Nam. Có thái độ tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa giữa các vùng trong cả nước.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
18	Làng nghề truyền thống Việt Nam	Hiểu được các kiến thức chung khái quát về làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, những đặc điểm cơ bản cũng như quá trình hình thành và phát triển của làng nghề truyền thống Việt Nam, các loại làng nghề cổ truyền Việt Nam, các giá trị của làng nghề, du lịch làng nghề, không gian văn hóa làng nghề, hoạt động trải nghiệm của du khách trong du lịch làng nghề.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích được mối quan hệ giữa làng nghề và du lịch làng nghề trên lãnh thổ Việt Nam. Những tiềm năng du lịch làng nghề và những định hướng, giải pháp trong phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam.			
19	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Hiểu được những vấn đề cơ bản về dân tộc và dân tộc học. Phân biệt được đặc trưng văn hóa các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam. Thuyết trình về một vấn đề về văn hóa tộc người. Vận dụng thành thạo những kiến thức về văn hóa tộc người trong cuộc sống, học tập và công việc. Thực hiện được việc tự học và làm việc nhóm. Hình thành thái độ tôn trọng, tự hào,giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá tộc người vào hoạt động du lịch. Có thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và trong quan hệ xã hội. Xây dựng tác phong lịch sự, hoà nhã, linh hoạt, đúng mực. Biết lắng nghe cảm thông và chia sẻ những giá trị văn hóa trong cộng đồng	2	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
20	Văn hóa giao tiếp công sở	Học xong học phần này sinh viên nắm được đặc trưng giao tiếp của người Việt Nam nói chung và giao tiếp công sở nói riêng. Từ đó, vận dụng vào hoạt động giao tiếp trong công sở trong tương lai. Đồng thời, có thái độ tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa giao tiếp có tính vùng miền hoặc quốc gia; Ứng dụng kỹ năng là việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, phục vụ công việc.	2	HK1	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
21	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt tập thể	Sau khi học xong học phần sinh viên phân tích được các kiến thức về biên tập, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hoạt động lễ hội, sự kiện và xây dựng được kịch bản, tổ chức chương trình Gala, Team-building, các trò chơi trong từng môi trường tác nghiệp cụ thể của một người quản trò. Thực hiện tốt kỹ năng thiết kế, tổ chức, điều hành của người quản trò trong các hoạt động văn hóa, chương trình nghệ thuật, chương trình lễ hội, sự kiện. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.	2	HK2	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
22	Công tác thể dục - thể thao quần chúng	Mục tiêu học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử thể dục thể thao, quan điểm quản lý nhà nước về thể dục thể thao. Nắm được nguyên tắc hoạt động của các thiết chế và phong trào thể dục thể thao cơ sở. Vận dụng những kiến thức và quan điểm về quản	2	HK2	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý, tổ chức hoạt động thể dục thể thao vào việc phân tích, xây dựng, thẩm định các kế hoạch và dự án về thể dục thể thao góp phần phát triển phong trào thể dục thể thao cơ sở. Hình thành kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý nhà nước về thể dục thể thao cơ sở. Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, dự án, phong trào thể dục thể thao. Học phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, chuyên nghiệp thông qua công tác tuyên truyền phát động các chương trình, kế hoạch, dự án, phong trào về thể dục thể thao ở sơ sở. Vận dụng tốt kỹ năng tự nghiên cứu về lĩnh vực thể dục thể thao và khả năng làm việc nhóm hiệu quả để thích ứng với môi trường làm việc tập thể trong các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức tập luyện và dẫn đội/đoàn/nhóm đi thi đấu các môn và nội dung trong các kỳ Đại hội thể dục thể thao ở địa phương.			
23	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Phong tục tập quán Việt Nam là môn học góp phần trang bị kiến thức nền tảng và hệ thống về Phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu biết khái quát về các phong tục - tập quán và lễ hội cơ bản của đất nước ta, đặc biệt là của người Kinh (Việt); trên cơ sở đó vừa vận dụng vào hoạt động du lịch và kinh doanh du lịch, vừa góp phần bảo tồn cho mai sau. Chương trình Phong tục tập quán Việt Nam hướng tới giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng khảo sát, phân tích tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng khảo sát thực tế. Học phần Phong tục tập quán Việt Nam giúp sinh viên biết đoàn kết, hợp tác, tự giác, tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống.	3	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
24	Quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên hiểu về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Phân tích được các các kế hoạch và dự án văn hóa, nghệ thuật. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng biên tập, tổ chức các chương trình nghệ thuật hoạt động lễ hội, sự kiện vào	2	HK7	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công tác quản lý văn hóa. Thực hiện tốt kỹ năng soạn thảo, tiếp nhận, xử lý văn bản trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn.			
25	Quản lý di sản văn hóa vật thể	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và di sản văn hóa dân tộc, cùng với đó là các đặc trưng, vai trò của hệ thống các di sản văn hóa vật thể; các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa vật thể nói riêng. Hình thành kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể; rèn luyện kỹ năng phân tích, thẩm định, quản lý, tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể; phát triển kỹ năng tự tra cứu, nghiên cứ tài liệu chuyên ngành. Có thái độ tôn trọng, trân quý những giá trị di sản văn hóa dân tộc.	2	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
26	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được các kiến thức về văn bản hành chính, công tác văn thư lưu trữ vào vị trí công việc. Ứng dụng kiến thức tin học để thực hiện tốt các kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính trong quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Thực hiện thành thạo kỹ năng soạn thảo, tiếp nhận, xử lý văn bản trong công tác quản lý văn hóa. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng tự nghiên cứu các tài liệu khoa học, văn bản pháp quy.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
27	Pháp luật về văn hóa thông tin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật văn hoá ở Việt Nam; hệ thống pháp luật về văn hóa Việt Nam: quyền tác giả, về hoạt động biểu diễn, về quảng cáo, điện ảnh, xuất bản, báo chí, di sản văn hoá, du lịch, thể thao. Công tác thanh tra, pháp chế và xử phạt hành chính trong lĩnh vực hoạt động văn hóa - nghệ thuật. Thực hiện được kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý, hướng dẫn, kiểm tra giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến một số lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận biết một số biến đổi hoặc sai phạm trong một số lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch nhằm đưa gia những giải pháp xử lý phù hợp với pháp luật. Có thái độ tôn trọng những giá trị văn hóa và pháp luật về văn hóa.	2	HK4	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Công tác văn thư lưu trữ	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên vận dụng được kiến thức về văn bản hành chính và công tác văn thư lưu trữ vào vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ và ứng dụng tin học vào công tác văn thư lưu trữ tại các cơ quan và doanh nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng soạn thảo, tiếp nhận, xử lý văn bản. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng tự nghiên cứu các tài liệu khoa học, văn bản pháp quy.	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
29	Thông tin và truyền thông cơ sở	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên hiểu được kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hoá - nghệ thuật. Vận dụng kiến thức về các thiết chế văn hoá, văn hoá cơ sở vào hoạt động truyền thông. Vận dụng kiến thức về văn bản hành chính, công tác văn thư lưu trữ vào công việc và ứng dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học vào quá trình làm việc truyền thông. Thực hiện tốt kỹ năng soạn thảo, tiếp nhận, xử lý văn bản. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
30	Quản lý di sản văn hóa phi vật thể	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di sản văn hóa dân tộc, cùng với đó là các đặc trưng và giá trị hệ thống các di sản văn hóa phi vật thể; các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý di sản văn hóa; công tác quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống. Hình thành kỹ năng, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; rèn luyện kỹ năng phân tích, thẩm định, quản lý, tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; phát triển kỹ năng tự tra cứu, nghiên cứ tài liệu chuyên ngành. Có thái độ tôn trọng, trân quý những giá trị di sản văn hóa dân tộc.	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
31	Kinh tế học văn hóa	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học văn hóa như các khái niệm về kinh tế, về văn hóa, đặc trưng, vị trí, vai trò, tính chất, nhiệm vụ, cách thức phân loại kinh tế văn hóa. Trên cơ sở đó hiểu rõ hơn về mối quan hệ tương tác giữa kinh tế và văn hóa, nền kinh tế thị trường trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở nước ta hiện nay và so	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sánh với một số nước về việc kinh doanh các dịch vụ văn hóa. Hình thành kỹ năng, nghiệp vụ trong phân tích, thẩm định các kế hoạch, hoạt động và dự án văn hóa, các sản phẩm của nền công nghiệp văn hóa. Vận dụng tốt kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc nhóm hiệu quả để thích ứng với môi trường làm việc tập thể trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật và dự án về văn hóa. Thấy được vai trò nền tảng của văn hóa và là chất liệu trong phát triển kinh tế văn hóa/công nghiệp văn hóa trong xã hội ngày nay. Ý thức trách nhiệm của người làm công tác văn hóa trong sự giữ gìn và sự phát triển văn hóa dân tộc.			
32	Quản lý các thiết chế văn hóa	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích và đề ra biện pháp quản lý, tổ chức hoạt động cho các thiết chế văn hóa. Vận dụng các kiến thức về văn bản hành chính, công tác văn thư lưu trữ và tổ chức thực hiện kế hoạch marketing trong hoạt động văn hóa nghệ thuật tại các thiết chế. Thực hiện được kỹ năng quản lý, tổ chức điều hành các kế hoạch tại các thiết chế văn hóa. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo các biến đổi trong quản lý các thiết chế văn hóa. Thực hiện tốt kỹ năng soạn thảo, tiếp nhận, xử lý văn bản trong công tác quản lý các thiết chế văn hóa.	3	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
33	Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được kiến thức về các thiết chế văn hoá; ý nghĩa, mục tiêu, đặc trưng và giải pháp xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay. Phân tích được kiến thức về xây dựng, thẩm định kế hoạch và dự án xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Thực hiện được kỹ năng quản lý, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, bảo tồn di sản, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo các biến đổi trong đời sống văn hóa cơ sở nhằm đưa ra giải pháp tổ chức quản lý có hiệu quả. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp.	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
34	Quản lý nguồn nhân lực trong các	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được các kiến thức về cơ cấu tổ chức và hoạt động, công tác quản trị nguồn nhân lực trong các cơ quan, tổ chức văn hóa, đoàn nghệ thuật. Vận dụng được kiến	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tổ chức văn hóa nghệ thuật	thức về tâm lý học quản lý và văn hóa giao tiếp công sở vào quá trình quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật. Thực hiện được kỹ năng quản lí, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý nhà nước về văn hoá cơ sở, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện.			
35	Giáo dục nghệ thuật	Sau khi học xong học phần sinh viên vận dụng được các kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động giáo dục về văn hoá - nghệ thuật. Phân tích được các kiến thức về cấu trúc, biên tập và tổ chức chương trình giáo dục nghệ thuật, hoạt động lễ hội, sự kiện. Thực hiện được kỹ năng nhận biết các biến đổi trong đời sống văn hóa cơ sở nhằm đưa ra giải pháp tổ chức chương trình giáo dục về văn hóa nghệ thuật đạt hiệu quả. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình tổ chức chương trình giáo dục nghệ thuật.	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
36	Văn hóa tộc người ở Tây Nam Bộ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về dân tộc học, đồng thời cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lịch sử hình thành vùng đất Tây Nam bộ, quá trình di cư - định cư và đời sống kinh tế, văn hóa của các tộc người trên vùng đất Tây Nam bộ. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, quản lý, tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của các tộc người ở Tây Nam bộ. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử khéo léo trong quá trình nghiên cứ, tìm hiểu thực tế về tộc người và văn hóa bản địa. Phát triển kỹ năng tự tra cứu, sưu tầm tài liệu và làm việc nhóm. Qua học phần sinh viên có sự phân tích, đánh giá vai trò của các tộc người trong sự phát triển vùng đất Tây Nam bộ trong lịch sử và tương lai.	3	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
37	Quản trị dịch vụ văn hóa	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên hiểu được các đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để hình thành cách thức quản trị các loại hình dịch vụ văn hóa. Phân tích được các phương pháp trong hoạch định, lập kế hoạch quản lý các loại hình dịch	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vụ văn hóa, văn hóa giao tiếp và kiến thức về biên tập, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hoạt động lễ hội, sự kiện ở địa phương. Thao tác được kỹ năng phân tích, thẩm định và quản lý, kiểm tra, giám sát các kế hoạch, sự kiện, dự án văn hóa, chương trình nghệ thuật. Đồng thời, nhận biết được biến đổi trong đời sống văn hóa cơ sở để xây dựng chính sách quản lý đối với hoạt động quản trị dịch vụ văn hóa tại địa phương. Thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực văn hóa.			
38	Biên tập và tổ chức chương trình nghệ thuật	Cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp biên tập và dàn dựng chương trình nghệ thuật. Qua đó giúp cho sinh viên biết cách tổ chức, xây dựng những chương trình biểu diễn theo từng chủ đề của các hội thi, hội diễn tại cơ sở. Hình thành nghiệp vụ trong hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa văn nghệ. Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện và phân tích, thẩm định các kế hoạch, dự án, phong trào văn hóa văn nghệ.Rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, chuyên nghiệp thông qua thường xuyên làm việc nhóm trong tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trước công chúng. Có thái độ tôn trọng những giá trị sáng tạo trong hoạt động văn hóa nghệ thuật.	3	HK7	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
39	Xây dựng kế hoạch và dự án văn hóa	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được các kiến thức về dự án văn hóa và các cấu trúc quản trị dự án. Vận dụng được các phương pháp xây dựng, thẩm định kế hoạch và dự án văn hoá. Biết được cách hoạch định, lập tiến độ và kiểm soát dự án cùng với các vấn đề làm ảnh hưởng đến sự thành công của kế hoạch hoặc dự án văn hóa. Hiểu được kiến thức về văn bản hành chính, công tác văn thư lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình xây dựng, quản lý dự án văn hóa. Thực hiện được kỹ năng thiết kế, thẩm định, phân tích và tổ chức, điều hành các kế hoạch, dự án văn hóa. Thực hiện được kỹ năng quản lí, kiểm tra, giám sát và giải quyết vấn đề quản lý dự án văn hóa. Thực hiện được kỹ năng phân tích, thẩm định, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án bảo tồn, phát huy di sản văn hoá.	2	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Phương pháp biên kịch	Sau khi học xong học phần sinh viên vận dụng được kiến thức về các thiết chế văn hóa, đặc trưng văn hóa cơ sở trong quá trình biên kịch các chương trình nghệ thuật. Phân tích được kiến thức về biên kịch, thẩm định kế hoạch và dự án văn hoá nghệ thuật. Phân tích được các kiến thức về biên kịch, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hoạt động lễ hội, sự kiện tại địa phương. Thực hiện tốt kỹ năng phân tích, biên kịch, tổ chức, điều hành các kế hoạch và dự án văn hoá, chương trình nghệ thuật, chương trình lễ hội, sự kiện. Thực hiện được kỹ năng phân tích, thẩm định các kế hoạch và dự án văn hoá, biên kịch chương trình nghệ thuật, chương trình lễ hội, sự kiện. Thực hiện được công tác quản lí, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý nhà nước về văn hoá cơ sở, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn.	2	HK5	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
41	Hán - Nôm trong di sản văn hóa Việt Nam	Sau khi học xong học phần sinh viên vận dụng được các kiến thức về lịch sử - văn hoá Việt Nam qua tư liệu Hán - Nôm vào hoạt động nghề nghiệp. Phân tích được kiến thức về di sản văn hoá ở Việt Nam qua các tư liệu Hán - Nôm. Vận dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học vào quá trình khảo cứu các tư liệu Hán - Nôm sau khi tốt nghiệp. Thực hiện được kỹ năng phân tích, thẩm định, quản lý và tổ chức hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hoá và các tư liệu Hán - Nôm. Thực hiện được kỹ năng khai thác, nghiên cứu các tài liệu khoa học, văn bản pháp quy qua các tư liệu Hán - Nôm. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình khảo cứu tư liệu Hán - Nôm.	4	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
42	Văn hóa gia đình	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên hiểu được các đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về gia đình hiện nay. Phân tích được kiến thức về các thiết chế văn hóa cơ sở và đặc trưng văn hóa gia đình ở địa phương từ truyền thống đến hiện đại. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo các biến đổi trong đời sống văn hóa gia đình ở cơ sở nhằm đưa ra giải pháp tổ chức quản lý có hiệu quả. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp trong gia đình và nơi làm việc.	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Văn hóa doanh nghiệp	Mục tiêu của học phần giúp sinh viên phân tích được kiến thức về các thiết chế văn hóa, đặc trưng văn hóa cơ sở trong quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Vận dụng tốt các kiến thức về văn bản hành chính, công tác văn thư lưu trữ trong quá trình làm việc Vận dụng kiến thức ngoại ngữ, tin học vào quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
44	Văn hóa làng xã Việt Nam truyền thống	Hiểu được quá trình thành lập làng xã, chính quyền và kinh tế của làng xã Việt Nam truyền thống. Phân tích được c giá trị văn hóa của làng xã Việt Nam truyền thống	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
45	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Hiểu được những vấn đề chung về văn hóa ẩm thực. Phân tích được các đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của Việt Nam	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
46	Phương pháp dàn dựng múa	Sau khi học xong học phần sinh viên vận dụng được kiến thức về các thiết chế văn hóa, đặc trưng văn hóa cơ sở trong quá trình biên đạo, dàn dựng các tiết mục múa. Phân tích được kiến thức về xây dựng, thẩm định kế hoạch và dự án văn hoá nghệ thuật múa. Phân tích được các kiến thức về biên tập, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hoạt động lễ hội, sự kiện, dàn dựng các tiết mục múa. Thực hiện tốt kỹ năng phân tích, thiết kế, tổ chức, điều hành các kế hoạch và dự án văn hoá, chương trình nghệ thuật, chương trình lễ hội, sự kiện. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp tự tin; ứng xử thân thiện, chuyên nghiệp. Thực hiện được kỹ năng phân tích, thẩm định các kế hoạch và dự án văn hoá, chương trình nghệ thuật, chương trình lễ hội, sự kiện.	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
47	Thực tế chuyên môn	Học xong học phần này sinh viên có thể tự mình hệ thống hóa, củng cố và phân tích được các kiến thức đã học cũng như so sánh kiến thức được trang bị và hình thành tri thức mới. Ngoài ra, sinh viên còn thực hành các kỹ năng đã được rèn luyện trong các học phần trước đó. Bên cạnh đó, sinh viên học tập được phong cách sinh hoạt tập thể, tôn trọng sự khác biệt, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân và cộng đồng.	2	HK6	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Thực tập cơ sở	Học phần giúp sinh viên tiếp cận với công việc chuyên môn của cán bộ văn hóa – xã hội tại cơ quan, doanh nghiệp cũng như các thiết chế văn hoá một cách đầy đủ trước khi các em thực tập tốt nghiệp. Thông qua học phần này, sinh viên tiếp cận và tìm hiểu sâu hơn về thông tin về cơ sở thực tập, tìm hiểu cụ thể về công việc tương lai cũng như, chuẩn bị cho đợt thực tế và thực tập tốt nghiệp. Đồng thời, học phần giúp sinh viên có lựa chọn lĩnh vực chuyên môn sâu phù hợp với bản thân trước khi tốt nghiệp.	6	HK6	- Quá trình thực tập/Cán bộ hướng dẫn tại cơ sở. - Bài thu hoạch/Giảng viên hướng dẫn.
49	Thực tập tốt nghiệp	Học phần nhằm mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận và làm quen với công việc thực tế tại cơ sở, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng các kiến thức đã học, rèn luyện các kỹ năng cần thiết và hình thành ý thức, phẩm chất nghề nghiệp.	8	HK8	- Quá trình thực tập/Cán bộ hướng dẫn tại cơ sở. - Bài thu hoạch/Giảng viên hướng dẫn.
50	Khởi nghiệp	Cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng về ý tưởng, triển khai ý tưởng khởi sự doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh.	3	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
51	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân, yêu cầu của xã hội.	1	HK3	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.
52	Nghệ thuật truyền thống Nam Bộ	Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản điều kiện tự nhiện, lịch sử hình thành và đặc trưng văn hóa của vùng đất Nam bộ những yếu tố dẫn đến sự ra đời và phát triển các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Nam Bộ. Vận dụng những kiến thức về các loại hình nghệ thuật truyền thống ở vùng đất Nam bộ để có thể phân tích, nhận định, diễn giải trong học tập, nghiên cứu và công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, quản lý, tổ chức các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nghệ thuật ở Nam bộ. Thực hiện được kỹ năng tự tìm tài liệu và tự nghiên cứu, so sánh đối chiếu loại hình văn hóa nghệ thuật để bổ trợ trong quá trình học tập, công tác chuyên ngành. Phát triển kỹ năng tra cứu, sưu tầm tài liệu và phối hợp làm việc nhóm hoàn thành các dự án về văn hóa nghệ thuật, báo cáo đề tài nghiên cứu.	3	HK8	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu rõ hơn về toàn cầu hóa và bản sắc văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó có ý thức giữ gìn, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam và có ý thức chọn lọc khi tiếp cận các giá trị văn hóa bên ngoài.	3	HK8	- Chuyên cần. - Kiểm tra thường kỳ. - Thi kết thúc học phần.

32. Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh	Giúp sinh viên có thể hiểu rõ ngành học, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra cũng như các cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp; Nắm vững các quy chế đào tạo và quy chế công tác sinh viên tại Trường Đại học Đồng Tháp; Biết cách sử dụng phần mềm quản lý học tập; Vận dụng được các phương pháp học tập phù hợp ở bậc đại học.	1	1	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 40% 3. Điểm tiểu luận: 50%
2	Kinh tế vi mô	Giúp sinh viên nắm vững được những kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở của việc ra quyết định của các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng hoá- dịch vụ; phân tích được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế. Giúp sinh viên rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học tập và tự nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc trong việc đưa ra chính kiến và bảo vệ quan điểm của mình.	3	1	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Lập nhóm từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.	3	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
4	Luật kinh tế	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Hiểu biết và nắm được các cơ sở pháp lý trong đàm phán, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại. Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2	2	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 20% 3. Điểm báo cáo nhóm: 20% 4. Thi kết thúc học phần: 50%
5	Quản lý Nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ	2	4	1. Đánh giá chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết (24/30 tiết); Tham gia đầy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.			đủ các hoạt động được giao. Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp. 2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút). Làm cá nhân 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần.
6	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Một trong những kỹ năng thiết yếu mà sinh viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.	2	4	1. Chuyên cần (10%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (30%): Viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình theo chủ đề. 3. Thi kết thúc học phần (60%): Hình thức tự luận
7	Quản trị học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị và hoạt động quản trị trong một tổ chức, DN; Hiểu được các nguyên lý quản trị học, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, thuật ngữ quản trị, ý nghĩa của công tác quản trị trong DN; Kiến thức liên quan về các yếu tố của môi trường kinh doanh, ma trận SWOT; Quy trình ra quyết định và các công cụ ra quyết định của nhà	3	1	1. Chuyên cần (5%): mức độ tham gia lớp học 2. Kiểm tra (15%): Hình thức: tự luận 3. Thảo luận nhóm (10%): Giải quyết tình huống 4. Báo cáo nhóm (20%): Trình bày nội dung được giao về nhà

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản trị; Hiểu và vận dụng được 4 chức năng cơ bản của nhà quản trị: chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; Ứng dụng được các thuyết về động viên để tạo động lực cho nhân viên trong quá trình lãnh đạo của nhà quản trị. Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị.			5. Thi kết thúc học phần (50%)
8	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	Học phần cung cấp những khái niệm nền tảng trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng và kiến thức về chức năng, vai trò và tác động của từng khâu tài chính trong hệ thống tài chính của quốc gia. Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến thị trường tài chính, hệ thống tài chính, hoạt động phân bổ tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn kinh doanh. Kiến thức trong học phần sẽ giúp người học hiểu và có thể nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính của khu vực đã được đề ra.	3	1	-Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Làm bài kiểm tra viết - Viết tiểu luận
9	Marketing căn bản	Sau khi tham gia học tập người học biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản về Marketing vào thực tiễn kinh doanh một cách hiệu quả như: phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing, nhận biết nhu cầu khách hàng, phân tích được hành vi khách hàng, phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Hơn thế, học phần còn giúp người học nắm được 4 phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp (Marketing Mix). Ngoài ra, học phần còn giúp người học nâng cao kỹ năng thu thập và phân tích thông tin, lập luận và nhận diện vấn đề,….cũng như giúp người	3	2	#HĐ 9.1: Chuyên cần #HĐ 9.2: Thảo luận và giải quyết tình huống theo nhóm #HĐ 9.3: Thực hiện báo cáo nhóm #HĐ 9.4: Kiểm tra giữa kỳ #HĐ 9.5: Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học hình thành thái độ tích cực nghiên cứu, tự chủ và chịu trác nhiệm. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như quản trị Marketing, nghiên cứu Marketing, hành vi tiêu dùng...			
10	Thống kê ứng dụng thống kê kinh tế	Hiểu các kiến thức về phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê suy luận, phương pháp chỉ số. Vận dụng được phương pháp thống kê suy luận để phân tích đặc trưng của tổng thể và xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế- xã hội. Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê.Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế. Phân tích định lượng các hiện tượng kinh tế xã hội thông qua mô hình hồi quy. Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	3	3	**Chuyên cần:** tham gia quá trình học **Kiểm tra thường xuyên (bao gồm các bài thực hành):** Thời gian 15 phút- SV làm cá nhân, tự luận**;** Kết quả các bài thực hành **Bài tập cá nhân:** Làm bài tập đầy đủ: 8 điểm (các mức còn lại do GV quyết định tùy thuộc vào số lượng bài tập SV làm); Giơ tay lên bảng làm bài: mỗi lần lên bảng cộng: 0,5 điểm (tối đa 2 điểm) **Kiểm tra giữa kỳ:** Thời gian 50 phút; SV làm cá nhân, tự luận **Thi kết thúc học phần:** Thời gian 90 phút; SV làm cá nhân, tự luận
11	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà; Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.			Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
12	Toán kinh tế	Có kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính; giải tích toán học. Vận dụng những kiến thức toán học vào trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Vận dụng một số phương pháp tối ưu để phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, tìm được lời giải cho các bài toán này trong điều kiện có một hay nhiều tác động, từ đó ra quyết định trong kinh tế.Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các mô hình toán học trong kinh tế và kinh doanh, đưa ra những nhận định có tính khoa học về kết quả của các mô hình toán kinh tế.Rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học học tập và nghiên cứu rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra thường xuyên (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Thi kết thúc học phần (50%)
13	Kinh tế quốc tế	Hiểu về các mối quan hệ kinh tế phạm vi quốc tế	3	3	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
14	Kinh tế phát triển	Nghiên cứu kinh tế của các quốc gia và kinh tế thế giới. Qua đó, hiểu được bản chất phát triển kinh tế.	3	3	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
15	Marketing thương mại và dịch vụ	Rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học học tập và nghiên cứu rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao	3	3	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1:Báo cáo nhóm 9.3. Tiểu luận nhóm: #HĐ 9.3.1: Thực hiện tiểu luận theo nhóm 9.4. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.4.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ; 9.5. Thi kết thúc học phần
16	Hành vi tổ chức	Giúp cho người học hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và bên ngoài, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Tham gia học phần người học rèn luyện được các kỹ năng cơ bản như nhận diện vấn đề, giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp cá nhân và nhóm, các kỹ năng thuyết trình. Học phần giúp cho người học sau khi trở thành nhà quản trị sẽ biết cách tuyển chọn, bố trí đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của các thành viên. Mỗi cá nhân sau khi kết thúc học phần sẽ có nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Có mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh, biết cách giải quyết các xung đột trong học tập và đời sống. Người học có khả năng tự chủ và tự bảo về quan điểm bản thân trên cơ sở rèn luyện các kiến thức trong học phần.	2	3	- Chuyên cần (10%): Tham gia lớp học đầy đủ - Báo cáo nhóm (20%): Kiến thức tổng hợp của từng chương. - Kiểm tra giữa kỳ (20%): Kiến thức tổng hợp của từng chương. -Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: Tự luận: Kiến thức tổng hợp của các chương.
17	Quản trị nhân lực	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp từ khâu hoạch định nhân lực đến phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, phát triển và sử dụng nhân lực. Hiểu rõ cách thức đánh giá hiệu quả	3	4	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Báo cáo nhóm: 20% 3. Điểm Thảo luận tình huống: 10% 4. Điểm Thuyết trình cá nhân: 10% 5. Viết tiểu luận: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công việc, tính lương, trả thưởng, phụ cấp,… Có hiểu biết về tạo động lực cho người lao động, từ đó phát triển năng lực dụng và giữ nhân tài trong tổ chức.			
18	Quản trị tài chính	Học phần đề cập đến các vấn đề cốt yếu của quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: chi phí huy động vốn và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư; các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư; cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp; các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu.	3	4	HĐ≠1 Điểm Đánh giá chuyên cần HĐ≠2 Điểm bài tập HĐ≠3 Điểm Báo cáo nhóm **Thi kết thúc học phần** (Tự luận)
19	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh;Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.	3	5	-Chuyên cần (10)% -Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 -Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 - Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8 - Thi kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp. Tổ chức đánh giá ngay sau khi kết thúc học phần, không thi theo lịch thi chung của Trương
20	Quản trị chất lượng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về quản trị chất lượng để sinh viên có thể hiểu đúng về các khái niệm chất lượng, những công cụ thường được sử dụng để quản trị chất lượng và các hệ thống quản trị chất lượng mà ngày nay các doanh nghiệp	2	5	Chuyên cần: Tỷ lệ tham gia lớp học 10% Kiểm tra thường xuyên: Trắc nghiệm/ Tự luận 10% Tiểu luận/Báo cáo (nhóm): Kiến thức tổng hợp của các chương 20% Kiểm tra giữa kỳ:- Hình thức: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thường áp dụng để giúp hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả hơn.			10% Thi kết thúc học phần:- Hình thức: Tự luận 50%
21	Quản trị marketing	Sau khi tham gia học tập người học nắm được những nội dung cốt lõi về quản trị marketing, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị marketing hướng đến. Đồng thời, hiểu được quy trình quản trị marketing; cách thức xây dựng kế hoạch Marketing; hoạch định được các chiến lược Marketing; Vận dụng kiến thức để có thể phân tích thị trường, hành vi khách hàng và các cơ hội Marketing. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích môi trường Marketing, thực hiện các nghiên cứu marketing, xây dựng các chiến lược định vị sản phẩm, chiến lược Marketing. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	5	9.1. Điểm phát biểu: #HĐ 9.1.1: Điểm cộng hoạt động tại lớp, điểm nghiên cứu 9.2. Báo cáo: #HĐ 9.2.1: Điểm nhóm 9.3. Điểm tiểu luận #HĐ 9.3.1: Điểm tiểu luận cá nhân 9.4. Thi kết thúc học phần
22	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Học phần này trang bị người học những nội dung cơ bản nhất liên quan đến một số vấn đề chung về rủi ro và quản trị rủi ro, nhất là trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Cung cấp thêm những hiểu biết căn bản về các loại rủi ro thường gặp trong kinh doanh như rủi ro môi trường hoạt động, rủi ro đầu tư,… để người quản lý có thể chú ý, phòng tránh và giảm thiểu các tổn thất. Ngoài ra, các kỹ thuật	3	5	9.1. Điểm chuyên cần 9.2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút) - Làm cá nhân 9.3. Làm bài viết tự luận: dạng làm bài tập tính toán (60-90 phút). - Làm cá nhân. 9.4. Thi kết thúc học phần: - Thi viết (tự luận 60-90 phút). - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp - Bắt buộc dự thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.			
23	Nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo, nắm vững nội dung và cách vận dụng những mô hình lãnh đạo khác nhau nhằm mang lại hiệu quả cho tổ chức. Ngoài ra, người học cũng được phát triển năng lực thu thập thông tin và phân tích các dữ liệu liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ giữa đồng nghiệp với nhau. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như hành vi tổ chức, Quản trị nguồn nhân lực	2	6	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Thảo luận nhóm: #HĐ 9.2.1: Thảo luận nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần
24	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý của quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	3	6	-Chuyên cần :- Tỷ lệ tham gia lớp học 10% -Kiểm tra thường xuyên:- Hình thức: Trắc nghiệm/ Tự luận 10% -Tiểu luận/Báo cáo (nhóm):- Kiến thức tổng hợp của các chương 20% -Kiểm tra giữa kỳ:- Hình thức: Tự luận 10% -Thi kết thúc học phần:- Hình thức: Tự luận 50%
25	Quản trị sản xuất	Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cốt lõi về sản xuất, quản trị sản xuất, vai trò của quản trị sản xuất trong hoạt động của doanh nghiệp như dự báo về nhu cầu sản xuất, quy trình sản xuất sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, các kiểu bố trí mặt bằng, và yếu tố nào tác	3	6	1. Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ 2. Điểm Bài tập (10%): SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 3. Điểm Tiểu luận (10%): Lập nhóm từ 3 đến 5 SV. Cách thức: SV viết mô tả về chủ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động đến lựa chọn địa điểm, các chiến lược trong hoạch định tổng hợp, tồn kho cho kế hoạch sản xuất từng kỳ và cách điều độ sản xuất. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, sử dụng các công cụ dự báo, lựa chọn quy trình sản xuất, xác định năng lực sản xuất, xác định địa điểm nhà máy; đồng thời hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu; Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một kế hoạch sản xuất, cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp.			đề (có gợi ý trong đề cương), minh họa số liệu thực tế. 4. Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận (lý thuyết và bài tập); Thời gian: 90 phút.
26	Quản trị dự án	Học phần tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của quá trình quản trị dự án đầu tư, có chú trọng đến khía cạnh hiệu quả về mặt tài chính của dự án. Mục đích của học phần là cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kỹ năng quản trị dự án đầu tư từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án. Thông qua thủ tục này, sinh viên sẽ giải quyết những mâu thuẫn phát sinh ở mỗi giai đoạn, biết cách lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng lập kế hoạch tài chính cho dự án và các phương pháp đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.	2	7	9.1. Điểm chuyên cần 9.2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút) - Làm cá nhân 9.3. Làm bài viết tự luận: dạng làm bài tập tính toán (60-90 phút). - Làm cá nhân. 9.4. Thi kết thúc học phần: - Thi viết (tự luận 60-90 phút). - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp - Bắt buộc dự thi
27	Quản trị doanh nghiệp	Học phần tổng hợp những kiến thức khái quát, mang tính hệ thống về những hoạt động quản trị trong một	3	7	1. Chuyên cần (5%): Mức độ tham gia lớp học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổ chức. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các loại hình doanh nghiệp; phân tích, lựa chọn và quản trị các chiến lược kinh doanh; những phương thức để tạo động lực cho người lao động để giúp họ trung thành với doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp giúp người học có thể ra những quyết định cơ bản trong lĩnh vực này. Trang bị thêm những kiến thức liên quan đến quản trị tri thức, cũng như những thách thức của việc quản trị doanh nghiệp ở thế kỷ 21… Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị, và ứng dụng vào trong thực tiễn quản trị điều hành doanh nghiệp hiện nay.			2. Báo cáo nhóm (15%) 3. Kiểm tra giữa kỳ lần 1 (15%): Hình thức: tự luận/ trắc nghiệm 4. Kiểm tra giữa kỳ lần 2 (15%): Hình thức tự luận 5. Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: tự luận
28	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày #HĐ 9.1: chương 2 (báo cáo Thị trường-Khách hàng) #HĐ 9.2: chương 4 (báo cáo Kế hoạch Marketing) #HĐ 9.3: chương 5 (báo cáo Kế hoạch sản xuất) #HĐ 9.4: chương 6 (báo cáo Kế hoạch nhân sự) #HĐ 9.5: chương 7 (phân tích tài chính) 2. Điểm Tiểu luận (50%): #HĐ 9.6: thực hiện viết bản đề án kinh doanh hoàn chỉnh
29	Quản trị hành chánh văn phòng	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về quản	3	4	1. Điểm Chuyên cần (5%): #HĐ 9.1 Đi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trị văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách quản lý thời gian làm việc của nhân viên; áp dụng nghiệp vụ văn phòng như hội họp, soạn thảo văn bản, chuyến đi công tác cho lãnh đạo…vào công tác văn phòng; đồng thời hiểu được cách tổ chức công tác văn thư trong văn phòng. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng xử lý thông tin nội bộ văn phòng; kỹ năng sắp xếp và tổ chức một ngày làm việc; kỹ năng soạn thảo được một số văn bản hành chính cơ bản; kỹ năng giao tiếp tại văn phòng: nghe và gọi điện thoại, đón tiếp khách tại cơ quan và tiệc chiêu đãi; tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, các chuyến công tác. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.			học đầy đủ 2. Điểm Báo cáo (20%): #HĐ 9.2 # HĐ 9.2.1: Báo cáo nội dung các chương # HĐ 9.2.2: Báo cáo chủ đề - Các nhóm báo cáo theo chủ đề đã được GV phân công chuẩn bị từ trước. 3. Điểm Bài tập (15%): #HĐ 9.3 Thực hiện Soạn thảo một số văn bản - SV soạn thảo đúng thể thức văn bản; nội dung văn bản đạt yêu cầu cơ bản đủ ý. - SV thực hành soạn thảo trên máy tính (có thể 1 hoặc 2 SV 1 máy); cuối đợt nộp file văn bản soạn thảo hoàn chỉnh cho GV. 4. Điểm Kiểm tra (10%): #HĐ 9.4 Thời gian 50 phút; SV làm cá nhân 5. Điểm cuối kỳ (50%): # HĐ 9.5 Cách thức: Cá nhân trình bày chủ đề báo cáo đã được giao, trả lời một số câu hỏi sau khi báo cáo và xử lý tình huống xảy ra trong công sở của GV đưa ra.
30	Marketing quốc tế	Học phần giúp sinh viên nắm vững cách thức xây dựng chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường toàn cầu. SV có khả năng phân tích môi trường marketing, thực hiện các nghiên cứu marketing, chiến lược Marketing toàn cầu. SV vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và ý nghĩa của các chiến lược Marketing, cũng như việc lựa chọn được các phối thức Marketing phù hợp cho từng sản phẩm hay từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Ngoài	3	4	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %. HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20% HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: Thi kết thúc môn 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ra, học phần này còn giúp SV hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm.			
31	Kỹ thuật đàm phán	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức nền tảng về đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,...Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	4	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần
32	Thanh toán quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán của doanh nghiệp và những nghiệp vụ ngân hàng liên quan. Nội dung môn học được bố cục gồm các phần chính: những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường hối đoái (kinh doanh chênh lệch giá, giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn,…); các phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương thức sử dụng trong thanh toán quốc tế.	3	4	-Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên -Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm -Tham gia bài kiểm tra cá nhân -Làm tiểu luận
33	Thương mại điện tử	Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, vận dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và quản lý hệ thống thương mại điện tử.	3	5	1.Điểm chuyên cần: 5% 2.Điểm cá nhân: 5% 3.Điểm Bài tập nhóm: 30% 4.Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Kế toán quản trị 1	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí, cũng như tiền đề để học Kế toán quản trị 2.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
35	Quản trị bán hàng	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và Quản trị bán hàng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích các nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng. Nắm được các kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	5	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần
36	Thị trường tài chính	Học phần Thị trường tài chính cung cấp kiến thức tổng quát về hệ thống tài chính và các thành phần của hệ thống tài chính. Học phần giúp người học nghiên cứu các công cụ tài chính và cách thức giao dịch trên từng thị trường tài chính cụ thể như thị trường ngoại hối, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp kiến thức cơ bản về một số định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty cho thuê tài chính ở phương diện đặc điểm, cơ chế hoạt động, mối quan hệ với thị trường tài chính, cung cấp công cụ đánh giá, dự báo xu thế của thị trường tài chính.	3	5	**Đánh giá chuyên cần, tích cực** 1.1. Số tiết tham dự học/tổng số tiết. 1.2. Bảng tóm tắt nội dung chương của cá nhân hoặc nhóm. **Kỹ năng thuyết trình nhóm** - Mức độ am hiểu nội dung thuyết trình, khả năng thuyết trình tốt, khả năng thiết kế slide, tạo hứng thú, tổ chức hoạt động cho buổi thuyết trình. **Điểm kiểm tra giữa kỳ** Kiểm tra sau khi kết thúc chương 4. Thời gian 60 - 90 phút. **Kỹ năng giải bài tập, tích cực trong học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập. 4.1. Thái độ học tập tích cực. Số lần phát biểu xây dựng bài học. 4.2. Số bài tập đã làm/số bài tập được giao. **Kết thúc học phần** - Đề mở, thời gian: 90 phút. - Hình thức thi: tự luận
37	Quản trị thương mại	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững những kiến thức về thương mại và quản trị thương mại; Hiểu rõ cách thức xây dựng kế hoạch bán hàng, xuất - nhập kho, quản trị bán buôn, bán lẻ; Trang bị cho sinh viên những kỹ năng bán hàng hiệu quả, quản lý các dự án thương mại.	3	6	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm bài tập, thảo luận: 20% 3. Điểm Báo cáo nhóm: 15% 4. Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%
38	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần giúp người học có được cái nhìn khái quát về quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Qua đó học phần cung cấp cho người học những công cụ để phân tích quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bằng các chỉ tiêu kinh tế. Qua phân tích cho ta cái nhìn tổng thể về thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó nêu ra được những mặt hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp và có những biện pháp khắc phục	3	6	HĐ≠1 Điểm Đánh giá chuyên cần HĐ≠2 Điểm bài tập HĐ≠3 Điểm Báo cáo nhóm **Thi kết thúc học phần** (Tự luận)
39	Quản trị cung ứng	Học phần giúp SV nắm được những nội dung cốt lõi về quản trị cung ứng, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị cung ứng hướng đến. SV hiểu được quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng; cách thức xây dựng kế hoạch; hoạch định được các chiến lược. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ và tạo ra sự hợp tác hiệu quả trong chuỗi cung ứng, SV còn vận dụng các kiến thức đã học để ứng dụng chiến lược	3	6	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của chuỗi cung ứng vào chiến lược kinh doanh củacông ty, đo lường hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng kinh tế của SV, học phần còn giúp SV ý thức hơn về chịu trách nhiệm cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu.			
40	Quản trị quan hệ khách hàng	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về học phần Quản trị quan hệ khách hàng, nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học cũng được phát triển năng lực thu thập thông tin và phân tích các dữ liệu liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ với khách hàng. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như quản trị Marketing, nghiên cứu Marketing, hành vi khách hàng...	3	6	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Thảo luận nhóm: #HĐ 9.2.1: Thảo luận nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Tiểu luận nhóm: #HĐ 9.4.1: Thực hiện tiểu luận theo nhóm 9.5. Thi kết thúc học phần Thi kết thúc học phần (90 phút, thực hành)
41	Thực tập cơ sở	Học phần thực tập cơ sở giúp cho sinh viên ngành QTKD củng cố và nâng cao được kiến thức thực tế sau khi đã học các môn học lý thuyết. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Từ đó đánh giá được kết quả đào tạo thuộc chuyên	6	6	Học phần thực tập tốt nghiệp được đánh giá theo Qui định tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp các ngành ngoài sư phạm của Trường đại học Đồng Tháp, bao gồm:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành Quản trị kinh doanh và tiếp thu các đóng góp ý kiến của sinh viên, đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập để hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh.			Điểm quá trình thực tập (Do cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập đánh giá quá trình TTCS của sinh viên); Điểm báo cáo TTCS (Nội dung BCTTCS)
42	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần giúp sinh viên hiểu được cách tổ chức và các bước thực hiện kinh doanh trong thị trường toàn cầu. Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và phân tích được các tình huống tranh chấp trong mua bán quốc tế và cách giải quyết. SV có khả năng xử lý được các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến kinh doanh quốc tế. Học phần này còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc.	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%
43	Quản trị sự thay đổi	Học phần giúp sinh viên biết được những nội dung cốt lõi về quản trị sự thay đổi, các quan điểm và mục tiêu của chương trình thay đổi. SV hiểu được quy trình hoạt động của các mô hình quản trị sự thay đổi; tiến trình của sự thay đổi; các loại thay đổi. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, SV có thể vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động liên quan trong quy trình quản trị sự thay đổi phù hợp từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá được tình trạng hiện tại của công ty, và đánh giá kết quả của sự thay đổi. Học phần còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, phát	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển kỹ năng so sánh, phân tích, và đánh giá sự thay đổi trong thời kỳ mới.			
44	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm được các vấn đề cơ bản về đạo đức trong kinh doanh, vai trò và tác động của yếu tố đạo đức trong xu thế mới; Hiểu về văn hóa doanh nghiệp, biết cách vận dụng để thích nghi với văn hóa doanh nghiệp.	3	7	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm Thảo luận cặp: 15% 3. Điểm Chuyên đề: 10% 4. Điểm Báo cáo nhóm: 20% 5. Viết tiểu luận: 50%"
45	Quản trị thương hiệu	SV hiểu rõ kiến thức về thương hiệu, tiếp thị bán hàng, có thể vận dụng được các kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu để lý giải được nội dung và ý nghĩa của chiến lược thương hiệu, cũng như việc lựa chọn chiến lược phù hợp để xây dựng thương hiệu cho DN. SV có khả năng tự tìm hiểu và đánh giá các hiện tượng kinh tế, các sự kiện Marketing liên quan đến thương hiệu. Học phần này còn giúp SVphát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu.	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: Tiểu luận kết thúc môn 50%
46	Ứng dụng phần mềm phân tích định lượng trong kinh tế	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản về một số phần mềm phân tích định lượng: SPSS, AMOS, SMARTPLS, STATA. Đồng thời, giúp người học biết cách lựa chọn công cụ phân tích phù hợp và có thể tiến hành phân tích với dữ liệu có được để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Ngoài ra, còn giúp người học hình thành và phát triển các kỹ năng như: kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thiết kế và tổ chức nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý	3	5	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nghiên cứu 1; #HĐ 9.2.2: Báo cáo nghiên cứu 2 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.			
47	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.	3	6	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% 3. Điểm Phỏng vấn thử: 15% 4. Điểm Hoạt động nhóm: 15% 5. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%"
48	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức ngoại ngữ cơ bản tổng quát về cấu trúc tổ chức, phong cách lãnh đạo, chiến lược công ty, thuê ngoài, tài chính, tuyển dụng nhân sự. Sinh viên có thể ôn tập và thực hành ngữ pháp và từ vựng quan trọng trong cả hai ngữ cảnh nói và viết. Hơn nữa, học phần sẽ giúp phát triển những kỹ năng giao tiếp kinh doanh và những chiến lược cần thiết trong môi trường làm việc ngày nay. Ngoài ra, sinh viên sẽ có thể đọc hiểu được các tài liệu và thông tin kinh doanh cơ bản bằng tiếng Anh. Sinh viên có thể tiếp cận với các tin tức mới nhất, cập nhật kiến thức mới từ nguồn tài liệu tiếng Anh và qua các trang website nước ngoài. Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề của sinh viên cũng được nâng cao thông qua các hoạt động giải quyết tình huống.	3	7	1. Chuyên cần (5%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (15%) 3. Kiểm tra giữa kỳ lần 1 (15%): Hình thức: tự luận/ trắc nghiệm 4. Kiểm tra giữa kỳ lần 2 (15%): Hình thức tự luận 5. Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: tự luận
49	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên ngành QTKD củng cố và nâng cao được kiến thức thực tế sau khi đã học các môn học lý thuyết. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Từ đó đánh giá được kết quả đào tạo thuộc chuyên	8	8	Học phần thực tập tốt nghiệp được đánh giá theo điều 10, chương 3 của Quyết định số 23/QĐ-ĐHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Qui định tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp các ngành ngoài sư phạm của Trường đại học Đồng Tháp.Điểm học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành Quản trị kinh doanh và tiếp thu các đóng góp ý kiến của sinh viên, đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập để hoàng thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh			phần thực tập tốt nghiệp được tính như sau:Điểm TTTN = (K1x0,7) + (K2 x 0,3) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên. Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên

33. Tài chính - Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Tài chính- Ngân hàng	Định hướng mục tiêu tham gia khóa học. Lập kế hoạch đạt mục tiêu vị trí việc làm sau tốt nghiệp	1	1	- Lập kế hoạch lộ trình học tập đạt chuẩn đầu ra 50% - Tóm tắt Quy chế đào tạo và quy chế công tác sinh viên 50%
2	Kinh tế vi mô	Cung cấp kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở ra quyết định của cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng hóa- dịch vụ; phân tích được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, để ra quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế.	3	1	1. Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2. Kiểm tra trắc nghiệm15 phút; Kiểm tra tự luận 50 phút (20%). 3. Điểm Bài tập (10%) 4. Tiểu luận (10%) 5. Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.	3	2	1. Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2. Kiểm tra trắc nghiệm15 phút; Kiểm tra tự luận 50 phút (20%). 3. Điểm Bài tập (10%) 4. Tiểu luận (10%) 5. Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.	2	2	1. Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học ít nhất 24 tiết; Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao. Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp. 2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút). Làm cá nhân 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần.
5	Luật kinh tế	Cung cấp kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Cung cấp cơ sở pháp lý trong đàm phán, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại. Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2	4	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 20% 3. Điểm báo cáo nhóm: 20% 4. Thi kết thúc học phần: 50%
6	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu kinh tế để tự thực hiện nghiên cứu những vấn đề về kinh tế, tài chính	2	4	1. Chuyên cần 10% 2. Báo cáo nhóm 30% 3. Thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Toán kinh tế	Vận dụng toán trong phân tích các mô hình kinh tế để hiểu rõ các nguyên tắc, các quy luật kinh tế, phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, từ đó ra quyết định trong kinh tế. Có khả năng tự nghiên cứu các mô hình toán học trong kinh doanh để nhận định có tính khoa học về kết quả của các mô hình toán kinh tế, rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao.	3	1	1. Đánh giá chuyên cần (10%): Tham dự từ 80% số tiết trở lên 2. Kiểm tra thường xuyên (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra tự luận 1 tiết (20%) 5.Thi kết thúc học phần (50%): Thi viết (90 phút): tự luận; Kiến thức: Có thể thi bất cứ chương nào có trong đề cương
8	Quản trị học	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị và hoạt động quản trị trong một tổ chức, DN; các nguyên lý quản trị học, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, thuật ngữ quản trị, ý nghĩa của công tác quản trị trong DN; Kiến thức về các yếu tố của môi trường kinh doanh, ma trận SWOT; Quy trình ra quyết định và các công cụ ra quyết định của nhà quản trị; vận dụng được 4 chức năng cơ bản của nhà quản trị: chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; Ứng dụng được các thuyết về động viên để tạo động lực cho nhân viên trong quá trình lãnh đạo của nhà quản trị. Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị.	3	2	- Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm - Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần
9	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	Cung cấp các phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy luận, chỉ số,… để xác định đặc trưng của tổng thể, của hiện tượng kinh tế- xã hội; xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế- xã hội. Hướng dẫn cách phân tích kết quả có được từ bảng kết quả sau khi xử lý số liệu trên phần mềm thống kê	3	2	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(EVIEWS, STATA) đồng thời giúp sinh viên có thể đưa ra những dự báo về các hiện tượng kinh tế xã hội; môn học còn giúp sinh viên đưa ra các biện pháp khắc phục sai số trong quá trình xây dựng mô hình hồi quy đa biến, kiểm định và lựa chọn mô hình, phân tích được mô hình hồi quy đa biến. Giúp người học tiếp cận với nghiên cứu khoa học ứng dụng vào công việc thực tế.			
10	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến thị trường tài chính, hệ thống tài chính, hoạt động phân phối tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn sản xuất kinh doanh. Giúp người học hiểu và bước đầu hình thành khả năng nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính của khu vực đã được đề ra.	3	3	-Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. 10% -Thuyết trình, báo cáo nhóm 20% -Làm bài kiểm tra viết 20% - Viết tiểu luận 50%
11	Marketing căn bản	Cung cấp kiến thức cơ bản về marketing; Biết cách phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, phân tích được hành vi khách hàng; Hiểu và lý giải được nội dung, ý nghĩa của các chiến lược Marketing, lựa chọn được các phối thức 4P phù hợp cho từng sản phẩm, từng giai đoạn phát triển của một sản phẩm; Biết cách xây dựng và đánh giá kế hoạch Marketing mix	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Báo cáo chủ đề được giao Thảo luận tình huống trên lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Thực hiện viết kế hoạch Marketing cho một sản phẩm cụ thể Tham gia thi kết thúc học phần
12	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.			Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
13	Tâm lý học trong kinh doanh	Cung cấp kiến thức về các hiện tượng tâm lý trong kinh doanh. Vận dụng được các phương pháp tâm lý và tạo ra những hiện tượng tâm lý tích cực, tránh các quyết định sai làm trong mối quan hệ giữa người với người trong tổ chức, hoạt động quản trị. Đưa ra được các chiến lược marketing hiệu quả, thuyết phục thành công dựa trên nắm bắt tâm lý khách hàng, đối tác.	2	4	1. Điểm chuyên cần (10%): Tích cực phát biểu 2. Thảo luận tình huống (10%) 3. Điểm bài tập nhóm (15%) 4. Thuyết trình nhóm (15%) 5. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm (50%)
14	Kỹ thuật đàm phán	Trang bị kiến thức nền tảng về đàm phán trong kinh doanh. Giúp người học thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,...	2	4	- Chuyên cần - Báo cáo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi kết thúc học phần
15	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Hiểu rõ các vấn đề cơ bản về đạo đức trong kinh doanh, vai trò và tác động của yếu tố đạo đức trong xu thế mới; Hiểu về văn hóa doanh nghiệp, biết cách vận dụng để thích nghi với văn hóa doanh nghiệp	2	4	1. Điểm chuyên cần (5%): Tích cực phát biểu 2. Điểm thảo luận cặp (15%) 3. Điểm chuyên đề (10%): Chuyên đề nhóm, được nhóm xác nhận là có tham gia 4. Báo cáo nhóm (20%) 5. Tiểu luận (50%)
16	Hành vi khách hàng	Cung cấp những kiến thức về hành vi khách hàng; sự khác nhau giữa hành vi khách hàng cá nhân và hành vi khách hàng tổ chức. Trong đó đặc biệt chú trọng đến hành vi khách hàng cá nhân trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng và	2	4	1. Chuyên cần: Đi học đầy đủ, tích cực phát biểu, chia sẻ quan điểm, xây dựng bài 10% 2. Kiểm tra cuối mỗi chương 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quá trình ra quyết định mua của khách hàng để từ đó xây dựng chiến lược bán hàng phù hợp.			3. Thuyết trình 10% 4. Kiểm tra tự luận 90 phút: 20% 5. Thi kết thúc học phần 50%
17	Quản trị bán hàng	Trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và Quản trị bán hàng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích các nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng. Nắm được các kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc.	2	4	- Đánh giá chuyên cần - Tiểu luận nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi kết thúc học phần
18	Kinh tế phát triển	Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	2	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
19	Quản trị tài chính	Mô tả được ưu và nhược điểm của các nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp. Đồng thời xác định được chi phí sử dụng vốn của các nguồn đó. Vận dụng kiến thức giá trị tiền tệ theo thời gian để làm nền tảng cho việc lập kế hoạch vay và trả nợ vay; lựa chọn phương thức gửi tiền của cá nhân, gia đình, quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Thành thạo việc tính toán về thời giá của tiền như chiếu khấu dòng tiền, xác định lãi suất thực khi gởi tiền/vay vốn, lên lịch trả nợ vay,... Thành thạo việc xác định chi phí sử dụng vốn của công ty.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học Làm bài tập nhóm Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá được tính khả thi của dự án đầu tư.			
20	Kế toán tài chính 1	cung cấp những kiến thức chung về kế toán các yếu tố chi phí đầu vào của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán các khoản phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu nhằm giúp sinh viên nắm được từng giai đoạn của tiến trình sản xuất kinh doanh.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
21	Thị trường tài chính	Giải thích theo cách hiểu của bản thân về cơ chế hoạt động, giao dịch, các công cụ lưu thông trên từng loại thị trường như thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh. Khái quát hóa các quy định về giao dịch, các loại lệnh, quy định trên sàn giao dịch chứng khoán ở Việt Nam. Thành thạo việc định giá tín phiếu kho bạc, trái phiếu và cổ phiếu. Thành thạo việc xác định khối lượng giao dịch, giá khớp lệnh ở các đợt khớp lệnh trên các sàn giao dịch ở Việt Nam.	2	4	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
22	Thanh toán quốc tế	Cung cấp những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán của doanh nghiệp và những nghiệp vụ ngân hàng liên quan. Nội dung môn học được bố cục gồm các phần chính: những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường hối đoái (kinh doanh chênh lệch giá, giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn,…); các phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương thức sử dụng trong thanh toán quốc tế.	3	5	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Nghiệp vụ ngân hàng	Giúp người học có kiến thức cơ bản, tổng quát về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại đồng thời có kỹ năng thực hành các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng để người học có thể làm việc như một nhân viên ngân hàng thực thụ. Với những kiến thức này, người học có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong ngân hàng như: nhân viên phụ trách huy động vốn, nhân viên phụ trách tín dụng khách hàng, nhân viên tư vấn kinh doanh và quản lý rủi ro cho khách hàng, giao dịch viên.	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
24	Tài chính doanh nghiệp 1	Quản lý được hàng tồn kho, tiền mặt, chính sách tín dụng phù hợp cho từng doanh nghiệp, từng hoàn cảnh khác nhau của doanh nghiệp. Mô tả được cách thức huy động vốn và lập cấu trúc vốn tối ưu cho Doanh nghiệp. Trình bày được các loại rủi ro cơ bản của doanh nghiệp. Hiểu được nguyên nhân gây ra rủi ro kinh doanh, tài chính và biện pháp để quản lý rủi ro. Lựa chọn các hình thức và chính sách chi trả cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.	3	5	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
25	Thuế	Giải thích theo cách hiểu của bản thân đối với các quy định về các loại thuế cơ bản trong hệ thống thuế của Việt Nam như: thuế xuất - nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Vận dụng các kiến thức đã học vào giải bài tập và các tình huống tính thuế trong thực tế.	3	5	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Phân tích tài chính	Thu thập đúng tài liệu cần thiết phục vụ cho quá trình phân tích. hiểu rõ cách lập các bảng báo cáo tài chính Thành thào việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thành thạo việc đánh giá khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.	2	6	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Tiểu luận nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
27	Thẩm định tín dụng	Mô tả quy trình và hồ sơ về thẩm định tín dụng trong các tổ chức tài chính, đặc biệt là trong các NHTM. Sử dụng được các phương pháp để định giá các tài sản thế chấp trong quá trình huy động tín dụng.	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm - Tiểu luận
28	Quản trị rủi ro tài chính	cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính: hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn, giao sau, hoán đổi. Những nguyên tắc định giá và ứng dụng các công cụ này trong thực tiễn để phòng ngừa rủi ro tình chính trong doanh nghiệp	3	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
29	Đầu tư tài chính	Hiểu cơ bản về các lý thuyết trong đầu tư. Sử dụng được đồ thị giá để phân tích và lựa chọn thời điểm mua hoặc bán phù hợp mục tiêu đề ra. Thực hiện phân tích công ty để lựa chọn cổ phiếu thích hợp trong danh mục đầu tư. Thuần thục việc tính toán tỷ suất sinh lợi và rủi ro của danh mục đầu tư.	3	5	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
30	Đầu tư công	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về đầu tư công trong nền kinh tế thi trường, làm nền tảng nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành.	3	5	1. Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết (36/45 tiết); Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao;Có tài liệu học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp 2.Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập (60 phút). Hinh thức: Làm cá nhân. 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Hình thức: Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần: Thi viết tự luận
31	Kế toán ngân hàng	cung cấp kiến thức và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại các tổ chức tín dụng đang hoạt động ở Việt Nam. Khi nghiên cứu học phần này, đối với sinh viên sẽ hiểu rõ việc phản ánh, theo dõi sự biến động của Tài sản Nợ- Tài sản Có trong ngân hàng, cũng như xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có thể tự thực hiện kế toán những nghiệp vụ kế toán xảy ra tại ngân hàng sau khi tốt nghiệp. Đối với người quản trị ngân hàng có thể đọc và hiểu được nội dung báo cáo tài chính của ngân hàng, nắm rõ tình hình hoạt động và đưa ra chiến lược điều hành phù hợp. Đối với nhà đầu tư, sẽ giúp họ hiểu được nội dung cũng như phân tích được số liệu trên báo cáo tài chính của ngân hàng, từ đó ra quyết định đầu tư đúng đắn.	3	5	Hỏi đáp Đánh giá khả năng xử lý nghiệp vụ và đặt tình huống giả định. Kiểm tra tốc độ xử lý nghiệp vụ Thi tự luận
32	Tài chính quốc tế	Học phần Tài chính quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tài chính. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức như: thị trường tài chính quốc tế; các can thiệp của chính phủ đối với thị trường hối đoái; chu chuyển vốn quốc tế; kinh doanh chênh	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lệch giá; những học thuyết kinh tế, mối quan hệ của các biến số lạm phát, tỷ giá, lãi suất; khủng hoảng tài chính quốc tế.			
33	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Cung cấp các kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, các nội dung và yêu cầu, phương pháp cần thiết khi phân tích và thẩm định dự án. Từ đó, hình thành nên năng lực phân tích và thẩm định dự án đầu tư cho người học.	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
34	Thị trường bất động sản	Mô tả các khái niệm về bất động sản và thị trường bất động sản. Trình bày được các loại hình thức đầu tư trên thị trường bất động sản. Lựa chọn các phương pháp định giá bất động sản ở các tình huống khác nhau. Am hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến cung và cầu trên thị trường bất động sản. Am hiểu vai trò của nhà nước và cách thức quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản.	3	6	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Thảo luận tình huống tại lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham dự kỳ thi kết thúc học phần.
35	Tài chính doanh nghiệp 2	- Mô tả các lý thuyết về cấu trúc vốn -Trình bày lại cách lập kế hoạch tài chính ngắn và dài hạn. - Mô tả lại khái niệm thị trường hiệu quả và các bài học của thị trường hiệu quả, nhằm ứng dụng trong việc đầu tư tài chính. -Vận dụng kiến thức để ra quyết định trong việc lựa chọn hình thức mua hay thuê tài sản của doanh nghiệp. - Tự thực hiện việc tư vấn chiến lược tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty.	3	6	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Tài chính công	Chính phủ đối với phân phối thu nhập, giải quyết các thất bại thị trường, cung cấp hàng hóa công cộng. Quản lý của Chính phủ trong vấn đề khu vực công. Giải thích được nguyên nhân cũng như cách thức quản lý nợ công và chi tiêu công Giải thích được vai trò điều tiết của chính phủ trong hoạt động tài chính. Trình bày được cách quản lý hoạt động thu - chi của khu vực công. Phân tích được sự tác động qua lại giữa khâu tài chính Công- Doanh nghiệp.	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
37	Quản trị ngân hàng thương mại	giúp người học tiếp cận các nội dung quản trị ngân hàng thương mại, nắm bắt nội dung, phương pháp quản trị nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Kiến thức quản trị ngân hàng thương mại không những cần được trang bị cho sinh viên mà còn luôn cần thiết cho cán bộ ngân hàng ở mọi vị trí nhằm cải thiện và phát triển hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
38	Kế toán quản trị 1	Giúp sinh viên lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí	3	7	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
39	Thương mại điện tử	Cung cấp các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, vận dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và quản lý hệ thống thương mại điện tử.	3	7	1.Điểm chuyên cần: 5% 2.Điểm cá nhân: 5% 3.Điểm Bài tập nhóm: 30% 4.Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Quản trị hành chánh văn phòng	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách quản lý thời gian làm việc của nhân viên; áp dụng nghiệp vụ văn phòng như hội họp, soạn thảo văn bản, chuyến đi công tác cho lãnh đạo…vào công tác văn phòng; đồng thời hiểu được cách tổ chức công tác văn thư trong văn phòng. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng xử lý thông tin nội bộ văn phòng; kỹ năng sắp xếp và tổ chức một ngày làm việc; kỹ năng soạn thảo được một số văn bản hành chính cơ bản; kỹ năng giao tiếp tại văn phòng: nghe và gọi điện thoại, đón tiếp khách tại cơ quan và tiệc chiêu đãi; tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, các chuyến công tác. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.	3	7	1. Điểm Chuyên cần (5%): Đi học đầy đủ, Thực hiện đầy đủ các bài soạn thảo về nhà 2. Điểm Báo cáo (20%): Báo cáo nội dung các chương; Báo cáo chủ đề - Các nhóm báo cáo theo chủ đề đã được GV phân công chuẩn bị từ trước. - Mỗi nhóm tổng 30 phút: 15 phút báo cáo, 15 phút nghe nhận xét, nghe đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. - Điểm: thuyết trình 3đ, nội dung 3đ, hình thức 1đ, trả lời câu hỏi 2đ, nhận xét và đặt câu hỏi nhóm khác 1đ 3. Điểm Bài tập (15%): #HĐ 9.3 Thực hiện Soạn thảo một số văn bản - SV soạn thảo đúng thể thức văn bản; nội dung văn bản đạt yêu cầu cơ bản đủ ý. - SV soạn thảo trên máy tính cá nhân (có thể 1 hoặc 2 SV 1 máy); Nộp file cho GV. 4. Điểm Kiểm tra (10%): Thời gian 50 phút; SV làm cá nhân 5. Điểm cuối kỳ (50%): - Cách thức: Cá nhân trình bày chủ đề báo cáo đã được giao, trả lời một số câu hỏi sau khi báo cáo và xử lý tình huống xảy ra trong công sở của GV đưa ra. - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Marketing ngân hàng	Hướng dẫn cách tiếp cận tổng thể của hoạt động marketing và đặc biệt đi sâu vào lĩnh vực chuyên ngành - marketing ngân hàng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kỹ năng quản lý hoạt động marketing hiệu quả.	3	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Chuyên đề nghiên cứu -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
42	Lý thuyết bảo hiểm	Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về bảo hiểm như những khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của Bảo hiểm Việt Nam và thế giới..quan trọng là vấn đề quản trị rủi ro và những phương thức xử lý rủi ro; Những nguyên tắc và kỹ thuật của bảo hiểm, sự cần thiết khách quan có sự can thiệp của Nhà nước vào lĩnh vực bảo hiểm, cũng như hệ thống các văn bản pháp quy trong lĩnh vực bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản của một hợp đồng bảo hiểm như điều kiện hình thành, trách nhiệm và quyền lợi, những quy định của pháp luật trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng bảo hiểm …là những vấn đề rất có ý nghĩa với những cá nhân và tổ chức sử dụng dịch vụ bảo hiểm. Ngoài những kiến thức cơ bản thì người học còn được tiếp cận hệ thống bảo hiểm trong nước, đặc điểm và nguyên tắc của một số sản phẩm tiêu biểu.	2	7	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
43	Lập mô hình tài chính	Học phần lập mô hình tài chính cung cấp kiến thức tính toán các chỉ số tài chính, dự báo, định giá tài sản tài chính bằng công cụ excel. Giúp người học hình thành năng lực thiết kế bảng tính để tính các chỉ số nhanh và chính xác; hỗ trợ việc quản lý và tư vấn tài chính hiệu quả; xác định được cơ sở thực hiện đầu tư trên thị trường vốn, tiền tệ và hàng hóa.	2	7	Thực hành lập mô hình tính toán trong quản lý tài chính

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
44	Tài chính phát triển	cung cấp kiến thức tổng quan đến chi tiết về hệ thống tài chính và các định chế tài chính trong mối quan hệ với các vấn đề phát triển và quản lý kinh tế. Đồng thời, môn học tạo cơ hội cho người học nâng cao tư duy suy xét logic các thông tin thu thập được để tự hình thành kỹ năng và thực tiễn cá nhân. Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính và phát triển kinh tế.	2	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
45	Tài chính hành vi	Trình bày được đặc điểm của các loại chứng khoán trên thị trường. Lựa chọn và sử dụng đúng các lệnh giao dịch trên thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ. Cũng như những công cụ sử dụng để phòng ngừa rủi ro giảm giá tài sản tài chính. Lựa chọn được chứng khoán để đầu tư sinh lời Kiến thức về các hiện tượng trong thị trường tài chính và các hành vi của các chủ thể trong thị trường tài chính Hiểu được những hiện tượng bất thường trong thị trường tài chính, từ đó đánh giá được tâm lý của các nhà đầu tư tài chính	2	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
46	Tài chính công ty đa quốc gia	- Mô tả được lịch sử hình thành, phát triển và các đặc trưng của tài chính công ty đa quốc gia (viết tắc: MNC) và thị trường tài chính. - Trình bày đặc điểm của từng nguồn tài trợ ngắn hạn, khả năng hoạch định ngân sách vốn đầu tư quốc tế, xác định cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn quốc tế.	2	7	- Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) - Thuyết trình nhóm (15%) - Kiểm tra cá nhân (15%) - Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nêu được cách thức xác định lãi suất tài trợ có hiệu lực, chi phí tài trợ dài hạn khi tài trợ bằng danh mục tổng hợp nhiều loại ngoại tệ, cách quản lý tổn thất giao dịch khoản phải thu và phải trả của MNC. - Trình bày được sơ cở phân tích, đánh giá hoạt động của mô hình MNC trong thực tế.			
47	Tiếng Anh chuyên ngành tài chính ngân hàng	Cung cấp những thuật ngữ cơ bản về ngành Tài chính-Ngân hàng liên quan đến những vấn đề như tiền tệ, những sản phẩm của ngân hàng bán lẻ, tín dụng cá nhân, cấu trúc ngân hàng và tài chính công ty bằng tiếng Anh. Giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ tài chính cơ bản, mô tả được các dạng tổ chức tài chính, lý giải được cách thức hoạt động của ngân hàng đầu tư, hiểu được nhu cầu của các loại khách hàng và cho lời khuyên; mô tả được công việc, trách nhiệm, nghĩa vụ trong những phòng ban, giải thích được các cấp bậc trong ngân hàng. Hiểu được các thông tin trên bảng báo cáo thu nhập. Sinh viên có thể đọc, viết và sử dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng để vận dụng vào hoạt động giao tiếp cũng như đọc hiểu các tài liệu và thông tin tài chính, ngân hàng cơ bản bằng tiếng Anh.	2	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Thuyết trình nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
48	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.	3	7	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% 3. Điểm Phỏng vấn thử: 15% 4. Điểm Hoạt động nhóm: 15% 5. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày 2. Điểm Tiểu luận (50%): Thực hiện viết bản đề án kinh doanh hoàn chỉnh
50	Thực tập cơ sở	Tiếp cận môi trường làm việc thực tế	6	6	- Thái độ khi tiếp nhận vấn đề thực tiễn - Kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn
51	Thực tập tốt nghiệp	Tổng hợp tất cả kiến thức, kỹ năng của khóa học để thực tập xử lý vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập	8	8	Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính như sau: Điểm TTTN = (K1x0,7) + (K2 x 0,3) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Khóa luận tốt nghiệp	Thực hiện nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	6	8	Khóa luận
53	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xác định giá vốn và kết quả kinh doanh Lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số trong sản xuất kinh doanh.	3	8	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết - Thi kết thúc môn
54	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh; Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.	3	8	Chuyên cần (10)% Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 và Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8 Kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp

34. Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Giúp sinh viên nắm vững được những kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở của việc ra quyết định của các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng	3	1	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoá- dịch vụ; phân tích được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế. Giúp sinh viên rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học tập và tự nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc trong việc đưa ra chính kiến và bảo vệ quan điểm của mình.			2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
2	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.	3	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
3	Luật kinh tế	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Hiểu biết và nắm được các cơ sở pháp lý trong đàm phán, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại. Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Tích cực phát biểu ý kiến 2.Điểm thảo luận nhóm (20%): Mức độ giải quyết vấn đề mà GV đặt ra. 3. Điểm Báo cáo nhóm (20%): Thuyết trình từng phần trong Luật Kinh tế 4. Điểm Thi kết thúc (50%): Tự luận
4	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu kinh tế.	2	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Thực hiện viết báo cáo nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
5	Quản lý Nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.	2	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
6	Quản trị học	Giúp người học nhận thức rõ tác hại của khủng hoảng tài chính và nêu được những biện pháp giảm bớt thiệt hại; Nhận thức được tầm quan trọng của sự cân đối Ngân sách Nhà nước; Nhận thức được sự cần thiết	3	1	Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, tài chính công, tài chính trung gian; Có thái độ trung thực, nhạy bén, khách quan trong việc phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động tài chính của cá nhân cũng như của tổ chức (bao gồm tổ chức kinh tế/chính trị/ xã hội).			- Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần
7	Toán kinh tế	ó kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính; giải tích toán học. Vận dụng những kiến thức toán học vào trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Vận dụng một số phương pháp tối ưu để phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, tìm được lời giải cho các bài toán này trong điều kiện có một hay nhiều tác động, từ đó ra quyết định trong kinh tế. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các mô hình toán học trong kinh tế, đưa ra những nhận định có tính khoa học về kết quả của các mô hình toán kinh tế.	3	2	1. Đánh giá chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra thường xuyên (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra giữa kì (20%) 5.Thi kết thúc học phần (50%)
8	Marketing căn bản	Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	3	2	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Tham gia Báo cáo chủ đề được giao Thảo luận tình huống trên lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Thực hiện viết kế hoạch Marketing cho một sản phẩm cụ thể Tham gia thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến lãi suất, thị trường tài chính, hệ thống tài chính, tỷ giá hối đoái, hoạt động phân bổ tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn kinh doanh. Kiến thức trong học phần sẽ giúp người học hiểu và có thể nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính trong khu vực cũng như trên thế giới.	3	3	Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài Thuyết trình, báo cáo nhóm Làm bài kiểm tra viết Viết tiểu luận
10	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học (không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
11	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	Hiểu các kiến thức về phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê suy luận, phương pháp chỉ số. Vận dụng được phương pháp thống kê suy luận để phân tích đặc trưng của tổng thể và xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế- xã hội. Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra thường xuyên (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra giữa kì (20%) 5.Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê.Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế. Phân tích định lượng các hiện tượng kinh tế xã hội thông qua mô hình hồi quy. Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.			
12	Kinh tế quốc tế	Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê. Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế.	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
13	Kinh tế phát triển	Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
14	Thanh toán quốc tế	Học phần Thanh toán quốc tế góp phần hình thành cho sinh viên năng lực thực hiện đúng các quy trình thanh toán quốc tế trong ngân hàng, đảm trách được các hoạt động thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Kế toán tài chính 1	Kết thúc học phần người học có thể hiểu sâu kiến thức về kế toán các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp như khái niệm, đặc điểm tài khoản, cấu trúc tài khoản, tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết, nghiệp vụ phát sinh và cách hạch toán tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết. Mối quan hệ giữa các đối tượng của kế toán trong doanh nghiệp. Từ việc nắm rõ về bản chất của từng đối tượng người học sẽ tư duy và vận dụng được vào việc hạch toán nghiệp vụ tránh lối học thuộc, học vẹt mà không hiểu bản chất đề.	3	4	Điểm chuyên cần (10%) Kiểm tra cá nhân (20%) Kiểm tra cá nhân (20%) Điểm thi cuối kỳ (50%)
16	Luật kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng những quy định của pháp luật về kế toán và những quy định đối với người làm kế toán để áp dụng trong thực tế doanh nghiệp	2	4	Tham dự đầy đủ các buổi học (vắng không quá 20%) Tham dự đầy đủ bài kiểm tra nhóm Tham dự viết bài tiểu luận kết thúc môn học
17	Kế toán chi phí	Hiểu những đặc điểm cơ bản về hoạt động và quy trình vận động chi phí trong doanh nghiệp sản xuất, hiểu được mục đích và chức năng của kế toán chi phí. Phân loại được các loại chi phí và giá thành sản phẩm. Vận dụng những lý luận cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế, theo chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính và theo chi phí định mức.	3	5	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (15%) Bài tập nhóm (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%) Thi cuối học phần (50%)
18	Kế toán tài chính 2	Cung cấp kiến thức về các nội dung kế toán của giai đoạn sản xuất ra sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm. Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ nắm được toàn bộ quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ các yếu tố đầu vào cho đến tiêu thụ được sản	3	5	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (20%) Thi cuối học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm và tính được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.			
19	Kế toán quản trị 1	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí, cũng như tiền đề để học Kế toán quản trị 2.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học (không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
20	Kế toán ngân hàng	Học phần kế toán ngân hàng cung cấp kiến thức và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại các tổ chức tín dụng đang hoạt động ở Việt Nam. Khi nghiên cứu học phần này, đối với sinh viên sẽ hiểu rõ việc phản ánh, theo dõi sự biến động của Tài sản Nợ- Tài sản Có trong ngân hàng, cũng như xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có thể tự thực hiện kế toán những nghiệp vụ kế toán xảy ra tại ngân hàng sau khi tốt nghiệp.	3	5	Hỏi đáp Đánh giá khả năng xử lý nghiệp vụ và đặt tình huống giả định. Kiểm tra tốc độ xử lý nghiệp vụ Thi tự luận
21	Kế toán quản trị 2	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể xác định giá bán trong các loại hình doanh nghiệp, tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định trong đầu tư ngắn hạn cũng như dài hạn, phân tích một số báo cáo kế toán quản trị chủ yếu.	3	6	Tham dự đầy đủ các buổi học (không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
22	Hệ thống thông tin kế toán	Cung cấp các khái niệm, chức năng hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán, nội dung của tổ chức thực hiện hệ thống thông tin kế toán.	3	6	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (20%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Bên cạnh đó, học phần còn trình bày cách sử dụng sơ đồ và lưu đồ để mô tả hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời, học phần này cung cấp đầy đủ và toàn diện các hoạt động xử lý kế toán của doanh nghiệp dưới dạng các chu trình kinh doanh như chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình sản xuất, chu trình nhân sự và chu trình tài chính.			Thi cuối học phần (50%)
23	Kế toán và khai báo thuế	Giúp người học trình bày được nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm vững các bước chuẩn bị để có thể lập báo cáo thuế theo quy định. Vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán thuế khi luật thuế thay đổi. Sinh viên thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với người nộp thuế khi đăng ký, kê khai, điều chỉnh, hoàn thuế và quyết toán thuế	3	7	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
24	Thực hành kế toán ảo	Giúp sinh viên trình bày được cách cài đặt phần mềm và thiết lập cơ sở dữ liệu kế toán.	3	7	Chuyên cần (10%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%) Thi cuối học phần (50%)
25	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	Kết thúc học phần người học có thể thực hiện tổ chức công tác kế toán của một Doanh nghiệp từ khâu tổ chức bộ máy, tổ chức chứng từ, lựa chọn hình thức kế toán và áp dụng bộ sổ kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp. Từ số liệu thực tế người học có thể ghi sổ, kết sổ và lập báo cáo tài chính cuối kỳ kế toán.	3	7	Điểm chuyên cần (10%) Bài kiểm tra nhóm (20%) (90 phút, tự luận trên lớp) Kiểm tra cá nhân(20%) (90 phút thực hành trên máy tính) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Thời gian 90 phút, thực hành trên máy tính)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Lý thuyết bảo hiểm	Giúp sinh viên có được kỹ năng đọc hiểu và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
27	Thuế	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về những quy định của pháp luật về lĩnh vực thuế Hình thành kỹ năng vận dụng nhưng quy định của pháp luật về thuế để hiểu các vấn đề thuế phát sinh trong cuộc sống và đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.	3	4	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình và xây dựng tình huống thuế (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
28	Hành vi tổ chức	Giúp cho người học hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và bên ngoài, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Tham gia học phần người học rèn luyện được các kỹ năng cơ bản như nhận diện vấn đề, giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp cá nhân và nhóm, các kỹ năng thuyết trình. Học phần giúp cho người học sau khi trở thành nhà quản trị sẽ biết cách tuyển chọn, bố trí đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của các thành viên. Mỗi cá nhân sau khi kết thúc học phần sẽ có nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Có mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh, biết cách giải quyết các xung đột trong học tập và đời sống. Người học có khả năng tự chủ và tự bảo về quan điểm	3	4	Chuyên cần (10%) Báo cáo nhóm (10%): Kiến thức tổng hợp của từng chương. Kiểm tra giữa kỳ (20%): Kiến thức tổng hợp của các chương 1,2,3 4 Bài khảo sát nhóm (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 8, 9. Thi kết thúc học phần (50%): Kiến thức tổng hợp của các chương

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản thân trên cơ sở rèn luyện các kiến thức trong học phần.			
29	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh; Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.	3	4	Chuyên cần (10)% Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 và Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8 Thi kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp. Tổ chức đánh giá ngay sau khi kết thúc học phần, không thi theo lịch thi chung của Trường
30	Tài chính quốc tế	Mô tả các quy luật kinh tế, tác động qua lại của các biến số kinh tế vĩ mô, các học thuyết kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giải thích các tác động của Chính phủ trong chính sách tỷ giá và hoạt động tài chính. Mô tả được thị trường tiền tệ châu Âu, hệ thống tiền tệ quốc tế và các học thuyết về lãi suất, lạm phát. Dự báo biến động trong tài chính quốc tế và tỷ giá.	3	5	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần
31	Tài chính doanh nghiệp	Quản lý được hàng tồn kho, tiền mặt, chính sách tín dụng phù hợp cho từng doanh nghiệp, từng hoàn cảnh khác nhau của doanh nghiệp. Mô tả được cách thức huy động vốn và lập cấu trúc vốn tối ưu cho Doanh nghiệp. Trình bày được các loại rủi ro cơ bản của doanh	3	5	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp. Hiểu được nguyên nhân gây ra rủi ro kinh doanh, tài chính và biện pháp để quản lý rủi ro. Lựa chọn các hình thức và chính sách chi trả cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.			
32	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.	3	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% Điểm Phỏng vấn thử: 15% Điểm Hoạt động nhóm: 15% Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%
33	Định giá tài sản	Đánh giá mức độ tín nhiệm và định giá tài sản Sử dụng được những phương pháp khác nhau ứng với từng tài sản khác nhau để có một phương pháp thẩm định phù hợp	3	5	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần
34	Tài chính công	Chính phủ đối với phân phối thu nhập, giải quyết các thất bại thị trường, cung cấp hàng hóa công cộng. Quản lý của Chính phủ trong vấn đề khu vực công. Giải thích được nguyên nhân cũng như cách thức quản lý nợ công và chi tiêu công Giải thích được vai trò điều tiết của chính phủ trong hoạt động tài chính. Trình bày được cách quản lý hoạt động thu - chi của khu vực công. Phân tích được sự tác động qua lại giữa khâu tài chính Công- Doanh nghiệp.	3	6	Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xác định giá vốn và kết quả kinh doanh Lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số trong sản xuất kinh doanh.	3	6	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần
36	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, các nội dung và yêu cầu, phương pháp cần thiết khi phân tích và thẩm định dự án. Từ đó, hình thành nên năng lực phân tích và thẩm định dự án đầu tư cho người học.	3	6	Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
37	Kiểm toán 1	Giúp người học trình bày được các đặc điểm về bản chất, chức năng, vai trò của kiểm toán và lịch sử phát triển của kiểm toán, các cách phân loại kiểm toán.	3	6	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
38	Phân tích báo cáo tài chính	Cung cấp cho sinh viên Kiến thức về các công cụ và phương pháp phân Tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.	3	7	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Tiểu luận nhóm phân tích báo cáo tài chính công ty (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
39	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế		3	7	
40	Kiểm toán 2	Giúp sinh viên trình bày được các quy trình kiểm toán các khoản mục cụ thể tại doanh nghiệp như:kiểm toán tiền, kiểm toán nợ phải thu, kiểm toán hàng tồn kho,	3	7	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm toán tài sản cố định, kiểm toán công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu, kiểm toán thu nhập và chi phí.			Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
41	Thị trường tài chính	Giúp người học hiểu rõ cơ chế vận hành, cách thức hoạt động, các tổ chức hoạt động và các sản phẩm trên thị trường tài chính. Giúp người học hiểu rõ bảng điện tử hoạt động, các lệnh và cách thức đặt lệnh trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam.	3	7	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
42	Quản trị sản xuất		3	7	
43	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình.	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày. 2. Điểm Tiểu luận (50%): thực hiện viết bản đề án kinh doanh
44	Tiếng anh chuyên ngành kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành kế toán. Người học có thể đọc, viết và sử dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh. Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành kinh tế.	2	4	Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm - Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Thực tập cơ sở	Thực tập cơ sở nhằm giúp sinh viên tìm hiểu tổ chức, quy trình sản xuất ở một cơ sở thực tế. Tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để hoàn thành một công việc được giao mang tính định hướng nghề nghiệp theo sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tập.	6	6	Điểm TTCS = (K1x0,6) + (K2 x 0,4) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên. Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên
46	Thực tập tốt nghiệp	Tổng hợp tất cả kiến thức, kỹ năng của khóa học để thực tập xử lý vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập	8	8	Điểm TTTN = (K1x0,6) + (K2 x 0,4) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên. Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên
47	Khóa luận tốt nghiệp		6	8	
48	Kế toán quốc tế	Qua học phần Kế toán quốc tế người học sẽ được hệ thống lại kiến thức kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và biết được kế toán theo chuẩn mực kế toán Mỹ. Từ đó, người học cũng có thể đưa ra những so sánh về sự tương đồng cũng như sự khác biệt rõ ràng giữa chuẩn mực kế toán việt Nam và kế toán quốc tế (Mỹ). Chính từ những sự so sánh ấy giúp cho việc đưa ra giải pháp hoàn thiện hơn về hệ thống kế toán Việt Nam để ngày càng kéo gần khoảng cách với hệ thống kế toán quốc tế.	3	8	Điểm chuyên cần (10%) Kiểm tra cá nhân (20%)(60 tự luận) Kiểm tra cá nhân (20%)(60 tự luận) Điểm thi cuối kỳ (50%)(Tự luận 90 phút)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Kế toán hành chính sự nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng khái quát những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp Giúp sinh viên có khả năng quản lý và sử dụng các nguồn lực tại các đơn vị hành chính sự nghiệp. Vận dụng hạch toán các đối tượng kế toán cụ thể tại đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	8	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)

35. Khoa học môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành khoa học môi trường	Giúp người học biết về công ngành khoa học môi trường sau khi tốt nghiệp và phương pháp học tập ở bật đại học.	1	1	Bài thu hoạch
2	Hóa phân tích	Vận dụng các phương pháp phân tích thể tích (phương pháp chuẩn độ axit-bazơ, chuẩn độ oxi hóa khử, chuẩn độ tạo phức, chuẩn độ kết tủa) để định lượng. Biết được cơ sở lý thuyết của các phương pháp phân tích công cụ, các phương pháp sắc ký, ứng dụng của của chúng	2	1	Bài tập, Thi kết thúc học phàn
3	TH. Hóa phân tích	Hiểu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng, cơ sở khoa học và các thiết bị phân tích hiện đại vào phân tích các chỉ tiêu nhằm xây dựng nền tảng cho các môn học, các nghiên cứu khoa học chuyên ngành có liên quan; Thực hành và thao tác chuẩn xác các quy trình thực hiện, các thiết bị có liên quan đến phương pháp phân tích các chỉ tiêu hóa học cơ bản. Có ý thức trách nhiệm trong thực hiện công việc, ý thức kỷ luật, nhiệt tình, tự tin trong quá trình học tập.	1	1	Thực hành, bài tường trình thực hành
4	Sinh học đại cương	Sau khi học xong học phần sinh viên phải: trình bày được các quan điểm phân chia sinh giới; cấu tạo và chức năng của tế bào, trao đổi chất và năng lượng	3	1	Thực hành, Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của tế bào cũng như sự phân chia tế bào; những kiến thức cơ bản về di truyền và tiến hóa như cơ sở vật chất và cơ chế di truyền, các quy luật di truyền; các khái niệm về sinh thái học như môi trường và các nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã và hệ sinh thái.			
5	Vật lý đại cương	Hiểu được bản chất các hiện tượng và các định luật vật lý trong các phần của Cơ, Nhiệt và Điện. Từ phần lý thuyết đã học vận dụng giải thích được các hiện tượng bài tập tương ứng đồng thời hình thành kiến thức nền vững chắc tạo điều kiện cho việc nghiên cứu khoa học sau này.	2	2	Bài tập; Kiểm tra thường kỳ; Thi cuối kỳ
6	Xác suất thống kê	Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất như thống kê mô tả, thống kê suy diễn để có thể xử lí và phân tích số liệu thực nghiệm ở mức độ cơ bản, nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu liên quan đến Tài nguyên môi trường.	2	2	Bài tập; Kiểm tra thường kỳ; Thi cuối kỳ
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: - Có phương pháp học tập hiệu quả và khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, bài tiểu luận, báo cáo, thực hiện đồ án tốt nghiệp. - Tham gia, thực hiện được các vấn đề nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo, vị trí việc làm cũng như giải quyết các vấn đề bức thiết trong thực tiễn.	2	3	Báo cáo bài tập lớn
8	Cơ sở khoa học môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học môi trường và sinh thái học nhằm làm cơ sở cho việc áp dụng các kiến thức này cho các học phần tiếp theo. Đồng thời giúp người học có khả năng giao tiếp trong môi trường học tập và làm việc nhóm.	2	2	Báo cáo; thi cuối kỳ
9	Sinh thái môi trường	Người học có khả năng phân tích được thành phần của các hệ sinh thái xung quanh, cũng như những mối quan hệ về mặt sinh thái giữa các sinh vật, giữa sinh vật và môi trường; dòng vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, từ đó	3	2	Thực hành, Kiểm tra cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bước đầu đánh giá được tính ổn định và đề xuất giải pháp quản lý hệ sinh thái.			
10	Hoá môi trường	Hiểu và giải thích được các khái niệm, thành phần, quá trình chuyển hóa các chất trong môi trường khí, nước, đất, vòng tuần hoàn của các chất trong tự nhiên; Phân tích và xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường khí, nước, đất; Xây dựng và báo cáo, tuyên truyền được các giải pháp để khắc phục, bảo vệ môi trường khí, nước, đất; Mô tả được nguyên tắc, các bước, phương pháp tiến hành thí nghiệm và tính toán được các thông số đánh giá chất lượng môi trường khí, nước, đất; Có được tinh thần, trách nhiệm trong bảo vệ môi trường. Nghiên cứu độc lập hoặc phối hợp thực hiện các giải pháp để bảo vệ, cải thiện môi trường.	2	3	Báo cáo; Thi cuối kỳ
11	TT. Hoá môi trường	Hiểu và vận dụng các kiến thức, cơ sở khoa học trong hóa phân tích vào lĩnh vực môi trường nhằm xây dựng nền tảng cho các môn học, các nghiên cứu khoa học chuyên ngành có liên quan; Thực hành và thao tác chuẩn xác các quy trình thực hiện, các thiết bị có liên quan đến phương pháp phân tích các thông số cơ bản áp dụng trong đánh giá chất lượng môi trường đất và nước. Có ý thức trách nhiệm trong thực hiện công việc, ý thức kỷ luật, nhiệt tình, tự tin trong quá trình học tập.	1	3	Thực hành; Bài tường trình thực hành
12	Bảo tồn đa dạng sinh học	Người học hiểu được những kiến thức về đa dạng sinh học, sự suy thoái và phương thức bảo tồn đa dạng sinh học. Vận dụng được những kiến thức về đánh giá, giám sát đa dạng sinh học, kiểm soát sinh vật ngoại lai ở các khu bảo tồn trong lập kế hoạch quản lý, khai thác và bảo tồn đa dạng sinh học. Có ý thức hơn trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sống.	3	3	Thực hành; Báo cáo; Thi cuối kỳ
13	Phương pháp xử lý và phân tích mẫu môi trường	Hiểu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng, cơ sở khoa học và các thiết bị phân tích hiện đại vào việc xử lý mẫu, phân tích được các chỉ tiêu trong mẫu môi	2	4	Thực hành; Bài tường trình thực hành; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường nhằm xây dựng nền tảng cho các môn học, các nghiên cứu khoa học chuyên ngành liên quan; Nắm vững lý thuyết, thực hành và thao tác chuẩn xác các quy trình thực hiện, các thiết bị có liên quan đến phương pháp phân tích các chỉ tiêu hóa học cơ bản. Có ý thức trách nhiệm trong thực hiện công việc, ý thức kỷ luật, nhiệt tình, tự tin trong quá trình học tập			
14	Luật và thủ tục hành chính môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: - Người học có khả năng tổng hợp các kiến thức về luật và chính sách môi trường và tư vấn, thực hiện và cung cấp một số dịch vụ về thủ tục hành chính về môi trường ở cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. - Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các quy trình thủ tục hành chính môi trường từ đó có khả năng tư vấn thực hiện và cung cấp một số dịch vụ về thủ tục hành chính về môi trường ở cơ quan nhà nước và doanh nghiệp và kỹ năng trình bài văn bản hành chính nhà nước về môi trường.	3	4	Thực hành; Báo cáo; Thi cuối kỳ
15	Vi sinh môi trường	Sau khi học xong, người học cần: mô tả được các khái niệm vi sinh vật và các quá trình chuyển hóa các hợp chất trong môi trường; trình bày được động học của phản ứng chuyển hóa các chất hữu cơ từ đơn giản đến phức tạp được thực hiện bởi vi sinh vật; giải thích được sự sinh trưởng và phát triển cũng như các đặc điểm đặc trưng khác của vi sinh vật; phân tích được vai trò của vi sinh trong môi trường; làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật trong các quá trình chuyển hóa vật chất và ứng dụng chúng trong tự nhiên và trong thực tế.	3	4	Thực hành; Thi cuối kỳ
16	Quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	Sau khi học xong học phần, người học cần: trình bày được khái niệm, phân loại và hiện trạng của tài nguyên đất và khoáng sản; Phân tích được các loại rừng, đặc điểm, hiện trạng, vai trò cũng như nguyên nhân chính làm suy thoái rừng; Trình bày được đặc điểm và hiện trạng của tài nguyên nước ngọt và nước mặn; Phân tích được các loại, vai trò và tình hình khai thác các loại tài nguyên khoáng sản và năng lượng; giải thích và vận dụng được: các phương pháp, cộng cụ quản lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta cũng như trên thế. Các hệ thống quản lý như quản lý dựa vào cộng đồng, giáo dụng và hệ thống pháp luật.	3	4	Thực tế; Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Mô hình hoá trong QLMT	Kết thúc học phần sinh viên nắm được các bước phát triển mô hình, có khả năng sử dụng một phần mềm mô phỏng lan truyền ô nhiễm.	2	5	Thực hành; Bài tập; Thi cuối kỳ
18	Thiết kế hệ thống xử lý chất thải	Kết thúc học phần sinh viên có thể trình bày được quy trình xử lý một số chất thải phổ biến, sử dụng phần mềm AutoCAD để lập các bản vẽ kỹ thuật môi trường đơn giản theo số liệu có sẵn.	3	5	Báo cáo, thực hành; Thi cuối kỳ
19	Kinh tế môi trường	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Giải thích được ảnh hưởng của hàng hóa công, tác động ngoại vi đến các vấn đề môi trường trên quan điểm kinh tế; áp dụng được các giải pháp kinh tế trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Thực hiện và vận dụng chuẩn xác các công cụ mệnh lệnh – kiểm soát và công cụ kinh tế trong quản lý và bảo vệ môi trường; từ đó phân tích và lựa chọn các phương án kinh tế phù hợp để giải quyết các vấn đề ô nhiễm; Xây dựng và hình thành ý thức tự học, tự tìm tòi để thấy được vai trò và tầm quan trọng của các công cụ kinh tế trong quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường; tham gia và thực hiện đầy đủ các yêu cầu được giao, trình bày hiệu quả trước đám đông.	2	5	Thực hành; Thi cuối kỳ
20	Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng: Xây dựng được kế hoạch hay chương trình quan trắc môi trường cho mục tiêu cụ thể, áp dụng đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng trong quan trắc môi trường; Vận dụng được các phương pháp phân tích thông số môi trường, các chỉ số đánh giá môi trường đất, nước, không khí; so sánh và biết cách lựa chọn các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả thải để đánh giá. Chuẩn xác trong quá trình lấy mẫu, bảo quản, phân tích mẫu và sử dụng các trang thiết trong PTN; phân tích, tổng hợp và đánh giá số liệu về diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí; xử lý số liệu và viết báo cáo; Có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỹ luật tốt; kỹ năng tổ chức công việc và làm việc nhóm; tự học và tự nghiên cứu, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của môn học trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	5	Thực hành; Báo cáo; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Quản lý môi trường	Vận dụng kiến thức quản lý môi trường trong xác định các vấn đề môi trường và tham gia đề xuất được những giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường theo hướng bền vững.	3	5	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
22	Quản lý và ứng dụng đất ngập nước trong xử lý chất thải	Người học phân tích được vai trò của sinh vật và khả năng thích nghi của sinh vật trong hệ sinh thái đất ngập nước. Vận dụng được những kiến thức trong tham gia nghiên cứu, đề xuất giải pháp và quản lý ĐNN và ứng dụng ĐNN trong xử lý nước thải.	3	5	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
23	Kỹ thuật xử lý nước cấp và nước thải	Kết thúc học phần người học có khả năng xác định được các số liệu cần thiết để thiết kế các hệ thống xử lý nước. Tính toán được các kích thước và thông số cơ bản của các công trình xử lý nước thường gặp.	3	6	Bài tập; Thực hành; Thi cuối kỳ
24	Độc học và sức khỏe môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: - Người học có thể đánh giá và dự báo tác động của các chất độc đến môi trường, sức khỏe con người và sinh vật. - Đề xuất biện pháp phòng tránh và khắc phục những vấn đề ô nhiễm độc chất trong môi trường.	3	6	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
25	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý Tài nguyên và Môi trường	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng: Hiểu và vận dụng được kiến thức môn học vào tổ chức, phân tích và sử dụng dữ liệu không gian trong hoạt động nghiên cứu và trong công tác quản lý TN & MT; kết hợp vận dụng kiến thức tổng hợp để phục vụ trong nghiên cứu và quản lý TN & MT. Thao tác cơ bản về phân tích và giải đoán ảnh viễn thám trên phần mềm xử lí ảnh viễn thám; Thao tác cơ bản về biên tập và xử lý dữ liệu không gian, thuộc tính trên phần mềm GIS; Tự học, tự nghiên cứu; kiên trì, cẩn thận, khoa học qua quá trình làm việc với dữ liệu viễn thám.	3	6	Báo cáo; Thi cuối kỳ
26	Sinh vật chỉ thị môi trường	Sau khi học xong, người học cần: Mô tả được một số động vật, thực vật và VSV chỉ thị môi trường tốt, xấu, ô nhiễm,… từ đó có thể dựa vào thực vật	3	6	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hay động vật để nhận diện một số đặc tính của môi trường đất, nước và không khí. Người học phải thực hiện và phân loại được việc thu mẫu thực địa (mẫu nước, mẫu phiêu sinh động vật và thực vật, mẫu động vật đáy); khảo sát được ảnh hưởng của một số tác nhân ô nhiễm lên sự phân bố của một số phiêu sinh thực vật, phiêu sinh động vật đặc trưng; vận dụng và ứng dụng được sinh vật chỉ thị môi trường để xác định, quản lý môi trường tốt và bền vững.			
27	An toàn sức khỏe và môi trường (HSE)	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể: Kiểm soát được các mối nguy về an toàn sức khỏe và môi trường (HSE) trong quá trình lao động và sản xuất; thực thi được ISO 45001:2018 vào thực tế sản xuất và kinh doanh; Vận dụng các yêu cầu theo HSE và ISO 45001:2018 vào thực tế của doanh nghiệp; Tự học và tự nghiên cứu; kỹ năng tương tác và hợp tác; hình thành và phát triển niềm đam mê, tình yêu đối với nghề nghiệp.	3	6	Báo cáo; Thi cuối kỳ
28	Tin học môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: - Người học có thể sử dụng một số phần mềm để tổng hợp, phân tích trình bày kết quả bằng bảng biểu và định dạng văn bản hành chính theo quy định và giao tiếp điện tử. - Giúp người học triển khai các thí nghiệm và thu thập số liệu tiến hành xử lý thống kê đưa ra kết luận và trình bày kết quả.	3	7	Thực hành; Báo cáo; Thi thực hành cuối kỳ
29	Hệ thống ISO trong quản lý môi trường	Sau học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Hiểu được các thuật ngữ, nội dung và cấu trúc của hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000; vận dụng và thực thi được hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000; Phân tích, tổng hợp và xây dựng tài liệu liên quan đến HTQLMT theo ISO 14000; viết báo cáo và trình bày văn bản; Tổ chức công việc và làm việc nhóm; tự học – tự nghiên cứu và nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của ISO 14000 trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	7	Báo cáo; Thi cuối kỳ
30	Ngoại ngữ chuyên ngành	Sau khi học xong, người học phải nhớ và hiểu được các từ vựng và thuật ngữ anh văn được sử dụng trong lĩnh vực khoa học môi trường; đọc, hiểu và dịch	3	7	Báo cáo; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được các bài viết có chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh; có thể viết được các bài luận có sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực môi trường.			
31	Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	Sinh viên sau khi học xong học phần người học có khả năng năng tư vấn, thực hiện và cung cấp một số dịch vụ về thủ tục hành chính về môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.	3	7	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
32	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Kết thúc học phần người học có thể tính toán, đề xuất các giải pháp quản lý và xử lý chất thải rắn. Quản lý một khu xử lý chất thải rắn thông thường	3	7	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo; Thi cuối kỳ
33	Biến đổi khí hậu và thích ứng	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu và vận dụng các kiến thức của môn Biến đổi khí hậu vào công tác quản lý và bảo vệ môi trường; Vận dụng, lồng ghép những nội dung và giải pháp cho giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, bảo tồn tài nguyên, phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động giáo dục; đề xuất những giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với những tác động của BĐKH; Thích ứng với các môi trường làm việc, phối hợp làm việc nhóm; tự tin thuyết trình trước đám đông; nâng cao nhận thức về những tác động và ứng phó với BĐKH.	3	3	Báo cáo; Thi cuối kỳ
34	Sản xuất sạch và an toàn vệ sinh trong môi trường	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Hiểu được các khái niệm trong sản xuất sạch hơn. Sinh viên có thể phân biệt được các nhóm giải pháp và sử dụng được công cụ 5S. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể hiểu và vận dụng được quy trình đánh giá sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng chọn lựa và đề xuất các giải pháp trong sản xuất sạchhơn; Nhận biết được các nguyên nhân gây mất an toàn lao động. Hiểu và vận dụng được một số kỹ thuật trong an toàn hóa chất, an toàn sử dụng điện, phòng chống cháy nổ và các biện pháp an toàn lao động trong các doanh nghiệp Sinh viên nhận thức rõ hơn vai trò của việc áp dung sản xuất sạch hơn trong hoạt động của các cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp. Sinh viên phải có thái độ tự học – tự nghiên cứu theo định hướng của giảng viên, tham dự lớp đầy đủ, tham gia làm bài tập trên lớp và thảo luận tại lớp.	3	5	Báo cáo; Thực hành; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện tính tập trung, cẩn thận, chủ động cao trong công việc.			
35	Kiểm toán môi trường	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể: Áp dụng kiểm toán môi trường vào quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, không khí và đa dạng sinh học; Xây dựng được chương trình kiểm toán môi trường trong các lĩnh vực này; phân tích và đánh giá vấn đề liên quan đến kiểm toán môi trường; Phát triển được tinh thần tự học, tự nghiên cứu và phối hợp trong làm việc nhóm.	2	6	Báo cáo; Thi cuối kỳ
36	Luật và chính sách bảo hộ lao động	Người học có khả năng phân tích và vận dụng được những văn bản pháp lý, chính sách trong bảo hộ lao động để thực hiện và tham gia quản lý công tác bảo hộ lao động, giữ an toàn và vệ sinh trong lao động ở các cơ sở sản xuất.	3	7	Báo cáo; Thực hành; Thi cuối kỳ
37	Luật và chính sách tài nguyên nước	Người học có khả năng hiểu những qui định của các văn bản pháp lý về tài nguyên nước và vận dụng được những kiến thức này trong công tác quản lý, thực hiện và tư vấn trong bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước theo đúng qui định của pháp luật.	3	8	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo; Thi cuối kỳ
38	Các PP phân tích môi trường	Sinh viên ra trường có khả năng áp dụng các công cụ để tổ chức, lập kế hoạch và đề xuất các biện pháp quản lý môi trường và khai thác bền vững các nguồn tài nguyên.	2	6	Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
39	Vận hành công trình môi trường	Kết thúc học phần người học nắm được kỹ thuật vận hành các công trình môi trường thường gặp.	2	7	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo; Thi cuối kỳ
40	Trang bị điện cho công trình bảo vệ môi trường	Kết thúc học phần người học có khả năng lựa chọn, lắp đặt, đấu nối một số trang bị điện phổ biến và đơn giản trong hệ thống xử lý nước.	2	7	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ
41	Quản lý và kiểm soát chất lượng môi trường	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng: Vận dụng được kiến thức môn học, các cơ sở khoa học và nguyên lý phục vụ hoạt động quản lý và kiểm soát ô nhiễm trong công tác bảo vệ môi trường. Tư vấn và đề xuất các giải pháp kiểm soát ô nhiễm nhằm giảm thiểu và khắc phục những vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải gây ra.	3	8	Thực hành; Báo cáo; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tự học – tự nghiên cứu, phối hợp và làm việc nhóm, biết lập kế hoạch và tổ chức công việc; đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của kiểm soát ô nhiễm trong công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế bền vững.			
42	Đồ án kiểm soát ô nhiễm	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Đề xuất, tính toán, thiết kế, dự toán giá thành một công trình kiểm soát hay xử lý ô nhiễm; Giao tiếp và thích ứng kiến thức môn học thông qua tổng hợp tài liệu, bản vẽ kỹ thuật, thuyết minh dây chuyền công nghệ kiểm soát hay xử lý ô nhiễm; Giải quyết công việc một cách độc lập, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả, tự tin thuyết trình trước đám đông. Nhiệt tình, tự tin trong công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội; nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực nghề nghiệp.	3	8	Báo cáo đồ án
43	Quản lý tổng hợp vùng bờ	Người học hiểu được những kiến thức về vùng bờ, các thành phần của vùng bờ, những yếu tố tác động đến vùng bờ. Vận dụng những kiến thức cơ bản về những vấn đề môi trường ở vùng bờ trong lập kế hoạch và tham gia đề xuất những giải pháp quản lý vùng bờ.	3	4	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo; Thi cuối kỳ
44	Ứng phó với các sự cố môi trường	Người học có khả năng nhận diện mối nguy hiểm và đánh giá rủi ro sự cố môi trường, xây dựng kế hoạch ứng phó những sự cố môi trường và tham gia vào công tác quản lý ứng phó với những sự cố môi trường.	3	6	Báo cáo; Thực hành; Thi cuối kỳ
45	Công nghệ xanh và năng lượng sạch	Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có khả năng: Hiểu và vận dụng được công nghệ sinh thái vào kiểm soát ô nhiễm, phát triển năng lượng sinh học và sản xuất nông nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; Tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp các thông tin khoa học theo yêu cầu; tự học và tự nghiên cứu; tổ chức công việc và làm việc nhóm; Nhiệt tình, tự tin trong công việc, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng xã hội; nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của môn học đối với lĩnh vực nghề nghiệp.	3	8	Báo cáo; Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Quy hoạch môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần sẽ đạt được: Nắm vững và có hệ thống các khái niệm có liên quan về Quy hoạch môi trường; Biết quy trình và nội dung thực hiện các loại hình quy hoạch; Nghiên cứu, đánh giá và triển khai xây dựng quy hoạch môi trường gắn với quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội của địa phương.	2	8	Kiểm tra thường kỳ; Thi cuối kỳ
47	Khởi nghiệp khoa học môi trường	Xác định được ý tưởng dự án kinh doanh trong lĩnh vực khoa học môi trường. Nhận biết được những đặc trưng và tố chất cần có của một doanh nhân. Mô tả được một kế hoạch kinh doanh một dự án khởi nghiệp về môi trường.	2	8	Chuyên cần; Báo cáo; Bài thu hoạch
48	Kỹ năng tìm kiếm việc làm môi trường	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể sẽ đạt được: - Nắm được các kiến thức liên quan đến kỹ năng tìm kiếm việc làm lĩnh vực nghề nghiệp về ngành khoa học môi trường mà mình yêu thích. - Tự tin xây dựng hình ảnh bản thân trước nhà tuyển dụng và biết cách chuẩn bị cho mình bộ hồ sơ ứng tuyển hoàn thiện - Trang bị các kỹ năng cần thiết trong quá trình tìm kiếm việc làm cũng như đáp ứng cho công việc sau khi được tuyển dụng.	1	8	Chuyên cần; Báo cáo; Bài thu hoạch
49	Thực tập cơ sở	Người học có khả năng vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào thực tế công việc quản lý tài nguyên và môi trường theo hướng dẫn. Hoàn thiện và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	**6**	7	Thực hành thực tế; Báo cáo kết quả thực tập
50	Thực tập tốt nghiệp	Người học có khả năng vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào thực tế công việc. Hoàn thiện và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	8	9	Thực hành thực tế; Báo cáo kết quả thực tập
51	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên sau khi học xong học phần có thể giúp sinh viên củng cố, bổ sung và vận dụng kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức phù hợp với từng chủ đề chuyên môn đáp ứng với định hướng công việc sau khi tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội.	6	9	Báo cáo đồ án
52	Thực hành phân tích và đánh giá môi trường	Người học có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích và đánh giá môi trường đã được học tập vào thực tế đánh giá môi trường đất, nước, không	3	9	Báo cáo; Bài tập lớn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khí, sinh vật. Hoàn thiện và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.			
53	Sinh thái rừng ngập mặn	Người học hiểu được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về rừng ngập mặn, tầm quan, các yếu tố ảnh hưởng đến sư phân bố, phát triển của rừng ngập mặn. Vận dụng được kiến thức về rừng ngập mặn và nguyên nhân suy giảm để tham gia đề xuất giải pháp phát triển bền vững.	3	9	Kiểm tra TNKQ; Báo cáo thực hành; Thi cuối kỳ

36. Khoa học Máy tính

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm ngành Tin học	Vận dụng các phương pháp rèn luyện để tăng cường kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong các tình huống thực tế, kỹ năng thuyết trình, tư duy giải quyết vấn đề trong công việc học tập đạt hiệu quả nhất. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, thiết lập các mối quan hệ xã hội, khai thác thông tin tham gia cộng đồng trực tuyến. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong tập thể nhóm, cộng đồng phát triển bản thân và nghề nghiệp.	2	3	Đánh giá: 1. Thường kỳ: 0.5 (chuyên cần: 0.1 và báo cáo thuyết trình: 0.4) 2. Thi kết thúc học phầnBài tập lớn
2	Kế toán đại cương	Sau khi học xong học phần Kế toán đại cương người học có thể hạch toán được các nghiệp vụkinh tế, lên được sơ đồ tài khoản, lập được bảng cân đối kế toán và bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: Viết luận - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần: 0.5
3	Toán rời rạc	Hiểu được bản chất của các khái niệm tập hợp, ánh xạ, quan hệ, logic và lý thuyết số làm cơ sở nhận thức và giải quyết các vấn đề trong Tin học. Vận	3	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng được các phương pháp và nguyên tắc đếm để xác định số đối tượng trong một không gian cụ thể; có khả năng biểu diễn và tối giản hàm Boole bằng một phương pháp tối giản cụ thể.			- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần: 0.5
4	Lập trình căn bản	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể viết chương trình, cài đặt thuật toán, rèn luyện tư duy lập trình; đây là tiền đề cho việc học các môn học lập trình sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và kỹ năng thực hành thành thạo các ngôn ngữ lập trình khác. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận, đề mở): 0.6
5	Tin học căn bản	Hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học máy tính; sử dụng thành thạo các tiện ích trên máy tính; cài đặt, gỡ bỏ các phần mềm, xử lý được các sự cố đơn giản khi sử dụng máy tính. Vận dụng kiến thức của học phần để khai thác thông tin trên Internet phục vụ học tập và cuộc sống. Sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực nghề nghiệp.	2	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (trắc nghiệm): 0.5
6	Xác suất thống kê cho tin học	Vận dụng các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất để giải quyết một vấn đề về hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra liên quan đến ngành Tin học và trong đời sống hàng ngày. Vận dụng các kiến thức về Thống kê toán trong học phần để có thể xử lí và phân tích số liệu thực nghiệm mức độ cơ bản phục	2	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận, đề mở): 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công tác sau này. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			
7	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	Trình bày được tổ chức bên trong bộ xử lý; kiến trúc tổng quát CPU 8086; kiến trúc RISC và CISC; bộ xử lý song song và vai trò của trình biên dịch. Giải thích được mô hình phân cấp bộ nhớ; cách thức trao đổi giữa bộ nhớ đệm, bộ nhớ trong và bộ nhớ ảo. Nhắc lại nguyên lý hoạt động các thiết bị ngoại vi của hệ thống máy tính; hệ thống bus và cách thức trao đổi giữa các thiết bị trong hệ thống máy tính. Biên soạn được chương trình hợp ngữ thực hiện nhập xuất cơ bản	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
8	Lý thuyết đồ thị	Biết mô hình hóa một bài toán bằng một đồ thị thích hợp và biểu diễn đồ thị trong máy tính. Hiểu và có khả năng vận dụng các thuật toán tìm kiếm trên đồ thị, đồ thị Euler, đồ thị Hamilton, tìm cây khung trên một đồ thị cụ thể.	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
9	Lập trình hướng đối tượng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cách thức lập trình theo hướng đối tượng và ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++. Sinh viên lập trình được các bài toán hướng đối tượng bằng ngôn ngữ C++. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người làm công việc phát triển ứng dụng tin học: cẩn thận, làm việc từng bước theo đúng quy trình.	3	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Đại số tuyến tính	Nhớ và vận dụng các kiến thức về đại số tuyến tính để có thể giải quyết một số vấn đề thực tiễn. Qua đó rèn luyện tư duy thuật toán, tư duy lập trình. Tạo tiền đề cho việc học tiếp các môn học chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng mô hình hóa toán học, vận dụng kiến thức đã biết để giải quyết các vấn đề cụ thể; rèn luyện khả năng lập luận kín kẻ, suy diễn logic. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.6
11	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để mô hình hóa được những bài toán từ những vấn đề thực tế, từ đó có thể cài đặt được những bài toán đơn giản, rèn luyện tư duy lập trình và thiết kế giải thuật; đây là tiền đề cho việc học các môn học lập trình sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và thiết kế giải thuật, kỹ năng thực hành giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm	3	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận): 0.5
12	Hệ điều hành	Tóm tắt tổng quan về Hệ điều hành; trình bày được chức năng hệ điều hành đứng vềphía người thiết kế ra hệ điều hành; nhắc lại các thành phần khi thiết kế hệ điều hành.Trình bày được các thành phần quản lý bên trong tiến trình; giải thích các chiến lược định thời biểu; giải thích các giải thuật đồng bộ hóa, giải thích các giải thuật tắc nghẽn và chống tắc nghẽn. Trình bày được các thành phần	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản lý bên trong bộ nhớ; giải thích các chiến lược quản lý bộ nhớ chính; quản lý bộ nhớ ảo.			
13	Lý thuyết thông tin	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể giải quyết các bài toán mã hóa, giải mã thông tin trong thực tế. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sâu hơn về môn học để vận dụng cho việc mã hóa và bảo mật thông tin một cách hiệu quả. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	2	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
14	Kỹ thuật số	Trên cơ sở các kiến thức về đại số Boole, các cổng luận lý; vi mạch số và cách thể hiện cổng luận lý; các mạch tổ hợp; mạch tuần tự; bộ biến đổi ADC và DAC; bộ nhớ bán dẫn sẽ tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV ứng dụng được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thực tiễn.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên nắm rõ được qui trình nghiên cứu khoa học, viết được phiếu đề xuất và thuyết minh, trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học theo chuẩn	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
16	Đồ án môn học 1	Vận dụng lý thuyết các học lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu và giải thuật, … vào giải quyết một bài toán cụ thể; khai thác tìm hiểu những kỹ thuật	1	6	Đánh giá: Báo cáo thuyết trình

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và công nghệ mới. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trình bày báo cáo khoa học. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			
17	Lắp ráp và cài đặt máy tính	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể lắp ráp, cài đặt, đây là tiền đề cho việc xây dựng các hệ thống máy tính sau này. Rèn luyện kỹ năng tư duy lắp đặt và kỹ năng thực hành thành thạo tháo lắp các linh kiện máy tính. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
18	Cơ sở dữ liệu	Vận dụng lý thuyết Cơ sở dữ liệu để phân tích thiết kế một CSDL nhỏ và vừa bằng hệ quản trị CSDL SQL Server. Rèn luyện kỹ năng thực hành thành thạo khi thiết kế CSDL thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	2	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.6
19	Ngôn ngữ lập trình JAVA	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể giải quyết các bài toán lập trình cơ bản và xây dựng ứng dụng thực tế. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và phương pháp lập trình hướng đối tượng. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	2	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
20	Lập trình Python và ứng dụng	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể viết chương trình, cài đặt thuật toán, rèn luyện tư duy lập trình. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và kỹ năng thực hành ngôn ngữ lập trình	3	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Python. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
21	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Vận dụng các kiến thức đã học tiến hành phân tích thiết hệ thống thông tin cụ thể trong thực tế bằng phương pháp UML. Rèn luyện kỹ năng phân tích, xây dựng mô hình bằng UML. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	2	3	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
22	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần này có thể xây dựng phần mềm đơn giản ứng dụng AI; đây là tiền đề để học các môn Máy học ứng dụng, Blockchain,… Rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết các bái toán thực tế dựa trên các kỹ thuật trong trí tuệ nhân tạo. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
23	Nhập môn Mạng máy tính	Trình bày được chức năng của mỗi tầng trong mô hình OSI; các giao thức làm việc ở các tầng; các thiết bị hoạt động ở các tầng. Tóm tắt các giao thức trong bộ giao thức liên mạng TCP/IP. Phân biệt phương triện truyền dẫn và chức năng các thiết bị mạng; phân biệt thiết bị nào làm việc ở tầng nào của mô hình OSI. Phân biệt được các kiến trúc mạng và các công nghệ mạng LAN.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (trắc nghiệm): 0.5
24	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	Sinh viên có thể thiết kế và cài được được hiện thống mạng, tính toán chi phí, thực hiện các câu	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lệnh cấu hình bộ chuyển mạch và bộ định tuyến đúng theo yêu cầu.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
25	Lập trình .NET (C#)	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để xây dựng được những ứng dụng mô phỏng và ứng dụng Windows Forms quản lý cơ sở dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình C#. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và thiết kế giải thuật, thiết kế phần mềm, kỹ năng thực hành giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
26	IoT và ứng dụng	Trình bày được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về nguyên lý hoạt động và thông sốkỹ thuật các cảm biến và phương pháp xây dựng một hệ thống IoT. Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án. Lựa chọn phương pháp lập trình trên IDE Arduino. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật. Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đềtrong học tập.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6
27	Lập trình Web ASPX	Sinh viên thực hiện được một Website bằng ngôn ngữ lập trình C# với 2 mô-đun cơ bản dành cho quản trị và người dùng dựa trên công nghệ .NET.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
28	Đồ án môn học 2	Vận dụng lý thuyết các học phần Lập trình có kết nối Cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống để sản phẩm ứng dụng (phần mềm ứng dụng, website,…), xây dựng hệ thống mạng đảm bảo an toàn, thiết kế hệ thống dạy học trực tuyến,… Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trình bày báo cáo logic, hiệu quả. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	1	8	Đánh giá: Báo cáo thuyết trình
29	Thiết kế đồ họa	Vận dụng kiến thức đã học xong trong học phần để có thể xử lý ảnh, ghép ảnh, phục hồi ảnh, chỉnh sửa ảnh, thiết kế và tối ưu hoá web. Rèn luyện kỹ năng tư duy thiết kế và thực hành thành thạo các phần mềm xử lý ảnh khác. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm	2	1	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn thực hành): 0.5
30	Phương pháp tính	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể viết chương trình, cài đặt thuật toán, rèn luyện tư duy. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	2	Bài tập lớn
31	Kỹ nghệ phần mềm	Cung cấp kiến thức và kỹ thuật trong quy trình phát triển phần mềm. Rèn luyện khả năng phân tích yêu cầu và đánh giá chất lượng sản phẩm phần	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mềm. Nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, khả năng tham gia giao tiếp và làm việc nhóm.			- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
32	Ngoại ngữ chuyên ngành	Vận dụng từ vựng, văn phạm để đọc các tài liệu kỹ thuật đơn giản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. Diễn đạt và thảo luận theo hình thức nói những chủ đề cơ bản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	3	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
33	Bảo mật thông tin	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin. Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về an toàn và bảo mật thông tin. Biết tổ chức thực hiện an toàn và bảo mật thông tin cho một hệ thống. Biết sử dụng một số công cụ đảm bảo an toàn thông tin. Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của bảo mật thông tin; vai trò, trách nhiệm và đạo đức của người làm công việc an toàn vào bảo mật thông tin: cẩn thận, làm việc theo đúng quy trình, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.6
34	Hệ quản trị CSDL SQL Server	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, quản lý dữ liệu trên hệ quản trị CSDL SQL Server trong việc xây dựng ứng dụng nền tảng Web, Windows Form. Rèn luyện kỹ năng lập trình và ứng dụng thành thạo với các ngôn ngữ lập trình khác khi triển khai thực tế. Nâng cao ý thức trách	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			
35	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Tóm tắt được mô hình ngôn ngữ N-gram và đánh giá mô hình ngôn ngữ; Trình bày vectơ ngữ nghĩa và các phương pháp biểu diễn từ; Xây dựng ứng dụng cho một số bài toán trong NLP (Gán nhãn từ loại và giải thích được cách gán nhãn từ loạ, Phân tích cú pháp ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Việt, Rút trích thông tin văn bản, Phân lớp văn bản, Tách từ)	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
36	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	Trình bày các nguyên lý của ngôn ngữ lập trình, sự phát triển của các ngôn ngữ lập trình, các kiểu dữ liệu và cấu trúc điều khiển; Phân biệt rõ các phương thức lập trình paradigm như hướng đối tượng, hàm. Vận dụng. Rèn luyện kỹ năng thực hành các phương pháp như lập trình hướng đối tượng, lập trình hàm. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6
37	Thiết kế và tích hợp giao diện	Sinh viên sử dụng phần mềm Adobe XD để thiết kế được giao diện người dùng trên nền tảng di động, web và windows.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
38	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	Cung cấp kiến thức và kỹ năng về việc kiểm thử phần mềm, các yếu tố đảm bảo chất lượng phần mềm. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trong việc kiểm thử và đảm bảo chất lượng sản phẩm phần mềm; Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm, khả năng viết tài liệu kiểm thử.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Tính toán song song	Tóm tắt được kiến trúc và các loại máy tính song song; trình bày được các thành phần của máy tính song song. Liệt kê được các ngôn ngữ lập trình song song, thực hiện các phương pháp biến đổi chương trình tuần tự sang chương trình song song; trình bày các mô hình lập trình song song. Thiết kế được thuật toán song song và triển khai một số ví dụ về tính toán song song	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
40	Cơ sở dữ liệu phân tán	Thiết kế được một hệ thống phân tán trên yêu cầu thực tế; Thiết kế được các câu lệnh truy vấn tối ưu trên CSDL phân tán; Trình bày về giao tác phân tán, sự cố truyền thông trong hệ phân tán và cơ chế khôi phục các giao tác phân tán; Nhắc lại về điều khiển giao tác diễn ra đồng thời mà không xảy ra tranh chấp.	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
41	Xây dựng ứng dụng phân tán	Sinh viên có thể thiết kế, xây dựng và vận hành được một hệ thống phân tán trên nền hệ quản trị CSDL SQL Server.	2	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
42	Truyền thông đa phương tiện	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể phân tích, thiết kế, xây dựng các chương trình, module trong truyền thông. Rèn luyện kỹ năng tư duy và kỹ năng thực hành các xây dựng thiết kế và ứng dụng truyền thông đa phương tiện. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Hệ quản trị CSDL My SQL và PostgreSQL	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, quản lý dữ liệu trên hệ quản trị CSDL MySQL và PostgreSQL trong việc xây dựng ứng dụng nền tảng Web, Windows Form, ứng dụng di động. Rèn luyện kỹ năng lập trình và ứng dụng thành thạo với các ngôn ngữ lập trình khác khi triển khai thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn thực hành): 0.5
44	BlockChain và ứng dụng	Hiểu các khái niệm về công nghệ mới BlockChain. Rèn luyện kỹ năng tư duy lập trình và kỹ năng thực hành lập trình trong công nghệ BlockChain. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn thực hành): 0.5
45	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	Vận dụng những kiến thức đã học trong học phần để xây dựng được một phần mềm quản lý đào tạo theo mô hình đa lớp với các chức năng cơ bản và nâng cao như tạo mã vạch, mã QR, hàm băm và chữ ký số RSA. Rèn luyện kỹ năng phân tích thiết kế bài toán, nhận biết những yêu cầu điển hình của phần mềm quản lý và lập trình xây dựng các phần mềm quản lý trong thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
46	Cơ sở dữ liệu thời gian	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu thời gian logic từ mô hình mức khái niệm và sử dụng các thuật toán của cấu	2	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trúc chỉ mục trên các mô hình cơ sở dữ liệu thời gian mức vật lý. Rèn luyện kỹ năng thực hành thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu thời gian áp dụng vào bài toán thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
47	Hệ cơ sở tri thức	Vận dụng các kiến thức đã học trong học phần để có thể xây dựng, biểu diễn tri thức theo từng lĩnh vực cụ thể. Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp tri thức và là cơ sở nền để xây dựng hệ chuyên gia theo từng lĩnh vực. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	2	4	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (viết luận): 0.5
48	Xử lý ảnh	Giúp sinh viên nắm được tổng quan các bước trong quy trình xử lý ảnh. Giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật để nâng cao chất lượng ảnh, phân vùng ảnh, phát hiện đối tượng. Vận dụng các kỹ thuật xử lý ảnh để áp dụng vào bài toán thực tế.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
49	Khai phá dữ liệu	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để thực hành khai phá dữ liệu với những dữliệu từ thực tế, xây dựng được mô hình và diễn dịch kết quả khai phá, rèn luyện khả năng xử lý dữ liệu lớn. Rèn luyện kỹ năng tư duy, xử lý dữ liệu và lập trình, kỹ năng nghiên cứu, thực hành và phân tích để giải quyết yêu cầu bài toán. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
50	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Biết và hiểu những nguyên lý cơ bản của một hệ GIS; Vận dụng những kiến thức chuyên ngành về CNTT lập	2	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình, web, phần mềm để có thể vận hành hiệu quả một phần mềm GIS theo yêu cầu của thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng và tư duy không gian trong công tác quản lý dữ liệu địa không gian. Rèn luyện và nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu, đạo đức nghề nghiệp.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
51	Lập trình Web MVC	Cung cấp kiến thức về công nghệ ASP.N T theo mô hình MVC và vận dụng vào việc xây dựng ứng dụng trên nền tảng web MVC. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thẩm mỹ trong việc phát triển website. Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm, khả năng thuyết trình để trình bày báo cáo.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6
52	Thị giác máy tính	Trang bị cho sinh viên những vấn đề về lý thuyết, thuật toán cơ bản, được sử dụng rộng rãi trong thị giác máy. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá, phát triển và ứng dụng kỹ thuật thị giác máy vào các vấn đề thực tiễn	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
53	Phát triển ứng dụng bằng JAVA	Sau khi học xong học phần, người học có khả năng xây dựng ứng dụng kết nối được cơ sở dữ liệu bằng Java.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
54	Công nghệ Web	Cung cấp kiến thức về công nghệ cho lập trình front end và back end framework như Angular, ASP.N T Core, API và vận dụng vào việc xây dựng ứng dụng web API với ASP.N T Core và Angular. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thẩm mỹ trong việc phát triển website. Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu và	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tham gia làm việc nhóm, khả năng thuyết trình để trình bày báo cáo.			
55	Lập trình cho thiết bị di động	Hiểu được nền tảng ngôn ngữ lập trình Flutter. Xây dựng được ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế với nền tảng Flutter	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
56	Lập Trình Web PHP	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để tiến hành xây dựng ebsite ứng dụng vào thực tế. Rèn luyện kỹ năng tư duy, sáng tạo trong lập trình eb bằng PHP. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
57	Quản lý dự án phần mềm	Cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý dự án phần mềm. Rèn luyện kỹ năng phân tích vấn đề, tổ chức, sắp xếp, quản lý công việc.. Nâng cao kỹ năng giao tiếp và tham gia làm việc nhóm	2	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
58	Máy học ứng dụng	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể thiết lập môi trường, huấn luyện và kiểm thử một số mô hình máy học. Rèn luyện khả năng sử dụng các công cụ, môi trường hiện đại để áp dụng và cài đặt các bài toán thực tế. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
59	Hệ quản trị CSDL Oracle	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về Hệ quản trị CSDL và cách thức xây dựng CSDL trên hệ quản trị CSDL Oracle.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
60	Bảo trì hệ thống máy tính	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để có thể bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy tính, biết sử dụng dụng cụ đo điện thế các linh kiện máy tính. Rèn luyện kỹ năng bảo trì và bảo dưỡng và kỹ năng đo và đọc các chỉ số điện thế các thiết bị. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
61	Mạng không dây và di động	Học phần cung cấp kiến thức về các chuẩn mạng đang được sử dụng rộng rãi hiện nay như: mạng di động, i-i, Bluetooth, mạng cảm biến. Ngoài ra học phần còn giới thiệu về kỹ thuật tăng cường an ninh, bảo mật thông tin trong mạng cục bộ không dây.	2	5	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.4 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.6
62	Quản trị hệ thống mạng Windows	Kiến thức về các mô hình mạng, các dịch vụ, chính sách bảo mật và quản trị trong hệ thống Microsoft indows. Phân tích tình hình thực tế của một tổ chức/ đơn vị để triển khai, vận hành và bảo trì một hệ thống mạng hoàn chỉnh trên nền tảng Microsoft indows. Tính kỷ luật và trách nhiệm trong công việc, khả năng tự nghiên cứu tìm hiểu các phiên bản hệ điều hành indows mới, dựa trên nền tảng đã học.	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
63	An ninh mạng	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế, xây dựng được một hệ thống an ninh mạng cho cơ quan, doanh nghiệp. Rèn luyện khả năng quan sát, phán đoán để xây dựng các mô hình mạng an toàn. Nâng cao tính	3	6	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cẩn thận, có trách nhiệm cao đối với làm việc cá nhân và trong làm việc nhóm.			- Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
64	Bảo mật Website	Vận dụng các giải pháp để chống rò rỉ thông tin và bảo mật tập tin thư mục. Vận dụng kiến thức về các lỗ hổng bảo mật eb để có thể vận dụng chủ động trong việc xây dựng và vận hành các ebsite hoạt động an toàn. Rèn luyện kỹ năng thực hành các kỹ thuật phòng chống các kỹ thuật tấn công để bảo mật ứng dụng ebsite an toàn khi vận hành. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và tham gia làm việc nhóm.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
65	Quản trị hệ thống mạng Linux	Hiểu được các khái niệm cơ bản, cấu trúc, chức năng các thành phần trong hệ điều hành Linux. Cài đặt, triển khai và nâng cấp hệ thống mạng nguồn mở Linux. Sử dụng thành thạo các lệnh cơ bản liên quan quản trị mạng trên Linux	2	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
66	Lập trình mạng	Sinh viên có thể thiết kế, lập trình được một ứng dụng xử lý dữ liệu hoặc trao đổi thông tin qua mạng cục bộ.	2	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
67	Giải quyết sự cố mạng	Trang bị kiến thức tổng quan về những tác nhân có thể gây ra sự cố mạng; phương pháp tiếp cận để giải quyết sự cố mạng. Biết đặt tả và phân tích sự cố mạng; trình bày quy trình giải quyết sự cố mạng hiệu quả; kiến thức về xây dựng giải pháp giải quyết sự cố. Biết sử dụng các công cụ hỗ trợ để phát hiện và giải quyết sự cố.	3	7	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Mô phỏng và đánh giá hiệu năng mạng	Sinh viên có khả năng thiết kế, đánh giá hiệu năng hệ thống mạng thực tế dựa trên phương pháp mô phỏng hoặc đo trên mạng thực.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
69	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	Sinh viên có thể phát hiện được một số loại tấn công mạng và xây dựng được cơ chế an ninh trên mạng.	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
70	Tường lửa	Hiểu được kiến trúc và chức năng của các loại tường lửa. Vận hành được hệ thống tường lửa và đánh giá hiệu năng của hệ thống. Ren luyện kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu. Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm	3	8	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
71	Thực tế ngành CNTT	Tham quan thực tế ngành Công nghệ thông tin ở các cơ sở chuyên nghiệp. Rèn luyện kỹ năng quan sát, trình bày báo cáo logic, hiệu quả. Nâng cao ý thức trách nhiệm bản thân trong quá trình tham gia làm việc nhóm, lập kế hoạch thực hiện công việc theo đúng tiến độ.	1	8	Báo cáo thuyết trình: 1.0
72	Thực tập cơ sở		6	7	
73	Thực tập tốt nghiệp	Trao dồi, vận dụng sáng tạo, tổng hợp nội dung kiến thức đã học trong thời gian 8 học kỳ vào công việc thực tiễn tại đơn vị thực tập. Thu thập kinh nghiệm làm việc thực tế tại các công ty công nghệ hoặc các bộ phận phụ trách CNTT của các tổ chức, cơ quan trước khi ra	8	9	Đánh giá: - Báo cáo quá trình thực tập: 0.6 - Báo cáo thực tập: 0.4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường. Từ đó, sinh viên CNTT sẽ định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, xử lý hiệu quả công việc được giao. Nâng cao ý thức kỷ luật trong đơn vị thực tập và ngoài xã hội.			
74	Khóa luận tốt nghiệp		6	9	Báo cáo thuyết trình
75	Thương mại điện tử	Vận dụng kiến thức đã học xây dựng được website thương mại điện tử..Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch đặc biệt là kế hoạch phòng và tránh rủi ro. Rèn luyện ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học và làm việc nhóm	3	9	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
76	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để xây dựng ứng dụng bằng phần mềm nguồn mở. Rèn luyện kỹ năng tư duy thiết kế, vận hành và quản lý các ứng dụng mã nguồn mở. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	3	9	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (bài tập lớn): 0.5
77	Định tuyến mạng	Sinh viên có thể thiết kế sơ đồ mạng AN theo yêu cầu thực tế, cấu hình giao thức định tuyến trên các thiết bị của CISCO.	3	9	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi 2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (trắc nghiệm): 0.5
78	Điện toán đám mây	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để thao tác trên những hệ thống ĐTĐM có sẵn. Rèn luyện kỹ năng thiết kế, vận hành và quản lý các ứng dụng dựa trên	3	9	1. Sinh viên vắng học quá 20% trên tổng số tiết: bị cấm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điện toán đám mây. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm làm việc từng bước theo đúng quy trình trong quá trình học tập, nghiên cúu.			2. Đánh giá: - Thường kỳ: 0.5 - Thi cuối học phần (tự luận được sử dụng tài liệu): 0.5

37. Nông học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa sinh thực vật	Trang bị cho học viên các những kiến thức về chất hữu cơ quan trọng trong cơ thể thực vật như Gluxit, Protit, Lipit, Axit nucleic, Enzim, Vitamin cùng vai trò sinh lý, quá trình hình thành và chuyển hoá lẫn nhau trong cơ thể của chúng	2	1	Thi tự luận
2	Sinh học phân tử và di truyền phân tử	Giúp sinh viên hiểu và phân biệt được cấu trúc và chức năng các đại phân tử trong tế bào sơ hạch và chân hạch; trình bày được cơ chế của các quá trình tổng hợp của các phân tử; giải thích được các hiện tượng liên quan đến di truyền phân tử trong tế bào; nguyên tắc và quy trình các phương pháp sinh học phân tử phổ biến. Nắm được kiến thức cơ bản về di truyền phân tử của sinh vật, bao gồm từ sinh vật bậc thấp (như vi khuẩn, virus...) đến sinh vật bậc cao (như thực vật và động vật). Giúp sinh viên hiểu tầm quan trọng của các kiến thức về sinh học phân tử trong các quá trình sinh học, y sinh và công nghệ sinh học đặc biệt là việc chuyển gen của sinh vật để mang lại lợi ích cho con người.	3	1	Thi tự luận
3	Khoa học đất cơ bản	- Phân tích được quá trình hình thành đất - Nhận diện được các đặc tính cơ bản của đất trong tự nhiên	2	2	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân loại được một số biểu loại đất cơ bản khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.			
4	Di truyền quần thể	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật.	3	2	Thi tự luận
5	Sinh thái nông nghiệp	Người học hiểu được những kiến thức một cách có hệ thống về sinh thái học; cấu trúc và thành phần của hệ sinh thái nông nghiệp, nguyên lý và những nội dung điều khiển hoạt động của hệ sinh thái nông nghiệp. Vận dụng được kiến thức trong khảo sát, phân tích và đánh giá được hệ sinh thái nông nghiệp và đinh hướng trong phát triển nông nghiệp bền vững.	2	2	Thi tự luận
6	Hệ thống nông nghiệp	- Lịch sử phát triển nông nghiệp - Lý thuyết hệ thống và các hệ thống nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam - Các phương pháp nghiên cứu và phát triển hệ thống nông nghiệp - Nông hộ và nông trại ở Việt Nam	2	2	Thi tự luận
7	Động vật học			2	
8	Chăn nuôi đại cương	Có khả năng phân tích công việc, giải quyết các tình huống xãy ra trong chăn nuôi, tự lập kế hoạch phát triển chăn nuôi	2	3	Báo cáo chuyên đề
9	Sinh lý thực học vật	- Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong suốt đời sống của thực vật như quá trình quang hợp, hô hấp, trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng cũng như quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. - Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý ở thực vật. - Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực Sinh lý thực vật.	3	3	Thi tự luận
10	Sinh lý vật nuôi	Vận dụng những kiến thức sinh lý đã học để giải thích những sự vật hiện tượng ở vật nuôi. Biết được chức năng hoạt động của cơ quan động vật, cơ	3	3	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chế điều tiết các hoạt động của cơ để giải thích được những bất thường trong hoạt động sống của gia súc có liên quan			
11	Vi sinh vật nông nghiệp	- Trình bày được đặc điểm chung của vi sinh vật. Vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và đời sống con người. - Trình bày được sự phân bố của vi sinh vật trong môi trường. Phân biệt được các dạng vi sinh vật nhân sơ và nhân thực. - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của virus học. Phân tích được đặc điểm dinh dưỡng, sinh trưởng và chuyển hóa của vi sinh vật. - Trình bày được các dạng vi sinh vật gây bệnh cây trồng. Vận dụng giải thích những ứng dụng vi sinh vật trong nông nghiệp.	2	3	Thi tự luận
12	Phân loại thực vật nông nghiệp	- Trình bày và phân tích được những khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của phân loại thực vật, các quan điểm phân chia thế giới sinh vật; đặc điểm chung, nguồn gốc, tiến hóa và phân loại các nhóm thực vật theo hệ thống sinh và theo giá trị sử dụng. - Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phân loại thực vật nông nghiệp, vai trò, ý nghĩa của các nhóm phân loại, của thực vật hoang dại, thực vật trồng, thực vật làm thuốc, thực vật ngoại lai, thực vật cạn và thực vật thủy sinh… để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình đào tạo Nông học và công tác nghiệp vụ sau khi ra trường. - Thành thạo những thao tác, kỹ năng thực hành, quan sát, nhận dạng và phân tích mẫu vật thuộc lĩnh vực phân loại thực vật nông nghiệp.	2	3	Thi tự luận
13	Công trình và thiết bị nuôi trồng thủy sản	Hiểu được kiến thức về thiết bị nuôi trồng thủy sản và Thành thạo trong việc thiết kế sơ đồ và giám sát thi công công trình xây dựng trong cơ sở nuôi trồng thuỷ sản.		3	Bài thu hoạch
14	Khí tượng nông nghiệp	- Sinh viên hiểu được khí tượng nông nghiệp trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.	2	3	Viết báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu và đánh giá được khí tượng nông nghiệp ở khía cạnh kỹ thuật, kinh kế, văn hóa, xã hội.			
15	Lâm nghiệp đại cương	- Trình bày được các kiến thức về hệ sinh thái rừng, quy luật sinh trưởng và phát triển của cây rừng, quy trình trồng và chăm sóc rừng. - Trình bày được các kiến thức và quản lý, bảo vệ rừng bền vững trên cơ sở hệ sinh thái, các hệ thống nông lâm kết hợp. - Vận dụng kiến thức về vào phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý và phát triển rừng, xây dựng được mô hình nông lâm kết hợp bền vững. - Ý thức được tầm quan trọng của các hệ sinh thái rừng và hệ nông lâm kết hợp đối với cuộc sống con người trong hiện tại và tương lai.	2	4	Thi tự luận
16	Độ phì và phân bón	- Phân loại của các dạng phân bón, công dụng và cách sử dụng - Đánh giá được đặc tính và sự thiếu và thừa các nguyên tố dinh dưỡng khoáng đa, trung và vi lượng trong đất và cây trồng. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế của việc sử dụng phân bón cho từng mô hình canh tác	2	4	Thi tự luận
17	Thống kê sinh học và phép thí nghiệm	Người học có thể phân tích, lựa chọn và đề xuất giải pháp nghiên cứu cũng như các phương pháp bố trí thí nghiệm thu thập và xử lý số liệu để từ đó đề xuất phương pháp sản xuất đạt hiệu quả tối ưu.	2	4	Thi tự luận
18	Phương pháp NCKH Nông nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục đích nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học	2	5	Thi tự luận
19	Côn trùng học nông nghiệp	Cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái, sinh học và sinh thái của một số loài sâu hại chủ yếu trên cây trồng nông nghiệp chính. Phương hướng, nguyên lý và biện pháp phòng chống sâu hại nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ năng suất, phẩm chất cây trồng, bảo vệ môi trường sống. Nắm vững các đặc tính của một số loài sâu gây hại, phân biệt các kỹ thuật phòng trừ sâu hại ảnh hưởng tới năng suất và phẩm chất của cây.	3	4	Thi tự luận
20	Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản	Biết được vai trò của vật chất dinh dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng của động vật thủy sản vào việc nuôi thủy sản.	2	4	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Bảo tồn đa dạng sinh học	- Sinh viên trình bày được những khái niệm về đa dạng sinh học, các khái niệm về đa dạng sinh học, các cấp độ của đa dạng sinh học; giúp cho sinh viên có cách nhìn tổng quát về sự đa dạng và phong phú của các loài sinh vật, các hệ sinh thái trên trái đất, và ở Việt Nam. - Sinh viên trình bày được được các cấp độ đa dạng sinh học, nhất là đa dạng về thành phần loài; Sinh viên đánh giá được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong cuộc sống, để từ đó hình thành ý thức bảo vệ và phát triển đa dạng sinh học. - Sinh viên nhận thức được về sự đe dọa của nguy cơ tuyệt chủng các loài sinh vật và từ đó hình thành ý thức bảo vệ và phát triển sự đa dạng sinh học; có khả năng vận dụng vào việc quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng.	2	4	Thi tự luận
22	Dinh dưỡng khoáng thực vật	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng khoáng cây trồng giúp học viên có có thể ứng dụng tốt những kiến thức này vào sản xuất ở những điều kiện môi trường canh tác khác nhau.	2	4	Thi tự luận
23	Ứng dụng sinh lý thực vật trong sản xuất nông nghiệp	Giúp sinh viên có kiến thức và kĩ năng cần thiết để học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực thực vật; đồng thời sử dụng các kiến thức học được giải thích và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và sản xuất nông nghiệp.	4	5	Thi tự luận
24	Nuôi trồng thủy sản	Hiểu biết chung về nuôi trồng thủy sản: Các khái niệm trong nuôi trồng thủy sản; Đặc điểm đặc thù của nuôi trồng thủy sản; Vấn đề bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Chuỗi hàng ngành thủy sản; Hiệu quả kinh tế trong nuôi trồng thủy sản; Thủy sản trong sự vận động của nền kinh tế. Thành thạo quản lý được đối tượng quan trọng của nuôi trồng thủy sản là vật nuôi và môi trường ao nuôi.	2	5	Thi tự luận
25	Thuốc bảo vệ thực vật	- Sinh viên nắm được các loại thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam - Biết được hoạt chất ai sử dụng phòng và điều trị nhóm nấm, vi khuẩn, tuyến trùng, sâu hại và cỏ dại và cách sử dụng theo 4 đúng	2	5	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu được cơ chế kháng thuốc của dịch hại, có biện pháp quản lý dịch hại hiệu quả và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng theo khuyến cáo.			
26	Chọn giống và sản xuất hạt giống cây trồng	Hiểu biết và vận dụng các nguyên lý di truyền và các khoa học có liên quan để duy trì các giống hiện có, chọn tạo giống mới, khảo nghiệm và nhân giống cây trồng.	2	5	Thi tự luận
27	Đánh giá tiềm năng đất đai cho sản xuất nông nghiệp	Hiểu được các đặc tính đất đai, chất lượng đất đai, xây dựng các bản đồ chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai kết hợp sử dụng đất đai và các yêu cầu sử dụng đất đai để đưa đến việc phân hạng khả năng thích nghi đất đai của từng kiểu sử dụng đất đai đối với từng đơn vị đất đai	2	5	Bài thu hoạch
28	Thuốc thú y và độc chất học	- Biết được kiến thức cơ bản về dược lý thú y và cách sử dụng một số loại thuốc trong điều trị bệnh cho gia súc và gia cầm. - Sử dụng thành thạo thuốc, vaccine và hóa chất phòng trị bệnh cho động vật .	2	5	Bài thu hoạch
29	Kỹ thuật trồng cây lương thực	Sinh viên đạt được những kiến thức và hiểu biết cơ bản về kỹ thuật canh tác cây lương thực; có năng lực độc lập vận dụng những điều đã học vào thực tiễn sản xuất tại địa phương; biết tổng hợp đánh giá các yếu tố quan hệ đến quá trình sản xuất tiêu thụ; biết thiết kế quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện sinh thái và kinh tế xã hội để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu qủa cây lương thực.	3	5	Thi tự luận
30	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	- Hiểu được tình hình sản xuất, tiêu thụ sản lượng cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Nắm vững được cơ sở lý luận về kỹ thuật thiết kế vườn ươm, các phương pháp nhân giống cây ăn trái. - Nắm vững được đặc tính thực vật và sinh học, yêu cầu ngoại cảnh và liên quan đến kỹ thuật canh tác cây ăn trái ở ĐBSCL.	3	5	Thi tự luận
31	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	- Sinh viên nắm được đặc điểm hình thái, sinh học và sinh thái của cây công nghiệp dài ngày - Nắm được quy trình và kỹ thuật trồng một số cây công nghiệp dài ngày	3	5	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Biết được một số bệnh hại, côn trùng và biện pháp quản lý các đối tượng gây hại			
32	Xây dựng mô hình sinh thái VAC	- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về mối quan hệ giữa các thành phần trong mô hình sinh thái VAC. - Vận dụng được những kiến thức cơ bản vai trò của VAC đối với đời sống con người, một số mô hình VAC điển hình và kỹ thuật xây dựng mô hình sinh thái VAC. - Xây dựng được mô hình sinh thái VAC và điều khiển hoạt động của mô hình. - Ý thức được tầm quan trọng của các hệ thống VAC đối với cuộc sống con người trong hiện tại và tương lai.	2	6	Thi tự luận
33	Bệnh thủy sản	Sau khi học xong học phần, sinh viên biết được phương pháp nghiên cứu và chẩn đoán bệnh thủy sản; quản lý sức khỏe động vật thủy sản; thuốc và nguyên tắc dùng thuốc	2	6	Bài thu hoạch
34	Bệnh cây trồng	- Sinh viên biết được các tác nhân gây bệnh hại cây trồng - Triệu chứng gây bệnh hại trên một số loại cây trồng chính như lúa, cây ăn trái, rau màu và hoa kiểng. - Các biện pháp quản lý bệnh hại	3	6	Thi viết và trắc nghiệm
35	Ứng dụng GIS/Viễn thám trong nông nghiệp	Sau khi học xong học phần Ứng dụng GIS/ Viễn thám trong nông nghiệp, sinh viên biết cách vận dụng những nguyên lí của công nghệ GIS và Viễn thám vào giải quyết một số vấn đề chuyên môn, kỹ thuật và quản lý tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông nghiệp phục vụ cho sự phát triển và hội nhập khoa học công nghệ của đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.	2	6	Bài thu hoạch
36	Bệnh truyền nhiễm ở gia súc và gia cầm	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể: biết được kiến thức phòng trị bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm trong thực tiễn sản xuất.	3	6	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	GAP và nông nghiệp hữu cơ	- Sinh viên có cái nhìn tổng quan và hình thành niềm đam mê hơn về nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ - Nắm được quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và GAP - Đánh giá được nhu cầu của thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới	3	7	Thi viết và trắc nghiệm
38	Công nghệ trong chăn nuôi gia súc gia cầm	Có kiến thức mới về chăn nuôi cho trang trại chăn nuôi theo hướng công nghệ cao và an toàn sinh học trên các đối tượng vật nuôi.	3	7	Bài thu hoạch
39	Quản lý tổng hợp dịch hại cây trồng	- Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc áp dụng nhiều biện pháp cùng lúc vào quản lý dịch hại. - Biết được các biện pháp quản lý tổng hợp dịch hại và nguyên tắc, nguyên lý trong IPM và vận dụng vào trong quản lý dịch hại. - Hiểu được hậu quả của việc làm dụng thuốc bảo vệ thực vật đối với dịch hại, con người và môi trường.	3	7	Thi viết và trắc nghiệm
40	Quản trị nông trại	Hiểu biết kiến thức về nguyên lý kinh tế và quản trị nông trại cũng như hệ thống hồ sơ nông trại. Phân tích được quá trình sản xuất kinh doanh nông trại.	2	7	Bài thu hoạch
41	Quản lý dịch bệnh thuỷ sản	Biết các giải pháp quản lý dịch bệnh tổng hợp trong nuôi thủy sản để thực hiện công việc quản lý sức khỏe hệ thống nuôi thủy sản, giám sát dịch bệnh và thực hiện việc phòng trị bệnh cho các đối tượng nuôi thủy sản. Đánh giá bệnh học và dịch tễ học của những bệnh nguy hiểm ở thủy sản.	2	7	Thi tự luận
42	Công nghệ xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp	- Sinh viên hiểu được thế nào là phụ phẩm trong nông nghiệp, quy trình xử lý đơn giản từ nông hộ đến thương phẩm - Nắm được nguyên tắc, quy trình xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp - Vận dụng những gì đã học tư duy phát triển xử lý nhiều phụ phế phẩm nông nghiệp giúp tận dụng nguồn phế thải này và giảm ô nhiễm môi trường.	2	7	Thi viết và trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Công nghệ sinh học ứng dụng trong trồng trọt	- Sinh viên biết và hiểu được các loại công nghệ sinh học đang được ứng dụng trong lĩnh vực trồng trọt - Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong việc phát triển giống cây trồng, định danh vi sinh vật, côn trùng gây bệnh, phân tích đánh giá mẫu.	3	7	Thi viết và trắc nghiệm
44	Sâu hại cây trồng	- Sinh viên nhận diện được các loài sâu hại chính trên một số loại cây trồng như lúa, cây ăn trái, rau màu, hoa kiểng - Nắm được đặc điểm hình thái, sinh học của một số côn trùng hại chính thường gặp - Hiểu và vận dụng được các biện pháp quản lý công trùng hại trên một số loại cây trồng	2	7	Thi viết và trắc nghiệm
45	Biện pháp đấu tranh sinh học	- Sinh viên hiểu được hệ sinh thái nông nghiệp và sự cân bằng hệ sinh thái nông nghiệp - Nắm được các biện pháp sinh học vào quản lý dịch hại cây trồng - Vận dụng kết hợp nhiều biện pháp vào quản lý dịch hại cây trồng	2	7	Thi viết và trắc nghiệm
46	Kỹ thuật trồng nấm	- Vận dụng được vào trong sản xuất thực tiễn trồng nấm rơm, nấm bào ngư, nấm mèo và nấm linh chi. - Nắm vững yêu cầu các loại nấm đối với cơ chất trồng. - Có khả năng vận dụng các kiến thức kỹ thuật vào lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất	2	8	Thi tự luận
47	Cây làm thức ăn gia súc	Sinh viên đạt được những kiến thức và hiểu biết cơ bản về kỹ thuật canh tác cây lam thức ăn cho gia súc; có năng lực độc lập vận dụng những điều đã học vào thực tiễn sản xuất tại địa phương; biết tổng hợp đánh giá các yếu tố quan hệ đến quá trình sản xuất tiêu thụ; biết thiết kế quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện sinh thái và kinh tế xã hội để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu qủa.	2	8	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Quản lý cỏ dại	- Sinh viên có kiến thức cơ bản thế nào là cỏ dại, nắm được phân loại cỏ dại, đặc điểm sinh học, hình thái của một số loại cỏ quan trọng - Đánh giá được thành phần cỏ dại trên đồng ruộng, vườn cây - Đánh giá ưu nhược điểm của của biện pháp sử dụng thuốc trừ cỏ trong quản lý cỏ dại	2	8	Thi viết và trắc nghiệm
49	Kỹ năng tìm kiếm việc làm nông nghiệp	- Nắm được các kiến thức liên quan đến kỹ năng tìm kiếm việc làm lĩnh vực nghề nghiệp về ngành Nông học mà mình yêu thích. - Tự tin xây dựng hình ảnh bản thân trước nhà tuyển dụng và biết cách chuẩn bị cho mình bộ hồ sơ ứng tuyển hoàn thiện - Trang bị các kỹ năng cần thiết trong quá trình tìm kiếm việc làm cũng như đáp ứng cho công việc sau khi được tuyển dụng.	1	8	Bài thu hoạch
50	Khởi nghiệp về nông nghiệp	Xác định được ý tưởng dự án kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhận biết được những đặc trưng và tố chất cần có của một doanh nhân. Mô tả được một kế hoạch kinh doanh một dự án khởi nghiệp về nông nghiệp.	3	8	Bài thu hoạch
51	Thực tập cơ sở	- Sinh viên củng cố lại được những kiến thức lý thuyết đã học và ứng dụng vào trong tình hình sản xuất trồng trọt thực tế. Sinh viên được trực tiếp sản xuất, nắm vững quy trình kỹ thuật canh tác. - Vận dụng kiến thức và phân tích tình hình thực tế tạo sự sáng tạo cho sinh viên. - Được tiếp xúc và hiểu tính kỹ luật khi làm việc của cơ quan, tổ chức, rèn luyện thái độ sống, học tập và làm việc cho sinh viên.	4	8	Bài thu hoạch
52	Thực tập về chăn nuôi	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể biết được các quy trình kỹ thuật sản xuất giống, quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm các loài động vật nuôi	4	8	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện nay. Thực hiện thành thạo thao tác kỹ thuật trong sản xuất thực tế các đối tượng chăn nuôi			
53	Công nghệ sau thu hoạch	Giúp cho sinh viên nâng cao tay nghề và khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, nâng cao năng lực làm việc sau khi ra trường.	2	9	Thi tự luận
54	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn và công nghệ nhà màng	- Có kiến thức chuyên môn về các các yếu tố gây ô nhiễm rau và các biện pháp có thể khắc phục được, hiểu được tầm quan trọng của rau sạch đối với sức khỏe cộng đồng, hiểu rõ kỹ thuật cơ bản của sản xuất sạch điều kiện tự nhiên (ngoài đồng) và tiên tiến (trong nhà lưới, nhà kính: công nghệ cao), chủ yếu sản xuất rau không dùng đất. - Có khả năng gieo trồng và chăm sóc các loại rau trên giá thể đất sạch, sử dụng dinh dưỡng hòa tan. - Có khả năng làm việc nhóm và thuyết trình về một kỹ thuật trồng rau an toàn. - Có khả năng nhận biết, tư duy và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất rau sạch. - Có khả năng thiết kế những hệ thống trồng rau không cần đất cho hộ gia đình, áp dụng nhà kính, nhà lưới phù hợp vùng nhiệt đới và vận hành một số thiết bị trồng rau điều khiển tự động.	2	9	Thi tự luận
55	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể biết các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền lây theo hướng tiếp cận “Một sức khỏe”	2	9	Bài thu hoạch
56	Thực tập tốt nghiệp ngành Nông học	- Áp dụng và chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; - Làm việc độc lập để xác định và giải quyết các vấn đề sản xuất nông nghiệp ; - Tự học để nâng cao kiến thức; - Thực hiện nghiên cứu khoa học; - Hợp tác với các ngành chuyên môn khác; - Thực hiện đúng pháp lệnh ngành nông nghiệp.	8	9	Báo cáo tốt nghiệp

38. Nuôi trồng thủy sản

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Động vật không xương sống ở nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về động vật không xương sống ở nước	3	1	Thi tự luận
2	Hóa sinh động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hóa sinh động vật thuỷ sản	2	1	Thi trắc nghiệm
3	Vi sinh vật học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về vi sinh vật học thủy sản.	2	1	Thi tự luận
4	Thực vật nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thực vật nước.	2	2	Thi tự luận
5	Tổ chức phôi học động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tổ chức phôi sinh học động vật thủy sản	3	3	Thi tự luận
6	Ngư loại và động vật có xương sống ở nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về ngư loại và động vật có xương sống ở nước.	3	3	Thi tự luận
7	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản.	3	3	Thi tự luận
8	Sinh lý học động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sinh lý học động vật thủy sản.	3	3	Thi tự luận
9	Sinh thái thủy sinh vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sinh thái thủy sinh vật thủy sản.	3	4	Thi tự luận
10	Công trình và thiết bị nuôi trồng thuỷ sản	Không có trong khung CTĐT Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về công trình và thiết bị nuôi trồng thuỷ sản.	2	3	Báo cáo
11	Di truyền học và chọn giống thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về truyền học và chọn giống động vật thủy sản.	3	5	Thi tự luận
12	Tin học ứng dụng cho thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tin học ứng dụng trong nuôi trồng thủy hải sản	2		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Nhập môn hệ thống nông nghiệp	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tin học ứng dụng cho thủy sản.		3	Thi tự luận
14	Hải dương học	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hải dương học.	2		Thi tự luận
15	Nhập môn hệ thống nông nghiệp	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nhập môn hệ thống nông nghiệp.	2	1	Thi tự luận
16	Miễn dịch học ứng dụng trong NTTS	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về miễn dịch học ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	2	4	Thi tự luận
17	Nội tiết học sinh sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nội tiết học sinh sản cá.	2	4	Thi tự luận
18	Khuyến ngư và phát triển nông thôn	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khuyến ngư và phát triển nông thôn.	2	3	Thi tự luận
19	Dược lý học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dược lý học thủy sản	2	7	Báo cáo
20	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên.	3	3	Thi tự luận
21	Thiết kế và quản lý dự án nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thiết kế và quản lý dự án nuôi trồng thủy sản.	2	4	Báo cáo
22	Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản.	3	5	Thi tự luận
23	Bệnh học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về bệnh học thủy sản.	3	5	Thi tự luận
24	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi động vật thân mềm.	2	5	Thi tự luận
25	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác.	2	5	Báo cáo
26	Chế biến và bảo quản sản phẩm thuỷ sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chế biến và bảo quản sản phẩm thuỷ sản.	2	5	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Kinh tế nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kinh tế nuôi trồng thủy sản.	2	6	Thi tự luận
28	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2	6	Thi tự luận
29	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt.	2	5	Báo cáo
30	Khởi nghiệp nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khởi nghiệp nuôi trồng thủy sản.	3	5	Báo cáo
31	Sản xuất giống và KT nuôi thương phẩm cá biển	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá biển.	2	6	Thi tự luận
32	Quy hoạch và phát triển nghề cá	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về quy hoạch và phát triển nghề cá	3	6	Thi tự luận
33	Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2	6	Thi tự luận
34	Luật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về luật thuỷ sản	2	6	Thi tự luận
35	Kỹ năng tìm kiếm việc làm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ năng tìm kiếm việc làm thủy sản.	1	6	Báo cáo
36	Độc chất học thủy vực	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về độc chất học thủy vực	2	6	Báo cáo
37	Quản lý dịch bệnh thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về quản lý dịch bệnh thủy sản	3	6	Báo cáo
38	Nuôi thuỷ sản công nghệ cao	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thuỷ sản công nghệ cao	3	6	Báo cáo
39	Ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong quản lý chất lượng nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong quản lý chất lượng nước	2	7	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản	2	7	Thi tự luận
41	Kỹ thuật nuôi trồng rong biển	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi trồng rong biển.	2	5	Thi tự luận
42	Hóa chất cải tạo và xử lý môi trường nuôi động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hóa chất cải tạo và xử lý môi trường nuôi động vật thủy sản.	2	6	Thi tự luận
43	Kỹ thuật nuôi thuỷ sản đặc sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi thuỷ sản đặc sản	2	6	Thi tự luận
44	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật nuôi cá cảnh	2	6	Thi tự luận
45	Kiểm tra chất lượng, an toàn vệ sinh an toàn sản phẩm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kKiểm tra chất lượng, an toàn vệ sinh an toàn sản phẩm thủy sản	2	6	Thi tự luận
46	Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh cá tôm	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về các kỹ thuật chẩn đoán bệnh cá tôm	2	6	Thi tự luận
47	Chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản	2	6	Thi trắc nghiệm
48	Phòng và chữa bệnh ký sinh trùng ở động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phòng và chữa bệnh ký sinh trùng ở động vật thủy sản	2	7	Thi tự luận
49	Phòng và chữa bệnh vi khuẩn và vi rút ở động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phòng và chữa bệnh vi khuẩn và vi rút ở động vật thủy sản	2	7	Thi tự luận
50	Marketing trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về marketing trong nuôi trồng thủy sản	2	6	Thi tự luận
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phương pháp nghiên cúu khoa học thủy sản	2	7	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Tâm lý học khách hàng và công nhân thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tâm lý học khách hàng và công nhân thủy sản	2	7	Báo cáo
53	Dược lý học thuỷ sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dược lý học thuỷ sản	2	7	Báo cáo
54	Thực tập giáo trình cơ sở	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về cách thu và phân tích mẫu thuỷ sinh vật và nước.	4	4	Báo cáo
55	Thực tập nghề cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất giống và nuôi thuỷ sản.	4	6	Báo cáo
56	Thực tập nghề nuôi hải sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng nước lợ.	4	7	Báo cáo
57	Thực tập về thương mại thuỷ sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kinh doanh thương mại các mặt hàng thuỷ sản	4	7	Báo cáo
58	Thực tập tốt nghiệp	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về công việc làm khi tốt nghiệp.	6	8	Báo cáo
59	Đồ án môn học	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về công việc làm đồ án.	4	8	Báo cáo
60	Nghiệp vụ chuyên ngành Nuôi trồng thuỷ sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nghiệp vụ chuyên ngành nuôi trồng thuỷ sản	2	8	Báo cáo
61					

39. Công tác xã hội

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	NHẬP MÔN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về Trường, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội, ngành nghề Công tác xã hội đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo hiện hành; quy chế đào tạo, rèn luyện; những tố chất, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên chuyên ngành công tác xã hội thích nghi với môi trường	1	Học kỳ 1, 2022-2023	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề, từ đó có động lực phấn đấu nhằm đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.			Viết bài thu hoạch kết thúc môn học: 60%.
2	XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG	Học phần trang bị cho người học kiến thức đại cương về xã hội học; các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học; các chuyên đề xã hội học: xã hội và văn hóa, quá trình xã hội hóa, vị trí và vai trò xã hội, tổ chức xã hội, phân tầng và di động xã hội, kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội, thiết chế xã hội, hành vi tập thể và phong trào xã hội, biến chuyển xã hội. Thông qua đó người học sẽ có được nhãn quan xã hội học khi đánh giá, phân tích các vấn đề xã hội, giảm định kiến xã hội, hướng đến thực hiện các hành vi và giải pháp nhằm xây dựng xã hội phát triển công bằng, bền vững.	2	Học kì 1, 2022-2023	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
3	CÔNG TÁC XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng môn học mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở, kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp công tác xã hội.	2	Học kì 1, 2022-2023	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
4	AN SINH XÃ HỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức những vấn đề lý luận cơ bản về ASXH và các vấn đề xã hội. Bao gồm hệ thống các khái niệm về an sinh xã hội, các vấn đề xã hội; sự cần thiết có một hệ thống an sinh xã hội ở một quốc gia. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ	3	Học kỳ 1, 2022-2023	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Bài tập lớn: 30% Thi kết thúc môn học: 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội.			
5	TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN	Học phần Tâm lý học phát triển là một trong nhiều khoa học nghiên cứu về con người, giúp sinh viên nắm bắt được những quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển về thể chất, tâm lý con người, nhận thức được cơ chế tác động tạo ra sự biến đổi tích cực của quá trình sống của con người. Trên cơ sở đó vận dụng kiến thức tâm lý một cách sáng tạo vào việc học tập, thực tiễn đời sống xã hội, xây dựng những định hướng tâm lý cá nhân, nhóm, xã hội qua các giai đoạn phát triển khác nhau một cách khoa học để rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn cũng như tham gia tốt phát triển cộng đồng.	2	Học kì 2, 2022-2023	Chuyên cần: 10%. Bài tập nhóm: 10%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
6	THỐNG KÊ XÃ HỘI	Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về thống kê nói chung cũng như thống kê trong lĩnh vực xã hội nói riêng. Học phần giúp người học có được cho mình những công cụ về: chọn mẫu về đối tượng nghiên cứu, thu thập và tổng hợp số liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu,…và các phương pháp cơ bản để phân tích những số liệu đó. Từ đó người học là cơ sở để người học có những phương pháp định lượng cũng như đưa ra những giải pháp mang tính logic, khoa học, đủ tính thuyết phục để giải quyết câu hỏi nghiên cứu của mình.	2	Học kì 2, 2022-2023	Chuyên cần: 10%. Bài tập nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 50%.
7	CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	Học phần trang bị cho người học kiến thức về lịch sử hình thành chính sách xã hội ở Việt Nam, phương pháp luận về chính sách xã hội như đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và các mối quan hệ của chính sách xã hội; những quan điểm trong việc hoạch định và thực thi các chính sách xã hội; một số chính sách xã hội cơ bản như chính sách dân số; chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo; chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường; chính sách xã hội đối với phụ nữ; chính sách văn hóa; chính sách dân tộc; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội. Thông qua đó, người học nắm vững một số chính sách xã hội cơ bản hiện hành ở Việt Nam, từ đó hướng đến việc kết nối các chính sách với các đối tượng thụ hưởng trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình.	3	Học kì 2, 2022-2023	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	CÁC LÝ THUYẾT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản về các lý thuyết được ứng dụng trong công tác xã hội, qua đó sinh viên biết cách áp dụng các lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm, cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội.	2	Học kì 1, 2023-2024	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
9	HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên/học viên hệ thống kiến thức căn bản về hành vi của con người; Mối quan hệ và vai trò của môi trường xã hội với hành vi của con người; Các cơ sở cấu thành của hành vi con người; Các học thuyết về hành vi con người và Các giai đoạn phát triển của con người với hành vi của họ. Từ đó, giúp cho sinh viên/học viên có góc nhìn tổng quan, đa chiều về hành vi của con người và môi trường xã hội, hình thành và phát triển ở sinh viên/học viên hệ thống kỹ năng – thái độ nghề nghiệp khoa học, hiệu quả cao để sinh viên/học viên sử dụng trong quá trình học tập – đào tạo và nghề nghiệp sau này.	2	Học kì 1, 2023-2024	Chuyên cần: 5%. Bài tập nhóm: 15%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
10	PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT NGHIÊN CỨU XÃ HỘI	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các loại hình nghiên cứu xã hội, các bước đi trong nghiên cứu xã hội và các kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu, xây dựng bản câu hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, nghiên cứu tư liệu. Thông qua đó người học thực hiện được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu các vấn đề xã hội mình quan tâm với các kỹ thuật thu thập và phân tích thông tin phù hợp.	3	Học kỳ 2, 2023-2024	Báo cáo nhóm: 20%. Bài thu hoạch: 20%. Bài tập lớn: 60%.
11	GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình phát triển về giới; phân tích sự phân công lao động về giới trong gia đình; đánh giá nhu cầu giới trong cộng đồng; phân tích và lồng ghép giới vào các dự án phát triển; vận dụng chiến lược tăng quyền lực vào các hoạt động trợ giúp xã hội. Thông qua đó người học phân tích được các vấn đề xã hội từ quan điểm giới, thiết kế	2	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu khoa học có tính đến yếu tố giới, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các chương trình/dự án phát triển mang tính nhạy cảm giới.			
12	GIA ĐÌNH HỌC	Học phần trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề đại cương trong gia đình học như các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu về gia đình học; các vấn về trong đường đời và sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời; hôn nhân, gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; sự biến đổi của gia đình; các vấn đề của gia đình đương đại; tương lai gia đình và công tác xã hội với gia đình. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, tham vấn các vấn đề liên của gia đình, nghiên cứu khoa học để phát triển và củng cố gia đình đương đại.	3	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
13	TRỢ GIÚP XÃ HỘI	Môn học cung cấp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về những vấn đề cơ bản về trợ giúp xã hội; hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và hệ thống tổ chức và quản lý các hoạt động trợ giúp xã hội. Giúp sinh viên hình thành tư chất nghề nghiệp của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho cá nhân, gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn không có hoặc chưa có đủ năng lực tự giúp chính mình và gia đình.	2	Học kỳ 2, 2022-2023	Báo tập lớn: 30%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 50%.
14	KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về việc phân biệt các loại văn bản nói chung, văn bản hành chính nói riêng, việc vận dụng các văn bản như thế nào trong môi trường làm việc thực tế, bên cạnh đó rèn luyện kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính đúng với thể thức quy định. Thông qua đó, giúp cho sinh viên thuận lợi trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.	2	Học kì 2, 2022-2023	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Bài tập lớn: 60%.
15	TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI	Học phần Tâm lý học xã hội hướng sinh viên vào xác định đối tượng, nhiệm vụ và chọn lựa phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội; cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nhóm (mà cá nhân là một thành viên, chịu sự ảnh hưởng của nhóm và có sự tác động trở lại để tạo ra sự tồn tại và phát triển của nhóm), các hiện tượng tâm lý xã đặc trưng, điển hình và sự hình thành, phát triển nhân cách của cá	2	Học kì 1, 2023-2024	Chuyên cần: 5%. Bài tập nhóm: 15%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân thông qua các thành tố của xã hội, đặc biệt là vai trò của các mối quan hệ xã hội.			
16	ĐẠO ĐỨC NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp của CTXH. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên CTXH đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội. Học phần được kết cấu gồm 4 chương. Chương 1 tập trung vào những vấn đề chung về đạo đức nghề CTXH. Chương này cung cấp các kiến thức như khái niệm, nguồn gốc, một số phạm trù cơ bản của đạo đức và đạo đức nghề công tác xã hội; giá trị và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội. Chương 2 có hai nội dung lớn là giới thiệu một số quy điều đạo đức nghề CTXH ở một số nước trên thế giới và Quy điều đạo đức nghề CTXH ở Việt Nam. Chương 3 bàn về trách nhiệm đạo đức của nhân viên CTXH. Chương này cung cấp cho sinh viên các kiến thức như trách nhiệm đạo đức của người làm CTXH trong mối quan hệ với thân chủ, đồng nghiệp, cơ quan tổ chức, đối với bản thân, đối với nghề nghiệp và đối với xã hội. Chương cuối cùng đi sâu thực hành phần tích đạo đức nghề CTXH với một số đối tượng thân chủ đặc thù.	2	Học kỳ 1, 2023-2024	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
17	SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm, đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; phân tích vai trò và chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng; kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng, giáo dục về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường, tai nạn thương tích; sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh tật và tai nạn thường xảy ra trong cộng đồng. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, tham vấn, truyền thông	2	Học kì 2, 2023-2024	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng, thực hiện được một số kỹ năng phòng chống dịch bệnh, xử trí sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp trong cộng đồng, hướng đến xây dựng cộng đồng nâng cao sức khỏe.			
18	PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU BẰNG SPSS	Học phần này giúp người học tiếp cận được với một trong những phần mềm thống kê rất phổ biến hiện nay, đó là phần mềm SPSS (Statistic Package for Social Science). Thông qua học phần này, người học sẽ lĩnh hội được những kiến thức và kỹ năng trong việc xử lý và phân tích dữ liệu. Đây là cơ sở rất quan trọng để người học có thể phân tích được dữ liệu phục vụ các nghiên cứu khoa học và tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.	2	Học kì 2, 2023-2024	Chuyên cần: 10%. Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học (thực hành): 50%.
19	GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN	Học phần trang bị cho người học những kiến thức sống khỏe và dinh dưỡng; những thay đổi về thể chất và cảm xúc ở VTN; ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở VTN; giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh; bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN; kế hoạch hóa gia đình; nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây qua đường tình dục; tình dục an toàn. Thông qua đó người học có thể thực hiện tư vấn, tham vấn cho thân chủ về các vấn đề liên quan đến giới tính, sinh sản và tình dục an toàn.	2	Học kỳ 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
20	KỸ NĂNG TỔ CHỨC SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về sinh hoạt cộng đồng cũng như công tác thực hiện các hình thức sinh hoạt cộng đồng. Những nguyên tắc cơ bản khi tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Mục đích thực hiện tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Rèn luyện những kỹ năng cần có của người tổ chức sinh hoạt.	2	Học kỳ 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%
21	KHỞI NGHIỆP	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Trên cơ sở các kiến thức được tiếp thu này, sau khi ra trường và tích lũy được đủ điều kiện, sinh viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể. Học xong học phần này, người học sẽ nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính,	3	Học kì 1, 2025-2026	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 50%. Viết báo cáo đề án kết thúc môn học: 50%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi nghiệp kinh doanh.			
22	THAM VẤN	Học phần Tham vấn trang bị cho sinh viên hiểu được đặc điểm tâm lý của từng nhóm thân chủ, hiểu được các bước tiến hành tham vấn, những nguyên tắc, những giá trị đạo đức, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn. Đồng thời cung cấp cho người học những kỹ năng tham vấn như kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt để sử dụng trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình.	3	Học kỳ 1, 2023-2024	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 40%. Thi kết thúc môn học: 60%
23	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁ NHÂN	Môn học bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, các nguyên tắc hành động, vai trò của nhân viên xã hội, những lý thuyết ứng dụng, các thành tố trong công tác xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề khi làm việc với cá nhân cũng như những kỹ năng cơ bản cần có trong thực hành công tác xã hội với cá nhân. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết một trường hợp điển cứu thực tế nhằm kết nối giữa lý thuyết và thực hành.	3	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%
24	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM	Môn học là phương pháp đặc thù, căn bản thứ hai trong thực hành công tác xã hội, phương pháp can thiệp, trợ giúp với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Công cụ cốt lõi của phương pháp dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mối tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tuỳ thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều tiết sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.	3	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm, tiểu luận: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	Học phần Phát triển cộng đồng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng , tiến trình tổ chức cộng đồng, phương pháp thường thực hành trong phát triển cộng đồng và dự án phát triển cộng đồng. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.	3	Học kì 2, 2023-2024	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 40%. Thi kết thúc môn học: 60%
26	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bảo vệ trẻ em, các dịch vụ bảo vệ trẻ em, thực trạng của việc ngược đãi trẻ. Các chính sách hiện hành liên quan đến bảo vệ trẻ em ở cấp quốc gia. Đồng thời học phần giới thiệu về vai trò của cán bộ xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em, chỉ ra quy trình và phương pháp công tác xã hội cũng như các kỹ năng cơ bản để làm việc với trẻ và phối hợp với gia đình, cộng đồng để tạo được mạng lưới bảo vệ trẻ em.	3	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học.: 60%
27	CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN	Môn học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội có sự hiểu biết về lĩnh vực thực hành công tác xã hội tại các cơ sở y tế nói chung, trong các bệnh viện nói riêng. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về chức năng nhiệm vụ của phòng công tác xã hội bệnh viện, phân biệt được vai trò nhân viên công tác xã hội với các nhân viên y tế khác, các khó khăn về thể chất, tâm lí, xã hội của người bệnh, Phương pháp đánh giá tâm lí, xã hội văn hóa, tôn giáo tâm linh ở người bệnh, thân nhân,...thông qua đó giúp bệnh nhân và gia đình có kế hoạch, có nguồn lực hỗ trợ và thích ứng với cuộc sống khi mang bệnh mãn tính, hiểm nghèo.	3	Học kì 2, 2024-2025	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 40%. Thi kết thúc môn học: 60%
28	CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học, trang bị cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận cho sinh viên, xác định những vấn đề cơ bản nảy sinh trong tường học, từ đó đưa ra những công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm thân chủ là người học khác nhau, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả, trong đó nhấn mạnh đến đến các kỹ năng như quan sát, đánh giá vấn đề, tham vấn, can thiệp khủng hoảng,…giúp sinh viên có thể chủ động, tự tin khi thực hành nghề nghiệp trong môi trường trường học.	3	Học kì 2, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	QUẢN TRỊ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI	Học phần cung cấp cho sinh viên nắm bắt được tính chất và yêu cầu của công tác quản trị một tổ chức, nhất là tổ chức xã hội hay cơ sở xã hội. Yêu cầu cốt lõi nhất là quản trị năng động và tôn trọng cũng như đặt trọng tâm vào mối quan hệ nhân sự. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị…được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Đặc biệt nhấn mạnh tính chất năng động của tinh thần làm việc theo nhóm; nhấn mạnh mối quan hệ cộng đồng và công tác kiểm huấn, một phương pháp đặc thù của quản trị ngành công tác xã hội.	3	Học kì 2, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%
30	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI	Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi. Nội dung học phần này gồm 4 chương, bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi, một số vấn đề liên quan đến người cao tuổi, kiến thức chung về CTXH làm việc với người cao tuổi, một số mô hình và các lĩnh cực CTXH với người cao tuổi, già hóa dân số và các chính sách pháp luật đối với người cao tuổi ở Việt Nam,...Thông qua môn học sẽ cung cấp cho các em sinh viên những kiến thức, kỹ năng từ khái quát đến cụ thể, từ học thuật hàn lâm đến thực hành trong CTXH với người cao tuổi.	3	Học kì 1, 2025-2026	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
31	CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TÂM THẦN	Môn học cung cấp một cái nhìn tổng quan về các triệu chứng rối loạn tâm thần. Lịch sử phát triển khoa học điều trị rối loạn tâm thần. Phân loại, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thực hành công tác xã hội trong hỗ trợ người có các triệu chứng rối loạn tâm thần.	3	Học kì 1, 2025-2026	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 50%. Thi kết thúc môn học: 50%.
32	TRUYỀN THÔNG TRONG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI	Học phần truyền thông trong thực hành công tác xã hội bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, tiến trình của giao tiếp, truyền thông, đặc điểm tâm lý của đối tượng truyền thông và các kỹ năng cần thiết trong truyền thông. Đồng thời, hướng dẫn việc lên kế hoạch thực hiện một buổi truyền thông và thực hành truyền thông tại cộng đồng.	2	Học kì 1, 2023-2024	Xây dựng kế hoạch truyền thông: 40%. Thực hành kết thúc mô học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	VẬN ĐỘNG NGUỒN LỰC TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI	Vận động nguồn lực là môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về xây dựng mạng lưới, liên kết các cá nhân, nhóm, tổ chức bên trong và ngoài cộng đồng để tăng khả năng và nguồn lực giải quyết các vấn đề của cộng đồng; đồng thời cũng cung cấp các kiến thức về huy động, tích góp, phát huy các nguồn lực để thực hiện các hoạt động công tác xã hội hiệu quả.	2	Học kì 2, 2023-2024	Kiểm tra giữa kỳ: 20%. Bài tập lớn: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
34	QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI	Quản lý trường hợp (QLTH) là một trong các phương pháp can thiệp của công tác xã hội (CTXH) được nhân viên xã hội (NVXH) thực hiện để trợ giúp cá nhân và gia đình khi họ gặp những khó khăn không thể tự vượt qua được. Phương pháp này nhấn mạnh vào việc đánh giá nhu cầu của thân chủ (TC), xác định các nguồn lực từ cá nhân, gia đình TC và từ cộng đồng, điều phối, kết nối nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát tiến trình trợ giúp TC. Mục đích của các hoạt động này nhằm cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội, giúp TC giải quyết các khó khăn mà họ đang gặp phải trong cuộc sống, đồng thời giúp tăng cường năng lực, phát triển tiềm năng bản thân để hòa nhập cộng đồng và xã hội.	2	Học kì 2, 2023-2024	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%
35	PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG DỰA VÀO NỘI LỰC	Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về phát triển cộng đồng dựa vào nội lực của cộng đồng. Bao gồm những khái niệm liên quan đến phát triển cộng đồng, nội lực của cộng đồng, tài sản của cộng đồng, tiềm năng của cộng đồng. Từ đó sinh viên tiếp cận với phương pháp mới nhằm giải quyết vấn đề của cộng đồng từ chính những nội lực, tài sản sẵn có của cộng đồng đó. Đảm bảo được nguyên tắc phát triển bền vững và nâng cao năng lực cho người dân tại cộng đồng.	2	Học kì 1, 2024-2025	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 40%. Thi kết thúc môn học: 60%
36	QUẢN LÝ DỰ ÁN	Môn học giúp người học đánh giá và hiểu được bối cảnh/vấn đề trong một cộng đồng cụ thể, và nhận thức được nhu cầu cần thiết để có những can thiệp. Từ đó, hình thành những ý tưởng để viết một đề xuất dự án theo những kỹ thuật, kiến thức thường áp dụng trong lãnh vực phát triển cộng đồng và xã hội. Quản lý dự án đóng vai trò quan trọng để mang lại lợi ích cho cộng đồng, vì thế, người quản lý cần có những kiến thức	3	Học kì 2, 2024-2025	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Viết báo cáo dự án: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và kỹ năng để biết quản lý thời gian, công việc, mục tiêu, phương pháp, nguồn lực, tài chính,... một cách hiệu quả.			
37	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết khái niệm chung về các dạng tật; Những đặc điểm tâm sinh lý của người khuyết tật; Đời sống của người khuyết tật và ngành nghề đào tạo cho người khuyết tật; Những chế độ chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với người khuyết tật. Sinh viên biết thực hành kỹ năng đặc thù về quản lý ca cho các dạng tật khi ra trường làm công tác xã hội.	2	Học kì 2, 2024-2025	Chuyên cần: 10%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30%. Viết bài thu hoạch kết thúc môn học: 60%.
38	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về ma túy và nghiện ma túy; Công tác xã hội trong phòng chống ma túy và điều trị nghiện ma túy. Ngoài ra, học phần còn khái quát luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma tuý và các mô hình cai nghiện; cung cấp các kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong Công tác xã hội với người nghiện ma túy.	2	Học kì 2, 2024-2025	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
39	THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại trường học. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, tham vấn vào giải quyết đề của thân chủ tại trường học. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.	2	Học kì 2, 2024-2025	Chuyên cần: 10%. Báo cáo thực hành: 20%. Nhật ký thực hành: 10%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 40%. Kết quả đánh giá quá trình thực hành: 20%.
40	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NHIỄM VÀ ẢNH HƯỞNG BỞI HIV/AIDS	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS, tình hình HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam, khó khăn, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; luật pháp, chính sách của Việt Nam trong phòng chống HIV/AIDS, các chương trình hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS ở Việt Nam. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng thực hành công tác xã hội nhằm hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, đồng thời truyền thông nâng cao	2	Học kỳ 1, 2025-2026	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhận thức cộng đồng giảm tác hại của HIV/AIDS nhằm thực hiện các chức năng xã hội, hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.			
41	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI THANH THIẾU NIÊN CÓ VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ TÂM THẦN	Học phần Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khoẻ tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khoẻ tâm thần của thanh thiếu niên, nguyên nhân của các vấn đề sức khoẻ thường gặp phải, tâm bệnh học và sự phát triển của trẻ. Đồng thời sẽ cung cấp cho người học những công cụ và kỹ năng công tác xã hội cần thiết để làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề sức khoẻ tâm thần.	2	Học kỳ 1, 2025-2026	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 40%. Thi kết thúc môn học: 60%.
42	THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN	Môn học Thực hành Công tác xã hội bệnh viện là môn học mang tính rèn luyện kỹ năng chuyên môn trong môi trường thực tế. Thông qua môn học, sinh viên củng cố được các kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện các kỹ năng công tác xã hội trong bệnh viện nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong môi trường bệnh viện hoặc các cơ sở y tế khác sau khi tốt nghiệp.	2	Học kỳ 1, 2025-2026	Chuyên cần: 10%. Báo cáo thực hành: 20%. Nhật ký thực hành: 10%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 40%. Kết quả đánh giá quá trình thực hành: 20%.
43	THỰC TẾ CHUYÊN MÔN	Học phần hướng dẫn cho sinh viên cách thức tiếp cận và thâm nhập môi trường hoạt động chuyên ngành thực tế; Vận dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu về lĩnh vực an sinh xã hội và các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở xã hội; bổ sung kiến thức thực tiễn, so sánh đối chiếu thực tiễn với lý thuyết đã học; phát hiện những khó khăn, bất cập trong việc thực thi chính sách an sinh xã hội và hoạt động công tác xã hội.	2	Học kỳ 2, 2023-2024	Chuyên cần: 20%. Viết bài thu hoạch kết thúc môn học: 80%.
44	THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	Học phần này cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng những lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng như tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tập huấn/truyền thông, kỹ năng phân tích các vấn đề của công đồng, lập kế hoạch giải quyết vấn đề của cộng đồng dựa trên tình hình thực tế. Quan sát và học hỏi kinh nghiệm làm tiếp dân và làm việc với người dân tại	3	Học kì 1, 2024-2025	Báo cáo thực hành: 20%. Nhật ký thực hành: 20%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 40%. Kết quả đánh giá quá trình thực hành: 20%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các cấp cơ sở. Thực hiện thăm viếng hộ dân, làm quen với môi trường làm việc của tác viên phát triển cộng đồng.			
45	THỰC TẬP CƠ SỞ	Thực tập cơ sở là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế thông qua hoạt động trải nghiệm tại cơ sở chuyên môn. Quá trình thực tập là bước đầu làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp của ngành nghề, được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực tập cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho công việc thực tập trực tiếp tại mỗi cơ sở đặc thù của ngành nghề. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực tập. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực tập cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực tập tại cơ sở chuyên môn.	6	Học kì 2, 2024-2025	Chuyên cần: 10%. Báo cáo thực hành: 20%. Nhật ký thực hành: 10%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 40%. Kết quả đánh giá quá trình thực hành: 20%.
46	THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội với nhóm vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực hành. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.	3	Học kì 1, 2025-2026	Báo cáo thực hành: 30%. Nhật ký thực hành: 10%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 40%. Kết quả đánh giá quá trình thực hành: 20%.
47	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	Thực tập tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế. Trong quá trình thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động công tác xã hội ở cơ sở thực tập. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tế để hoàn thiện và nâng cao nhận thức lý luận và thực hành nghiệp vụ công tác xã hội đã được đào tạo.	8	Học kì 2, 2025-2026	Báo cáo thực tập: 20%. Nhật ký thực tập: 10%. Kết quả đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở: 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO	Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung về nghèo đói như: khái niệm, biểu hiện của nghèo đói, cách xác định chuẩn nghèo, thực trạng, nguyên nhân của nghèo đói, những đặc điểm, các vấn đề của người nghèo, ảnh hưởng của nghèo đói đến gia đình; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nguyên tắc trong công tác xã hội với người nghèo, các phương pháp và các kỹ năng cần có khi làm việc với đối tượng người nghèo.	2	Học kì 2, 2025-2026	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
49	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM TỰ KỶ	Học phần này trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về trẻ tự kỷ; các phương pháp đo lường, chẩn đoán tự kỷ, vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ tự kỷ; quy trình và các biện pháp tương tác (can thiệp và trị liệu) với trẻ tự kỷ. Từ đó, hình thành cho sinh viên/ học viên hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng nhằm chuyển hóa thành các mức độ năng lực nghề nghiệp cụ để làm việc với trẻ tự kỷ.	2	Học kì 2, 2025-2026	Chuyên cần: 5%. Bài tập nhóm: 15%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.
50	CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CỘNG ĐỒNG LGBT	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người LGBT và tiến trình làm việc với người LGBT. Môn học có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lý thuyết được xây dựng trên nền tảng cơ sở kiến thức của các môn học có liên quan như tâm lý học đại cương, xã hội học đại cương,… Kết hợp với những đúc kết kinh nghiệm thông qua các tổ chức xã hội nghiên cứu về người LGBT.	2	Học kì 2, 2025-2026	Báo cáo nhóm: 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%. Thi kết thúc môn học: 60%.

40. Quản lý đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Quản lý đất đai	- Hiểu được tầm nhìn, sứ mệnh của Trường và Khoa; - Hiểu được các nhóm kiến thức được quy định trong khung chương trình đào tạo; - Thực hành được công tác đăng ký học phần và rút học phần.	1	HK1	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Bản đồ học đại cương	- Diễn giải được những nguyên lý cơ bản của bản đồ. - Phân biệt và so sánh được các loại bản đồ khác nhau. - Áp dụng được kiến thức về cơ sở toán học và ký hiệu bản đồ để đọc hiểu được các loại bản đồ khác nhau. - Sử dụng thành thạo bản đồ trong phòng và ngoài thực địa. - Kỹ năng làm việc nhóm, cá nhân. Đồng thời rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và óc thẩm mỹ trong quá trình đọc hiểu và biên tập bản đồ.	2	HK1	Bài thu hoạch
3	Khoa học Trái đất và sự sống	- Nâng cao kỹ năng quan sát thực tế và giải thích các hiện tượng tự nhiên; - Giải thích và phân tích mối quan hệ tác động qua lại của tất cả các thành phần tự nhiên và con người.	2	HK1	Thi cuối kỳ
4	Thổ nhưỡng	- Phân tích được quá trình hình thành đất - Nhận diện được các đặc tính cơ bản của đất trong tự nhiên - Phân loại được một số biểu loại đất cơ bản khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.	3	HK2	Thi tự luận
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản lý đất đai	- Viết hoặc xây dựng được ít nhất 1 đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học.	2	HK2	Bài thu hoạch
6	Khí tượng thủy văn	- Nhận diện được các các hiện tượng khí tượng, thủy văn cơ bản ngoài tự nhiên; - Rèn luyện kỹ năng quan trắc cơ bản các hiện tượng khí tượng, các vấn đề liên quan đến dòng chảy sông ngòi.	2	HK2	Thi vấn đáp
7	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	- Hiểu các kiến thức và thuật ngữ chuyên môn, liên quan đến chuyên ngành quản lý đất đai bằng tiếng Anh. - Áp dụng được kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh trong việc tự học, tự nghiên cứu cũng như trong công việc sau này. - Rèn luyện và nâng cao kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.	2	HK2	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Rèn luyện kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành.			
8	Thủy nông đại cương	- Xác định được lượng nước tưới hiệu quả cho mô hình sản xuất	2	HK2	Báo cáo
9	Sinh thái cảnh quan	- Hiểu rõ vai trò, chức năng của cảnh quan nông thôn, cảnh quan đô thị trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung; - Vận dụng các quan điểm sinh thái vào quy hoạch sử dụng đất.	2	HK3	Bài thu hoạch
10	Thể thức trình bày văn bản hành chính trong Quản lý đất đai	Soạn thảo văn bản hành chính đúng quy định	2	HK3	Bài thu hoạch
11	Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên	- Phân tích được các vấn đề môi trường hiện nay trên thế giới và Việt Nam - Phân loại được các dạng tài nguyên khác nhau - Phân tích được các trở ngại chính cho từng dạng môi trường khác nhau và đề xuất những biện pháp khắc phục cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.	3	HK3	Thi tự luận
12	GIS cơ bản	- Thành thạo các thao tác cơ bản về biên tập và xử lý dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính trên phần mềm GIS (ArcGIS Desktop và/hoặc QGIS) - Vận dụng được các phương pháp phân tích không gian cơ bản trên phần mềm GIS (ArcGIS Desktop và/hoặc QGIS) - Vận dụng được các kỹ thuật trình bày bản đồ hoàn chỉnh trên phần mềm GIS (ArcGIS Desktop và/hoặc QGIS)	2	HK3	Báo cáo thu hoạch
13	Quản lý nhà nước về đất đai	- Vận dụng được các quy phạm pháp luật liên quan đến 15 nội dung quản lý nhà nước đất đai; - Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá sự phù hợp của chính sách đất đai khi áp dụng vào dụng vào thực tiễn;	3	HK3	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Cơ sở viễn thám	Vận dụng xử lý, phân tích, phân loại ảnh viễn thám quang học để thành lập các bản đồ lớp phủ bề mặt/sử dụng đất.	2	HK4	Thi cuối kỳ
15	Trắc địa đại cương	- Hiểu được cơ sở pháp lý, quy phạm quy định; Vận đụng các phương pháp đo đạc vào việc đo đạc lập bản đồ; - Áp dụng các kiến thức kết hợp sử dụng các loại thiết bị hiện đại; xử lý các số liệu, tính toán và xử lý số liệu đo đạc, hoàn chỉnh bản đồ	4	HK5	Thi tự luận
16	Đánh giá đất	- Phân tích được các đặc tính đất đai, chất lượng đất đai, xây dựng các bản đồ chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai kết hợp sử dụng đất đai và các yêu cầu sử dụng đất đai để đưa đến việc phân hạng khả năng thích nghi đất đai của từng kiểu sử dụng đất đai đối với từng đơn vị đất đai; - Vận dụng để đánh giá khả năng thích nghi đất đai cho các vùng sinh thái khác nhau.	2	HK4	Bài báo cáo thuyết minh tổng hợp
17	Đánh giá chất lượng đất đai và bảo tồn tài nguyên đất	- Đánh giá được các đặc tính đất đai và chất lượng đất đai (cách đọc và phân tích số liệu) - Đánh giá được đặc tính và sự thiếu và thừa các nguyên tố dinh dưỡng khoáng đa, trung và vi lượng trong đất và cây trồng. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế của việc sử dụng phân bón cho từng mô hình canh tác - Áp dụng được những biện pháp bảo tồn tài nguyên đất vào thực tiễn	3	HK4	Thi tự luận
18	Khoa học về thay đổi sử dụng đất	- Vận dụng các phương pháp, mô hình áp dụng trong phân tích không gian, phân tích động lực của các quá trình thay đổi sử dụng đất; đánh giá các tác động của thay đổi sử dụng đất; - Nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành liên quan đến viễn thám, GIS, thống kê và các phần mềm mã nguồn mở.	3	HK5	Bài tiểu luận/bài tập lớn
19	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững	- Phân tích được các trở ngại chính cho từng mô hình canh tác nông nghiệp hiện nay. - Xây dựng phương pháp và công cụ quản lý đất nông nghiệp hiệu quả và bền vững	3	HK5	Thi tự luận
20	Quy hoạch phân bố sử dụng đất đai	- Hiểu được cơ sở pháp lý của công tác lập quy hoạch sử dụng đất; Vận đụng đánh giá tiềm năng đất đai; Hiểu được trình tự, nội dung lập quy	2	HK6	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạch; Hiểu được hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất các cấp; Hiểu được nguyên tắc, phương pháp thực hiện biểu chu chuyển đất đai; - Áp dụng các kiến thức vào việc tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình sử dụng đất và tình hình kinh tế - xã hội; Biên tập các loại bản đồ chuyên đề, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch; Xử lý các số liệu, hoàn chỉnh hệ thống các biểu mẫu quy hoạch; Viết được báo cáo quy hoạch.			
21	Quy hoạch và phát triển đô thị	- Xây dựng được quy trình xây dựng các đồ án QHĐT	2	HK6	Bài thu hoạch
22	Phương pháp điều tra và thống kê thông tin đất đai	- Phân tích và thiết kế được các bảng hỏi khi khảo sát thông tin đất đai; - Ứng dụng các phần mềm thống kê để xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu thống kê liên quan đất đai. Từ đó, vận dụng vào giải các bài toán liên quan thực tế trong công việc hoặc trình bày dữ liệu trong nghiên cứu khoa học.	2	HK6	Thi hết môn
23	Quy hoạch và phát triển nông thôn	Áp dụng nghiên cứu các điều kiện kinh tế-xã hội cũng như sử dụng đất tại nông thôn; Từ đó tiến hành quy hoạch và phát triển nông thôn một cách khoa học ở mức độ cơ bản nhất.	2	HK7	Bài thu hoạch
24	Quản lý đất đai thích ứng biến đổi khí hậu	- Phân biệt được các biểu hiện của biến đổi khí hậu - Đề xuất được các biện pháp/mô hình canh tác để thích nghi và giảm nhẹ tác động của BĐKH.	2	HK8	Thi tự luận
25	Mô hình dự báo trong quản lý tài nguyên đất	Ứng dụng lập mô hình dự báo sử dụng đất/thay đổi sử dụng đất cho một địa phương cụ thể.	2	HK8	Bài tiểu luận/bài tập lớn
26	Cơ sở dữ liệu đất đai	- Vận dụng được các thao tác với cơ sở dữ liệu, thao tác truy vấn dữ liệu trong hệ quản trị CSDL đất đai. - Rèn luyện kĩ năng tra cứu thông tin chuyên ngành bằng tiếng Anh. - Rèn luyện kĩ năng so sánh, phân tích và đánh giá	2	HK2	
27	Bản đồ địa chính	- Hiểu rõ các khái niệm liên quan đến bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề khác được sử dụng trong lĩnh vực quản lý đất đai	2	HK4	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu được những nguyên lý cơ bản về cơ sở toán học bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính và quá trình thành lập, biên tập bản đồ địa chính - Vận dụng được các phương pháp khai thác và sử dụng bản đồ địa chính trong chuyên ngành quản lý đất đai			
28	Đo đạc công trình	- Hiểu được các phương pháp đo đạc cơ bản; - Tiếp cận và sử dụng các thiết bị hiện đại trong đo đạc công trình; - Vận dụng tính toán và xử lý số liệu đo đạc công trình.	2	HK5	Thi tự luận
29	AutoCad	- Hiểu được các phương pháp biên tập bản đồ; - Tiếp cận sử dụng trên máy tính phần mềm Autocad; - Vận dụng trong tính toán và xử lý biên tập bản đồ.	2	HK5	Thi trắc nghiệm
30	Ứng dụng GIS trong quản lý đất đai	- Thành thạo các thao tác phân tích dữ liệu GIS trên một phần mềm GIS cụ thể (ArcGIS Desktop và/hoặc QGIS) - Mô phỏng và triển khai được các mô hình ứng dụng GIS trong quản lý đất đai trên phần mềm GIS cụ thể (ArcGIS Desktop và/hoặc QGIS).	2	HK5	Bài
31	Đo đạc địa chính	Vận dụng các phương pháp đo đạc về địa chính; Hiểu được và sử dụng các thiết bị hiện đại; tính toán và xử lý số liệu đo đạc địa chính.	3	HK6	Thi tự luận
32	Giải phóng mặt bằng	- Hiểu biết về những trường hợp cụ thể nhà nước thu hồi đất; - Nắm rõ những căn cứ pháp lý, quy trình thực hiện thu hồi đất trong từng trường hợp cụ thể; - Biết được những trường hợp nào được bồi thường và không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất; - Có kiến thức pháp luật về các khoản hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; Áp dụng những quy định pháp luật về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một cách chuẩn xác cho từng dự án và từng đối tượng bị thu hồi đất	3	HK6	Bài báo cáo tổng hợp quy trình thực hiện GPMB một dự án

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Hệ thống định vị toàn cầu	- So sánh được các đặc điểm cơ bản của các hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (GNSS) phổ biến hiện nay - Phân biệt được đặc điểm và nguyên lý hoạt động của hệ thống định vị GPS – Mỹ và các ứng dụng của định vị GPS trong lĩnh vực Quản lý đất đai	2	HK6	
34	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý đất đai	Vận dụng được kiến thức về viễn thám ứng dụng trong kiểm tra đối chiếu bản đồ địa chính với ảnh viễn thám/ảnh vệ tinh	2	HK6	Tiểu luận môn học
35	Quản lý thông tin đất đai	- Phân tích được quy trình xây dựng một hệ thống thông tin đất đai và các quy định về chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu trong hệ thống thông tin đất đai của Bộ Tài nguyên & Môi trường; - Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành (MicroStation, Famis…..) biên tập bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc thực tế, tạo được hồ sơ kỹ thuật, trích lục thửa đất.	3	HK7	Tiểu luận môn học
36	Thực địa quản lý đất đai	- Khảo sát và đánh giá hiện trạng trong quá trình thực tế nghề nghiệp - Thực hiện được các thao tác đo vẽ hiện trạng	1	HK8	Báo cáo
37	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	- Phân tích được trình tự và các loại hồ sơ cần thiết trong công tác đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.; - Vận dụng được được được quy trình quản lý, lưu trữ hồ sơ địa chính;	2	HK4	Báo cáo/tiểu luận môn học
38	Thống kê, kiểm kê, chỉnh lý biến động đất đai	Vận dụng được khái quát về chỉnh lý biến động đất đai và các trường hợp; Phân tích được các vấn đề trong công tác thống kê, kiểm kê đất đai. Hệ thống hóa được các chỉ tiêu và hệ thống biểu, bảng trong thống kê, kiểm kê đất đai. Vận dụng về quy phạm thành lập bản đồ khoanh vẽ và bản đồ hiện trạng sử dụng đất khi thực hiện kiểm kê đất đai.	3	HK4	Bài tập lớn/Tiểu luận/Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Thủ tục hành chính trong quản lý đất đai	- Vận dụng thành thạo các trình tự, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai; - Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá sự phù hợp của qui trình, thủ tục hành chính khi áp dụng vào dụng vào thực tiễn;	2	HK5	Bài báo cáo
40	Đăng ký đất đai	- Vận dụng được quy trình nghiệp vụ thực hiện công tác đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành trong công tác thực hiện đăng ký đất đai và in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	2	HK5	Thi thực hành
41	Định giá đất-thị trường nhà đất	- Phân tích, đánh giá thị trường bất động sản và các hoạt động quản lý trong thị trường đó; - Vận dụng các nguyên tắc trong quá trình định giá, thẩm định giá; - Vận dụng thành thạo các phương pháp định giá bất động sản;	3	HK6	Thi tự luận
42	Pháp luật-thanh tra, giải quyết tranh chấp	- Có khả năng vận dụng chính xác các quy phạm pháp luật trong thực hiện quy trình thực hiện công tác thanh tra đất đai, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; - Có khả năng phân tích, đánh giá quy trình thực hiện công tác giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, tham mưu hướng giải quyết theo đúng trình tự pháp luật; - Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá sự phù hợp của luật khi áp dụng vào dụng vào thực tiễn;	2	HK6	Thi tự luận
43	Quản lý tài chính về đất đai và giá đất	- Vận dụng được các qui định về tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi xác định nghĩa vụ tài chính trong những trường hợp cụ thể; - Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá sự phù hợp của chính sách đất đai khi áp dụng vào dụng vào thực tiễn;	3	HK7	Thi tự luận
44	Phong thủy và ứng dụng trong quản lý đất đai	- Vận dụng được kiến thức phong thủy trong thiết kế cảnh quan - Giải thích được một số ứng dụng của phong thủy liên quan đến vấn đề đất đai	2	HK3	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Quản lý tài nguyên đất và bảo tồn đa dạng sinh học	- Phân loại được các dạng tài nguyên khác nhau - Điều tra và đánh giá được đặc tính đa dạng sinh học cho một dạng tài nguyên nhất định	2	HK3	Thi tự luận
46	Quản lý công trình xây dựng đô thị	- Biết được cách đầu tư các công trình xây dựng cơ bản; Biết được cách xác định kinh phí đầu tư; - Vận dụng kiến thức trong theo dõi, kiểm tra, hoàn thành chất lượng công trình.	2	HK4	Thi tự luận
47	Dịch vụ sinh thái đất đai	- Phân tích được các giá trị dịch vụ hệ sinh thái của đất; - Bước đầu lượng giá ở mức cơ bản dịch vụ hệ sinh thái của một [ví dụ] hệ sinh thái vườn cây ăn trái hoặc trồng lúa tại địa phương.	2	HK5	Thi cuối kỳ
48	Quy hoạch vùng và khu dân cư nông thôn	Vận dụng cơ sở khoa học để lên ý tưởng thiết kế xây dựng, định hướng quy hoạch phát triển vùng và khu dân cư nông thôn.	2	HK6	Báo cáo
49	Đồ án môn học	- Biên soạn được một ý tưởng NCKH hoặc khởi nghiệp liên quan đến chuyên môn ngành Quản lý đất đai	2	HK9	Báo cáo
50	Hợp đồng giao dịch nhà, đất	- Vận dụng được các kiến thức về hình thức, nội dung, hiệu lực pháp lý của hợp đồng, phân biệt sự khác nhau về nội dung và trách nhiệm pháp lý của các bên trong giao kết các loại hợp đồng; - Thành thạo kỹ năng soạn thảo các loại hợp đồng, văn bản liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất; - Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất một cách kịp thời và đúng quy định.	2	HK7	Báo cáo
51	Môi giới và kinh doanh bất động sản	- Vận dụng được các kiến thức, phương pháp và qui trình môi giới bất động sản trong các giai đoạn thị trường nhất định; - Hiểu biết và vận dụng các quy phạm pháp luật vào hoạt động kinh doanh hoặc quản lý hoạt động kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản;	2	HK8	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có khả năng phân tích tác động của những chính sách trong công tác quản lý nhà nước trong thị trường bất động sản;			
52	Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính và địa hình	- Hiểu các loại đơn giá trong đo đạc;Hiểu được quy trình xử lý tính toán của từng đơn giá chi tiết đo đạc; - Vận dụng kiến thức trong việc áp dụng các phần mềm chuyên ngành trong việc xử lý và tổng hợp số liệu.	2	HK5	Bài báo cáo lập dự toán
53	Tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	Thành thạo sử dụng phần mềm chuyên ngành trong tổ chức cơ sở dữ liệu địa chính và quản lý hệ thống thông tin đất đai	2	HK5	Hoàn thành báo cáo/tiểu luận môn học
54	Sai số và xử lý sai số trong trắc địa	- Hiểu các dạng sai số đo, phân loại.; hiểu được quy trình xử lý sai số đo đạc; - Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành trong việc xử lý sai số đo.	2	HK6	Thi tự luận
55	Lập trình GIS cơ bản	- Có khả năng xây dựng một mô hình tính toán đơn giản tích hợp vào phần mềm GIS. - Rèn luyện kĩ năng tra cứu thông tin chuyên ngành bằng tiếng Anh. - Rèn luyện kĩ năng so sánh, phân tích và đánh giá	2	HK6	
56	Công nghệ đo RTK trong trắc địa bản đồ	- Vận dụng các kỹ thuật đo GPS trong thiết kế và xây dựng lưới khống chế trắc địa thành lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, hỗ trợ cho công tác lập phương án quy hoạch và sử dụng tài nguyên đất đai một cách có hiệu quả. - Vận dụng các kiến thức từ môn học trước để lựa chọn thiết bị đo GPS phù hợp với từng loại hình khảo sát cụ thể; có khả năng giải thích kết quả đo GPS về độ chính xác giải cạnh, độ chính xác tọa độ điểm. - Vận dụng các quy phạm kỹ thuật hiện hành để đánh giá kết quả đo bằng công nghệ GPS	2	HK7	Báo cáo tổng hợp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu đo, phần mềm tin học văn phòng trong thành lập báo cáo kết quả đo GPS, tự tin báo cáo trước hội đồng thẩm định.			
57	Công nghệ blockchain và ứng dụng trong QLĐĐ	- Vận dụng được kiến thức để có thể tự tiếp cận với công nghệ blockchain: tạo tài khoản ví, gửi và nhận các loại cryptocurrencies. - Có khả năng tự phân tích, đánh giá các dự án blockchain	2	HK8	
58	Ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý đất đai	- Có khả năng vận dụng được một số công cụ hỗ trợ xây dựng một ứng dụng WebGIS trong quản lý dữ liệu đất đai. - Rèn luyện kĩ năng tra cứu thông tin chuyên ngành bằng tiếng Anh. - Rèn luyện kĩ năng so sánh, phân tích và đánh giá	2	HK8	
59	Ứng dụng UAV trong quản lý đất đai	- Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến không ảnh. - Hiểu được nguyên tắc và các yêu cầu kỹ thuật khi bay chụp ảnh bằng thiết bị UAV. - Có khả năng lập kế hoạch, tiến hành bay chụp và xử lý ảnh sau bay chụp.	2	HK8	Thi tự luận
60	Thực tập cơ sở	- Thành thạo được các công việc cơ bản trong công tác quản lý đất đai ở cơ sở. - Rèn luyện khả năng tự lập cho người học và tăng cường liên kết trong quản lý giáo dục và thực tiễn nghề nghiệp.	6	HK8	Báo cáo
61	Thực tập tốt nghiệp	- Thực hiện được các công việc thuộc ngành hoặc nhóm chuyên ngành được chọn liên quan đến các lĩnh vực thuộc quản lý đất đai	8	HK9	Báo cáo
62	Đồ án tốt nghiệp	- Thực hiện được một đồ án nghiên cứu liên quan đến các nội dung công việc thuộc chuyên ngành quản lý đất đai	6	HK9	Báo cáo
63	Nghiệp vụ chuyên ngành Quản lý đất đai	- Vận dụng được quy định của các văn bản vào công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất;	2	HK9	Báo cáo/tiểu luận môn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành ViLIS, ELIS…. trong nhập đơn đăng ký, tìm kiếm thông tin, in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			
64	Pháp luật đất đai ứng dụng	- Vận dụng được các quy phạm pháp luật trong xác định chính xác hình thức sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính cho từng nhóm đối tượng theo mục đích sử dụng đất cụ thể; - Vận dụng được các quy phạm pháp luật xác định đúng đối tượng được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tính toán được cụ thể các khoản chi trả bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trong trường hợp cụ thể; - Vận dụng được các quy phạm pháp luật thẩm định các điều kiện thực hiện chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.	2	HK9	Thi tự luận
65	Khởi nghiệp quản lý đất đai	- Hình thành được ý tưởng khởi nghiệp về Quản lý đất đai	2	HK9	Bài báo cáo ý tưởng khởi nghiệp

41. Giáo dục Mầm non (cao đẳng)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn giáo dục mầm non KI4500	Học phần Nhập môn nghề nghiệp là học phần đầu tiên trong khối kiến thức đại cương chung bắt buộc đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Trường, về Khoa đào tạo; vài nét khái quát về ngành nghề đang theo học (Giáo dục mầm non), chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; cách xây dựng kế hoạch học tập theo học chế tín chỉ; quy chế đào tạo, rèn luyện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, nhiệt huyết, niềm tự hào với nghề giáo viên mầm non, phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	Học kỳ 1	Đánh giá thường kỳ: Bài tập nhóm, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Bài thu hoạch, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Tâm lý học mầm non GE4072N	Học phần "Tâm lý học mầm non" sẽ trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm điển hình về các chức năng tâm lý của trẻ em từ 0-6 tuổi. Từ đó, sinh viên/học viên có thể vận dụng những kiến thức tâm lý học mầm non vào quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường kỳ: trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
3	Giáo dục học mầm non GE4074N	Giúp SV hiểu về quá trình giáo dục MN; biết thực hiện giáo dục mầm non một cách khoa học, nghệ thuật; biết vận dụng kiến thức giáo dục học vào việc học tập, rèn luyện và công tác nuôi dạy trẻ	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường kỳ: trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
4	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non KI4221N	Hiểu biết khái quát về quá trình hình thành và phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em; đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản các hệ cơ quan cơ thể trẻ em. Giải thích được các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em và cơ chế hoạt động của chúng. Đo được các chỉ số phát triển thể chất bình thường của trẻ so với người lớn. Vận dụng được kiến thức cơ sở để giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến sự phát triển thể chất của trẻ, đề xuất các biện pháp vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ em. Thực hiện được các thao tác cân, đo, đếm nhịp tim của trẻ đảm bảo đúng quy trình và chính xác. Lập được biểu đồ theo dõi và đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường kỳ: bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
5	Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non KI4220	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhạc lý, giúp SV có kiến thức nền tảng để học tiếp các học phần: Đàn, TĐN& Hát, PPGDAN cho trẻ MN.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường xuyên (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Trắc nghiệm) (0.6)
6	Mỹ thuật mầm non KI4219	Trang bị cho SV kiến thức lý luận và thực hành cơ bản về mỹ thuật, là cơ sở nền cho các học phần tiếp theo: Phát triển khả năng sáng tạo mỹ thuật, Làm đồ chơi và thiết kế trang trí MTGD, Phương pháp TCHĐTH cho trẻ MN.	2	Học kỳ 1	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6) ;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					hình thức: Thực hành
7	Tiếng Việt KI4117N	Phân tích được những kiến thức về tiếng Việt để vận dụng vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.Vận dụng được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách của tiếng Việt vào việc dạy học ở bậc mầm non. Giải được các bài tập tiếng Việt cơ bản, sửa được lỗi chính tả, lỗi dùng từ và lỗi câu.	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên: bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
8	Văn học trẻ em KI4121	Giải thích được khái niệm, đặc trưng và các nội dung chủ đề của văn học trẻ em; Khái quát được các thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết Việt Nam và nước ngoài; Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích được một số tác phẩm văn học trẻ em. Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên: * Bài tập nhóm, trọng số 0.1 * Bài tập cá nhân, trọng số 0.3 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
9	Cơ sở toán mầm non KI4222	Hệ thống hóa và tiếp tục nâng cao cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán về Toán cho trẻ mầm non. Sinh viên bước đầu hiểu được cơ sở toán học lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán vào hình thành các biểu tượng toán mầm non.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) 0.6
10	Vệ sinh- phòng bệnh cho trẻ mầm non KI4224	Hình thành cho sinh viên những năng lực cần thiết trong việc vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong quá trình làm việc sau này.	3	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận) 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Đánh giá kết qủa giáo dục MN KI4002	Học phần này giúp cho người học hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về đánh giá giáo dục mầm non, biết cách thực hiện nhiệm vụ đánh giá giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	2	Học kỳ 5	Đánh giá thường kỳ: bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
12	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non KI4238N	Trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên (hs: 0,4): Bài tập, bài kiểm tra, thực hành tập dạy Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6): Thực hành- vấn đáp
13	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non KI4232N	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức khoa học cơ bản về sự hình thành và đặc điểm phát triển hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; hiểu vai trò của việc tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục đối với sự phát triển toàn diện cho trẻ; biết cách lập kế hoạch, vận dụng các nhóm phương pháp dạy- học vào tổ chức và đánh giá các giờ hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, cắt-xếp dán, chắp ghép của trẻ theo từng độ tuổi ở trường mầm non.	3	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6) ; Tình thức: Thực hành
14	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non KI4154	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về CNTT trong dạy học; sử dụng các dịch vụ Web 2.0 trong dạy học và khai thác mô hình E-Learning; công nghệ và thiết bị dạy học; thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế bài dạy mầm non có ứng dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, học phần giúp SV hình thành khả năng sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy mầm non theo xu hướng hiện đại. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy học. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: Stem trong dạy học mầm non.	2	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên: Thực hành cá nhân, sản phẩm giữa kỳ, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành cá nhân, trọng số 0.6

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non KI4255	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đồ chơi trẻ em và ý nghĩa của đồ chơi trong giáo dục trẻ; định hướng phương pháp làm từng loại hình đồ chơi và thiết kế sắp xếp bố cục,trang trí môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	3	Học kỳ 3	Đánh giá thường xuyên: (hs: 0,4); Đánh giá kết thúc học phần (hs:0.6): Thực hành
16	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non KI4225	Trang bị cho sinh viên, kiến thức về Chương trình Giáo dục mầm non (CTGDMN) và cách tổ chức thực hiện CTGDMN:lập các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	2	Học kỳ 3	Đánh giá thường kỳ: bài cá nhân, bài nhóm trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: tự luận, trọng số 0.6
17	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN KI4229N	Nhằm trang bị cho SV: (1) những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ, (2) tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, (3) cách đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức về phát triển ngôn ngữ lẫn thực hành, ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chuẩn bị học đọc, học viết cho trẻ.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường kỳ: chuyên cần, bài tập, kiểm tra, trọng số 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp, trọng số 0.6
18	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non KI4233	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non, (2) phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non, (3) khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên 0.4 Đánh giá kết thúc học phần 0.6
19	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non KI4226	Học phần trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kĩ năng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất theo hướng tích hợp ở trường mầm non một cách khoa học, có hiệu quả và làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần "Rèn luyện NVSPTX6".	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên: Báo cáo nhóm, thiết kế kế hoạch, thực hành (0.4) Đánh giá kết thúc học phần (Vấn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					đáp, Thực hành) (0.6)
20	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non KI4241	Học phần giúp sinh viên học tập hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục trẻ bảo vệ môi trường trong trường mầm non. Giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
21	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán KI4228	Môn học này cung cấp cho người học những tri thức liên quan đến đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ; tìm hiểu nội dung và lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đứa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người. Môn học Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán là học phần điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp môn học rèn luyện NVSPTX3.	3	Học kỳ 4	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
22	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo làm quen văn học cho trẻ mầm non KI4254	Môn học này cung cấp cho người học những tri thức liên quan đến đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ; tìm hiểu nội dung và lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đứa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người. Môn học Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Thi kết thúc học phần: Tự luận (0.6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		là học phần điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp môn học rèn luyện NVSPTX3.			
23	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non KI4106N	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non	3	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận (0.6)
24	Rèn luyện NVSPTX1 (Nghe, nói, đọc, viết) KI4401P	RLNVSPTX1 là học phần thuộc nhóm thực hành, thực tập nghề nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non về các kĩ năng: đọc, kể, nói, viết. Học phần chú trọng tính tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.	1	Học kỳ 2	Đánh giá thường xuyên 0,4 Kiểm tra kết thúc học phần 0,6
25	Rèn luyện NVSPTX2 (Hát, múa) KI4402N	Trang bị cho SV những kỹ năng thực hành âm nhạc, giúp SV có kỹ năng thể hiện các tác phẩm âm nhạc thông qua biểu diễn múa, hát; Kỹ năng dạy trẻ ca hát, VĐTN...; Tổ chức các hoạt động văn nghệ cho trẻ ở trường MN	1	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên 0,4 Đánh giá kết thúc học phần 0,6
26	Rèn luyện NVSPTX3 (Phát triển nhận thức) KI4403	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non. Giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.	1	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: soạn giáo án+ tập dạy: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: thực hành tiết dạy:0.6
27	Rèn luyện NVSPTX4 (Phát triển thẩm mỹ) KI4404	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển các lĩnh vực thẩm mỹ bao gồm âm nhạc và tạo hình. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp SV sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường mầm non.	1	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: soạn giáo án, tập dạy: 0.4 Đánh giá kết thúc học phần: thực hành tiết dạy:0.6
28	Rèn luyện NVSPTX5 (Phát	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thương xuyên 5 thuộc khối thực hành, thực tập nghề nghiệp, tiếp nối 2 học phần Phương pháp	1	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên 0,4

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	triển ngôn ngữ) KI4405	phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non, có vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng dạy học thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho sinh viên ngành mầm non. Học phần gồm các nội dung trọng tâm sau: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể học tiếp học phần Thực tập tốt nghiệp.			Đánh giá kết thúc học phần 0,6
29	Rèn luyện NVSPTX6 (Phát triển thể chất) KI4406	Học phần có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hình thành những tri thức và kĩ năng về các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt lĩnh vực phát thể chất cho trẻ mầm non sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo và giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	1	Học kỳ 5	Đánh giá thường xuyên: Lập kế hoạch, TH tập dạy (0.4) Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành (0.6)
30	Kiến tập sư phạm KI4430	Nhằm giúp sinh viên được tiếp cận tìm hiểu thực tế về hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua các nội dung như: nghe báo cáo về thực tế tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở kiến tập; quan sát và trực tiếp tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ tại nhóm/lớp mầm non. Những kiến thức, kỹ năng của học phần này sẽ giúp sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghề cần thiết, hình thành thái độ đúng đắn với nghề và tình yêu trẻ, yêu nghề; tự tin vận dụng kiến thức, kỹ năng lý luận vào tham gia các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non. Đây cũng là cơ hội để sinh viên học tốt hơn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và tham gia thực tập tốt nghiệp.	2	Học kỳ 3	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục cơ sở kiến tập (K1): Trọng số 0.4 Điểm kiến tập giảng dạy (K2): Trọng số 0.3 Điểm kiến tập giáo dục (K3): Trọng số 0.3
31	Thực tập tốt nghiệp KI4407	Sinh viên tiếp tục được tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường mầm non, được vận dụng linh hoạt kiến thức và khả năng vào thực tế, tập lập kế hoạch, tập thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lí nhóm/lớp mầm non; Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở trường MN, phát triển và hoàn thiện phẩm chất, tác phong và kỹ năng sư phạm, tiếp tục bồi dưỡng tình cảm nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp.	6	Học kỳ 6	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục CSTTNN (K1): Trọng số 0.1 Điểm thực tập giảng dạy (K2):

Biểu mẫu 18

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Trọng số 0.5 Điểm thực tập giáo dục (chăm sóc) (K3): Trọng số 0.4

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Con người trung nghĩa trong thơ nhà nho Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX	2021	
2	Người thầy, người cán bộ quản lý giáo dục và những tấm gương sáng người thầy trong dòng chảy giáo dục Việt	2021	
3	An ninh trên mạng VANET	2021	
4	Từ Âu Cơ đến phức cảm PHÂN TÂM HỌC trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại (Sách chuyên khảo)	2021	
5	Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai	2021	
6	Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở đồng bằng sông Cửu Long (sách chuyên khảo)	2021	
7	Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	2021	
8	Bài tập Tiếng Việt cơ bản và nâng cao 2, tập 1	2021	
9	Bài tập Tiếng Việt cơ bản và nâng cao 2, tập 2	2021	
10	35 đề ôn luyện Tiếng Việt 1	2021	
11	Lễ hội Gò Tháp nét đặc sắc văn hóa Nam bộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (sách chuyên khảo)	2021	
12	Quản lí giáo dục hướng nghiệp trung học phổ thông theo định hướng tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020	2021	
13	Records and Information management strategies for enhanced knowledge coordination	2021	
14	Hồ Chí Minh - Người đi thức tỉnh tâm hồn	2021	
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Toán học	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
16	Advances in metric fixed point theory and applications	2021	

Biểu mẫu 18

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
17	Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
18	Điền kinh và phương pháp	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
19	Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường đất, nước và không khí	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
20	Đa dạng sinh học	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
21	Cải cách hành chính ở tỉnh Đồng Tháp một số kết quả và kinh nghiệm (sách chuyên khảo)	2022	
22	Tiếp cận việc làm phi nông nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp (sách chuyên khảo)	2022	
23	Tổ chức quản lý giáo dục và trường học (sách chuyên khảo)	2022	
24	Khoa học tư duy và phát triển năng lực tư duy khoa học trong giáo dục và đào tạo	2022	
25	Bài tập thực hành giáo dục học theo định hướng tiếp cận năng lực	2022	
26	Toán rời rạc	2022	
27	Hỏi đáp môn Triết học Mác - Lênin	2022	
28	Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 2)	2022	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020

Biểu mẫu 18

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
29	Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục	2022	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
30	Sinh thái rừng ngập mặn	2022	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
31	Quang hợp	2022	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
32	Khoa học tư duy và phát triển năng lực tư duy khoa học trong giáo dục và đào tạo	2022	
33	Bài tập thực hành giáo dục học theo định hướng tiếp cận năng lực	2022	
34	Toán rời rạc	2022	
35	Hỏi đáp môn Triết học Mác - Lênin	2022	

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp 2021-2022

1. Ngành Quản lý giáo dục

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường THCS huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Lê Dương Thái An	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường THCS huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, thực hiện khảo sát 18 CBQL, 42 GV và 200 HS về thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho HS trường THCS, làm cơ sở đề xuất 06 biện pháp quản lí hoạt động trải nghiệm cho học sinh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới tại trường trung học cơ sở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
2	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường THPT huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Trường Cảnh	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường THPT huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, tiến hành khảo sát 158 người, gồm CBQL và đội ngũ GV trong các nhà trường đồng thời phỏng vấn trực tiếp về thực trạng quản lý, làm cơ sở đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở các trường THPT huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.
3	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Vương Bá Đương	TS. Phan Trọng Nam	Quản lý hoạt động GDHN cho học sinh của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, tiến hành khảo sát 320 CBQL, GV và học sinh của 03 trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giangvề thực trạng hoạt động cũng như quản lý hoạt động GDHN, làm cơ sở đề xuất 07 biện pháp quản lý hoạt động GDHN cho học sinh của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
4	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ Đoàn cơ sở tại Trường Đại học Đồng Tháp	Nguyễn Thanh Hải	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Luận văn phát triển đội ngũ cán bộ Đoàn cơ sở tại Trường Đại học Đồng Tháp, tiến hành điều tra thực trạng đội ngũ với 436 khách thể gồm: Bí thư, Phó Bí thư chi đoàn, UV BCH Liên chi Đoàn, Bí thư Liên chi Đoàn, trên cơ sở đó, luận văn đề xuất 07 biện pháp phát triển ĐNCBĐ cơ sở tại Trường Đại học Đồng Tháp
5	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn theo hướng	Trần Phước Hoà	TS. Phan Ngọc Thạch	Luận văn Quản lý hoạt động tổ chuyên môn theo hướng đổi mới GDPT tại các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đổi mới giáo dục phổ thông tại các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp			Tháp, tiến hành khảo sát 20 CBQL và 90 giáo viên của 5 trường THPT trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, làm cơ sở đề xuất 06 biện pháp ản lí hoạt động tổ chuyên môn theo hướng đổi mới GDPT tại các trường THPT nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
6	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh THPT ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Lâm Phước Lành	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh THPT; từ đó, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lí giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh các trường THPT ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh trong giai đoạn hiện nay.
7	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo các trường mầm non ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Phương Mai	TS. Phạm Hữu Ngãi	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo trường MN và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDTC cho trẻ MG các trường MN ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, luận văn đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động này cho trẻ MG các trường MN tại địa phương.
8	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THPT thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Trần Thuỵ Bích Ngọc	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường trung học phổ thông thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; từ đó đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THPT thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
9	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Trần Quốc Nhân	TS. Phan Trọng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và thực trạng quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng của các trường THPT huyện U Minh Thượng, đề tài đề xuất 06 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng của các trường THPT huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.
10	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh	Nguyễn Thị Huỳnh Như	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh,

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp			tỉnh Đồng Tháp, từ đó đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.
11	Thạc sĩ	Quản lý động lực dạy học của giáo viên trường phổ thông Tương Lai, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phan Thị Thanh	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý động lực dạy học của giáo viên, đề xuất 05 biện pháp quản lý động lực dạy học của giáo viên trường phổ thông Tương Lai, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
12	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 5 tuổi ở các trường mầm non thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trương Thị Chanh	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn về quản lí hoạt động trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 5 tuổi các trường Mầm non ở thành phố Bạc Liêu; đề tài đề xuất 07 biện pháp quản lí hoạt động trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 5 tuổi ở các trường Mầm non thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.
13	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THPT ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Văn Cường	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn phát triển ĐNGV THPT các trường THPT huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đề tài đề xuất 07 biện pháp phát triển ĐNGV THPT các trường THPT đáp ứng được yêu cầu đổi mới trên địa bàn đối với sự phát triển GD hiện nay.
14	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Trần Thị Thúy Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu về lí luận và thực tiễn quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; từ đó, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiểu học ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhằm nâng cao chất lượng và phát triển giáo dục huyện Cái Bè trong giai đoạn hiện nay.
15	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học các lớp đào tạo theo hình thức vừa làm vừa	Võ Châu Hạnh	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý HĐDH các lớp đào tạo theo hình thức VLVH ở Trường Đại học Đồng Tháp; từ đó, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý HĐDH các

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học ở Trường Đại học Đồng Tháp			lớp đào tạo theo hình thức VLVH ở Trường Đại học Đồng Tháp.
16	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Sơn Hùng	TS. Lê Hùng Cường	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về kiểm tra và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động KTNB ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tác giả đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động KTNB nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
17	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên THCS ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phan Lưu Đức Huy	TS. Phạm Hữu Ngãi	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động BDGV theo CNN ở trường THCS và khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng quản lý hoạt động BDGV theo CNN ở các trường THCS thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua; đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động này, góp phần phát triển ĐNGV các trường THCS ở địa phương đạt chuẩn nghề nghiệp.
18	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường tiểu học huyện Cái Bè đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đoàn Minh Long	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDĐP của các trường tiểu học, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDĐP của các trường tiểu học ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm nâng cao chất lượng hoạt động GDĐP của các trường tiểu học và góp phần phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.
19	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá tin học chuẩn đầu ra cho sinh viên chính quy ở Trường Đại học Đồng Tháp	Vũ Thị Lý	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng QL hoạt động KTĐG tin học chuẩn đầu ra cho SV chính quy ở Trường ĐH Đồng Tháp; tác giả đề xuất 05 biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc QL hoạt động KTĐG tin học chuẩn đầu ra cho SV chính quy ở Trường ĐH Đồng Tháp.
20	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học lớp 1 ở các trường tiểu học huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đáp ứng	Ngô Minh Nhiệm	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng QL HĐDH lớp 1 ở các trường TH huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới, từ đó đề xuất 05 biện pháp QL HĐDH lớp 1 ở các trường TH huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đáp ứng CT GDPTM

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		chương trình giáo dục phổ thông mới			
21	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm qua môn học Lịch sử và Địa lý địa phương ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Mai Thị Hồng Phượng	TS. Phạm Văn Khanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về HĐTN trong dạy học và khảo sát, đánh giá về thực trạng HĐTN qua môn học LS&ĐL địa phương cho HS các trường tiểu học, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý HĐTN qua môn học LS&ĐL địa phương cho HS ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả HĐTN qua môn học này trong hiện tại và thời gian tới.
22	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Trần Văn Sang	TS. Phan Ngọc Thạch	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài làm sáng tỏ thực trạng và đề xuất 06 biện pháp nhằm phát triển đội ngũ CBQL các trường THCS tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, góp phần nâng cao chất lượng GD.
23	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THCS ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Trần Kim Cảnh	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát đánh giá thực trạng ĐNGV các trường THCS ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; từ đó, đề xuất 06 biện pháp phát triển ĐNGV các trường THCS nhằm nâng cao chất lượng ĐNGV các trường THCS ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT.
24	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học tiếng Khmer ở các trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Danh Đồng	TS. Phạm Hữu Ngãi	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Khmer ở các trường PTDTNT tỉnh Kiên Giang, luận văn đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động trên đây, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.
25	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường THPT ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Trần Văn Du	TS. Nguyễn Lan Phương	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm trong nhà trường, dựa vào nhu cầu và thực tiễn về phát triển nhân cách học sinh đáp ứng yêu cầu phát triển cho học sinh các trường trung học phổ thông huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động này ở các trường trung học phổ thông nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục học sinh và đáp ứng

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
26	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Bé Hai	TS. Lê Hùng Cường	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý hoạt xây dựng văn hóa ứng xử tại các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.
27	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp ở các trường THCS huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Dương Thị Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn; từ đó, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý HĐBD GV THCS theo CNN tại huyện Hòn Đất nhằm nâng cao chất lượng và phát triển GD huyện nhà trong giai đoạn hiện nay.
28	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên các trường mầm non huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Thái Thị Hảo	TS. Nguyễn Bách Thắng	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát đánh giá thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên các trường mầm non. Luận văn đề xuất 06 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên ở các trường mầm non huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.
29	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp ở các trường tiểu học huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Lê Ngọc Hòa	TS. Phạm Văn Khanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp ở các trường tiểu học huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường tiểu học.
30	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học viên ở trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường	Quách Mạnh Hùng	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát đánh giá thực trạng về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, tác giả đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học viên ở Trung tâm Giáo

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		xuyên huyện An Biên, Thượng tỉnh Kiên Giang			dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học viên.
31	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường tiểu học ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Tấn Hưng	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phát triển đội ngũ giáo viên tiểu học theo hướng chuẩn hóa và khảo sát thực trạng đội ngũ giáo viên các trường tiểu học ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; từ đó, đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên các trường tiểu học ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nhằm nâng cao chất lượng quản lý đội ngũ giáo viên tiểu học tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, từng bước phát triển bậc giáo dục tiểu học tại địa phương theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục.
32	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ giáo viên các trường THPT huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá trường trung học	Phạm Thanh Liêm	TS. Trương Tấn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, đánh giá thực trạng ĐNGV và thực trạng QL GV của các trường THPT tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; từ đó đề tài đề xuất 05 biện pháp QL ĐNGV các trường THPT huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đáp ứng chuẩn đánh giá trường trung học nhằm nâng cao hiệu quả công tác QL GV các trường THPT tại địa phương.
33	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Nguyễn Thị Lộc	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh các trường THPT ở TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Đề xuất 05 biện pháp nhằm cải thiện chất lượng quản lý; nâng cao phẩm chất ĐĐ, góp phần phát triển toàn diện nhân cách HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.
34	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn các trường THCS ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Lương	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phát triển đội ngũ tổ trưởng CM trường trung học cơ sở, thực trạng các trường trung học cơ sở ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn các trường THCS huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.
35	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học	Mai Ngọc Luyện	TS. Phan Ngọc Thạch	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động giáo dục KNS cho học sinh THPT và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNS cho học sinh THPT ở huyện Hòn Đất, tỉnh

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sinh THPT ở huyện Hòn Đất, Kiên Giang			Kiên Giang, tác giả đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNS cho học sinh THPT trên địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương.
36	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường tiểu học tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Bùi Công Lý	TS. Trương Tấn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong trường tiểu học và phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất 07 biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp với điều kiện hiện có của các trường tiểu học trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý trường tiểu học tại địa phương này.
37	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động của tổ chuyên môn các trường THCS huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Nhật Thanh Ngân	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động của TCM trường THCS và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động của TCM ở các trường THCS huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đề tài đề xuất 07 biện pháp quản lý hoạt động của TCM ở các trường THCS huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
38	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Toán ở các trường THCS huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Hiếu Nghĩa	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiên, các biện pháp QLHĐDH môn Toán ở các trường THCS huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang được đề xuất 05 biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng DH, giáo dục toàn diện nhân cách HS.
39	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Trần Duy Phát	TS. Nguyễn Thanh Giang	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát đánh giá thực trạng hoạt động GDĐĐ và quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện cho HS trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.
40	Thạc sĩ	Quản lý công tác chủ nhiệm lớp các trường THCS ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Trần Văn Ten	TS. Nguyễn Lan Phương	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác CN lớp, thực trạng QL công tác CN lớp các trường THCS ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; từ đó, luận văn đề xuất 06 biện pháp QL công tác CN lớp ở các trường THCS nhằm góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện HS các trường THCS ở

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.
41	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.	Nguyễn Duy Thanh	TS. Phan Ngọc Thạch	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học cơ sở và thực tiễn về quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, tác giả đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.
42	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Giáo dục Mầm non tại trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	Lâm Thị Thạnh	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và khảo sát đánh giá thực trạng QL hoạt động KTĐG KQHT của SV GDMN tại Trường CĐSP Kiên Giang; luận văn đề xuất 06 biện pháp QL hoạt động KTĐG KQHT của SVGDMN tại Trường CĐSP Kiên Giang nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ngành học GDMN tại đơn vị.
43	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cố vấn học tập của trường Đại học Kiên Giang đáp ứng yêu cầu tăng cường sử dụng hình thức đào tạo trực tuyến.	Phạm Thị Mai Thảo	TS. Phan Trọng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ cố vấn học tập của Trường Đại học Kiên Giang, luận văn đề xuất 08 biện pháp phát triển đội ngũ cố vấn học tập của Trường Đại học Kiên Giang đáp ứng yêu cầu tăng cường sử dụng hình thức đào tạo trực tuyến.
44	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh kiên Giang	Nguyễn Thành Thông	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục TTCMĐP cho HS các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Từ đó, đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục TTCMĐP cho HS các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện cho HS trong giai đoạn hiện nay.
45	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm	Nguyễn Thị Kim Thương	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường mầm non. Khảo sát và đánh giá thực

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		non ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang			trạng đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non và thực trạng công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường mầm non, đề tài đề xuất 06 biện pháp phù hợp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.
46	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường mẫu giáo ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Lê Thị Kiều Trang	TS. Phan Trọng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng phát triển ĐNGV các trường MG ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; luận văn đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ này góp nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT nói chung và nâng cao chất lượng GDMN của địa phương nói riêng.
47	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi ở các trường mẫu giáo huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Lê Hoàng Ánh Tuyết	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở lý luận quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mẫu giáo huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, luận văn đề xuất 05 biện pháp quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5- 6 tuổi nhằm góp phần nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục cho trẻ.
48	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Công nghệ ở các trường THPT huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Đồng Ngọc Viễn	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đề xuất 06 biện pháp QL HĐDH môn Công nghệ ở các trờng THPT huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang được đề xuất nhằm nâng cao chấ ợng dạy và học môn Công nghệ.
49	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THCS ở huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Dương Hoàng Vũ	TS. Nguyễn Thanh Giang	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát đánh giá thực trạng về phát triển đội ngũ giáo viên THCS ở huyện Châu Thành, tỉnh Kiên giang; tác giả đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên THCS ở huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
50	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng 51ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Huỳnh Thanh Vũ	TS. Lê Hùng Cường	Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, đề xuất 06 giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo chuẩn hiệu trưởng ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.
51	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ hiệu trưởng theo hướng chuẩn	Phạm Thị Cẩm Tú	TS. Phạm Hữu Ngãi	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đội ngũ hiệu trưởng các trường mầm non huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		hóa ở các trường mầm non huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang			Luận văn đề xuất 05 biện pháp phát triển đội ngũ hiệu trưởng theo hướng chuẩn hóa ở các trường mầm non huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả trong quản lý hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
52	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động liên kết đào tạo ở Trường Đại học Bạc Liêu	Nguyễn Thị Huyền Anh	TS. Phan Ngọc Thạch	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lí hoạt động liên kết đào tạo ở Trường Đại học Bạc Liêu, tác giả đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động liên kết đào tạo ở Trường Đại học Bạc Liêu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.
53	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THCS ở thành Phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Lê Huỳnh Sơn Ca	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tác giả đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường trung học cơ sở ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.
54	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.	Nguyễn Văn Dũ	TS. Trương Tấn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển đội ngũ CBQL các trường TH ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; đề tài đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL các trường TH ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.
55	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm các trường THCS ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.	Lê Thanh Hảo	TS. Lâm Thị Sang	Đề tài nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, trên cơ sở đó đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động trải nghiệm các trường trung học cơ sở ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
56	Thạc sĩ	Phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trường mầm non ở huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng	Liêu Thị Hồng Hoa	TS. Phan Trọng Nam	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GV trường mầm non huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng, luận văn đề xuất 06 biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GVMN góp phần nâng cao chất lượng chất lượng đội ngũ GVMN nói riêng, chất lượng GDMN huyện Thạnh Trị nói chung.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
57	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên các trường THPT thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Giang Cẩm Hồng	TS. Lâm Thị Sang	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, đánh giá thực trạng về quản lý hoạt động NCKH của giáo viên THPT, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động NCKH của giáo viên các trường THPT thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của các trường.
58	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở Trung tâm Thông tin-Thư viện Trường Đại học Bạc Liêu.	Lê Hồng Kha	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT ở Trung tâm TT- TV Trường Đại học Bạc Liêu; luận văn đề xuất 07 biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT ở Trung tâm TT- TV nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.
59	Thạc sĩ	Quản lý công tác xã hội hoá giáo dục ở các trường tiểu học huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Văn Ngàn	TS. Lê Hùng Cường	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đánh giá thực trạng xã hội hóa giáo dục, đề tài đề xuất 06 biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xã hội hóa giáo dục ở các trường tiểu học huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.
60	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Giang Thái Nhân	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; luận văn đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn của huyện.
61	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS ở thành Phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Lê Kim Thúy	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển đội ngũ CBQL và phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ CBQL các trường THCS ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ CBQL các trường THCS ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL trường THCS đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
62	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn các trường THPT huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Quí Tiên	TS. Trương Tấn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác quản lý hoạt động tổ chuyên môn các trường THPT, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động TCM các trường THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GD phổ thông 2018 nhằm góp

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					phần nâng cao hiệu quả GD trong các trường THPT ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
63	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THPT ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trương Văn Toàn	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học phổ thông ở Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học phổ thông ở Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục trong các trường trung học phổ thông ở Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
64	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn các trường THCS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Phan Thành Trung	TS. Phan Ngọc Thạch	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng QL hoạt động TCM các trường THCS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, tác giả đề xuất 05 biện pháp QL hoạt động TCM trên địa bàn, góp phần nâng cao CLGD ở các trường THCS ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu hiện nay.
65	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Lâm Thành Công	TS. Phạm Phương Tâm	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đội ngũ và phát triển đội ngũ GV Âm nhạc trường tiểu học, đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ GV Âm nhạc các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ, đề tài đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ GV Âm nhạc các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm góp phần nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.
66	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên theo chuẩn giáo dục nghệ nghiệp ở trường Cao đẳng Nghề Tây Đô thành phố Cần Thơ	Cam Tuấn Dũng	TS. Lê Hùng Cường	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và phân tích đánh giá thực tiễn, đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên ở Trường Cao đẳng nghề Tây Đô, Tp Cần Thơ theo chuẩn giáo dục nghề nghiệp.
67	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục địa phương của đội ngũ giáo viên tiểu học ở quận	Trần Thị Tư Duy	TS. Phan Trọng Nam	Trên cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển năng lực tổ chức HĐ GDĐP của đội ngũ giáo viên tiểu tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, luận văn đề xuất 05 biện pháp phát triển năng lực tổ chức HĐ GDĐP góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của các trường tiểu học ở địa phương.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ			
68	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THCS ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Hoàng Thị Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường THCS ở quận Ninh Kiều, đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS các trường THCS ở quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn nay.
69	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Hiếu	TS. Trần Hồng Thắm	Nghiên cứu lý luận về hoạt động kiểm tra nội bộ và thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ của các trường tiểu học quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đề xuất 06 biện pháp cụ thể về quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ nhằm góp phần tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường tiểu học trên địa bàn.
70	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động học tập của học sinh ở các trường THPT quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	Trần Quang Hồng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khái quát thực trạng về quản lý hoạt động học tập của học sinh các trường trung học phổ thông ở quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động học tập của học sinh ở các trường trung học phổ thông quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
71	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên mỹ thuật các trường Tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Đoàn Anh Huy	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về ĐNGV Mỹ thuật các trường tiểu học và đánh giá thực trạng phát triển ĐNGV Mỹ thuật các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, TPCT; đề tài sẽ đề xuất 06 biện pháp phát triển ĐNGV Mỹ thuật các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, TPCT nhằm góp phần nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học trong giai đoạn hiện nay.
72	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên xã hội các trường tiểu học ở	Phan Đào Nguyễn Lê	PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; từ đó đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ			công nghệ thông tin vào dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
73	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường Tiểu học Thực hành quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Trương Thị Ngọc Liên	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý HĐGDKNS cho học sinh tiểu học, tác giả đề xuất 06 BP quản lý HĐGDKNS cho học sinh Trường Tiểu học Thực hành, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường.
74	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Bùi Tấn Nhiều	TS. Hồ Văn Thống	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; từ đó đề xuất 06 biện pháp cơ bản có tính chiến lược, khoa học, phù hợp thực tiễn tại địa phương để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.
75	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đào tạo ở trường Cao đẳng giao thông vận tải Trung ương VI	Đinh Hạnh Phúc	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về công tác quản lý hoạt động đào tạo ở Trường Cao đẳng GTVT Trung ương VI; luận văn, đề xuất 05 biện pháp đổi mới quản lý hoạt động đào tạo nhằm từng bước nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay
76	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề lái xe ở thành phố Cần Thơ	Phùng Chí Thành	TS. Phạm Văn Khanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phát triển đội ngũ giáo viên, khảo sát thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề lái xe ở thành phố Cần Thơ, luận văn đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề lái xe ở thành phố Cần Thơ, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nghề lái xe trong giai đoạn hiện nay.
77	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành tại trung tâm GDNN Đào	Cao Quang Thọ	TS. Phạm Văn Khanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn về hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành, đề tài đề xuất 05 biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Đào tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Tây Đô,

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Tây Đô			nhằm chuẩn hóa và nâng cao năng lực cho giáo viên thực hành của Trung tâm.
78	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non các trường công lập quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn phát triển đội ngũ giáo viên mầm non quận Ninh Kiều, TPCT; luận văn đề xuất 06 biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non các trường công lập ở quận Ninh Kiều nhằm góp phần nâng cao việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
79	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Tây Đô	Nguyễn Minh Trí	TS. Phạm Phương Tâm	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng ĐNGV trường Cao đẳng Tây Đô, đề xuất 06 biện pháp quản lý phát triển ĐNGV trường Cao đẳng Tây Đô, thành phố Cần Thơ.
80	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn của các trường THCS ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Phan Cẩm Tùng	PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng về phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn của các trường trung học cơ sở ở Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đề xuất 07 biện pháp phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn của các trường trung học cơ sở ở Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
81	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Bảo Vân	TS. Trần Hồng Thắm	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động GDĐĐ của HS tại các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Từ đó đề tài đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho HS các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.

2. Ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm rèn kĩ năng sử dụng từ cho học sinh lớp 5 huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Trần Văn Bằng	TS. Nguyễn Văn Thuận	Chúng tôi xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm rèn kĩ năng sử dụng từ cho học sinh lớp 5 nhằm hệ thống hóa kiến thức và cơ sở lí luận về từ; về các nguyên tắc, phương pháp và dạng thức của đề trắc nghiệm, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Bám sát chương trình đào tạo môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 5 để xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm nhằm rèn kĩ năng dùng từ, phù hợp với trình độ của học sinh.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2	Thạc sĩ	Sửa lỗi liên kết câu khi viết văn của học sinh lớp 2, 3 ở huyện Phú, tỉnh An Giang	Lê Thanh Chạt	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Trên thực tế học sinh không bị mắc các lỗi về liên kết câu, đoạn văn trình bày mạch lạc rõ ràng, góp phần hoàn thiện kĩ năng viết văn. Luận văn này giúp GV củng cố mạch kiến thức và phương pháp dạy học về liên kết câu cho HS.
3	Thạc sĩ	Dạy học từ loại cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực ở huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Dương Ngọc Hân	TS. Nguyễn Văn Thuận	Luận văn góp phần hệ thống hoá cơ sở lí luận về dạy học từ loại theo định hướng PTNL HS trong phân môn LTVC lớp 4. Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất một số biện pháp dạy học tích cực về từ loại theo định hướng PTNL cho HS lớp 4.
4	Thạc sĩ	Phát triển năng lực cảm thụ văn học thông qua dạy đọc thơ cho học sinh lớp 4, 5 ở thành phố Rạnh Giá, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Ngọc Linh	TS. Nguyễn Văn Bản	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, luận văn tiến hành khảo sát, đánh giá nội dung, chất lượng dạy học môn Tiếng Việt ở lớp 4, 5 thông qua dạy học đọc thơ, đồng thời, làm rõ ý nghĩa giáo dục của thơ văn đối với việc cảm thụ của HS lớp 4, 5. Luận vă đề xuất một số biện pháp phát triển NL CTVH thông qua dạy học đọc thơ cho HS nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt.
5	Thạc sĩ	Sửa lỗi dùng từ khi viết văn của học sinh dân tộc Chăm lớp 2, 3 ở huyện An Phú, tỉnh An Giang	Lê Thị Nhượng	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Luận văn đã hệ thống lí thuyết về việc dạy học sửa lỗi dùng từ khi viết văn cho HS. Xây dựng được các biện pháp sửa lỗi dùng từ khi viết văn cho HS dân tộc Chăm. Luận văn này là tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu về việc dạy học sửa lỗi dùng từ và GV đang giảng dạy HS dân tộc Chăm.
6	Thạc sĩ	Phát triển năng lực cảm thụ văn học thông qua dạy kể chuyện cho học sinh lớp 4, 5 ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Trần Sor Vit Tha	TS. Nguyễn Văn Bản	Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng năng lực cảm thụ văn học qua phân môn Kể chuyện cho học sinh lớp 4, 5 ở một số trường tiểu học huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đề tài đề xuất các biện pháp nhằm giúp học sinh phát triển năng lực cảm thụ văn học được tốt hơn hướng tới việc nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt.
7	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập dạy học để phát triển vốn từ loại cho học sinh	Nguyễn Thị Huyền Trân	TS. Trần Hoàng Anh	Trên cơ sở hệ thống hóa lý thuyết khoa học, đề tài nhằm hướng tới mục đích xây dựng được hệ thống bài tập từ loại cho HS lớp 4 nhằm nâng cao chất lượng dạy học từ loại. Qua đó, giúp

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		lớp 4 ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang			HS củng cố kiến thức và có hứng thú trong việc học tập từ loại ở môn Tiếng Việt.
8	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập sử dụng từ cho học sinh lớp 3 huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo định hướng phát triển năng lực	Võ Thị Cẩm Linh	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Xây dựng được hệ thống BT sử dụng từ trong phân môn LTVC cho HS lớp 3 nhằm phát triển NL sử dụng từ trong giao tiếp và tư duy, góp phần tích cực hóa vốn từ cho HS, từ đó nâng cao hiệu quả giờ dạy - học Tiếng Việt lớp 3.
9	Thạc sĩ	Ứng dụng lí thuyết về phép liên kết văn bản vào dạy học viết văn kể chuyện cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Ngọc Lợi	TS. Trần Đức Hùng	Đề xuất các biện pháp hướng dẫn học sinh nhận diện và ứng dụng lí thuyết phép liên kết văn bản trong bài viết văn kể chuyện cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực, nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học viết văn kể chuyện ở tiểu học.
10	Thạc sĩ	Rèn luyện kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp 3 ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Lâm Minh Thành	TS. Nguyễn Văn Thuận	Với đề tài này, chúng tôi tìm hiểu các cơ sở lí luận và thực trạng sử dụng biện pháp tu từ của HS và đề xuất một số biện pháp rèn kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ cho HS lớp 3 nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
11	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề số và phép tính trong toán 5 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học	Nguyễn Văn Bé	TS. Phạm Thị Kim Châu	Luận văn làm sáng tỏ hệ thống cơ sở lí luận trong DH phát triển NL TD&LL toán học ở tiểu học; đề xuất cách tổ chức DH một số tình huống điển hình theo hướng phát triển NL TD&LL toán học. Đề xuất cách tổ chức DH một số tình huống điển hình của chủ đề số và phép tính trong Toán 5 theo hướng phát triển NL TD&LL toán học.
12	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho	Mai Chấn Hiệp	TS. Nguyễn Thị Kiều	Luận văn đã làm sáng tỏ một số vấn đề về cơ sở lý luận: NL, NL toán học, NL TD&LL toán học; biểu hiện của NL TD&LL

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học sinh lớp 4 qua dạy học nội dung số học			toán học của học sinh trong môn Toán 4. Phân tích được nội dung và yêu cầu cần đạt của của số học toán 4 theo hướng dạy học phát triển NL; cơ hội phát triển NL TD&LL toán học cho học sinh qua nội dung số học trong Toán 4. Đề xuất các biện pháp phát triển NL TD&LL toán học cho học sinh lớp 4 qua dạy học số học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở tiểu học.
13	Thạc sĩ	Hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán cho học cho học sinh lớp 1 thông qua dạy học "Số học và phép tính"	Lê Cao Bá Triết	TS. Lê Thị Tuyết Trinh	Phân tích cơ sở lí luận về năng lực tư duy và lập luận toán học của học sinh tiểu học; Nghiên cứu làm rõ những biểu hiện về năng lực tư duy và lập luận toán học của học sinh lớp 1. Đề xuất các biện pháp hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 1 thông qua dạy học "số và phép tính" nhằm nâng cao chất lượng dạy học Toán.
14	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học của học sinh lớp 3 thông qua dạy học số và phép tính	Ngô Phương Trúc	TS. Đỗ Văn Hùng	Làm sáng tỏ những vấn đề về năng lực GTTH, ngôn ngữ toán học và phát triển năng lực GTTH cho học sinh. Đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực GTTH của HS lớp 3 thông qua dạy học "Số và Phép tính", góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán cho HS lớp 3.
15	Thạc sĩ	Dạy học rèn luyện và phát triển các thao tác tư duy cho học sinh theo chủ đề số học trong môn toán lớp 2	Phan Thị Ngọc Bích	TS. Võ Thành Phước	Nghiên cứu các thao tác tư duy cơ bản của học sinh lớp 2 theo chủ đề số học, từ đó đề xuất các biện phép sư phạm để rèn luyện các thao tác tư duy cơ bản cho học sinh lớp 2, góp phần nâng cao chết lượng dạy học môn toán lớp 2 và làm cơ sở tiền đề học tốt các môn học khác. Đề ra các biện pháp và thiết kế được các tình huống dạy học để rèn luyện tư duy cho học sinh trong môn toán lớp 2.
16	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh qua việc dạy học yếu tố hình học	Nguyễn Trần Đông	TS. Nguyễn Thị Trúc Minh	Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của NL TDST và biểu hiện của NL TDST ở HS lớp 4 để từ đó đề xuất những biện pháp cần thiết nhằm bồi dưỡng NL TDST cho HS lớp 4 qua dạy học yếu tố hình học. Đề tài góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán 4 trong trường Tiểu học.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
17	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng các hoạt động thực hành và trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực tính toán cho học sinh lớp 4	Trần Văn Đức	TS. Lê Duy Cường	Mục đích nghiên cứu của luận văn là thiết kế và sử dụng một số hoạt động thực hành và trải nghiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học môn Toán lớp 4 nhằm phát triển năng lực tính toán của học sinh góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở tiểu học.
18	Thạc sĩ	Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác vào dạy học số và phép tính ở toán lớp 1 sách Cánh Diều	Thạch Ngọc Mỹ Duy	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Nghiên cứu cơ sở lí luận về DHHT làm cơ sở đề xuất được các quy trình tổ chức dạy học hợp tác để vận dụng thiết kế kế hoạch bài học chủ đề số và phép tính trong dạy học môn Toán 1 nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, đáp ứng yêu cầu của đổi mới chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.
19	Thạc sĩ	Hình thành và phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 1 thông qua dạy học nội dung "Số và phép tính"	Nguyễn Thúy Hằng	TS. Đỗ Văn Hùng	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Luận văn đề xuất biện pháp hình thành và phát triển NL mô hình hóa toán học cho HS lớp 1 thông qua DH nội dung "Số và Phép tính" nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả DH môn Toán ở lớp 1.
20	Thạc sĩ	Thiết kế một số tình huống dạy học toán cho học sinh lớp 5 theo quan điểm dạy học tích hợp	Lâm Ngọc Minh	TS. Phạm Thị Thanh Tú	Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận về quan điểm DHTH và tình huống DHTH. Làm cơ sở thiết kế một số tình huống DH toán cho HS lớp 5 theo quan điểm DHTH nhằm mục tiêu DH phát triển PC và NL theo định hướng của Chương trình GDPT môn Toán 2018 đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán ở tiểu học.
21	Thạc sĩ	Rèn luyện kĩ năng tính toán cho học sinh lớp 4 thông qua hoạt động giải bài tập chủ đề số học và phép tính	Huỳnh Phước Trung	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kĩ năng tính toán trong dạy học toán tiểu học Nghiên cứu đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm rèn luyện kĩ năng tính toán cho HS lớp 4 thông qua hoạt động giải bài tập chủ đề số học và phép tính, góp phần nâng cao chất lượng dạy học toán 4 bậc tiểu học.
22	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 3 trong dạy học chủ đề hình học và đo lường	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS. Lê Xuân Trường	Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 3 trong dạy học chủ đề hình học và đo lường. Đề xuất một số biện pháp sư phạm nhằm phát triển năng lực mô hình hóa cho học sinh lớp 3 thông qua dạy học

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					chủ đề hình học và đo lường, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở cấp tiểu học.
23	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng sơ đồ tư duy dạy học nội dung hình học và đo lường trong toán 4	Lý Thanh Tùng	TS. Lê Duy Cường	Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến cách thiết kế và sử dụng sơ đồ tư duy vào dạy học nội dung Hình học và Đo lường trong Toán 4. Tiến hành thiết kế và sử dụng sơ đồ tư duy vào dạy học nội dung Hình học và Đo lường trong Toán 4 qua đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn toán ở tiểu học.

3. Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm- Giải tích 12	Lê Minh Thiện Anh	TS. Lê Minh Cường	Tổng hợp cơ sở lí luận về năng lực, năng lực sử dụng các công cụ, phương tiện học toán. Đề xuất các biện pháp bồi dưỡng năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho HS thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm trong Giải tích 12 nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường THPT.
2	Thạc sĩ	Dạy học chương III: Quan hệ vuông góc trong không gian- Hình học 11 theo cách tiếp cận lý thuyết kiến tạo nhận thức	Trần Hoài Bảo	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Luận văn tiến hành nghiên cứu là thiết kế một số tình huống dạy học chủ đề "Dạy học Chương III: Quan hệ vuông góc trong không gian - Hình học 11 theo cách tiếp cận lý thuyết kiến tạo" nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự học của HS và nâng cao hiệu quả dạy học chủ đề này ở trường THPT.
3	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải bài tập toán cho học sinh thông qua dạy học chương phương pháp tọa độ trong không gian- Hình học 12	Lâm Ngọc Châu	TS. Lê Xuân Trường	Làm sáng tỏ cơ sở lí luận về bồi dưỡng năng lực giải bài tập toán trong dạy học chương phương pháp tọa độ trong không gian- Hình học 12. Đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng năng lực giải bài tập toán cho HS trong dạy học chương phương pháp tọa độ trong không gian- Hình học 12 nhằm nâng cao chất lượng dạy học.
4	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy hàm thông qua dạy	Trần Kim Dũng	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lí luận liên quan đến tư duy toán học đặc biệt là tư duy hàm trong dạy học toán. Đề xuất các biện pháp bồi dưỡng tư duy hàm cho học sinh khi dạy học giải

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học giải phương trình cho học sinh THPT			phương trình nhằm góp phần phát triển năng lực toán học cho học sinh, nâng cao chất lượng dạy học ở trường phổ thông.
5	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề tam giác cho học sinh lớp 7 bằng tiếng Anh theo cách tiếp cận Clil	Huỳnh Trần Trúc Duyên	TS. Nguyễn Văn Dũng	Làm rõ những vấn đề lý luận về việc dạy học Toán bằng tiếng Anh theo cách tiếp cận CLIL. Đề xuất quy trình thiết kế và áp dụng cách tiếp cận CLIL vào dạy học Toán bằng tiếng Anh trong chủ đề tam giác lớp 7, từ đó, đề tài góp phần tổ chức thành công việc dạy và học môn Toán bằng tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở.
6	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề Phương trình - Hệ phương trình lớp 10	Phạm Trà Giang	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa các vấn đề lí luận liên quan đến năng lực mô hình hóa. Đề xuất các biện pháp nhằm góp phần phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề phương trình, hệ phương trình lớp 10.
7	Thạc sĩ	Dạy học nội dung phương trình bậc nhất một ẩn cho học lớp 8 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Nguyễn Thị Kim Hạnh	TS. Lê Minh Cường	Làm rõ các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn, phương pháp luận có liên quan đến năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong dạy học phương trình bậc nhất một ẩn lớp 8. Thiết kế các tình huống dạy học nội dung phương trình bậc nhất một ẩn theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh lớp 8 nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở Trường Trung học cơ sở.
8	Thạc sĩ	Dạy học giải các bài toán thực tế trong chương trình toán 10 với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra	Ngô Tùng Hiếu	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Nghiên cứu sử dụng phần mềm GeoGebra vào dạy học giải quyết các bài toán thực tế trong chương trình toán 10 nhằm góp phần giáo dục tính thực tế toán học cho học sinh và nâng cao hưng thú học tập cho học sinh theo hướng tiếp cận công nghệ.
9	Thạc sĩ	Rèn kỹ năng giải bài toán cho học viên hệ giáo dục thường xuyên thông qua dạy học giải bài tập chương ứng dụng đạo hàm để khảo sát và	Nguyễn Minh Hiếu	TS. Nguyễn Văn Hồng	Nghiên cứu cở sở lý luận và đề xuất được một số biện pháp rèn luyện kỹ năng giải toán cho học viên hệ giáo dục thường xuyên thông qua dạy học giải bài tập chương Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số- lớp 12, nhằm nâng cao chất lượng dạy học toán ở Trung tâm giáo dục thường xuyên.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		vẽ đồ thị của hàm số- Lớp 12			
10	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh trong dạy học "Phương trình mũ, phương trình lôgarit, bất phương trình lôgarit" - Giải tích 12	Lê Minh Khắc	TS. Đỗ Văn Hùng	Đề xuất cách ĐGNL giải quyết vấn đề toán học của học sinh trong dạy học "Phương trình mũ, phương trình lôgarit và Bất phương trình mũ, bất phương trình lôgarit "- Giải Tích 12, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong công tác kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các trường phổ thông nói chung và học sinh lớp 12 nói riêng.
11	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực vận dụng toán học vào thực tiễn trong dạy học Đại số 10	Lưu Văn Mau	TS. Nguyễn Văn Hồng	Hệ thống hoá lý luận liên quan đến năng lực, năng lực vận dụng vào thực tiễn trong dạy học toán. Đề xuất một số biện pháp rèn luyện năng lực vận dụng kiến thức toán học vào thực tiễn trong quá trình dạy học Đại số 10 (Chương : Tập hợp, Ham sô bâc nhất va Ham sô bâc hai) nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp dạy học môn Toán ở trường THPT.
12	Thạc sĩ	Xây dựng nguồn học liệu hỗ trợ học chủ đề phương trình đường thẳng và phương trình đường tròn - Hình học 10 cơ bản hệ giáo dục thường xuyên	Lưu Văn Nan	TS. Trần Lê Nam	
13	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực huy động kiến thức cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Bất đẳng thức, Bất phương trình- Đại số 10	Trần Thanh Quyền	TS. Lê Xuân Trường	Làm rõ cơ sở lí luận về năng lực, năng lực toán học, năng lực huy động kiến thức cho học sinh trong dạy học chủ đề bất đẳng thức, bất phương trình. Đề xuất một số biện pháp bồi dưỡng năng lực huy động kiến thức cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề bất đẳng thức, bất phương trình nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn toán ở trường Trung Học Phổ Thông.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
14	Thạc sĩ	Thiết kế một số tình huống dạy học theo hướng tiếp cận năng lực nội dung phương trình đường thẳng Hình học 10 ở trường THPT	Trần Văn Tâm	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến dạy học theo hướng tiếp cận năng lực. Thiết kế một số tình huống dạy học nội dung phương trình đường thẳng hình học 10 theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát triển năng lực toán học cho HS, góp phần nâng cao chất lượng dạy học toán ở trường trung học phổ thông.
15	Thạc sĩ	Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh qua dạy học hình học không gian lớp 11	Nguyễn Hiếu Trung	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan Tư duy biện chứng trong dạy học toán phổ thông. Đề xuất một số biện pháp góp phần phát triển Tư duy biện chứng cho HS trong dạy học hình học không gian 11, đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông.
16	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian	Lê Phú Trường	TS. Lê Xuân Trường	Làm sáng tỏ lý luận về năng lực toán học, năng lực tư duy, phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian lớp 11. Đề xuất một số biện pháp sư phạm để phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian lớp 11 nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học Toán 11 nói riêng và môn toán nói chung, đồng thời đáp ứng theo tinh thần đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.
17	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học giải bài tập chủ đề đường tròn, góc với đường tròn	Trần Quốc Việt	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến năng lực toán học, năng lực TDST trong dạy học toán ở Trường THCS. Xác định các biểu hiện năng lực TDST của HS và đề xuất các biện pháp nhằm phát triển năng lực TDST cho HS lớp 9 thông qua dạy học giải bài tập hình học chủ đề "Đường tròn, góc với đường tròn".
18	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề Phương pháp toạ độ trong mặt phẳng- Hình học lớp 10 cơ bản theo hướng tăng cường phân hoá đối tượng học sinh	Nguyễn Đức Dư	TS. Lê Xuân Trường	Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về DHPH, dạy học giải bài tập toán học, hệ thống các bài tập căn bản chủ đề Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng- hình học lớp 10 cơ bản. Đề xuất các cách tổ chức hoạt động DHPH cho HS lớp 10 chủ đề " Tọa độ trong mặt phẳng" nhằm góp phần nâng cao chất lượng cho việc dạy và học môn Toán ở trường THPT.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
19	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải toán cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Bất phương trình	Phạm Thị Mỹ Dung	TS. Lê Xuân Trường	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến năng lực toán học, năng lực giải toán trong dạy học toán ở Trường Trung học Phổ thông.Đề xuất một số biện pháp bồi dưỡng năng lực giải toán cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học chủ đề "bất phương trình" nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Phổ thông.
20	Thạc sĩ	Dạy học hàm số bậc hai-Đại số 10 theo định hướng kết nối toán học với thực tiễn	Cao Thành Đạt	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Xác định làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến việc kết nối Toán học với thực tiễn. đề xuất các biện pháp tăng cường kết nối Toán học với thực tiễn trong dạy học Hàm số bậc hai - Đại số 10 nhằm góp phần đáp ứng mục tiêu giáo dục Toán học của nước ta trong giai đoạn mới.
21	Thạc sĩ	Phát triển năng lực lực mô hình hoá toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số- Giải tích 12	Lê Hoàng Khải	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến năng lực, năng lực toán học, năng lực mô hình hóa toán học, bài tập toán học. Đề xuất một số biện pháp sư phạm phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số- Giải tích 12, góp phần phát triển năng lực toán học cho học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông.
22	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề Tích phân bằng cách sử dụng kĩ thuật mảnh ghép	Huỳnh Nguyễn Thụy Hồng Lan	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Làm rõ cơ sở lí luận liên quan đến GTTH và kĩ thuật mảnh ghép để xây dựng khung lý thuyết cho đề tài. Vận dụng thiết kế tình huống trong dạy học chủ đề tích phân bằng cách sử dụng kĩ thuật mảnh ghép nhằm phát triển năng lực GTTH cho HS.
23	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Tam giác- Hình học 7	Bùi Thị Kim Ngân	TS. Lê Minh Cường	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan về năng lực, năng lực toán học, năng lực giao tiếp toán học. Đề xuất các biện pháp phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Tam giác- Hình học 7 nhằm phát triển năng lực cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường trung học cơ sở.
24	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học	Nguyễn Hiếu Nhi	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài. Đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sinh lớp 11 thông qua khai thác các yếu tố thực tiễn trong dạy học chủ đề Dãy số- Cấp số cộng- Cấp số nhân			phát triển năng lực MHH toán học cho HS lớp 11 thông qua khai thác các yếu tố thực tiễn trong dạy học Chủ đề - Dãy số, Cấp số cộng, Cấp số nhân.
25	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề Đường tròn- Hình học 9 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học	Trình Ngọc Tánh	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống những vấn đề lý luận về năng lực, năng lực toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học. Thiết kế được một số tình huống dạy học các khái niệm, định lý và giải một số bài tập trong chủ đề đường tròn theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh nhằm góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán ở trường THCS.
26	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Hệ thức lượng trong tam giác vuông- Hình học 9	Phạm Thị Mai Thắm	TS. Lê Minh Cường	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan về năng lực, năng lực toán học, năng lực mô hình hóa toán học. Đề xuất các biện pháp phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Hệ thức lượng trong tam giác vuông nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Trung học cơ sở.
27	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 10 trong dạy học chủ đề Vectơ	Phạm Thị Hương Trà	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực giao tiếp toán học. Thiết kế được một số tình huống dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp toán học trong chủ đề Vectơ và góp phần nâng cao năng lực toán học cho học sinh khi học chủ đề này.
28	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học chủ đề Đường tròn	Nguyễn Minh Trung	TS. Đỗ Văn Hùng	Nghiên cứu các thành tố của năng lực GTTH. Đề xuất các biện pháp hướng phát triển năng lực GTHT cho HS lớp 9 thông qua dạy học chủ đề Đường tròn ở trường THCS.
29	Thạc sĩ	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học chủ đề quan hệ	Lê Thị Âu	TS. Lê Xuân Trường	Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các lí thuyết của DHKP và DHKP trong môn Toán làm cơ sở lý luận cho đề tài. Đề xuất cách thức vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào một

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		vuông góc trong không gian - Hình học 11			số tình huống trong chủ đề "Quan hệ vuông góc trong không gian" - Hình học 11 nhằm phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường THPT.
30	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học nội dung phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng	Phan Văn Cần	TS. Đỗ Văn Hùng	Luận văn góp phần làm sáng tỏ cơ sở lí luận về NL GQVĐ toán học cho HS lớp 10, các thành tố và biểu hiện NL GQVĐ toán học của HS lớp 10 khi học về nội dung PTTQ và PTTS của đường thẳng. Luận văn đề xuất được một số biện pháp bồi dưỡng NL GQVĐ toán học cho HS thông qua dạy học nội dung PTTQ và PTTS của đường thẳng từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Hình học lớp 10.
31	Thạc sĩ	Dạy học chương Hàm số đại số 10 theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học	Lại Mỹ Chinh	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lí luận liên quan đến dạy học toán theo định hướng phát triển NLGTTH. Thiết kế một số tình huống dạy học chương hàm số bậc nhất và bậc hai trong đại số 10 theo định hướng phát triển NLGTTH góp phần thực hiện mục tiêu hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực toán học cho học sinh qua dạy học toán.
32	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Nguyên hàm tích phân và ứng dụng - Giải tích 12	Nguyễn Văn Đăng	TS. Lê Xuân Trường	Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ vấn đề liên quan đến năng lực giao tiếp toán học từ đó đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề Nguyên hàm tích phân và ứng dụng giải tích 12.
33	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động dạy học chương Đạo hàm theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT	Nguyễn Thanh Hai	TS. Nguyễn Phương Thảo	Nghiên cứu làm rõ các cơ sở của lý luận liên quan đến năng lực, năng lực toán học và đặc biệt là năng lực GQVĐ toán học. Đề xuất một số biện pháp góp phần tổ chức hoạt động dạy học chương đạo hàm theo hướng phát triển năng lực GQVĐ toán học cho HS lớp 11THPT.
34	Thạc sĩ	Phát triển năng lực kiến tạo tri thức toán học cho học sinh lớp 11 thông	Nguyễn Minh Hải	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến năng lực toán học, năng lực kiến tạo trong dạy học toán. Đề xuất một số biện pháp góp phần phát triển năng lực kiến tạo tri thức toán học

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian			cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn toán lớp 11 nói riêng, môn toán THPT nói chung, đáp ứng được mục tiêu giáo dục phổ thông 2018.
35	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương thống kê - Đại số 10	Võ Thanh Thiên Hoà	TS. Lê Minh Cường	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan về năng lực, năng lực toán học, năng lực GTTH. Đề xuất các biện pháp nhằm phát triển năng lực GTTH cho HS thông qua dạy học Thống kê, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Trung học phổ thông.
36	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề phương trình và hệ phương trình vô tỉ ở THPT	Bùi Thanh Hồng	TS. Lê Xuân Trường	Nghiên cứu xác định các thành tố của năng lực tư duy sáng tạo cho HS thể hiện trong quá trình dạy học giải bài tập chủ đề pt và hpt vô tỉ ở THPT. Từ đó đề xuất các biện pháp sư phạm góp phần phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho HS khi dạy học chủ đề này, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Toán ở Trường Phổ thông.
37	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực khám phá tri thức phương pháp cho học sinh trong dạy học giải bài tập phương pháp tọa độ trong mặt phẳng - Hình học 10	Trần Văn Kỹ	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Làm rõ những vấn đề lí luận liên quan đến rèn luyện năng lực toán học, năng lực khám phá tri thức phương pháp trong dạy học toán. Đề xuất các biện pháp rèn luyện năng lực khám phá tri thức phương pháp trong dạy học giải bài tập phương pháp tọa độ trong mặt phẳng hình học 10 nhằm góp phần phát triển năng lực toán học cho học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông.
38	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương thống kê cho học sinh lớp 7	Hồ Ngọc Nhất Linh	TS. Nguyễn Phương Thảo	Nghiên cứu Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương thống kê cho học sinh lớp 7 với mục đích tổ chức dạy học qua trải nghiệm trong môn Toán giúp HS tích cực chủ động lĩnh hội tri thức khi học nội dung chương Thống kê ở lớp 7.
39	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề nguyên hàm tích phân theo cách tiếp cận lý thuyết kiến tạo xã hội	Danh Huệ Minh	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Nghiên cứu lý thuyết KTXH của L. Vygotsky và quy trình tổ chức các hoạt động dạy học chủ đề nguyên hàm, tích phân theo cách tiếp cận lý thuyết KTXH nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học của GV và HS khi dạy học chủ đề này.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
40	Thạc sĩ	Vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung vào dạy học phương trình đường thẳng trong không gian - Hình học 12	Nguyễn Hoàng Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Luận văn nghiên cứu việc vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung vào dạy học khái niệm; dạy học định lý; dạy học giải bài tập toán vào PTĐT trong KG. Từ đó đề xuất các quy trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học Hình học cho HS 12.
41	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian - Hình học 11	Nguyễn Minh Phụng	TS. Lê Minh Cường	Làm rõ các vấn đề về cơ sở lý luận có liên quan đến năng lực, năng lực toán học, năng lực GQVĐ toán học. Đề xuất các biện pháp nhằm phát triển năng lực GQVĐ toán học cho HS thông qua dạy học chương "Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian" góp phần phát triển năng lực toán học cho HS đồng thời nâng cao chất lượng dạy học môn toán ở trường THPT.
42	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Hình học 11 trên cơ sở vận dụng lý thuyết kiến tạo	Bạch Phương Tính	TS. Phạm Sỹ Nam	Đề tài nghiên cứu cơ sở lý luận về lý thuyết kiến tạo, quan điểm dạy học trên cơ sở vận dụng lý thuyết kiến tạo từ đó vận dụng thiết kế các THDH nhằm giúp HS kiến tạo kiến thức chủ đề đường thẳng vuông góc với mặt phẳng - Hình học 11, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Toán.
43	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề phương trình đường thẳng trong không gian trên cơ sở vận dụng lý thuyết kiến tạo	Lê Đăng Tuấn	TS. Phạm Sỹ Nam	Hệ thống hóa được những vấn đề về lý thuyết kiến tạo và dạy học kiến tạo. Thiết kế các tình huống dạy học phương trình đường thẳng trong không gian nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán.
44	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 11 thông qua phát hiện sửa chữa sai lầm trong dạy học giải bài tập chủ đề Tổ hợp và Xác suất	Danh Út	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp góp phần rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh thông qua phát hiện và sửa chữa sai lầm trong dạy học giải bài tập về Tổ hợp và Xác suất nhằm góp phần phát triển năng lực tư duy của học sinh trong dạy học toán nói chung.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
45	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề rút gọn biểu thức - Đại số 9	Bùi Tiến Võ	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Nghiên cứu xác định các biểu hiện năng lực tư duy và lập luận toán học của học sinh thể hiện trong quá trình dạy học rút gọn biểu thức đại số trong chương trình toán THCS. Từ đó, đề xuất các biện pháp ren luyện năng lực tư duy và lập luận cho học sinh khi dạy học rút gọn biểu thức đại số lớp 9 nói riêng và môn toán nói chung nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học toán đại số 9 ở trường trung học cơ sở.
46	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề phương trình mặt cầu - Hình học 12	Nguyễn Trương Vương	TS. Đỗ Văn Hùng	Làm rõ những vấn đề liên quan đến năng lực, năng lực toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học. Đề xuất biện pháp sư phạm bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Phương trình mặt cầu- Hình học 12, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông.
47	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm- Giải tích 12	Nguyễn Thanh Bình	PGS.TS. Phan Anh Tài	Nghiên cứu để làm rõ vấn đề lý luận liên quan đến mô hình hóa, mô hình hóa toán học và năng lực mô hình hóa toán học. Từ đó đề xuất một số biện pháp bồi dưỡng năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm - Giải tích 12.
48	Thạc sĩ	Phát triển năng lực toán cho học sinh lớp 10 thông qua sử dụng bài tập chủ đề phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	Huỳnh Trọng Hiếu	TS. Nguyễn Văn Dũng	Hệ thống lí luận và thực tiễn về các năng lực toán học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phát triển năng lực toán cho học sinh lớp 10 thông qua sử dụng bài tập chủ đề Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng góp phần nâng cao chất lượng dạy học Toán 10 nói riêng và Bộ môn toán nói chung.
49	Thạc sĩ	Xây dựng các tình huống dạy học chủ đề "Nguyên hàm - Tích phân và ứng dụng" theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận Toán học cho học sinh lớp 12	Trần Thế Hòa	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Xây dựng hệ thống hóa những vấn đề về lý luận liên quan đến hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho HS. Xây dựng các tình huống dạy học chủ đề Nguyên hàm - Tích phân và ứng dụng theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho HS lớp 12, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy chủ đề này ở trường THPT, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
50	Thạc sĩ	Phát triển tư duy phân tích cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề lượng giác.	Vũ Thái Hòa	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa một số vấn đề lí luận liên quan đến tư duy, tư duy toán học, tư duy phân tích trong dạy học toán. Đề xuất các biện pháp phát triển tư duy phân tích cho học sinh trong dạy học chủ đề lượng giác nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường THPT.
51	Thạc sĩ	Thiết kế các tình huống dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong không gian theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh	Nguyễn Việt Huy	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Hệ thống hóa một số vấn đề lí luận liên quan năng lực, năng lực toán học, năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học toán. Thiết kế các tình huống dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong không gian theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho HS nhằm góp phần phát triển năng lực toán học cho HS; nâng cao chất lượng dạy, học Toán trong trường THPT để đáp ứng mục tiêu chương trình GDPT 2018.
52	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập chủ đề "Phương pháp tọa độ trong không gian" theo hướng phát triển năng lực toán học cho học sinh lớp 12.	Nguyễn Văn Khởi	TS. Lê Minh Cường	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan về năng lực, năng lực toán học. Xây dựng hệ thống bài tập trong dạy học chủ đề "Phương pháp tọa độ trong không gian" nhằm phát triển năng lực toán học cho học sinh lớp 12, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Trung học phổ thông.
53	Thạc sĩ	Thiết kế các tình huống dạy học chương Hàm số lũy thừa, Hàm số mũ và Hàm số logarit theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 12	Nguyễn Văn Liêu	TS. Lê Xuân Trường	Hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề về lý luận liên quan đến năng lực giải quyết vấn đề toán học trong chương Hàm số lũy thưa, hàm số mũ và hàm số logarit - Giải tích 12. Thiết kế các tình huống dạy học theo định hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học thông qua những nội dung liên quan đến chương Hàm số lũy thưa, hàm số mũ và hàm số logarit.
54	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học hệ phương trình bậc nhất hai ẩn nhằm phát triển năng lực mô hình hóa cho học sinh lớp 9	Nguyễn Thanh Minh	TS. Phạm Sỹ Nam	Luận văn xác định các thành tố cơ bản của năng lực mô hình hóa trong dạy học hệ phương trình bậc nhất hai ẩn Đại số 9. Đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển năng lực MHH trong dạy học hệ phương trình bậc nhất hai ẩn Đại số 9

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
55	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh thông qua dạy học chương tứ giác- Hình học 8.	Huỳnh Thị Kiều My	TS. Lê Xuân Trường	Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa một số vấn đề lí luận liên quan đến NL toán học, NL TD&LL toán học trong dạy học toán chương tứ giác - Hình học 8 làm cơ sở lý luận cho đề tài. Đề xuất các biện pháp phát triển NL TD&LL toán học cho học sinh trong dạy học chương tứ giác - Hình học 8 nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học Toán 8 nói riêng và môn Toán ở cấp THCS nói chung.
56	Thạc sĩ	Dạy học bài toán tìm Giá trị lớn nhất - Giá trị nhỏ nhất giải tích 12 theo hướng dạy học tích hợp	Châu Minh Ngẫu	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Nghiên cứu cơ sở lý luận, quan điểm về dạy học tích hợp. Đề xuất các tình huống tổ chức dạy học Giá trị lớn nhất giá trị nhỏ nhất theo hướng tích hợp nhằm phát triển khả năng nhận thức và năng lực vận dụng kiến thức của HS trong quá trình dạy học và góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Trung học phổ thông hiện nay.
57	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chương "Nguyên hàm- Tích phân và Ứng dụng" theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 12	Lê Tuấn Nhã	TS. Lê Minh Cường	Hệ thống hóa và làm sáng tỏ các vấn đề lý luận liên quan về NL, NL TH, NL GQVĐ toán học. Thiết kế một số tình huống dạy học theo định hướng phát triển NL GQVĐ toán học cho học sinh lớp 12 thông qua việc dạy học chương Nguyên hàm - Tích phân và ứng dụng nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường Trung học phổ thông.
58	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy lôgic thông qua dạy học giải bài tập chương Giới hạn - Đại số và Giải tích lớp 11	Trương Hồng Sang	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Làm rõ cơ sở lý luận về dạy học toán theo hướng bồi dưỡng năng lực tư duy logic cho học sinh. Làm cơ sở đề xuất một số biện pháp sư phạm bồi dưỡng năng lực TDLG cho HS trong dạy học giải toán Giới hạn - ĐS&GT 11, nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy và học môn toán ở trường THPT.
59	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 12 thông qua dạy học chương "Phương pháp tọa độ trong không gian"	Quách Thanh Thưởng	TS. Đỗ Văn Hùng	Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 12 thông qua dạy học chương "Phương pháp tọa độ trong không gian" góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học hình học.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
60	Thạc sĩ	Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua giải bài tập chương "Hàm số lượng giác và Phương trình lượng giác- Đại số và Giải tích 11"	Trần Văn Toàn	TS. Lê Xuân Trường	Đề xuất các biện pháp phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chương Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác - Đại số & giải tích 11 nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Toán.
61	Thạc sĩ	Phát triển năng lực nhận thức toán học cho học sinh thông qua dạy học +hình học không gian lớp 12	Bùi Kim Trọng	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đề xuất những biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức toán học cho HS thông qua dạy học hình học không gian lớp 12, góp phần phát triển năng lực nhận thức toán học cho HS, đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông.
62	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực mô hình hóa toán học của học sinh lớp 11 trong dạy học chủ đề "Giải tích Tổ hợp và Xác suất"	Nguyễn Ngọc Trọng	TS. Đỗ Văn Hùng	Đề xuất được cách đánh giá phù hợp và xây dựng thang đánh giá để biết NL MHH toán học của học sinh lớp 11 khi dạy học chủ đề " Giải tích Tổ hợp và Xác suất". Từ đó người giáo viên có thể điều chỉnh phương pháp dạy học và đánh giá đúng NL của học sinh, bên cạch đó học sinh cũng có thể điều chỉnh cách học phù hợp NL và mục tiêu đề ra.
63	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải toán cho học sinh thông qua dạy học Đại số và Giải tích 11 (chương Giới hạn)	Nguyễn Duy Tuấn	TS. Nguyễn Văn Hồng	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về NL giải toán. Từ đó, xây dựng các biện pháp sư phạm phù hợp nhằm bồi dưỡng NL giải toán thông qua DH chương Giới hạn- Đại số và Giải tích lớp 11, góp phần nâng cao chất lượng DH môn toán ở trường trung học phổ thông.

4. Ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu điều chế, pha tạp kim loại sắt và khảo sát khả năng ứng dụng đối với vật liệu khung hữu cơ- kim loại nhôm terephthalate	Huỳnh Tuấn Anh	PGS.TS. Phạm Đình Dũ	Nghiên cứu lí luận về vật liệu khung hữu cơ-kim loại có chứa một kim loại và hai kim loại. Đồng Thời, làm rõ quá trình hấp phụ các ion kim loại nặng trong dung dịch nước. và quá trình oxi hóa phân hủy các phẩm nhuộm trong dung dịch nước. Từ đó, điều chế vật liệu khung hữu cơ-kim loại MIL-53(Al). Điều

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					chế MIL-53(Al) pha tạp sắt, kí hiệu Fe-MIL-53(Al). Khảo sát khả năng hấp phụ và xúc tác của các vật liệu điều chế thu được.
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu các trạng thái electron của cluster $TaGe_3^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Võ Duy Cần	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đề tài nghiên cứu các trạng thái electron cơ bản và kích thích của các đồng phân thuộc cluster $TaGe3^{-/0/+}$. Xây dựng được hình ảnh của các orbital phân tử thuộc cluster $TaGe3^{-/0/+}$
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng hấp phụ amoni và xanh methylene của vật liệu hấp phụ chế tạo từ vỏ củ ấu	Hồ Thành Chấn	TS. Đặng Kim Tại	Đề tài ghiên cứu về vật liệu hấp phụ từ vỏ củ ấu và quá trình hấp phụ amoni và xanh methylene trong dung dịch nước. Trên cơ sở đó, điều chế vật liệu hấp phụ từ vỏ củ ấu và đánh giá khả năng hấp phụ ion amoni và xanh methylene ra khỏi dung dịch nước của vật liệu điều chế.
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử propene bằng phương pháp tính hóa lượng tử	Huỳnh Thanh Hoàng	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Nghiên cứu cấu trúc hình học của các chất phản ứng, chất trung gian, trạng thái chuyển tiếp, sản phẩm phản ứng, cơ chế phản ứng của gốc acetyl với phân tử propene (CH_3-CH=CH_2).
5	Thạc sĩ	Tổng hợp và khảo sát tính chất điện hoá của vật liệu $LiNi_xFe_{(1-x)}PO_4/C$ và $LiNn_xFe_{(1-x)}PO_4/C$ (x = 0.00 - 0.20) ứng dụng làm vật liệu điện cực dương cho pin sạc Li-ion	Nguyễn Thành Nam	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Tổng hợp vật liệu bằng phương pháp thủy nhiệt, đo phóng-sạc các mẫu C/10 trong 50 chu kỳ, chọn lấy 2 mẫu trong tốt nhất trong mỗi kim loại được pha tạp về dung lượng và hiệu suất để khảo sát SEM, EDX, CV, EIS đánh giá được tỷ lệ pha tạp của "x" cho phù hợp với mục đích nghiên cứu.
6	Thạc sĩ	Điều chế vật liệu nano Fe-TiO_2 để làm chất xúc tác quang phân hủy kháng sinh Amoxicillin trong dung dịch nước	Trần Thị Yến Nhi	TS. Nguyễn Văn Hưng	Nghiên cứu thành phần nguồn nguyên liệu ban đầu, các yếu tố ảnh hưởng và đặc trưng tính chất lý hóa của vật liệu Fe-TiO2 sau khi điều chế. Từ đó, xác định được các điều kiện thích hợp cho quá trình điều chế vật liệu nano Fe-TiO2 có hoạt tính xúc tác quang trong vùng ánh sáng nhìn thấy. Đồng thời, cũng xác định được các điều kiện thích hợp cho quá trình phân phủy quang xúc tác amoxicillin trong dung dịch nước.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
7	Thạc sĩ	Điều chế vật liệu composite g-C_3N_4/biochar và ứng dụng xử lý kháng sinh doxycycline trong dung dịch nước	Nguyễn Thị Huỳnh Nhụy	TS. Bùi Thị Minh Nguyệt	Xác định được các điều kiện thích hợp cho quá trình điều chế vật liệu composite g-C3N4/biochar có hoạt tính hấp phụ và xúc tác quang. Đánh giá được các thông số cho quá trình hấp phụ và phân phủy quang xúc tác doxycycline (DC) trong dung dịch nước.
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc của cluster $FeGe_4^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Phan Thị Ngọc Thơ	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đề tài tập trung nghiên cứu cấu trúc hình học, các trạng thái electron của các cluster $FeGe4^{-/0}$ bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ (DFT) và phương pháp tính đa cấu hình RASSCF/RASPT2.
9	Thạc sĩ	Chế tạo và nghiên cứu tính chất của vật liệu nano composite rGO-Cu_xS	Nguyễn Thị Phương Thu	TS. Bùi Văn Thắng	Nghiên cứu tổng hợp, xác định các đặc trưng cơ bản và đánh giá khả năng tính chất của vật liệu nano composite rGO-CuxS, làm cơ sở chế tạo vật liệu nano composite rGO-Cu_xS.
10	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hấp phụ các chất dinh dưỡng trong nước thải ao nuôi cá tra bằng hệ vật liệu hấp phụ chế tạo từ than bùn	Nguyễn Văn Thức	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Xác định được điều kiện thích hợp để hấp phụ các chất dinh dưỡng trong nước bằng hệ vật kiệu hấp phụ. Xác định được quy luật hấp phụ và tính được các đại lượng của quá trình hấp phụ các chất trong nước bằng hệ vật liệu hấp phụ.
11	Thạc sĩ	Nghiên cứu xử lý nước thải ao nuôi cá tra bằng vật liệu hấp phụ và thực vật trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo	Phạm Đặng Mai Trân	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Nồng độ các chất dinh dưỡng, chất hữu cơ gây ô nhiễm trong môi trường nước thải ao nuôi cá tra; Khả năng hấp phụ của vật liệu hấp phụ (than bùn, phụ gia) và thực vật thủy sinh ứng với thời gian chảy thích hợp xử lý được lượng nước thải đạt yêu cầu lớn nhất trong hệ thống xử lý.
12	Thạc sĩ	Nghiên cứu trạng thái electron của cluster $CoGe_6^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Nguyễn Thị Bích Ngọc	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đề tài tập trung nghiên cứu các trạng thái electron (cơ bản và kích thích) của các cluster $CoGe6^{-/0}$ bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ và phương pháp tính đa cấu hình RASSCF/RASPT2.
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử acetic acid	Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Đề tài tập trung nghiên cứu cấu trúc hình học của các chất phản ứng, chất trung gian, trạng thái chuyển tiếp và sản phẩm của phản ứng. Xác định cơ chế của gốc acetyl ($CH_3\dot{C}O$) với phân tử acetic acid (CH_3COOH).

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		bằng phương pháp tính hóa học lượng tử			
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử acetaldehyde bằng phương pháp tính hóa lượng tử	Trần Thị Thùy Trang	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Đề tài tập trung nghiên cứu cấu trúc hình học của các chất phản ứng, chất trung gian, trạng thái chuyển tiếp và cơ chế phản ứng giữa gốc acetyl ($CH_3\dot{C}O$) với phân tử acetaldehyde (CH_3CHO) trong pha khí.
15	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự thay đổi tính chất, thành phần của vật liệu hấp phụ khi xử lý nước thải ao nuôi cá tra trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo.	Lâm Quốc Việt	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Nghiên cứu thành phần than bùn và phụ gia (tro trấu, xỉ than, vôi bột). Đồng thời, xác định mối tương quan giữa nồng độ các chất trong nước thải ao nuôi cá tra và thành phần của vật liệu hấp phụ. Làm cơ sở xây dựng được mối tương quan giữa nồng độ các chất trong nước thải ao nuôi cá tra và thành phần của vật liệu hấp phụ; Và đánh giá khả năng xử lý nước thải ao nuôi cá tra của vật liệu hấp phụ và thực vật trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo.

5. Ngành Ngôn ngữ Việt Nam

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Đặc điểm từ và câu trong truyện ngắn Lê Minh Nhựt	Đoàn Thị Hải Hà	TS. Trần Đức Hùng	Đề tài nghiên cứu đặc điểm từ và câu trong truyện ngắn của Lê Minh Nhựt. Hướng tới đề xuất bổ sung truyện ngắn của Lê Minh Nhựt vào chương trình giảng dạy văn học địa phương cho học sinh cấp THCS và THPT trong thời gian gần đây.
2	Thạc sĩ	Phương tiện biểu hiện và ngữ nghĩa của hành động hỏi, cầu khiến trực tiếp trong ca dao Đồng Tháp	Đinh Thị Thu Hằng	TS. Trần Thanh Vân	Thu thập ngữ liệu có chứa các hành động hỏi và hành động cầu khiến trong ca dao Đồng Tháp. Luận văn góp phần chỉ ra một vài nét sắc thái văn hoá vùng miền và làm rõ một số khía cạnh đời sống tâm hồn của người Việt thông qua ca dao dân ca nói chung và ca dao dân ca Đồng Tháp nói riêng.
3	Thạc sĩ	Hành động khuyên và yêu cầu qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư	Đinh Thị Thu Hiền	TS. Trần Thanh Vân	Từ kết quả thống kê, mô tả, phân tích hành động khuyên và yêu cầu trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, đề tài hướng tới mục đích làm sáng tỏ hành động khuyên và yêu cầu về mặt cấu trúc và nội dung của các hành động. Rút ra một số nhận xét

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khái quát về phong cách sử dụng ngôn ngữ ở thể loại truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư.
4	Thạc sĩ	Đặc điểm ngôn ngữ trong các bài bình luận thể thao trên Báo điện tử Thể thao và Văn hóa	Tăng Văn Khương	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu ngôn ngữ được dùng trong văn bản (diễn ngôn) bình luận tồn tại ở dạng viết trên báo điện tử Thể thao và Văn hóa và loại bỏ các yếu tố khác như hình ảnh, video clip được đăng kèm trong tin, bài.
5	Thạc sĩ	Đặc điểm ngôn ngữ thơ trên Báo Văn nghệ Đồng Tháp	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	TS. Nguyễn Văn Bản	Nghiên cứu hệ thống lý luận về đặc điểm, chức năng, phong cách ngôn ngữ thơ trong công tác truyền thông, tuyên truyền. Nhận diện một số cách diễn đạt đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật trên báo văn nghệ địa phương.
6	Thạc sĩ	Đặc điểm địa danh thành phố Cà Mau	Huỳnh Văn Tài	TS. Trần Hoàng Anh	Luận văn sẽ lập được danh mục địa danh Cà Mau và phân loại các địa danh theo tiêu chí đặt ra. Giúp cho mọi người hiểu được đặc điểm cấu tạo, ý nghĩa, các phương thức định danh Cà Mau; góp phần làm rõ thêm về phong tục tập quán, lịch sử, văn hóa tinh thần của vùng đất và con người Cà Mau.
7	Thạc sĩ	Từ chỉ động vật, thực vật trong truyện ngắn Sơn Nam	Lê Thị Ngọc Thắng	TS. Trần Hoàng Anh	Qua việc nghiên cứu ngôn ngữ trong truyện ngắn Sơn Nam, luận văn nhằm khẳng định giá trị to lớn, vị trí vai trò của truyện ngắn trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Sơn Nam, truyện ngắn Việt Nam. Luận văn làm sáng rõ hơn về đặc điểm ngôn ngữ, đặc điểm truyện ngắn Sơn Nam và những nét văn hóa cũng như cuộc sống con người Nam Bộ.
8	Thạc sĩ	Hành động khen và trách trong ca dao Nam Bộ	Trần Chánh Băng	TS. Trần Đức Hùng	Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hành động khen và trách trong ca dao Nam Bộ. Thấy được nét văn hóa, tính cách con người Nam Bộ thông qua cứ liệu ngôn ngữ trong ca dao.
9	Thạc sĩ	Ngôn ngữ hội thoại của các nhân vật trong sáng tác Nguyễn Khắc Trường	Trần Thị Dung	TS. Trần Thanh Vân	Làm sáng tỏ ngôn ngữ hội thoại của các nhân vật trong sáng tác Nguyễn Khắc Trường trên hai phương diện từ ngữ và hành động ngôn ngữ. Rút ra một số đặc trưng về đặc điểm ngôn ngữ nhân vật và phong cách ngôn ngữ của nhà văn Nguyễn Khắc Trường.
10	Thạc sĩ	Các phép liên kết và tính mạch lạc trong bài làm	Võ Trung Hải	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	Tìm ra những ưu điểm và hạn chế của các phép liên kết và biểu hiện tính mạch lạc trong các bài làm văn của học sinh trường

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		văn của học sinh Trường THPT Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang			Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực sử dụng các phép liên kết và biểu hiện tính mạch lạc trong bài làm văn của học sinh ở trường Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang.

6. Ngành Lịch sử Việt Nam

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Kinh tế- xã hội huyện Lai Vung từ năm 1989 đến năm 2020	Nguyễn Văn Bình	TS. Nguyễn Thành Phương	
2	Thạc sĩ	Kinh tế- xã hội ở huyện Kiên Lương từ năm 1998 đến năm 2020	Đỗ Văn Đâm	TS. Nguyễn Thành Phương	Trải qua chặng đường hơn 20 năm xây dựng và phát triển, với sự đoàn kết, sáng tạo, lao động cần cù, nhạy bén của nhân dân, cùng với chính sách đúng đắn của huyện đã góp phần đưa Kiên Lương từ vùng đất khó khăn về mọi mặt trở thành một địa phương có nền kinh tế phát triển toàn diện với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 10%; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng hướng; cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng theo hướng đô thị hóa; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 3.567,000 đồng lên 76.480,000 đồng; sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, y tế, các hoạt động văn hóa có nhiều chuyển biến; trật tự xã hội, an ninh quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên, công cuộc xây và phát triển huyện Kiên Lương từ 1998 đến 2020 cần rút ra những bài học kinh nghiệm để góp phần đưa huyện phát triển ngày càng hoàn thiện.
3	Thạc sĩ	Các phép liên kết và tính mạch lạc trong bài làm văn của học sinh Trường THPT Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang	Võ Trung Hải	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	Luận văn tiến hành nghiên cứu, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của các phép liên kết và biểu hiện tính mạch lạc trong các bài làm văn của học sinh trường Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực sử dụng các phép liên kết và biểu hiện tính

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					mạch lạc trong bài làm văn của học sinh ở trường Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang.
4	Thạc sĩ	Cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế ở Đồng Tháp từ năm 1975 đến năm 1986	Nguyễn Võ Đăng Khoa	TS. Lê Đình Trọng	Sau khi thống nhất đất nước, nhiệm vụ trước mắt đặt ra lúc bấy giờ là khắc phục hậu quả của chiến tranh và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, trong đó cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế miền Nam là một yêu cầu khách quan và cấp bách lúc bấy giờ. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 24, Đồng Tháp nói riêng và các tỉnh miền Nam nói chung tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế. Trong 10 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối về từ năm 1976 đến năm 1986 đã đạt đươc những thắng lợi cơ bản, bên cạnh đó còn tồn tại những hạn chế. Luận văn sẽ đề cập một cách khái quát quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế ở Đồng Tháp từ năm 1976 đến năm 1986, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm.
5	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp Hậu Giang từ năm 1976 đến năm 2020	Hồ Thanh Lâm	TS. Nguyễn Thành Phương	Đề tài cũng đã trình bày, phân tích những điều kiện và tiềm năng của tỉnh, về quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn nông thôn tỉnh Hậu Giang, chỉ ra những biến đổi kinh tế nông nghiệp và tác động của kinh tế nông nghiệp đối với địa phương qua các giai đoạn: từ năm 1976 đến năm 2004 và từ năm 2004 đến năm 2020. Qua đó đánh giá, so sánh với các tỉnh trong và ngoài khu vực, rút ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của thành công và hạn chế cho hôm nay và mai sau.
6	Thạc sĩ	Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Minh Hải từ 1976 đến 1986	Nguyễn Bích Bích	TS. Nguyễn Trọng Minh	Luận văn nghiên cứu quá trình cải tạo Xã hội chủ nghĩa ở Minh Hải giai đoạn 1976 - 1986 với những nguồn tài liệu khoa học mới, tính thuyết phục cao. Luận văn có nhiệm vụ dựng lại bức tranh toàn cảnh về quá trình cải tạo Xxã hội chủ nghĩa ở tỉnh Minh Hải trong 10 năm sau khi đất nước được thống nhất (1976-1986). Nêu bật những thành tựu, đặc điểm và đánh giá được những hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa thời kỳ 1976-1986.

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
7	Thạc sĩ	Chuyển biến kinh tế- xã hội của cộng đồng người Chăm ở An Giang từ 1986 đến 2020	Lôi Tú Như	TS. Nguyễn Trọng Minh	Luận văn nghiên cứu những chuyển biến về kinh tế- xã hội của cộng đồng người Chăm ở An Giang từ năm 1986 đến 2020 với những nguồn tài liệu khoa học mới, tính thuyết phục cao. Luận văn có nhiệm vụ dựng lại bức tranh toàn cảnh về những chuyển biến kinh tế- xã hội của cộng đồng người Chăm ở An Giang từ thời kỳ đổi mới đến hội nhập. Trên cơ sở phân tích, đánh giá được sự biến đổi kinh tế góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng người Chăm ở An Giang.
8	Thạc sĩ	Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Bến Tre về kinh tế từ 1975 đến 1986	Nguyễn Phi Tâm	TS. Lê Đình Trọng	Sau khi thống nhất đất nước, Bến Tre cũng như các tỉnh miền Nam nói chung, công việc đầu tiên là khôi phục lại kinh tế và xây dựng lại nền kinh tế. Luận văn nhằm dựng lại một cách cơ bản về bức tranh toàn cảnh quá trình cải tạo XHCN ở tỉnh Bến Tre về kinh tế từ 1975 đến 1986 trong 10 năm sau giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất đất nước (1975-1986). Ngoài ra, nêu được một số thành tựu, và tồn tại một số hạn chế trong công cuộc cải tạo xã hội Chủ nghĩa trong 10 năm đầu sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong công cuộc cải tạo XHCN của tỉnh Bến Tre về kinh tế từ 1975 đến 1986
9	Thạc sĩ	Phong trào yêu nước chống Pháp ở tỉnh An Giang từ năm 1867 đến trước năm 1930	Nguyễn Ngọc Thúy	TS. Nguyễn Trọng Minh	Luận văn nghiên cứu về các phong trào đấu tranh chống Pháp ở tỉnh An Giang trong giai đoạn từ năm 1867 đến trước năm 1930. Đề tài đã khái quát những đặc điểm về tự nhiên, văn hóa, xã hội tác động đến phong trào yêu nước ở An Giang, bối cảnh lịch sử của An Giang trước khi Pháp đánh chiếm. Đề tài đã hệ thống lại bức tranh toàn cảnh, chuyên sâu về các hoạt động yêu nước chống Pháp ở An Giang như bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả của các phong trào từ khi Pháp đánh chiếm thành Châu Đốc đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Qua đó, thấy được tính liên tục, quyết liệt, sự phát triển của các khuynh hướng cứu nước trong phong trào chống Pháp ở An Giang.

Biểu mẫu 18

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
10	Thạc sĩ	Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Tiền Giang (1975- 1986)	Trương Quang Vinh	TS. Lê Đình Trọng	Sau khi thống nhất đất nước, nhiệm vụ trước mắt đặt ra lúc bấy giờ là khắc phục hậu quả của chiến tranh và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, trong đó cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế miền Nam là một yêu cầu khách quan và cấp bách lúc bấy giờ. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 24, Đồng Tháp nói riêng và các tỉnh miền Nam nói chung tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế. Trong 10 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối về từ năm 1976 đến năm 1986 đã đạt đươc những thắng lợi cơ bản, bên cạnh đó còn tồn tại những hạn chế. Luận văn sẽ đề cập một cách khái quát quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế ở Đồng Tháp từ năm 1976 đến năm 1986, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm.

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An	27	Đại học	Giáo dục Tiểu học	
2		4	Đại học	Giáo dục Thể chất	
3		4	Đại học	Sư phạm Toán học	
4		4	Đại học	Sư phạm Tin học	
5		2	Đại học	Sư phạm Vật lý	
6		1	Đại học	Sư phạm Hóa học	
7		4	Đại học	Sư phạm Sinh học	
8		2	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	
9		1	Đại học	Sư phạm Lịch sử	
10		4	Đại học	Sư phạm Địa lý	
11		2	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	
12		9	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	
13		1	Đại học	Sư phạm Công nghệ	
14		3	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

Biểu mẫu 18

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức, năm học 2021-2022

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị khoa học "Khởi nghiệp của giảng viên, sinh viên gắn với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học"	18/11/2021	Trường Đại học Đồng Tháp	60
2	Hội thảo khoa học quốc tế "Phương trình vi phân, phương trình hàm và một số vấn đề liên quan"	23/11/2021	Trường Đại học Đồng Tháp	300
3	Hội thảo khoa học "Phát triển nhóm nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học"	26/12/2021	Trường Đại học Đồng Tháp	100
4	Hội thảo khoa học "Ức chế quá trình ngưng tụ amyloid beta của bệnh Alzheimer bằng mô phỏng máy tính và vấn đề liên quan mô phỏng máy tính"	27/12/2021	Trường Đại học Đồng Tháp	40
5	Hội thảo khoa học 'Nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện trong giai đoạn hiện nay"	18/4/2022	Trường Đại học Đồng Tháp	60
6	Hội thảo khoa học quốc gia" Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu và tinh thần yêu nước từ văn hóa phương Nam"	14,15/5/2022	Trường Đại học Đồng Tháp	300

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Phát triển một số kết quả cổ điển của lý thuyết mặt lên không gian với mật độ-B2020.SPD.01	**TS. Trần Lê Nam** PGS.TS. Đoàn Thế Hiếu ThS. Phan Thị Hiệp NCS. ThS. Nguyễn Thị Mỹ Duyên ThS. Nguyễn Thị Thanh Loan ThS. Huỳnh Văn Quốc Ấn HVCH. Trương Ngọc Quý	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.	24 tháng (01/2022-12/2023)	300	- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q1/Q2 (được chấp nhận đăng); - 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q3/Q4 (được chấp nhận đăng); - 01 báo cáo tại các hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước. - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài).
2	Thiết lập công thức tính cho vi phân suy rộng của một số ánh xạ không trơn và áp dụng vào bài toán tối ưu-B2020.SPD.02	**ThS. Võ Đức Thịnh** PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh TS. Thái Doãn Chương ThS. Huỳnh Ngọc Cảm HVCH. Trần Tuấn Minh HVCH. Nguyễn Thành Nhân	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh	24 tháng (01/2022-12/2023)	250	- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q1/Q2 (được chấp nhận đăng); - 02 bài báo đăng trên tạp chí được tính điểm công trình của HĐCDGSNN; - 01 báo cáo tại các hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước. - Hỗ trợ đào tạo 02 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài).
3	Phát triển năng lực dạy học theo hướng tiếp cận giáo dục STEM cho sinh viên ngành	**TS. Lê Thị Tuyết Trinh** ThS. Võ Thị Nhỏ	Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia	24 tháng (01/2022-12/2023)	260	- 01 bài báo khoa học đăng tạp chí quốc tế trong danh mục Scopus (được chấp nhận đăng); - 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tính điểm của HDGSNN;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Giáo dục Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long-B2020.SPD.03	ThS. Lê Thị Mai An TS. Nguyễn Thị Kiều TS. Trần Đức Hùng TS. Huỳnh Kim Tường Vi TS. Đỗ Thị Như Uyên ThS. Trần Thị Giao Xuân HVCH. Nguyễn Thành An HVCH. Nguyễn Thị Mỹ Tiên	TP. Hồ Chí Minh			- Sách tham khảo được chấp nhận xuất bản: 01. - Hỗ trợ đào tạo 02 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). - Bản Đề xuất các biện pháp phát triển năng lực dạy học theo hướng tiếp cận giáo dục STEM được vận dụng vào các học phần Phương pháp dạy học chuyên ngành, tích hợp trong Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học ở một số trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
4	Ảnh hưởng của thiobencarb đến hệ vi khuẩn đất và phân lập các chủng vi khuẩn phân hủy hoạt chất này trong thuốc trừ cỏ-B2020.SPD.04	**TS. Hà Danh Đức** TS. Nguyễn Thị Oanh ThS. Huỳnh Thị Thanh Trúc ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Như TS. Phạm Quốc Nguyên TS. Nguyễn Thanh Hùng TS. Trần Ngọc Châu HVCH. Huỳnh Thị Thanh Thuỷ	Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	24 tháng (01/2022-12/2023)	450	- 02 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q3/Q4 (được chấp nhận đăng); - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN. - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). - 02 chủng vi khuẩn phân hủy thiobencarb ở điều kiện hiếu khí và 03 chủng vi khuẩn phân hủy thiobencarb ở điều kiện kỵ khí với các yêu cầu như sau.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Nghiên cứu khả năng tích tụ carbon của hệ sinh thái rừng tràm, rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long theo thời gian và xây dựng mô hình ước tính trữ lượng carbon cho các kiểu quần xã thực vật đặc trưng- B2020.SPD.05	**TS. Lư Ngọc Trâm Anh** PGS.TS. Viên Ngọc Nam PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thị Hải Lý TS. Nguyễn Thị Phương ThS. Nguyễn Hồ TS. Hoàng Thị Nghiệp TS. Nguyễn Kim Búp ThS. Nguyễn Phan Minh Trung HVCH. Phạm Kim Thương	Vườn quốc gia Tràm Chim Trường Đại học Cần Thơ	24 tháng (01/2022-12/2023)	500	- 02 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q3/Q4 (được chấp nhận đăng); - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN. - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). - 01 bộ dữ liệu về trữ lượng carbon, động thái carbon của rừng tràm và rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long; - 01 mô hình ước tính carbon cho các kiểu quần xã thực vật đặc trưng ở Đồng bằng sông Cửu Long.
6	Nghiên cứu dự báo sự thay đổi sử dụng đất/lớp phủ bề mặt đất và tác động của nó đối với giá trị các dịch vụ hệ sinh thái ở vùng Tứ giác Long Xuyên, Đồng bằng sông Cửu Long- B2020.SPD.06	**ThS. Nguyễn Hồ** PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thị Hải Lý ThS. Dương Văn Khánh TS. Nguyễn Thị Phương TS. Lư Ngọc Trâm Anh TS. Trần Thế Định	Trường Đại học Cần Thơ Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường School of Geography, Environment	24 tháng (01/2022-12/2023)	460	- 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q1/Q2 (được chấp nhận đăng); - 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q3/Q4 (được chấp nhận đăng); - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). - 01 bộ bản đồ sử dụng đất/lớp phủ bề mặt đất của vùng Tứ giác Long Xuyên độ phân giải 30m cho các năm 1990, 2000, 2010, 2021 và 2031;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		TS. Nguyễn Giác Trí HVCH. Phạm Phú Vinh	and Earth Sciences, Victoria University of Wellington, New Zealand			- 01 bảng lượng giá các giá trị hệ sinh thái đặc trưng của vùng Tứ giác Long Xuyên.
7	Tổng hợp các vật liệu composite TiO_2/g-C_3N_4/biochar và ZnO/g-C_3N_4/biochar để ứng dụng xử lý tồn dư kháng sinh trong nước thải ao nuôi cá tra- B2020.SPD.07	**TS. Nguyễn Văn Hưng** GS.TS. Đinh Quang Khiếu PGS.TS. Nguyễn Anh Tiến TS. Bùi Thị Minh Nguyệt ThS. Nguyễn Ngọc Bích ThS. Nguyễn Minh Thảo ThS. Nguyễn Hữu Nghị HVCH. Nguyễn Hoài Hận	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	24 tháng (01/2022-12/2023)	500	- 02 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI- Q1/Q2 (được chấp nhận đăng); - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN. - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - 01 quy trình tổng hợp các vật liệu composite TiO_2/g-C3N4/biochar và ZnO/g-C_3N_4/biochar đảm bảo tính ổn định và sản phẩm tổng hợp được có hoạt tính quang xúc tác dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy và có khả năng xử lý tồn dư kháng sinh trong nước thải; - Các mẫu vật liệu: TiO2/g-C_3N_4/biochar (250 gam) và ZnO/g-C_3N_4/biochar (250 gam); - 01 mô hình xử lý tồn dư kháng sinh trong nước thải ao nuôi cá tra trên sản phẩm tổng hợp được và bộ số liệu chất lượng nước thải ao nuôi cá tra trước và sau xử lý.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Xây dựng và triển khai thử nghiệm các mô hình thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tỉnh Đồng Tháp	**PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ** TS. Trần Đại Nghĩa ThS. Võ Xuân Hùng TS. Phan Trọng Nam TS. Nguyễn Thuận Quý TS. Lương Thanh Tân ThS. Danh Trung ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân ThS. Nguyễn Văn Định ThS. Lý Thị Xuân Hồng ThS. Bùi Quý Khiêm ThS. Nguyễn Thị Kim Yến	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Tháp Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Tháp	20 tháng (06/2022-01/2024)	1.786,162	- Báo cáo khoa học tổng hợp kết quả Đề tài và báo cáo tóm tắt - Báo cáo đánh giá về điều kiện tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tỉnh Đồng Tháp. - 08 mô hình tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo chủ đề cho học sinh tỉnh Đồng Tháp. - Tài liệu tập huấn thực hiện các mô hình giáo dục địa phương cho học sinh tỉnh Đồng Tháp. - 06 Bài báo được công bố trên Tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
2	Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mới	**TS. Hồ Văn Thống** TS. Lý Huy Hoàng TS. Lê Minh Cường ThS. Lê Thị Mai An TS. Lê Thị Kim Anh ThS. Nguyễn Qui Hợp	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp	24 tháng (6/2022-6/2024)	1.736,583	- Báo cáo khoa học tổng hợp kết quả đề tài; Báo cáo tóm tắt đề tài. - Báo cáo thực trạng đánh giá mức độ mức độ đáp ứng của đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông đối với yêu cầu đổi mới giáo dục theo từng môn học, cấp học của từng giai đoạn. - Giải pháp tổng thể phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		TS. Nguyễn Thuận Quý PGS.TS Hồ Sỹ Thắng ThS. Danh Trung CN. Nguyễn Thị Như Ngọc				- Dự báo nhu cầu (số lượng, chất lượng) đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông theo từng giai đoạn - Đề xuất Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non và phổ thông theo từng giai đoạn, từng cấp học, từng môn học, chương trình bồi dưỡng. - Bài báo khoa học 1; Bài báo khoa học 2. - Tham gia đào tạo 01 thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế bộ công cụ hỗ trợ dạy học Toán tiểu học bằng tiếng Anh cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.01	**ThS. Hà Thái Thủy Lam** Võ Tân Duyên TS. Nguyễn Thị Kiều	Trung tâm Ngoại ngữ Tố Ong Vàng.	12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: + 01 bộ công cụ hỗ trợ dạy học Toán tiểu học bằng tiếng Anh. + 01 tài liệu: Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng dạy học Toán bằng tiếng Anh.
2	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học môn Toán- SPD2021.01.02	TS. Phạm Thị Kim Châu		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống biện pháp dạy học môn Toán lớp 4 để phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh.
3	Biện pháp nâng cao hiệu quả tập giảng môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu	ThS. Huỳnh Mỹ Linh		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt).

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	học, Trường Đại học Đồng Tháp thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên- SPD2021.01.03					- Sản phẩm ứng dụng: 02-04 biện pháp nâng cao hiệu quả tập giảng môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp
4	Thực trạng tổ chức dạy học môn Hoạt động trải nghiệm lớp 1 của các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh-SPD2021.01.04	ThS. Lê Thị Mỹ Trà		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Hệ thống các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Hoạt động trải nghiệm lớp 1 cho các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh.
5	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.05	ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp.
6	Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường mầm non, thành phố Cao Lãnh-SPD2021.01.06	ThS. Lê Thị Thanh Sang		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường mầm non, thành phố Cao Lãnh.
7	Nghiên cứu Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn (1767-1823) qua tư liệu Hán Nôm-SPD2021.01.07	TS. Đỗ Thị Hà Thơ		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hành trạng và công tích của Xuân Quang hầu Nguyễn Khắc Tuấn.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thành văn, văn hóa tín ngưỡng của dân tộc.
8	Phát triển năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.08	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp
9	Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh lớp 10 tỉnh Đồng Tháp khi học truyện dân gian Việt Nam- SPD2021.01.09	ThS. Hồ Chí Linh		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp để rèn luyện và phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh lớp 10 tỉnh Đồng Tháp khi học truyện dân gian Việt Nam.
10	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.10	ThS. Huỳnh Quốc Tuấn		12 tháng (7/2021-6/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả chia sẻ tri thức của giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp.
11	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông của Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.11	**ThS. Hoàng Thị Doan** ThS. Hoàng Thị Tố Như		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông của Trường Đại học Đồng Tháp.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
12	Giải pháp nâng cao hình ảnh thương hiệu Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.12	TS. Nguyễn Giác Trí		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống hóa các giải pháp nâng cao hình ảnh thương hiệu Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.
13	Giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với môi trường ở Trường Đại học Đồng Tháp cho sinh viên năm thứ nhất Khoa Kinh tế- SPD2021.01.13	**ThS. Nguyễn Hoàng Trung** ThS. Huỳnh Lê Uyên Minh		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Hệ thống giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với môi trường Đại học Đồng Tháp.
14	Biện pháp rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch học tập cho sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.14	**ThS. Nguyễn Thanh Tùng** ThS. Nguyễn Anh Tú,		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các biện pháp rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch học tập cho sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.
15	Giải pháp nâng cao hiệu quả tuyển sinh của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.15	**ThS. Phạm Ánh Tuyết** ThS. Nguyễn Thị Bích Thuận ThS. Nguyễn Ngọc Trân		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.
16	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đào tạo đại học đến dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.16	ThS. Lê Văn Tuấn		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các ***giải pháp thúc đẩy dự định khởi sự kinh doanh cho*** sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
17	Giải pháp tạo động lực học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.17	ThS. Trần Ngọc Gái		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp tạo động lực học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp.
18	Tác động của việc công bố thông tin thay đổi Giám đốc điều hành đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh-SPD2021.01.18	**ThS. Trần Ngọc Mỹ** ThS. Nguyễn Ngọc Trân		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: + Các giải pháp tìm kiếm lợi nhuận vượt trội cho các nhà đầu tư chứng khoán khi xuất hiện thông tin thay đổi Giám đốc điều hành. + Các chính sách quản lý thông tin thay đổi Giám đốc điều hành của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
19	Nhu cầu tham vấn của học sinh trung học phổ thông ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp-SPD2021.01.19	**ThS. Dương Văn Khánh** ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng ThS. Đinh Ngọc Thắng		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Hệ thống các giải pháp đáp ứng nhu cầu tham vấn cho học sinh trung học phổ thông ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
20	Nghiên cứu thực trạng giảng dạy môn Giáo dục thể chất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại các trường tiểu học ở	**ThS. Đỗ Vĩnh Khiết** ThS. Huỳnh Nguyễn Kim Ngàn		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Giáo dục thể chất

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	thành phố Cao Lãnh-SPD2021.01.20					theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh.
21	Áp dụng các hình thức học nhóm trong dạy học kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên tiếng Anh năm thứ nhất, Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.21	ThS. Lê Nhựt Long		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả các hình thức hoạt động nhóm trong dạy học kỹ năng nói tiếng Anh.
22	Phát triển kỹ năng thực hành công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.22	ThS. Huỳnh Thị Kiều Trâm		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các biện pháp phát triển kỹ năng thực hành công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp.
23	Giáo dục tính tích cực trong học tập cho sinh viên Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.23	**TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà** ThS. Nguyễn Thị Như Quyên		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 03 biện pháp giáo dục tính tích cực cho SV Khoa Sư phạm Khoa học xã hội.
24	Nghiên cứu mô hình tổ chức rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.01.24.	**TS. Trần Đại Nghĩa** ThS. Đinh Ngọc Thắng,		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Các mô hình rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
25	Phát triển kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.01.25	**ThS. Nguyễn Thị Xuân Đài** ThS. Tống Thế Thưởng		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Một số biện pháp hiệu quả phát triển kĩ năng giao tiếp cho sinh viên Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp.
26	Nghiên cứu giải pháp cải tiến giao thức AODV để nâng cao hiệu quả định tuyến trong mạng không dây thế hệ mới-SPD2021.01.26	**TS. Lương Thái Ngọc** ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh CN. Trương Thị Hoàng Oanh		24 tháng (7/2021-6/2023)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục Scopus, Q4. - Sản phẩm ứng dụng: 01 Giải pháp cải tiến giao thức AODV để nâng cao hiệu quả định tuyến trong mạng không dây thế hệ mới; Mã nguồn giao thức định tuyến
27	Ứng dụng hồi quy Logistic trong dự báo kết quả học tập của sinh viên- SPD2021.01.27	**ThS. Lê Minh Thư** ThS. Nguyễn Quốc Anh		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Demo việc dự báo kết quả học tập của sinh viên ứng dụng thuật toán hồi quy Logistic.
28	Nghiên cứu giải pháp biểu diễn mô hình cơ sở dữ liệu phân tán-SPD2021.01.28	**ThS. Trần Kim Hương** TS. Lương Thái Ngọc		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: 01 Mô hình cơ sở dữ liệu phân tán và các qui tắc chuyển đổi từ mô hình quan niệm sang mức logic.
29	Nghiên cứu giải pháp phát hiện bệnh trên lá cây hoa hồng bằng kỹ thuật xử lý ảnh-SPD2021.01.29	**ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo** ThS. Nguyễn Thị Mỹ Dung		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Demo phát hiện bệnh trên lá cây hoa hồng.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
30	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thông trên mạng cảm biến không dây-SPD2021.01.30	**CN. Trương Thị Hoàng Oanh** TS. Lương Thái Ngọc		24 tháng (7/2021-6/2023)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục Scopus, Q4. - Sản phẩm ứng dụng: 01 Hệ thống các giải pháp và cải tiến giao thức định tuyến để nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thông trên mạng cảm biến không dây; Kịch bản mô phỏng mạng, mã nguồn phần mềm.
31	Độ cảm quang từ trong Graphene có vùng cấm hữu hạn-SPD2021.01.31	**TS. Lê Thị Ngọc Tú** ThS. Phạm Tuấn Vinh		24 tháng (7/2021-6/2023)	51	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ISI (Q2).
32	Thiết kế hoạt động giáo dục STEM phần Cơ học trong chương trình Vật lý trung học phổ thông- SPD2021.01.32	**ThS. Phạm Thiết Trường** ThS. Hà Thái Thủy Lê TS. Nguyễn Hoàng Anh		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Việt). - Sản phẩm ứng dụng: Một số mô hình STEM phần cơ học trong chương trình Vật lí THPT.
33	Nghiên cứu cấu trúc và khả năng tương tác với khí hydrogen trên các cluster boron pha tạp manganese-SPD2021.01.33	**ThS. Phan Trung Cang** ThS. Nguyễn Minh Thảo		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 bộ các tập tin thiết lập đầu vào cho phép tính, các tập tin đầu ra chứa các kết quả thu được của các phép tính hóa học lượng tử..
34	Nghiên cứu cấu trúc của cluster germani pha tạp scandi và khả năng hấp phụ khí carbon monoxide bằng các phương pháp tính toán mô phỏng-SPD2021.01.34	**ThS. Nguyễn Minh Thảo** ThS. Phan Trung Cang ThS. Phạm Minh Xuân		12 tháng (7/2021-6/2022)	20	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 bộ các tập tin đầu vào và tập tin đầu ra của các phép tính toán mô phỏng mô hình hóa.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
35	Điều chế vật liệu nanocomposite TiO_2/AC để ứng dụng phân hủy quang Acid Orange 7 dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy. SPD2021.01.35	ThS. Nguyễn Hữu Nghị		18 tháng (7/2021-12/2022)	29	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: 01 Quy trình tổng hợp nanocomposite TiO_2/AC có khả năng phân hủy AO7 dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy.
36	Nghiên cứu thành phần loài côn trùng hại cây mận Hòa An và đặc điểm vòng đời loài ong *Anselmella malacia* Xiao và Huang gây hại trên trái- SPD2021.01.36	**TS. Nguyễn Thị Oanh** TS. Nguyễn Kim Búp		18 tháng (7/2021-12/2022)	29	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: + Các dữ liệu khoa học về thành phần loài côn trùng, gây hại trên cây mận Hòa An và đặc điểm vòng đời loài ong *A. malacia* gây hại trên trái mận. + Các biện pháp phòng trừ hợp lý, hạn chế sử dụng thuốc hóa học, góp phần tạo sản phẩm sạch, an toàn cho sức khỏe con người.
37	Đánh giá ảnh hưởng của nồng độ salicylic acid lên sự tăng trưởng của cây đậu nành (Glycine max L.) trong điều kiện stress hạn- SPD2021.01.37	ThS. Võ Thị Phượng		12 tháng (7/2021-6/2022)	24	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: Từ kết quả nghiên cứu có thể xác định được vai trò và sự tác động của salicylic acid đến sự tăng trưởng và sự thay đổi hoạt động sinh lý, sinh hóa của cây đậu nành trong điều kiện stress hạn. Từ đó ứng dụng vào thực tiễn, nhằm gia tăng khả năng chịu hạn của cây đậu nành.
38	Nghiên cứu đa dạng thực vật và carbon hữu cơ trong đất ở các hệ thống canh tác lúa của tỉnh Đồng Tháp- SPD2021.01.38	**TS. Lư Ngọc Trâm Anh** TS. Nguyễn Thị Hải Lý		12 tháng (7/2021-6/2022)	24	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		TS. Nguyễn Thị Phương				+ 01 Bảng thành phần loài thực vật ở các hệ thống canh tác lúa ở tỉnh Đồng Tháp; + 01 Bảng xác định lượng carbon hữu cơ trong đất của các hệ thống canh tác lúa ở tỉnh Đồng Tháp.
39	Đánh giá sự suy thoái đất vườn trồng cây có múi và trồng xoài tại tỉnh Đồng Tháp-SPD2021.01.39	**TS. Nguyễn Thị Phương** TS. Nguyễn Thị Hải Lý TS. Lư Ngọc Trâm Anh		12 tháng (7/2021-6/2022)	24	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Bộ dữ liệu đặc tính đất vườn tỉnh Đồng Tháp.
40	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải nuôi ếch của bèo tai tượng (*Pistia stratiotes*)-SPD2021.01.40	**TS. Lê Diễm Kiều** TS. Phạm Quốc Nguyên		12 tháng (7/2021-6/2022)	24	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (viết bằng tiếng Anh). - Sản phẩm ứng dụng: 01 Quy trình sử dụng bèo tai tượng để xử lý nước thải nuôi ếch ở qui mô hộ gia đình.
41	Điều chế chất xúc tác quang Fe-pha tạp ZnO/biochar và ứng dụng trong khử trùng nước chứa vi khuẩn *Escherichia coli*-SPD2021.01.41	**ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Như** ThS. Nguyễn Hữu Nghị		18 tháng (7/2021-12/2022)	29	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: Quy trình điều chế chất xúc tác quang Fe-pha tạp ZnO/biochar có khả năng diệt khuẩn Escherichia coli.
42	Quan trắc biến động và dự báo sự thay đổi lớp phủ bề mặt đất tỉnh Đồng Tháp-SPD2021.01.42	**ThS. Nguyễn Hồ** ThS. La Văn Hùng Minh		18 tháng (7/2021-12/2022)	25	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học thuộc danh mục ACI. - Sản phẩm ứng dụng: + 03 Bản đồ LPBM/SDĐ tỉnh Đồng Tháp cho các giai đoạn: 1990, 2005, 2020. + 01 Bản đồ dự báo sự LPBM/SDĐ tỉnh Đồng Tháp năm 2035.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
43	Xây dựng mô hình hỗ trợ dự báo hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến theo hướng học máy	**ThS. Nguyễn Hữu Duyệt** ThS. Huỳnh Lê Uyên Minh TS. Lương Thái Ngọc Nguyễn Hồng Ly	Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Kỹ thuật hướng nghiệp Tỉnh Đồng Tháp	18 tháng (7/2021-12/2022)	271,409 (kinh phí từ NS SNKH tỉnh Đồng Tháp)	- Mô hình dự đoán khả năng học tập của người học theo hướng học máy. - Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến theo hướng học máy. - Báo cáo khoa học tổng hợp kết quả đề tài. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống (vận hành).
44	Khảo sát một số tính chất của dưới vi phân parabolic và áp dụng vào nghiên cứu điều kiện tối ưu- SPD2021.02.01	SV. Ngô Thị Kim Yến Lớp ĐHSTOAN18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Kết quả về dưới vi phân parabolic vào nghiên cứu điều kiện tối ưu cho một số bài toán tối ưu.
45	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Phương trình và Hệ phương trình (Đại số 10)- SPD2021.02.03	SV. Tô Quốc Lộc Lớp ĐHSTOAN18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	12	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài không là tác giả chính/tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Các biện pháp phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Phương trình và hệ phương trình (Đại số 10).
46	Thiết kế và sử dụng các trò chơi trong dạy học phần Hóa học đại cương lớp 10 ở trường Trung học phổ thông- SPD2021.02.04	SV. Võ Thủy Tiên Lớp ĐHSHOA18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính/tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Một số trò chơi phần Hóa học đại cương lớp 10 làm tài liệu tham khảo cho sinh viên Sư phạm Hóa học, giáo viên dạy môn Hóa học ở trường Trung học phổ thông.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
47	Ảnh hưởng của các mô hình canh tác nông nghiệp đến hàm lượng chất hữu cơ và đạm trong đất ở khu vực núi Dài tỉnh An Giang-SPD2021.02.05	SV. Trần Văn Hữu Lớp ĐHQLĐĐ20A		12 tháng (7/2021-6/2022)	17	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính. - Sản phẩm ứng dụng: Bộ dữ liệu về đặc tính đất của các mô hình canh tác trên đất dốc.
48	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm thời trang của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.06	SV. Trần Thạch Lớp ĐHQTKD18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính/tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: + Hệ thống các giải pháp nâng cao các nhận thức mua sản phẩm thời trang của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Tháp. + Thông tin tham khảo hữu ích về phương pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học xã hội học cho sinh viên, giảng viên của Trường Đại học Đồng Tháp. Xem xét làm tài liệu tham khảo đưa vào học phần marketing căn bản, quản trị marketing, quản trị bán hàng và khởi nghiệp.
49	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh Covid-19-SPD2021.02.07	SV. Nguyễn Thị Ngọc Hân Lớp ĐHKT18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính/tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
50	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong bối cảnh Covid-19 của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam-SPD2021.02.08	SV. Trần Thị Anh Thơ Lớp ĐHTCNH18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Kết quả nghiên cứu là Tài liệu tham khảo cho các học phần Nghiệp

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						vụ ngân hàng, Quản trị Ngân hàng thương mại.
51	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tiếng Trung của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.02.09	SV. Nguyễn Hữu Thắng Lớp ĐHKT18A		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính/tác giả liên hệ. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp đáp ứng nhu cầu học, mở rộng tư vấn tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp.
52	Nghiên cứu hoạt động rèn luyện kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.02.10	SV. Nguyễn Thành Lộc Lớp ĐHANH19A		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động rèn kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đồng Tháp.
53	Khảo sát nhận thức về yêu cầu đối với công việc trong tương lai của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh năm thứ ba, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.11	SV. Huỳnh Thị Trúc Linh Lớp ĐHTAKD19A		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Các giải pháp cần thiết để cải thiện các kỹ năng nhằm đáp ứng công việc trong tương lai cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh năm thứ ba, Trường Đại học Đồng Tháp.
54	Khảo sát thực trạng luyện nghe tiếng Anh qua các bài hát tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ ba, Trường Đại học Đồng Tháp-SPD2021.02.12	SV. Trần Thị Y Mơ Lớp ĐHSANH19A		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả luyện nghe tiếng Anh qua các bài hát tiếng Anh cho sinh viên.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
55	Khảo sát việc học từ vựng của sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.13	SV. Nguyễn Thị Mỹ Hoàng		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Các phương pháp nâng cao hiệu quả học từ vựng cho sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Đồng Tháp.
56	Khảo sát thực trạng sử dụng văn nói và viết trong Hán ngữ của sinh viên năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.14	SV. Lê Thị Trà My Lớp ĐHTQ19A		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng văn nói và viết trong Hán ngữ của sinh viên năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Đồng Tháp.
57	Giải pháp nâng cao kỹ năng Nghe của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.15	SV. Đinh Thị Yến Linh Lớp ĐHTQ19C		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Các giải pháp nâng cao kỹ năng Nghe của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Đồng Tháp.
58	Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược để rèn luyện kỹ năng Viết cho sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ hai, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.16	SV. Nguyễn Trần Ngọc Ngân Lớp ĐHSANH19A		12 tháng (7/2021-6/2022)	7	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. - Sản phẩm ứng dụng: Hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược để rèn luyện kỹ năng viết cho sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ hai, Trường Đại học Đồng Tháp.
59	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp- SPD2021.02.17	SV. Hồ Ngọc Thơ Lớp ĐHGDMN18B		12 tháng (7/2021-6/2022)	15	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, chủ nhiệm đề tài là tác giả chính/tác giả liên hệ.

Biểu mẫu 18

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- Sản phẩm ứng dụng: Tài liệu phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp.

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt CLGD	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Đồng Tháp	Từ 20-24/5/2017	Đạt 82%	NQ số 20/NQ-HĐKĐCL ngày 24/7/2017	Đạt	QĐ số 128/QĐ-KĐCL ngày 08/9/2017	08/9/2022
2	Chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	Đạt 92%	NQ số 17/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 394/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024
3	Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	Đạt 92%	NQ số 18/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 395/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024
4	Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	Đạt 92%	NQ số 19/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 396/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024
5	Chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 88%	NQ số 63/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 250/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
6	Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 88%	NQ số 64/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 251/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
7	Chương trình đào tạo Giáo dục chính trị trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 88%	NQ số 65/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 252/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
8	Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 88%	NQ số 66/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 253/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
9	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 86%	NQ số 67/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 254/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027

Biểu mẫu 18

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt CLGD	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
10	Chương trình đào tạo Khoa học môi trường trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 90%	NQ số 68/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 255/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
11	Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/01/2022	Đạt 88%	NQ số 69/NQ-HĐKĐCL ngày 28/02/2022	Đạt	QĐ số 256/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022	30/3/2027
12	Trường Đại học Đồng Tháp	Từ 12-17/8/2022					
13	Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					
14	Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lý trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					
15	Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					
16	Chương trình đào tạo Sư phạm Vật lý trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					
17	Chương trình đào tạo Khoa học máy tính trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					
18	Chương trình đào tạo Việt Nam học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 22-26/9/2022					

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Văn Thống